MỤC LỤC

MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT TRONG THƯ RÔ-MA

LỜI CỦA TÁC GIẢ:

TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên toàn bộ sách.

Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

1. Bản Hy lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS^4). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.
2. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS^4 và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của Lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trăn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley
Trường Đại học East Texas Baptist University
Ngày 27 tháng 6 năm 1996

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LẼ THẬT KIỂM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một Hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kình chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kình chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm với tôi:

I. Các giả định

A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.

B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.

C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.

D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
   1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
   2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
   3. Bối cảnh ngữ văn của toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
   4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
   5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
   6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rốt lại cần phải tránh:

II. Các phương pháp không thích hợp

A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là "dò bản văn" (proof-texting).

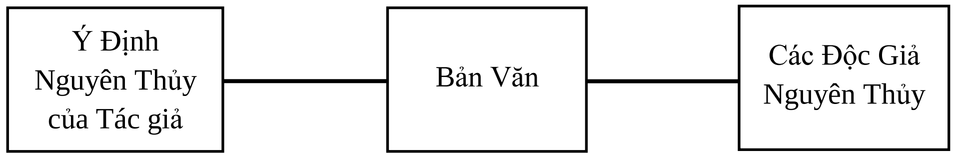
B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.

C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ đốc nhân ngày nay.

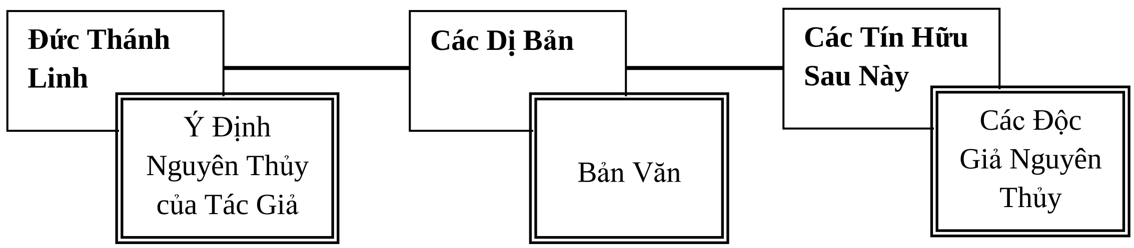
D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thính giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.

E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là "theo phản ứng của độc giả" (lối giải nghĩa "bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi").

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa "theo phản ứng độc giả" (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chặng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn nào, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi Nhà Xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: "Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn." Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khẩn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

(1) Bối cảnh lịch sử
(2) Bối cảnh văn chương
(3) Cấu trúc ngữ pháp
(4) Cách dùng từ ngày nay
(5) Các phân đoạn song song có liên quan
(6) Thể loại văn chương

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bất đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất
    1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
        a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
        b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
        c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
    2. Tìm mục đích trọng tâm của toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
    3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
    4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
        a. Các sách Cựu Ước
            (1) Văn tường thuật Hy bá lai
            (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
            (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
            (4) Các luật lệ
        b. Các sách Tân Ước
            (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
            (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
            (3) Thư tín
            (4) Khải thị
B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
    1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
    2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
    3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
    1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
    2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
        a. Tác giả
        b. Thời điểm
        c. Người nhận
        d. Lý do cụ thể viết sách này
        e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
        f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
    3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
    4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
    1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
        a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
        b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
        c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
    2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
        a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
        b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
        c. Các khái niệm tương phản
    3. Liệt kê những mục sau đây
        a. Các từ ngữ quan trọng

b. Các từ ngữ bất thường
c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
d. Các từ ngữ, vế câu, hay câu văn khó hiểu

4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
   a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
      (1) Các sách "thần học hệ thống"
      (2) Các Kinh thánh đối chiếu
      (3) Kinh thánh phù dẫn
   b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sứ điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.
   c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một Tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
   a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
   b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
   c. Các sách nhập môn Kinh thánh
   d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là "nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta."

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, "Đức Chúa Trời có phán như vầy," chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn.
Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là 'của chúng ta,' mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của James Sire, trang 17-18:
“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa Lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyển sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

B. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:
Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh *như là Lời Đức Chúa Trời* một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cẩu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc Lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc Lời Đức Chúa Trời.”

C. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:
“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh.Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Này

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.

B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
   1. Bản United Bible Society, bản Hy lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS[4])
   2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
   3. Bản New King James Version (NKJV)
   4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
   5. Bản Today's English Version (TEV)
   6. Bản the New Jerusalem Bible (NJB)

   Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là "câu chủ đề" hay "ý tưởng trọng tâm của bản văn." Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgích về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.
D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:
   1. Bối cảnh ngữ văn
   2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
   3. Các thông tin ngữ pháp
   4. Các nghiên cứu theo từ
   5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
   1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo Truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
   2. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
   3. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
   4. Bản Jerusalem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
F. Đối với những người không biết tiếng Hy lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
   1. Các dị bản
   2. Cách sử dụng từ
   3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
   4. Các bản văn không rõ ý
G. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

GIỚI THIỆU SÁCH RÔ-MA

LỜI MỞ ĐẦU

A. Sách Rô-ma là quyển sách giáo lý lô-gích và hệ thống nhất trong các sách của sứ đồ Phao-lô. Nó chịu ảnh hưởng bởi những hoàn cảnh tại Rô-ma, vì vậy, đây là một bản văn "do dịp tiện." Điều gì đó đã xảy ra khiến Phao lô muốn viết lá thư này. Tuy nhiên đây là bức thư trung dung nhất trong các thư tín của ông, trong đó cách Phao lô đối diện với vấn đề tại đây (có lẽ là sự ganh tị giữa các tín hữu Do thái và thành phần lãnh đạo người nước ngoài) là ông trình bày rõ ràng Phúc âm và những ứng dụng của nó trong cuộc sống hằng ngày.

B. Sự trình bày Phúc âm của sứ đồ Phao lô trong thư Rô-ma đã ảnh hưởng đến Hội thánh Chúa qua các thời kỳ khác nhau:
   1. Thánh Augustine cải đạo năm 386 khi đọc Rô-ma 13:13-14.
   2. Hiểu biết về sự cứu rỗi của Martin Luther đã hoàn toàn được thay đổi vào năm 1513 khi ông so sánh Thi-thiên 31:1 và Rô-ma 1:17 (đối chiếu Ha-ba-cúc 2:4).
   3. John Wesley cải đạo năm 1738 khi nghe bài giảng của Luther về phần giới thiệu thư Rô-ma.

C. Biết thư Rô-ma là biết Cơ đốc giáo! Lá thư này đã nhào nặn các lời dạy và cuộc đời Chúa Jêsus thành những lẽ thật căn bản nhất cho Hội thánh Chúa trải qua các thời đại.

TÁC GIẢ

Rõ ràng Phao-lô là tác giả của bức thư này. Lời chào thăm quen thuộc của ông được tìm thấy trong câu 1:1. Nhiều người cho rằng 'cái giằm trong thịt" của Phao-lô là bệnh mắt bị mờ, vì vậy ông không tự tay viết thư nhưng phải dùng đến thư ký là Tẹt-tiu (xem 16:22).

THỜI ĐIỂM

A. Thời điểm ước chừng khi viết thư Rô-ma là khoảng năm 56-58. Đây là một trong số rất ít sách trong Tân ước có thể định được thời điểm viết tương đối chính xác như vầy. Biết được điều này là do đối chiếu Công vụ 20:2 và những câu sau đó với Rô-ma 15:17 và những câu sau đó. Thư Rô-ma có lẽ đã được viết tại Cô-rinh-tô vào cuối hành trình truyền giáo lần thứ ba của Phao-lô, chỉ ngay trước khi ông đi Giê-ru-sa-lem.

B. Các trình tự thời gian của những lá thư Phao lô viết được trích từ công trình của F.F. Bruce và Murry Harris với một số thay đổi nhỏ.

	Sách	Thời điểm	Nơi viết	Liên hệ đến sách Công Vụ
1.	Ga-la-ti	Năm 48	An-ti-ốt thuộc Sy-ri	14:28; 15:2
2.	I Tê-sa-lô-ni-ca	Năm 50	Cô-rinh-tô	18 :5
3.	II Tê-sa-lô-ni-ca	Năm 50	Cô-rinh-tô	
4.	I Cô-rinh-tô	Năm 55	Ê-phê-sô	19 :20
5.	II Cô-rinh-tô	Năm 56	Ma-xê-đoan	20 :2
6.	Rô-ma	Năm 57	Cô-rinh-tô	20 :3
7-10.	Các Thư Tín Trong Tù			
	Cô-lô-se	Đầu những năm 60		
	Ê-phê-sô	Đầu những năm 60	Rô-ma	
	Phi-lê-môn	Đầu những năm 60		
	Phi-líp	Cuối những năm 62-63		28:30-31
11-13.	Hành Trình Truyền Giáo Thứ Tư			
	I Ti-mô-thê	Năm 63 (hay sau đó	Ma-xê-đoan	

	nhưng trước năm 68)	
Tít	Năm 63 (hay sau đó nhưng trước năm 68)	Ê-phê-sô (không rõ?)
II Ti-mô-thê	Năm 64 (hay sau đó nhưng trước năm 68)	Rô-ma

NGƯỜI NHẬN

Thư cho biết nơi đến là Rô-ma. Chúng ta không biết ai đã thành lập Hội thánh tại Rô-ma :

A. Có thể là do những người đến thăm Giê-ru-sa-lem trong ngày lễ Ngũ Tuần và được cải đạo trở về nhà thành lập Hội thánh (xem Công vụ 2 :10) ;
B. Có thể là những môn đồ chạy khỏi cuộc bắt bớ ở Giê-ru-sa-lem sau cái chết của Ê-tiên (xem Công vụ 8 :4) ;
C. Hay có thể là những người được cải đạo từ các chuyến truyền giáo của Phao-lô và họ đi đến Rô-ma. Phao-lô chưa bao giờ được đến thăm Hội thánh tại đây nhưng ông rất mong được đi (xem Công vụ 19 :21). Ông có nhiều người bạn ở đó (xem Rô-ma 16).
   Thật sự Phao lô đã có kế hoạch viếng thăm Rô-ma trên đường ông đến Tây-ban-nha (Rôma 15 :28) trong chuyến đi Giê-ru-sa-lem với các tặng phẩm. Ông có cảm giác công việc hầu việc Chúa của ông tại vùng phía Đông bờ Địa Trung Hải đã chấm dứt. Vì vậy ông đã đi tìm những vùng đất mới (16 :20-23). Người mang thư cho Phao-lô ở Hy-lạp đến Rô-ma có lẽ là Phê-bê, một nữ chấp sự, người có công việc đi về hướng đó (Rô-ma 16 :1). Tại sao lá thư này, một lá thư được viết ở tại các con hẻm nhỏ ở thành phố Cô-rinh-tô vào thế kỷ thứ nhất bởi một người may trại Do thái, lại có giá trị đến như vậy ? Martin Luther đã gọi nó là « quyển sách đứng đầu trong Tân ước và là một Phúc âm thuần túy nhất. » Giá trị của cuốn sách này được tìm thấy ở tại sự kiện rằng nó là một sự giải nghĩa Phúc âm rất sâu sắc bởi một thầy ra-bi Sau-lơ ở Tạt-sơ đã cải đạo, và được gọi làm sứ đồ cho dân ngoại. Hầu hết các lá thư của Phao lô đều có màu sắc của một địa điểm địa phương, nhưng thư Rô-ma thì không có như vậy. Nó là một sự trình bày có hệ thống đức tin cả một đời của một vị sứ đồ.
   Các anh em Cơ đốc thân mến, bạn có nhận thấy rằng hầu hết các thuật ngữ dùng ngày nay để mô tả « đức tin » (« sự xưng công bình » « sự quy tội, » « sự nhận làm con nuôi, » và « sự nên thánh ») đến từ thư Rô-ma hay không ? Hãy cầu xin Chúa mở ra cho bạn thấy bức thư tuyệt diệu này khi chúng ta cùng tìm kiếm ý chỉ của Chúa cho cuộc sống chúng ta ngày nay!

MỤC ĐÍCH

A. Một lời thỉnh cầu giúp đỡ cho chuyến truyền giáo đến Tây-ban-nha. Phao-lô nhận thấy công việc sứ đồ của ông ở tại vùng đông Địa Trung Hải đã chấm dứt (16 :20-23).
B. Để đề cập đến vấn đề trong Hội thánh tại Rô-ma giữa các tín hữu người Do thái và người ngoại quốc. Đây có lẽ là hệ quả của sự trục xuất tất cả những người Do thái ra khỏi Rô-ma và sau đó họ trở lại. Đến lúc đó, các lãnh đạo tin đạo người Do thái đã bị thay thế bởi các lãnh đạo tin đạo người ngoại quốc.
C. Để tự giới thiệu mình với Hội thánh tại Rô-ma. Phao lô gặp rất nhiều chống đối từ phía những người Do thái tin đạo thật lòng tại Giê-ru-sa-lem (Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công vụ 15), từ phía những người Do thái (những người theo đạo Do thái trong Ga-la-ti và II Cô-rinh-tô 3, 10-13), và từ các người ngoại quốc (Cô-lô-se, Ê-phê-sô), những người tìm cách hội nhập Phúc âm với các lý thuyết hoặc triết lý mà họ ưa thích.
D. Phao-lô bị cho là Nhà đổi mới nguy hiểm, đã thêm vào lời dạy của Chúa Jêsus một cách bừa bãi. Sách Rô-ma là cách ông tự bào chữa cho chính mình bằng cách chỉ ra rằng Phúc âm của ông là thật, sử dụng cả Cựu ước và những lời dạy của Chúa Jêsus (trong các sách Phúc âm).

DÀN Ý

A. Giới thiệu (1 :1-17)
   1. Chào thăm (1 :1-7)
      a. Tác giả (1-5)
      b. Nơi đến (6-7a)
      c. Chào mừng (7b)
   2. Dịp tiện (1:8-15)
   3. Chủ đề (1:16-17)

B. Nhu cầu cần có sự xưng công bình thiên thượng (1:18-3:20)
   1. Sự sa đọa của thế giới ngoại bang (1:18-32)
   2. Sự giả hình của người Do thái hay những nhà đạo đức ngoại bang (2:1-16)
   3. Sự phán xét cho người Do thái (2:17-3:8)
   4. Lời kết án chung cho tất cả (3:9-20)

C. Sự công bình thiên thượng (divine righteousness) là gì (3:21-8:39)
   1. Sự công bình bởi đức tin mà thôi (3:21-31)
   2. Nền tảng của sự công bình: Lời hứa Đức Chúa Trời (4:1-25)
      a. Tình trạng công bình của Áp-ra-ham (4:1-5)
      b. Đa-vít (4:6-8)
      c. Sự liên hệ của Áp-ra-ham và phép cắt bì (4:9-12)
      d. Lời hứa Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham (4:13-25)
   3. Đạt đến sự công bình (5:1-21)
      a. Yếu tố chủ quan: một tình yêu không đáng nhận được, một niềm vui không thể so sánh (5:1-5)
      b. Nền tảng khách quan: tình yêu tuyệt vời của Đức Chúa Trời (5:6-11)
      c. Hình bóng A-đam/Đấng Christ: sự phạm tội của A-đam, sự dự bị của Đức Chúa Trời (5:12-21)
   4. Sự công bình thiên thượng phải thể hiện ra trong sự công bình cá nhân (6:1-7:25)
      a. Được giải phóng khỏi tội lỗi (6:1-14)
         i. Một phản ứng đáng phải có (6:1-2)
         ii. Ý nghĩa của báp-têm (6:3-14)
      b. Nô lệ cho Sa-tan hay cho Đức Chúa Trời: sự lựa chọn của bạn (6:15-23)
      c. Con người gắn liền với Luật pháp (7:1-6)
      d. Luật pháp là tốt lành, nhưng tội lỗi ngăn trở điều lành (7:7-14)
      e. Cuộc chiến vẫn tiếp diễn giữa thiện và ác trong người tin Chúa (7:15-25)
   5. Các kết quả thấy được của sự công bình thiên thượng (8:1-39)
      a. Cuộc sống trong Thánh Linh (8:1-17)
      b. Sự cứu chuộc muôn vật (8:18-25)
      c. Sự giúp đỡ luôn luôn của Đức Thánh Linh (8:26-30)
      d. Sự chiến thắng trên luật pháp về sự xưng công bình bởi đức tin (8:31-39)

D. Mục đích thiên thượng cho toàn thể nhân loại (9:1-11:32)
   1. Sự chọn lựa dân Do Thái (9:1-33)
      a. Những người kế tự thật trong đức tin (9:1-13)
      b. Quyền tối cao của Đức Chúa Trời (9:14-26)
      c. Kế hoạch toàn cầu của Đức Chúa Trời bao gồm cả người ngoại (9:27-33)
   2. Sự cứu rỗi của người Do thái (10:1-21)
      a. Sự công bình của Đức Chúa Trời và sự công bình của loài người (10:1-13)

b. Sự thương xót của Đức Chúa Trời là điều cần thiết cho các sứ giả, sự kêu gọi đến việc truyền giáo khắp thế giới (10:14-18)
c. Sự vô tín tiếp tục của người Do thái nơi Đấng Christ (10:19-21)
3. Sự thất bại của dân Do thái (11:1-36)
a. Dân Do thái còn sót lại (11:1-10)
b. Sự ganh tị của người Do thái (11:11-24)
c. Sự mù lòa tạm thời của dân Do thái (11:25-32)
d. Phao-lô bộc phát lời ngợi khen (11:33-36)

E. Kết quả của món quà công bình thiên thượng (12:1-15:13)
1. Sự kêu gọi nên thánh (12:1-2)
2. Sử dụng các ân tứ (12:3-8)
3. Liên hệ giữa các tín hữu với nhau (12:9-21)
4. Liên hệ với chính quyền (13:1-7)
5. Liên hệ với hàng xóm (13:8-10)
6. Liên hệ với Chúa của chúng ta (13:11-14)
7. Liên hệ với các thành viên trong Hội thánh (14:1-12)
8. Ảnh hưởng của chúng ta trên người khác (12:13-23)
9. Những liên hệ giống với Đấng Christ (15:1-13)

F. Kết luận (15:14-33)
1. Những kế hoạch cá nhân của Phao-lô (15:14-29)
2. Những vấn đề cầu thay (15:30-33)

G. Tái bút (16:1-27)
1. Chào tạm biệt (16:1-24)
2. Chúc phước (16:25-27)

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang vi)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này trong một lần đọc. Viết ra chủ đề trọng tâm của toàn bộ sách bằng chữ của bạn.

1. Chủ đề của toàn bộ sách

2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi-vii)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu để diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất

2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân…

RÔ-MA ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Chào thăm	Lời chào thăm	Chào thăm	Chào thăm	Lời đạt
1:1-7	1:1-7	1:1-6	1:1 1:2-6	1:1-2
				1:3-7
		1:7a	1:7a	
		1:7b	1:7b	
Phao lô mong muốn đến thăm Hội thánh tại Rô-ma	Mong muốn đến thăm Hội thánh tại Rô-ma	Cảm tạ	Cầu nguyện cảm tạ	Cảm tạ và cầu nguyện
1:8-15	1:8-15	1:8-15	1:8-12 1:13-15	1:8-15
Quyền năng của Phúc âm	Người công bình sống bởi đức tin	Chủ đề của lá thư	Quyền năng của Phúc âm	Chủ đề được nêu lên
1:16-17	1:16-17	1:16-17	1:16-17	1:16-17
Tội lỗi của nhân loại	Cơn giận của Đức Chúa Trời đối với người không công bình	Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi	Tội lỗi của nhân loại	Cơn giận của Đức Chúa Trời trên dân ngoại
1:18-23 1:24-32	1:18-23	1:18-23 1:24-25 1:26-27	1:18-23 1:24-25 1:26-27	1:18-25
		1:28-32	1:28-32	1:28-32

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Câu 1 đến 7 tạo nên phần mở đầu cho lá thư. Đây là phần mở đầu dài nhất trong các thư của Phao lô. Ông muốn tự giới thiệu mình và hệ thống thần học của mình cho một Hội thánh chưa tận mặt gặp ông và có thể đã nghe nói những điều tiêu cực về ông.

B. Câu 8 đến 12 là lời cầu nguyện cảm tạ mở đầu. Đây là cách thông thường trong các lá thư của người Hy-lạp, và cũng là cách viết đặc trưng của Phao-lô.

C. Câu 16-17 cho biết chủ đề của sách.

D. Câu 18 đến đoạn 3:12 cấu thành đơn vị ngữ văn đầu tiên và cũng là điểm quan trọng trong Phúc âm của Phao-lô; toàn thể nhân loại đều hư mất và cần được cứu (đối chiếu Sáng thế ký)
   1. Dân ngoại vô luân
   2. Dân ngoại có đạo đức
   3. Người Do thái

E. Rô-ma 1:18 và những câu tiếp theo phản ánh Sáng thế ký đoạn 3. Nhân loại được dựng nên để tương giao với Đức Chúa Trời, trong hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế ký 1:26-27). Tuy nhiên, con người đã chọn sự mở mắt (enlightenment) và lời hứa về quyền lực và tính ưu việt (preeminence).Thật vậy, con người đã đổi Đức Chúa Trời và chọn chính mình (chủ nghĩa nhân bản vô thần)!
   Đức Chúa Trời đã cho phép, thậm chí có thể đã vạch ra tình trạng trầm trọng này. Được dựng nên theo ảnh tượng Đức Chúa Trời có nghĩa là có bổn phận, chịu trách nhiệm đạo đức, được tự do theo ý chí của mình, nhưng cũng có hậu quả theo sau. Đức Chúa Trời phân tách con người bằng sự lựa chọn của Ngài và của chính họ (một mối liên hệ theo giao ước)! Ngài cho phép họ lựa chọn bản thân cùng với những hậu quả theo sau nó. Đức Chúa Trời buồn rầu nhưng con người là những hữu thể đạo đức được tự do (free moral agents) có những quyền lợi và trách nhiệm theo sau. Cụm từ được lặp đi lặp lại "Chúa phó họ cho…" (xem 1:24, 26, 28) chỉ cho thấy sự tự do đó, chứ không phải nói đến sự chủ ý bỏ mặc của Đức Chúa Trời. Đây không phải là sự lựa chọn của Đức Chúa Trời. Đây không phải là thế giới mà Đức Chúa Trời đã dự định từ ban đầu (xem Sáng 3:22; 6:5-7, 11-13)!

F. Phần tóm tắt thần học của đoạn 1:18 đến đoạn 3:12 được tìm thấy trong các câu của đoạn 3:21-31. Đây là tiền đề đầu tiên của Phúc âm- mọi người đều phạm tội và cần đến sự tha thứ của Đức Chúa Trời.

G. Ở đơn vị ngữ văn đầu tiên trong phần trình bày Phúc âm của Phao lô, thật thú vị khi để ý thấy rằng con người sa ngã phải chịu trách nhiệm về sự nổi loạn và tội lỗi của họ chứ không đề cập gì đến Sa-tan hay ma quỷ (xem Rô-ma 1:18-3:20). Phần này phản ảnh thần học của Sáng thế ký đoạn 3, nhưng không có mặt kẻ cám dỗ. Đức Chúa Trời không cho con người sa ngã một lần nữa để đổ lỗi cho Sa-tan (xem Sáng thế ký 3:13) hay cho chính Chúa (Sáng thế ký 3:12). Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài (Sáng thế ký 1:26;5:1, 3; 9:6). Họ có quyền lợi, quyền lực và bổn phận lựa chọn. Họ phải chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình cả ở cấp độ tổng thể từ A-đam và ở cấp độ cá nhân từ những tội của cá nhân (xem 3:23).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

1:1-6 (Bản NASB)
1Phao-lô, tôi tớ Đức Chúa Jêsus Christ, được gọi làm sứ đồ, để riêng ra cho Tin Lành Đức Chúa Trời, 2 là Tin Lành xưa kia Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri Ngài mà hứa trong Kinh Thánh,3 về Con Ngài, theo xác thịt thì bởi dòng dõi vua Đa-vít sanh ra, 4 theo thần linh của thánh đức, thì bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép, tức là Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta, 5 nhờ Ngài chúng ta đã nhận lãnh ân điển và chức sứ đồ, để đem mọi dân ngoại đến sự vâng phục của đức tin, vì danh Ngài, 6 trong các dân ấy anh em cũng đã được gọi bởi Đức Chúa Jêsus Christ;

1:1 "Phao-lô" Hầu hết người Do thái thời Phao lô đều có hai tên (2 first names), một tên Do thái, và một tên La-mã (xem Công vụ 13:9). Tên Do thái của Phao lô là Sau-lơ. Cũng giống như vua thời xưa của Y-sơ-ra-ên, ông thuộc về chi phái Bên-gia-min (xem Rô-ma 11:1; Phi-líp 3:5). Tên La-mã của ông trong tiếng Hy-lạp, là Phao-lô (Paulos), nghĩa là "nhỏ." Điều này có thể ám chỉ

1. một là tạng người nhỏ của ông là điều được nói đến trong sách không thuộc kinh điển ở thế kỷ thứ hai, gọi là *Công vụ của Phao-lô*, trong chương nói về Tê-sa-lô-ni-ca gọi là "Phao lô và Thekla";
2. hoặc là cảm nhận riêng của Phao-lô cảm thấy là người hèn mọn nhất trong các thánh đồ bởi trước kia ông đã bắt bớ Hội thánh (xem I Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; I Ti-mô-thê 1:15);
3. hay chỉ là tên ba mẹ ông đặt khi ông sanh ra.

▣ **"tôi tớ"** bản NKJV, NRSV, TEV và JB dịch là 'tôi tớ." Khái niệm này (1) đối lại với Chúa Jêsus là Chủ; hay (2) một danh hiệu theo lối kính cẩn trong Cựu ước (xem trường hợp Môi-se trong Dân số ký 12:7 và Giô-suê 1:1; trường hợp Giô-suê trong Giô-suê 24:25; và trường hợp Đa-vít trong các Thi-thiên (các danh hiệu), và trong Ê-sai 42:1, 19; 52:13).

▣ **"được gọi làm sứ đồ"** Đây là lựa chọn của Đức Chúa Trời, không phải của Phao-lô (xem Công vụ 9:15; Ga-la-ti 1:15; Ê-phê-sô 3:7). Phao-lô khẳng định tiêu chuẩn và thẩm quyền thuộc linh của mình (như ông cũng đã làm trong I Cô-rinh-tô 1:1; II Cô-rinh-tô 1:1; Ga-la-ti 1:1; Cô-lô-se 1:1; I Tim 1:1; và Tít 1:1) trước một Hội thánh mà ông chưa hề gặp mặt. Xem Chủ đề đặc biệt: Được kêu gọi trong đoạn 1:6.

Từ "sứ đồ" trong vùng người Do thái xứ Pa-lét-tin thuộc thế kỷ thứ nhất có nghĩa là "người được sai đi để làm đại diện chính thức" (xem II Sử ký 17:7-9). Trong thời Tân ước, từ này được sử dụng ở hai nghĩa: (1) dành cho mười hai sứ đồ đặc biệt và Phao lô; và (2) liên quan đến các ân tứ thuộc linh vẫn tồn tại trong Hội thánh (xem I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11).

▣ **"để riêng ra"** Đây là thì HIỆN TẠI HOÀN THÀNH THỤ ĐỘNG hàm ý ông đã được Chúa biệt riêng ra trong quá khứ (xem Giê-rê-mi 1:5 và Ga-la-ti 1:15) và điều này vẫn tiếp diễn, ông vẫn ở trong tình trạng đó. Đây có thể là một cách chơi chữ từ ngữ "Pha-ri-si" trong tiếng A-ram. Họ được biệt riêng ra để lo cho hệ thống luật pháp Do thái (và Phao-lô cũng đã từng làm như vậy [Phi-líp 3:5] trước khi gặp Chúa Jêsus trên đường Đa-mách), nhưng giờ đây ông được biệt riêng ra để giảng Tin lành.
Điều này liên hệ đến chữ 'thánh' trong tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là "được biệt riêng cho Chúa sử dụng" (xem Xuất 19:6; I Phi-e-rơ 2:5). Các từ ngữ "thánh đồ," "làm nên thánh," và "biệt riêng" đều có gốc từ Hy lạp là "thánh" (*hagios*).

▣ **"cho Tin Lành Đức Chúa Trời"** Giới từ *eis* trong văn cảnh này (và câu 5) diễn tả mục đích sự kêu gọi của Phao-lô (câu 1b) và mục đích 'để riêng ra' (câu 1c).
Tin lành là một danh từ ghép từ chữ "lành, tốt lành" (*eu*) và "sứ điệp, tin tức" (*angellos*). Nó trở thành từ ngữ diễn tả các tín lý bày tỏ trong Giao ước mới (xem câu 2 và Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-32), là nói đến Đấng Mết-si-a mà Đức Chúa Trời đã hứa (xem câu 3-4).

Đây là Tin lành của Đức Chúa Trời, không phải của Phao-lô (xem 15:16; Mác 1:14; II Cô-rinh-tô 11:7; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2,8,9; I Phi-e-rơ 4:17). Phao-lô không phải là nhà đổi mới hay người hợp thức văn hóa, nhưng là người rao truyền lẽ thật mà ông đã nhận (xem I Cô-rinh-tô 1:18-25).

1:2 "là Tin Lành xưa kia Đức Chúa Trời đã dùng các đấng tiên tri Ngài mà hứa trong Kinh Thánh" Đây là thì BẤT ĐỊNH ĐÔI CHỈ ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE) (động từ trung gian deponent). Tin lành không phải là ý định nghĩ ra sau khi hành động xảy ra nhưng là hoạch định có mục đích từ trước, đời đời của Ngài (xem Sáng thế ký 3:15; Ê-sai 53; Thi-thiên 118; Mác 10:45; Luca 22:22; Công vụ 2:23; 3:18; 4:28; Tít 1:2). Các bài giảng của Hội thánh đầu tiên trong Công vụ (*kerygma*) bày tỏ Chúa Jêsus chính là sự ứng nghiệm của các lời hứa và lời tiên tri trong Cựu ước.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (*KERYGMA)* CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu ước giờ đây được ứng nghiệm khi Chúa Jêsus, Đấng Mết-si-a đến (Công vụ 2:30; 3:19,24; 10:43; 26:6-7, 22; Rô-ma 1:2-4; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; I Phi-e-rơ 1:10-12; II Phi-e-rơ 1:18-19).
2. Chúa Jêsus được Đức Chúa Trời xức dầu làm Đấng Mết-si-a trong báp têm của Ngài (Công vụ 10:38).
3. Chúa Jêsus bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê sau khi chịu báp têm (Công vụ 10:37).
4. Chức vụ của Ngài được thể hiện qua các việc lành và làm phép lạ bởi quyền năng Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).
5. Đấng Mết-si-a bị đóng đinh theo chương trình của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giăng 3:16; Công vụ 2:23; 3:13-15, 18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô-ma 8:34; I Cô-rinh-tô 1:17-18; 15:3; Ga-la-ti 1:4; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 1:2, 19; 3:19; I Giăng 4:10).
6. Ngài sống lại từ trong kẻ chết và hiện ra cho các môn đồ (Công vụ 2:24, 31-32; 3:15,26; 10:40-41; 17:31; 26:23; Rô-ma 8:34; 10:9; I Cô-rinh-tô 15:4-7, 12 và các câu sau; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; I Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:2; 3:18,21).
7. Ngài được Đức Chúa Trời tôn cao và được gọi là "Chúa" (Công vụ 2:25-29, 33-36; 3:13; 10:36; Rôma 8:34; 10:9; I Tim 3:16; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 3:22).
8. Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để thành lập một cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1:8; 2:14-18, 38-39; 10:44-47; I Phi-e-rơ 1:12)
9. Ngài sẽ trở lại để đoán xét và phục hồi mọi điều (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; I Cô-rinh-tô 15:20-28; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
10. Tất cả những ai nghe sứ điệp này nên ăn năn và chịu báp têm (Công vụ 2:21, 38; 3:19; 10:43, 47-48; 17:30; 26:20; Rôma 1:17; 10:9; I Phi-e-rơ 3:21).

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của Hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm theo Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống lại các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và góp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

1:3 “về Con Ngài” Trọng tâm của sứ điệp Phúc âm là một Con người, là Jêsus ở Na-xa-rét, con của nữ đồng trinh Ma-ri. Trong Cựu ước, một nước, một vị vua, và Đấng Mết-si-a được gọi là ‘con’ (xem II Sa-mu-ên 7:14; Ô-sê 11:1; Thi-thiên 2:7; Ma-thi-ơ 2:15).

Trong thời Cựu ước, Đức Chúa Trời phán qua các tôi tớ và tiên tri của Ngài. Chúa Jêsus không phải là đầy tớ của Đức Chúa Trời. Ngài là một thành viên trong gia đình (xem Hê-bơ-rơ 1:1-2; 3:6; 5:8; 7:28). Rất ngạc nhiên đây là chỗ duy nhất trong sách này Phao-lô tập trung vào chủ đề Đấng Christ học (Christology). Thư Rô-ma không phải là một hệ thống thần học đầy đủ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐỨC CHÚA TRỜI

Đây là một trong những danh hiệu chính của Chúa Jêsus trong Tân ước. Nó chắc chắn mang ý nghĩa thiêng liêng. Nó bao hàm ý nghĩa Chúa Jêsus là “Con” hay “Con Ta” và Đức Chúa Trời là Cha. Từ này xuất hiện 124 lần trong Tân ước. Ngay cả danh hiệu tự xưng của Chúa Jêsus “Con Người” cũng có ý nghĩa linh thiêng rút ra từ Đa-ni-ên 7:13-14.

Trong Cựu ước, từ “con trai” có thể chỉ ba nhóm khác nhau:

1. Thiên sứ (thường dùng SỐ NHIỀU, xem Sáng 6:2; Gióp 1:6; 2:1)
2. Vua của Y-sơ-ra-ên (xem II Sam 7:14; Thi 2:7; 89:26-27)
3. Cả quốc gia Do Thái (xem Xuất 4:22-23; Phục truyền 14:1; Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 2:10)
4. Các quan xét của Y-sơ-ra-ên (Thi 82:6)

Ý nghĩa thứ hai trong nhóm này liên hệ đến Chúa Jêsus. Như vậy “con Đa-vít” và “con Đức Chúa Trời đều liên hệ đến II Sam. 7; Thi 2 và 89. Trong Cựu ước từ ngữ “con Đức Chúa Trời” không bao giờ được chỉ cụ thể đến Đấng Mết-si-a, trừ trường hợp vị vua trong thời cuối cùng (eschatological king) chức vụ được xức dầu của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, trong Cuộn Biển Chết danh hiệu chỉ đến Đấng Mết-si-a là rất thông thường (xem cuốn *Dictionary of Jesus and the Gospels*, trang 770). Từ “Con Đức Chúa Trời” cũng là một danh hiệu của Đấng Mết-si-a trong các tập sách ngụy kinh của người Do thái (xem II Esdras 7:28; 13:32,37,52; 14:9 và I Hê-nóc 105:2).

Nền tảng Tân ước của danh hiệu này khi chỉ đến Chúa Jêsus được tóm tắt lại theo các mục sau:

1. Sự hiện hữu từ trước của Ngài (Giăng 1:1-18)
2. Sự sanh ra đặc biệt bởi nữ đồng trinh (Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31-35)
3. Báp-têm (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11; Lu-ca 3:22. Tiếng phán của Đức Chúa Trời từ trời đã kết hợp danh hiệu vua trong Thi thiên 2 với danh hiệu đầy tớ chịu khổ nạn trong Ê-sai 53).
4. Chịu ma quỷ cám dỗ (Ma-thi-ơ 4:1-11; Mác 1:12,13; Lu-ca 4:1-13. Ngài bị cám dỗ để sanh nghi ngờ về địa vị làm con của Ngài hay ít ra hoàn thành mục đích bằng một con đường khác hơn là thập tự giá).

5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi những kẻ tuyên xưng không được chấp nhận
   a. Ma quỷ (Mác 1 :23-25 ; Lu-ca 4 :31-37 ; Mác 3 :11-12)
   b. Những kẻ không tin Chúa (Ma-thi-ơ 27 :43 ; Mác 14 :61 ; Giăng 19 :7)
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi các môn đồ
   a. Ma-thi-ơ 14 :33 ; 16 :16
   b. Giăng 1 :34, 49 ; 6 :69 ; 11 :27
6. Sự tự xác nhận của Ngài :
   a. Ma-thi-ơ 11 :25-27
   b. Giăng 10 :36
7. Cách dùng hình ảnh quen thuộc của Chúa Jêsus chỉ Đức Chúa Trời là Cha
   a. Chúa dùng chữ ‘abba’ để chỉ Đức Chúa Trời

1) Mác 14 :36
2) Rô-ma 8 :15
3) Ga-la-ti 4 :6

b. Chúa thường dùng chữ Cha (*pater*) để diễn tả mối liên hệ với Đấng thần linh

Tóm lại, danh hiệu "Con Đức Chúa Trời" có ý nghĩa thần học lớn lao đối với những người am tường Cựu ước, các lời hứa và các cách chỉ định, nhưng những người viết Tân ước có phần lúng túng về cách dùng của nó đối với người ngoại bởi vì theo cách hiểu thông thường của họ 'các thần' lấy phụ nữ rồi sanh con cháu là những 'người tài giỏi' hay 'người khổng lồ.'

▣ **"sanh bởi dòng dõi vua Đa-vít"** Ở đây liên hệ đến lời tiên tri trong II Sam. 7. Đấng Mết-si-a thuộc dòng hoàng tộc Đa-vít (Ê-sai 9:7; 11:1,10; Giê-rê-mi 23:5; 30:9; 33:15) từ chi phái Giu-đa (Sáng 49:4-12; Ê-sai 65:9). Trong Phúc âm Ma-thi-ơ Chúa Jêsus được xưng bằng danh hiệu này một vài lần (9:27; 12:23; 15:22; 20:30) chứng tỏ hy vọng của người Do thái về một đấng cứu thế sẽ đến.
Rất ngạc nhiên vì Phao-lô đã không nhấn mạnh đến khía cạnh này của Chúa Jêsus. Ông chỉ đề cập đến nó ở đây và trong II Tim 2:8; cả hai đoạn này có lẽ đã được lấy từ tín điều của Hội thánh đầu tiên.

▣ **NASB, NKJV, NRSV "theo xác thịt"**
TEV "về phương diện nhân tính của Ngài"
JB "về bản chất loài người"

Đây là sự ứng nghiệm lời tiên tri và là sự xác quyết về nhân tính của Chúa Jêsus vốn thường bị thế giới hỗn tạp tôn giáo của thế kỷ thứ nhất bác bỏ (I Giăng 1:1-4; 4:1-3). Câu này rõ ràng cho thấy Phao-lô không thường dùng chữ "xác thịt" (*sarx*) trong ý nghĩa tiêu cực (2:28; 9:3). Tuy nhiên, Phao-lô dùng chữ "xác thịt" để chỉ sự đối lập với "thần linh" (6:19; 7:5, 18, 25; 8:3-9, 12,13; I Cô-rinh-tô 5:5; II Cô-rinh-tô 1:17; 11:18; Ga-la-ti 3:3; 5:13,16,17-19, 24; 6:8; Ê-phê-sô 2:3; Cô-lô-se 2:11,13,18,23).

Cấu trúc ngữ pháp *kata* (căn cứ theo) cộng với một ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE) làm cho song song với câu 4. Chúa Jêsus là con người (theo xác thịt) và là thần (theo Thánh Linh). Tín điều nhập thể rất quan trọng (I Giăng 4:1-3). Nó cũng hàm ý danh hiệu tự xưng của Chúa Jêsus là "Con Người" (Thi 8:4; Ê-xê-chi-ên 2:1 [con người] và Đa-ni-ên 7:13 [thần]).

1:4 "được tỏ ra" Đây là động từ ở thể THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE). Rõ ràng Đức Chúa Trời lập Chúa Jêsus là "Con Đức Chúa Trời." Điều này không có nghĩa Bết-lê-hem là nơi bắt đầu của Chúa Jêsus hay Ngài thấp hơn Đức Chúa Cha. Xin xem Chủ đề Đặc biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời ở đoạn 8:11.

▣ **"Con Đức Chúa Trời"** Các tác giả Tân ước ít khi nói đến Chúa Jêsus với danh hiệu "Con Đức Chúa Trời" (xem Ma-thi-ơ 4:3) bởi vì những hàm ý sai lầm xuất phát từ các huyền thoại Hy-lạp (điều này cũng áp dụng cho vấn đề sanh ra bởi nữ đồng trinh). Khái niệm này thường được bổ sung bằng những chữ như "độc nhất, chỉ có một" (*monogenes*) (Giăng 1:18; 3:16,18; I Giăng 4:9). Vì vậy ý nghĩa của nó là "Jêsus, Con thật duy nhất của Đức Chúa Trời."
Tân ước có hai cực về thần học liên quan đến Đức Chúa Trời là Cha và Chúa Jêsus là Con:
(1) cả hai đều ngang bằng nhau (Giăng 1:1; 5:18; 10:30; 14:9; 20:28; II Cô-rinh-tô 4:4; Phi-líp 2:6; Cô-lô-se 1:15; Hê-bơ-rơ 1:3);
(2) cả hai có những cá tính riêng biệt (Mác 10:18; 14:36; 15:34).

▣ **"bởi sự sống lại"** Đức Chúa Cha xác nhận cuộc sống và sứ điệp của Chúa Jêsus bằng cách đem Ngài từ cõi chết sống lại (4:24; 6:4, 9; 8:11). Thần tính (Giăng 1:1-14; Cô-lô-se 1:15-19; Phi-líp 2:6-11) và sự sống lại của Chúa Jêsus là hai cột trụ song sinh của Cơ đốc giáo. Câu này thường được sử dụng để ủng hộ cho tà giáo gọi là "chủ nghĩa nhận làm con nuôi" là học thuyết cho rằng Chúa Jêsus được tưởng thưởng và nâng lên bởi Đức Chúa Trời bởi vì cuộc sống vâng lời kiểu mẫu của Ngài. Những người theo tà giáo này cho rằng về bản chất không phải Ngài luôn luôn là thần, nhưng chỉ trở nên là thần khi Đức Chúa Trời khiến Ngài từ kẻ chết sống lại. Mặc dù rõ ràng điều này là sai lầm, với những bằng chứng hiển nhiên từ

các đoạn Kinh thánh như Giăng 1 và 17, nhưng có điều gì đó rất tuyệt vời được ban cho Chúa Jêsus khi Ngài sống lại. Thật khó mà diễn tả cách một vị thần được ban thưởng, nhưng đó là đã xảy ra tại đây. Dù Chúa Jêsus cũng có sự vinh hiển đời đời như Đức Chúa Cha, nhưng địa vị của Ngài dường như được tô đậm thêm bởi sự hoàn tất sứ mạng cứu rỗi đã được giao cho Ngài. Sự sống lại là bằng chứng Đức Chúa Trời xác nhận về cuộc đời, gương mẫu, sự dạy dỗ và sự chết hy sinh của Jêsus ở Na-xa-rét; Con Đức Chúa Trời, Thần đời đời, hoàn toàn là Người, Đấng Cứu thế toàn hảo, Đấng được ban thưởng, Đấng có một không hai! Xin xem Phụ lục ba- Học thuyết nhận làm con nuôi.

▣ **NASB, NKJV "theo sự thánh khiết của Thần linh"**
NKJV "theo sự thánh khiết thần linh"
TEV "theo sự thánh khiết thiêng liêng của Ngài"
JB "theo thần linh, thần linh của sự thánh khiết"

Một số bản dịch viết hoa chữ "T" trong chữ 'Thần linh,' hàm ý Đức Thánh Linh, trong khi chữ 't' viết thường chỉ bản tính thần linh của Chúa Jêsus. Vì Đức Chúa Cha là thần, Chúa Jêsus cũng là thần. Vì chữ Hê-bơ-rơ và chữ Hy-lạp cổ không có viết hoa, không chấm phẩy, cũng không có chia đoạn, hay chia câu, cho nên những điểm này đều tùy thuộc vào truyền thống hoặc cách giải thích của những người dịch.

Có ba quan điểm giải thích câu 3 và 4: (1) chỉ về hai bản chất 'người và thần' của Chúa Jêsus; (2) chỉ về hai giai đoạn trong cuộc đời trên đất của Chúa Jêsus: Con Người và Đấng sống lại; hay là (3) để diễn tả song song với cụm từ "Jêsus Christ Chúa của chúng ta."

▣ **"Jêsus"** Chữ *Jêsus* trong tiếng A-ram cũng giống như chữ *Giô-suê* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó là danh từ ghép của hai chữ Hê-bơ-rơ "YHWH" và "cứu rỗi." Nó có thể có nghĩa là "YHWH cứu," "YHWH giải cứu" hay "YHWH là sự cứu rỗi." Trọng điểm của ý nghĩa này có thể được tìm thấy trong sách Ma-thi-ơ 1:21, 25.

▣ **"Christ"** Đây là chữ Hy lạp dịch từ tiếng Hê-bơ-rơ chữ *messiah* có nghĩa là "đấng chịu xức dầu." Trong Cựu ước, một số nhóm người ở vai trò lãnh đạo (như tiên tri, thầy tế lễ, vua) được xức dầu để làm dấu cho sự chọn lựa và trang bị của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus hoàn thành cả ba chức vụ chịu xức dầu này (Hê-bơ-rơ 1:2-3).
Cựu ước đã dự đoán rằng Đức Chúa Trời sẽ sai một "đấng chịu xức dầu" đặc biệt đến mở ra một thời đại công bình mới. Chúa Jêsus là 'đầy tớ,' 'con,' và là "Mết-si-a" đặc biệt của Ngài.

▣ **« Chúa »** Trong Do thái giáo, tên giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH, trở nên rất thánh đến nỗi các thầy thông giáo thay thế bằng danh hiệu « Chúa » (*Adon*) khi đọc Kinh thánh bởi vì họ sợ lấy danh Chúa làm chơi (Xuất 20 :7 ; Phục truyền 5 :11), dẫn đến việc phạm các điều răn trong Mười Điều Răn. Khi các tác giả Tân ước gọi Jêsus là « Chúa » (« Kurios ») trong bối cảnh thần học, họ muốn xác nhận thần tính của Ngài (xem Công vụ 2 :36 ; Rô-ma 10 :9-13 ; Phi-líp 2 :6-11).

▣ **1:5 « chúng ta »** Phao-lô không đề cập đến một ai khác trong phần giới thiệu này như ông thường làm trong các lá thư khác. Cụm từ đầu tiên nói đến sự cải đạo của Phao lô trên đường Đa-mách và sự chọn lựa ông (xem Công vụ 9) nhằm cho thấy rõ hơn về cách hiệu đính chữ « chúng ta. »

▣ **« chúng ta đã nhận lãnh ân điển và chức sứ đồ »** Phao lô không những xác nhận món quà cứu rỗi từ Đấng Christ, mà còn sự liên hệ với nó, đó là sự kêu gọi trở thành sứ đồ cho dân ngoại. Tất cả những điều này đã xảy ra trong chớp mắt trên đường Đa-mách (Công vụ 9). Điều đó không phải do công trạng đáng được hưởng, nhưng chỉ do ân điển có mục đích mà thôi!

▣ **« để đem đến »** Đây là lần thứ hai chữ *eis* được sử dụng trong văn cảnh đề cập đến mục đích. (câu 1). Phúc âm sẽ phục hồi lại ảnh tượng của Chúa trong con người qua đức tin nơi Chúa Jêsus. Điều này làm cho mục đích ban đầu của Đức Chúa Trời được bày tỏ ra, đó là sự giao thông mật thiết với những con người phản chiếu bản tính của Ngài (câu 7).

▣ **NASB, JB « sự vâng phục của đức tin »**
NKJV « cho sự vâng phục đến đức tin »
NRSV « để đem lại sự vâng phục của đức tin »
TEV « để tin và vâng phục »

Đây là lần đầu tiên thuật ngữ quan trọng 'đức tin' được sử dụng trong thơ Rô-ma. Nó được sử dụng trong 3 cách khác nhau trong chương này và toàn bộ sách Rô-ma **:**

1. Câu 5 : Câu này thuộc về một số các lẽ thật hoặc tín lý liên quan đến Chúa Jêsus và đời sống Cơ đốc nhân (xem Công vụ 6 :7 ; 13 :8 ; 14 :22 ; 16 :5 ; Rô-ma 14 :1 ; 16 :26 ; Ga-la-ti 1 :23 ; 6 :10 ; Giu-đe 3, 20).
2. Câu 8 : Câu này được sử dụng trong ý nghĩa đặt lòng tin cậy cá nhân nơi Chúa Jêsus. Những chữ « tin, » « đức tin, » và « tin cậy » đều được dịch từ chữ Hy lạp *pistis/pisteuo*. Phúc âm vừa thuộc nhận thức (tín lý), vừa liên hệ đến cá nhân (xem câu 16 ; Giăng 1 :12 ; 3 :16).
3. Câu 17 : Câu này được sử dụng trong ý nghĩa của Cựu ước về sự đáng tin cậy, lòng trung thành, và tính có thể nhờ cậy được. Đây là ý nghĩa của Ha-ba-cúc 2 :4. Trong Cựu ước chưa có một tín lý hoàn chỉnh về đức tin, nhưng có rất nhiều minh họa về đời sống đức tin (xem Áp-ra-ham trong Sáng thế ký 15 :6) ; không phải là một đức tin toàn hảo nhưng là một đức tin đầy chật vật (xem Hê-bơ-rơ 11). Sự hy vọng của con người không phải nằm ở năng lực phô bày hay tin tưởng một cách đúng đắn ; nhưng ở nơi bản chất của Đức Chúa Trời. Chỉ có Chúa là Đấng thành tín !

   Một số các hành động sau đây được gọi là sự kiện cứu rỗi : (1) sự ăn năn (Mác 1 :15 ; Lu-ca 13 :3,5 ; Công vụ 3 :16,19 ; 20 :21) ; (2) đức tin (Giăng 1 :12 ; 3 :16 ; Công vụ 16 :31) ; (3) sự vâng phục (2 Cô-rinh-tô 9 :13 ; 10 :5 ; 1 Phi-e-rơ 1 :2,22) và (4) sự bền lòng (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1 :8 ; 2 Cô-rinh-tô 4 :1,16 ; Ga-la-ti 6 :9 ; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3 :13). Đây là những điều kiện trong Giao ước mới. Chúng ta phải nhận lấy và tiếp tục nhận lấy sự ban cho của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus Christ (xem câu 16 ; Giăng 1 :12).

▣ **NASB « cho danh Ngài »**
NKJV « cho danh Ngài »
NRSV « cho danh Ngài »
TEV « vì Đấng Christ »
NJB « vì danh dự của danh Ngài »

Xin xem phần Các Chủ Đề Đặc Biệt ở mục 10:9

▣ **NASB, NRSV « trong tất cả dân ngoại »**
NKJV « trong tất cả các nước »
TEV « dân tộc trong tất cả các nước »
JB "cho tất cả các nước của dân ngoại"

Đây là Phúc âm toàn cầu. Lời hứa về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời trong Sáng thế ký 3:15 là bao gồm tất cả nhân loại. Sự chết thế của Chúa Jêsus là cho tất cả các con cái sa ngã của A-đam (Giăng 3:16; 4:42; Ê-phê-sô 2:11-3:13; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9). Sứ đồ Phao lô nhận biết sự kêu gọi đặc biệt của ông là giảng Tin lành của Chúa cho dân ngoại (Công vụ 9:15; 22:21; 26:17; Rô-ma 11:13; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:29; Ê-phê-sô 3:2,8; 1 Ti-mô-thê 2:7; 2 Ti-mô-thê 4:17).

1:6 "anh em cũng…" Phao-lô là một ví dụ rất đặc biệt (từ một người bắt bớ Hội thánh) về ân điển Đức Chúa Trời, nhưng các độc giả của ông cũng là những trường hợp nhận ân điển của Chúa trong sự không xứng đáng, không đáng được nhận.

▣ **NASB, NKJV "những người được gọi của Chúa Jêsus Christ"**
NRSV "những người được gọi để thuộc về Chúa Jêsus Christ"
TEV "những người Đức Chúa Trời đã kêu gọi để thuộc về Chúa Jêsus Christ"
JB "bởi sự kêu gọi của Ngài để thuộc về Chúa Jêsus Christ"

Đây có thể là (1) cách chơi chữ với từ ngữ "Hội thánh," có nghĩa là "những người được gọi ra khỏi" hay là "những người được tập họp lại"; (2) câu chỉ về sự lựa chọn thiêng liêng (xem Rôma 8:29-30; 9:1 và những câu sau đó; Ê-phê-sô 1:4, 11; 3:21; 4:1,4); hay là (3) sự diễn giải cụm từ "những người đã nghe sự kêu gọi và thuộc về Chúa Jêsus Christ" từ bản Kinh thánh tiếng Anh được hiệu đính (Revised English Bible). Nó cũng cho thấy cách hiểu tương tự khi dịch cụm từ này từ những bản như NRSV, TEV, và JB.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐƯỢC KÊU GỌI

Đức Chúa Trời luôn chủ động kêu gọi, lựa chọn và nài mời những người tin đến với Ngài (xem Giăng 6:44, 65; 15:16; I Cô-rinh-tô 1:12; Ê-phê-sô 1:4-5, 11). Từ ngữ "kêu gọi" được sử dụng trong một số ý nghĩa thần học sau:

A. Tội nhân được kêu gọi đến sự cứu rỗi bởi ân điển của Đức Chúa Trời qua công tác đã được hoàn tất của Chúa Jêsus và sự cáo trách của Đức Thánh Linh (chữ *kleos*, xem Rôma 1:6-7; 9:24, vốn cũng có ý nghĩa thần học giống với I Cô-rinh-tô 1:1-2 và II Ti-mô-thê 1:9; II Phi-e-rơ 1:10).

B. Tội nhân kêu cầu đến danh của Đức Chúa Trời để được cứu (chữ *epikaleo*, xem Công vụ 2:21;22:16; Rôma 10:9-13). Từ ngữ này là thành ngữ trong lối thờ phượng Do Thái.

C. Những tín nhân được kêu gọi để sống giống Đấng Christ (chữ *klesis*, xem I Cô-rinh-tô 1:26; 7:20; Ê-phê-sô 4:1; Phi-líp 3:14; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11; II Ti-mô-thê 1:9)

D. Những tín nhân được kêu gọi vào các công tác phục vụ Chúa (xem Công vụ 13:2; I Cô-rinh-tô 12:4-7; Ê-phê-sô 4:1).

1:7 (BẢN NASB)
gởi cho hết thảy những người yêu dấu của Đức Chúa Trời tại Rôma, được gọi là các thánh đồ: Nguyền xin ân điển và sự bình an từ Đức Chúa Trời là Cha chúng ta và Chúa Jêsus Christ ở với anh em

1:7 "những người yêu dấu của Đức Chúa Trời" cụm từ này thường được dùng cho Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 3:17; 17:5). Nhưng giờ đây được sử dụng cho Hội thánh tại Rôma! Điều này cho thấy chiều sâu của tình yêu thương Đức Chúa Trời đối với những người tin nơi Con Ngài. Chúng ta cũng thấy sự chuyển lưu này ở Ê-phê-sô 1:20 (hành động của Đức Chúa Trời thay cho Chúa Jêsus) và trong 2:5-6 (hành động của Chúa Jêsus thay cho những tín nhân).

▣ **"tại Rôma"** Phao-lô không phải là người thành lập Hội thánh này. Không ai biết người sáng lập. Thư Rô-ma là một lá thư Phao lô tự giới thiệu mình với Hội thánh đã được thành lập. Sách Rô-ma trình bày Phúc âm Phao lô giảng ở mức độ chín mùi nhất. Nó hầu như không bị ảnh hưởng bởi một tình huống địa phương nào, mặc dù rõ ràng có những căng thẳng diễn ra giữa người ngoại và người Do thái qua lời lẽ Phao lô trình bày trong thư.

▣ **NASB "được gọi là các thánh đồ"**
NKJV, NRSV, JB "được gọi để trở thành các thánh đồ"
TEV "được gọi để trở thành một dân riêng của Ngài"

Từ ngữ "các thánh đồ" chỉ vị trí của các tín nhân trong Đấng Christ chứ không phải nói đến tình trạng không có tội lỗi. Nó cũng diễn tả tiến trình trở nên giống với Đấng Christ. Từ ngữ này luôn luôn ở SỐ NHIỀU, ngoại trừ trong Phi-líp 4:21. Tuy nhiên, ngay cả trong câu này, bối cảnh của nó chỉ đến tính đoàn thể. Trở nên một tín đồ Đấng Christ là trở nên một phần trong một cộng đồng, một gia đình, một thân thể.

Câu 1 cho biết Phao lô được gọi là sứ đồ. Các tín nhân là "những người được kêu gọi của Chúa Jêsus Christ" trong câu 6. Họ cũng được gọi là "các thánh đồ" trong câu 7. Sự "kêu gọi" này là cách Tân ước dùng để khẳng định lẽ thật Đức Chúa Trời ưu tiên khởi xướng tiến trình này. Không có một con người hư mất nào đã tự kêu gọi chính mình (Rô-ma 3:9-13; Ê-sai 53:6; I Phi-e-rơ 2:25). Đức Chúa Trời luôn luôn là Đấng chủ động khởi xướng (Giăng 6:44, 65; 15:16). Ngài luôn đem giao ước của Ngài đến với chúng ta. Điều này áp dụng cho sự cứu chuộc của chúng ta (sự công bình được ban cho hay vị trí pháp lý của chúng ta), cũng áp dụng cho các ân tứ để phục vụ Chúa có kết quả (I Cô-rinh-tô 12:7,11), và cũng cần thiết cho cuộc sống Cơ đốc của mỗi chúng ta.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÁNH ĐỒ

Đây là danh từ Hy lạp tương đương từ tiếng Hy-bá-lai *kadash*, có nghĩa căn bản là đặt ai, vật gì, hay nơi nào riêng biệt ra cho Đức Giê-hô-va sử dụng mà thôi. Nó chuyển tải khái niệm "vật/người thánh" từ tiếng Anh. Chính Đức Giê-hô-va là Đấng biệt ra khỏi con người bởi bản chất của Ngài (Thần đời đời không được ai khác tạo dựng nên) và bản tính của Ngài (thiện mỹ hoàn toàn). Ngài là tiêu chuẩn để dựa vào đó mọi điều khác được đo lường hay phân xử. Ngài là Đấng siêu việt, Đấng Thánh Có Một, Đấng Thánh Độc Nhất.

Đức Chúa Trời tạo dựng con người để tương giao với Ngài, nhưng sự sa ngã (Sáng thế ký 3) đã dựng lên rào cản về mối liên hệ và về phương diện đạo đức giữa một Đức Chúa Trời Thánh khiết và con người tội lỗi, Ngài đã quyết định phục hồi lại tạo vật có lương tâm của Ngài; vì vậy, Ngài gọi dân của Ngài là dân "thánh" (Lê-vi-ký 11:44; 19:2; 20:7, 26; 21:8). Bởi mối liên hệ bằng đức tin với Đức Giê-hô-va ,dân Ngài chẳng những được trở thành dân thánh bởi vị trí của họ trong Ngài qua giao ước, nhưng cũng được gọi để sống đời sống thánh khiết (Ma-thi-ơ 5:48).

Lối sống thánh khiết này có thể có được bởi vì các tín nhân đã được chấp nhận hoàn toàn và được tha thứ mọi tội lỗi qua cuộc đời và công tác của Chúa Jêsus cũng như sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong tâm trí của họ. Điều này tạo nên một tình huống nghịch lý:

1. Trở nên thánh bởi sự thánh khiết của Đấng Christ ban cho
2. Được kêu gọi sống thánh khiết bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh

Các tín nhân là 'những thánh đồ' (*hagioi*) là bởi vì có sự hiện diện (1) của ý chỉ Đấng Thánh (Đức Chúa Cha) trong đời sống chúng ta; (2) công tác của Đấng Thánh (Đức Chúa Con); và (3) sự hiện diện của Đức Thánh Linh.

Tân ước luôn dùng chữ các thánh ở SỐ NHIỀU (ngoại trừ Phi-líp 4:12, nhưng bối cảnh này cũng làm cho nó trở thành SỐ NHIỀU). Được cứu cũng có nghĩa là được trở thành một thành viên của một gia đình, một thân thể, một ngôi nhà! Đức tin theo Kinh thánh bắt đầu với một sự tiếp nhận cách cá nhân nhưng tuôn ra thành một mối liên hệ tập thể. Mỗi người chúng ta có những ân tứ khác nhau (I Cô-rinh-tô 12:11) góp phần cho sức khỏe, sự lớn mạnh, và tình trạng chung của thân thể Đấng Christ- tức Hội thánh (I Cô-rinh-tô 12:7). Chúng ta được Chúa cứu để phục vụ! Sự thánh khiết là một đặc tính của gia đình này!

▣ **"Ân điển và sự bình an từ Đức Chúa Trời đến với anh em"** Mở đầu bằng lời chúc là cách của sứ đồ Phao lô. Đây là cách chơi chữ từ tiếng Hy lạp truyền thống "chào mừng" (*charein*) và từ ngữ đặc biệt Cơ đốc "ân điển" (*charis*). Phao-lô có lẽ đã kết hợp cách mở đầu của người Hy lạp với cách chào truyền thống của người Do thái *Shalom* có nghĩa là "bình an." Tuy nhiên, đây chỉ là một nhận xét mà thôi. Để ý về phương diện thần học ân điển luôn đi trước bình an.

▣ **"từ Đức Chúa Trời Cha chúng ta và Đức Chúa Jêsus Christ"** Phao lô thường chỉ dùng một GIỚI TỪ cho cả hai danh từ (I Cô-rinh-tô 1:3; II Cô-rinh-tô 1:2; Ga-la-ti 1:3; Ê-phê-sô 1:2; Phi-líp 1:2; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:2; I Ti-mô-thê 1:2; Tít 1:4). Đây là cách ông dùng qua phương diện ngữ pháp để nối kết hai

Thân vị trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Điều này rõ ràng nhấn mạnh thần tính và sự bình đẳng của Chúa Jêsus.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA

Cựu Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gần gũi của Đức Chúa Trời đó là hình ảnh người Cha: (1) quốc gia Do Thái thường được gọi là 'con' của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17); (2) ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31); trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là "con cái của Ngài" và Chúa được gọi là "Cha của các ngươi"; (4) hình ảnh này cũng được nêu trong Thi thiên 103: 13 và phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi); và (5) hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jêsus sử dụng tiếng A-ram, có nghĩa là trong nhiều chỗ khi chữ "Cha" xuất hiện trong tiếng Hy lạp, *Pater,* thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như "Ba" hay "Cha" cho thấy sự thân mật của Chúa Jêsus với Cha; Việc Chúa bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ thấy khuyến khích chúng ta cũng nên có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ "Cha" chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu ước, nhưng Chúa Jêsus dùng nó rất thường và dùng ở nhiều nơi. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ.

1:8-15 (BẢN NASB)

8 **Trước hết, tôi nhờ Đức Chúa Jêsus Christ, vì hết thảy anh em mà tạ ơn Đức Chúa Trời tôi về đức tin anh em đang được đồn khắp cả thế gian.** 9 **Vì Đức Chúa Trời mà tôi lấy tâm thần hầu việc, bởi sự giảng Tin Lành của Con Ngài, làm chứng cho tôi rằng tôi nhắc đến anh em không thôi.** 10 **trong mọi khi tôi cầu nguyện thường xin Đức Chúa Trời, bởi ý muốn Ngài cuối cùng rồi có lẽ lúc này là dịp tiện để tôi có thể đi đến nơi anh em.** 11 **Thật vậy, tôi rất mong mỏi đến thăm anh em, đặng chia xẻ với anh em sự ban cho thiêng liêng, hầu cho anh em được vững vàng,** 12 **tức là tôi ở giữa anh em, để chúng ta cùng nhau giục lòng mạnh mẽ bởi đức tin chung của chúng ta, nghĩa là của anh em và của tôi.** 13 **Vả, hỡi anh em, tôi chẳng muốn anh em không biết rằng đã ghe phen tôi toan đi thăm anh em, đặng hái trái trong anh em cũng như trong dân ngoại khác; song về sự đó tôi bị ngăn trở cho đến bây giờ.**14 **Tôi mắc nợ cả người Gờ-réc lẫn người dã man, cả người thông thái lẫn người ngu dốt.**15 **Ấy vậy, về phần tôi, thì tôi cũng sẵn lòng rao Tin Lành cho anh em, là người ở thành Rô-ma.**

1:8 "Trước hết" Trong văn cảnh này, chữ "trước hết" có nghĩa là "đầu tiên" hay "tôi xin bắt đầu" (theo bản dịch J.B. Phillips).

▣ **"tôi nhờ Đức Chúa Jêsus Christ mà tạ ơn Đức Chúa Trời tôi"** Thông thường Phao lô dâng lời cầu nguyện đến Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ. Chúa Jêsus là con đường duy nhất của chúng ta đến Đức Chúa Trời! Xin xem Chủ đề Đặc biệt: Những lời cầu nguyện Ngợi khen và Tạ ơn của Phao lô trong câu 7:25.

▣ **"vì hết thảy anh em"** Cách dùng chữ "hết thảy," giống như trong câu 7, có lẽ cho thấy sự ghen tỵ và mâu thuẫn giữa các lãnh đạo Do thái tin đạo là những người đã chạy khỏi thành Rô-ma dưới thời hoàng đế Claudius (xem Công vụ 18:2), và các lãnh đạo ngoại bang đã tin đạo là những người thay cho các lãnh đạo Do thái một vài năm. Rô-ma đoạn 9 đến 11 có lẽ cũng đề cập đến cùng một vấn đề.

Cũng có thể sự bao gồm này là nói đến những người “yếu” và người “mạnh” trong Rô-ma 14:1-15:13. Chúa yêu thương tất cả mọi người trong Hội thánh Rô-ma và Ngài yêu một cách đồng đều!

▣ **“về đức tin anh em đang được đồn khắp cả thế gian”** Rô-ma 16:19 nói đến cùng một lẽ thật. Đây rõ ràng là cách nói quá đáng của người phương Đông (lối nói thậm xưng) để chỉ thế giới của đế quốc La mã (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 1:8).

1:9 “Đức Chúa Trời…làm chứng cho tôi” Phao lô lấy danh Chúa mà thề (9:11; II Cô-rinh-tô 1:23; 11:10-11,31; 12:19; Ga-la-ti 1:20; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:5). Đây là cách của người Do thái khi muốn khẳng định điều mình nói là thật.

▣ **“…tôi lấy tâm thần…”** Đây là một ví dụ tiêu biểu trong cách dùng chữ *pneuma* với ý nghĩa tâm linh/tâm thần của con người (xem 8:5, 10, 16; 12:11), dùng để chỉ mạng sống của con người (tức là hơi thở, tiếng Hê-bơ-rơ là *ruach*, xem Sáng thế ký 2:7).

1:10 “trong mọi khi tôi cầu nguyện thường xin [Đức Chúa Trời]” Phao lô không lập Hội thánh này nhưng ông trung tín cầu nguyện cho họ (II Cô-rinh-tô 11:28), cũng như cho tất cả các Hội thánh mà ông thành lập! Xin xem Chủ đề đặc biệt: Sự cầu thay trong câu 8:26. Tuy nhiên, ông có nhiều bạn bè và đồng liêu ở Hội thánh Rô-ma như trong đoạn 16 đã cho biết.

▣ **“có lẽ [nếu]”** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Phao-lô dự định viếng thăm Rô-ma trên đường đi Tây ban nha (15:22-24). Ông không định sẽ ở lại lâu. Phao lô luôn muốn đến một ‘cánh đồng’ mới nơi chưa có ai ‘cày’ (15:20; II Cô-rinh-tô 10:15,16). Có thể một trong các mục đích của Phao lô trong lá thư gửi Rô-ma là để vận động tài chính để ông đi truyền giáo ở Tây-ban-nha (15:24).

▣ **“bởi ý muốn Ngài để tôi có thể đi đến nơi anh em”** Câu này tương ứng với câu 13 và 15:32. Phao lô không nghĩ rằng cuộc đời và các chương trình đi đây đó là thuộc về ông, nhưng tùy thuộc vào Chúa (Công vụ 18:21; I Cô-rinh-tô 4:19; 16:7). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 12:2.

1:11 “tôi rất mong mỏi đến thăm anh em” Câu này tương ứng với câu 15:23. Trong một thời gian rất dài Phao lô thật sự muốn đến thăm các tín hữu ở Rô-ma (Công vụ 19:21).

▣ **“đặng chia xẻ với anh em sự ban cho thiêng liêng”** Cụm từ “sự ban cho thiêng liêng” chỉ những kiến giải hay ơn phước thuộc linh (11:29; 15:27). Phao lô xem mình là người được kêu gọi đặc biệt làm sứ đồ cho dân ngoại 9 (câu 15).

▣ **“hầu cho anh em được vững vàng”** Đây là ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU THỜI BẤT ĐỊNH Ở THỂ THỤ ĐỘNG của chữ *histemi*. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 5:2.

1:12 Đây là mục đích của mối thông công Cơ đốc. Các ân tứ là nhằm hiệp nhất các tín hữu trong một cộng đồng lo tưởng cho nhau. Các tín hữu được ban cho các ân tứ để đem đến sự ích chung (I Cô-rinh-tô 12:7). Mọi ân tứ đều có giá trị. Đức Thánh Linh ban mọi ân tứ này cho con người khi họ được cứu (I Cô-rinh-tô 12:11). Mọi tín hữu đều được kêu gọi, ban ân tứ, và đều là mục sư trọn thời gian (Ê-phê-sô 4:11-12). Phao lô tuyên bố rõ ràng thẩm quyền sứ đồ của mình, nhưng ông cũng nêu rõ sự cần đến nhau trong cộng đồng. Các tín hữu đều cần đến nhau!

1:13 “hỡi anh em, tôi chẳng muốn anh em không biết” Đây là cách nói Phao lô dùng để giới thiệu một câu nói quan trọng (11:15; I Cô-rinh-tô 10:1; 12:1; II Cô-rinh-tô 1:8; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13). Điều này cũng giống với lối nói “Amen, Amen ” (“ Quả thật, Quả thật”) của Chúa Jêsus.

▣ **“tôi bị ngăn trở cho đến bây giờ”** Đây là động từ ở thể THỤ ĐỘNG. Cũng cụm từ này được dùng trong I Tê-sa-lô-ni-ca 2:18 trong đó Sa-tan là tác giả. Phao lô tin rằng đời sống của ông được Chúa hướng dẫn nhưng bị ngăn chận bởi Satan. Bằng cách này hay cách khác cả hai điều này đều đúng (Gióp 1-2; Đa-ni-ên 10). Cách dùng từ ngữ này trong câu 15:22 hàm ý sự ngăn trở là công tác truyền giáo của Phao lô ở miền Đông vùng Địa trung hải, là vùng chưa được hoàn tất.

▣ **"đặng hái trái trong anh em"** Trong ngữ cảnh này "trái" nói đến những người cải đạo, nhưng trong Giăng 15:1-8 và Ga-la-ti 5:22 chữ này nói đến sự trưởng thành của các Cơ đốc nhân. Ma-thi-ơ 7 chép "các ngươi nhờ những trái nó mà nhận biết được" nhưng nó không định nghĩa từ ngữ 'trái' ở đây. Câu tương ứng thích hợp nhất có lẽ là Phi-líp 1:22, trong đó Phao lô cũng dùng hình ảnh tương tự trong nông nghiệp.

1:14 "tôi mắc nợ" Phao lô dùng chữ này một vài lần trong thư Rô-ma

1. Phao lô mắc nợ giảng Tin lành cho người ngoại
2. Phao lô không mắc nợ 'xác thịt' (8:12).
3. Hội thánh người ngoại mắc nợ trong việc giúp Hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem (15:57).

▣ **"người Gờ-réc"** Từ này chỉ những người văn minh, có văn hóa ở khu vực biển Địa Trung Hải. Alexander Đại đế và thuộc hạ đã Hy lạp hóa thế giới thời bấy giờ. Người La-mã thay thế quyền thống trị và sát nhập văn hóa Hy lạp.

▣ **"người dã man"** Chữ này (*onomatopoeia*) chỉ những nhóm người không có học hoặc không có văn hóa, thường để chỉ nhóm người ở phía bắc. Nó được dùng để nói đến những người không nói tiếng Hy lạp. Tiếng nói của họ có âm thanh giống như những chữ "ba ba ba" đối với người Hy lạp và La-mã.

▣ **"người thông thái lẫn người ngu dốt"** Có thể đây là vế câu tương ứng với "người Hy lạp và người dã man" nhưng cũng không nhất thiết là như vậy. Đây có thể là một cách nói khác để chỉ tất cả mọi nhóm người và mọi cá nhân.

1: 16-17 (BẢN NASB)
16 Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Tin Lành đâu, vì là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin, trước là người Giu-đa, sau là người Gờ-réc; 17 vì trong Tin Lành nầy có bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi đức tin mà được, lại dẫn đến đức tin nữa, như có chép rằng: Người công bình sẽ sống bởi đức tin.

▣ **NASB, NRSV "Tôi không hổ thẹn về Tin lành"**
NKJV "Tôi không hổ thẹn về Tin lành của Đấng Christ"
TEV " Tôi hoàn toàn tin tưởng nơi Tin lành"
JB " Tôi không hổ thẹn về Tin tức tốt lành"

Phao lô có lẽ ám chỉ lời của Đức Chúa Jêsus trong Mác 8:38 và Lu-ca 9:26. Ông không hổ thẹn về nội dung của Tin lành hoặc về sự bắt bớ sẽ xảy đến vì có Tin lành (II Ti-mô-thê 1:12, 16,18).
Trong I Cô-rinh-tô 1:23 người Do Thái hổ thẹn về Tin lành bởi vì nó xác nhận một Đấng Mết-si-a chịu khốn khổ, còn người Hy lạp hổ thẹn vì nó xác nhận sự sống lại của thân thể Đấng Christ. Câu 16-17 là chủ đề của toàn bộ sách này. Chủ đề này được diễn giải và tóm lược trong đoạn 3:21-31.

▣ **"để cứu"** Trong Cựu ước, chữ Hê-bơ-rơ *yasho* thường để chỉ sự giải cứu thuộc thể (Gia-cơ 5:15), nhưng trong Tân ước, chữ *sozo* trong tiếng Hy lạp chủ yếu nói đến sự giải cứu thuộc linh (I Cô-rinh-tô 1:18,21). Xem sách của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 124-126.

▣ **NASB "cho mọi người tin"**
NKJV "cho mọi người tin"
NRSV "cho mọi người có đức tin"
TEV " tất cả những người tin"
JB " tất cả những người có đức tin"

Tin lành dành cho tất cả mọi người (tôi thật sự thích những chữ này "mọi người" "bất cứ ai" "tất cả"), nhưng đặt niềm tin chỉ là một trong những điều kiện để được chấp nhận. Điều kiện còn lại là ăn năn (Mác

1:15; Công vụ 3:16, 19; 20:21). Chúa làm việc với con người qua giao ước. Ngài luôn chủ động đề xướng cũng như lập kế hoạch (Giăng 6:44,65). Nhưng có một số điều kiện hỗ tương, xin xem chú thích ở câu 1:5.
Chữ Hy lạp dịch là "tin" ở đây cũng có thể dịch là "đức tin" hay "tin tưởng" trong tiếng Anh. Chữ Hy lạp này có hàm ý rộng hơn là từng chữ của tiếng Anh. Để ý chữ này là một ĐỘNG TÍNH TỪ HIỆN TẠI. Đức tin cứu rỗi là đức tin luôn tiếp diễn (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; I Cô-rinh-tô 2:15; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)! Nếu truy đến tận nguồn, chữ Hê-bơ-rơ liên hệ đến chữ "đức tin" trong tiếng Hy lạp là một chữ có nghĩa là một thế đứng vững, một người đứng tư thế dạng hai chân ra để không dễ bị day động. Hình ảnh đối lập với điều này trong Cựu ước có lẽ là câu "chân tôi chôn trong vũng bùn lầy lội" (Thi thiên 40:2), "chân tôi gần trượt ngã" (Thi thiên 73:2). Những chữ Hê-bơ-rơ có gốc tương tự như *emun, emunah, aman,*được dùng cách hình bóng để chỉ người đáng tin cậy, có thể nhờ cậy được, và trung thành. Đức tin cứu chuộc không nhằm nói đến khả năng trung tín của con người sa ngã, nhưng nói đến khả năng/quyền năng của Chúa. Niềm hy vọng của các tín nhân không nằm ở khả năng của họ nhưng đặt nơi bản chất và lời hứa của Đức Chúa Trời. Nó chính là sự đáng tin cậy, sự thành tín, và lời hứa của Ngài!

▣ **"trước là người Giu-đa"** Lý do vì sao như vậy đã được đề cập một ít ở 2:9-10, đoạn 3 và đầy đủ nhất ở đoạn 9-11. Câu này đi cùng với một số câu nói của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 10:6; 15:24; Mác 7:27.

1:17 "sự công bình của Đức Chúa Trời" Trong ngữ cảnh mà cụm từ này nói đến (1) bản tính của Đức Chúa Trời; (2) cách Chúa bày tỏ bản tính của Ngài cho con người tội lỗi. Bản dịch JB (Jerusalem Bible) dịch là "điều này bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời." Điều này rõ ràng nói đến lối sống đạo đức của các tín nhân, nhưng chủ yếu nó quan tâm đến chỗ đứng trên phương diện luật pháp của người đó trước một Quan tòa Công bình. Sự Chúa kể con người sa ngã, tội lỗi là công bình, từ thời kỳ Cải chánh, được mô tả là "sự xưng công bình bởi đức tin" (II Cô-rinh-tô 5:21; Phi-líp 3:9). Chính câu này là câu Kinh thánh đã thay đổi cuộc đời và quan điểm thần học của Martin Luther! Tuy nhiên, mục đích của sự xưng công bình là sự làm nên thánh, sự trở nên giống với Đấng Christ hơn, hay là trở nên giống với bản tính công bình của Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:28-29; Ê-phê-sô 1:4; 2:10; Ga-la-ti 4:19). Sự công bình không chỉ là một lời tuyên bố pháp lý, nhưng nó cũng là một nếp sống thánh khiết; ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong con người phải được phục hồi để có thể hoạt động lại được (II Cô-rinh-tô 5:21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

"Sự công bình" là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.
Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là "công minh" hay "công bình." Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử thách (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã trượt cuộc thử thách này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).
Đức Chúa Trời hứa sẽ sửa chữa và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã, bước đầu tiên Đức Chúa Trời thực hiện để phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế -ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vùa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này đượcgọi là "xưng công bình bởi đức tin." Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm nhưng không dùng những chữ này. Phao lô là người chủ yếu định nghĩa từ ngữ này, sử dụng tiếng Hy lạp "sự công bình" trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là thầy ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaiosune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy lạp. Trong các tác phẩm Hy lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được cứu trở nên những tạo vật mới. Sự mới này dẫn đến một lối sống thánh khiết mới (quan điểm của Công giáo La-mã tập trung vào sự xưng công bình). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền, không có một sự phân ranh rõ ràng giữa thế tục (các chuẩn xã hội) và thánh (ý chỉ Đức Chúa Trời).Sự phân biệt này bày tỏ trong tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp và tiếng Anh dịch là "công minh" (justice) (liên hệ đến xã hội) và "công bình" (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (tin lành) của Chúa Jêsus là như vầy: con người sa ngã đã được phục hồi mối tương quan với Đức Chúa Trời. Sự nghịch lý của Phao lô là Đức Chúa Trời, qua Đấng Christ, tha trắng án cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; đời sống, sự chết và sống lại của Đức Chúa Con; và sự cảm động kéo con người đến với Phúc âm của Đức Thánh Linh. Sự xưng công bình là một hành động cho không của Đức Chúa Trời nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine, diễn tả cả sự chú trọng của thời Cải chánh vào tính cho không của Tin lành và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ "sự công bình của Đức Chúa Trời" là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo vị trí]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN, tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai!!

Theo tôi, cả Kinh thánh, từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, đề là ký thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cặp theo Đức Chúa Trời là Quan án)
    a. Rô-ma 3:26
    b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
    c. II Ti-mô-thê 4:8
    d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jêsus công bình
    a. Công vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
    b. Ma-thi-ơ 27:19
    c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
    a. Lê-vi-ký 19:2
    b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
    a. Rô-ma 3:21-31
    b. Rô-ma 4
    c. Rô-ma 5:6-11
    d. Ga-la-ti 3:6-14
    e. Được Chúa ban cho
        i. Rô-ma 3:24; 6:23
        ii. I Cô-rinh-tô 1:30
        iii. Ê-phê-sô 2:8-9
    f. Nhận bởi đức tin
        i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
        ii. I Cô-rinh-tô 5:21
    g. Qua công tác của Đức Chúa Con
        i. Rô-ma 5:21-31
        ii. II Cô-rinh-tô 5:21
        iii. Phi-líp 2:6-11
5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
    a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
    b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
    c. II Cô-rinh-tô 6:14
    d. I Ti-mô-thê 6:11
    e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
    f. I Giăng 3:7
    g. I Phi-e-rơ 2:24
6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
    a. Công vụ 17:31
    b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một ấn chỉ
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mối tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Đây là một trích dẫn tốt từ từ điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:
"Nhiều hơn cả Luther, Calvin nhấn mạnh đến phương diện mối tương quan trong sự công bình Đức Chúa Trời. Quan điểm của Luther về sự công bình Đức Chúa Trời dường như chứa đựng phương diện tha bổng. Calvin nhấn mạnh đến bản chất kỳ diệu của sự tương thông hay truyền đạt sự công bình Đức Chúa Trời cho chúng ta" (trang 834).

Đối với tôi, mối tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Tin lành là một con người (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Tin lành là lẽ thật (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Tin lành là một đời sống được thay đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một Cơ đốc giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay chê bai tất cả, thì sẽ có vấn đề.
Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!
Chúng ta phải tin Tin lành!
Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống với Đấng Christ!

▣ **NASB, NKJV "từ đức tin đến đức tin"**
NRSV "qua đức tin để được đức tin"
TEV "chính là qua đức tin, từ ban đầu đến cuối cùng"
JB "nó cho thấy thể nào đức tin lại dẫn đến đức tin"

Cụm từ này có hai GIỚI TỪ, *ek* và *eis*, diễn tả sự chuyển tiếp hay phát triển. Phao lô cũng dùng cấu trúc này trong II Cô-rinh-tô 2:16 và *apo* và *eis* trong II Cô-rinh-tô 3:18. Cơ đốc giáo là một món quà mong đợi trở nên một đặc tính và một lối sống.
Có nhiều cách dịch cụm từ này. Bản dịch Williams NT dịch là "đức tin theo Đạo dẫn đến đức tin lớn hơn nữa." Những điểm thần học chủ yếu ở đây là: (1) đức tin đến từ Đức Chúa Trời (Chúa 'mặc khải'); (2) con người phải đáp ứng và tiếp tục đáp ứng luôn; (3) đức tin phải dẫn đến một đời sống tin kính.
Một điều chắc chắn đó là, 'đức tin' nơi Đấng Christ là rất quan trọng (5:1; Phi-líp 3:9). Sự ban cho món quà cứu rỗi của Đức Chúa Trời dựa trên điều kiện là phải có sự đáp ứng bằng đức tin (Mác 1:15; Giăng 1:12; 3:16; Công vụ 3:16, 19; 20:21).

▣ **NASB "Nhưng người công bình sẽ sống bởi đức tin"**
NKJV "Người công chính sẽ sống bởi đức tin"
NRSV "Người nào công bình sẽ sống bởi đức tin"
TEV "Những người sống đúng với Chúa qua đức tin sẽ sống"
JB "Người chính trực tìm thấy sự sống qua đức tin"

Đây là câu trích từ Ha-ba-cúc 2:4, nhưng không phải từ bản Masoretic Text hay từ bản Bảy Mươi. Trong Cựu ước "đức tin" theo ý mở rộng còn mang ý nghĩa "tin cậy," "thành tín," hay "trung thành với." Đức tin cứu rỗi dựa vào sự thành tín của Đức Chúa Trời (3:5,21,22,25,26). Tuy vậy, sự trung thành của con người cho thấy một người tin cậy nơi sự chu cấp của Chúa. Cũng đoạn Kinh thánh này trong Cựu ước được tìm thấy trong Ga-la-ti 3:11 và Hê-bơ-rơ 10:38. Đơn vị ngữ văn kế tiếp, Rô-ma 1:18-3:20 cho thấy sự đối lập với sự thành tín của Đức Chúa Trời. Xem xét cách một số nhà giải kinh hiện đại diễn giải cụm từ này có thể giúp chúng ta một ít:

1. Vaughan: "bắt đầu trong đức tin và kết thúc trong đức tin"
2. Hodge: "chỉ bởi đức tin mà thôi"
3. Barrett: "không dựa trên một nền tảng nào khác ngoài đức tin"
4. Knox: "đức tin đầu tiên và cuối cùng"
5. Stagg: "người chính trực bởi đức tin sẽ sống"

1:18-23 (BẢN NASB)

18 **Vả, cơn giận của Đức Chúa Trời từ trên trời tỏ ra nghịch cùng mọi sự không tin kính và mọi sự không công bình của những người dùng sự không công bình mà bắt hiếp lẽ thật.** 19 **Vì điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ, Đức Chúa Trời đã tỏ điều đó cho họ rồi,** 20 **bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bổn tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được,** 21 **vì họ dẫu biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa; song cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm.** 22 **Họ tự xưng mình là khôn ngoan, mà trở nên điên dại;** 23 **họ đã đổi vinh hiển của Đức Chúa Trời không hề hư nát lấy hình tượng của loài người hay hư nát, hoặc của điểu, thú, côn trùng.**

1:18 "Vả" Để ý số lần chữ *gar* được dùng trong những câu gắn với chủ đề chính, câu 16-17, ba lần và bây giờ nó giới thiệu điểm thứ nhất của Phao lô về Phúc âm (1:18-3:31), là sự tương phản với quyền năng cứu chuộc của Đức Chúa Trời (1:16-17).

▣ **"cơn giận của Đức Chúa Trời"** Câu 18-23 mô tả thế giới ngoại bang thời Phao lô. Những đặc tính về thế giới ngoại bang của Phao lô cũng được tìm thấy trong các văn chương Do thái (xem *Wisdom of Solomon* câu 13:1 và tiếp theo, và *Letter of Airsteas,* trang 134-38) và ngay cả trong các tác phẩm đạo đức của người Hy lạp và La-mã. Cuốn Kinh thánh cho chúng ta biết về tình yêu thương Đức Chúa Trời cũng cho bày tỏ cho thấy cơn giận của Ngài. (câu 23-32; 2:5,8; 3:5; 4:15; 5:9; 9:22; 12:19; 13:4-5).
Giận và yêu là những từ ngữ của con người dùng để áp dụng cho Chúa. Những điều này bày tỏ sự thật rằng Chúa có cách của Ngài để khiến các tín nhân đáp ứng lại để sống. Nếu một người cố ý gạt bỏ ý chỉ của Chúa (tức là Tin lành của Đấng Christ) thì sẽ đem đến hậu quả trong tạm thời, cũng giống như trong câu này, và hậu quả trong thời cuối cùng (2:5). Tuy nhiên, không nên xem Chúa là Đấng hay báo thù. Sự phán xét là "công việc khác lạ" của Ngài (Ê-sai 28:21 và tiếp theo). Tình yêu thương là đặc tính của Ngài, so sánh Phục truyền 5:9 và 5:10; 7:9. Trong Ngài ân điển và sự thương xót trội hơn hẳn. Dù vậy, tất cả đều sẽ tường trình trước mặt Chúa (Truyền đạo 12:13-14; Ga-la-ti 6:7), ngay cả các tín nhân (14:10-12; II Cô-rinh-tô 5:10).

▣ **"được bày tỏ"** Tin lành là lẽ thật được bày tỏ (câu 17) thể nào, thì cơn giận của Chúa cũng vậy!Cả hai hành động này đều không phải là điều con người khám phá ra hay lý luận.

▣ **"những người bắt hiếp lẽ thật"** Điều này chỉ sự cứng đầu khước từ của con người, chứ không phải vì không biết (câu 21, 32; Giăng 3:17-21). Câu này có nghĩa là: (1) họ biết lẽ thật nhưng từ chối nó; (2) lối sống của họ cho thấy họ từ chối lẽ thật; hay là (3) cuộc sống và/hay là lời nói của họ khiến cho người khác không biết và không nhận được lẽ thật.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: 'LẼ THẬT' TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ

Khi sử dụng từ ngữ này và những từ có dạng liên hệ, Phao lô lấy từ chữ tương đương trong Cựu ước là *emet*, có nghĩa là đáng tin cậy hay thành tín. Trong các tác phẩm Do thái thời giữa hai giao ước, chữ này được dùng để diễn tả sự thật đối lập với sự giả dối. Có lẽ sự đối chiếu gần nhất là "Thánh ca Cảm tạ" trong Cuộn Biển Chết, nơi nó được dùng để chỉ các tín lý được mặc khải. Những thành viên của cộng đồng này trở thành "những người làm chứng cho lẽ thật."

Phao lô dùng chữ này để chỉ tin lành của Chúa Jêsus Christ.

1. Rô-ma 1:18,25; 2:8,20; 3:7; 15:8
2. I Cô-rinh-tô 13:6

3. II Cô-rinh-tô 4:2; 6:7; 11:10; 13:8
4. Ga-la-ti 2:5, 14; 5:7
5. Ê-phê-sô 1:13; 6:14
6. Cô-lô-se 1:5,6
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10,12,13
8. I Ti-mô-thê 2:4; 3:15; 4:3; 6:5
9. II Ti-mô-thê 2:15, 18,25; 3:7, 8; 4:4
10. Tít 1:1,14

Phao lô cũng sử dụng từ ngữ này để chỉ những điều ông nói là thật

1. Công vụ 26:25
2. Rô-ma 9:1
3. II Cô-rinh-tô 7:14; 12:6
4. Ê-phê-sô 4:25
5. Phi-líp 1:18
6. I Ti-mô-thê 2:7

Ông cũng dùng để chỉ động cơ của ông trong I Cô-rinh-tô 5:8 và lối sống (cũng như cho mọi Cơ đốc nhân) trong Ê-phê-sô 4:24; 5:9; Phi-líp 4:8. Có lúc ông dùng nó cho con người:

1. Đức Chúa Trời, Rô-ma 3:4 (Giăng 3:33; 17:17)
2. Chúa Jêsus, Ê-phê-sô 4:21 (giống như Giăng 14:6)
3. Những sự làm chứng của sứ đồ, Tít 1:13
4. Phao lô, II Cô-rinh-tô 6:8

Chỉ có Phao lô dùng dạng động từ (tức là *aletheuo*) trong Ga-la-ti 4:16 và Ê-phê-sô 4:15, là những câu chỉ về tin lành. Muốn nghiên cứu thêm, xin tham khảo sách của Colin Brown (ed), *The New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 3, trang 784-902.

1:19 "điều chi có thể biết được về Đức Chúa Trời thì đã trình bày ra cho họ" Cả nhân loại đều biết một điều gì đó về Đức Chúa Trời từ sự sáng tạo (câu 20: Gióp 12:7-10 và Thi thiên 19:1-6, 12-15). Trong thần học, điều này gọi là "sự mặc khải tự nhiên." Nó không hoàn toàn nhưng là cơ sở để Chúa bắt con người chịu trách nhiệm dầu họ là những người chưa bao giờ tiếp xúc với 'mặc khải đặc biệt' của Chúa trong Thánh Kinh, hay trong mặc khải sau cùng hết là Chúa Jesus (Cô-lô-se 1:15; 2:9).

Chữ "biết" được dùng với hai ý nghĩa trong Tân ước: (1) ý nghĩa liên hệ mật thiết cá nhân của Cựu ước (Sáng thế ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5), và (2) chỉ những sự kiện về một đối tượng trong từ ngữ Hy lạp (câu 21). Tin lành là một Con người được mời đón vào và cũng là một sứ điệp về Con người đó được tiếp nhận và tin tưởng! Trong câu này nó chỉ được dùng với nghĩa thứ hai mà thôi.

1:20 Câu này đề cập đến ba bản tính của Đức Chúa Trời

1. Thuộc tính không thấy được của Ngài (bản tính của Ngài, Cô-lô-se 1:15; I Ti-mô-thê 1:17; Hê-bơ-rơ 11:27)
2. Quyền năng đời đời của Ngài (chứng kiến trong sự sáng tạo vật chất)
3. Bản tính thần linh (chứng kiến trong các công việc và động cơ sáng tạo của Ngài)

▣ **"thì từ buổi sáng thế"** GIỚI TỪ *apo* được dùng trong ý nghĩa về thời gian. Cụm từ tương tự được tìm thấy trong Mác 10:6; 13:19; II Phi-e-rơ 3:4. Đức Chúa Trời không thấy được giờ đây được chứng kiến trong (1) sự sáng tạo vật chất; (2) Kinh thánh; và (3) cuối cùng hết là Chúa Jêsus.

▣ **"bổn tánh Ngài"** Trong văn chương Hy lạp chữ *theiotes* có thể được dịch là "sự oai nghiêm thiêng liêng." Điều này được chứng kiến ở mức độ cao nhất trong Chúa Jêsus. Ngài mang ảnh tượng thiêng liêng độc nhất (II Cô-rinh-tô 4:4; Hê-bơ-rơ 1:3). Ngài là sự mặc khải trọn vẹn của Đức Chúa Trời trong thân thể con người (Cô-lô-se 1:19; 2:9). Sự thật tuyệt diệu của tin lành đó là con người sa ngã, sẽ trở nên giống với Đấng Christ qua đức tin nơi Ngài (Hê-bơ-rơ 12:10; I Giăng 3:2). Ảnh tượng của Đức Chúa Trời nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27) đã được phục hồi (*theios*, II Phi-e-rơ 1:3-4)!

▣ **NASB "đã được chứng kiến tường tận, được nhận biết qua những điều được dựng nên"**
NKJ "được chứng kiến tường tận, được nhận biết bởi những điều được dựng nên"
NRSV "đã được nhận biết và chứng kiến qua những việc Ngài đã dựng nên"
TEV "đã được chứng kiến tường tận; những điều đó được nhận biết ở những việc Ngài dựng nên"
NJB "đã được chứng kiến tường tận bởi sự hiểu biết của trí óc về những điều được dựng nên"
{Bản tiếng Việt: "vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài"}
Sự kết hợp của chữ *noeo* (Ma-thi-ơ 15:17) và *kathorao* (đều là THÌ HIỆN TẠI THỂ THỤ ĐỘNG) cho thấy một sự nhận biết thật. Đức Chúa Trời đã viết hai cuốn sách: (1) thiên nhiên và (2) Kinh thánh. Cả hai đều có thể giúp con người hiểu và đều đòi hỏi một sự đáp ứng nơi con người.

▣ **"cho nên họ không thể chữa mình được"** Dịch từng chữ điều này có nghĩa là "không thể tự vệ về mặt pháp lý." Chữ Hy lạp ở đây (thêm vào *apologeomai*) chỉ được dùng trong câu này và trong câu 2:1 trong toàn Tân ước. Nên nhớ rằng mục đích thần học của phân đoạn 1:18-3:20 là để cho thấy tình trạng hư mất thuộc linh của toàn thể nhân loại. Con người phải chịu trách nhiệm về những điều họ biết. Chúa chỉ đòi hỏi con người có trách nhiệm đối với những điều họ biết hoặc có thể hiểu được.

1:21 "vì họ dẫu biết Đức Chúa Trời" Con người càng ngày càng trở nên không tín ngưỡng hơn- nhưng họ lại trở nên gian ác hơn. Kể từ Sáng thế ký 3, con người càng đi xuống. Bóng tối càng dày đặc hơn!

▣ **"họ không làm sáng danh Ngài, hay tạ ơn Ngài"** Đây là tấn bi kịch của sự thờ lạy hình tượng ngoại giáo trong câu 23, 24 (xem Giê-rê-mi 2:9-13).

▣ **"trong sự suy xét của họ chứa đầy những điều phù phiếm, và tấm lòng ngu dốt của họ lại càng tối tăm hơn" {Bản tiếng Việt: "song cứ lầm lạc trong lý tưởng hư không, và lòng ngu dốt đầy những sự tối tăm"}** Trong cuốn *The New Testament: A New Translation,* Olaf M. Morlie dịch như sau "thay vào đó họ bận rộn với những suy nghĩ ngu xuẩn về Ngài, và tâm trí ngu dốt của họ lần mò trong bóng tối." Những hệ thống tôn giáo của con người vinh danh sự nổi loạn và lòng tự cao thuộc linh (câu 22; Cô-lô-se 2:16-23).

Hai ĐỘNG TỪ NÀY ở THỂ CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THỜI BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVES). Có phải THỂ THỤ ĐỘNG nhằm cho thấy sự thiếu hiểu biết của họ và thiếu đáp ứng thích đáng là bởi vì Đức Chúa Trời che đi tấm lòng của họ, hay là vì sự khước từ ánh sáng của họ đã làm lòng họ cứng cỏi (xem 10:12-16; II Các Vua 17:15; Giê-rê-mi 2:5; Ê-phê-sô 4:17-19)? Toàn bộ ngữ cảnh ở đây cho thấy toàn nhân loại đáng bị kết tội.

▣ **"tấm lòng"** Chữ này được dùng với ý nghĩa của Cựu ước chỉ đến toàn bộ con người. Tuy nhiên, nó cũng thường dùng để chỉ đến tiến trình suy tư và cảm nhận của con người. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:24.

1:22 NASB, NKJV "tự xưng là khôn ngoan, nhưng trở nên điên dại"
NRSV "tự xưng là khôn ngoan, nhưng trở nên điên dại"
TEV "họ xưng họ khôn ngoan, nhưng họ là những người điên dại"
JB "họ càng tự xưng mình là các triết gia bao nhiêu, thì họ càng trở nên ngu dại bấy nhiêu"
Từ chữ "ngu dại" trong tiếng Hy lạp, chúng ta có chữ "người khờ dại" (moron) trong tiếng Anh. Vấn đề ở đây là vì sự kiêu ngạo và tự tin của con người vào chính kiến thức của mình (I Cô-rinh-tô 1:18-31; Cô-lô-se 2:8-23). Điều này gợi lại Sáng thế ký 3. Tri thức đem đến sự phân cách và phán xét. Không phải tri thức con người lúc nào cũng là sai lầm. Chỉ có điều là tri thức không phải là tột đỉnh!

1:23 Cố tình không muốn biết, con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1,3; 9:6) đã biến Ngài thành những ảnh tượng trên đất này như là (1) các loài vật (Ê-díp-tô), (2) các hiện tượng tự nhiên (Ba tư), hay (3) các hình thể loài người (Hy lạp/La-mã)-nói khác hơn, là các hình tượng! Ngay cả dân của Ngài cũng làm điều này (Phục truyền 4:15-24 và A-mốt 5:25-26). Một vài

dạng mới của tội lỗi cũ xưa này là (1) chủ nghĩa môi trường (mẹ đất), (2) các tư tưởng đông phương Thời đại mới (New Age) (chủ nghĩa huyền bí, thần linh, và tín ngưỡng thần bí), (3) chủ nghĩa nhân bản vô thần (Mác-xít, chủ nghĩa không tưởng, chủ nghĩa duy tâm cấp tiến, và đức tin tuyệt đối vào chính trị hay giáo dục), (4) y khoa toàn bộ (sức khỏe và tuổi thọ), và (5) giáo dục.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "VINH QUANG" Xin xem ở câu 3:23.

CÂU 1:24-25 (BẢN NASB CẬP NHẬT)
24 **Cho nên Đức Chúa Trời đã phó họ sa vào sự ô uế theo lòng ham muốn mình, đến nỗi tự làm nhục thân thể mình nữa,** 25 **vì họ đã đổi lẽ thật Đức Chúa Trời lấy sự dối trá, kính thờ và hầu việc loài chịu dựng nên thế cho Đấng dựng nên, là Đấng đáng khen ngợi đời đời! A-men.**

1:24,26,28 "Đức Chúa Trời đã phó họ" Đây là sự phán xét tệ hại nhất. Chính Chúa đã nói, "hãy để con người sa ngã đi theo đường riêng của chúng" (Thi thiên 81:12; Ô-sê 4:17; Công vụ 7:42). Câu 23-32 mô tả sự khước từ của Chúa (cơn giận trên đất này) đối với thế giới ngoại giáo và lòng mộ đạo của họ (và của chúng ta nữa)! Tín ngưỡng ngoại giáo xưa nay được biết đến với những sự đồi bại và khai thác tính dục!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẤM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich and Danker, *A Greek-English Lexicon,* trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
   a. Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
   b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6: 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23: I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ấn tượng về từ ngữ này:
   a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, "Đức Chúa Trời buồn trong lòng" (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
   b. Phục truyền 4:29; 6:5 "bằng cả tấm lòng, cả linh hồn"
   c. Phục truyền 10:16, "tấm lòng không cắt bì" và Rô-ma 2:29
   d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, "tấm lòng mới"
   e. Ê-xê-chi-ên 36:26, "tấm lòng mới" so với "tấm lòng bằng đá"

1:25 "đã đổi lẽ thật Đức Chúa Trời lấy sự dối trá" Câu này có thể được hiểu nhiều cách: (1) sự tự tôn mình là thần, là chúa của con người (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4,11); (2) con người thờ phượng những điều họ làm ra- những thần tượng (Ê-sai 44:20; Giê-rê-mi 13:25; 16:19) thay vì Đức Giê-hô-va Đấng dựng nên tất cả mọi sự (câu 18-23); hoặc là (3) con người tuyệt đối khước từ lẽ thật của Phúc âm (Giăng 14:17; I Giăng 2:21, 27). Xét về ngữ cảnh, lựa chọn số 2 là phù hợp nhất.

▣ **"kính thờ và hầu việc"** Con người lúc nào cũng có những thần tượng cho mình. Mọi người đều cảm nhận có một người nào, một lẽ thật nào, một điều nào đó vượt cao hơn họ.
"là Đấng đáng ngợi khen đời đời. Amen" Phao lô nói lên một câu chúc phước của người Do thái, là điều ông thường hay làm (Rô-ma 9:5; II Cô-rinh-tô 11:31). Phao lô thường dâng lời cầu nguyện khi ông viết thư (9:5; 11:36; 15:33; 16:27).

▣ **"đời đời"** Đây là thành ngữ Hy lạp theo từng chữ có nghĩa là "cho đến nhiều đời" (Lu-ca 1:25; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; I Ti-mô-thê 1:17) là chữ diễn tả từ ngữ Hê-bơ-rơ *olam*. Xin xem sách của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 321-319. Một số cụm từ tương tự gồm có "cho đến đời này" (Ma-thi-ơ 21:19 [Mác 11:14]; Lu-ca 1:55; Giăng 6:5, 58; 8:35; 12:34; 13:8; 14:16; II Cô-rinh-tô 9:9) và "thuộc đời này thuộc các đời" (Ê-phê-sô 3:21). Dường như không có một sự phân biệt nào giữa các thành ngữ này với chữ "đời đời" (forever). Chữ "các đời" (ages) ở số nhiều có ý nghĩa tượng trưng trong cấu trúc ngữ pháp của các rabi gọi là "số nhiều của sự oai nghi", hay nó có thể chỉ khái niệm một số "đời" khác nhau trong ý nghĩa của người Do thái như là "đời ngu muội," "đời gian ác," "đời sau," hay "đời công bình."

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ 'AMEN'

I. CỰU ƯỚC
   A. Chữ "Amen" lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là lẽ thật (*emeth*) hay tính chân thật (*emun, emunah*), và đức tin hay sự thành tín.
   B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).
   C. Các cách dùng đặc biệt khác:
      1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
      2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
      3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
      4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
      5. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
      6. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
      7. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168
   D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:
      1. *Bathach*, tin cậy
      2. *Yra*, kinh sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)
   E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).
   F. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1;

117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài.

Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thế nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

II. TÂN ƯỚC

A. Cách sử dụng chữ 'amen' như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).

B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).

C. Chúa Jêsus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).

D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jêsus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).

E. Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

1:26-27 (BẢN NASB)

26 Ấy vì cớ đó mà Đức Chúa Trời đã phó họ cho sự tình dục xấu hổ; vì trong vòng họ, những người đờn bà đã đổi cách dùng tự nhiên ra cách khác nghịch với tánh tự nhiên. 27 Những người đờn ông cũng vậy, bỏ cách dùng tự nhiên của người đờn bà mà un đốt tình dục người nầy với kẻ kia, đờn ông cùng đờn ông phạm sự xấu hổ, và chính mình họ phải chịu báo ứng xứng với điều lầm lỗi của mình.

1:26-27 Đồng tính luyến ái là một ví dụ về một cuộc đời đi xa khỏi ý chỉ rõ ràng của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo. Nó là một tội lỗi và là một vấn đề trầm trọng của văn hóa (1) trong thời Cựu ước (Lê-vi-ký18:22; 20:13; Phục truyền 23:18); (2) trong thế giới Hy-La (Greco-Roma) (I Cô-rinh-tô 6:9; I Ti-mô-thê 1:10); và (3) trong thời đại chúng ta ngày nay.

Vấn đề đồng tính luyến ái được kể ra ở đây như một ví dụ về một cuộc sống sa ngã là bởi vì toàn bộ ngữ cảnh này hướng đến Sáng-thế-ký 1-3. Con người được dựng nên trong ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được tạo dựng là người nam và người nữ (Sáng-thế-ký 1:27). Mạng lịnh của Đức Chúa Trời là hãy sanh sản, thêm nhiều (Sáng-thế-ký 1:28; 9:1,7). Sự sa ngã của loài người (Sáng-thế-ký 3) đã làm gián đoạn chương trình và ý chỉ của Đức Chúa Trời. Đồng tính luyến ái là một sự vi phạm rõ ràng! Tuy nhiên, cần phải nói rằng đây không phải là tội duy nhất được nói đến trong ngữ cảnh này (câu 29-31). Tất cả tội lỗi cho thấy sự phân cách của con người với Đức Chúa Trời và sự hình phạt đáng phải chịu. Mọi tội lỗi, đặc biệt là các tội trở nên lối sống hằng ngày của con người, là gớm ghiếc trước mặt Chúa. Xin xem Chủ đề Đặc biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Sức ép văn hóa nặng nề của xã hội hiện đại khiến chấp nhận đồng tính luyến ái như một lối sống thích hợp khác. Kinh thánh lên án nó như một lối sống hủy hoại, đi ra khỏi ý chỉ của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo của Ngài.

1. Nó vi phạm mạng lịnh trong Sáng-thế-ký 1 là hãy sanh sản và thêm nhiều
2. Nó phản ánh lối thờ phượng và văn hóa ngoại giáo (Lê-vi-ký 18:22; 20:13; Rô-ma 1:26-27; và Giu-đê 7).
3. Nó bày tỏ một sự độc lập khỏi Đức Chúa Trời, lấy bản thân làm trung tâm (I Cô-rinh-tô 6:9-10)

Tuy nhiên, trước khi tôi rời đề tài này, tôi xin khẳng định tình yêu thương và sự tha thứ của Đức Chúa Trời cho tất cả những con người nổi loạn. Cơ đốc nhân không có quyền cư xử cách ghen ghét hay lên mình đối với tội lỗi này, đặc biệt là khi chúng ta thấy rõ ràng là mọi người đều phạm tội. Sự cầu thay, quan tâm, lời chứng, và tấm lòng thương xót có kết quả hơn nhiều thay cho những lời kết tội đầy công kích. Lời Chúa và Thánh Linh của Ngài sẽ làm công việc cáo trách nếu chúng ta để Ngài làm việc. Tất cả những tội lỗi về tính dục, không chỉ là tội này, đều là một sự gớm ghiếc ở trước mặt Chúa và đều dẫn đến sự phán xét. Tính dục là một món quà của Chúa cho sự hạnh phúc, sung sướng của con người và cho một xã hội ổn định. Tuy nhiên sự thôi thúc mạnh mẽ, được Chúa ban cho này thường biến thành một lối sống lấy bản thân làm trung tâm, tìm kiếm sự khoái lạc và muốn được nhiều hơn bất kể giá nào (Rô-ma 8:1-8; Ga-la-ti 6:7-8).

1:28-32 (BẢN NASB)
28 Tại họ không lo nhìn biết Đức Chúa Trời, nên Đức Chúa Trời đã phó họ theo lòng hư xấu, đặng phạm những sự chẳng xứng đáng. 29 Họ đầy dẫy mọi sự không công bình, độc ác, tham lam, hung dữ; chan chứa những điều ghen ghét, giết người, cãi lẫy, dối trá, giận dữ; 30 hay mách, gièm chê, chẳng tin kính, xấc xược, kiêu ngạo, khoe khoang, khôn khéo về sự làm dữ, không vâng lời cha mẹ; 31 dại dột, trái lời giao ước, không có tình nghĩa tự nhiên, không có lòng thương xót. 32 Dầu họ biết mạng lịnh Đức Chúa Trời tỏ ra những người phạm các tội dường ấy là đáng chết, thế mà chẳng những họ tự làm thôi đâu, lại còn ưng thuận cho kẻ khác phạm các điều ấy nữa.

1:28-31 Đây là một câu trong tiếng Hy lạp. Nó cho thấy con người nổi loạn, sa ngã và muốn tự lập (Rô-ma 13:13; I Cô-rinh-tô 5:11; 6:9; l.5:19-21;Ê-phê-sô 5:5;I Ti-mô-thê 1:10; Khải huyền 21:8). Tội lỗi của con người là họ đã muốn sống ngoài Chúa. Địa ngục là cuộc sống theo cách như vậy đời đời. Tự lập là một bi kịch! Con người cần Đức Chúa Trời, họ lạc mất, thiếu thốn, không thỏa mãn khi ở ngoài Chúa. Điều tệ hại nhất của địa ngục đời đời là sự chấm dứt mối liên hệ với Đức Chúa Trời!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÓI XẤU VÀ NẾT TỐT TRONG TÂN ƯỚC

Bảng liệt kê những thói xấu và nết tốt thường thấy trong Tân ước. Những điều này thường phản ánh các thói nết của văn hóa (Hy lạp) và Do thái. Danh sách những thói nết tương phản này được liệt kê sau đây:

	Những thói xấu	**Những nết tốt**
1. Phao lô	Rô-ma 1:28-32	---
	Rô-ma 13:13	Rô-ma 2:9-21
	I Cô-rinh-tô 5:9-11	---
	6:10	I Cô-rinh-tô 6:6-9
	II Cô-rinh-tô 12:20	II Cô-rinh-tô 6:4-10
	Ga-la-ti 5:19-21	Ga-la-ti 5:22-23
	Ê-phê-sô 4:25-32	---
	5:3-5	---
	---	Phi-líp 4:8-9
	Cô-lô-se 3:5,8	Cô-lô-se 3:12-14

	ITi-mô-thê 1:9-10	---
	6:4-5	---
	II Ti-mô-thê 2:22a, 23	II Ti-mô-thê 2:22b,24
	Tít 1:7, 3:3	Tít 1:8-9; 3:1-2
2. Gia-cơ	Gia-cơ 3:15-16	Gia-cơ 3:17-18
3. Phi-e-rơ	I Phi-e-rơ 4:3	I Phi-e-rơ 4:7-11
	II Phi-e-rơ 1:9	II Phi-e-rơ 1:5-8
4. Giăng	Khải huyền 21:8; 22:15	---

1:29 "tâm trí hư hoại" ['lòng hư xấu' (theo bản Tiếng Việt)] Điều con người sa ngã thấy là tự do thì thật ra đó là sự tự tôn thờ: "Tôi muốn tất cả mọi thứ!" Tác nhân của thể THỤ ĐỘNG là Đức Chúa Trời, trong 1:24, 26,28, nhưng trong mối liên hệ với ngữ cảnh trong Sáng-thế-ký 1-3 chính sự lựa chọn tri thức và chính bản thân của con người mới là tác nhân gây ra vấn đề. Chúa cho phép tạo vật của Ngài gánh lấy hậu quả của những quyết định của mình, tính tự độc lập của họ.

▣ **"đầy dẫy"** Đây là thể THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH ĐỘNG TÍNH TỪ (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Con người bị làm đầy và thể hiện tính cách của những điều họ chăm chú vào. Các thầy ra-bi nói rằng trong trái tim con người có một con chó đen (*yetzer* xấu) và một con chó trắng (*yetzer* tốt). Con nào được cho ăn nhiều nhất sẽ trở nên lớn nhất.

1:29-31 Đây là những hậu quả và triệu chứng của cuộc sống không có Đức Chúa Trời. Họ đại diện cho những cá nhân và xã hội quyết định từ chối Đức Chúa Trời của Kinh thánh. Đây là một trong những danh sách các tội được Phao-lô liệt kê **(**I Cô-rinh-tô 5:11; 6:9; II Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:19-21; Ê-phê-sô 4:31; 5:3-4; Cô-lô-se 3:5-9).

1:30 "kiêu ngạo" Đây là một trong các từ ghép '*huper'* của Phao lô

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH DÙNG TỪ GHÉP '*HUPER'* CỦA PHAO LÔ

Phao lô có một ưa thích đặc biệt về việc tạo ra các từ mới khi sử dụng GIỚI TỪ *huper* trong tiếng Hy lạp, có nghĩa là 'vượt qua' hay 'ở trên'. Khi dùng với SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE, ABLATIVE) nó có nghĩa là 'thay mặt.' Nó cũng có ý nghĩa "về" hay "liên hệ đến" như chữ *peri* (II Cô-rinh-tô 8:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1). Khi sử dụng với ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE) nó có nghĩa là 'bên trên,' 'vượt qua,' hay 'vượt quá' (xem sách của A.T. Robertson, *A Grammar of the Greek New Testament in the Light of Historical Research*, trang 625-633). Khi Phao lô muốn nhấn mạnh một khái niệm, ông thường sử dụng GIỚI TỪ từ trong một từ ghép.

Sau đây là bảng liệt kê của những cách Phao lô sử dụng GIỚI TỪ này trong các từ ghép:

A. Hapax legomenon (có nghĩa là "chỉ dùng một lần trong Tân ước")
   1. *Huperakmos*, một người đã qua thời kỳ sung mãn nhất của cuộc đời, I Cô-rinh-tô 7:36
   2. *Huperauxano*, gia tăng nhiều gấp bội, II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3
   3. *Huperbaino*, đi quá hay vượt quá, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:6
   4. *Huperkeina*, vượt quá, lấn sang II Cô-rinh-tô10:16
   5. *Huperekteina*, vượt quá, II Cô-rinh-tô 10:14
   6. *Huperentugchano*, cầu thay, Rô-ma 8:26
   7. *Hupernikao*, chiến thắng dư dật, Rô-ma 8:37
   8. *Huperpleonazo*, dư dật vượt quá, I Ti-mô-thê 1:14
   9. *Huperupsoo*, tôn cao tột bực, Phi-líp 2:9
   10. *Huperphroneo*, có những ý tưởng cao, Rô-ma 12:3

B. Từ chỉ dùng trong các thư tín của Phao lô.
   1. *Huperairomai*, tự nâng mình lên, II Cô-rinh-tô 12:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4
   2. *Huperballontos*, vượt mức, không thể đo lường được, II Cô-rinh-tô 11:23; (chỉ có PHÓ TỪ ở đây, nhưng ở dạng ĐỘNG TỪ trong II Cô-rinh-tô 3:10; 9:14; Ê-phê-sô 1:19; 2:7; 3:19)
   3. *Huperbole*, quá mức, một số lượng bất thường, Rô-ma 7:13; I Cô-rinh-tô 12:31; II Cô-rinh-tô 1:8; 4:7,17; 12:7; Ga-la-ti 1:13
   4. *Huperekperissou*, vượt quá mọi sự đo lường, Ê-phê-sô 3:20; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:10; 5:13
   5. *Huperlian*, ở mức độ cao nhất, tột bực, II Cô-rinh-tô 11:5; 12:11
   6. *Huperoche*, tuyệt vời, nổi bật xuất chúng, I Cô-rinh-tô 2:1; I Ti-mô-thê 2:2
   7. *Huperperisseuo*, đầy dẫy, đầy tràn, Rô-ma 5:20 (TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE), được đầy tràn, đầy dẫy, II Cô-rinh-tô 7:4)

C. Từ Phao lô dùng và rất hiếm khi được các trước giả Tân ước khác dùng
   1. *Huperano*, vượt xa, Ê-phê-sô 1:21; 4:10; and Hê-bơ-rơ 9:5 (dùng chỉ thẩm quyền các thiên thần)
   2. *Huperecho*, tuyệt diệu, Rô-ma 13:1; Phi-líp 2:3; 3:8; 4:7; I Phi-e-rơ 2:13
   3. *Huperephanos*, kiêu căng, Rô-ma 1:30; II Ti-mô-thê 3:2 and Lu-ca 1:51; Gia-cơ 4:6; I Phi-e-rơ 5:5.

   Phao lô là một người đầy nhiệt huyết; một khi điều gì hay người nào đó tốt, thì họ hay điều đó rất tốt, và khi điều gì hay người nào đó xấu, thì họ hay điều đó cũng rất xấu. GIỚI TỪ nầy đã mở đường cho Phao lô bày tỏ những cảm xúc cực độ của mình về tội lỗi, bản ngã, Đấng Christ và Phúc âm.

1:32 "những người phạm các tội dường ấy là đáng chết" Câu này phản ánh luật Môi-se. Nó được tóm tắt trong Rô-ma 6:16,21,23; 8:6,13. Sự chết là điều đối ngược với ý chỉ Đức Chúa Trời và đời sống của Ngài (Ê-xê-chi-ên 18:32; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9).

▣ **"lại còn ưng thuận cho kẻ khác phạm các điều ấy nữa"** Sự cùng khổ thích có bạn. Con người sa ngã dùng tội lỗi của người khác để tự bào chữa, "ai cũng làm vậy." Các nền văn hóa mô tả những tội lỗi rõ ràng của họ!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Phao lô viết thư cho Hội thánh tại Rô-ma?
2. Tại sao thư Rô-ma lại là một lời xác tín thần học quan trọng của Cơ đốc giáo?
3. Tự lập dàn ý bằng chữ của mình Rô-ma 1;18-3:20
4. Có phải những người chưa bao giờ nghe Tin lành sẽ bị từ chối vì không tin Đấng Christ?
5. Giải thích sự khác nhau giữa "mặc khải tự nhiên" và "mặc khải đặc biệt."
6. Mô tả cuộc sống con người nếu không có Đức Chúa Trời.
7. Có phải câu 24-27 đề cập đến vấn đề đồng tính luyến ái?

RÔ-MA ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Sự phán xét công bình của Đức Chúa Trời	Sự phán xét công bình của Đức Chúa Trời	Dân Do Thái bị đoán xét	Sự phán xét của Đức Chúa Trời	Người Do thái được miễn trừ khỏi cơn thạnh nộ
2:1-16	2:1-16	2:1-11	2:1-16	2:1-11
Người Do thái và Luật pháp	Người Do thái cũng bị tội như người ngoại	Nền tảng cho sự đoán xét 2:12-16	Người Do thái và Luật pháp (2:17-3:8)	Luật pháp sẽ không cứu họ
2:17-3:8	2:17-24	2:17-24	2:17-24	2:17-24
Quyền năng của Phúc âm	Người công bình sống bởi đức tin	Chủ đề của lá thư	Quyền năng của Phúc âm	Chủ đề được nêu lên
1:16-17	1:16-17	1:16-17	1:16-17	1:16-17
	Phép cắt bì không có ích			Phép cắt bì không cứu được họ
	2:25-29	2:25-29	2:25-29	2:25-29

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Đoạn 2 và 3 hoàn tất một đơn vị ngữ văn bắt đầu từ câu 1:18. Phần này trình bày các vấn đề sau:
   1. Sự hư mất của cả nhân loại
   2. Sự đoán xét của Đức Chúa Trời về vấn đề tội lỗi

3. Nhu cầu của con người cần sự công bình Đức Chúa Trời qua Đấng Christ bởi một đức tin và sự ăn năn cá nhân.

B. Trong đoạn 2, có 7 nguyên tắc liên quan đến sự phán xét của Đức Chúa Trời:
1. Câu 2, theo lẽ thật;
2. Câu 5, tội lỗi chất chồng;
3. Câu 6 & 7, căn cứ theo việc làm
4. Câu 11, không có sự tôn trọng con người
5. Câu 13, lối sống;
6. Câu 16, những bí mật trong lòng con người
7. Câu 17-29, không có một nhóm quốc gia đặc biệt nào

C. Có nhiều bàn cãi diễn ra giữa vòng các nhà giải kinh về vấn đề ai là người được đề cập đến trong phân đoạn 2:1-17. Rõ ràng phân đoạn 2:12-29 liên quan đến dân Do thái. Câu 1-17 phục vụ cho hai mục đích đó là nói đến người ngoại có đạo đức như Seneca (các chuẩn xã hội) và nói đến quốc gia Do thái (Luật Môi-se).

D. Trong phân đoạn 1:18-21, Phao lô khẳng định rằng con người có thể biết Đức Chúa Trời qua sự sáng tạo. Trong 2:14-15, Phao lô cũng cho biết tất cả con người đều có một lương tâm đạo đức bên trong được Đức Chúa Trời ban cho. Hai nhân chứng này, sự sáng tạo và lương tâm, là nền tảng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với cả nhân loại, ngay cả đối với những người chưa hề biết đến Cựu ước hay là sứ điệp Phúc âm. Con người phải nhận trách nhiệm vì họ chưa sống đúng với ánh sáng mà họ đã có.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

2:1-11 (BẢN NASB)
1 Vậy hỡi người kia, ngươi là ai mặc lòng, hễ đoán xét kẻ khác thì không thể chữa mình được; vì trong khi đoán xét họ, ngươi cũng lên án cho chính mình ngươi nữa, bởi ngươi đoán xét họ, mà cũng làm các việc như họ. 2 Vả, chúng ta biết rằng sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với kẻ làm những việc như thế, là hiệp với lẽ thật. 3 Hỡi người đoán xét kẻ phạm những việc dường ấy mà mình cũng phạm kia, vậy ngươi tưởng rằng chính mình ngươi sẽ tránh khỏi sự phán xét của Đức Chúa Trời sao? 4 Hay là ngươi khinh dể sự dư dật của lòng nhơn từ, nhịn nhục, khoan dung Ngài, mà không nhận biết lòng nhơn từ của Đức Chúa Trời đem ngươi đến sự ăn năn sao? 5 Bởi lòng ngươi cứng cỏi, không ăn năn, thì tự chấp chứa cho mình sự giận về ngày thạnh nộ, khi sẽ hiện ra sự phán xét công bình của Đức Chúa Trời, 6 là Đấng sẽ trả lại cho mỗi người tùy theo công việc họ làm: 7 ai bền lòng làm lành, tìm sự vinh hiển, sự tôn trọng và sự chẳng hề chết, thì báo cho sự sống đời đời; 8 còn ai có lòng chống trả không vâng phục lẽ thật, mà vâng phục sự không công bình, thì báo cho họ sự giận và cơn thạnh nộ. 9 Sự hoạn nạn khốn khó giáng cho mọi người làm ác, trước cho người Giu-đa, sau cho người Gờ-réc; 10 nhưng vinh hiển, tôn trọng, cùng sự bình an cho mọi người làm lành, trước cho người Giu-đa, sau cho người Gờ-réc. 11 Vì trước mặt Đức Chúa Trời, chẳng vị nể ai đâu.

2:1 NASB "tất cả mọi người đoán xét kẻ khác, ngươi không thể chữa mình được"
NKJV "ngươi không thể chữa mình được, hỡi ngươi, dù ngươi là ai khi đoán xét người khác"
NRSV "ngươi không thể chữa mình được, dù ngươi là ai khi đoán xét kẻ khác"
TEV "ngươi hoàn toàn không thể chữa mình được, dù ngươi là ai. Vì ngày trước ngươi đoán xét kẻ khác"

JB "Vì vậy mặc cho ngươi là ai, nếu ngươi đoán xét người khác, ngươi không thể chữa mình được"

Điều này có nghĩa đen là "không có sự chống đỡ nào được theo luật pháp" (1:20). Trong nguyên ngữ Hy lạp, những chữ này được đặt ở đầu câu để diễn tả sự quan trọng của nó. Câu 1-6 có thể nói đến những người giữ luật Do thái theo công bình riêng và những nhà đạo đức Hy lạp. Bằng cách phán xét người khác, chính họ đang phán xét mình.

2:2 "chúng ta biết rằng" ĐẠI TỪ này thường chỉ các anh em Do thái nhưng cũng có thể nói đến các Cơ đốc nhân. Trong câu 2-4, Phao lô trở lại cách dùng quen thuộc của mình đó là dạng hỏi đáp, gọi là bài diễn luận (diatribe) công kích, là cách trình bày lẽ thật qua một nhân vật đóng vai người công kích. Tiên tri Ha-ba-cúc, Ma-la-chi, các thầy ra-bi cũng như các triết gia Hy lạp (như là Socrates và nhóm Stoics) cũng sử dụng cách này.

Cụm từ "chúng ta biết rằng" được dùng một vài lần trong thư Rô-ma (2:2; 3:19; 7:14; 8:22,28). Phao lô cho rằng các thính giả của ông có chút hiểu biết về những điều này, không như những người ngoại giáo vô luân trong đoạn 1.

▣ **"sự phán xét của Đức Chúa Trời"** Kinh thánh rất rõ ràng về lẽ thật này. Mọi người đều phải chịu trách nhiệm trước mặt Chúa về món quà sự sống (câu 5-9; Ma-thi-ơ 25:31-46; Khải huyền 20:11-15). Ngay cả các Cơ đốc nhân cũng sẽ đứng trước Đấng Christ (14:10-12; II Cô-rinh-tô 5:10).

2:3 Dạng câu hỏi tu từ theo cấu trúc ngữ pháp của Phao lô mong đợi câu trả lời là "Không."

▣ **"ngươi tưởng rằng"** Đây là ĐỘNG TỪ *logizomai* trong tiếng Hy lạp. Phao lô thường dùng chữ này (Rô-ma 2:3,26; 3:28; 4:3,4,5,6,8,9,10,11,22,23,24; 6:11; 8:18,36; 9:8; 14:14; Ga-la-ti 3:6 và mười lần trong 1 và 2 Cô-rinh-tô và hai lần trong Phi-líp). Xin xem chú thích ở câu 4:3 và 8:18.

▣ **"O man"** Chữ này hợp với thành ngữ tương tự trong câu 1. Trong câu 9:20, nó nói đến người Do Thái.

2:4 Đây cũng là một câu hỏi trong tiếng Hy lạp.

▣ **"sự dư dật của lòng nhân từ, nhịn nhục, khoan dung Ngài"** Con người thường hiểu lầm ân điển, sự thương xót và lòng nhịn nhục của Đức Chúa Trời, và làm cho họ có cớ phạm tội thay vì ăn năn (II Phi-e-rơ 3:9). Phao lô thường mô tả những thuộc tính Đức Chúa Trời với cụm từ "sự dư dật của" (9:23; 11:33; Cô-lô-se 1:27; Ê-phê-sô 1:7,18; 2:4,7; 3:8,16; Phi-líp 4:19).

▣ **"đem ngươi đến sự ăn năn"** Sự ăn năn rất quan trọng trong mối liên hệ giao ước đức tin với Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:15; 6:12; Lu-ca 13:3,5; Công-vụ 2:38; 3:19; 20:21). Từ ngữ này trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là sự thay đổi trong hành động, trong khi trong tiếng Hy lạp nó có nghĩa là sự thay đổi trong tâm trí. Ăn năn là sự bằng lòng thay đổi từ một sự hiện hữu lấy bản thân làm trung tâm, đến một cuộc sống được soi sáng và dẫn dắt bởi Đức Chúa Trời. Nó kêu gọi một sự quay đi khỏi sự tập trung hàng đầu vào bản ngã và nô lệ cho bản ngã. Nói nôm na, nó là một thái độ mới, một thế giới quan mới, một người chủ mới. Ăn năn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho mỗi đứa con sa ngã của A-đam, được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Ê-xê-chi-ên 18:21,23,32 và II Phi-e-rơ 3:9).

Đoạn Kinh thánh Tân ước diễn tả rõ ràng nhất các thuật ngữ khác nhau về sự ăn năn trong tiếng Hy lạp là II Cô-rinh-tô 7:8-12: (1) *lupeo*, "sự buồn rầu" hay "buồn khổ" trong câu 8 (hai lần), 9 (ba lần), 10 (hai lần), 11; (2) *metamelomai*, "hối hận" hay "đi sau sự chăm sóc" (after care) trong câu 8 (hai lần), 9; (3) *metanoia*, "ăn năn" hay "đi sau tâm trí" (after mind) trong câu 9, 10. Sự đối lập là sự ăn năn giả tạo (*metamelomai*) (Giu-đa, Ma-thi-ơ 27:3 và Ê-sau, Hê-bơ-rơ 12:16-17) so với sự ăn năn thật (*metanoeo*).

Sự ăn năn thật liên hệ về mặt thần học với (1) Sự giảng dạy của Chúa Jêsus về điều kiện của Giao ước mới (Ma-thi-ơ 4:17; Mác 1:15; Lu-ca *13:3,5);* (2) những bài giảng của các sứ đồ trong Công-vụ các sức

đồ (*kerygma*, Công-vụ 3:16,19; 20:21); (3) món quà tối cao của Chúa (Công-vụ 5:31;11:18 và II Ti-mô-thê 2:25); và (4) sự hư mất (II Phi-e-rơ 3:9). Sự ăn năn không có chọn lựa!

2:5-9 Những câu này mô tả (1) sự cứng đầu của nhân loại sa ngã và (2) sự thạnh nộ và phán xét của Đức Chúa Trời.

2:5 "lòng cứng cỏi" Dân Do thái cũng bị mô tả như vậy trong Xuất Ê-díp-tô ký 32:9; 33:3,5; 34:9; Phục truyền 9:6,13,27.

▣ **"tấm lòng"** Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:24.

▣ **"trong ngày thạnh nộ"** Còn gọi là "Ngày của Chúa" trong Cựu ước (Giô-ên, A-mốt). Đây là khái niệm Ngày Phán xét, hay là Ngày Sống lại đối với những tín nhân. Con người sẽ phải thưa trình trước mặt Chúa về món quà sự sống của Ngài (Ma-thi-ơ 25:31-46; Khải huyền 20:11- 15).

Để ý rằng chính những tội nhân tự họ đã chất chứa sự thạnh nộ. Đến lúc nào đó, Chúa chỉ việc cho phép sự thạnh nộ chất chứa này trở nên rõ ràng và bộc lộ hết khả năng của nó.

Cơn thạnh nộ, một trong những chữ con người dùng để mô tả Đức Chúa Trời, chỉ có tính hình bóng (theo cách của con người) để áp dụng cho thần linh! Đức Chúa Trời là đời đời, thánh khiết và thần linh. Con người hữu hạn, đầy tội lỗi và vật chất. Đức Chúa Trời không giận dữ về mặt cảm xúc, như trong một cơn giận. Kinh thánh mô tả Đức Chúa Trời là Đấng yêu thương tội nhân và mong muốn họ ăn năn nhưng Ngài cũng có sự chống đối dứt khoát đối với sự nổi loạn của con người. Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời cá nhân; Ngài nhìn nhận tội lỗi một cách cá nhân và chúng ta có trách nhiệm cách cá nhân về tội lỗi của mình.

Một ý nữa về cơn giận của Đức Chúa Trời. Trong Kinh thánh nó vừa là trong hiện tại (liên hệ đến thời gian (1:24,26,28) vừa là thời kỳ cuối (thời cuối cùng, 2:5-8). Ngày của Chúa (Ngày Phán xét) là một cách các tiên tri thời Cựu ước cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên phải ăn năn ở thời điểm hiện tại để tương lai của họ được phước, không bị đoán phạt (Phục truyền 27-28). Các tiên tri thời Cựu ước thường sử dụng các cơn khủng hoảng của thời đại họ để diễn tả ngày cuối cùng trong tương lai.

2:6 Đây là câu trích từ Thi thiên 62:12. Luật định phổ quát ở mọi nơi đó là con người phải chịu trách nhiệm đối với việc mình làm và ứng trình trước mặt Đức Chúa Trời (Gióp 34:11; Châm ngôn 24:12; Truyền đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rinh-tô 3:8; Ga-la-ti 6:7-10; II Ti-mô-thê 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải huyền 2:23; 20:12; 22:12). Ngay cả những tín nhân cũng sẽ khai trình về cuộc sống và sự phục vụ của họ trước mặt Đấng Christ (II Cô-rinh-tô 5:10). Người tin Chúa không phải được cứu bởi việc làm nhưng được cứu để làm việc (Ê-phê-sô 2:8-10 [đặc biệt câu 2:14-26]; Gia-cơ và I Giăng).

2:7 "đối với những người" ["Ai" (bản Tiếng Việt)] Có một sự đối lập hẳn hoi giữa những người được mô tả trong câu 7 và câu 8 ('nhưng đối với' ["còn ai" (bản Tiếng Việt)]).

▣ **NASB "cho những ai bền đỗ làm lành, tìm kiếm sự vinh hiển, tôn trọng và sự chẳng hề chết; thì có sự sống đời đời"**
NKJV "sự sống đời đời dành cho những người cứ tiếp tục kiên trì làm lành, tìm kiếm sự vinh hiển, tôn trọng và sự chẳng hề chết"
NRSV "cho những người kiên nhẫn làm lành và tìm kiếm sự vinh hiển, tôn trọng và sự chẳng hề chết; Ngài sẽ ban cho sự sống đời đời"
TEV "Những người cứ tiếp tục làm điều lành, tìm kiếm sự vinh hiển, tôn trọng và đời sống vĩnh cửu; thì Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ sự sống đời đời"
JB "đối với những người tìm kiếm sự vinh hiển, tôn trọng và sự chẳng hề chết bằng cách luôn luôn làm lành, thì sẽ có sự sống đời đời;"

Câu này chỉ những người như Cọt-nây (Công-vụ 10:34-35). Đoạn này nghe có vẻ xưng công bình bởi việc làm (nhận được sự công chính qua nỗ lực của con người), nhưng điều đó sẽ đi ngược lại với chủ đề chính của sách Rô-ma. Nên nhớ những câu 1-16 hay là 1-11 đều không phải là một đoạn văn. Điểm thần học cho toàn thể sách là Đức Chúa Trời không vị nể ai (câu 11) và mọi người đều phạm tội (câu 12). Nếu con người sống đúng theo ánh sáng mà họ có (mặc khải tự nhiên đối với người ngoại, mặc khải đặc biệt đối với dân Do thái, câu 10:5), thì họ phải sống đúng với Chúa. Tuy vậy, phần tóm tắt của phân đoạn 3:9-18, 23 cho thấy chưa từng có ai đạt được, và họ cũng không thể đạt được điều này!

Một cuộc sống thay đổi thánh thiện của một tín nhân được xem như là sự xác tín và làm chứng cho sự đáp ứng bằng đức tin khởi đầu của người này. Một cuộc sống thay đổi là bằng chứng về sự ở cùng của Thánh Linh Đức Chúa Trời (câu 10,13; Ma-thi-ơ 7; Ê-phê-sô 2:8-10; Gia-cơ 2:14-26 và I Giăng) Xin xem Chủ đề đặc biệt: "Cần phải bền đỗ" ở câu 8:25.

▣ **"sự sống đời đời"** Đây là câu đặc trưng trong các sách của Giăng và ít được dùng trong các sách Tin lành Cộng quan. Có lẽ Phao lô lấy chữ này từ trong Đa-ni-ên 12:2 (Tít 1:2; 3:7), chỉ về cuộc sống trong thời đại mới, cuộc sống trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời, sự sống lại. Ông dùng nó lần đầu tiên trong Ga-la-ti 6:8. Đây là một chủ đề phổ biến trong phần tín lý của sách Rô-ma (2:7; 5:21; 6:22,23). Nó cũng xuất hiện một vài lần trong các thư tín mục vụ (I Ti-mô-thê 1:16; Tít 1:2;3:7).

2:8 NASB "đối với những người tham vọng ích kỷ"
NKJV,NRSV "đối với những người tự tìm kiếm cho mình"
TEV "những người ích kỷ khác"
NJB "những ai vì ganh tị"

Từ gốc của nó có nghĩa là "làm công"

Trong sách của Louw và Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 2, trang 104, có liệt kê hai cách dùng từ ngữ này.

1. "tham vọng ích kỷ" dùng trong Rô-ma 2:8 để chỉ "việc muốn hơn người khác," là điều thích hợp với ngữ cảnh này
2. "sự thù địch" (hostility) [bản tiếng Việt dịch là 'chống trả'] dùng trong Phi-líp 1:17, để chỉ 'thù nghịch' là một lựa chọn trong cách dịch (cũng xem II Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:20; Phi-líp 2:3; Gia-cơ 3:14,16).

▣ **"và không vâng phục lẽ thật"** Chữ "lẽ thật" (*aletheia*) được dùng trong ý nghĩa *emeth* của tiếng Hê-bơ-rơ để chỉ sự thật và đáng tin cậy. Trong ngữ cảnh này, nó thiên về ý nghĩa đạo đức hơn là kiến thức. Xin xem Chủ đề đặc biệt "Các thư tín Phao lô" ở câu 1:18.

2:9 "cho mọi linh hồn con người" Phao lô dùng chữ *pas* trong tiếng Hy lạp được dịch là "tất cả" hay "mỗi" rất thường trong các chương mở đầu của sách Rô-ma để chỉ cho thấy sự ứng dụng phổ quát cho cả những 'tin xấu' (con người hư mất và sự phán xét không thiên vị của Đức Chúa Trời) và 'tin tốt' (Đức Chúa Trời ban cho không món quà cứu rỗi và sự tha tội hoàn toàn trong Đấng Christ cho những ai ăn năn và tin nhận Ngài).

Ngữ cảnh này rất có thể nói đến một sự phán xét toàn vũ trụ và những hậu quả của nó. Lẽ thật này đòi hỏi sự sống lại của cả người công bình và người gian ác (Đa-ni-ên 12:2; Giăng 5:28-29; Công-vụ 24:15).

Nếu câu 6-11 là một đoạn văn bắt chéo (chiasism) (xem phụ lục), thì câu 8-9 là những câu chìa khóa nói đến sự phán xét dành cho những người làm ác.

2:9-10 "trước là người Do thái" Điều này được lặp đi lặp lại để nhấn mạnh. Người Do thái có cơ hội đầu tiên bởi vì họ có sự mặc khải đặc biệt của Đức Chúa Trời (1:16; Ma-thi-ơ 10:6; 15:24; Giăng 4:22; Công-vụ 3:26; 13:46), nhưng cũng bị đoán xét đầu tiên (câu 9-11) bởi vì họ có sự kêu gọi đặc biệt và những ơn phước của Đức Chúa Trời (9:4-5).

2:11 NASB, NKJV "bởi vì không có sự thiên vị với Chúa"
NRSV "bởi vì Chúa không bày tỏ sự thiên vị"
TEV "bởi vì Đức Chúa Trời xử đoán mọi người với cùng một mực thước"
NJB "Không có một sự vị nể nào trước mặt Đức Chúa Trời"

Theo nghĩa đen, điều này có nghĩa là "ngước mặt lên," là một hình bóng từ hệ thống luật pháp thời Cựu ước (Lê-vi-ký 19:15; Phục truyền 10:17; II Sử ký 19:7; Công-vụ 10:34; Ga-la-ti 2:6; Cô-lô-se 3:25; I Phi-e-rơ 1:17). Nếu một người quan án thấy có thể có cơ hội dẫn đến sự thiên vị đối với người mình đang phán xử. Vì vậy, ông không được ngửa mặt của người đứng trước mặt lên.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TỆ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

I. Giới thiệu
  A. Đây là một thể hiện phổ biến của một nhân loại sa ngã trong mọi xã hội. Đây là bản ngã của con người, dựa vào lưng của những người khác. Ở nhiều phương diện, phân biệt chủng tộc là một hiện tượng hiện đại, trong khi tinh thần chủ nghĩa dân tộc (hay chủ nghĩa bộ tộc) là dạng thể hiện xa xưa hơn.
  B. Chủ nghĩa dân tộc bắt đầu tại tháp Ba-bên (Sáng-thế-ký 11) và bắt nguồn từ ba con trai của Nô-ê nơi mà các chủng tộc phát triển (Sáng-thế-ký 10). Tuy nhiên, điều hiển nhiên từ Kinh thánh cho thấy con người từ một nguồn gốc (tức là A-đam và Ê-va, tạo vật đặc biệt của Đức Chúa Trời, Sáng-thế-ký 1-3; Công-vụ 17:24-26).
  C. Phân biệt chủng tộc chỉ là một trong vô số những thành kiến khác. Một số khác như (1) hợm kiến thức; (2) khoe khoang tình trạng xã hội-kinh tế; (3) tính theo luật pháp tôn giáo tự xưng công bình; và (4) những liên kết chính trị theo tín lý.

II. Tư liệu Kinh thánh
  A. Cựu ước
    1. Sáng-thế-ký 1:27 -Con người, người nam, người nữ được tạo dựng trong ảnh tượng giống Chúa, là điều làm cho họ đặc biệt. Điều đó cũng cho thấy giá trị và phẩm cách cá nhân của con người (Giăng 3:16).
    2. Sáng-thế-ký 1:11-25-Cụm từ "tùy theo loại…" được lặp đi lặp lại 10 lần. Điều này được sử dụng để hậu thuẫn cho sự phân chia chủng tộc. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này rõ ràng điều này chỉ các thú vật và cây cỏ chứ không nói đến con người.
    3. Sáng-thế-ký 9:18-27 - Phân đoạn này được dùng để ủng hộ sự lấn áp chủng tộc. Phải nhớ rằng Đức Chúa Trời không nguyền rủa Canaan. Cha của anh là Nô-ê, đã nguyền rủa anh sau khi tỉnh dậy từ cơn say. Kinh thánh chưa bao giờ ghi rằng Đức Chúa Trời xác nhận lời nguyền rủa/thề nguyền này. Ngay cả nếu Chúa có làm điều đó, thì cũng không ảnh hưởng gì đến chủng tộc da màu. Canaan là tổ của những người sống ở vùng Pa-lét-tin và những bức tường chạm trổ của người Ê-díp-tô cho thấy họ không phải là người da đen.
    4. Giô-suê 9:23 - Câu này dùng để chứng minh rằng chủng tộc này sẽ làm nô lệ cho chủng tộc kia. Tuy nhiên, người Ga-ba-ôn cũng cùng nguồn gốc với người Do thái.
    5. E-xơ-ra 9-10 và Nê-hê-mi 13 - Những đoạn này thường được dùng trong ý nghĩa chủng tộc, nhưng ngữ cảnh này cho thấy các hôn nhân này bị nguyền rủa, không phải bởi vì khác chủng tộc (họ cùng là con cái của con trai Nô-ê, Sáng-thế-ký 10), nhưng vì lý do tôn giáo.
  B. Tân ước
    1. Các sách Phúc âm
      a. Chúa Jêsus sử dụng vấn đề hiềm thù giữa dân Do thái và Sa-ma-ri một vài lần, cho thấy vấn đề hiềm thù chủng tộc là không xứng hiệp.
        1) Câu chuyện Người Sa-ma-ri nhân lành (Lu-ca 10:25-37)
        2) Người đàn bà bên giếng (Giăng 4:4)
        3) Người cùi biết ơn (Lu-ca 17:7-19)

b. Phúc âm dành cho tất cả mọi người
   1) Giăng 3:16
   2) Lu-ca 24:46-47
   3) Hê-bơ-rơ 2:9
   4) Khải huyền 14:6
c. Vương quốc của Chúa bao gồm toàn thể nhân loại
   1) Lu-ca 13:29
   2) Khải huyền 5

2. Công-vụ
   a. Công-vụ 10 là phân đoạn nền tảng về tình yêu hoàn vũ của Đức Chúa Trời và sứ điệp hoàn vũ của Phúc âm.
   b. Phi-e-rơ bị công kích vì hành động của ông trong Công-vụ 11 và vấn đề này không được giải quyết mãi cho đến Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Sự giằng co giữa những người Do thái thế kỷ thứ nhất và người ngoại tin đạo rất lớn.
3. Phao lô
   a. Không có một rào cản nào trong Đấng Christ
      1) Ga-la-ti 3:26-28
      2) Ê-phê-sô 2:11-22
      3) Cô-lô-se 3:11
   b. Đức Chúa Trời không vị nể ai
      1) Rô-ma 2:11
      2) Ê-phê-sô 6:9
4. Phi-e-rơ và Gia-cơ
   a. Đức Chúa Trời không vị nể ai, I Phi-e-rơ 1:17
   b. Bởi vì Chúa không thiên vị, con dân Chúa cũng phải nên như vậy, Gia-cơ 2:1
5. Giăng
   Một trong những câu nói mạnh mẽ nhất về trách nhiệm của các tín nhân là trong I Giăng 4:20

III. Kết luận

A. Phân biệt chủng tộc hay các loại thành kiến, đều hoàn toàn không xứng hiệp với con cái Chúa. Sau đây là câu trích từ Henlee Barnette, người đã phát biểu tại một diễn đàn ở Glorieta, New Mexico trong Hội đồng Christian Life (Christian Life Commission) năm 1964: “Phân biệt chủng tộc là tà giáo, bởi vì nó không đúng với Kinh thánh, không phải là tính cách Cơ đốc nhân, đừng nói chi đến việc nó cũng không đúng với khoa học.”
B. Vấn đề này cho các Cơ đốc nhân dịp tiện bày tỏ tình yêu giống Đấng Christ, sự tha thứ và cảm thông cho một thế giới hư mất. Sự khước từ của Cơ đốc nhân trong lãnh vực này cho thấy sự không trưởng thành và là dịp cho ma quỷ ngăn cản bước tiến trong đức tin của các tín nhân, sự xác tín, và sự trưởng thành.Nó cũng có thể làm rào cản cho những người hư mất không thể đến với Đấng Christ được.
C. Tôi phải làm gì? (Phần này trích từ truyền đơn của Christian Life Commission có tựa là “Liên hệ Chủng tộc”

TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÁ NHÂN

★ Tự nhận trách nhiệm giải quyết vấn đề liên quan đến chủng tộc
★ Qua sự cầu nguyện, học Kinh thánh, và thông công với những người khác chủng tộc, cố gắng loại bỏ khỏi đời sống những thành kiến về chủng tộc
★ Bày tỏ niềm tin của bạn về vấn đề chủng tộc, đặc biệt là ở những nơi mà những người khích động sự hiềm thù chủng tộc không bị chất vấn.

TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH

★ Nhận ra tầm quan trọng của ảnh hưởng gia đình trong sự hình thành những thái độ về chủng tộc khác

★ Tìm cách phát triển cách nhìn Cơ đốc bằng việc nói về những điều con cái hay cha mẹ nghe biết về vấn đề chủng tộc ở bên ngoài
★ Cha mẹ nên cẩn thận làm gương một tín đồ Cơ đốc khi tiếp xúc với những người khác chủng tộc
★ Tìm dịp làm thân với những người khác chủng tộc

TRONG HỘI THÁNH
★ Bằng cách nghe giảng dạy về các lẽ thật Kinh thánh về vấn đề chủng tộc, Hội thánh được khích lệ sống làm gương cho cả cộng đồng.
★ Cần bảo đảm rằng sự thờ phượng, thông công, phục vụ trong nhà thờ được mở ra cho tất cả mọi người, ngay cả những Hội thánh thời Tân ước cũng không thấy những rào cản chủng tộc nào (Ê-phê-sô 2:11-22; Ga-la-ti 3:26-29).

TRONG CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY
★ Giúp vượt qua tất cả những phân biệt chủng tộc trong thế giới doanh nghiệp
★ Làm việc qua các tổ chức cộng đồng đủ loại để bảo đảm quyền lợi và cơ hội công bằng, và nên nhớ mục tiêu tấn công là vấn đề chủng tộc chứ không phải những con người. Mục tiêu là cổ vũ sự hiểu biết chứ không phải sự cay cú.
★ Nếu thấy thích hợp, hãy thành lập một ủy ban đặc biệt gồm những công dân có quan tâm với mục đích mở ra những phương tiện truyền thông trong cộng đồng để giáo dục quần chúng và có những hành động cụ thể để cải tiến vấn đề phân biệt chủng tộc.
★ Ủng hộ các hiến pháp và những nhà lập hiến muốn thông qua luật cải tiến sự công bằng chủng tộc và chống lại những người khai thác sự thành kiến này cho những lợi ích chính trị.
★ Khen ngợi các nhân viên thi hành công vụ khi thi hành luật mà không có sự phân biệt
★ Tránh bạo động, đề xướng sự tôn trọng luật, làm mọi việc có thể làm được như một công dân Cơ đốc để bảo đảm những cấu trúc luật pháp không trở thành công cụ trong tay những người muốn đẩy mạnh sự phân biệt chủng tộc.
★ Làm gương về tinh thần và tâm trí của Đấng Christ trong mọi giao tiếp với con người.

2:12-16 (BẢN NASB)
12 Phàm những kẻ không luật pháp mà phạm tội, cũng sẽ không luật pháp mà hư mất; còn những kẻ có luật pháp mà phạm tội, thì sẽ bị luật pháp đoán xét; 13 Vì chẳng phải kẻ nghe đọc luật pháp là người công bình trước mặt Đức Chúa Trời, bèn là kẻ làm theo luật pháp được xưng công bình vậy. 14 Vả, dân ngoại vốn không có luật pháp, khi họ tự nhiên làm những việc luật pháp dạy biểu, thì những người ấy dầu không có luật pháp, cũng tự nên luật pháp cho mình. 15 Họ tỏ ra rằng việc mà luật pháp dạy biểu đã ghi trong lòng họ: chính lương tâm mình làm chứng cho luật pháp, còn ý tưởng mình khi thì cáo giác mình, khi thì binh vực mình. 16 Ấy là điều sẽ hiện ra trong ngày Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa Jêsus Christ mà xét đoán những việc kín nhiệm của loài người, y theo Tin Lành tôi.

2:12 "những kẻ không luật pháp mà phạm tội" Đức Chúa Trời sẽ cho rằng con người có trách nhiệm ngay cả nếu họ chưa bao giờ biết đến Cựu ước hay Phúc âm. Mọi người đều có hiểu biết về Đức Chúa Trời qua sự sáng tạo (1:19-20; Thi thiên 19:1-6) và một ý niệm đạo đức bẩm sinh (2:14-15). Tấn bi kịch ở đây là tất cả mọi người đã cố tình vi phạm ánh sáng mà họ đã có (1:21-23; 3:9, 19,23; 11:32; Ga-la-ti 3:22).

▣ **"Luật pháp"** Không có một MẠO TỪ (ARTICLE) nào đi kèm với chữ "luật pháp" ở đây. Điểm ngữ pháp này thường nhấn mạnh đến chất lượng/tính chất của DANH TỪ đó. Tuy nhiên, trong thư Rô-ma Phao lô dùng "luật pháp này" để chỉ một số điều sau: (1) Luật La mã; (2) Luật Môi se; hay (3) khái niệm

đạo đức xã hội chung chung của con người. Ngữ cảnh, chứ không phải MẠO TỪ, sẽ cho biết luật nào được nói đến. Ngữ cảnh này nhấn mạnh rằng mọi người đều có hiểu biết về mặc khải tự nhiên của Đức Chúa Trời về chính Ngài trong tấm lòng của họ (câu 15).

2:13 "vì chẳng phải kẻ nghe đọc luật pháp là người công bình trước mặt Đức Chúa Trời" Chữ "những kẻ nghe" trong cách dùng của các thầy ra-bi có ý nghĩa đặc biệt chỉ về các học trò ra-bi học luật (Torah).

Chữ "công bình" hay "được xưng công bình" (*dike* trong tất cả các thể) là một từ ngữ quan trọng trong thần học của Phao lô (3:4,20,24,26,28,30; 4:2,5; 5:1,9; 6:7; 8:30,33). Những chữ "công bình" "xưng công bình," "sự xưng công bình," "đúng" hay "công chính" đều được rút ra từ chữ *dikaios*. Xin xem Chủ đề đặc biệt Sự Công bình trong câu 1:17. Trong tiếng Hê-bơ-rơ (*tsadag*) nó có nghĩa nguyên thủy là một cây sậy thẳng dài (khoảng 15 đến 20 feet) dùng để đo đạc những vật như tường hay rào để xem độ đứng thẳng. Từ đó được dùng theo ý nghĩa hình bóng Chúa như chuẩn mực của sự phán xét.

Trong các thư tín Phao lô từ ngữ này có hai trọng tâm. Thứ nhất, sự công bình riêng của Đức Chúa Trời được ban cho con người tội lỗi như một món quà cho không, qua đức tin trong Đấng Christ. Điều này được gọi là sự công bình được kể cho, hay sự công bình theo pháp lý. Nó chỉ vị trí pháp lý của một người trước một Đức Chúa Trời công bình. Đây là xuất xứ của chủ đề nổi tiếng "xưng công bình bởi đức tin" của Phao lô. Thứ hai, hành động của Đức Chúa Trời phục hồi con người tội lỗi trở lại ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27), hay nói cách khác, để đem đến sự giống với Đấng Christ hơn. Câu này-giống với Ma-thi-ơ 7:24; Lu-ca 8:21 và 11:28; Giăng 13:17; Gia-cơ 1:22-23,25- thúc giục các tín nhân trở nên những người hành động chứ không phải chỉ nghe. Sự công bình được gán cho phải sanh ra đời sống công bình. Đức Chúa Trời tha thứ và thay đổi tội nhân! Cách dùng của Phao lô hàm ý về cả phương diện pháp lý và phương diện đạo đức. Giao ước mới ban cho con người một vị trí pháp lý nhưng cũng đòi hỏi một lối sống thánh thiện. Nó không phải tốn tiền, nhưng nó có giá trả.

▣ **"kẻ làm theo luật pháp"** Để biết Chúa đòi hỏi một lối sống vâng phục mới (Lê-vi-ký 18:5; Ma-thi-ơ 7:24-27; Lu-ca 8:21; 11:28; Giăng 13:17; Gia-cơ 1:22-25; 2:14-28). Tương tự như vậy, khái niệm này nhại theo từ ngữ *shema* trong tiếng Hê-bơ-rơ , có nghĩa là hãy nghe để mà làm theo (Phục truyền 5:1; 6:4; 9:1; 20:3; 27:9-10).

2:14
NASB "vì khi dân ngoại không có luật pháp nhưng tự nhiên làm điều của luật pháp, thì những người này, dù không có luật pháp, cũng trở nên luật cho chính họ"
NKJV "vì khi dân ngoại không có luật pháp nhưng tự nhiên làm điều có trong luật pháp, thì những người này, mặc dù không có luật, cũng trở nên luật cho chính họ"
NRSV "Khi người ngoại, vốn không có luật pháp, nhưng theo bản năng làm những điều luật pháp đòi hỏi, thì những người này dù không có luật pháp, cũng trở nên luật cho chính họ"
TEV "Người ngoại không có luật pháp, nhưng từ trong chính ý chí tự do của mình, họ làm điều luật pháp dặn biểu, họ dù không có luật pháp, cũng trở nên luật cho chính họ"
JB "Ví dụ, người ngoại chưa bao giờ nghe về luật pháp nhưng được chỉ dẫn bởi lý trí để làm theo điều luật pháp dặn biểu, thì họ thật sự không có luật nhưng có thể nói đó trở nên luật cho họ"
Mọi văn hóa đều có một luật đạo đức bên trong, một chuẩn mực xã hội. Họ có trách nhiệm với ánh sáng mà họ có (I Cô-rinh-tô 9:21). Câu này không nhằm nói rằng họ có thể sống đúng theo Chúa nếu họ sống trong sự soi sáng của văn hóa mình, nhưng họ có trách nhiệm với sự hiểu biết bẩm sinh của họ về Đức Chúa Trời.

2:15 "chính lương tâm họ làm chứng, và ý tưởng họ khi thì cáo giác, khi thì binh vực" Có một tiếng nói đạo đức bên trong. Nhưng chỉ có Kinh thánh, được soi dẫn bởi Đức Thánh Linh, mới có thể tin cậy hoàn toàn được. Sự sa ngã đã ảnh hưởng lương tâm chúng ta. Tuy nhiên, sự sáng tạo (1:18-20) và luật đạo đức bên trong (2:14-15) đều là những hiểu biết về Đức Chúa Trời mà con người có được. Không có một chữ Hê-bơ-rơ nào tương đương với chữ "lương tâm" *syneidesis* trong tiếng Hy lạp. Khái niệm đạo đức

bên trong về đúng sai của Hy lạp thường được các triết gia phái khắc kỷ (Stoic) bàn đến. Phao lô quen thuộc với các triết gia Hy lạp này (ông trích Cleanthes trong Công-vụ 17:28; Menander trong I Cô-rinh-tô 15:33; và Epimenides trong Tít 1:12) từ các trường học khi còn trẻ tại Tạt-sơ. Quê của ông nổi tiếng có những trường dạy hùng biện và triết lý Hy lạp rất tốt.

2:16 "trong ngày này" Xin xem chú thích ở câu 2:5.

▣ **"theo Tin lành tôi"** Theo ngữ cảnh điều này chỉ sự giảng dạy của Phao lô về sự mặc khải của Chúa Jêsus. ĐẠI TỪ "của tôi" cho thấy Phao lô nhận biết trách nhiệm quản lý Phúc âm đã được giao phó cho ông (16:25; I Cô-rinh-tô 15:1; Ga-la-ti 1:11; I Ti-mô-thê 1:11; II Ti-mô-thê 2:8). Không phải nó là đặc biệt từ ông, nhưng vì là sứ đồ cho dân ngoại, ông cảm thấy một trách nhiệm lớn lao là phân phát lẽ thật của Chúa Jêsus cho khắp thế giới Hy-La (Greco-Roman).

▣ **"Chúa sẽ xét đoán những việc kín nhiệm của loài người"** Chúa biết lòng của mọi người (I Sa-mu-ên 2:7; 16:7; I Các Vua 8:39; I Sử ký 28:9; II Sử ký 6:30; Thi thiên 7:9; 44:21; 139:1-6; Châm ngôn 15:11; 21:2; Giê-rê-mi 11:20; 17:10; 20:12; Lu-ca 15:16; Công-vụ 1:24; 15:8; Rô-ma 8:27; Khải huyền 2:23). Đức Chúa Cha, qua trung gian Đức Chúa Con, sẽ phơi bày ra những động cơ và hành động để xét xử (Ma-thi-ơ 25:31-46; Khải huyền 20:11-15).

▣ **"qua Chúa Jêsus Christ"** Chúa Jêsus không đến để làm quan tòa xử đoán (Giăng 3:7-12). Ngài đến để bày tỏ Đức Chúa Cha, chết đền tội, và cho con người một gương để noi theo. Khi con người từ chối Chúa Jêsus, thì họ đã tự đoán xét chính mình.

Tuy nhiên, Tân ước cũng dạy rằng Chúa Jêsus sẽ là Người đại diện Đức Chúa Cha trong sự phán xét (Giăng 5:22, 27; Công-vụ 10:42; 17:31; II Ti-mô-thê 4:1). Sự căng thẳng giữa việc nhìn nhận Chúa Jêsus là Quan tòa và/hoặc là Đấng Cứu thế có thể được tìm thấy trong Phúc âm Giăng (3:17-21; 9:39).

2:17-24 (BẢN NASB)
17 Còn ngươi, mang lấy danh người Giu-đa, yên nghỉ trên luật pháp, khoe mình về Đức Chúa Trời ngươi, 18 hiểu ý muốn Ngài và biết phân biệt phải trái, vì ngươi đã được luật pháp dạy; 19 khoe mình làm người dẫn đường cho kẻ mù, làm sự sáng cho kẻ ở nơi tối tăm,20 làm thầy kẻ ngu, làm người dạy kẻ tầm thường, trong luật pháp có mẫu mực của sự thông biết và của lẽ thật, 21 vậy ngươi dạy dỗ kẻ khác mà không dạy dỗ chính mình ngươi sao! Ngươi giảng rằng chớ nên ăn cắp, mà ngươi ăn cắp! 22 Ngươi nói rằng chớ nên phạm tội tà dâm, mà ngươi phạm tội tà dâm! Ngươi gớm ghét hình tượng mà cướp lấy đồ vật của hình tượng! 23 Ngươi khoe mình về luật pháp mà bởi luật pháp làm nhục đến Đức Chúa Trời! 24 Vì bởi cớ các ngươi nên danh Đức Chúa Trời bị nói phạm trong vòng người ngoại, như lời đã chép.

2:17 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT là câu được xem là đúng từ cái nhìn của người viết hay là với mục đích ngữ văn. Điều kiện này kéo dài đến câu 20 nhưng không có phần kết thúc, vì thế bản TEV dịch nó như là những lời khẳng định mà có lẽ Chúa Jêsus đã nói. Người Do thái dựa vào dòng tộc, truyền thống, và việc làm để có được sự cứu rỗi (Ma-thi-ơ 3:9; Giăng 8:33, 37, 39).

▣ **"khoe mình về Chúa"** Nhiều người Do thái cậy nơi (1) dòng dõi chủng tộc của họ và (2) sự giữ luật pháp Môi se của cá nhân để làm phương tiện qua đó được Chúa chấp nhận. Tuy nhiên, sự trọng luật theo công bình riêng của họ đã phân cách họ với Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:20; Ga-la-ti 3). Thật là một nghịch lý đau thương!

Phao lô phát triển thêm ý về sự khoe mình trong I Cô-rinh-tô. Phao lô đối diện với một dân Y-sơ-ra-ên ngạo mạn và một chủ nghĩa trọng kiến thức đầy kiêu căng của người Hy lạp. Xét cho cùng, không có một xác thịt nào phản chiếu vinh quang trước mặt Đức Chúa Trời (hay nói thẳng thừng ra, khi Chúa nhận bạn vào, thật ra Ngài không kiếm được một điều gì tốt nơi bạn!).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ KHOE MÌNH

Những từ ngữ này *kauchaomai, kauchema,*và *kauchesis* được Phao lô dùng khoảng 35 lần và chỉ 2 lần trong các sách Tân ước còn lại (đều trong Gia-cơ). Nó được sử dụng chủ yếu trong I và II Cô-rinh-tô.

Có hai lẽ thật chính liên quan đến sự khoe mình.

★ Không xác thịt nào khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 1:29; Ê-phê-sô 2:9)

★ Người tin Chúa nên khoe mình trong Chúa (I Cô-rinh-tô 1:31; II Cô-rinh-tô 10:17, chỉ về Giê-rê-mi 9:23-24)

Vì vậy, có những sự khoe mình chính đáng và không chính đáng (ví dụ như kiêu căng)

1. Chính đáng:
    a. Về sự hy vọng vinh quang (Rô-ma 4:2)
    b. Trong Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus (Rô-ma 5:11)
    c. Về thập tự của Đấng Christ (chủ đề chính của Phao lô, I Cô-rinh-tô 1:17-18; Ga-la-ti 6:14)
    d. Phao lô khoe mình về:
        (1) Mục vụ không đòi hỏi lương hướng của ông (I Cô-rinh-tô 9:15,16; II Cô-rinh-tô 10:12)
        (2) Thẩm quyền của ông từ Đấng Christ (II Cô-rinh-tô 10:8:12)
        (3) Ông không huênh hoang về công việc của những người khác (như một số người ở Cô-rinh-tô, II Cô-rinh-tô 10:15)
        (4) Di sản về chủng tộc (như một số ở Cô-rinh-tô, II Cô-rinh-tô 11:17; 12:1,5,6).
        (5) Các Hội thánh của ông
            (a) Cô-rinh-tô (II Cô-rinh-tô 7:4,14:8:24; 9:2; 11:10)
            (b) Tê-sa-lô-ni-ca (II Tê-sa-lô-ni-ca 1:4)
        (6) Niềm tin nơi sự an ủi và giải cứu của Đức Chúa Trời (II Cô-rinh-tô 1:12)
2. Không chính đáng:
    a. Liên quan đến di sản Do thái (Rô-ma 2:17,23; 3:27; Ga-la-ti 6:13)
    b. Một số người ở Hội thánh Cô-rinh-tô khoe khoang:
        (1) Về con người (I Cô-rinh-tô 3:21)
        (2) Về sự khôn ngoan (I Cô-rinh-tô 4:7)
        (3) Về sự tự do (I Cô-rinh-tô 5:6)
    c. Các giáo sư giả tìm cách khoe khoang trong Hội thánh ở Cô-rinh-tô (II Cô-rinh-tô 11:12)

2:18 "chấp thuận" Xin xem chủ đề về Thử nghiệm sau đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

CHỮ "THỬ NGHIỆM" TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG TỪ GẦN NGHĨA

Có hai từ Hy lạp mang ý nghĩa thử nghiệm một ai đó với một mục đích.

1. *Dokimazo, dokimion, dokimasia*

   Đây là thuật ngữ của những nhà luyện kim dùng để thử nghiệm tính xác thực của một vật (nghĩa bóng, của một người) bằng lửa. Lửa làm lộ ra kim khí thật bằng cách đốt cháy đi (tẩy đi) những cứt sắt. Tiến trình vật chất này trở nên một thành ngữ rất hiệu quả để chỉ sự thử nghiệm của Chúa với con người và với nhau. Từ ngữ này chỉ được dùng với khuynh hướng lạc quan trong cái nhìn hướng về sự chấp nhận lẫn nhau.

   Nó được dùng trong Tân ước nói về sự thử nghiệm:

   a. Bò, Lu-ca 14:19
   b. Chính chúng ta, I Cô-rinh-tô 11:28

c. Đức tin, Gia-cơ 1:3
d. Ngay cả chính Chúa, Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả của những cuộc thử nghiệm này được cho là khả quan (Rô-ma 1:28; 14:22; 16:10; II Cô-rinh-tô 10:18; 13:3; Phi-líp 2:27; I Phi-e-rơ 1:7). Vì vậy, từ ngữ này chuyển tải ý nghĩa một người được thử nghiệm và cho thấy là:

a. Xứng đáng
b. Tốt
c. Thật
d. Có giá trị
e. Đáng tôn trọng

2. *Peirazo, peirasmos*

Từ ngữ này có ý nghĩa thử nghiệm với mục đích tìm ra cái sai hoặc để từ chối. Nó thường được dùng với cám dỗ của Chúa Jêsus trong đồng vắng.

a. Nó mang ý nghĩa tìm cách để gài bẫy Chúa (Ma-thi-ơ 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; 10:25; Hê-bơ-rơ 2:18).
b. Chữ này được dùng làm danh hiệu cho Satan trong Ma-thi-ơ 4:3; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5.
c. Chữ này (trong dạng từ ghép *ekpeirazo*) được Chúa Jêsus dùng để chỉ không được thử Chúa (Ma-thi-ơ 4:7; Lu-ca 4:12; I Cô-rinh-tô 10:9)
d. Chữ này được dùng khi nói đến những cám dỗ và thử thách cho người tin Chúa (I Cô-rinh-tô 7:5; 10:9, 13: Ga-la-ti 6:1; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ 1:2, 13,14; I Phi-e-rơ 4:12; II Phi-e-rơ 2:9).

▣ **"luật pháp"** Câu 17 trở đi nói đến người Do thái, vì vậy, chữ "luật pháp" phải liên hệ đến Luật Môi se. Điều này được xác nhận trong câu 25 khi nói đến phép cắt bì.

2:18-20 Các lãnh đạo Do thái tin rằng cách của họ (tông phái Do thái giáo) là đúng, là đường duy nhất dẫn đến Đức Chúa Trời. Họ tin tưởng rằng họ là những thầy giáo thật dạy những vấn đề tôn giáo. Đặc ân thường dẫn theo trách nhiệm (Lu-ca 12:48).

Để ý những cụm từ đối xứng nói về sự tự tin của họ

1. Người dẫn đường cho kẻ mù, câu 19
2. Ánh sáng cho những ai trong bóng tối, câu 19
3. Người sửa lại những người ngu dại, câu 20
4. Thầy giáo của người chưa trưởng thành, câu 20
5. Có trong luật pháp mẫu mực của sự thông biết và của lẽ thật, câu 20

2:21-24 Nếu tin vào sự vâng phục của cá nhân, thì sự vâng phục đó phải hoàn toàn (Ma-thi-ơ 5:20, 48; Ga-la-ti 3:10 là câu trích trong Phục truyền 27:26). Đây là điều con người sa ngã không thể làm được. Có năm câu hỏi tu từ trong câu 21-33.

2:22 Khó mà biết được Phao lô nói đến ai trong câu 22-33. Vì sự mô tả này không khớp với đa số những người Do thái thời Phao lô, cho nên có thể những tội lỗi này được dùng trong ý nghĩa thiêng liêng tương tự cách Chúa Jêsus giải thích Luật trong Ma-thi-ơ 5:20-38. Học giả George Ladd trong cuốn *A Theology of the New Testament* nói rằng, "Phao lô có lẽ đề cập đến việc cướp đi sự vinh hiển đáng thuộc về Đức Chúa Trời, sự gian dâm thuộc linh, và phạm thượng đến sự tin kính đáng quy về một mình Chúa bằng cách tự đem mình lên làm quan án và chúa của đồng loại." trang 505.

2:22 "gớm ghét hình tượng" Nghĩa gốc của từ này là sự quay đi khỏi một điều gì đó bởi vì có mùi hôi thối.

▣ **"cướp lấy đền thờ"** Không rõ về mặt lịch sử nó chỉ về điều gì, nhưng nó rõ ràng có liên quan đến sự thờ hình tượng.

2:24 Đây là câu trích dẫn từ Ê-sai 52:5 trong bản Bảy mươi. Sự chúc phước của Đức Chúa Trời trên dân Y-sơ-ra-ên khi họ giữ giao ước của Ngài, có ý là một nhân chứng cho thế giới này (Phục truyền 27-28). Tuy nhiên, Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ giữ giao ước của Ngài, vì vậy thế giới chỉ thấy những sự phán xét của Chúa (Ê-xê-chi-ên 36:22-32). Y-sơ-ra-ên là một vương quốc thầy tế lễ (Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6), đem cả thế giới đến với Đức Giê-hô-va (Sáng-thế-ký 12:3; Ê-phê-sô 2:11-3:13).

2:25-29 (BẢN NASB)
25 Thật thế, nếu ngươi làm theo luật pháp, thì phép cắt bì có ích; còn nếu ngươi phạm luật pháp, thì dầu chịu cắt bì cũng như không.26 Vậy nếu kẻ chưa chịu cắt bì giữ các điều răn của luật pháp thì sự chưa chịu cắt bì đó há chẳng cầm như đã chịu sao? 27 Kẻ vốn không chịu cắt bì, mà làm trọn luật pháp sẽ đoán xét ngươi, là kẻ dẫu có chữ của luật pháp và phép cắt bì, lại phạm luật pháp. 28 Vì người nào chỉ bề ngoài là người Giu-đa, thì không phải là người Giu-đa, còn phép cắt bì làm về xác thịt ở ngoài, thì không phải là phép cắt bì;29 nhưng bề trong là người Giu-đa mới là người Giu-đa, phép cắt bì bởi trong lòng, làm theo cách thiêng liêng, không theo chữ nghĩa, mới là phép cắt bì thật. Một người Giu-đa như vậy được khen ngợi, chẳng phải bởi loài người, bèn là bởi Đức Chúa Trời.

2:25 "phép cắt bì" Phao lô vẫn sử dụng phép đối xứng. Một người nào đó nêu lên câu hỏi, nhưng mà ít ra chúng tôi đã làm phép cắt bì (Sáng-thế-ký 17:10-11). Chúng tôi thuộc dòng dõi Áp-ra-ham. Phao lô đã thẳng thừng và mạnh mẽ làm tan biến niềm hy vọng ấp ủ của người Do thái (Ma-thi-ơ 3:7-10; Giăng 8:31-59).

Tất cả láng giềng của người Do thái trừ ra người Phi-li-tin đều chịu phép cắt bì. Không phải tại vì hành động đó quan trọng; nhưng là tại vì đức tin tiếp nối của người nhận (câu 26-27). Điều này đúng trong các lễ nghi tôn giáo. Những người theo tôn giáo thường chỉ muốn phước lành của giao ước Đức Chúa Trời mà không muốn nhận lãnh trách nhiệm.

2:25-26 "nếu…nếu…nếu…" Đây là những CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA chỉ những điều có thể xảy ra trong tương lai. Sự vâng lời (Phục truyền 27-30) là chìa khóa trong lời biện luận của Phao lô trong chương 2, nhưng không phải trong 3:21-31 (xem Ga-la-ti 3).

2:26-27 Những câu này mở ra hy vọng cho một số người ngoại sống theo ánh sáng họ có. Một ví dụ duy nhất thuộc dạng này là trường hợp Cọt-nây trong Công-vụ 10. Tuy vậy, ông cũng không hẳn ở trong trường hợp của câu này vì ông là người kính sợ Chúa và thờ phượng Ngài ở nhà hội.

Trên thực tế những câu này là điểm đối lại với lời biện luận của Phao lô về nhu cầu cần sự cứu rỗi của người Do thái. Rô-ma 3:23 là câu tóm tắt nói rằng tất cả mọi người đều hư mất thuộc linh nếu không có Đấng Christ. Nếu có một số người ngoại sống theo ánh sáng mà họ có từ công cuộc sáng tạo và từ sự nhạy bén đạo đức bên trong, Đức Chúa Trời sẽ cho họ có cơ hội đáp ứng món quà Đấng Christ- bằng cách nào đó, trong lúc nào đó.

2:28-29 "Vì người nào không phải là người Giu-đa….người đó là người Giu-đa" Đây là một diễn đàn hết sức quan trọng bởi vì hướng phát triển thần học hiện đại của phái phân thời (dispensationalism) và nỗ lực của nó nhằm phân biệt hay đóng viên dân của Chúa trong Cựu ước và dân của Ngài trong Tân ước. Chỉ có một dân và một giao ước mà thôi (Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 3:7-9, 29; 6:16; I Phi-e-rơ 3:6). Giao ước mới là sự phát triển và hoàn tất giao ước cũ. Dân của Chúa vẫn luôn luôn là dân của Chúa bởi đức tin, chứ không phải bởi huyết thống. Họ là "dân theo tấm lòng" chứ không phải theo nghi lễ hay chủng tộc. Đức tin, không phải cha mẹ, là chìa khóa ở đây. Giao ước theo tâm trí là dấu hiệu ở đây, chứ không phải giao ước theo tấm bảng.

2:29 Dấu hiệu giao ước về phép cắt bì (Sáng-thế-ký 17:14) là một hình bóng trong Cựu ước cho một người mở lòng trước Chúa. Nó phát triển ý nghĩa hình bóng theo những cách sau: (1) cắt bì tấm lòng

(Phục truyền 10:16; Giê-rê-mi 4:4); (2) Cắt bì tai (Giê-rê-mi 6:10); và (3) cắt bì môi miệng (Xuất Ê-díp-tô ký 6:12,30). Luật pháp không bao giờ có ý là một luật lệ bên ngoài, nhưng là nguyên tắc thay đổi đời sống bên trong. Xin xem Chủ đề đặc biệt "Quan điểm Phao lô về Luật pháp trong câu 7:12."

▣ **NASB** **"phép cắt bì bởi trong lòng, bởi Thánh Linh, không phải theo chữ nghĩa"**
NKJV **"phép cắt bì bởi trong lòng, trong Thánh Linh, không phải theo chữ nghĩa"**
NRSV **"là vấn đề của tấm lòng-- theo cách thiêng liêng, không phải theo văn chương"**
TEV **"là công việc của Thánh Linh Đức Chúa Trời, không phải bởi Luật thành văn"**
JB **"trong tấm lòng-- không thuộc về chữ nghĩa nhưng thuộc về thuộc linh."**

Cụm từ này không rõ trong tiếng Hy lạp. Một số bản dịch là thuộc linh và văn tự (bản NRSV, the Twentieth Century New Testament, the Knox, the Lamsa trong Peshitta, the Williams, và bản New Berkeley Version). Một số bản khác cho thấy sự đối lập giữa Đức Thánh Linh (7:6; II Cô-rinh-tô 3:6, có cấu trúc tương tự) và bản viết theo văn tự (NASB, NKJV, NEB, NIV và TEV).

Phao lô cũng đã bàn luận rằng một số người ngoại có thể làm hài lòng Chúa mà không phải theo Luật pháp. Nếu điều này là đúng thì các con cái Đức Chúa Trời bao gồm không chỉ những người chịu cắt bì về mặt thuộc thể (sách Ga-la-ti). Gia đình của Đức Chúa Trời rộng lớn hơn là một dân tộc Do thái (Sáng-thế-ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5). Gióp, Mên-chi-xe-đéc, Giê-trô, Ca-lép, Ra-háp, và Ru-tơ không phải thuộc chủng tộc Do thái. Ngay cả chi phái Ép-ra-im và Ma-na-se có máu người Ê-díp-tô (Sáng-thế-ký 41:50-52).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Sự bất trung của người Do thái ảnh hưởng thế nào đến lời hứa của Đức Chúa Trời (3:3-4)?
2. Có một lợi thế nào trước mặt Đức Chúa Trời khi là người Do thái hay không (3:1-8)?
3. Bài diễn luận công kích (diatribe) là gì?
4. Điểm chính của bài diễn luận công kích trong câu 5-8 là gì?
5. Cách con người sống có quan trọng không khi sự xưng công bình là bởi ân điển qua đức tin mà không dựa vào việc làm (3:8)?
6. Khái niệm thần học của tình trạng suy đồi tổng thể (total depravity) là gì (3:10-18)?
7. Mục đích của luật Môi se hay luật nói chung là gì (3:20; Ga-la-ti 3:24-25)?
8. Tại sao Satan không được đề cập đến trong cả ba đoạn 1-3 khi nói đến tình trạng hư mất của con người?
9. Lời hứa trong Cựu ước là có điều kiện hay không có điều kiện?
10. Mục đích của luật Môi se trong đời sống của (1) người không phải Do thái; và (2) người Do thái là gì?
11. Lập dàn ý bằng chữ riêng của mình những biện luận của Phao lô trong 1:18-3:20 theo từng đoạn văn.

RÔ-MA ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Người Do thái và Luật pháp	Sự phán xét của Đức Chúa Trời được bảo vệ	Lợi điểm của người Do thái	Người Do thái và Luật pháp	Lời hứa của Chúa sẽ không cứu họ
3:1-8	3:1-8	3:1-8	3:1-4 3:5-6 3:7-8	3:1-8
Không có một người công bình	Tất cả đều phạm tội	Mọi người đều có tội	Không ai công bình	Mọi người đều có tội
3:9-20	3:9-20	3:9-18 3:19-20	3:9-18 3:19-20	3:9-18 3:19-20
Công bình bởi đức tin	Sự công bình của Đức Chúa Trời bởi đức tin	Sự công bình thật	Cách Chúa xưng công bình con người	Bày tỏ sự công bình Đức Chúa Trời
3:21-26	3:21-26	3:21-26	3:21-26	3:21-26
	Loại bỏ sự khoe khoang	Loại bỏ sự khoe khoang		Những điều đức tin có thể làm
3:27-31	3:27-31	3:27-31	3:27-31	3:27-31

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Xét trên nhiều phương diện, câu 1-8 có liên quan với nhau, nhưng khó mà theo dõi cách lập luận của Phao lô

B. Có vẻ như Phao lô mong đợi cách những người Do thái phản ứng lại với những câu 2:17-29, vì thế ông trả lời những chống đối của họ (xem sách của Corley, Vaughan, *Romans*, trang 37-39).
   1. Câu hỏi thứ nhất: Có phải thật không có lợi điểm nào cho người Do thái? (câu 1-2)
   2. Câu hỏi thứ hai: Lời Chúa có thay đổi hay không khi một số người Do thái đã bất trung? (câu 3-4)
   3. Câu hỏi thứ ba: Nếu Chúa sử dụng người Do thái để bày tỏ bản tính của Ngài, thì người Do thái có chịu trách nhiệm về mặt pháp lý hay không? (câu 5-8)

C. Lời kết luận đi trở lại câu 2:11. Không có sự thiên vị nơi Đức Chúa Trời. Cả nhân loại đều chịu trách nhiệm về cách mình sống theo ánh sáng mà họ có (mặc khải tự nhiên và/hoặc mặc khải đặc biệt).

D. Câu 9-18 là những câu trích trong Cựu ước mô tả tội lỗi của người Do thái.

E. Câu 19-20 tóm tắt lại tình trạng thuộc linh của Y-sơ-ra-ên và mục đích của Cựu ước (Ga-la-ti 3).

F. Câu 21-31 là tóm tắt của phân đoạn 1:18-3:20. Đây là điểm thần học đầu tiên của Phúc âm (nhu cầu của con người).

3:1-8 (BẢN NASB)
1 Vậy thì, sự trổi hơn của người Giu-đa là thể nào, hay là phép cắt bì có ích gì chăng? 2 Ích lớn đủ mọi đàng. Trước hết là điều nầy: ấy là lời phán của Đức Chúa Trời đã phó cho dân Giu-đa. 3 Mà làm sao! nếu một vài người trong bọn họ không thành tín, thì sự không thành tín của họ có làm cho sự thành tín của Đức Chúa Trời ra hư không sao? 4 chẳng hề như vậy! Thà xưng Đức Chúa Trời là thật và loài người là giả dối, như có chép rằng: Ấy vậy Chúa sẽ được xưng công bình trong lời phán của Ngài, Và sẽ được thắng khi chịu xét đoán. 5 Song nếu sự không công bình của chúng ta tỏ ra sự công bình của Đức Chúa Trời, thì sẽ nói làm sao? Khi Đức Chúa Trời giáng cơn giận thì Ngài không công bình sao? (Tôi nói như cách người ta nói). 6 Chẳng hề như vậy! Nếu vậy thì Đức Chúa Trời đoán xét thế gian thể nào? 7 Nhưng, nếu lẽ thật Đức Chúa Trời bởi sự nói dối của tôi mà được sự vinh hiển lớn hơn, thì sao tôi còn bị đoán xét như kẻ có tội? 8 vậy thì, sao chúng ta không làm sự dữ cho được sự lành, như kẻ gièm pha đã cáo và quyết rằng chúng ta dạy điều ấy? Sự đoán phạt những người đó là công bình.

3:1 "người Do thái có lợi thế nào" Phao lô đang sử dụng lối văn chương diễn luận công kích (diatribe), với một nhân vật phản biện tưởng tượng, để truyền đạt sứ điệp của mình. Xem 3:2 và 9:4-5 để thấy một số lợi điểm của người Do thái.

3:2 "trước hết" Phao lô dùng chữ "trước hết" trong 1:8 nhưng không đề cập đến điều thứ hai. Ông cũng làm như vậy ở đây. Lối viết văn của Phao lô rất mạnh mẽ, giống như là được đọc để chép, và thường cấu trúc ngữ pháp không hoàn tất.

▣ **"lời phán của Đức Chúa Trời đã phó cho họ"** Có được sự mặc khải của Đức Chúa Trời là một trách nhiệm và cũng đồng thời là một đặc ân vô cùng lớn lao (Lu-ca 12:48). Họ là những người quản gia các món quà của Đức Chúa Trời (THÌ BẤT ĐỊNH THỂ BỊ ĐỘNG (AORIST PASSIVE), I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4).

Chữ *logion* (lời phán) được dùng trong bản Bảy mươi để chỉ Lời từ Đức Chúa Trời (Dân số ký 24:4, 16; Phục truyền 33:9; Thi thiên 119:67; Ê-sai5:24; 28:13). Nó cũng được dùng khá nhất quán với cùng ý nghĩa trong Tân ước (Công-vụ 7:38; Hê-bơ-rơ 5:12; I Phi-e-rơ 4:11).

3:3 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Câu 5 và 7 cũng là những CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT.

3:3 NASB, NKJV "một vài người không tin"
NRSV, JB "một vài người không thành tín"
TEV "điều gì sẽ xảy ra nếu một số người không thành tín"

Những chữ này có thể chỉ cá nhân người Y-sơ-ra-ên (1) sự không thành tín của họ hay (2) sự thiếu đức tin cá nhân của họ vào Đức Giê-hô-va. Thật khó mà hiểu được bằng trí óc những lời hứa không điều kiện của Đức Chúa Trời và sự đáp ứng bắt buộc có điều kiện của con người. Tuy vậy, đây là một nghịch lý của Kinh thánh (3:4-5). Chúa vẫn thành tín dù khi dân của Ngài không thành tín (Ô-sê 1,3).

▣ **"làm ra hư không"** Xin xem Chủ đề đặc biệt bên dưới

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LÀM RA HƯ KHÔNG VÀ TRỐNG RỖNG (*KATARGEO*)

Chữ "*katargeo*" là một trong những chữ Phao lô rất thích dùng. Ông dùng ít nhất là 25 lần nhưng nó có một tầm ý nghĩa rất rộng.

A. Từ gốc của nó từ chữ *argos* có nghĩa là:
   1. Không hoạt động
   2. Vô hiệu
   3. Không được sử dụng
   4. Vô dụng
   5. Không hoạt động
B. Từ ghép với chữ *kata* được dùng để diễn tả:
   1. Tình trạng không hoạt động
   2. Sự vô dụng
   3. Điều gì đó bị hủy bỏ
   4. Điều gì đó bị bỏ đi
   5. Điều gì đó hoàn toàn không chạy được
C. Nó được dùng một lần trong Lu-ca để chỉ một cái cây không kết quả, vì vậy vô dụng (Lu-ca 13:7)
D. Phao lô dùng với nghĩa bóng trong hai cách chủ yếu sau:
   1. Chúa khiến có những điều không hiệu quả (inoperative) gây thù hằn với con người
      a. Bản chất tội lỗi của con người - Rô-ma 6:6
      b. Luật Môi se và lời hứa của Chúa về "hột giống" - Rô-ma 4:14; Ga-la-ti 3:17; 5:4,11; Ê-phê-sô 2:15
      c. Các thế lực thần linh - I Cô-rinh-tô 15:24
      d. "Kẻ nghịch cùng luật pháp" - II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8
      e. Sự chết thuộc thể - I Cô-rinh-tô 15:26; II Ti-mô-thê 1:16 (Hê-bơ-rơ 2:14)
   2. Chúa thay cái cũ (luật pháp, thời kỳ) bằng cái mới
      a. Những điều liên hệ đến luật Môi se - Rô-ma 3:3,31; 4:14; II Cô-rinh-tô 3:7,11,13,14
      b. Hình bóng về hôn nhân dùng trong Luật pháp - Rô-ma 7:2,6
      c. Những điều thuộc về đời này - I Cô-rinh-tô 13:8, 10,11
      d. Thân thể này - I Cô-rinh-tô 6:13
      e. Những người lãnh đạo đời này- I Cô-rinh-tô 1:28; 2:6

      Từ ngữ này được dịch nhiều cách khác nhau nhưng ý nghĩa chính của nó là làm cho điều gì đó trở nên vô dụng, vô nghĩa, trống rỗng, không hoạt động được, mất quyền lực, nhưng không có nghĩa là không tồn tại, bị hủy diệt, hay tiêu hủy.

3:4 NASB "Chẳng hề như vậy!"
NKJV,TEV "Dĩ nhiên là không!"
NRSV "Hoàn toàn không!"
JB "Thật là vô lý."

Đây là cách dùng hiếm hoi của LỐI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự ước ao hay một lời cầu nguyện, nên dịch là, "Chẳng hề như vậy." Cụm từ diễn tả sự kinh ngạc không thể tin được là cách Phao lô thường dùng khi sử dụng lối văn chương diễn luận công kích (3:4,6,31; 6:2, 15; 7:7,13; 9:14; 11:1; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Đây là cách ông từ chối một cách mạnh mẽ lời công bố từ một đối phương tưởng tượng.

Xin lưu ý cách Phao lô từ chối những câu hỏi và câu nói của một nhân vật chống đối tưởng tượng.

1. "Chẳng hề như vậy," câu 4,6
2. "Thà xưng Đức Chúa Trời là thật và loài người là giả dối," câu 4
3. "Tôi nói theo cách loài người," câu 5
4. "(như chúng ta đã bị cáo gian và một số quyết rằng chúng ta đúng như vậy)," câu 8

▣ **"Thà xưng Đức Chúa Trời là thật và loài người là giả dối"** Đây là CÂU MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI TRUNG (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Cấu trúc này tập trung vào tình trạng tiếp diễn của chủ từ; Chúa thành tín và chân thật, con người bất trung và giả dối! Ý này được nói đến trong Thi thiên 116:11 và giống như những điều Gióp học được trong 32:2; 40:8.

Lưu ý yếu tố toàn cầu của sự phạm tội trong chương này, được mô tả bởi cách Phao lô dùng chữ *pas* (tất cả, mọi) trong câu 4,9,12,19,20,23,24, nhưng tạ ơn Chúa, cũng có sự mời gọi toàn cầu về món quà cứu rỗi cho tất cả mọi người (3:22).

▣ **"như đã có chép"** Theo từng chữ, nó có nghĩa là, "như đã và sẽ tiếp tục được chép." Đây là LỐI TRÌNH BÀY THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). Điều này trở thành một thuật ngữ dùng để xác nhận sự hà hơi của Chúa trên Kinh thánh (Ma-thi-ơ 5:17-19). Đây là câu trích từ Thi thiên 51:4 trong bản Bảy mươi (LXX).

3:5-6 Lời biện luận của Phao lô ở đây liên quan đến việc Chúa đặc biệt chọn dân Y-sơ-ra-ên làm phương tiện để truyền giáo cho thế giới (Sáng-thế-ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6). Trong Cựu ước, "sự chọn lựa" nói đến sự phục vụ, chứ không phải một đặc ân đặc biệt nào. Chúa lập giao ước với họ. Ngài thành tín và họ không thành tín. Việc Chúa phán xử dân Y-sơ-ra-ên bất trung cho thấy sự công bình của Ngài.

Dân Y-sơ-ra-ên được dùng như một phương tiện truyền giáo đến cho người ngoại. Họ đã thất bại (3:24)! Mục đích cứu chuộc toàn cầu của Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 3:15) không bị ảnh hưởng bởi sự thất bại của dân Y-sơ-ra-ên. Thật vậy, sự thành tín của Đức Chúa Trời trong giao ước nguyên thủy của Ngài được xác nhận trong Rô-ma 9-11. Một dân Y-sơ-ra-ên bất tín bị từ chối, nhưng một dân Y-sơ-ra-ên tin đạo sẽ làm thành chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời.

Bài diễn luận công kích của Phao lô trong câu 5-6 đối xứng với câu 7-8.

3:5 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Câu 3 và 7 cũng là những câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT.

▣ **"nếu sự không công bình của chúng ta bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời"** ĐẠI TỪ, "của chúng ta," nói đến một ý nghĩa tập thể bao gồm Phao lô và toàn thể người Do thái. Xin xem Chủ đề đặc biệt 1:17.

▣ **"chúng ta sẽ nói làm sao"** Phao lô sử dụng cách diễn luận công kích (3:5; 7:7; 8:31;9:14,39). Phao lô làm rõ lời trình bày của mình hơn bằng cách dùng một nhân vật phản biện tưởng tượng (Ma-la-chi 1:2,6,7,12,13; 2:14,17 (hai lần); 3:7,13,14).

▣ **NASB "(Tôi đang nói theo ngôn ngữ loài người)"**
NKJV "(Tôi nói như một người.)"
NRSV "(Tôi nói theo cách loài người.)"
TEV "(Tôi nói như cách con người thường nói.)"
JB "_ để sử dụng cách so sánh của con người_"

Phao lô thường sử dụng cách lập luận của con người trong những bài biện luận thần học (6:19; I Cô-rinh-tô 9:8; Ga-la-ti 3:15). Chức năng của nó là để bác bỏ những lời khẳng định của người phản biện tưởng tượng.

3:7-8 Có một sự đối xứng rõ ràng giữa câu 5 và 7. Hoặc là Phao lô (1) đang sử dụng lối văn chương diễn luận công kích, :hay là một người phản biện tưởng tượng (3:5,7:7:7; 8:31; 9:14,30) hoặc là Phao lô (2) phản ứng lại với lời chỉ trích về bài giảng xưng công bình chỉ bởi đức tin của ông (câu 8).

Phao lô không giải thích hay đưa ra câu trả lời cho lời chỉ trích này một cách chi tiết nhưng đã mạnh mẽ tố cáo lời buộc tội này. Có thể việc chống đối lại một sự xưng công bình bởi đức tin một cách nhưng không cho người không xứng đáng là vì nó có thể dẫn đến tình trạng vô luật pháp hay chỉ là sự bất tuân bất trung càng hơn. Phao lô tin rằng ân điển cho không sẽ dẫn đến sự giống Chúa càng hơn qua một thần linh mới và một đời sống biết ơn! Các người Do thái, người đạo đức Hy lạp, và Phao lô đều muốn đời sống đạo đức ở những người cải đạo! Tuy nhiên điều đó không đến qua việc tuân theo những luật lệ bên ngoài, nhưng chính bởi tấm lòng mới bên trong (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 26:22-32).

3:7 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (như câu 3 và 5) hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ.

▣ **"sự vinh hiển của Ngài"** Xin xem chú thích ở câu 3:23

3:9-18 (BẢN NASB)
9 Thế nào! Chúng ta có điều gì hơn chăng? Chẳng có, vì chúng ta đã tỏ ra rằng người Giu-đa và người Gờ-réc thảy đều phục dưới quyền tội lỗi, 10 như có chép rằng: Chẳng có một người công bình nào hết, dẫu một người cũng không. 11 Chẳng có một người nào hiểu biết, Chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. 12 Chúng nó đều sai lạc cả, thảy cùng nhau ra vô ích; Chẳng có một người làm điều lành, dẫu một người cũng không. 13 Họng chúng nó như huyệt mả mở ra; Dùng lưỡi mình để phỉnh gạt; Dưới môi chúng nó có nọc rắn hổ mang. 14 Miệng chúng nó đầy những lời nguyền rủa và cay đắng. 15 Chúng nó có chơn nhẹ nhàng đặng làm cho đổ máu. 16 Trên đường lối chúng nó rặc những sự tàn hại và khổ nạn, 17 Chúng nó chẳng hề biết con đường bình an. 18 Chẳng có sự kính sợ Đức Chúa Trời ở trước mặt chúng nó.

3:9 "Chúng ta có điều gì hơn chăng?" Điểm ngữ pháp tại đây khá mơ hồ. Rõ ràng là lẽ thật trọng tâm của phân đoạn này là toàn thể nhân loại cần ân điển của Đức Chúa Trời (3:9,23; 11:32; Ga-la-ti 3:22). Tuy nhiên, điều không rõ là Phao lô nói đến người Do thái (Phao lô và bà con ông, bản dịch TEV, RSV), hay là nói đến Cơ đốc nhân (Phao lô và những anh em tin Chúa không cần đến ân điển của Chúa). Người Do thái có một số lợi thế (câu 1-2; 9:4-5), nhưng những lợi thế này khiến họ càng mang trách nhiệm nặng nề hơn! Mọi người đều hư mất thuộc linh và cần đến ân điển của Đức Chúa Trời.

Từ ngữ "hơn" được một số ít học giả cho là ở THỂ THỤ ĐỘNG thay vì ở TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) ("tốt hơn"), và được dịch là "được trổi hơn."

Thư Rô-ma thường được xem là một trong những lá thư mang tính trung dung về phương diện địa phương. Hầu hết các lá thư của Phao lô đều nói đến một nhu cầu hay tình huống địa phương (các tài liệu theo dịp (occasional documents). Tuy nhiên sự ganh tị giữa những người lãnh đạo tin Chúa người Do thái và những lãnh đạo tin Chúa người ngoại có lẽ ở đằng sau những bản văn như trong đoạn này và đoạn 9-11.

▣ **"dưới quyền tội lỗi"** Phao lô nhân cách hóa tội lỗi như một ông chủ độc ác cai trị con người sa ngã (6:16-23).

3:10-18 "như có chép rằng" Cụm từ này cũng xuất hiện trong câu 4. Những câu sau đây là một loạt những câu trích từ Cựu ước dùng hình ảnh của thân thể con người để nhấn mạnh sự sa ngã của con người: (1) câu 10-12, Truyền đạo 7:20 hoặc Thi thiên 14:1-3; (2) câu 13, Thi thiên 5:9 hoặc 104:3; (3) câu 14, Thi thiên 10:7; (4) câu 15-17; Ê-sai 59:7-8 và Châm ngôn 1:16, và (5) câu 18, Thi thiên 36:1. Điều ngạc nhiên là Phao lô không dùng Ê-sai 53:6.

3:19-20 (BẢN NASB)
19 Vả, chúng ta biết rằng những điều mà luật pháp nói, là nói cho mọi kẻ ở dưới luật pháp, hầu cho miệng nào cũng phải ngậm lại, cả thiên hạ đều nhận tội trước mặt Đức Chúa Trời; 20 vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình trước mặt Ngài, vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi.

3:19 "chúng ta biết rằng" Xin xem chú thích ở câu 2:2.

▣ **"luật pháp"** Trong ngữ cảnh này từ này có lẽ chỉ toàn bộ Cựu ước bởi vì có những phân đoạn trích từ câu 10-18. Phao lô cũng nhân cách hóa "luật pháp" như ông đã làm đối với "tội lỗi" trong câu 9(6:16-23).

▣ **"mọi kẻ ở dưới luật pháp"** Điều này đặc biệt nói đến người Do thái và người ngoại đã cải đạo, cho dù chúng ta thấy một số câu trích trong Cựu ước là dành cho người ngoại.

▣ **NASB "miệng nào cũng phải ngậm lại, cả thiên hạ đều nhận tội trước mặt Đức Chúa Trời"**
NKJV "miệng nào cũng phải đóng lại, cả thiên hạ đều có tội trước mặt Đức Chúa Trời "
NRSV "để mà miệng nào cũng phải lặng thinh, và cả thiên hạ đều nhận tội trước mặt Đức Chúa Trời"
TEV "để chặn lại mọi lời phân bua của con người và đem cả thiên hạ đến dưới sự đoán xét của Đức Chúa Trời"
JB "có mục đích là làm cho mọi người đều câm lặng và bày cả thiên hạ ra trước sự đoán xét của Đức Chúa Trời"
Đây là chủ đề chính của phân đoạn 1:18-3:20 và được tóm tắt ở câu 3:23.

▣ **"mọi miệng"** Một số cụm từ trong câu 19-20 ám chỉ toàn thể nhân loại.
1. "mọi miệng" câu 19
2. "cả thế gian" câu 19
3. "không xác thịt nào" câu 20

3:20 "không một xác thịt nào được xưng công bình trước mặt Ngài bởi việc làm của luật pháp" Đây là câu ám chỉ Thi thiên 143:2, nhưng thêm vào một cụm từ. Đây là khía cạnh chính yếu trong Tin lành của Phao lô (Ga-la-ti 2:16; 3:11). Từng là một người Pha-ri-si nhiệt thành, Phao lô rất am hiểu sự bất lực của nhiệt tâm tôn giáo và những sự phô diễn cầu kỳ để cố đem đến một sự bình an nội tại.

▣ **NASB, NRSV "qua luật pháp người ta biết tội"**
NKJV "bởi vì nhận biết về tội lỗi là qua luật pháp"
TEV "điều Luật pháp làm là khiến con người biết mình đã phạm tội"
JB "điều luật pháp làm là nói cho chúng ta biết tội"
Đây là một trong những mục đích của Cựu ước. Nó không có ý đem đến sự cứu rỗi cho một nhân loại sa ngã. Mục đích của nó là phơi bày tình trạng tội lỗi và kéo con người đến ơn thương xót của Đức Chúa Trời (4:15; 5:13, 20:7:7; Ga-la-ti 3:19-22, 23-29).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Sự bất trung của người Do thái ảnh hưởng thế nào đến lời hứa của Đức Chúa Trời (3:3-4)?
2. Có một lợi thế nào trước mặt Đức Chúa Trời khi là người Do thái hay không (3:1-8)?
3. Điểm chính của bài diễn luận công kích trong câu 5-8 là gì?
4. Cách con người sống có quan trọng không khi sự xưng công bình là bởi ân điển qua đức tin mà không dựa vào việc làm (3:8)?
5. Khái niệm thần học của tình trạng suy đồi tổng thể (total depravity) là gì (3:10-18)?
6. Mục đích của luật Môi se hay luật nói chung là gì (3:20; Ga-la-ti 3:24-25)?
7. Tại sao Satan không được đề cập đến trong cả ba đoạn 1-3 khi nói đến tình trạng hư mất của con người?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN NGỮ CẢNH CỦA RÔ-MA 3:21-31

A. Phân đoạn Rô-ma 3:21-31 là phần tóm tắt đỉnh điểm của 1:18-3:20 và sự diễn giải của 1:16-17.
B. Phần tóm tắt đỉnh điểm về tín lý xưng công bình bởi đức tin được mô tả bởi các nhà Cải chánh như sau:
   1. Martin Luther nhận xét nó như là 'điểm chính và là phần rất trọng tâm của thư tín và của toàn bộ Kinh thánh.'
   2. John Calvin cho rằng, "có lẽ không có một đoạn Kinh thánh nào trong toàn bộ Kinh thánh trình bày sâu sắc về sự công bình của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như đoạn này."
C. Đây chính là tinh chất về mặt thần học của Cơ đốc giáo thuần túy (evangelical Christianity). Hiểu được bối cảnh này là hiểu được Cơ đốc giáo. Đây là Phúc âm gói gọn trong 2 đoạn văn tóm tắt giống như Giăng 3:16 là một câu cho cả Phúc âm. Đây là trái tim và là linh hồn của sự trình bày về tin lành của Phao lô.
   Có 3 câu hỏi diễn giải chìa khóa:
   1. Chữ "luật" ở đây có nghĩa gì?
   2. Cụm từ "sự công bình của Đức Chúa Trời" ở đây có nghĩa gì?
   3. Những chữ "đức tin" và "tin" có nghĩa gì?
D. Tôi cảm tạ Chúa về chữ "tất cả" trong câu 22 (cũng xem câu 29) và chữ "món quà" trong câu 23 (cũng xem 5:15, 17; 6:23).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

3:21-26 (BẢN NASB)
21 Nhưng hiện bây giờ, sự công bình của Đức Chúa Trời, mà luật pháp và các đấng tiên tri đều làm chứng cho, đã bày tỏ ra ngoài luật pháp; 22 tức là sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi sự tin đến Đức Chúa Jêsus Christ, cho mọi người nào tin, chẳng có phân biệt chi hết, 23 vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, 24 và họ nhờ ân điển Ngài mà được xưng công bình nhưng không, bởi sự chuộc tội đã làm trọn trong Đức Chúa Jêsus Christ, 25 là Đấng Đức Chúa Trời đã lập làm của lễ chuộc tội, bởi đức tin trong huyết Đấng ấy. Ngài đã bày tỏ sự công bình mình như vậy, vì đã bỏ qua các tội phạm trước kia, 26 trong buổi Ngài nhịn nhục; tức là Ngài đã tỏ ra sự công bình Ngài trong thời hiện tại, tỏ ra mình là công bình và xưng công bình kẻ nào tin đến Đức Chúa Jêsus.

3:21 “Nhưng hiện bây giờ” Phao lô đối chiếu giữa Giao ước cũ và Giao ước mới, thời kỳ nổi loạn cũ và thời đại công bình. Điều này tương ứng với “trong thời hiện tại” ở câu 26 (xem “nhưng bây giờ” trong câu 6:22;7:6).

▣ **“bây giờ ra ngoài luật pháp”** Thông thường thật khó mà xác định chắc chắn Phao lô đang nói đến Luật Môi se (bản NASB) hay luật pháp chung chung (NRSV, TEV, NJB, NIV) trong những đoạn mở đầu này. Trong ngữ cảnh này luật Do thái xem có vẻ thích hợp với lời biện luận của Phao lô ở đây. Mọi người đều đã vi phạm những chỉ dẫn về luân lý, xã hội xét trên cả phương diện bên trong hay bên ngoài. Vấn đề của con người sa ngã này là chúng ta không muốn một luật lệ hướng dẫn nào cả ngoại trừ những dục vọng ích kỷ, hướng về bản ngã mà thôi (Sáng-thế-ký 3).

NASB **“sự công bình của Đức Chúa Trời”**
NKJV,NRSV **“sự công bình của Đức Chúa Trời”**
TEV **“cách Đức Chúa Trời làm cho con người trở nên công bình trước mặt Ngài”**
NJB **“sự công bình đem đến sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời”**

Không có một MẠO TỪ nhất định ở trước chữ “công bình.” Điều này không hàm ý chỉ bản tính của Chúa, nhưng là cách Chúa ban phát sự tha thứ và chấp nhận của Ngài cho con người phạm tội. Chính cụm từ này được dùng trong chủ đề thần học của Rô-ma 1:16-17. Điều này rõ ràng bày tỏ cơ cấu đó là đức tin nơi Chúa Jêsus Christ bị đóng đinh trên thập tự (câu 22, 24-26).

Từ ngữ này và những chữ rút ra từ nó được dùng rất nhiều lần trong ngữ cảnh này cho thấy tầm quan trọng của nó (1:17; 3:5,21,22,26; 4:3,5,6,11,13,22; 5:17,21; 6:13,16,18,19,20; 8:10; 9:28,30,31; 10:3,4,5,6,10,17). Từ ngữ Hy lạp này xuất phát từ cấu trúc Cựu ước với hình ảnh “một tiêu chuẩn” hay “một cây thước đo.” Mực thước này là chính Đức Chúa Trời. Từ ngữ này cho thấy bản tính của Đức Chúa Trời đã ban cho con người sa ngã cách nhưng không qua Đấng Christ (II Cô-rinh-tô 5:21). Nhìn nhận nhu cầu và nhận lấy món quà của Đức Chúa Trời đã và sẽ còn là một điều xem là nhục nhã đối với con người kiêu ngạo và lấy bản ngã làm trung tâm- đặc biệt là những người theo chủ nghĩa luật pháp, tôn giáo. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17.

▣ **“đã được bày tỏ”** Cụm từ này rất giống với câu 1:17. Tuy nhiên, động từ thì khác. Động từ ở đây có thể được dịch là, “đã và sẽ tiếp tục được bày tỏ một cách rõ ràng.” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE) trong khi từ đồng nghĩa trong câu 1:17 là ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI. Đức Chúa Trời đã bày tỏ Phúc âm một cách rõ ràng qua Cựu ước và qua Chúa Jêsus.

▣ **“được làm chứng qua luật pháp và các Tiên tri”** Điều này nói đến hai trong ba cách chia của kinh sách Do thái (Luật pháp, Tiên tri và Các sách văn chương). Hai phần đầu dùng để chỉ toàn bộ (xem chú thích 3:19). Điều này rõ ràng cho thấy rằng Phúc âm này chứa đựng dạng sơ khai trong Cựu ước (Lu-ca 24:27,44; Công-vụ 10:43). Nó không phải là ý tưởng nảy ra sau này, hay “kế hoạch B,” hay là một một chương trình bị hỏng ở phút cuối (1:2).

3:22 “bởi đức tin nơi Chúa Jêsus Christ” Câu này dịch sát theo từng chữ là “bởi đức tin của Đức Chúa Jêsus Christ.” Đây là dạng SỞ HỮU CÁCH (GENETIVE). Dạng này được lặp lại ở Ga-la-ti 2:16 và Phi-líp 3:9 và một dạng tương tự khác trong Rô-ma 3:26; Ga-la-ti 2:16,20; 3:22. Nó có nghĩa là (1) đức tin hay sự thành tín của Chúa Jêsus (CHỦ TỪ SỞ HỮU) (SUBJECTIVE GENITIVE) hay là (2) Chúa Jêsus là mục tiêu đức tin của chúng ta (PHÓ TỪ SỞ HỮU) (OBJECTIVE GENITIVE). Lựa chọn #2 là hợp nhất bởi vì chúng ta thấy cấu trúc ngữ pháp tương tự trong Ga-la-ti 2:16.

Điều này cho thấy khía cạnh chủ yếu của sự xưng công bình của Đức Chúa Trời. Chính sự công bình của Đấng Christ làm cho sống động cuộc sống của con người bởi món quà cho không của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (4:5; 6:23) là điều phải được đón nhận bởi đức tin/ niềm tin/ sự tin tưởng (Ê-phê-sô 2:8-9) và sống đạo trong cuộc sống hằng ngày (Ê-phê-sô 2:10).

▣ **"cho mọi người"** Phúc âm dành cho tất cả mọi người (câu 24; Ê-sai 53:6; Ê-xê-chi-ên 18:23,32; Giăng 3:16-17; 4:42; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 4:14). Một lẽ thật tuyệt diệu! Điều này sẽ làm cân bằng lẽ thật Kinh thánh về sự lựa chọn. Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời không nên hiểu trong ý nghĩa theo thuyết quyết định (determinism) như Hồi giáo và cũng không phải trong ý nghĩa của chủ thuyết Calvin quá trớn (ultra-Calvinism) cho một số này và số khác, nhưng phải được hiểu theo ý nghĩa theo giao ước. Sự lựa chọn trong Cựu ước là để phục vụ, chứ không phải là đặc ân! Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu chuộc con người sa ngã (Sáng-thế-ký 3:15). Ngài kêu gọi và lựa chọn mọi người qua dân Y-sơ-ra-ên (Sáng-thế-ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6). Chúa chọn qua đức tin trong Đấng Christ. Đức Chúa Trời luôn chủ động trong kế hoạch cứu rỗi (Giăng 6:44, 65). Ê-phê-sô đoạn 1 và Rô-ma đoạn 9 là hai đoạn Kinh thánh nói mạnh nhất về tín lý tiền định (predestination) vốn được Augustine và Calvin nhấn mạnh về mặt thần học.

Chúa chọn các tín nhân không phải chỉ để cho họ nhận được sự cứu rỗi (xưng công bình), nhưng cũng làm cho họ được nên thánh (Ê-phê-sô 1:4; Cô-lô-se 1:12). Điều này liên hệ đến: (1) địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (II Cô-rinh-tô 5:21) hoặc (2) Chúa mong muốn sao chép lại bản tính của Ngài trên con cái Ngài (Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 2:10). Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con cái Ngài là ban cho họ thiên đàng trong một ngày nào đó và bản tính giống với Đấng Christ trong ngay hôm nay!

Mục đích của sự định trước là sự nên thánh, chứ không phải là đặc ân! Đức Chúa Trời kêu gọi không chỉ một số con cái A-đam nhưng là tất cả! Đó là sự kêu gọi vào chính bản chất của Ngài (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13). Biến sự định trước thành một nguyên tắc thần học thay vì thành một lối sống thánh khiết sẽ là một thảm họa cho hệ thống thần học của con người. Điều thường thấy đó là những khuôn mẫu thần học của chúng ta làm méo mó bản Kinh thánh!

Xin xem Chủ đề đặc biệt: Sự chọn lựa/Sự định trước và Sự cần thiết có một sự cân bằng về thần học ở câu 8:33.

▣ **"những ai tin"** Chúa Jêsus chết cho tất cả mọi người. Tất cả đều có khả năng được cứu. Tuy nhiên chính sự tiếp nhận cá nhân của con người sẽ làm cho sự công bình của Chúa Jêsus có hiệu quả trên đời sống của họ (1:16; Giăng 1:12; 3;16; 20:31; Rô-ma 10:9-13; I Giăng 5:13). Kinh thánh trình bày hai điều kiện để có sự xưng công bình: đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19; 20:31và xem chú thích ở câu 1:5). Đoạn này rõ ràng cho thấy tầm bao quát toàn vũ trụ của sự cứu rỗi, nhưng không phải ai cũng được cứu.

▣ **"bởi vì không có sự phân biệt nào"** Chỉ có một con đường và một Người qua đó con người (người Do thái và người ngoại) được cứu (Giăng 10:1-2, 7; 11:25; 14:6). Tất cả mọi người đều có thể được cứu bởi đức tin qua Chúa Jêsus Christ (1:16; 4:11,16; 10:4,12; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11).
3:23-26 Đây là một câu trong tiếng Hy lạp.

3:23
NASB,NKJV,NRSV "vì mọi người đều đã phạm tội và hụt mất"
TEV "mọi người đều phạm tội và đi xa khỏi"
JB "phạm tội và đánh mất/hụt mất"
Đây là phần tóm tắt của phân đoạn 1:18-3:20. Mọi người đều cần được cứu qua Đấng Christ (3:9,19; 11:32; Ga-la-ti 3:22; Ê-sai 53:6). "Phạm tội" là động từ ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THỜI BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE) trong khi "tiếp tục hụt mất" là động từ ở thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH THỜI HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE INDICATIVE). Rất có thể cụm từ này mô tả sự sa ngã của toàn thể nhân loại trong dòng dõi A-đam (5:12-21) và những hành động nổi loạn tiếp diễn của các cá nhân. Không có một bản dịch tiếng Anh hiện đại nào chỉ rõ sự phân biệt này.
Câu này liên hệ về mặt thần học đến câu 21 và không liên hệ trực tiếp đến câu 24.

▣ **"sự vinh hiển Đức Chúa Trời"** Xin xem Chủ đề đặc biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN

Khái niệm "sự vinh hiển" trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín nhân có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ "sự vinh hiển" (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân ("sức nặng"). Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Chỉ có duy Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ "vinh hiển" có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với "sự công bình của Đức Chúa Trời"; (2) có thể chỉ sự "thánh khiết" hay "trọn vẹn" của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

3:24 "được xưng công bình như một quà tặng bởi ân điển Ngài" Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ HIỆN TẠI THỤ ĐỘNG (PRESENT PASSIVE PARTICIPLE). Đây là chỗ Phúc âm bắt đầu- ân điển của Chúa là Đấng ban cho sự công bình (5:15,17; 6:23). Từ ngữ Hy lạp "xưng công bình" (*dikaioo*) cùng gốc từ với chữ "sự công bình" (*dikaiosune*). Đức Chúa Trời luôn luôn chủ động khởi xướng (Giăng 6:44,65).

Trong câu 24-25 có ba hình ảnh được dùng để diễn tả sự cứu rỗi: (1) "xưng công bình" là từ ngữ thuộc về pháp lý có nghĩa là "không có cho hình phạt" hay là tuyên bố một người là không có tội; (2) "sự cứu chuộc" là từ dùng trong chợ nô lệ với ý nghĩa là "mua lại" hay là "giải phóng"; và (3) "sự làm nguôi đi" (propritiation) là từ ngữ dùng trong hệ thống tế lễ có nghĩa là nơi để che đậy hay tha tội. Nó chỉ cái nắp của hòm giao ước nơi mà huyết sinh tế được đặt vào trong ngày Lễ chuộc tội (Day of Atonement) (Lê-vi-ký 16; Hê-bơ-rơ 9:5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

BẰNG CHỨNG TRONG TÂN ƯỚC VỀ SỰ CỨU CHUỘC CỦA MỘT NGƯỜI

Nó được dựa trên:

1. Bản tính của Đức Chúa Cha (Giăng 3:16), công tác của Đức Chúa Con (II Cô-rinh-tô 5:21) , và mục vụ của Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:14-16), không phải trên những cách phô diễn của con người, không phải tiền công cho sự vâng lời, không phải chỉ là một tín điều.
2. Nó là một món quà (Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:5, 8-9).
3. Nó là một cuộc sống mới, một thế giới quan mới (Gia-cơ và I Giăng)
4. Nó là tri thức (Phúc âm), thông công (đức tin nơi và với Chúa Jêsus), và một lối sống mới (giống với Đấng Christ được sự hướng dẫn của Thánh Linh), cả ba chứ không chỉ bởi một điều nào riêng biệt.

▣ **"món quà"** Phao lô dùng khái niệm này một vài lần với một số từ ngữ khác nhau.

1. *Dorean,* TRẠNG TỪ (ADVERB), "một cách miễn phí"
2. *Dorea,* DANH TỪ (NOUN), "quà miễn phí" (5:15,17; Ê-phê-sô 3:7)
3. *Doron,* DANH TỪ, "món quà" (Ê-phê-sô 2:8)
4. *Charisma,* DANH TỪ, "quà miễn phí" hay "ân huệ miễn phí' (5:15,16; 6:23)

5. *Charisomai,* ĐỘNG TỪ, “ban cho ân huệ miễn phí” (8:33)
6. *Charis,* DANH TỪ, “ân huệ miễn phí” hay “quà miễn phí” (4:4,16; 11:5,6; Ê-phê-sô 2:5,8)

▣ **“qua sự cứu rỗi trong Chúa Jêsus Christ”** Cơ chế của sự cứu rỗi cho chúng ta là sự chết thế và sự sống lại của Chúa Jêsus. Trọng tâm Kinh thánh không xoáy vào số nợ phải trả là bao nhiêu hay phải trả cho ai (Augustine), nhưng chú trọng vào sự thật là con người đã được cứu khỏi tội lỗi và hình phạt qua một người thay thế vô tội (Giăng 1:29, 36; II Cô-rinh-tô 5:21; I Phi-e-rơ 1:19).

Câu này cũng cho thấy sự đắt giá của Sáng-thế-ký 3:15. Chúa Jêsus đã phải gánh chịu lời nguyền rủa (Ga-la-ti 3:13) và chết (II Cô-rinh-tô 5:21) thay thế cho nhân loại sa ngã (I Ti-mô-thê 2:6). Sự cứu rỗi miễn phí nhưng chắc chắn là nó không rẻ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CỨU RỖI/CỨU CHUỘC

I. CỰU ƯỚC
   A. Có hai thuật ngữ pháp lý chính trong tiếng Hê-bơ-rơ chuyển tải ý nghĩa này:
      1. *Gaal,* có nghĩa chính là “giải phóng” bằng một giá trả. Một dạng của thuật ngữ này là *goel* được thêm vào khái niệm này, một người môi giới cá nhân, thường là một thành viên trong gia đình (tức là người chuộc trong gia tộc). Khía cạnh văn hóa về quyền được mua lại các đồ vật, thú vật, đất đai (Lê-vi-ký 25,27), hay bà con (Ru-tơ 4:15; Ê-sai 29:22) được chuyển qua ý nghĩa thần học rằng Chúa giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô (Xuất Ê-díp-tô ký 6:6; 15:13; Thi thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 33:11). Ngài trở thành “người cứu chuộc” (Gióp 19:25; Thi thiên 19:14; 78:35; Châm ngôn 23:1; Ê-sai 41:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20;60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).
      2. *Padah,* có nghĩa chính là “giải cứu”
         a. Giải cứu con đầu lòng, Xuất Ê-díp-tô ký 13:13,14 và Dân-số-ký 18:15-17
         b. Sự cứu chuộc thuộc thể đối lập với sự cứu chuộc thuộc linh, Thi thiên 49:7,8,15
         c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và sự nổi loạn, Thi thiên 130:7-8
   B. Khái niệm thần học bao gồm ba điều liên hệ
      1. Có một nhu cầu, một sự trói buộc, một sự hụt mất, một sự giam cầm
         a. Thể chất
         b. Xã hội
         c. Thuộc linh (Thi thiên 103:8)
      2. Một giá phải được trả cho sự tự do, phóng thích, và phục hồi.
         a. Cho quốc gia Do thái (Phục truyền 7:8)
         b. Cho cá nhân (Gióp 19:25-27; 33:28)
      3. Một ai đó phải đứng ra làm người trung gian và người làm ơn. Trong chữ *gaal* thông thường đây là một thành viên trong gia đình hay bà con gần (tức là chữ *goel*).
      4. Đức Giê-hô-va thường mô tả chính Ngài bằng những từ ngữ thân thuộc
         a. Cha
         b. Chồng
         c. Bà con gần

      Sự cứu chuộc được bảo đảm qua trung gian cá nhân của Đức Giê-hô-va; một giá đã được trả, và sự cứu chuộc được thực hiện!

II. TÂN ƯỚC
   A. Một số thuật ngữ được dùng để chuyển tải ý nghĩa thần học này.
      1. *Agorazo* (I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; II Phi-e-rơ 2:1; Khải huyền 5:9; 14:34). Đây là thuật ngữ thương mại dùng chỉ một giá trả cho điều gì đó. Là những người được mua bằng huyết, chúng ta không còn điều khiển chính đời sống mình. Chúng ta thuộc về Đấng Christ.
      2. *Exagorazo* (Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại. Nó bày tỏ sự chết thế của Chúa Jêsus thay cho chúng ta. Chúa Jêsus đã phải gánh chịu

"lời nguyền" của một luật pháp dựa trên sự phô diễn (tức là Luật Môi se), là điều con người tội lỗi không thể đạt được. Ngài đã gánh lấy lời nguyền đó thay cho hết thảy chúng ta (Phục truyền 21:23!! Trong Chúa Jêsus, sự công bình, tình yêu thương và thương xót của Đức Chúa Trời hợp lại thành sự tha thứ, chấp nhận và mở lối đầy trọn!

3. *Luo*, "giải phóng"
    a. *Lutron*, "một giá trả" (Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:4-5). Đây là những lời đầy năng quyền từ chính miệng Chúa Jêsus liên quan đến mục đích của sự Chúa đến làm Chúa Cứu thế qua sự trả món nợ tội mà Ngài không phạm (Giăng 1:29).
    b. *Lutroo*, "tha ra"
        (1) Cứu chuộc Y-sơ-ra-ên, Lu-ca 24:21
        (2) Phó chính Ngài để cứu và tẩy sạch một dân tộc, Tít 2:14
        (3) Làm một người thay thế vô tội, I Phi-e-rơ 1:18-19
    c. *Lutrosis*, "cứu chuộc, giải cứu, giải phóng"
        (1) Xa-cha-ri nói tiên tri về Chúa Jêsus, Lu-ca 1:68
        (2) An-ne ngợi khen Đức Chúa Trời vì Chúa Jêsus, Lu-ca 2:38
        (3) Tế lễ tốt hơn, một lần đủ cả của Chúa Jêsus, Hê-bơ-rơ 9:12
4. *Apolytrosis*
    a. Sự cứu chuộc trong sự Trở lại lần thứ hai (Công-vụ 3:19-21)
        (1) Lu-ca 21:28
        (2) Rô-ma 8:23
        (3) Ê-phê-sô 1:14;4:30
        (4) Hê-bơ-rơ 9:15
    b. Sự cứu chuộc trong sự chết của Chúa Jêsus
        (1) Rô-ma 3:24
        (2) I Cô-rinh-tô 1:30
        (3) Ê-phê-sô 1:7
        (4) Cô-lô-se 1:14
5. *Antilytron* (I Ti-mô-thê 2:6). Đây là đoạn quan trọng (giống như Tít 2:14) xác nhận sự chết thế của Chúa Jêsus trên thập tự (Ê-sai 53). Ngài chính là của tế lễ và là của lễ duy nhất có thể được chấp nhận; là Đấng đã chết cho 'hết thảy' (Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; I tim. 2:4; 4:10; Tít 2:11; I Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:2; 4;14).

B. Khái niệm thần học trong Tân ước hàm ý:
1. Con người bị nô lệ cho tội lỗi (Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18; 6:23).
2. Sự nô lệ của con người cho tội lỗi được bày tỏ qua luật Môi se trong Cựu ước (Ga-la-ti 3) và Bài giảng trên núi của Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 5-7). Kỳ công của con người đã trở nên án chết (Cô-lô-se 2:14).
3. Chúa Jêsus, chiên con vô tội của Đức Chúa Trời, đã đến và chết thế cho chúng ta (Giăng 1:29; II Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta đã được chuộc ra khỏi tội lỗi để mà phục vụ Chúa (Rô-ma 6).
4. Cũng có hàm ý rằng, cả Đức Giê-hô-va và Chúa Jêsus là 'bà con gần,' người đã đứng ra đại diện cho chúng ta. Điều này tiếp diễn những hình ảnh thân thuộc (như cha, chồng, con, anh em, bà con gần).
5. Sự cứu chuộc không phải là giá trả cho Sa-tan (thần học của thời Trung cổ), nhưng là sự làm hòa của lời Chúa và sự công bình của Chúa với tình yêu và sự ban cho đầy trọn của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus. Tại thập tự, sự bình an được phục hồi, sự nổi loạn của con người được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người hoạt động lại với đầy đủ chức năng trong mối tương giao mật thiết này!
6. Vẫn còn có một khía cạnh tương lai của sự cứu chuộc (Rô-ma 8:23; Ê-phê-sô 1:14; 4:30) là điều bao gồm sự sống lại của thân thể và sự giao thông thuộc thể với Đức Chúa Trời Ba ngôi.

3:25 NASB "người Chúa bày tỏ công khai"
NKJV "người Chúa đem ra"
NRSV "người Chúa tiến cử"
TEV "người Chúa ban cho"
JB "người được Chúa chỉ định"

Đây là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH THỜI BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE) hàm ý rằng chính bản thân Đức Chúa Trời tự bày tỏ tấm lòng và mục đích của Ngài qua sự chết của Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:9). Kế hoạch cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời bao gồm của lễ của Chúa Jêsus (Ê-sai 53:10; Khải huyền 13:8).

Chữ Hy-lạp *endeiknumai* (*endeixis*, 3:25,26) được sử dụng một vài lần trong thư Rô-ma (2:15; 9:17,23; LXX Xuất Ê-díp-tô ký 9:16). Nghĩa căn bản của nó là bày tỏ hay trưng bày. Đức Chúa Trời muốn con người hiểu rõ mục đích cứu chuộc, kế hoạch, và sự công bình của Ngài. Văn cảnh này chuẩn bị đưa ra một thế giới quan của Kinh thánh.

1. Về bản tính của Ngài
2. Về công tác của Đấng Christ
3. Về nhu cầu của con người
4. Về mục đích của sự cứu chuộc

Chúa muốn chúng ta hiểu! Văn cảnh này rất hệ trọng để hiểu đúng về Cơ đốc giáo. Một số chữ hay cụm từ có thể mơ hồ nhưng có thể hiểu được một số cách khác nhau, nhưng điểm xoáy trọng tâm cho toàn bộ sứ điệp rất rõ và đơn giản. Văn cảnh này là ngôi sao bắc đẩu trong phương diện thần học cho toàn bộ Tân ước.

NASB "làm của lễ chuộc tội trong huyết Ngài"
NKJV "làm của lễ chuộc tội bởi huyết Ngài"
NRSV "làm của lễ chuộc tội bởi huyết Ngài"
TEV "để bởi huyết Ngài Ngài trở nên phương tiện qua đó tội lỗi con người được tha"
JB "hy sinh mạng sống Ngài để đem đến sự phục hòa"

Trong thế giới Hy-la (Greco-Roman) chữ này chuyển tải ý nghĩa về một sự phục hồi mối giao thông với một vị thần đã cách xa bằng cách trả một giá, nhưng không phải trong ý nghĩa của bản Bảy mươi. Trong bản Bảy mươi và trong Hê-bơ-rơ 9:5 nó được dịch là "nơi chuộc tội" (mercy seat), tức là cái nắp của hòm giao ước trong nơi chí thánh, nơi mà sự chuộc tội được thực hiện thay cho cả quốc gia trong ngày Đại lễ chuộc tội (Day of Atonement) (Lê-vi-ký 16).

Từ ngữ này phải được hiểu theo ý nghĩa là không làm nhẹ đi sự ghê tởm của Chúa đối với tội lỗi, nhưng xác nhận thái độ tích cực về sự cứu rỗi của Chúa đối với tội nhân. Một thảo luận có ích về vấn đề này có thể được tham khảo qua sách của James Stewart *A Man in Christ*, trang 214-224. Một cách để đạt được điều này là dịch thuật ngữ này sao cho nó diễn tả công tác của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ; "một tế lễ chuộc tội"; hay là "với năng lực chuộc tội."

'Trong huyết Ngài' là cách của người Hê-bơ-rơ dùng để chỉ tế lễ thay thế của chiên con vô tội của Đức Chúa Trời (Giăng 1:29). Để hiểu một cách đầy đủ khái niệm này Lê-vi-ký 1-7 rất quan trọng và Đại lễ chuộc tội trong đoạn 16 cũng vậy. Huyết chỉ một cuộc sống vô tội được hiến cho để thay cho một người có tội (Ê-sai 52:13-53:12).

▣ **"qua đức tin"** Một lần nữa (1:17; 3:22,25, 26, 27,28, 30) đây là cơ cấu để cho bất cứ ai và mọi người muốn được hưởng lợi ích từ sự chết thay của Chúa Jêsus (15:53).

Cụm từ này không có trong bản thảo cổ A (cũng là bản Hy lạp được Chrysostom dùng). Nó có trong tất cả các bản thảo tiếng Hy-lạp còn lại. Một số bản có MẠO TỪ xác định đi với chữ "đức tin," một số không có, nhưng điều này không ảnh hưởng đến ý nghĩa của nó.

▣ **"để bày tỏ sự công bình của Ngài"** Đức Chúa Trời phải nhất quán với bản tính và lời nói của Ngài (Ma-la-chi 3:6). Trong Cựu ước linh hồn nào phạm tội thì phải chết (Ê-xê-chi-ên 18:4,20). Chúa phán Ngài không xưng kẻ có tội là vô tội (Xuất Ê-díp-tô ký 232:7). Tình yêu thương của Đức Chúa Trời quá

lớn lao dành cho con người sa ngã đến nỗi Ngài bằng lòng trở thành con người, chu toàn luật pháp và chết thế chỗ cho con người sa ngã. Tình yêu và sự công bằng hội ngộ nơi chính Chúa Jêsus (câu 26).

▣ **NASB, NKJV, NRSV "Ngài bỏ qua các tội đã phạm trước kia"**
TEV "trong quá khứ Ngài đã kiên nhẫn và bỏ qua tội lỗi của dân sự"
NJB "trong quá khứ, khi tội lỗi không bị trừng phạt"

Thuật ngữ "bỏ qua" là *paresis*, chỉ được dùng duy nhất một lần ở đây trong Cựu ước và không bao giờ có trong bản Bảy mươi. Các giáo phụ Hy lạp và Jerome dịch từ nghĩa đen tiếng Hy lạp là "sự tha cho một món nợ" (xem sách của Moulton và Milligan, trang 493). Tuy nhiên, chữ *pariemi*, ĐỘNG TỪ có gốc từ thuật ngữ này có nghĩa là "để cho qua" hay là "để cho thong thả" (Lu-ca 11:42).

Vì vậy câu hỏi ở đây là, Đức Chúa Trời tha tội trong quá khứ là vì Ngài nhìn tới công tác cứu chuộc của Đấng Christ trong tương lai hay là Ngài chỉ đơn thuần bỏ qua vì biết rằng sự chết của Đấng Christ sẽ giải quyết vấn đề tội? Kết quả của nó đều giống nhau. Tội lỗi của con người trong quá khứ, hiện tại, và tương lai, đều được giải quyết bằng sự hy sinh của Đấng Christ.

Đây là hành động ân điển trong quá khứ của Đức Chúa Trời mong đợi phía trước về công tác cứu chuộc của Đấng Christ (Công-vụ 17:30; Rô-ma 4:15; 5:13) đồng thời cũng là hành động của Ngài trong hiện tại và tương lai (câu 26). Chúa đã và vẫn không xem nhẹ tội lỗi, nhưng Ngài chấp nhận của lễ hy sinh của Chúa Jêsus như là phương thuốc cứu chuộc đầy đủ và dứt điểm cho sự nổi loạn của con người, là một rào cản trong mối tương giao đời đời với chính Ngài.

3:26 Thuật ngữ "sự công bình" trong câu 25 có gốc từ liên hệ đến thuật ngữ "công chính" và "người làm cho công bình" trong câu 26. Ngài muốn bản tính của Ngài được bày tỏ trong cuộc sống của những người tin Ngài qua đức tin nơi Đấng Christ. Chúa Jêsus trở nên sự công bình của chúng ta (II Cô-rinh-tô 5:21) nhưng các tín nhân cũng phải biến đổi giống với sự công bình của Ngài, sự giống như Ngài (Rô-ma 8:29). Xin xem Chủ đề đặc biệt trong câu 1:17.

3:27-30 (BẢN NASB)
27 **Vậy thì sự khoe mình ở đâu? Đã bị trừ bỏ rồi. Bởi luật pháp nào? Luật pháp của việc làm chăng? Không phải, nhưng bởi luật pháp của đức tin;** 28 **vì chúng ta kể rằng người ta được xưng công bình bởi đức tin, chớ không bởi việc làm theo luật pháp.** 29 **Hay là, Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của dân Giu-đa sao? Há chẳng phải cũng là Đức Chúa Trời của dân ngoại ư? Phải, Ngài cũng là của dân ngoại nữa;**30 **Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, là Đấng làm cho kẻ chịu cắt bì được xưng công bình bởi đức tin, cũng làm cho kẻ không chịu cắt bì được xưng công bình bởi đức tin nữa.**

3:27 "Vậy thì sự khoe mình ở đâu" Sự có mặt của MẠO TỪ đi với chữ 'khoe mình' có lẽ chỉ sự khoe mình của người Do Thái (2:17,23). Phúc âm khiêm nhượng. Con người sa ngã (người Do thái và người ngoại) không thể tự cứu mình được (Ê-phê-sô 2:8-9). Xin xem Chủ đề đặc biệt: KIÊU NGẠO trong câu 2:17.

▣ **"nó đã bị trừ bỏ"** Từ ngữ này (*ek* [ra khỏi] cộng với chữ *kleio* [đóng]) chỉ được dùng duy nhất tại đây và trong Ga-la-ti 4:17. Nghĩa đen của nó là "bị khóa ở ngoài."

▣ **"bởi luật pháp của đức tin"** Giao ước mới của Đức Chúa Trời trong Giê-rê-mi 31:31-34 không dựa vào công việc bề ngoài, nhưng dựa vào sự tin cậy/đức tin/niềm tin (*pistis*) vào bản tính đầy ân điển và lời hứa của Ngài. Cả Cựu và Tân ước đều nhằm mục đích biến đổi con người sa ngã trở nên giống với bản tính Đức Chúa Trời (công bình). Cựu ước bởi luật pháp bên ngoài; Tân ước bởi tấm lòng mới (Ê-xê-chi-ên 36;26-27). Mục tiêu đều giống nhau!

3:28 "chúng ta kể rằng người ta được xưng công bình bởi đức tin chứ không phải bởi việc làm theo luật pháp" Đây là câu tóm tắt của phân đoạn 3:21-26 và là phần báo trước cho chương 4-8 (II Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5). Sự cứu rỗi là món quà miễn phí qua đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Đấng Christ (3:24; 5:15,17; 6:23; Ê-phê-s 2:8-9). Tuy nhiên sự trưởng thành là cuộc sống trả bằng mọi giá để sống vâng phục, phục vụ và thờ phượng (Ga-la-ti 5:6; Ê-phê-sô 2:10; Phi-líp 2:12; và xem chú thích ở câu 1:5).

3:29 Mục đích của Đức Chúa Trời luôn là cứu chuộc toàn thể nhân loại đã được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26; 5:1; 9:6). Lời hứa cứu rỗi trong Sáng-thế-ký 3:15 là cho tất cả: Ngài đã chọn Áp-ra-ham để chọn cả thế giới (Sáng-thế-ký 12:31; Xuất Ê-díp-tô ký 19:4-6; Giăng 3:16). Câu này, giống như câu 3:9, diễn tả sự căng thẳng trong Hội thánh ở Rô-ma giữa cấp lãnh đạo tin Chúa người Do thái là những người đã rời Rô-ma theo chiếu chỉ của Claudius và cấp lãnh đạo người ngoại tin Chúa sau này, là những người thay thế họ. Đoạn 9-11 có thể cũng đề cập đến sự căng thẳng này.

3:30 NASB "nếu thật Chúa là một"
NKJV "bởi vì chỉ có một Đức Chúa Trời"
NRSV "bởi vì Chúa là một"
TEV "Chúa là một"
JB "bởi vì chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời"

Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Nếu thuyết độc thần là đúng và quả là như vậy, (Xuất Ê-díp-tô ký 8:10; 9:14; Phục truyền 4:35,39; 6:4; I Sa-mu-ên 2:2; II Sa-mu-ên 7:22; 22:32; I Các vua 8:23; Thi thiên 86:8,10; Ê-sai 43:11; 44:6,8; 45:6-7,14,18,21-22; 46:5,9; Giê-rê-mi 2:11; 5:7; 10:6; 16:20), thì Ngài phải là Chúa của mọi người.

▣ **"Ngài sẽ xưng công bình kẻ chịu cắt bì bởi đức tin"** Chữ "xưng công bình" trong tiếng Hy-lạp có chung nguồn gốc với chữ "công bình." Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17. Chỉ có một cách để làm hòa với Đức Chúa Trời (Rô-ma 9:30-32). Tiêu chuẩn để được sự cứu rỗi là đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19,20; 20:21; xem chú thích ở câu 1:5). Điều này áp dụng cho cả người Do thái lẫn người Hy lạp.

▣ **"bởi đức tin…qua đức tin"** Có một sự đối xứng rõ ràng giữa hai vế. GIỚI TỪ *ek* và *dia* được dùng cùng nghĩa ở đây. Không có dụng ý phân biệt ở đây.

3:31 (BẢN NASB)
31 **Vậy, chúng ta nhơn đức tin mà bỏ luật pháp hay sao? Chẳng hề như vậy! Trái lại, chúng ta làm vững bền luật pháp.**

3:31 NASB "chúng ta bởi đức tin mà bỏ luật pháp hay sao"
NKJV "chúng ta bỏ luật pháp vì đức tin"
NRSV "chúng ta quăng đi luật pháp bởi đức tin"
TEV "Điều này có nghĩa là chúng ta bỏ luật pháp bởi đức tin này"
JB "Có phải chúng ta nói rằng đức tin làm cho luật pháp trở nên vô ích"

Tân ước trình bày Cựu ước trong hai cách khác nhau: (1) nó được hà hơi, là khải thị được Chúa ban và sẽ không bao giờ qua đi (Ma-thi-ơ 5:17-19; Rô-ma 7:12,14,16) và (2) nó bị hao mòn và đã qua đi (Hê-bơ-rơ 8:13).

Phao lô dùng chữ "bỏ đi" (nullify) ít nhất là 25 lần. Nó được dịch là "làm cho vô ích và trống rỗng," "khiến cho bất lực," và "khiến không có hiệu lực." Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:3. Đối với Phao lô, luật pháp như là người bảo hộ (Ga-la-ti 3:23) và thầy giáo (Ga-la-ti 3:24) nhưng không thể ban sự sống đời đời (Ga-la-ti 2:16,19; 3:19). Nó là cơ sở để lên án con người (Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 2:14). Luật Môi se có chức năng như là sự bày tỏ và là một bài thi đạo đức giống như "cây biết điều thiện và điều ác."

Có một sự không rõ ràng khi Phao lô dùng chữ “Luật pháp”: (1) một hệ thống các việc làm công bình của Do thái giáo; (2) một giai đoạn để người ngoại tin Chúa bước qua để đến sự cứu rỗi trong Đấng Christ (người Giu-đa ở Ga-la-ti); hay là (3) một tiêu chuẩn mà mọi người đều hụt mất (Rô-ma 1:18-3:20; 7:7-25; Ga-la-ti 3:1-29).

▣ **“chúng ta làm vững bền luật pháp”** Trong ánh sáng của vế câu trước, những chữ này có nghĩa gì? Nó có thể cho thấy (1) Luật pháp không phải là cách để được cứu rỗi nhưng nó vẫn là một người hướng dẫn luân lý; (2) nó làm chứng cho tín lý “xưng công bình bởi đức tin” 3:21; 4:3 (Sáng-thế-ký 15:6; Thi thiên 32:1-2,10-11); (3) sự yếu kém của luật pháp (sự nổi loạn của con người, Rô-ma 7; Ga-la-ti 3) được chu toàn bởi sự hy sinh của Đấng Christ, 8:3-4; hoặc là (4) mục đích của sự khải thị là để phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời nơi con người. Luật pháp, sau sự công bình theo pháp lý, trở nên người hướng dẫn đến sự công bình thật hay sự giống với Đấng Christ. Xin xem Chủ đề đặc biệt: Quan điểm của Phao lô về Luật Môi se trong câu 13:9.

Một nghịch lý gây sốc đó là luật pháp đã không thiết lập được sự công bình của Đức Chúa Trời, nhưng khi bỏ qua luật pháp, bởi món quà ân điển qua đức tin của Đức Chúa Trời, người Cơ đốc có thể sống một đời sống tin kính, công bình. Mục đích của luật pháp đã được thực hiện, không phải bởi công trạng của con người, nhưng bởi món quà ân điển miễn phí của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ!
Để hiểu thêm về chữ “làm vững bền” xin xem Chủ đề đặc biệt: Đứng vững trong câu 5:2.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Lập dàn ý phân đoạn Rô-ma 3:21-31 bằng chữ của riêng bạn.
2. Tại sao Đức Chúa Trời bỏ qua tội của con người trong quá khứ (câu 25)?
3. Làm cách nào những người tin Chúa thời Cựu ước được cứu khỏi tội (3:25)?
4. Đức tin nơi Chúa Jêsus xác nhận luật pháp như thế nào (3:31)?

RÔ-MA ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Gương của Áp-ra-ham	Áp-ra-ham được xưng công bình bởi đức tin	Áp-ra-ham được xưng công bình bởi đức tin	Gương của Áp-ra-ham	Áp-ra-ham được xưng công bình bởi đức tin
4:1-12	4:1-4	4:1-8	4:1-8	4:1-8
	Đa-vít vui mừng vì lẽ thật này			Được xưng công bình trước khi cắt bì
	4:5-8			
	Áp-ra-ham được xưng công bình trước khi cắt bì			
	4:9-12	4:9-12	4:9-12	4:9-12
Lời hứa thành hiện thực qua đức tin	Lời hứa được ban cho qua đức tin	Con cái thật của Áp-ra-ham	Lời hứa của Đức Chúa Trời được nhận lấy	Không được xưng công bình bởi vâng phục luật pháp
4:13-25	4:13-15	4:13-15	4:13-15	4:13-17
		4:16-25	4:16-25	Đức tin của Áp-ra-ham gương mẫu cho đức tin Cơ đốc
				4:18-25

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Thần học gây chấn động của Phao-lô được trình bày trong đoạn 3:21-31, xác quyết rằng con người sa ngã được làm hòa với Đức Chúa Trời là một món quà miễn phí, hoàn toàn không nhờ cậy đến luật pháp Môi-se. Tới đây Phao-lô muốn chứng minh rằng điều này không phải là một cái gì đó mới lạ (3:21b) bằng cách đưa ra các dẫn chứng từ Áp-ra-ham và Đa-vít (câu 6-8).
B. Rô-ma đoạn 4 đưa ra bằng cớ từ luật pháp Môi-se, Sáng-thế-ký- Phục truyền, để chứng minh tín lý xưng công bình bởi đức tin. Điều này được tóm tắt trong câu 3:21-31. Đối với một người Do Thái, một câu trích từ các sách của Môi-se có một trọng lượng rất lớn, đặc biệt là liên quan đến Áp-ra-ham, người được xem là cha của quốc gia Do Thái. Đa-vít được xem như một kiểu mẫu của một Đấng Mết-si-a sẽ đến (II Sa-mu-ên 7). Sự căng thẳng tại Rô-ma giữa những người tin Chúa người Do Thái và người tin Chúa người ngoại có lẽ là dịp tiện cho cuộc bàn luận này. Có thể các lãnh đạo tin Chúa người Do Thái đã cảm thấy bị bắt buộc phải rời Rô-ma bởi chiếu chỉ của Claudius (là người đã bãi bỏ tất cả các cuộc hội họp, lễ nghi của người Do Thái). Trong khoảng thời gian ở giữa, họ được thay thế bởi những lãnh đạo tin Chúa người ngoại. Khi nhóm thứ nhất quay trở lại, điều này đã gây xáo trộn trong việc quyết định ai sẽ nắm vai trò lãnh đạo.
C. Xưng công bình bởi đức tin theo cách này mở rộng cho tất cả mọi người, không chỉ cho các tổ phụ, hay cho quốc gia Y-sơ-ra-ên mà thôi. Phao-lô đang phát triển và mở rộng sự bàn luận thần học của ông bằng cách dùng đến Áp-ra-ham, là nhân vật ông đã bắt đầu trong sách đầu tiên của ông là Ga-la-ti (Ga-la-ti 3).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

4: 1-7 (BẢN NASB)
1 Vậy, chúng ta sẽ nói Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, theo xác thịt đã được ích gì? 2 Thật thế nếu Áp-ra-ham đã được xưng công bình bởi việc làm, thì có cớ khoe mình; nhưng trước mặt Đức Chúa Trời không có như vậy. 3 Vì Kinh Thánh có dạy chi? Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, và điều đó kể là công bình cho người. 4 Vả, đối với kẻ nào làm việc, thì tiền công không kể là ơn, nhưng kể như là nợ, 5 còn kẻ chẳng làm việc chi hết, nhưng tin Đấng xưng người có tội là công bình, thì đức tin của kẻ ấy kể là công bình cho mình.6 Ấy vậy, vua Đa-vít cũng tỏ ra cái phước của người mà Đức Chúa Trời kể cho là công bình chẳng bởi việc làm, mà rằng: 7 Phước thay cho kẻ, lỗi mình được tha thứ, Tội mình được che đậy! 8 Phước thay cho người mà Chúa chẳng kể tội lỗi cho!

4:1 "Vậy, chúng ta sẽ nói Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta" Tên Áp-ra-ham có nghĩa là "cha của nhiều người" (câu 16-18). Tên đầu tiên của ông là Áp-ram, nghĩa là "cha cao quý."

Nghệ thuật văn chương dùng ở đây là lối diễn luận công kích (diatribe) (4:1;6:1; 7:7; 8:31; 9:14,30). Lý do dùng đến Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 11:27-25:11) làm ví dụ là (1) vì người Do Thái đặt một giá trị rất cao nơi nguồn gốc chủng tộc của họ (Ma-thi-ơ 3:9; Giăng 8:33,37, 39); (2) bởi vì đức tin cá nhân của ông tiêu biểu cho khuôn mẫu giao ước (Sáng-thế-ký 15:6); và (3) bởi vì đức tin của ông có trước sự ban cho luật Môi-se (Xuất Ê-díp-tô ký 19-20).

4:2 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ (xem sách của A. T. Robertson, *Word Pictures*, vol. 4, trang 350). Đây là một ví dụ điển hình cho trường hợp CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT sai trong thực tế, nhưng dùng để nhấn mạnh một điểm thần học (câu 14).

Joseph Fitzmyer, trong *The Anchor Bible*, vol. 33, trang 372 nói rằng đây có thể là CÂU ĐIỀU KIỆN pha trộn trong đó phần đầu của nó là ĐIỀU KIỆN BẬC HAI (đối lại với sự thật), và phần còn lại là ở ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT.

▣ **"xưng công bình bởi việc làm"** Đây là sự đối nghịch của việc xưng công bình bởi đức tin. Để được sự cứu rỗi bởi nỗ lực của con người (4:4) nếu thực hiện được, thì đã làm cho công tác của Đấng Christ trở nên không cần thiết. Tuy nhiên, Cựu ước đã cho thấy rõ ràng rằng con người sa ngã không có khả năng

làm trọn công việc giao ước của Đức Chúa Trời. Vì vậy, Cựu ước trở nên một lời nguyền, một án tử hình (Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 2:14).

Các học giả Do Thái biết rằng Áp-ra-ham có trước luật Môi se nhưng họ tin rằng ông mong đợi luật pháp này và đã giữ lấy (sách Ecclesiasticus 44:20 và sách Jubilees 6:19; 15:1-2).

▣ **"thì có cớ khoe mình"** Chủ đề này thường xuất hiện trong các thư tín của Phao-lô. Xuất thân là người Pha-ri-si khiến ông nhạy cảm với vấn đề này (3:27; I Cô-rinh-tô 1:29; Ê-phê-sô 2:8-9). Xin xem Chủ đề đặc biệt: Khoe mình trong câu 2:17.

4:3 NASB, NKJV, NRSV, TEV "Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời"
JB "Áp-ra-ham đặt đức tin nơi Đức Chúa Trời"

Đây là câu trích từ Sáng-thế-ký 15:6. Phao-lô dùng câu này 3 lần trong đoạn này (4:3,9,22), cho thấy tầm quan trọng của nó trong sự hiểu biết thần học về vấn đề cứu rỗi của ông. Thuật ngữ "đức tin" trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, thủy chung, hoặc là đáng tin cậy và là một sự mô tả về bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải của chúng ta. Nó bắt nguồn từ thuật ngữ Hê-bơ-rơ (*emun*, *emunah*) có nghĩa là "chắc chắn hay vững vàng." Đức tin cứu rỗi là sự đồng thuận về lý trí (về các lẽ thật), sự cam kết về mặt ý chí (một quyết định), sống đạo đức (một lối sống), và chủ yếu là mối liên hệ (chào đón một người).

Cần nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không phải đặt ở Đấng Mết-si-a trong tương lai nhưng là ở lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và một dòng dõi (Sáng-thế-ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng lại lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi ngại và nan đề về lời hứa này, và thật sự là 13 năm đã trôi qua trước khi lời hứa được thành tựu. Đức tin không hoàn toàn của ông, tuy vậy, vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Ngài bằng lòng làm việc với những con người lỗi lầm biết đáp ứng lại với Ngài và lời hứa của Ngài trong đức tin, ngay cả khi đức tin đó lớn chỉ bằng hột cải (Ma-thi-ơ 17:20).

4:3-6,8-10,22-24 NASB, NRSV "điều đó được kể cho ông là"
NKJV "điều đó được kể cho ông là"
TEV "vì Đức Chúa Trời đã chấp nhận ông"
JB "đức tin này được kể là"

Chữ "điều đó" chỉ đức tin của Áp-ra-ham nơi lời hứa Đức Chúa Trời.

"Được kể cho" (*logizomia*) là một thuật ngữ trong kế toán có nghĩa là "ban cho hay đặt cọc vào tài khoản của ai" (Sáng-thế-ký bản LXX 15: 6; Lê-vi-ký 7:18; 17:4). Lẽ thật này cũng được diễn tả rất hay trong II Cô-rinh-tô 5:21 và Ga-la-ti 3:6. Có lẽ Phao-lô đã kết hợp Sáng-thế-ký 15:6 và Thi thiên 32:2 bởi vì những câu này đều dùng thuật ngữ trong kế toán "được kể cho." Cách kết hợp các đoạn Kinh văn với nhau là một nguyên tắc giải Kinh được các thầy ra-bi Do thái dùng.

Cựu ước sử dụng thuật ngữ này trong bản Bảy mươi có vẻ là một thuật ngữ kế toán hơn là thuật ngữ ngân hàng, có lẽ liên quan đến "những cuốn sách" trong Đa-ni-ên 7:10; 12:1. Hai cuốn sách tượng trưng này (trí nhớ của Đức Chúa Trời) là

1. Cuốn sách ghi những việc làm hay những điều ghi nhớ (Thi thiên 56:8; 139:26; Ê-sai 65:6; Ma-la-chi 3:16; Khải huyền 20:12-13)
2. Sách sự sống (Xuất Ê-díp-tô ký 32:32; Thi thiên 69:28: Ê-sai 4:3; Đa-ni-ên 12:1; Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Khải huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:15; 21:27)

Cuốn sách mà trong đó đức tin của Áp-ra-ham được kể là công bình bởi Đức Chúa Trời là "sách sự sống."

4:3-5,9-11,13,22,25 "là công bình"

Chữ này chỉ thuật ngữ trong Cựu ước "cây thước sậy" (*tsadak*). Đây là một hình ảnh dùng trong xây dựng được dùng để chỉ bản tính Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thẳng đứng còn con người thì cong quẹo. Trong Tân ước chữ này được dùng trong ý nghĩa địa vị pháp lý với hy vọng tiến gần hơn đến một lối sống thánh thiện. Mục đích Đức Chúa Trời cho mỗi Cơ đốc nhân là chính bản tính của Ngài, hay nói một cách khác, là giống như bản tính Đấng Christ (8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:17.

4:5 Tinh chất của đức tin là đáp ứng lại một Đức Chúa Trời Đấng bày tỏ chính Ngài, mà không cần phải nhờ cậy tuyệt đối vào nỗ lực hay giá trị cá nhân. Điều này không hàm ý rằng một khi chúng ta đã được cứu và có Thánh Linh ngự trong lòng thì cách sống của chúng ta không còn quan trọng nữa. Mục tiêu của Cơ đốc giáo không phải chỉ là thiên đàng trong tương lai khi chúng ta chết đi, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Chúng ta <u>không</u> phải được cứu, được xưng công bình, hay được ban cho địa vị công bình <u>bởi</u> việc làm của mình, nhưng chúng ta được cứu <u>để</u> làm lành (Ê-phê-sô 2:8-9 và 10; Gia-cơ và I Giăng). Một cuộc sống đã và đang thay đổi là bằng cớ rằng người đó được cứu.

▣ **NASB, NKJV "đức tin của ông"**
NRSV "đức tin như thế'
TEV, NJB "là đức tin này"

Đức tin Áp-ra-ham được kể là công bình cho ông. Điều này không dựa vào hành động của Áp-ra-ham nhưng dựa vào thái độ của ông. Chữ "được kể cho" cũng được dùng cho Phi-nê-a trong bản Bảy mươi Thi thiên 106:31, là câu chỉ về Dân-số-ký 25:11-13. Trong trường hợp này, sự được kể cho dựa vào hành động của Phi-nê-a, nhưng nó không phải là như vậy đối với Áp-ra-ham trong Sáng-thế-ký 15:6!

▣ **"nhưng tin Ngài xưng công bình kẻ có tội, thì đức tin đó được kể là công bình"** Đây là vế câu tương đương rất rõ so với câu 3 chỉ về Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15:6). Sự công bình là món quà của Đức Chúa Trời, không phải là kết quả từ những công trạng của con người. Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:17.

▣ **"Đa-vít"** Cũng giống Áp-ra-ham không phải là một người hoàn hảo, nhưng vẫn được làm hòa lại với Đức Chúa Trời bởi đức tin, thì Đa vít với nhiều tội lỗi cũng vậy (Thi thiên 32 và 51). Chúa yêu thương và làm việc với con người sa ngã (Sáng-thế-ký 3), những người bày tỏ đức tin nơi Ngài (Cựu ước) và nơi Con Ngài (Tân ước).

4:6 "chẳng phải bởi việc làm" Phao-lô nhấn mạnh cụm từ này bằng cách đặt nó vào ngay trước một câu trích từ Cựu ước (Thi thiên 32:1-2). Con người được hòa thuận lại với Đức Chúa Trời qua ân điển Đức Chúa Trời và trung gian Đấng Christ bởi đức tin cá nhân của từng người, chứ không phải dựa trên những thành tích tôn giáo.

4:7-8 Đây là câu trích từ Thi thiên 32:1-2. Cả hai động từ trong câu 7, "đã được tha thứ" và "đã được che lấp" đều ở thể THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE). Đức Chúa Trời là chủ từ được hiểu ngầm. Câu 8 mang một SỰ PHỦ ĐỊNH ĐÔI (DOUBLE NEGATIVE) rất mạnh, "trong bất cứ hoàn cảnh nào sẽ không" được ban cho, kể cho, tính cho. Để ý ba ĐỘNG TỪ trong câu trích này: tất cả đều chỉ sự tha bổng tội lỗi.

4:7 "những ai tội lỗi đã được che đậy" Đây là câu trích từ Thi thiên 32:1. Khái niệm "che đậy" là trọng tâm của vấn đề tế lễ trong nghi thức tôn giáo Do Thái. Khi nói Chúa che đậy tội lỗi, có nghĩa là Ngài đem nó khỏi tầm mắt của Ngài (sách của Brown, Driver, Briggs, trang 491). Cũng khái niệm này, nhưng sử dụng một chữ Hê-bơ-rơ khác cho "sự che đậy" (*caphar*) được dùng trong nghi thức ngày lễ chuộc tội (nắp đậy), là nơi huyết được đặt trên 'ghế thương xót' (mercy seat) để che đậy tội lỗi của Y-sơ-ra-ên. Một hình bóng tương tự là sự tẩy đi, xóa đi tội lỗi của chúng ta.

4:8 "Phước cho người Đức Giê-hô-va không kể tội lỗi cho" Đây là câu trích từ Thi thiên 32:2. Đây là thuật ngữ "kể cho", "ban cho", hay "đặt cọc" vào tài khoản của ai, được dùng trong ý nghĩa tiêu cực. Đức Chúa Trời không đặt cọc tội lỗi (PHỦ ĐỊNH ĐÔI) vào tài khoản ngân hàng thuộc linh của người tin Chúa; Ngài kể cho là công bình. Điều này dựa vào bản tính yêu thương của Chúa, món quà, lời tuyên bố của Ngài, chứ không phải vào sự xứng đáng, giá trị hay thành tựu của con người!

4:9-12 (BẢN NASB)
9 **Vậy, lời luận về phước đó chỉ chuyên về kẻ chịu cắt bì mà thôi sao? Cũng cho kẻ không chịu cắt bì nữa. Vả, chúng ta nói rằng đức tin của Áp-ra-ham được kể là công bình cho người.** 10 **Nhưng được kể thế nào? Khi người đã chịu cắt bì rồi, hay là khi người chưa chịu cắt bì? Ấy không phải sau khi người chịu cắt bì, bèn là trước.**11 **Vậy, người đã nhận lấy dấu cắt bì, như dấu ấn của sự công bình mà người đã được bởi đức tin, khi chưa chịu cắt bì; hầu cho làm cha hết thảy những kẻ tin mà không chịu cắt bì, đặng họ được kể là công bình,**12 **và cũng làm cha những kẻ chịu cắt bì, tức là cha những kẻ không những chịu cắt bì thôi, lại cũng noi theo dấu đức tin mà Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, đã có trước khi chưa chịu cắt bì vậy.**

4:9-12 Có lẽ Phao-lô thêm vào phần bàn luận về phép cắt bì là vì những người Giu-đa nhấn mạnh về sự cần thiết phải cắt bì để được cứu (xem sách Ga-la-ti và Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15).

Phao-lô, vốn được đào tạo từ phương pháp giải kinh của các ra-bi, biết rằng Sáng-thế-ký 15:6 và Thi thiên 32:2 sử dụng cùng một ĐỘNG TỪ (cả trong tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp). Điều này có thể đã đem sự hợp nhất giữa hai đoạn này lại với nhau trong mục đích thần học.

4:9 Câu hỏi trong câu 9 chờ đón câu trả lời 'không.' Đức Chúa Trời chấp nhận mọi người, cả người ngoại nữa, bởi đức tin. Sáng-thế-ký 15:6 lại được trích một lần nữa.

Áp-ra-ham, cha của dân tộc Do Thái, được kể là công bình trước khi ông chịu cắt bì.

4:10-11 "dấu của sự cắt bì như dấu ấn của sự công bình của đức tin" Sau khi Abram được kêu gọi và được xưng công bình, Đức Chúa Trời cho ông chịu cắt bì để làm dấu hiệu của giao ước (Sáng-thế-ký 17:9-14). Mọi dân tộc ở vùng Cận đông Cổ (Ancient Near East) đều chịu cắt bì trừ dân Phi-li-tin là dân có nguồn gốc Hy lạp từ đảo Agean. Phép cắt bì đối với họ là một nghi thức chuyển tiếp (rite of passage) từ một cậu bé trở thành một người đàn ông. Trong cuộc sống của người Do Thái, đây là dấu hiệu giao ước tôn giáo kết nạp thành viên, được thực hiện trên các em bé trai trong ngày thứ tám sau khi sanh.

Trong câu này "dấu hiệu" và "dấu ấn" tương đương với nhau và điều chỉ đến đức tin của Áp-ra-ham. Phép cắt bì là dấu hiệu thấy được của một người đặt đức tin nơi Đức Chúa Trời. Cụm từ SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE) "của sự công bình của đức tin" được lặp lại trong câu 13. Chìa khóa để được tuyên bố hòa thuận với một Đức Chúa Trời thánh khiết không phải là phép cắt bì, nhưng là đức tin.

4:11 "để làm cha hết thảy những kẻ tin mà không chịu cắt bì" Sách Rô-ma được viết sau sách Ga-la-ti. Phao-lô nhạy bén với khuynh hướng của những người Do Thái trông cậy nơi (1) nguồn gốc chủng tộc của họ (Ma-thi-ơ 3:9; Giăng 8:33,37,39) và (2) sự thực thi những cách giải nghĩa Do Thái hiện thời về giao ước Môi-se (Lời truyền khẩu, hay là truyền thống của các người lớn tuổi sau này được viết lại và được gọi là Talmud). Vì thế, ông dùng Áp-ra-ham như là một mô thức cho tất cả những ai tin bằng đức tin (cha của những người tin không chịu cắt bì, Ga-la-ti 3:79).

4:12 "noi theo dấu chân" Đây là thuật ngữ quân sự (*stoicheo*) dùng cho quân lính hành quân theo từng hàng (Công-vụ. 21:24; Ga. 5:25; 6:16; Phi-líp 3:16). Phao-lô đang đề cập đến người Do Thái tin Chúa trong câu này (cha của những người chịu cắt bì). Áp-ra-ham là cha của tất cả những ai đặt đức tin nơi Đức Chúa Trời và lời hứa của Ngài.

Do có MẠO TỪ KÉP (*tois*), có thể là khía cạnh thứ hai ("theo dấu chân của") thêm vào khái niệm một đức tin có sự sống đạo (ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE [deponent] PARTICIPLE) chứ không phải là đức tin chỉ một lần. Sự cứu rỗi là một mối liên hệ tiếp diễn liên tục, không phải chỉ là một giây phút quyết định của ý chí.

4:13-15 (BẢN NASB)
13 **Vả, ấy chẳng phải bởi luật pháp mà có lời hứa cho Áp-ra-ham hoặc dòng dõi người lấy thế gian làm gia nghiệp, bèn là bởi sự công bình của đức tin.**14 **Vì, nếu bởi luật pháp mà được hưởng gia nghiệp, thì đức tin ra vô ích, lời hứa cũng bỏ rồi,** 15 **vì luật pháp sanh ra sự giận; song đâu không có luật pháp, thì đó cũng không có sự phạm luật pháp.**

4:13 "lời hứa cho Áp-ra-ham hoặc cho dòng dõi người" Chúa hứa ban "đất và hạt giống" cho Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12:1-3; 15:1-6; 17:1-8; 22:17-18). Cựu ước chú trọng vào đất (Pa-lét-tin), nhưng Tân ước tập trung vào "hạt giống" (Chúa Jêsus Đấng Mết-si-a, Ga-la-ti 3:16,19), nhưng tại đây "hạt giống" chỉ những người có đức tin (câu 23-25; Ga-la-ti 3:29). Lời hứa của Đức Chúa Trời là nền tảng căn bản cho đức tin của mọi người tin (Ga-la-ti 3:14,17,18,19,21,22,29; 4:28; Hê-bơ-rơ 5:13-18).

▣ **"để người trở nên người thừa kế cơ nghiệp của thế gian"** Câu nói có tính phổ thông này rất quan trọng trong ánh sáng của Sáng-thế-ký 12:3; 18:18; 22:18 và Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6. Chúa đã kêu gọi Áp-ra-ham để qua đó kêu gọi toàn thể nhân loại (Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:15)! Áp-ra-ham và dòng dõi người phải là một phương tiện khải thị cho toàn thế giới. Đây là một cách khác để chỉ đến Vương quốc Đức Chúa Trời trên đất (Ma-thi-ơ 6:10).

▣ **"không phải qua luật pháp"** Luật Môi-se lúc đó chưa được bày tỏ ra. Cụm từ này được đặt ở đầu câu trong tiếng Hy-lạp để diễn tả sự quan trọng của nó. Đây là một điểm rất quan trọng nhấn mạnh sự khác biệt giữa nỗ lực của con người và ân điển thiên thượng (3:21-31). Ân điển làm cho luật pháp trở nên lỗi thời, vốn là cách dẫn đến sự cứu rỗi (Hê-bơ-rơ 8:7,13). Xin xem Chủ đề đặc biệt : Quan điểm của Phao-lô về Luật Môi-se trong câu 13:9.

4:14 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Phao-lô dùng câu nói có tính gây ngạc nhiên này để chứng minh sự biện luận lôgíc của ông. Đây là một ví dụ tiêu biểu của một câu ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT dùng với mục đích tu từ. Ông không tin câu nói này là đúng, nhưng ông đã nói để chỉ ra sự sai trật rõ ràng của nó (câu 2).

Những người Do Thái cuồng tín có dấu hiệu cắt bì bên ngoài không phải là người thừa kế cơ nghiệp của thế gian, nhưng những người đặt đức tin nơi ý chỉ và lời nói của Đức Chúa Trời mới là người thừa kế cơ nghiệp. Phép cắt bì thuộc thể không phải là dấu hiệu thật, nhưng đức tin nơi Đấng Christ mới là dấu hiệu thật (2:28-29).

▣ **NASB, NKJV "đức tin ra vô ích"**
NRSV "đức tin ra vô ích"
TEV "đức tin của con người không là gì hết"
JB "đức tin trở nên vô ích"

Đây là thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE) của từ *kenoo*, là từ nhấn mạnh đến tình trạng ổn định của một ĐỘNG TỪ rất mạnh trong tiếng Hy lạp có nghĩa là, "làm trống đi," "cho thấy là không có nền," hay ngay cả ý nghĩa "làm giả" (I Cô-rinh-tô 1:17). Từ này cũng được Phao-lô dùng trong I Cô-rinh-tô 1:17; 9:15; II Cô-rinh-tô 9:3 và Phi-líp 2:7.

▣ **NASB "lời hứa bị bỏ"**
NKJV "lời hứa không còn hiệu lực"
NRSV "lời hứa ra vô ích"
TEV "lời hứa của Đức Chúa Trời trở nên không còn giá trị"
JB "lời hứa không có giá trị nào nữa"

Đây cũng là thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH, nhằm nhấn mạnh tình trạng ổn định của một động từ rất mạnh trong tiếng Hy lạp có nghĩa là "làm cho trống rỗng," "bãi bỏ, hủy bỏ," "chấm dứt," hay cũng có thể "tiêu diệt hay hủy diệt." Phao-lô cũng dùng từ ngữ này trong Rô-ma 3:3,31; 6:6; 7:2,6; I

Cô-rinh-tô 2:6; 13:8; 15:24,25; II Cô-rinh-tô 3:7; Ga-la-ti 5:4; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8. Có một sự tương đương rõ ràng trong câu này. Không phải có 2 cách để được cứu rỗi. Giao ước mới đã làm cho giao ước cũ trở nên vô ích, bỏ đi! Xin xem Chủ đề đặc biệt: Vô ích, Trống rỗng ở câu 3:3.

4:15 "luật pháp…luật" Chữ đầu có MẠO TỪ tiếng Hy lạp trong khi chữ sau không có. Mặc dù tập trung quá nhiều chú ý đến sự có mặt hay vắng mặt của một MẠO TỪ của tiếng Hy lạp là một việc nguy hiểm, nhưng trong trường hợp này nó giúp cho thấy Phao-lô dùng từ ngữ này với 2 ý nghĩa: (1) Luật Môi-se và Lời truyền khẩu mà dân Do thái đang tin cậy vào để được cứu và (2) khái niệm luật pháp nói chung. Ý nghĩa rộng hơn này bao gồm những người ngoại tự xưng công bình, những người giữ các điều đạo đức hay nghi thức tôn giáo văn hóa này nọ và cảm thấy được thần chấp nhận nhờ vào việc họ làm.

▣ **"luật pháp đem đến cơn thạnh nộ" [bản tiếng Việt "luật pháp sanh ra sự giận"]** Đây là một câu phát biểu gây chấn động (3:20; Ga-la-ti 3:10-13; Cô-lô-se 2:14). Luật Môi-se không bao giờ được thiết lập để đem đến sự cứu rỗi (Ga-la-ti 3:23-29). Đây là một sự thật khó nuốt đối với một người Do Thái (hay người theo luật), nhưng đó là nền tảng căn bản của sự biện luận của Phao-lô.

▣ **"nhưng ở đâu không có luật pháp , thì ở đó cũng không có sự phạm luật pháp"** Đức Chúa Trời buộc con người phải chịu trách nhiệm với ánh sáng mà họ có. Người ngoại sẽ không bị phán xét dựa trên luật Môi-se là luật họ chưa bao giờ nghe đến. Họ chịu trách nhiệm đối với sự mặc khải tự nhiên (1:19-20; 2:14-15). Lẽ thật này tiến thêm một bước nữa trong sự biện luận của Phao-lô ở đây. Trước khi luật Môi-se bày tỏ Đức Chúa Trời cách rõ ràng, Ngài không ghi nhận những sự phạm luật của con người (3:20,25; 4:15; 5:13,20; 7:5,7-8; Công-vụ. 17:30; I Cô-rinh-tô 15:56).

4:16-25 (BẢN NASB)
16 Vậy nên, bởi đức tin mà người ta trở nên kẻ ăn gia tài, hầu cho sự ấy được bởi ân điển, và cho lời hứa được chắc chắn cho cả dòng dõi Áp-ra-ham, chẳng những cho dòng dõi dưới quyền luật pháp, mà cũng cho dòng dõi có đức tin của Áp-ra-ham, là tổ phụ hết thảy chúng ta, 17 y như lời chép rằng: Ta đã lập ngươi làm cha nhiều dân tộc, thật người là cha chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời, tức là Đấng người đã tin, là Đấng ban sự sống cho kẻ chết, gọi những sự không có như có rồi. 18 Người cậy trông khi chẳng còn lẽ trông cậy, cứ tin, và trở nên cha của nhiều dân tộc, theo lời đã phán cho người rằng: Dòng dõi ngươi sẽ như thể ấy.19 Người thấy thân thể mình hao mòn, vì đã gần đầy trăm tuổi, và thấy Sa-ra không thể sanh đẻ được nữa, song đức tin chẳng kém. 20 Người chẳng có lưỡng lự hoặc hoài nghi về lời hứa Đức Chúa Trời, nhưng càng mạnh mẽ trong đức tin, và ngợi khen Đức Chúa Trời, 21 vì tin chắc rằng điều chi Đức Chúa Trời đã hứa, Ngài cũng có quyền làm trọn được.22 Cho nên đức tin của người được kể cho là công bình. 23 Vả, ấy chẳng phải chỉ vì một mình người mà có chép rằng đức tin người đã được kể cho là công bình,24 nhưng cũng vì chúng ta nữa, đức tin sự được kể là công bình cho chúng ta, là kẻ tin Đấng đã làm cho Đức Chúa Jêsus, Chúa chúng ta, sống lại từ trong kẻ chết,25 Ngài đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta, và sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta.

4:16 Đây là phần tóm tắt rõ ràng về sự biện luận của Phao-lô rút ra từ câu 14: (1) con người phải đáp ứng bằng đức tin; (2) đối với lời hứa ân điển của Đức Chúa Trời; (3) lời hứa là chắc chắn cho các con cháu (Do Thái và người ngoại) của Áp-ra-ham là người đã thực thi đức tin này; và (4) Áp-ra-ham là mô thức cho tất cả những ai liên hệ đến đức tin.

▣ **"được bảo đảm"** Đây là từ ngữ Hy lạp *bebaios* với 3 ý nghĩa chính:
1. Điều gì đó chắc chắn, hay có thể nương dựa vào (Rô-ma 4:16; II Cô-rinh-tô 1:7; Hê-bơ-rơ 2:20; 3:6,14; 6:19; II Phi-e-rơ 1:10,19).

2. Một tiến trình qua đó sự đáng tin cậy của một điều gì đó được bày tỏ hay thiết lập (Rô-ma 15:8; Hê-bơ-rơ 2:2, xem sách của Louw và Nida, *Greek-English Lexison of the New Testament*, vol. 1, trang 340, 377, 670).
3. Trên giấy chỉ thảo nó trở thành một thuật ngữ dùng cho sự bảo đảm pháp lý (xem sách của Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, trang 107-8).

Đây là câu phản đề đối với câu 14. Lời hứa của Đức Chúa Trời là chắc chắn!

4:17-23 Một lần nữa Phao-lô dùng Áp-ra-ham để cho thấy sự ưu tiên của (1) việc Đức Chúa Trời khởi xướng lời hứa ân điển của Ngài (giao ước); và (2) sự đáp ứng tiên khởi bằng đức tin đòi hỏi nơi con người và một đáp ứng tiếp diễn bằng đức tin (giao ước). (Xem chú thích ở câu 1:5). Giao ước luôn bao gồm hành động của hai đối tác.

4:17 "Như có chép rằng, 'CHA CỦA NHIỀU DÂN TỘC'" Đây là câu trích trong Sáng-thế-ký 17:5. Bản Bảy mươi có chữ "người ngoại." (Gentiles). Đức Chúa Trời vẫn luôn muốn đem sự cứu chuộc đến cho tất cả con cái A-đam (Sáng-thế-ký 3:15), chứ không chỉ cho con cháu Áp-ra-ham. Tên mới của Áp-ram, Áp-ra-ham, nghĩa là 'cha của nhiều người." Giờ đây chúng ta nhận biết rằng nó bao gồm không chỉ con cái thuộc thể, nhưng cũng bao gồm con cháu đức tin.

▣ **"Đấng ban sự sống cho kẻ chết"** Trong văn cảnh, cụm từ này chỉ năng lực tính dục được phục hồi của Áp-ra-ham và Sa-ra (câu 19).

▣ **"gọi những sự không có như có rồi"** Trong văn cảnh, điều này chỉ sự mang thai Y-sác của Sa-ra, nhưng nó cũng nói đến khía cạnh quan trọng của đức tin (Hê-bơ-rơ 11:1).

4:18 NASB "hy vọng dựa hy vọng, người cứ tin"
NKJV "đối lại với hy vọng, trong hy vọng, người cứ tin"
NRSV "hy vọng đối hy vọng, người cứ tin"
TEV "Áp-ra-ham cứ tin và hy vọng, ngay cả khi không có lý do gì để hy vọng"
NJB "Dù dường như không có một hy vọng nào, người cứ hy vọng và tin"

Xem Chủ đề Đặc biệt về đề tài "Hy vọng" trong câu 12:12. Từ ngữ này có một tầm ý nghĩa khá rộng. Harold K. Moulton, trong cuốn *The Analytical Greek Lexicon Revised*, trang 133, liệt kê một số cách sử dụng từ này.

1. Nghĩa căn bản, sự hy vọng (Rô-ma 5:4; Công-vụ 24:15)
2. Đối tượng của sự hy vọng (Rô-ma 8:24; Ga-la-ti 5:5)
3. Tác giả hay nguồn (Cô-lô-se 1:27; I Ti-mô-thê 1:1)
4. Tin cậy, tự tin (I Phi-e-rơ 1:21)
5. Chắc chắn với một sự bảo đảm (Công-vụ 2:26; Rô-ma 8:20)

Trong ngữ cảnh này, chữ hy vọng được dùng trong hai ý nghĩa khác nhau: hy vọng nơi khả năng và năng lực của con người (câu 19-21) và hy vọng nơi lời hứa của Đức Chúa Trời (câu 17).

▣ **NASB, NKJV "dòng dõi ngươi sẽ như thể ấy"**
NRSV "dòng dõi ngươi sẽ đông như thế"
TEV "dòng dõi ngươi sẽ rất nhiều"
JB "dòng dõi ngươi sẽ nhiều như sao"

Đây là câu trích từ Sáng-thế-ký 15:5 nhấn mạnh đến sự chắc chắn của lời hứa Đức Chúa Trời ban cho Áp-ra-ham một người con trai (câu 19-22). Nên nhớ rằng Y-sác sanh ra (1) 13 năm sau lời hứa này, (2) sau khi Áp-ra-ham tìm cách cho Sa-ra đi (hai lần, Sáng-thế-ký 12:10-19; 20:1-7), (3) sau khi Áp-ra-ham có con với A-ga, người hầu gái người Ê-díp-tô của Sara (Sáng-thế-ký 16:1-16), và (4) sau khi cả Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 17:17) và Sa-ra (Sáng-thế-ký 18:12) đều cười lời hứa này. Họ không có một đức tin trọn vẹn! Cảm ơn Chúa, sự cứu rỗi không đòi hỏi một đức tin trọn vẹn, nhưng chỉ đòi hỏi đối tượng đúng (Đức Chúa Trời trong Cựu ước và Con Ngài trong Tân ước).

4:20 Thoạt đầu Áp-ra-ham không hiểu rõ về lời hứa, rằng đứa con lời hứa sẽ ra từ Sa-ra. Ngay cả đức tin của Áp-ra-ham cũng không trọn vẹn. Chúa chấp nhận và làm việc với một đức tin bất toàn bởi vì Ngài yêu những con người bất toàn!

▣ **"người không dao động trong sự không tin"** Cũng ĐỘNG TỪ này, *diakrino*, được Chúa Jêsus dùng trong Ma-thi-ơ 21:21; Mác 11:23. Thay vì chất vấn lời Chúa với tất cả những lý do thuộc thể, Áp-ra-ham càng trở nên mạnh mẽ.

Hai ĐỘNG TỪ trong câu 20 đều là CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVES). Thể THỤ ĐỘNG hàm ý Chúa là tác nhân, nhưng Áp-ra-ham phải để cho quyền năng của Đức Chúa Trời thêm năng lực cho ông!

▣ **"dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 2:3.

4:21 NASB "được chắc chắn hoàn toàn"
NKJV, NRSV "được thuyết phục trọn vẹn"
TEV "hoàn toàn chắc chắn"
NJV "hoàn toàn được thuyết phục"

Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE), chỉ một sự chắc chắn hoàn toàn về một điều gì đó (Lu-ca 1:1; Cô-lô-se 4:12) hay người nào đó (4:21; 14:5). DANH TỪ được dùng cho sự chắc chắn toàn vẹn trong Cô-lô-se 2:2 và I Tê-sa-lô-ni-ca 1:5. Sự tự tin vào ý chỉ, lời hứa, và quyền năng của Ngài giúp cho con người có thể hành động trong đức tin!

▣ **"có thể làm được điều Ngài đã hứa"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE (deponent) INDICATIVE), mang ý nghĩa một hành động trong quá khứ đã đến điểm đích và đang tạo nên một trạng thái. Tinh chất của đức tin là con người tin cậy vào bản chất và lời hứa của Đức Chúa Trời (16:25; Ê-phê-sô 3:20; Giu-đe 24) và không phải vào sự trình diễn của con người (Ê-sai 55:11). Đức tin tin cậy vào Đức Chúa Trời của lời hứa (Ê-sai 55:11), là những điều Ngài sẽ làm trọn (Sáng-thế-ký 12:1-3 và 15:6; 12-21; Ê-xê-chi-ên 36:22-36).

4:22 Câu này ám chỉ đến Sáng-thế-ký 15:6 (câu 3), là điểm thần học chính của sự biện luận của Phao-lô về cách Chúa ban sự công bình của Ngài cho con người tội lỗi.

4:23-25 Những câu này chỉ là một câu trong tiếng Hy-lạp. Để ý đến sự tiến triển.

1. Vì Áp-ra-ham, câu 23
2. Vì mọi người tin, câu 24
3. Bởi vì Đức Chúa Trời làm cho Chúa Jêsus sống lại, câu 24
4. Chúa Jêsus bị phó bởi tội lỗi của chúng ta (Giăng 3:16), Chúa Jêsus sống lại để tội lỗi chúng ta được tha (sự nên thánh), câu 25.

4:24 Đức tin của Áp-ra-ham trở nên khuôn mẫu cho tất cả dòng dõi thật sau đó. Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời ban cho một người con trai của lời hứa và các con cháu. Những người tin trong Giao ước mới tin rằng Chúa Jêsus Đấng Mết-si-a là sự hoàn thành tất cả những lời Chúa hứa cho con người sa ngã. Từ ngữ "hạt giống" ở cả số ít và số nhiều (một người con trai, một dân tộc).

Xem chữ "làm cho sống lại" ở chú thích câu 8:11.

4:25 "Ngài đã bị nộp vì tội lỗi chúng ta" Đây là từ ngữ pháp lý có nghĩa là "nộp ai để bị hình phạt." Câu 25 là một câu phát biểu tuyệt diệu về Đấng Christ học lấy từ bản Bảy mươi của Ê-sai 53:11-12.

▣ **"sống lại vì sự xưng công bình của chúng ta"** Hai vế câu trong câu 15 song song với nhau (cùng GIỚI TỪ và đều ở thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVES). Frank

Stagg dịch (từ cuốn *New Testament Theology*, trang 97) là "được giải cứu vì tội lỗi của chúng ta và sống lại nhìn thấy con người chúng ta được xưng công bình." Bản dịch này có nhiều điều đáng khen. Sự giải nghĩa này bao gồm hai khía cạnh của từ "xưng công bình" (1) về địa vị pháp lý và (2) đời sống tin kính của Cơ đốc nhân!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao phân đoạn này trong sách Rô-ma rất quan trọng?
2. Tại sao Phao-lô dùng Áp-ra-ham và Đa-vít làm ví dụ?
3. Định nghĩa một số từ ngữ chính sau, theo cách Phao-lô dùng (không phải theo định nghĩa của bạn)
   a. "sự công bình"
   b. "được kể cho"
   c. "đức tin"
   d. "lời hứa"
4. Tại sao phép cắt bì lại rất quan trọng đối với người Do Thái (câu 9-12)?
5. Chữ "hạt giống" trong câu 13 và 16 chỉ đến ai?

RÔ-MA ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Kết quả của sự xưng công bình	Đức tin đắc thắng trong khó khăn	Kết quả của sự xưng công bình	Làm hòa với Đức Chúa Trời	Đức tin bảo đảm sự cứu rỗi
5:1-11	5:1-5	5:1-5	5:1-5	5:1-11
	Đấng Christ thế chỗ chúng ta		3:7-8	
	5:6-11	5:6-11	5:6-11	
A-đam và Đấng Christ	Sự chết trong A-đam, sự sống trong Đấng Christ	A-đam và Đấng Christ: Hình bóng và sự tương phản	A-đam và Đấng Christ	A-đam và Chúa Jêsus Christ
5:12-14	5:12-21	5:12-14	5:12-14b	5:12-14
			5:14c-17	
5:15-21		5:15-17		5:15-21
		5:18-21	5:18-19	
			5:20-21	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Câu 1-11 là một câu trong tiếng Hy-lạp. Những câu này phát triển khái niệm then chốt của Phao-lô "Xưng công bình bởi đức tin" (3:21-4:25).

B. Dàn ý đại khái của phân đoạn 1-11:

Câu 1-5	Câu 6-8	Câu 9-11
Lợi ích của sự cứu rỗi	Nền tảng của sự cứu rỗi	Tương lai chắc chắn của sự cứu rỗi
Các kinh nghiệm chủ quan về sự xưng công bình	Các sự kiện khách quan về sự xưng công bình	Tương lai chắc chắn của sự xưng công bình
Sự xưng công bình	Sự nên thánh tăng tiến dần	Sự vinh hiển
Nhân học	Thần học	Lai thế học

C. Câu 12-21 là phần diễn giải Chúa Jêsus là A-đam thứ hai (I Cô-rinh-tô 15:21-22, 45-49; Phi-líp 2:6-8). Nó nhấn mạnh khái niệm thần học về tội cá nhân và tội của toàn thể. Cách phát triển ý của Phao-lô về sự sa ngã của con người (và của sự sáng tạo) rất độc đáo và khác hẳn với các thầy ra-bi, trong khi quan điểm của ông về vật chất hữu hình rất giống với sự dạy dỗ của các ra-bi. Nó cho thấy qua sự linh cảm Phao-lô có thể sử dụng, bổ sung những lẽ thật mà ông đã được dạy trong khi được đào tại dưới sự hướng dẫn của Ga-ma-li-ên tại Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 22:3).

   Tín lý về tội nguyên thủy (original sin) trong Sáng-thế-ký 3 của Tin lành Cải chánh được phát triển bởi Augustine và Calvin. Về căn bản nó xác định con người sinh ra trong bản chất tội lỗi (tình trạng hư hoại hoàn toàn (total depravity)). Thông thường phần Kinh thánh Cựu ước hay được trưng dẫn là Thi thiên 51:5; 58:3; và Gióp 15:14; 25:4. Quan điểm thần học khác được phát triển bởi Pelagius và Arminius thì cho rằng con người có trách nhiệm thuộc linh và đạo đức tăng dần về những lựa chọn và số phận của mình. Có một số bằng chứng về quan điểm của họ trong Phục truyền 1:39; Ê-sai 7:15; và Giô-na 4:11; Giăng 9:41; 15:22,24; Công-vụ. 17:30; Rô-ma 4:15. Điểm xoáy chính yếu của quan điểm thần học này là trẻ con kể là vô tội cho tới khi chúng đến tuổi chịu trách nhiệm đạo đức cho mình (theo các ra-bi tuổi này là 13 cho con trai và 12 cho con gái).

   Có một lập trường ở giữa cho rằng khuynh hướng ác bẩm sinh và tuổi có trách nhiệm đạo đức đều đúng! Sự gian ác không chỉ có tính tập thể, nhưng cũng là sự phát triển điều ác của một cái tôi cá nhân đối với tội lỗi (một cuộc sống càng ngày càng xa Đức Chúa Trời). Sự gian ác của loài người không phải là vấn đề (Sáng-thế-ký 6:5,11-12,13; Rô-ma 3:9-18,23), nhưng là khi nào, ngay lúc sanh ra hay sau này trong cuộc sống?

D. Có một số thuyết về hàm ý của câu 12:

E. Sự đối chiếu của Phao-lô "cũng như" bắt đầu từ câu 12 nhưng cho đến câu 18 mới chấm dứt. Câu 13-17 là phần trong dấu ngoặc, một đặc tính rất Phao-lô trong lối viết của ông.

F. Nên nhớ phần trình bày Phúc âm của Phao lô, 1:18-8:29 là một bài biện luận tiếp diễn. Phải thấy được cái toàn bộ để có thể giải nghĩa đúng và trân trọng được từng phần riêng biệt.

G. Martin Luther từng nói về đoạn 5 như sau, "Trong toàn bộ Kinh thánh, khó mà tìm được một đoạn nào có lời văn hoan hỉ, đắc thắng như đoạn này."

5:1-5 (BẢN NASB)

1 Vậy chúng ta đã được xưng công bình bởi đức tin, thì được hòa thuận với Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, 2 là Đấng đã làm cho chúng ta cậy đức tin vào trong ơn nầy là ơn chúng ta hiện đương đứng vững; và chúng ta khoe mình trong sự trông cậy về vinh hiển Đức Chúa Trời. 3 Nào những thế thôi, nhưng chúng ta cũng khoe mình trong hoạn nạn nữa, vì biết rằng hoạn nạn sanh sự nhịn nhục, 4 sự nhịn nhục sanh sự rèn tập, sự rèn tập sanh sự trông cậy. 5 Vả, sự trông cậy không làm cho hổ thẹn, vì sự yêu thương của Đức Chúa Trời rải khắp trong lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta.

5:1 "Vậy" Chữ này thường làm hiệu cho (1) sự tóm tắt một bài diễn luận thần học cho đến điểm này; (2) sự kết luận dựa vào phần trình bày thần học; và (3) sự trình bày một lẽ thật mới (5:1; 8:1; 12:1).

▣ **"đã được xưng công bình"** Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE). Đức Chúa Trời đã xưng công bình những người tin. Chữ này được đặt ở đầu câu trong tiếng Hy-lạp (câu 1-2) để nhấn mạnh. Dường như có một sự nối tiếp về mặt thời gian từ câu 1-11: (1) câu 1-5, kinh nghiệm hiện tại của chúng ta về ân điển; (2) câu 6-8, công tác hoàn tất của Đấng Christ thay cho chúng ta; và (3) câu 9-11, tương lai hy vọng và chắc chắn của chúng ta về sự cứu rỗi.

Nền tảng Cựu ước của từ ngữ "xưng công bình" (*dikaioo*) là một "đường vạch thẳng" hay là "một cây thước đo bằng sậy." Từ đó nó được dùng hình bóng chỉ Đức Chúa Trời. Bản tính, sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn duy nhất để phán xét (bản LXX Lê-vi-ký 24:22, và về mặt thần học Ma-thi-ơ 5:48). Nhờ sự chết hy sinh, đền tội thế của Chúa Jêsus, người tin Chúa có được một vị trí pháp lý trước mặt Đức Chúa Trời (xin xem chú thích 5:2). Điều này không hàm ý rằng người tin Chúa không có tội,

nhưng xem như là sự ân xá. Một người nào khác đã trả thay án phạt rồi (II Cô-rinh-tô 5:21). Các tín nhân được tuyên bố tha tội.

▣ **“bởi đức tin”** Đức tin là bàn tay đưa ra đón nhận món quà của Đức Chúa Trời (câu 2; Rô-ma 4:1 và tiếp sau). Đức tin không tập trung vào mức độ hay cường độ cam kết hay dứt khoát của các tín nhân (Ma-thi-ơ 17:20), nhưng dựa vào bản tính và lời hứa của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:8-9). Chữ “đức tin” từ Cựu ước trong nghĩa gốc chỉ một người đứng ở vị thế vững vàng. Từ đó nó được dùng theo nghĩa hình bóng chỉ một người trung thành, đáng tin cậy. Đức tin không tập trung vào sự trung thành hay đáng tin cậy của chúng ta, nhưng là của Chúa.

▣ **“chúng ta có sự bình an”** Có một số khác biệt trong các bản Hy-lạp. ĐỘNG TỪ này ở thể BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (SUBJUNCTIVE ACTIVE PRESENT) (*echoomen*), hoặc ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE) (*echomen*). Sự không rõ ràng về văn phạm này cũng được tìm thấy trong câu 1,2 và 3. Các bản Hy-lạp cổ dường như ủng hộ thể BÀN THÁI CÁCH (bản a, A, B, C, D). Nếu nó ở thể BÀN THÁI CÁCH, chúng ta phải dịch là “chúng ta hãy tiếp tục hưởng sự bình an” hay “cứ tiếp tục hưởng bình an.” Nếu nó ở thể CHỈ ĐỊNH, thì chúng ta phải dịch là “chúng ta có bình an.” Ngữ cảnh của câu 1-11 không phải mang tính cổ vũ, nhưng là lời tuyên bố người tin Chúa là ai và có gì qua Đấng Christ. Vì vậy, ĐỘNG TỪ này có lẽ là CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI, ‘chúng ta có sự bình an.’ Bản dịch USB xếp hạng lựa chọn này vào hạng A (nghĩa là chắc chắn).

Nhiều bản Kinh thánh Hy lạp cổ được chép bởi một người đọc cho nhiều người chép lại. Những chữ cùng âm thường bị nhầm lẫn. Trong trường hợp này ngữ cảnh và có khi lối viết và cách dùng chữ của tác giả giúp chúng ta chọn cách dịch dễ dàng hơn.

▣ **“sự bình an”** Từ ngữ Hy lạp này có nghĩa gốc là “hàn gắn lại một cái gì bị bể” (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7). Tân ước nói đến sự bình an trong 3 cách sau: (1) khía cạnh khách quan của sự bình an chúng ta với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Cô-lô-se 1:20); (2) khía cạnh chủ quan của con người chúng ta hòa thuận lại với Đức Chúa Trời (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7); và (3) Đức Chúa Trời đã hợp nhất cả người Do Thái và người ngoại trong một thân thể mới qua Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:14-17; Cô-lô-se 3;15).

Các học giả Newman và Nida trong cuốn *A Translator’s Handbook on Paul’s Letter to the Romans*, trang 92, có một lời bình rất hay về “sự bình an.”

“Trong cả Cựu ước và Tân ước chữ <u>bình an</u> có một tầm ý nghĩa khá rộng. Về căn bản, nó mô tả tình trạng mạnh khỏe, hạnh phúc của toàn bộ đời sống một con người; nó được người Do Thái làm câu chào nhau. Chữ này có một ý nghĩa sâu sắc đến nỗi nó có thể được người Do Thái dùng để chỉ sự cứu chuộc từ Đấng Mết-si-a. Bởi vậy, có nhiều lúc nó được dùng hầu như đồng nghĩa với từ dịch là “có một mối liên hệ đúng đắn (hòa thuận) với Đức Chúa Trời.” Ở đây từ ngữ này được dùng để mô tả một mối liên hệ hài hòa giữa Đức Chúa Trời và con người dựa vào nền tảng Đức Chúa Trời đã đem con người hòa thuận lại với chính Ngài” (trang 92).

▣ **“với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ Chúa chúng ta”** Chúa Jêsus là tác nhân đem đến bình an với Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus là con đường duy nhất dẫn đến sự bình an với Đức Chúa Trời (Giăng 10:7-8; 14:6; Công-vụ 4:12; I Ti-mô-thê 2:5). Muốn xem thêm về danh hiệu “Chúa Jêsus Christ” xin xem chú thích ở câu 1:4.

5:2 “chúng ta đã được đưa vào” Đây là câu ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE); nó chỉ một hành động trong quá khứ đã đi đến điểm kết và hiện đem đến kết quả như trong tình trạng hiện có. Chữ “đưa vào,” có nghĩa đen là “lối vào” hay “nhận vào” (*prosagoge*, Ê-phê-sô 2:18; 3:12). Từ đó nó được dùng theo nghĩa hình bóng để chỉ (1) sự được giới thiệu cách cá nhân vào hoàng cung hay (2) được đem đến nơi trú ẩn an toàn.

Cụm từ này có một số dị bản trong tiếng Hy-lạp. Một số bản thêm chữ "bởi đức tin" (bản a,C và một số bản cũ từ Latin, Vulgate, Syriac và Coptic). Một số bản khác thêm GIỚI TỪ "*en*" vào "bởi đức tin" (bản a,C, A và một số phiên bản Vulgate). Tuy nhiên, một số bản uncial B, D, F, và G bỏ toàn bộ cụm từ này. Dường như những người chép sách điền vào thêm sự liên hệ tương ứng của câu 5:1 và 4:16 (hai lần), 19, và 20. "Bởi đức tin" là chủ đề được lặp đi lặp lại của Phao-lô!

▣ **"trong ân điển này"** Chữ này (*charis*) có nghĩa là tình yêu không đáng được nhận, không có ràng buộc kèm theo từ Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:4-9). Điều này được thấy rõ ràng qua sự chết của Đấng Christ thế cho con người tội lỗi (câu 8).

▣ **"là ơn chúng ta đang đứng vững"** Câu này cũng ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE); có nghĩa đen là "chúng ta đứng và tiếp tục đứng." Điều này phản ánh chỗ đứng về thần học của những tín nhân trong Đấng Christ và cam kết của họ vẫn ở trong đức tin kết nối nghịch lý thần học về sự quan phòng của Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 15:1) và ý chí tự do của con người (Ê-phê-sô 6:11, 13,14).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨNG VỮNG (*HISTEMI*)

Từ ngữ phổ biến này được dùng diễn tả một số ý nghĩa thần học trong Tân ước

1. Thiết lập
   a. Luật Cựu ước, Rô-ma 3:31
   b. Sự công bình của một người, Rô-ma 10:3
   c. Giao ước mới, Hê-bơ-rơ 10:9
   d. Một mệnh lệnh, II Cô-rinh-tô 13:1
   e. Lẽ thật Đức Chúa Trời, II Ti-mô-thê 2:19
2. Chống lại về phương diện thuộc linh
   a. Ma quỷ, Ê-phê-sô 6:11
   b. Ngày phán xét, Khải huyền 6:17
3. Chống cự bằng cách đứng trụ vào lập trường của mình
   a. Hình bóng dùng trong quân sự, Ê-phê-sô 6:14
   b. Hình bóng dùng trong dân sự, Rô-ma 14:4
4. Một vị trí trong lẽ thật, Giăng 8:44
5. Một vị trí trong ân điển
   a. Rô-ma 5:2
   b. I Cô-rinh-tô 15:1
   c. I Phi-e-rơ 5:12
6. Một vị trí trong đức tin
   a. Rô-ma 11:20
   b. I Cô-rinh-tô 7:37
   c. I Cô-rinh-tô 15:1
   d. II Cô-rinh-tô 1:24
7. Một vị trí khoe khoang, I Cô-rinh-tô 10:12
   Từ ngữ này diễn tả ân điển của giao ước và ơn thương xót của một Đức Chúa Trời tối cao và các tín nhân cần đáp ứng lại điều này và bám vào nó bằng đức tin! Cả hai điều này đều là các lẽ thật Kinh thánh. Hai điều này phải đi chung với nhau!

▣ **"chúng ta hân hoan"** Cấu trúc ngữ pháp này có thể được hiểu theo hai cách sau: (1) CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) INDICATIVE), "chúng ta hân hoan" hay là (2) BÀN THÁI CÁCH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) SUBJUNCTIVE),

"chúng ta hãy hân hoan." Các học giả chia ra hai bên trong trường hợp này. Nếu chúng ta chọn dịch "chúng ta có" trong câu 1 ở thể CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE), thì phần theo sau trong câu 3 nên theo cùng một thể để nhất quán với nhau.

Gốc từ của chữ "hân hoan" là "khoe mình" (NRSV, JB). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 2:17. Người tin Chúa không khoe khoang về chính mình (câu 3:27) nhưng về những điều Chúa đã làm cho họ (Giê-rê-mi 9:23-24). Cũng gốc từ Hy lạp này được lặp lại trong câu 3 và 11.

▣ **"trong hy vọng"** Từ này thường được Phao-lô dùng diễn tả một số ý nghĩa liên quan nhưng có phần khác nhau. Xin xem chú thích ở câu 4:18. Thông thường nó liên hệ đến đỉnh điểm của đức tin người tin Chúa. Điều này có thể diễn tả như là sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu chuộc cuối cùng, Lần đến thứ hai, vân vân…Sự tái lâm là điều chắc chắn nhưng vấn đề thời gian thì thuộc tương lai và không ai biết. Nó thường đi chung với "đức tin" và "tình yêu thương" (I Cô-rinh-tô 13:13; Ga-la-ti 5:5-6; Ê-phê-sô 4:2-5; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; 5:8). Sau đây là bảng liệt kê một phần các sử dụng của Phao-lô về từ ngữ này:

1. Lần đến thứ hai, Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; Tít 2:13
2. Chúa Jêsus là hy vọng của chúng ta, I Ti-mô-thê 1:1
3. Người tin Chúa sẽ trình diện trước Chúa, Cô-lô-se 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19
4. Sự hy vọng để dành ở trên thiên đàng, Cô-lô-se 1:5
5. Sự cứu chuộc cuối cùng, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13
6. Sự vinh hiển Đức Chúa Trời, Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-se 1:27
7. Sự cứu rỗi của người ngoại qua Đấng Christ, Cô-lô-se 1:27
8. Chắc chắn về sự cứu rỗi, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
9. Sự sống đời đời, Tít 1:2; 3:7
10. Kết quả của đời sống Cơ đốc trưởng thành, Rô-ma 5:2-5
11. Sự cứu chuộc toàn thể muôn vật, Rô-ma 8:20-22
12. Danh hiệu cho Đức Chúa Trời, Rô-ma 15:13
13. Hoàn tất sự nhận làm con nuôi, Rô-ma 8:23-25
14. Cựu ước, người dẫn đường cho các tín nhân trong Tân ước, Rô-ma 15:4
15. Sự mong ước của Phao-lô cho tất cả những người tin Chúa, I Cô-rinh-tô 1:7

▣ **"sự vinh hiển Đức Chúa Trời"** chỉ vị trí của người tin Chúa trước mặt Ngài trong sự xưng công bình bởi đức tin ban cho bởi Chúa Jesus trong ngày Ngài sống lại (II Cô-rinh-tô 5:21). Nó thường được gọi bằng một từ ngữ thần học "sự làm cho vinh hiển" (glorification) (câu 9-10; 8:30). Người tin Chúa sẽ trở nên giống Chúa Jêsus (I Giăng 3:2; II Phi-e-rơ 1:4). Xin xem Chủ đề đặc biệt: Sự vinh hiển ở câu 3:23.

5:3 NASB "và không những chỉ có điều này, nhưng mà.."
NKJV " và không những chỉ có điều đó, nhưng mà…"
NRSV " và không những chỉ có điều đó, nhưng mà…"
TEV -bỏ qua-
NJB "không những chỉ điều đó"

Phao-lô dùng cách kết hợp từ ngữ này một vài lần (5:3,11; 8:23; 9:10, và II Cô-rinh-tô 8:19).

▣ **NASB "chúng ta cũng khoe mình trong hoạn nạn nữa"**
NKJV "chúng ta cũng vui mừng hãnh diện trong hoạn nạn"
NRSV "chúng ta cũng khoe mình trong sự chịu khổ"
TEV "chúng ta cũng khoe mình trong những khó khăn"
NJB "cũng hãy khoe mình trong cơn khó khăn"

Nếu thế gian ghen ghét Chúa Jêsus, thì họ cũng ghét những người theo Ngài (Ma-thi-ơ 10:22; 24:9; Giăng 15:18-21). Nói trên phương diện con người, Chúa Jêsus được trưởng thành qua những điều Ngài trải qua (Hê-bơ-rơ 5:8). Sự chịu khổ sanh ra sự công bình, là chương trình của Đức Chúa Trời cho mọi người tin Ngài (8:17-19; Công-vụ 14:22; Gia-cơ 1:2-4; I Phi-e-rơ 4:12-19).

▣ **"biết rằng"** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ HOÀN THÀNH (PERFECT PARTICIPLE) của từ *"oida*." Nó ở dạng HOÀN THÀNH, nhưng có chức năng như ở thời HIỆN TẠI. Sự hiểu biết của tín nhân về lẽ thật Phúc âm khi liên hệ đến sự chịu khổ giúp họ đối diện với cuộc sống bằng sự vui mừng và tự tin, là điều không phụ thuộc vào hoàn cảnh, ngay cả trong khi bị bắt bớ (Phi-líp 4:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:16,18).

5:3,4 "nhịn nhục" Từ ngữ này có nghĩa là "xung phong," "chủ động," "vững vàng," "chịu đựng." Đây là từ liên hệ đến sự nhịn nhục cả với con người và với hoàn cảnh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ HOẠN NẠN

Cần có một sự phân biệt về thần học giữa cách Phao-lô dùng từ ngữ này (*thlipsis*)và cách của Giăng:

1. Cách sử dụng của Phao-lô (cũng phản ánh cách của Chúa Jêsus):
   a. Các nan đề, sự chịu khổ, điều ác có mặt trong thế giới sa ngã:
      (1) Ma-thi-ơ 13:21
      (2) Rô-ma 5:3
      (3) I Cô-rinh-tô 7:28
      (4) II Cô-rinh-tô 7:4
      (5) Ê-phê-sô 3:13
   b. Các nan đề, sự chịu khổ, điều ác gây ra bởi những người không tin Chúa:
      (1) Rô-ma 5:3; 8:35; 12:12
      (2) II Cô-rinh-tô 1:4,8; 6:4; 7:4; 8:2,13
      (3) Ê-phê-sô 3:13
      (4) Phi-líp 4:14
      (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:6
      (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:4
   c. Các nan đề, sự chịu khổ, điều ác trong thời kỳ cuối cùng
      (1) Ma-thi-ơ 24:21,29
      (2) Mác 13:19,24
      (3) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:6
2. Cách sử dụng của Giăng:
   a. Giăng có một sự phân biệt rõ ràng giữa *thlipsis* và *orge* hay *thumos* (cơn thạnh nộ) trong Khải huyền. *Thlipsis* là điều những người không tin Chúa gây cho các tín nhân và *orge* là điều Chúa làm đối với những người không tin Ngài.
      (1) *Thlipsis*, Khải huyền 1:9; 2:9-10, 22; 7:14
      (2) *Orge*- Khải huyền 6:16-17; 11:18; 16:19; 19:15
      (3) *Thumos*- Khải huyền 12:12; 14:8, 10,19; 15:2,7; 16:1; 18:3
   b. Giăng cũng dùng từ ngữ này trong Phúc âm Giăng để phản ánh các vấn nạn người tin Chúa gặp phải trong mỗi thời kỳ- Giăng 16:33.

5:4 NASB "tỏ ra tính cách"
NKJV, NRSV "tính cách"
TEV "sự chấp thuận từ Đức Chúa Trời"
NJB "tính cách đã được thử thách"

Trong bản LXX Sáng-thế-ký 23:16; I Các vua 10:18; I Sử ký 28:18 từ ngữ này được dùng để chỉ việc thử kim loại để biết được độ tinh ròng và bản chất thật của nó (II Cô-rinh-tô 2:9; 8:2; 9:13; 13:3; Phi-líp 2:22; II tim. 2:15; Gia-cơ 1:12). Sự thử thách của Đức Chúa Trời luôn luôn là để làm cho mạnh mẽ hơn (Hê-bơ-rơ 12:10-11)! Xin xem Chủ đề đặc biệt: Thử thách ở câu 2:18.

5:5 "bởi vì tình yêu thương của Đức Chúa Trời đã được tuôn đổ ra trong lòng chúng ta" Câu này ở thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE); có nghĩa đen là

"tình yêu thương của Đức Chúa Trời đã và vẫn tiếp tục tuôn đổ ra." ĐỘNG TỪ này thường được dùng cho Đức Thánh Linh (Công-vụ 2:17,18,33; 10:45 và Tít 3:6), dường như phản ánh Giô-ên 2:28-29.

Cụm từ SỞ HỮU (GENITIVE PHRASE), "tình yêu của Đức Chúa Trời" về phương diện ngữ pháp có thể chỉ (1) tình yêu của chúng ta đối với Đức Chúa Trời; hay (2) tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta (II Cô-rinh-tô 5:14). Lựa chọn 2 là lựa chọn duy nhất theo văn mạch.

Sách *The Jerome Biblical Commentary*, vol. 2, trang 306, có một quan sát khá thú vị:
"Trong Cựu ước sự "tuôn đổ ra" một đặc tính thiêng liêng là việc bình thường ('sự thương xót,' sách Sir. 18:11; 'sự khôn ngoan Sir 1:9; 'ân sủng,' 'ân điển' trong Thi thiên 45:3; 'cơn thạnh nộ,' Ô-sê 5:10). Đặc biệt trong Giô-ên 2:28, sự tuôn đổ Thánh Linh."

▣ **"Thánh Linh đã được ban cho chúng ta"** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE). Thể THỤ ĐỘNG thường được dùng để chỉ Đức Chúa Trời là tác nhân của hành động đó. Điều này hàm ý người tin Chúa không cần nhiều Đức Thánh Linh hơn. Họ hoặc là có Thánh Linh hay họ không phải là Cơ đốc nhân (8:9). Sự ban cho Thánh Linh là dấu hiệu của Thời đại mới (Giô-ên 2:28-29), Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-32).

▣ Để ý sự hiện diện của ba Thân vị trong Ba Ngôi ở trong đoạn này.

1. Đức Chúa Cha, câu 1,2,5,8,10
2. Chúa Jêsus, câu 1,6,8,9,10
3. Đức Thánh Linh, câu 5

Xin xem Chủ đề đặc biệt: Ba Ngôi, ở câu 8:11.

5:6-11 (BẢN NASB)
6 Thật vậy, khi chúng ta còn yếu đuối, Đấng Christ đã theo kỳ hẹn chịu chết vì kẻ có tội. 7 Vả, họa mới có kẻ chịu chết vì người nghĩa; dễ thường cũng có kẻ bằng lòng chết vì người lành. 8 Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết. 9 Huống chi nay chúng ta nhờ huyết Ngài được xưng công bình, thì sẽ nhờ Ngài được cứu khỏi cơn thạnh nộ là dường nào!10 Vì nếu khi chúng ta còn là thù nghịch cùng Đức Chúa Trời, mà đã được hòa thuận với Ngài bởi sự chết của Con Ngài, thì huống chi nay đã hòa thuận rồi, chúng ta sẽ nhờ sự sống của Con ấy mà được cứu là dường nào! 11 Nào những thế thôi, chúng ta lại còn khoe mình trong Đức Chúa Trời bởi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, nhờ Ngài mà chúng ta hiện nay đã được sự hòa thuận.

5:6 NASB "vì khi chúng ta không tự lo liệu được"
NKJV "vì khi chúng ta bất lực"
NRSV "vì khi chúng ta còn yếu đuối"
TEV "vì khi chúng ta vẫn không tự lo liệu được"
NJB "khi chúng ta vẫn không tự lo liệu được"

ĐỘNG TỪ này ở thể ĐỘNG TÍNH TỪ HIỆN TẠI (PRESENT PARTICIPLE). Nó chỉ bản chất sa ngã của con người từ A-đam. Con người bất lực trước tội lỗi. Đại từ "chúng ta" giải thích và tương ứng với DANH TỪ trong câu 6b, "không tin kính," câu 8 "tội nhân," và câu 10 "thù nghịch." Câu 6 và 8 song song với nhau về mặt cấu trúc và thần học.

▣ **NASB, NRSV "vào đúng thời điểm"**
NKJV "đúng lúc"
TEV "đúng thời điểm Đức Chúa Trời chọn lựa"
JB "vào giây phút Ngài định sẵn"

Xét về phương diện lịch sử, cụm từ này có thể chỉ (1) sự thanh bình của đế quốc La mã cho phép việc đi lại tự do; (2) tiếng Hy-lạp tạo điều kiện thông tin xuyên văn hóa; và (3) sự suy tàn của các thần Hy lạp và La mã sản sinh ra một thế giới đói khát, mong chờ thuộc linh (Mác 1:15; Ga-la-ti 4:4; Ê-phê-sô 1:10;

Tít 1:3). Về phương diện thần học, sự nhập thế là một sự kiện thiêng liêng đã định sẵn (Lu-ca 22;22; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; Ê-phê-sô 1:11).

5:6,8,10 "chết thế cho người không tin kính" Câu này ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE). Nó xem sự chết và sự sống lại của Chúa Jêsus là một sự kiện hợp nhất. "Chúa Jêsus đã trả món nợ mà Ngài không nợ và chúng ta đã nợ món nợ mà chúng ta không thể trả" (Ga-la-ti 3:13; I Giăng 4:10).

Sự chết của Đấng Christ là một chủ đề được lặp đi lặp lại trong các thư tín Phao-lô. Ông dùng một số từ ngữ và cụm từ khác nhau để diễn tả sự chết thế của Chúa Jêsus (1) 'huyết' (3:25; 5:9; I cor. 11:25,27; Ê-phê-sô 1:7; 2:13; Cô-lô-se 1:20); (2) "tự phó chính mình" (Ê-phê-sô 5:2,25); (3) "cứu chuộc" (Rô-ma 4:25; 8:32); (4) "tế lễ hy sinh" (I Cô-rinh-tô 5:7); (5) "chết" (Rô-ma 5:6; 8:34; 14:9,15; I Cô-rinh-tô 8:11; 15:3; II Cô-rinh-tô 5:15; Ga-la-ti 5:21; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14;5:10); (6) "thập tự giá" (I Cô-rinh-tô 1:17-18; Ga-la-ti 5:11;6:12-14; Ê-phê-sô 2:16; Phi-líp 2:8; Cô-lô-se 1:20; 2:14); (7) "chết trên thập tự" (I Cô-rinh-tô 1:23; 2:2; II Cô-rinh-tô 13:4; Ga-la-ti 3:1).

Có phải GIỚI TỪ *huper* trong văn mạch này có nghĩa là

1. Sự đại diện, "đại diện cho chúng ta"
2. Thay thế, "thế chỗ cho chúng ta"?

Thông thường nghĩa căn bản của từ *huper* đi với SỞ HỮU CÁCH có nghĩa là "đại diện" (theo Louw và Nida). Nó diễn tả một lợi điểm nào đó tích lũy cho một người (theo sách *The New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 3, trang 1196). Tuy nhiên, chữ *huper* có ý nghĩa của chữ *anti* có nghĩa là "thế chỗ cho" vì thế theo ý nghĩa thần học chỉ đến sự đền tội thế (Mác 10:45; Giăng 11:50; 18:14; II Cô-rinh-tô 5:14; I Ti-mô-thê 2:6). Học giả M.J. Harris (trong cuốn *NIDNTT*, vol. 3, trang 1197) nói rằng "nhưng tại sao Phao-lô không bao giờ nói rằng Đấng Christ chết *anti hemon* (I Ti-mô-thê 2:6 là câu ông diễn tả rất gần với cụm từ này - *antilytron hyper panton*)? Có lẽ bởi vì giới từ *hyper*, không giống với *anti*, có thể cùng một lúc diễn tả cả sự đại diện và sự thay thế."

Học giả M.R. Vincent, trong cuốn *Word Studies*, vol. 2, nói như vầy:

> "Có rất nhiều bàn cãi liệu chữ *huper*, thay mặt cho, tương đương với chữ *anti*, thay thế cho. Các học giả xưa cung cấp một số trường hợp cho thấy hai ý nghĩa này dường như thay thế lẫn nhau…Tuy nhiên, nghĩa của đoạn này, quá mơ hồ đến nỗi nó không thể được trích ra làm bằng chứng. Giới từ này có thể có ý nghĩa địa phương, *qua* người chết. Không có đoạn nào trong những đoạn này có thể được xem là có tính chất quyết định. Điều có thể nói ở mức tối đa đó là chữ *huper* nằm ven ranh giới ý nghĩa chữ *anti*. Ý nghĩa t*hay thế* được đề xuất đa phần là dựa trên các lập trường về tín lý. Phần lớn các phân đoạn này, ý nghĩa của nó rõ ràng là *đại diện cho, vì*. Sự giải thích đúng đắn có lẽ là, trong các phân đoạn chủ yếu ở trong sự nghi vấn, những đoạn liên quan đến sự chết của Đấng Christ, như ở đây, trong Ga-la-ti 3:13; Rô-ma 14:15; I Phi-e-rơ 3:18, chữ *huper* diễn tả một mệnh đề tổng quát, không chỉ định- Đấng Christ chết cho- bỏ ngõ ý nghĩa khác thường của ý nghĩa *đại diện cho* và để cho các đoạn khác quyết định. Ý nghĩa *thay thế* có thể bao gồm trong đó nhưng không phải qua suy luận" (trang 692).

5:7 Câu này chỉ tình yêu của con người trong khi câu 8 nói đến tình yêu của Đức Chúa Trời!

▣ **NASB, NKJV, TEV "vì người nghĩa"**
NRSV "vì người nghĩa"
JB "vì một người tốt"

Chữ này được dùng cùng một ý nghĩa khi nói đến Nô-ê và Gióp là những người công bình và không chỗ trách được. Họ giữ những điều tôn giáo đòi hỏi trong thời của họ. Chữ này không hàm ý là không có tội. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17.

5:8 "Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu thương của Ngài" Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE) (câu 3:5). Đức Chúa Cha sai Đức Chúa Con (8:3, 32; II Cô-rinh-tô 5:19). Tình yêu thương của Đức Chúa Trời không phải ủy mị theo cảm xúc nhưng luôn kèm theo hành động (Giăng 3:16; I Giăng 4:10) và <u>không thay đổi</u>.

5:9 "nhiều hơn như vậy nữa" Đây là những chữ Phao-lô rất thích sử dụng (câu 10, 15,17). Nếu Chúa đã yêu thương những tín nhân rất nhiều trong khi họ đang còn là tội nhân, thì *còn hơn như vậy nữa* Ngài yêu thương họ khi họ bây giờ đã trở nên con cái của Ngài (5:10; 8:22).

▣ **"đã được xưng công bình"** Động từ này ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICIPLE) nhấn mạnh sự xưng công bình là một hành động đã được hoàn tất bởi Đức Chúa Trời. Phao-lô lặp lại lẽ thật này trong câu 1. Cũng nên để ý đến sự đối chiếu song song giữa hai từ ngữ "được xưng công bình" (câu 9) và "được hòa thuận lại" (câu 10-11).

▣ **"bởi huyết Ngài"** Chỉ sự chết hy sinh của Đấng Christ (3:5; Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21). Khái niệm hy sinh, một mạng sống vô tội chịu thế cho một người có tội, đi trở lại Lê-vi-ký 1-7 và có thể là Xuất Ê-díp-tô ký 12 (chiên con Lễ vượt qua), và áp dụng cho Chúa Jêsus về mặt thần học trong Ê-sai 53:4-6. Nó được phát triển trong ý nghĩa Đấng Christ học trong sách Hê-bơ-rơ. Sách Hê-bơ-rơ về cốt lõi đưa ra một số điểm so sánh giữa Cựu ước và Tân ước.

▣ **"chúng ta sẽ được cứu"** Động từ này ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG TƯƠNG LAI (FUTURE PASSIVE INDICATIVE) (câu 10). Câu này chỉ sự cứu chuộc cuối cùng của chúng ta, mà chúng ta gọi là "làm cho vinh hiển" (câu 2; 8:30, I Giăng 3:2).

Tân ước mô tả sự cứu rỗi bằng tất cả các thì của ĐỘNG TỪ này: (1) một hành động đã hoàn tất (THỜI BẤT ĐỊNH [QUÁ KHỨ] (AORIST)), Công-vụ 15:11; Rô-ma 8:24; II Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5; (2) hành động trong quá khứ đem đến kết quả ở tình trạng hiện tại (HOÀN THÀNH) (PERFECT), Ê-phê-sô 2:5,8; (3) một tiến trình tiếp diện (HIỆN TẠI) (PRESENT), I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; II Cô-rinh-tô 2:15; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14; I Phi-e-rơ 3:21; và (4) sự chung kết trong tương lai (TƯƠNG LAI) (FUTURE), Rô-ma 5:9,10; 10:9. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 10:13. Sự cứu rỗi bắt đầu với một quyết định khởi đầu nhưng cứ tiếp diễn trở thành một mối liên hệ và trong một ngày nào đó sẽ đi đến đỉnh điểm. Khái niệm này được diễn tả bằng ba từ ngữ thần học: xưng công bình, có nghĩa là "được cứu khỏi hình phạt tội lỗi"; sự nên thánh, có nghĩa là "được cứu khỏi quyền lực của tội lỗi" và sự làm vinh hiển, có nghĩa là "được cứu khỏi sự hiện hữu của tội lỗi."

Điều đáng để ý là sự xưng công bình và sự nên thánh là những hành động đầy ân điển của Đức Chúa Trời ban cho những người tin Ngài qua đức tin nơi Đấng Christ. Tuy nhiên, Tân ước cũng nói đến sự nên thánh như là một tiến trình tiếp diễn để trở nên giống Đấng Christ càng hơn. Vì lý do này, các nhà thần học nói đến "sự nên thánh địa vị" và "sự nên thánh thực nghiệm (tiếp diễn)." Đây là sự mầu nhiệm của một sự cứu rỗi miễn phí gắn liền với một cuộc sống tin kính!

▣ **"từ cơn thạnh nộ *của Đức Chúa Trời*"** Văn cảnh này chỉ ngày cuối cùng. Kinh thánh nói đến một tình yêu thương lớn lao vô điều kiện cho những người không xứng đáng, nhưng cũng nói đến Đức Chúa Trời nhất định chống lại tội lỗi và sự nổi loạn. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường dẫn đến sự cứu rỗi và sự tha thứ qua Đấng Christ, nhưng những người từ chối Ngài sẽ ở dưới cơn thạnh nộ của Ngài (1:18-3:20). Cụm từ này mượn cách thức con người, nhưng nó diễn tả một thực tế. Thật là một điều tai hại khi rơi vào tay một Đức Chúa Trời giận dữ (Hê-bơ-rơ 10:31).

5:10 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Con người, tạo vật tối cao của Đức Chúa Trời, lại trở nên thù nghịch với Ngài! Con người (Sáng-thế-ký 3:5) và Sa-tan (Ê-sai 14:14; Ê-xê-chi-ên 28:2,12-17) có cùng một vấn đề, đó là ham muốn độc lập, tự điều khiển, ham muốn trở thành những đức chúa trời.

▣ **"chúng ta đã được hòa thuận với Đức Chúa Trời…đã được hòa thuận"** Động từ ở đây ở thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVE) và ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE PARTICPLE). ĐỘNG TỪ "được hòa thuận" có nghĩa gốc là "trao đổi."

Đức Chúa Trời đã trao đổi tội lỗi chúng ta để lấy sự công bình của Chúa Jêsus (Ê-sai 53:4-6). Sự bình an được phục hồi (câu 1)!

▣ **"qua sự chết của Con Ngài"** Phúc âm về sự tha thứ có nền tảng từ (1) tình yêu thương của Đức Chúa Trời; (2) công tác cứu chuộc của Đấng Christ; (3) sự thuyết phục của Thánh Linh; và (4) sự đáp ứng bằng đức tin/ăn năn của từng cá nhân. Không có một cách nào khác để được hòa thuận với Đức Chúa Trời (Giăng 14:6). Tính chắc chắn của sự cứu rỗi dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời Ba Ngôi, chứ không phải vào việc làm của con người! Nghịch lý ở đây là việc làm của con người sau khi được cứu rỗi là chứng cứ cho một sự cứu rỗi miễn phí (xem Gia-cơ và Giăng).

▣ **"chúng ta sẽ được cứu"** Tân ước đề cập đến sự cứu rỗi trong cả ba thì quá khứ, hiện tại, và tương lai. Thì tương lai ở đây chỉ sự cứu rỗi cuối cùng, hoàn tất ở kỳ Đến thứ hai. Xin xem chú thích ở câu 9 và Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 10:13.

▣ **"bởi sự sống của Ngài"** Chữ Hy-lạp *zoa* có nghĩa là 'sự sống.' Chữ này trong các sách của Giăng đều chỉ đến sự sống lại, sự sống đời đời, hay là sự sống trong vương quốc. Phao-lô cũng dùng nó trong ý nghĩa thần học này. Điểm xoáy mạnh trong ngữ cảnh này là bởi vì Đức Chúa Trời đã trả một giá rất cao như vậy để người tin Chúa được tha tội, thì Ngài chắc chắn sẽ làm cho điều này cứ luôn có hiệu lực.

"Sự sống" chỉ (1) sự sống lại của Chúa Jêsus (8:34; I Cô-rinh-tô 15); (2) công tác cầu thay của Chúa Jêsus (8:34; Hê-bơ-rơ 7:25; I Giăng 2:1); hay là (3) Đức Thánh Linh khiến chúng ta càng giống với Đấng Christ (Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 4:19). Phao-lô khẳng định rằng sự sống và sự chết của Chúa Jêsus trên đất và sự sống lại vinh hiển của Ngài là nền tảng đem lại sự hòa thuận cho chúng ta.

5:11 "Và không chỉ điều này, mà còn" Xin xem chú thích ở câu 3.

▣ **"chúng ta cũng hân hoan"** Xem chú thích ở câu 5:2. Đây là lần thứ ba Phao-lô dùng chữ "hân hoan" (khoe mình) trong phân đoạn này.

1. Hân hoan trong sự hy vọng vinh quang, câu 2
2. Hân hoan trong thử thách, câu 3
3. Hân hoan trong sự làm hòa lại với Đức Chúa Trời, câu 11

Sự khoe mình tiêu cực được tìm thấy trong câu 2:17 và 23!

▣ **"nay chúng ta đã nhận được sự hòa thuận"** Động từ này ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE), một hành động đã hoàn tất. Sự hòa thuận lại của các tín nhân cũng được bàn đến trong câu 10 và II Cô-rinh-tô 5:18-21; Ê-phê-sô 2:16-22; Cô-lô-se 1:19-23. Trong ngữ cảnh này, "hòa thuận" được xem là đồng nghĩa về mặt thần học với chữ "xưng công bình."

5:12-14 (BẢN NASB)
12 **Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội.** 13 **Vì, trước khi chưa có luật pháp, tội lỗi đã có trong thế gian, song chưa có luật pháp, thì cũng không kể là tội lỗi.** 14 **Nhưng từ A-đam cho đến Môi-se, sự chết đã cai trị cả đến những kẻ chẳng phạm tội giống như tội của A-đam, là người làm hình bóng của Đấng phải đến.**

▣ **"Cho nên"** Thư Rô-ma đã đặt chữ "cho nên" ở những chỗ mang tính chiến lược (5:1; 8:1; 12:1). Câu hỏi để giải nghĩa nó là chữ này liên hệ đến điều gì. Có khi những chữ này liên hệ đến toàn bộ bài diễn luận của Phao-lô. Chắc chắn là chữ 'cho nên' ở đây liên hệ đến Sáng-thế-ký và vì vậy có lẽ liên hệ lại phân đoạn Rô-ma 1:18-32.

▣ **"như bởi một người tội lỗi vào thế gian"** Cả ba động từ trong câu 12 đều ở thì BẤT ĐỊNH (QUÁ KHỨ, AORIST). Sự sa ngã của A-đam đem đến sự chết (I Cô-rinh-tô 15:22). Kinh thánh không ngừng lại

ở nguồn gốc tội lỗi. Tội lỗi cũng đã có trong thế giới thiên thần (Sáng-thế-ký 3 và Khải huyền 12:7-9). Bằng cách nào và khi nào chúng ta không rõ (Ê-sai 14:12-27; Ê-xê-chi-ên 28:12-19; Gióp 4:18; Ma-thi-ơ 25:41; Lu-ca 10:18; Giăng 12:31; Khải huyền 12:7-9).

Tội của A-đam liên hệ đến hai phương diện: (1) sự không vâng lời đối với một mạng lệnh cụ thể (Sáng-thế-ký 2:16-17), và (2) sự kiêu ngạo hướng về bản ngã (Sáng-thế-ký 3:5-6). Điều này tiếp tục ám chỉ Sáng-thế-ký 3 là phần đã bắt đầu trong Rô-ma 1:18-32.

Chính quan điểm thần học về tội lỗi là điều đã phân biệt rõ ràng tư tưởng của Phao-lô và của các thầy rabi Do Thái. Các thầy rabi không chú trọng vào Sáng-thế-ký 3; thay vào đó họ khẳng định rằng có hai "ý định" trong một con người. Câu tục ngữ nổi tiếng của các thầy rabi là "Trong tấm lòng của mỗi người đều có một con chó trắng và một con chó đen. Con nào bạn cho ăn nhiều nhất sẽ to lớn nhất." Phao-lô nhận thấy tội lỗi là sự ngăn cách chính giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và tạo vật của Ngài. Phao-lô không phải là một thần học gia hệ thống (xem sách của James Stewart *A Man in Christ*). Ông đưa ra một số nguồn gốc của tội lỗi: (1) sự sa ngã của A-đam, (2) sự cám dỗ từ Sa-tan, và (3) sự nổi loạn dai dẳng của con người.

Trong sự đối chiếu tương phản và song song về phương diện thần học giữa A-đam và Chúa Jêsus, có hai hàm ý như sau:

1. A-đam là một con người thật sự có trong lịch sử
2. Chúa Jêsus là một con người thật.

Cả hai lẽ thật này đều xác nhận Kinh thánh trước mặt những sự dạy dỗ sai lầm. Để ý cách dùng từ "một người" hay "người này" được lặp đi lặp lại. Những cách để chỉ A-đam và Chúa Jêsus được dùng 11 lần trong ngữ cảnh này.

▣ **"sự chết qua tội lỗi"** Kinh thánh cho biết 3 giai đoạn của sự chết: (1) sự chết thuộc linh (Sáng-thế-ký 2:17; 3:1-7; Ê-phê-sô 2:1); (2) sự chết thuộc thể (Sáng-thế-ký 5) và (3) sự chết đời đời (Khải huyền 2:11; 20:6,16; 21:8). Sự chết đề cập đến trong đoạn này là sự chết thuộc linh của A-đam (Sáng-thế-ký 3:14-19) đem lại sự chết thuộc thể cho toàn nhân loại (Sáng-thế-ký 5).

▣ **"sự chết lan tràn đến mọi người"** Điểm nhấn mạnh chủ yếu của đoạn này là tính toàn cầu của tội lỗi (câu 16-19; I Cô-rinh-tô 15:22; Ga-la-ti 1:10) và sự chết.

▣ **"bởi vì mọi người đều phạm tội"** Mọi người đều phạm tội trong A-đam (tức là thừa hưởng tình trạng và khuynh hướng tội lỗi). Bởi vậy, mỗi người cố ý phạm tội cách cá nhân và lặp đi lặp lại. Kinh thánh nhấn mạnh rằng tất cả mọi người đều phạm tội xét theo cả phương diện tập thể và cá nhân (I Các Vua 8:46; II Sử ký 6:36; Thi thiên 14:1-2; 130:3; 143:2; Châm ngôn 20:9; Truyền đạo 7:20; Ê-sai 9:17; 53:6; Rô-ma 3:9-18,23; 5:18; 11:32; Ga-la-ti 3:22; I Giăng 1:8-10).

Cần phải nói rằng điều nhấn mạnh của ngữ cảnh này (câu 15-19) là một hành động dẫn đến sự chết (A-đam) và một hành động đem đến sự sống (Chúa Jêsus). Tuy nhiên, vì Đức Chúa Trời đã kiến tạo mối liên hệ rất khít khao với con người đến nỗi sự đáp ứng của con người là một khía cạnh quan trọng của sự "hư mất" hay "xưng công bình." Con người tự nguyện tham gia vào số phận tương lai của họ! Họ tiếp tục chọn tội lỗi hay chọn Đấng Christ. Họ không thể ảnh hưởng đến hai lựa chọn này nhưng họ tình nguyện cho biết họ thuộc về lựa chọn nào!

Dịch là "bởi vì" là cách dịch rất thông thường, tuy nhiên ý nghĩa của nó thường có nhiều tranh cãi. Phao-lô dùng chữ *eph'ho* trong II Cô-rinh-tô 5:4; Phi-líp 3:12; và 4:10 trong ý nghĩa là "bởi vì." Vì thế mỗi một cá nhân chọn tham gia cách cá nhân vào tội lỗi và chống lại Đức Chúa Trời. Một số làm như vậy qua sự khước từ mặc khải đặc biệt, nhưng tất cả đã làm như vậy qua việc khước từ mặc khải tự nhiên (1:18-3:20).

5:14 NASB, NKJV, JB "sự chết cai trị"
NRSV "sự chết thực thi quyền thống trị"
TEV "sự chết cai trị"

Sự chết cai trị như một ông vua (câu 17 và 21). Việc nhân cách hóa sự chết và tội lỗi như những bạo chúa được sử dụng trong cả đoạn này và đoạn 6. Kinh nghiệm của mọi người về sự chết xác định sự phạm tội của cả nhân loại. Trong câu 17 và 21, ân điển được nhân cách hóa. Ân điển cai trị! Con người có sự lựa chọn (2 con đường theo Cựu ước): sự chết hay sự sống. Ai đang cai trị trong đời sống của bạn?

▣ **"cả đến những kẻ chẳng phạm tội như tội của A-đam"** A-đam phạm mạng lệnh đã được Đức Chúa Trời phán truyền, và Ê-va không phạm giống như vậy. Bà nghe từ A-đam chứ không phải trực tiếp từ Đức Chúa Trời. Con người từ A-đam cho đến thời Môi-se bị ảnh hưởng bởi sự nổi loạn của A-đam! Họ không vi phạm một mạng lịnh cụ thể từ Đức Chúa Trời, nhưng Rô-ma 1:18-32, vốn chắc chắn có phần trong ngữ cảnh thần học này, bày tỏ sự thật rằng họ đã phạm đến ánh sáng mà họ có từ khi sáng thế và vì thế chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời về sự nổi loạn/ phạm tội của mình. Khuynh hướng phạm tội của A-đam tràn lan ra cho tất cả con cháu, dòng dõi của ông.

▣ **NASB, NKJV, NRSV "là hình bóng về Đấng sẽ đến"**
TEV "A-đam là biểu tượng của Đấng sẽ đến"
JB "A-đam hình bóng về Đấng sẽ đến"

Câu này xác định rất rõ ràng hình bóng A-đam và Đấng Christ (I Cô-rinh-tô 15:21-22; 45-49; Phi-líp 2:6-8). Cả hai đều được xem là người đầu tiên trong một loạt, hay nguồn gốc của một dòng dõi (I Cô-rinh-tô 15:45-49). A-đam là người duy nhất từ Cựu ước được gọi là một "hình bóng" bởi Tân ước.

5:15-17 (BẢN NASB)
15 **Song tội lỗi chẳng phải như sự ban cho của ân điển. Vì nếu bởi tội lỗi của chỉ một người mà mọi kẻ khác đều phải chết, thì huống chi ơn của Đức Chúa Trời và sự ban cho trong ơn Ngài tỏ ra bởi một người là Đức Chúa Jêsus Christ, chan chứa cho hết thảy mọi người khác là dường nào!** 16 **Lại sự ban cho nầy chẳng phải như việc xảy đến bởi một người phạm tội đâu: sự phán xét bởi chỉ một tội mà làm nên đoán phạt; nhưng sự ban cho của ân điển thì sau nhiều tội rồi, dẫn đến sự xưng công bình.**17 **Vả, nếu bởi tội một người mà sự chết đã cai trị bởi một người ấy, thì huống chi những kẻ nhận ân điển và sự ban cho của sự công bình cách dư dật, họ sẽ nhờ một mình Đức Chúa Jêsus Christ mà cai trị trong sự sống là dường nào!**

5:15-19 Đây là phần biện luận tiếp theo sử dụng các cụm từ song song với nhau. Bản NASB, NRSV, và TEV chia đoạn ra từ câu 18. Tuy vậy, bản UBS, NKJV, và bản JB dịch nó như một thể thống nhất. Nên nhớ chìa khóa để giải nghĩa ý tưởng của tác giả nguyên thủy là một lẽ thật chính trong một phân đoạn. Để ý chữ "nhiều" trong câu 15,19 đồng nghĩa với chữ "tất cả" trong câu 12 và 18. Điều này cũng đúng trong Ê-sai 53:11-12 và câu 6. Không nên có những sự phân biệt thần học (sự chọn và không chọn lựa của Calvin) nào dựa vào những từ ngữ này!

5:15 "món quà miễn phí" Có hai chữ Hy-lạp có nghĩa 'món quà' dùng trong văn cảnh này- *charisma*, câu 15,16 (6:23) và *dorea/dorama*, câu 15,16,17- nhưng cả hai đều đồng nghĩa. Đây thật sự là tin tức tốt lành về sự cứu rỗi. Đây là một món quà miễn phí từ Chúa Jêsus Christ (3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:8-9) cho những ai tin Ngài.

▣ **"nếu"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Tội của A-đam đem sự chết đến cho tất cả nhân loại. Câu này tương ứng với câu 17.

5:17 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Sự phạm tội của A-đam thật đã đem đến kết quả là sự chết cho cả nhân loại.

▣ **"còn hơn nữa cho những người nhận"** Câu 18-19 không thật sự cân bằng về mặt thần học. Cụm từ này không thể bị lấy đi khỏi ngữ cảnh của Rôma 1-8 và dùng như một bằng cớ cho thuyết cứu rỗi toàn cầu (universalism) (mọi người đến cuối cùng rồi cũng sẽ được cứu). Con người phải đón nhận (câu 17b) sự ban cho của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Sự cứu rỗi có sẵn cho tất cả mọi người, nhưng con người phải đón nhận nó một cách cá nhân (Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13).

Một hành động nổi loạn của A-đam mở ra sự nổi loạn của toàn nhân loại. Một hành động tội lỗi đã mở rộng! Nhưng trong Đấng Christ, một sự hy sinh công bình đã mở rộng để che lấp vô số tội lỗi của cá nhân và sự ảnh hưởng tập thể của tội lỗi. Sự "còn hơn nữa" trong hành động của Đấng Christ được nhấn mạnh ở đây (câu 9,10,15,17). Ân điển thật đầy tràn!

5:17,18 "món quà của sự công bình sẽ cai trị trong đời sống…sự xưng công bình của sự sống" Chúa Jêsus là món quà và là sự chu cấp cho mọi nhu cầu thuộc linh của con người sa ngã (I Cô-rinh-tô 1:30). Các cụm từ song song này có ý nghĩa là: (1) con người tội lỗi được ban cho vị trí hòa thuận lại với Đức Chúa Trời qua công tác đã hoàn tất của Đấng Christ đem đến kết quả là một 'đời sống tin kính'; (2) cụm từ này đồng nghĩa với "sự sống đời đời." Ngữ cảnh ủng hộ lựa chọn thứ nhất. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17, nếu muốn nghiên cứu thêm về chữ 'sự công bình.'

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CAI TRỊ TRONG VƯƠNG QUỐC ĐỨC CHÚA TRỜI

Khái niệm cai trị với Đấng Christ là một phần trong một nghiên cứu thần học rộng hơn gọi là "Vương quốc Đức Chúa Trời." Đây là khái niệm mượn từ quan điểm Cựu ước xem Đức Chúa Trời như một vị vua thật sự của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7). Ngài cai trị trong tính cách biểu tượng (I Sa-mu-ên 8:7; 10:17-19) qua con cháu của chi phái Giu-đa (Sáng-thế-ký 49:10) và gia đình Y-sai (II Sa-mu-ên 7).

Chúa Jêsus là sự ứng nghiệm lời hứa về Đấng Mết-si-a qua các tiên tri Cựu ước. Ngài mở đầu Vương quốc Đức Chúa Trời bằng sự nhập thế của Ngài tại Bết-lê-hem. Vương quốc Đức Chúa Trời trở thành cột trụ chính trong sự giảng dạy của Chúa Jêsus. Vương quốc này đã đến cách đầy trọn trong Ngài (Ma-thi-ơ 10:7; 11:12; 12:28; Mác 1:15; Lu-ca 10:9,11; 11:20; 16:16; 17:20-21).

Tuy nhiên, Vương quốc Đức Chúa Trời cũng thuộc về tương lai (ngày cuối cùng). Nó có mặt trên đất này nhưng chưa đạt đến điểm đỉnh (Ma-thi-ơ 6:10; 8:11; 16:28; 22:1-14; 26:29; Lu-ca 9:27; 11:2; 13:29; 14:10-24; 22:16,18). Chúa Jêsus đến lần đầu như một đầy tớ phải chịu khổ (Ê-sai 52:13-53:12); và khiêm nhường (Xa-cha-ri 9:9), nhưng Ngài sẽ trở lại như vị Vua trên muôn vua (Ma-thi-ơ 2:2; 21:5; 27:11-14). Khái niệm "cai trị" chắc chắn thuộc về thần học "vương quốc." Đức Chúa Trời đã ban vương quốc này cho những người theo Chúa Jêsus (xem Lu-ca 12:32).

Khái niệm cai trị với Đấng Christ có một số khía cạnh và thắc mắc sau:

1. Có phải những đoạn khẳng định Đức Chúa Trời đã ban cho các tín nhân "vương quốc" qua Đấng Christ cũng đồng thời hàm ý "sự cai trị" (Ma-thi-ơ 5:3,10; Lu-ca 12:32)?
2. Những lời dạy của Chúa Jêsus cho các môn đồ đầu tiên trong bối cảnh Do Thái thế kỷ thứ nhất cũng dành cho tất cả mọi người tin Chúa (Ma-thi-ơ 19:28; Lu-ca 22:28-30)?
3. Việc Phao-lô nhấn mạnh về sự cai trị trong đời này mâu thuẫn hay bổ sung cho những đoạn nêu trên (Rô-ma 5:17; I Cô-rinh-tô 4:8)?
4. Sự chịu khổ và sự cai trị liên hệ với nhau như thế nào (Rô-ma 8:17; II Ti-mô-thê 2:11-12; I Phi-e-rơ 4:13; Khải huyền 1:9)?
5. Chủ đề hay lặp đi lặp lại trong Khải huyền cũng cho thấy sự cai trị vinh quang của Đấng Christ
    a. Trên đất, 5:10
    b. Một ngàn năm, 20:5,6
    c. Đời đời, 2:26; 3:21; 22:5 và Đa-ni-ên 7:14, 18, 27

5:18-21 (BẢN NASB)
18 **Vậy, như bởi chỉ một tội mà sự đoán phạt rải khắp hết thảy mọi người thể nào, thì bởi chỉ một việc công bình mà sự xưng công bình, là sự ban sự sống, cũng rải khắp cho mọi người thể ấy.**19 **Vì, như bởi sự không vâng phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội, thì cũng một lẽ ấy, bởi sự vâng phục của một người mà mọi người khác sẽ đều thành ra công bình.**20 **Vả, luật pháp đã xen vào, hầu cho tội lỗi gia thêm; nhưng nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa,** 21 **hầu cho tội lỗi đã cai trị làm nên sự chết thể nào, thì ân điển cũng cai trị bởi sự công bình thể ấy, đặng ban cho sự sống đời đời bởi Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta.**

5:18 NASB "thì bởi chỉ một việc công bình đem đến sự xưng công bình của sự sống cho mọi người"
NKJV "thì bởi chỉ một việc công bình của một Người đem đến món quà miễn phí cho mọi người"
NRSV "thì bởi hành động công bình của một người dẫn đến sự xưng công bình và sự sống cho mọi người"
TEV "cũng vậy một hành động công bình giải phóng mọi người và đem đến cho họ sự sống"
JB "cũng vậy hành động tốt của một người đem đến sự sống cho mọi người và xưng công bình cho họ"

Điều này không có ý nói rằng mọi người đều sẽ được cứu (như thuyết cứu rỗi toàn cầu (universalism). Câu này không thể được giải thích riêng rẽ tách rời khỏi toàn bộ sứ điệp của sách Rô-ma và văn mạch gần nhất. Câu này nói đến triển vọng được cứu của mọi người qua cuộc đời/sự chết/và sự sống lại của Chúa Jêsus. Con người phải đáp ứng lại Phúc âm bằng sự ăn năn và đức tin (Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21). Đức Chúa Trời luôn luôn khởi xướng bước đầu (Giăng 6:44,65) nhưng Ngài quyết định rằng mỗi cá nhân phải tự đáp ứng lại (Mác 1:15; Giăng 1:12; và Rô-ma 10:9-13). Sự ban cho của Ngài có tính toàn cầu, phổ quát (I Ti-mô-thê 2:4,6; II Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:2) nhưng điều bí ẩn của tội lỗi là nhiều người lại nói "không" đối với sự ban cho này.

"Hành động công bình" có thể là (1) toàn bộ cuộc đời vâng phục và bày tỏ Đức Chúa Cha của Chúa Jêsus; hay (2) đặc biệt là sự chết của Ngài thế cho con người tội lỗi. Cuộc đời của một người ảnh hưởng đến tất cả (toàn thể người Do thái, Giô-suê 7) như thế nào, thì cuộc đời vô tội của một người khác cũng ảnh hưởng đến tất cả như vậy. Hai hành động này tương ứng nhưng không bằng nhau. Mọi người đều bị ảnh hưởng bởi tội của A-đam nhưng tất cả đều có triển vọng được ảnh hưởng bởi cuộc đời của Chúa Jêsus; chỉ những ai tin nhận món quà xưng công bình này mà thôi. Hành động của Chúa Jêsus cũng ảnh hưởng đến tội lỗi của toàn nhân loại, cho tất cả những ai tin nhận Ngài, trong quá khứ, hiện tại và tương lai!

5:18,19 "sự đoán phạt rải khắp mọi người…sự công bình của sự sống rải khắp mọi người…nhiều người bị thành ra kẻ có tội…nhiều người được trở nên công bình" Đây là những cụm từ đối xứng cho thấy chữ "nhiều người" không bị giới hạn nhưng có tính bao gồm. Loại đối xứng này cũng thấy ở Ê-sai 53: 6 "tất cả" và 53:11,12 "nhiều người." Chữ "nhiều người" không thể được dùng trong ý nghĩa hạn hẹp giới hạn Đức Chúa Trời ban sự cứu rỗi cho toàn nhân loại (chọn đối với không chọn của Calvin).

Để ý thể THỤ ĐỘNG của hai ĐỘNG TỪ. Những động từ này chỉ hành động của Đức Chúa Trời. Con người phạm tội khi đặt nó trong mối liên hệ đến bản tính của Chúa và họ được xưng công bình khi đối chiếu với bản tính của Ngài.

5:19 "sự không vâng phục của một người…sự vâng phục của một Người" Phao-lô sử dụng khái niệm thần học trong Cựu ước về tính liên hệ tập thể. Hành động của một người ảnh hưởng đến cả một cộng đồng (A-can trong Giô-suê 7). Sự bất tuân của A-đam và Ê-va đem đến sự đoán xét của Đức Chúa Trời trên mọi tạo vật (Sáng-thế-ký 3). Mọi tạo vật đều bị ảnh hưởng bởi hậu quả nổi loạn của A-đam (8:18-25). Thế giới không còn như cũ. Con người cũng vậy. Sự chết trở thành điểm cuối của tất cả cuộc sống trên đất (Sáng-thế-ký 5). Đây không phải là thế giới mà Đức Chúa Trời đã dự định từ ban đầu!

Cũng trong ý nghĩa liên hệ đến tập thể, hành động vâng phục của Chúa Jêsus ở đồi Gô-gô-tha đã đem đến: (1) một thời đại mới; (2) một dân mới; và (3) một Giao ước mới. Thần học đại diện này được gọi là

"Hình bóng A-đam và Đấng Christ" (Phi-líp 2:6). Chúa Jêsus là A-đam thứ hai. Ngài là khởi đầu mới cho dòng dõi con người sa ngã.

▣ **"làm cho công bình"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17.

5:20 NASB "Luật pháp đã xen vào , hầu cho tội lỗi gia thêm"
NKJV "Hơn nữa luật pháp đã xen vào hầu cho tội lỗi gia thêm"
NRSV "Nhưng luật pháp đã xen vào, dẫn đến kết quả sự phạm pháp nhân lên"
TEV "Luật pháp được đem vào để gia tăng sự phạm tội"
JB "Khi luật pháp xen vào, nó làm gia tăng cơ hội sa ngã"

Không bao giờ luật pháp có mục đích cứu con người nhưng chỉ cho con người sa ngã thấy nhu cầu và sự bất lực của mình (Ê-phê-sô 2:1-3) và vì vậy đem họ đến với Đấng Christ (3:20; 4;15; 7:5; Ga-la-ti 3:19, 23-26). Luật pháp là tốt lành nhưng con người thì tội lỗi (chương 7)!

▣ **"ân điển càng dư dật càng hơn"** Đây là điểm xoáy trọng tâm của Phao-lô trong phần này. Tội lỗi đáng gớm ghiếc và lan tràn, nhưng ân điển càng dư dật và vượt hẳn ảnh hưởng chết chóc đó! Đây là cách để khích lệ một Hội thánh mới lớn ở thế kỷ thứ nhất. Họ là những người đắc thắng trong Đấng Christ (5:9-11; 8:31-39; I Giăng 5:4). Đây không phải là tấm bằng để phạm tội thêm! Xin xem Chủ đề đặc biệt Cách dùng chữ *Huper* của Phao-lô ở câu 1:30.

5:21 Cả "tội lỗi" và "ân điển" đều được nhân cách hóa thành những ông vua. Tội lỗi cai trị bằng quyền lực của sự chết của toàn nhân loại (câu 14,17). Ân điển cai trị bằng quyền của sự công bình được ban cho qua công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus và sự đáp ứng lại Phúc âm bằng đức tin cá nhân và lòng ăn năn của những người tin Ngài.

Là dân mới của Đức Chúa Trời, là thân thể của Đấng Christ, các Cơ đốc nhân cũng sẽ cai trị với Đấng Christ (5:17; II Ti-mô-thê 2:12; Khải huyền 22:5). Đây có thể là sự cai trị trên đất này hay trong 1.000 năm (Khải huyền 5:9-10; 20). Kinh thánh cũng nói đến cùng một lẽ thật khi khẳng định rằng Vương quốc đã được ban cho các thánh đồ (Ma-thi-ơ 5:3,10; Lu-ca 12:32; Ê-phê-sô 2:5-6). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 5:17.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Định nghĩa 'sự công bình' của Đức Chúa Trời.
2. Có sự khác biệt thần học nào giữa "nên thánh địa vị" và "nên thánh thực nghiệm"?
3. Chúng ta được cứu bởi đức tin hay ân điển (Ê-phê-sô 2:8-9)?
4. Tại sao Cơ đốc nhân chịu khổ?
5. Chúng ta <u>đã được cứu</u>, hay <u>đang được cứu</u>, hay <u>sẽ được cứu</u>?
6. Chúng ta là tội nhân vì chúng ta phạm tội, hay chúng ta phạm tội vì chúng ta là tội nhân?
7. Những chữ "được xưng công bình," "được cứu," và "được hòa thuận" liên hệ với nhau như thế nào trong chương này?
8. Tại sao Chúa bắt tôi phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của một người sống hàng ngàn năm trước (câu 12-21)?
9. Tại sao mọi người không chết giữa thời A-đam và Môi-se nếu tội lỗi không bị kể trong thời gian này (câu 13-14)?
10. Có phải chữ "tất cả" và "nhiều" đồng nghĩa với nhau (câu 18-19; Ê-sai 53:6, 11-12)?

RÔ-MA ĐOẠN 6

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Chết với tội lỗi nhưng sống trong Đấng Christ	Chết với tội lỗi nhưng sống với Đức Chúa Trời	Chết và sống lại với Đấng Christ	Chết với tội lỗi nhưng sống trong Đấng Christ	Báp-têm
6:1-11	6:1-14	6:1-4 6:5-11	6:1-4 6:5-11	6:1-7
				6:8-11
				Sự thánh khiết, không phải tội lỗi làm Chủ
6:12-14		6:12-14	6:12-14	6:12-14
Nô lệ cho sự công bình	Từ nô lệ tội lỗi trở thành nô lệ cho Đức Chúa Trời	Hai chế độ nô lệ	Nô lệ cho sự công bình	Cơ đốc nhân được giải phóng khỏi nô lệ tội lỗi
6:15-23	6:15-23	6:15-19	6:15-19	6:15-19
				Tiền công của tội lỗi và món quà của sự công bình
		6:20-23	6:20-23	6:20-23

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Đoạn 6:1-8:39 hình thành một đơn vị ý tưởng (một đơn vị văn chương) nói đến mối liên hệ của Cơ đốc nhân đối với tội lỗi. Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng bởi vì Phúc âm dựa vào ân điển miễn phí không xứng đáng nhận được của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (3:21-5:21), vì vậy, tội lỗi ảnh hưởng đến người tin Chúa như thế nào? Đoạn 6 dựa vào hai câu hỏi giả định trong câu 1 và 15. Câu 1 liên quan đến 5:20, và câu 15 liên quan đến 6:14. Câu đầu liên quan đến lối sống tội lỗi (THÌ HIỆN TẠI), trong khi câu thứ hai liên quan đến hành động tội lỗi của cá nhân (THÌ QUÁ KHỨ). Chúng ta

cũng thấy rõ câu 1-14 nói đến sự tự do của các tín nhân khỏi sự chế ngự của tội lỗi, trong khi câu 15-23 nói đến sự tự do của các tín nhân để phục vụ Chúa như họ đã từng phục vụ tội lỗi trước kia- một cách hoàn toàn, trọn vẹn, và hết lòng.

B. Sự nên thánh là:
   1. Một địa vị (được ban cho như sự xưng công bình khi được cứu, 3:21-5:21)
   2. Một đời sống càng giống với Đấng Christ hơn
      a. 6:1-8:39 bày tỏ lẽ thật này trên phương diện thần học
      b. 12:1-15:13 bày tỏ lẽ thật này trên phương diện thực tế (Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 6:4)

C. Thông thường trên phương diện thần học những nhà giải kinh tách chủ đề xưng công bình và chủ đề nên thánh để giúp người đọc nắm được ý nghĩa của chúng theo Kinh thánh. Trên thực tế, chúng là những hành động ân điển xảy ra đồng thời (I Cô-rinh-tô 1:30; 6:11). Cách hoạt động của hai điều này đều như nhau- tức là ân điển của Đức Chúa Trời bày tỏ qua đời sống và sự chết của Chúa Jêsus là điều phải được tiếp nhận bằng đức tin (Ê-phê-sô 2:8-9).

D. Đoạn này dạy về khả năng đạt đến sự trưởng thành toàn vẹn (không có tội, I Giăng 3:6,9; 5:18) của con cái Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Chương 7 và I Giăng 1:8-2:1 cho thấy sự thật về tình trạng tiếp tục phạm tội của các tín nhân.

Phần lớn các mâu thuẫn trong cách nhìn về sự tha thứ của Phao-lô liên quan đến vấn đề đạo đức. Người Do Thái muốn chắc chắn một lối sống tin kính bằng cách đòi hỏi những người mới tin đạo phải vâng theo luật Môi se. Phải nhìn nhận rằng một số đã và đang dùng quan điểm của Phao-lô như một tấm bằng để phạm tội (câu 1,15; II Phi-e-rơ 3:15-16). Phao-lô tin rằng chính Thánh Linh ngự trong lòng, chứ không phải là luật lệ bên ngoài, có thể sản sinh những người theo Chúa giống như Ngài. Trên thực tế đây là sự khác biệt giữa Giao ước cũ (Phục truyền 27-28) và Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:26-27).

E. Báp-têm chỉ là minh họa thuộc thể của một thực tế thuộc linh về sự xưng công bình/sự nên thánh. Trong thư Rô-ma hai tín lý đôi sự nên thánh địa vị (xưng công bình) và sự nên thánh thực nghiệm (giống với Đấng Christ) đều được nhấn mạnh. “Đồng chôn với Ngài” (câu 4) tương đương với “đồng chịu đóng đinh với Ngài” (câu 6).

F. Chìa khóa để đắc thắng cám dỗ và tội lỗi trong đời sống Cơ đốc nhân là:
   1. Biết mình là ai trong Đấng Christ. Biết Chúa đã làm gì cho mình. Bạn được giải phóng khỏi tội lỗi! Bạn đã chết với tội lỗi!
   2. Nhận biết vị trí của bạn trong Đấng Christ trong mọi tình huống cuộc sống thường ngày.
   3. Chúng ta không còn là của chúng ta! Chúng ta phải phục vụ/vâng lời Chủ của chúng ta. Chúng ta phục vụ/vâng lời bằng tấm lòng biết ơn và yêu thương đối với Đấng đã yêu thương chúng ta!
   4. Cuộc sống Cơ đốc là cuộc sống siêu nhiên. Cũng giống như sự cứu rỗi, nó là món quà từ Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Chúa đã khởi đầu và ban cho nó năng lực. Chúng ta phải đáp ứng lại trong sự ăn năn và đức tin từ lúc ban đầu và cứ tiếp tục mỗi ngày.
   5. Đừng đùa với tội lỗi. Hãy cho nó cái nhãn thật của chính nó. Xoay khỏi nó; chạy khỏi nó. Đừng đặt mình vào chỗ cám dỗ.
   6. Tội lỗi là một cơn nghiện có thể từ bỏ được, nhưng nó đòi hỏi thời gian, nỗ lực và ý chí.

6:1-7 (BẢN NASB)
1 Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Chúng ta phải cứ ở trong tội lỗi, hầu cho ân điển được dư dật chăng? 2 Chẳng hề như vậy! Chúng ta đã chết về tội lỗi, lẽ nào còn sống trong tội lỗi nữa? 3 Hay là, anh em chẳng biết rằng chúng ta thảy đều đã chịu phép báp tem trong Đức Chúa Jêsus Christ, tức là chịu phép báp tem trong sự chết Ngài sao? 4 Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp tem trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thể nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thể ấy. 5 Vì nếu chúng ta làm một cùng Ngài bởi sự chết giống như sự chết của Ngài, thì chúng ta cũng sẽ làm một cùng Ngài bởi sự sống lại giống nhau: 6 vì biết rõ rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh trên thập tự giá với Ngài, hầu cho thân thể của tội lỗi bị tiêu diệt đi, và chúng ta không phục dưới tội lỗi nữa. 7 Vì ai đã chết thì được thoát khỏi tội lỗi.

6:1 NASB "Chúng ta phải cứ ở trong tội lỗi hầu cho ân điển được thêm lên"
NKJV "Chúng ta cứ tiếp tục trong tội lỗi để ân điển được dư dật"
NRSV "Chúng ta cứ tiếp tục trong tội lỗi hầu cho ân điển được dư dật"
TEV "Chúng ta cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển Đức Chúa Trời lại gia tăng"
JB "Có phải nó có nghĩa là chúng ta cứ ở trong tội lỗi để ân điển bao phủ rộng hơn"

Đây là thể BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE SUBJUNCTIVE). Nó hỏi theo nghĩa đen rằng, có phải Cơ đốc nhân "ở trong" hay "nắm lấy" tội lỗi chăng? Câu hỏi này quay lại câu 5:20. Phao-lô dùng một người phản biện tưởng tượng (diatribe) để nói đến chiều hướng sử dụng ân điển sai lầm (I Giăng 3:6,9; 5:18). Ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời không nhằm cung cấp tấm bằng cho một lối sống nổi loạn.

Phúc âm của Phao-lô về một sự cứu rỗi miễn phí, một món quà ân điển của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (3:24; 5:15,17;6:23) nêu lên nhiều thắc mắc về một lối sống công bình. Làm thế nào một món quà miễn phí lại sản sinh ra một nếp sống công bình đạo đức? Chúng ta không được tách sự xưng công bình và sự nên thánh riêng ra (Ma-thi-ơ 7:24-27; Lu-ca 8:21; 11:28; Giăng 13:17; Rô-ma 2:13; Gia-cơ 1:22-25; 2:14-26).

Về điểm này, tôi xin trích lời bình của F.F. Bruce trong cuốn *Paul: Apostle of the Heart Set Free*, "báp têm của Cơ đốc nhân thiết lập một biên giới giữa sự hiện hữu cũ không đổi mới và cuộc sống mới trong Đấng Christ: nó đánh dấu sự chết với trật tự cũ, để khi người Cơ đốc đã được báp têm mà cứ tiếp tục phạm tội thì vô lý giống như người nô lệ đã được giải phóng cứ ở trong sự bó buộc của ông chủ cũ (Rô-ma 6:1-4, 15-23) hay là một người góa chồng tiếp tục ở dưới 'luật lệ của chồng,' trang 281-82 (Rô-ma 7:1-6).

6:2 "chẳng hề như vậy" Đây là dạng hiếm thấy của LỐI MONG MỎI (OPTATIVE), là một lối ngữ pháp dùng chỉ một sự ước mong hay lời cầu nguyện. Đây là cách cầu kỳ của Phao-lô dùng để trả lời lại người phản biện tưởng tượng. Nó diễn tả sự kinh ngạc và rùng mình của Phao-lô về sự hiểu biết sai trái và lạm dụng ân điển của cả nhân loại không chịu tin Chúa (3:4,6).

▣ **"chúng ta những người đã chết về tội lỗi"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE), có nghĩa, "chúng ta đã chết." Từ "tội lỗi" ở SỐ ÍT được sử dụng nhiều lần trong suốt chương này. Nó có lẽ chỉ đến "bản chất tội lỗi" của chúng ta thừa hưởng nơi A-đam (Rô-ma 5:12-21; I Cô-rinh-tô 15:21-22). Phao-lô thường dùng khái niệm sự chết như là một hình bóng chỉ về mối liên hệ mới của các tín nhân với Chúa Jêsus. Họ không còn ở dưới ách của tội lỗi nữa.

▣ **"vẫn còn sống trong tội"** Nghĩa đen là "bước đi." Hình ảnh này được dùng để nhấn mạnh lối sống theo đức tin (Ê-phê-sô 4:1; 5:2,15) hay lối sống theo tội lỗi của chúng ta (câu 4). Người tin Chúa không thể vui sướng trong tội lỗi!

6:3-4 "đã chịu báp têm…đã chịu chôn" Đây là những từ ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVES). Loại ngữ pháp này nhấn mạnh một hành động đã hoàn tất và được thực hiện bởi một tác nhân bên ngoài, ở đây chỉ đến Đức Thánh Linh. Chúng có sự tương ứng ở đây.

▣ **"trong Đấng Christ"** Cách sử dụng từ *eis* (vào trong) tương ứng với Đại mạng lệnh trong Ma-thi-ơ 28:19, là câu nói rằng người mới tin Chúa sẽ được báp têm *eis* (vào trong) danh của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh. GIỚI TỪ này cũng được dùng để mô tả tình trạng người tin Chúa được báp têm bởi Đức Thánh Linh vào trong thân thể Đấng Christ, trong I Cô-rinh-tô 12:13. *Eis* trong ngữ cảnh này đồng nghĩa với *en* (trong Đấng Christ) trong câu 11, là câu cho thấy cách Phao-lô thường dùng để chỉ về người tin Chúa. Nó mang ý nghĩa PHẠM VI NƠI CHỐN (LOCATIVE OF SPHERE). Người tin Chúa sống, động và có sự hiện hữu trong Đấng Christ. Những GIỚI TỪ này diễn tả sự liên hiệp mật thiết, phạm vi giao thông như sự liên hệ giữa nhánh và gốc nho. Người tin Chúa kể mình và cùng với Đấng Christ chết đi trong sự chết của Ngài, trong sự sống lại, trong sự vâng phục và phục vụ Đức Chúa Trời, và Vương quốc của Ngài!

▣ **"trong sự chết của Ngài…chúng ta đồng chôn với Ngài"** Báp têm dầm mình minh họa sự chết và chôn (câu 5 và Cô-lô-se 2:12). Chúa Jêsus dùng hình ảnh báp têm để chỉ cái chết của chính Ngài (Mác 10:38-39; Lu-ca 12:50). Sự nhấn mạnh ở đây không phải là ở tín lý báp têm, nhưng ở mối liên hệ mới, mật thiết của Cơ đốc nhân với sự chết và chôn của Đấng Christ. Người tin Chúa liên hệ mình với Đấng Christ, với bản tính của Ngài, với sự hy sinh và sứ mạng của Ngài. Tội lỗi không có quyền lực nào trên người tin Chúa nữa!

6:4 "chúng ta đã bị chôn với Ngài qua báp têm trong sự chết" Trong chương này, cũng là cách viết riêng của Phao-lô, ông hay dùng chữ những từ kép *sun* (với).

1. *Sun* + *thapto* = đồng chôn, câu 4, Cô-lô-se 2:12; xem chú thích ở câu 8.
2. *Sun* +*phuo* = làm một với, câu 5
3. *Sun* +*stauroo* = cùng chôn, câu 5
4. *Sun* + *stauroo* = đồng chịu đóng đinh, câu 6, Ga-la-ti 2:20
5. *Sun* + *zao* = cùng hiện hữu, câu 8; II Ti-mô-thê 2:11 (cũng đồng chết và đồng cai trị)

▣ **"để chúng ta có thể sống trong một cuộc sống mới"** Đây là thể BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE SUBJUNCTIVE). Kết quả được mong đợi của sự cứu rỗi là sự nên thánh. Bởi vì người tin Chúa biết ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, đời sống họ phải khác đi. Cuộc sống mới của chúng ta không đem lại cho chúng ta sự cứu rỗi, nhưng nó là kết quả của sự cứu rỗi (câu 16,19; Ê-phê-sô 2:8-9,10; Gia-cơ 2:14-26). Đây không phải là câu hỏi hoặc cái này/hoặc cái kia, đức tin hay việc làm, nhưng là theo thứ tự.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ NÊN THÁNH

Kinh thánh Tân ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Jêsus bằng sự ăn năn và đức tin, thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống Đấng Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí và cũng là một lối sống phải chịu thiệt tất cả, thì sự nên thánh cũng vậy.

Đáp ứng ban đầu	Tiến trình giống với Đấng Christ
Công-vụ 20:23; 26:18	Rô-ma 6:19
Rô-ma 15:16	II Cô-rinh-tô 7:1
I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11	I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:23
II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13	I Ti-mô-thê 2:15
Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12	II Ti-mô-thê 2:21
I Phi-e-rơ 1:1	Hê-bơ-rơ 12:14
	I Phi-e-rơ 1:15-16

▣ **"Đấng Christ sống lại"** Trong bối cảnh này, sự chấp nhận và chấp thuận của Đức Chúa Cha về lời nói và việc làm của Đức Chúa Con diễn tả qua hai sự kiện lớn:

1. Sự sống lại từ kẻ chết của Chúa Jêsus
2. Sự thăng thiên của Chúa Jêsus đến bên hữu Đức Chúa Cha

▣ **"sự vinh quang của Đức Chúa Cha"** Xin xem Chủ đề đặc biệt về "vinh quang" ở câu 3:23. Về chủ đề "Cha" Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:7.

6:5 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ.

▣ **"chúng ta đã làm một cùng Ngài"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE), có thể dịch là, "đã và tiếp tục sẽ được làm một với nhau," hay là "đã và tiếp tục sẽ được chôn với nhau." Lẽ thật này có hình bóng thần học giống với khái niệm "ở trong" trong Giăng 15. Nếu người tin Chúa cùng đồng chết với Chúa (Ga-la-ti 2:19-20; Cô-lô-se 2:20; 3:3-5), thì họ cũng cùng đồng sống trong sự sống lại với Ngài (câu 10).

Hình bóng báp têm và sự chết nhằm cho thấy (1) chúng ta đã chết đi cuộc sống cũ, giao ước cũ, (2) chúng ta sống lại với Thánh Linh, giao ước mới. Vì vậy, báp têm của Cơ đốc nhân không giống với báp têm của Giăng Báp tít, là vị tiên tri cuối cùng của Cựu ước. Báp têm là cơ hội để người mới tin Chúa trong Hội thánh đầu tiên công khai tuyên xưng đức tin của mình. Câu tuyên xưng báp têm đầu tiên nhất mà người nhận lễ phải lặp lại là, "Tôi tin Chúa Jêsus là Chúa" (Rô-ma 10:9-13). Sự công khai tuyên xưng này là một hành động nghiêm trang theo nghi lễ diễn tả kinh nghiệm đã xảy ra trước đó. Báp têm không phải là mang chức năng tha tội, cứu rỗi, hay để Đức Thánh Linh ngự vào, nhưng là <u>dịp</u> công khai tuyên xưng đức tin (Công-vụ 2;38). Tuy vậy, nó không phải là điều được lựa chọn. Chúa Jêsus truyền mạng lệnh này (Ma-thi-ơ 28:19-20), và làm gương trước (Ma-thi-ơ 3; Mác 1: Lu-ca 3).

6:6 NASB "biết rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài"
NKJV "biết rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài"
NRSV "biết rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài"
TEV "biết rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài trên thập tự"
JB "Chúng ta phải nhận biết rằng người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh với Ngài"

Đây là thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVE) có nghĩa là "con người cũ của chúng ta đã bị đóng đinh bởi Thánh Linh một lần đủ cả." Lẽ thật này rất hệ trọng cho một đời sống Cơ đốc đắc thắng. Người tin Chúa phải nhận biết rằng mối liên hệ mới của họ đối với tội lỗi (Ga-la-ti 2:20; 6:14). Con người sa ngã cũ (bản tính A-đam) đã chết với Đấng Christ (câu 7; Ê-phê-sô 4:22 và Cô-lô-se 3:9). Là người tin Chúa chúng ta có lựa chọn về vấn đề tội lỗi như A-đam từ ban đầu đã có.

▣ **NASB, NKJV "để thân thể tội lỗi bị bỏ đi"**
NRSV "để thân thể tội lỗi bị tiêu diệt đi"
TEV "để quyền lực của bản ngã tội lỗi bị tiêu diệt đi"
JB "để tiêu diệt thân thể tội lỗi"

Phao-lô dùng chữ "thân thể" (*soma*) với một số cụm từ SỞ HỮU

1. Thân thể của tội lỗi, Rô-ma 6:6
2. Thân thể của sự chết, Rô-ma 7:24
3. Thân thể của xác thịt, Cô-lô-se 2:11

Phao-lô đang nói đến cuộc sống thuộc thể của đời tội lỗi và nổi loạn này. Thân thể mới sau khi sống lại của Chúa Jêsus là thân thể của đời mới, công bình (II Cô-rinh-tô 5:17). Sự thuộc về thân thể này không phải là vấn đề (triết lý Hy-lạp), nhưng vấn đề là tội lỗi và sự nổi loạn. Thân thể này không xấu. Cơ đốc giáo khẳng định niềm tin vào một thân thể vật chất trong cõi đời đời (I Cô-rinh-tô 15). Tuy vậy, thân thể vật chất này là chiến trường của tội lỗi, cám dỗ và bản ngã.

Đây là thể BÀN THÁI CÁCH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE SUBJUNCTIVE). Cụm từ "bỏ đi" có nghĩa là "làm cho không hoạt động được," "làm cho không có sức mạnh," "làm cho không có kết quả," <u>không phải</u> có nghĩa là "tiêu diệt." Đây là một từ Phao-lô rất thích sử dụng, được dùng hơn 25 lần. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:3. Thân thể vật chất của chúng ta trung dung về đạo đức, nhưng nó cũng là chiến trường cho các mâu thuẫn thuộc linh kéo dài (câu 12-13; 5:12-21; 12:1-2).

6:7 "ai đã chết thì được thoát khỏi tội lỗi" Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE PARTICIPLE) và thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT

PASSIVE INDICATIVE), có nghĩa là "ai đã chết thì đã và tiếp tục sẽ được thoát khỏi tội lỗi." Bởi vì người tin Chúa là tạo vật mới trong Đấng Christ, họ đã và sẽ tiếp tục được giải phóng khỏi nô lệ tội lỗi và bản ngã thừa hưởng từ sự sa ngã của A-đam (câu 7:1-6).

Thuật ngữ Hy-lạp dịch là "giải phóng" là thuật ngữ dịch là "xưng công bình" (bản ASV) trong những đoạn mở đầu. Trong ngữ cảnh này, "được giải phóng" hợp nghĩa hơn (cách dùng tương tự trong Công-vụ 13:38). Nên nhớ ngữ cảnh quyết định ý nghĩa của từ, không phải định nghĩa trong tự điển hay một thuật ngữ chuyên môn có sẵn. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong câu và câu chỉ có ý nghĩa theo đoạn văn.

6:8-11 (BẢN NASB)
8 **Vả, nếu chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ, thì chúng ta tin rằng mình cũng sẽ sống lại với Ngài,** 9 **bởi biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, thì chẳng chết nữa; sự chết không còn cai trị trên Ngài.** 10 **Vì nếu Ngài đã chết, ấy là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng hiện nay Ngài sống, ấy là sống cho Đức Chúa Trời.** 11 **Vậy anh em cũng hãy coi mình như chết về tội lỗi và như sống cho Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ.**

6:8 "Nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Báp têm của người tin Chúa minh họa sự đồng chết với Đấng Christ.

▣ **"chúng ta cũng sẽ đồng sống với Ngài"** Ngữ cảnh này cần một tầm nhìn "tại đây, ngay bây giờ" (I Giăng 1:7), chứ không chỉ tập trung hoàn toàn vào bối cảnh tương lai. Câu 5 nói đến sự chúng ta cùng chết với Ngài, và câu 8 nói đến sự chúng ta đồng sống với Ngài. Đây cũng là mâu thuẫn hiện diện trong khái niệm Vương quốc Đức Chúa Trời theo Kinh thánh. Nó nói đến cả giai đoạn tại đây, ngay bây giờ, và giai đoạn tương lai. Ân điển miễn phí phải sinh ra sự tiết độ, chứ không phải là cấp giấy phép để làm điều ác.

6:9 "đã được sống lại từ trong kẻ chết" Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE PARTICIPLE) (xem 6:4; CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ).

Tân ước khẳng định cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều hành động trong sự sống lại của Chúa Jêsus: (1) Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:11); (2) Đức Chúa Con (Giăng 2:19-22; 10:17-18); và nhiều nhất là (3) Đức Chúa Cha (Công-vụ 2:24,32; 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9). Hành động của Đức Chúa Cha khẳng định sự chấp nhận của Ngài về đời sống, sự chết và lời dạy của Chúa Jêsus. Đây là phương diện chính yếu trong sự dạy dỗ của các sứ đồ. Xin xem Chủ đề đặc biệt *Kerygma ở* câu 2:14.

▣ **NASB** **"sự chết không còn làm chủ trên Ngài"**
NKJV, NRSV **"sự chết không còn thống trị Ngài"**
TEV **"sự chết không còn cai trị trên Ngài"**
NJB **"sự chết không còn quyền lực trên Ngài nữa"**

ĐỘNG TỪ *kurieuo* xuất phát từ chữ *kurios*, có nghĩa là "chủ," "chồng," "chúa," Chúa Jêsus bây giờ là Chúa trên sự chết (Khải huyền 1:18). Chúa Jêsus là Đấng đầu tiên bẻ gãy quyền lực của sự chết (I Cô-rinh-tô 15)!

6:10 "vì sự chết mà Ngài chết, là chết cho tội lỗi" Chúa Jêsus đã sống trong một thế giới tội lỗi và mặc dù Ngài chưa hề phạm tội, thế giới phạm tội này đã đóng đinh Ngài (Hê-bơ-rơ 10:10). Sự chết đền tội của Chúa cho nhân loại đã hủy bỏ đòi hỏi của Luật pháp và hậu quả của nó trên con người (Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 2:13-14).

▣ **"một lần đủ cả"** Trong ngữ cảnh này, Phao-lô đang nhấn mạnh đến sự Chúa Jêsus chịu đóng đinh. Cái chết một lần của Ngài cho tội lỗi ảnh hưởng lên sự chết cho tội lỗi của những người theo Ngài.

Sách Hê-bơ-rơ cũng nhấn mạnh tính tối hậu của sự chết hy sinh một lần của Chúa Jêsus. Sự cứu rỗi và tha thứ chỉ một lần là điều được chu toàn đời đời ("chỉ một" [*ephapax*], 7:27; 9:12; 10:10 và "một lần đủ cả" [*hapax*], 6:4; 9:7,26,27,28; 10:2; 12:26,27). Đây là sự xác nhận hy sinh đã hoàn tất thường tái diễn.

▣ **"nhưng cuộc sống mà Ngài đang sống, là sống cho Đức Chúa Trời"** Hai động từ ở thì QUÁ KHỨ trong câu 10a tương phản với hai động từ ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI trong câu 10b. Người tin Chúa chết với Đấng Christ; người tin Chúa sống cho Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Mục đích của Phúc âm không chỉ là sự tha tội (xưng công bình), nhưng là sự phục vụ Đức Chúa Trời (nên thánh). Người tin Chúa được cứu để phục vụ Chúa.

6:11 "hãy xem mình như chết về tội lỗi" Đây là thể MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) IMPERATIVE). Đây là mệnh lệnh liên tục như thói quen cho người tin Chúa. Sự hiểu biết của các Cơ đốc nhân về công việc của Đấng Christ thay cho họ rất quan trọng trong cuộc sống thường ngày. Chữ "xem mình" (câu 4:4,9) là thuật ngữ kế toán có nghĩa là "cẩn thận cộng vào" và làm theo hiểu biết đó. Câu 1-11 cho biết vị trí của một người trong Đấng Christ (nên thánh địa vị) trong khi câu 12-13 nhấn mạnh đến cuộc sống hằng ngày với Chúa (nên thánh thực nghiệm). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 4.

6:12-14 (BẢN NASB)
Vậy, chớ để tội lỗi cai trị trong xác hay chết của anh em, và chớ chiều theo tư dục nó. 13 **Chớ nộp chi thể mình cho tội lỗi, như là đồ dùng gian ác, nhưng hãy phó chính mình anh em cho Đức Chúa Trời, dường như đã chết mà nay trở nên sống, và dâng chi thể mình cho Đức Chúa Trời như là đồ dùng về sự công bình.** 14 **Vì tội lỗi không cai trị trên anh em đâu; bởi anh em chẳng thuộc dưới luật pháp, mà thuộc dưới ân điển.**

6:12 "Vậy chớ để tội lỗi cai trị trong xác hay chết của anh em" Câu này ở thể MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE), có nghĩa là phải ngưng hành động đang diễn ra. Chữ "cai trị" liên hệ đến câu 5:17-21 và 6:23. Phao-lô nhân cách hóa một số khái niệm thần học: (1) sự chết cai trị như một ông vua (5:14,17,21; 6:23); (2) ân điển cai trị như một vị vua (câu 5:21); và (3) tội lỗi cai trị như vua (6:12,14). Câu hỏi thật sự là ai đang cai trị trong cuộc sống của bạn? Người tin Chúa có năng quyền từ Đấng Christ để lựa chọn! Thảm trạng cho một cá nhân, một Hội thánh, và vương quốc của Đức Chúa Trời là khi người tin Chúa chọn bản ngã và tội lỗi, ngay cả khi tuyên bố ân điển cai trị trong đời sống mình!

6:13 "đừng tiếp tục nộp chi thể mình cho tội lỗi" Đây là thể MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH có nghĩa là phải ngưng hành động đang diễn ra. Điều này cho thấy tiềm năng của tội lỗi trong đời sống của người tin Chúa (câu 7:1 và tiếp sau; I Giăng 1:8-2:1). Nhưng nhu cầu cần tội lỗi đã bị xóa đi trong mối liên hệ của người tin Chúa với Đấng Christ, câu 1-11.

▣ **"như là đồ dùng"** Chữ này chỉ về các vũ khí của một người lính. Thân thể vật chất của chúng ta là chiến trường của những cám dỗ (câu 12-13; 12:1-2; I Cô-rinh-tô 6:20; Phi-líp 1:20). Cuộc sống của chúng ta công khai bày tỏ Tin lành.

▣ **"nhưng hãy phó chính mình anh em cho Đức Chúa Trời"** Đây là thể MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) là lời kêu gọi một hành động dứt khoát. Người tin Chúa làm điều này khi tin Chúa bằng đức tin nhưng họ phải tiếp tục làm điều này trọn cuộc đời của họ.

Để ý những vế song song trong câu này.

1. Cùng ĐỘNG TỪ và cả hai đều ở thể MỆNH LỆNH
2. Các hình ảnh về chiến trận
   a. Vũ khí của sự không công bình
   b. Vũ khí của sự công bình

3. Người tin Chúa nộp mình cho tội lỗi hay cho Đức Chúa Trời
Nên nhớ, câu này nói đến những người tin Chúa- sự lựa chọn vẫn còn đó; cuộc chiến vẫn tiếp diễn!

6:14 "Vì tội lỗi không còn cai trị trên anh em" Đây là thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG TƯƠNG LAI (FUTURE ACTIVE INDICATIVE) (Thi thiên 19:13) làm nhiệm vụ như một MỆNH LỆNH, "tội lỗi không được làm chủ trên anh em!" Tội lỗi không còn cai trị trên người tin Chúa vì nó không phải là ông chủ trên Đấng Christ (câu 9; Giăng 16:33).

6:15-19 (BẢN NASB)
15 **Vậy thì làm sao! Vì chúng ta không thuộc dưới luật pháp, nhưng thuộc dưới ân điển, thì chúng ta sẽ phạm tội hay sao? Chẳng hề như vậy!** 16 **Anh em há chẳng biết rằng nếu anh em đã nộp mình làm tôi mọi đặng vâng phục kẻ nào, thì là tôi mọi của kẻ mình vâng phục, hoặc của tội lỗi đến sự chết, hoặc của sự vâng phục để được nên công bình hay sao?** 17 **Nhưng, tạ ơn Đức Chúa Trời, vì sau khi anh em làm tôi mọi tội lỗi, thì đã từ lòng vâng phục đạo lý là sự đã ban làm mực thước cho mình!** 18 **Vậy, anh em đã được buông tha khỏi tội lỗi, trở nên tôi mọi của sự công bình rồi.**19 **Tôi nói theo cách loài người, vì xác thịt của anh em là yếu đuối. Vậy, anh em từng đặt chi thể mình làm tôi sự ô uế gian ác đặng làm tội ác thể nào, thì bây giờ, hãy đặt chi thể mình làm tôi sự công bình đặng làm nên thánh cũng thể ấy.**

6:15 Câu hỏi giả định thứ hai này rất giống với câu 6:1. Cả hai đều nhằm trả lời câu hỏi về mối liên hệ giữa Cơ đốc nhân và tội lỗi. Câu 1 nói đến ân điển không được dùng như một tấm bằng để phạm tội trong khi câu 15 nói đến nhu cầu của Cơ đốc nhân cần chiến đấu, hay chống lại từng hành động tội lỗi một. Thêm vào đó, người tin Chúa phải phục vụ Đức Chúa Trời hôm nay với cùng nhiệt tâm như họ đã phục vụ tội lỗi khi trước (6:14).

▣ **NASB, NKJV, TEV "chúng ta sẽ phạm tội hay sao"**
TEV "chúng ta sẽ phạm tội hay sao"
JB "để chúng ta tự do phạm tội"

Bản Williams and Phillips dịch thể BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ là BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI giống như trong câu 1. Đây không phải là trọng tâm thích hợp. Để ý những bản dịch khác (1) KJV, ASV, NIV - "chúng ta sẽ phạm tội sao?"; (2) Bản Centenary - "chúng ta sẽ phạm hành động tội lỗi sao?"; (3) RSV- "chúng ta phải phạm tội sao?" Câu hỏi này được nhấn mạnh trong bản Hy-lạp và mong đợi câu trả lời, 'đúng vậy.' Đây là cách Phao-lô dùng lối diễn luận phản biện (diatribe) để trình bày lẽ thật. Câu này diễn tả một thần học sai lầm! Phao-lô trả lời bằng cách rất Phao-lô của ông "Chẳng hề như vậy." Phúc âm của Phao-lô về một ân điển miễn phí cấp tiến đã bị hiểu lầm và các giáo sư giả lạm dụng.

6:16 Câu hỏi mong đợi câu trả lời, 'vâng.' Con người bằng cách này hay cách khác phục vụ một ai đó hay một điều gì đó. Ai đang cai trị cuộc sống của bạn, tội lỗi hay là Đức Chúa Trời? Người mà con người vâng lời là người mà họ phục vụ (Ga-la-ti 6:7-8).

6:17 "Nhưng tạ ơn Đức Chúa Trời" Phao-lô bật lên lời cảm tạ Chúa. Các thư tín của ông tuôn chảy từ những lời cầu nguyện của ông và những lời cầu nguyện của ông tuôn chảy từ hiểu biết của ông về Phúc âm. Xin xem Chủ đề đặc biệt "Lời cầu nguyện, Cảm tạ và Ngợi khen của Phao-lô" ở câu 7:25.

▣ **"anh em từ….anh em trở nên"** Đây là thì QUÁ KHỨ CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT) của động từ "là," diễn tả tình trạng hiện diện trong quá khứ (nô lệ cho tội lỗi) theo sau bởi thì QUÁ KHỨ khẳng định tình trạng nổi loạn của họ đã chấm dứt.

▣ **"Anh em vâng phục đạo lý từ trong lòng"** Theo ngữ cảnh, câu này chỉ sự xưng công bình bởi đức tin, là điều phải dẫn đến đời sống giống với Đấng Christ càng hơn. Chữ "đạo lý" nói đến sự giảng dạy của các sứ đồ hay Phúc âm.

▣ **"lòng"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:24.

▣ **NASB "dạng đạo lý mà anh em đã được giao phó"**
NKJV "dạng đạo lý đã được đem đến cho anh em"
NRSV "dạng đạo lý mà anh em đã được giao phó"
TEV "lẽ thật trong đạo lý mà anh em đã nhận"
NJB "dạng đạo lý đã giới thiệu cho anh em"

Vấn đề của chữ *tupos* (dạng thức), có một số cách sử dụng khác nhau.

1. Sách của Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, trang 645 chép như sau:
   a. Mẫu
   b. Kế hoạch
   c. Dạng hay cách viết
   d. Chiếu chỉ
   e. Câu hay quyết định
   f. Mẫu thân thể con người dâng làm tế lễ cho thần chữa lành
   g. Động từ dùng với ý nghĩa củng cố các điều răn trong luật pháp
2. Sách của Louw và Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 2, trang 249 cho biết:
   a. Vết sẹo (Giăng 20:25)
   b. Ảnh tượng (Công-vụ 7:43)
   c. Mẫu (Hê-bơ-rơ 8:5)
   d. Ví dụ (I Cô-rinh-tô 10:6; Phi-líp 3:17)
   e. Nguyên mẫu (Rô-ma 5:14)
   f. Loại (Công-vụ. 23:25)
   g. Nội dung (Công-vụ. 23:25)
3. Sách của H.K. Moulton, *The Analytical Greek Lexison Revised*, trang 411 chép như sau:
   a. Một tiếng còi thổi, một ấn tượng, một dấu ấn (Giăng 20:25)
   b. Sự phát họa
   c. Một ảnh tượng (Công-vụ 7:43)
   d. Một phương thức (Rô-ma 6:17)
   e. Một dạng thức (Công-vụ. 23:25)
   f. Một hình ảnh, một bản đối chiếu (I Cô-rinh-tô 10:6)
   g. Một hình ảnh, một thể loại được mong đợi (Rô-ma 5:14; I Cô-rinh-tô 10:11)
   h. Một dạng mẫu (Công-vụ. 7:44; Hê-bơ-rơ 8:5)
   i. Một mẫu đạo đức (Phi-líp 3:17; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:9; I Ti-mô-thê 4:12; I Phi-e-rơ 5:3)

Theo ngữ cảnh, chọn lựa (i) bên trên là hợp lý nhất. Phúc âm chứa đựng cả tín lý và những hàm ý về lối sống. Món quà cứu rỗi miễn phí trong Đấng Christ đòi hỏi một cuộc sống giống như Ngài!

6:18 "đã được giải phóng khỏi tội lỗi" Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE PARTICIPLE). Phúc âm đã giải phóng người tin Chúa qua trung gian Đức Thánh Linh bởi công tác của Đấng Christ. Những người tin Chúa đã được giải phóng khỏi hình phạt của tội lỗi (xưng công bình) và khỏi sự cai trị độc ác của tội lỗi (được nên thánh, câu 7 và 22).

▣ **"anh em trở nên nô lệ của sự công bình"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVE), "anh em trở nên nô lệ cho sự công bình." Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17. Những người tin Chúa được giải phóng khỏi tội lỗi để phục vụ Đức Chúa Trời (câu 14,19,22; 7:4; 8:2)! Mục đích của ân điển miễn phí là nếp sống tin kính. Sự xưng công bình vừa là sự công bố pháp lý vừa là

động lực giúp con người sống công bình. Đức Chúa Trời muốn cứu chúng ta và thay đổi chúng ta để chúng ta có thể vươn ra đến những người khác nữa! Ân điển không ngừng ngay nơi chúng ta!

6:19 "Tôi nói theo cách loài người vì xác thịt anh em là yếu đuối" Phao-lô đang nói với những người tin Chúa tại Rô-ma. Ông đang nói đến một vấn đề của Hội thánh địa phương mà ông nghe nói đến (sự ganh tị giữa vòng người Giu-đa và người tin Chúa người ngoại), hay là ông đang khẳng định một lẽ thật cho tất cả những người tin Chúa? Ông đã dùng cụm từ này trước đó trong Rô-ma 3:5 và cũng dùng trong Ga-la-ti 3:15.

Câu 19 tương ứng với câu 16. Phao-lô lặp lại điểm thần học này để nhấn mạnh.

Một số cho rằng cụm từ này có nghĩa là Phao-lô đang xin lỗi vì sử dụng hình ảnh nô lệ. Tuy nhiên, những chữ "vì xác thịt anh em là yếu đuối" không hợp với cách diễn giải này. Chế độ nô lệ không được xem là một điều gian ác trong thế kỷ đầu tiên, đặc biệt là ở Rô-ma. Nó đơn giản chỉ là văn hóa của thời đó.

▣ **"đem đến sự nên thánh"** Đây là mục đích của sự xưng công bình (câu 22). Tân ước dùng chữ này với hai ý nghĩa thần học liên hệ đến sự cứu rỗi: (1) nên thánh địa vị, món quà Đức Chúa Trời ban cho (phương diện khách quan) khi được cứu cùng với sự xưng công bình bởi đức tin nơi Đấng Christ (Công-vụ. 26:18; I Cô-rinh-tô 1:2; 6:11; Ê-phê-sô 5:26-27; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; Hê-bơ-rơ 10:10; 13:12; I Phi-e-rơ 1:2) và (2) nên thánh thực nghiệm cũng là công tác của Đức Chúa Trời qua Thánh Linh bởi đó đời sống của người tin Chúa được biến đổi trở nên giống với ảnh tượng và sự trưởng thành của Đấng Christ (phương diện chủ quan, II Cô-rinh-tô 7:1; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3,7; I Ti-mô-thê 2;15; II Ti-mô-thê 2:21; Hê-bơ-rơ 12:10,14). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 6:4.

Nó vừa là một món quà, vừa là một mạng lệnh! Nó vừa là một vị trí (khách quan) vừa là một hoạt động (chủ quan)! Nó là thể CHỈ ĐỊNH (một câu nói) và cũng là thể MỆNH LỆNH (một mạng lệnh)! Nó bắt đầu từ lúc ban đầu nhưng mãi đến cuối mới trưởng thành (Phi-líp 1:6; 2;12-13).

6:20-23 (BẢN NASB)
20 Vả, khi anh em còn làm tôi mọi tội lỗi, thì đối với sự công bình anh em được tự do. 21 Thế thì anh em đã được kết quả gì? Ấy là quả mà anh em hiện nay đương hổ thẹn; vì sự cuối cùng của những điều đó tức là sự chết. 22 Nhưng bây giờ đã được buông tha khỏi tội lỗi và trở nên tôi mọi của Đức Chúa Trời rồi, thì anh em được lấy sự nên thánh làm kết quả, và sự sống đời đời làm cuối cùng. 23 Vì tiền công của tội lỗi là sự chết; nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đức Chúa Jêsus Christ, Chúa chúng ta.

6:20-21 Câu này chỉ nêu lên sự tương phản với câu 18,19. Những người tin Chúa chỉ hầu việc một người chủ mà thôi (Lu-ca 16:13).

6:22-23 Những câu này hình thành một sự phát triển lôgíc về việc người làm công được trả công bởi người mình phục vụ. Cám tạ Đức Chúa Trời bài diễn luận về tội lỗi và người tin Chúa chấm dứt ở trọng tâm ân điển! Đầu tiên là món quà cứu rỗi qua sự hợp tác của chúng ta, và sau là món quà đời sống Cơ đốc, cũng qua sự hợp tác của chúng ta. Cả hai đều là món quà nhận được bởi đức tin và sự ăn năn.

6:22 "anh em lấy sự nên thánh làm kết quả, và sự sống đời đời làm cuối cùng" Từ 'kết quả,' theo nghĩa đen là "quả" dùng trong câu 21 để nói đến hậu quả của tội lỗi, nhưng trong câu 22 nói đến kết quả của sự phục vụ Đức Chúa Trời. Kết quả tức thời là sự giống với Đấng Christ của người tin Chúa. Kết quả cuối cùng là được ở với Chúa và giống với Ngài đời đời (I Giăng 3:2). Nếu không có một kết quả tức thời nào (tức là đời sống được thay đổi, Gia-cơ 2), thì kết quả cuối cùng bị nghi vấn là rất có lý (sự sống đời đời, Ma-thi-ơ 7). "Không có trái, vì không có rễ!"

6:23 Đây là câu tóm tắt toàn bộ chương này. Phao-lô vẽ ra bức tranh rất rõ ràng như trắng và đen. Sự lựa chọn là thuộc về chúng ta- tội lỗi và sự chết hay là ân điển miễn phí qua Đấng Christ và sự sống đời đời. Điều này rất giống với "hai con đường" trong văn chương khôn ngoan của Cựu ước (Thi thiên 1; Châm ngôn 4; 10-19; Ma-thi-ơ 7:13-14).

▣ **"tiền công của tội lỗi"** Tội lỗi được nhân cách hóa thành (1) người chủ nô lệ; (2) vị tướng trong quân đội; hay (3) ông vua trả tiền công (3:9; 5;21; 6:9,14,17).
▣ **"món quà miễn phí của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời"** Chữ này dịch là "món quà miễn phí" *charisma*, cũng có cùng gốc với chữ ân điển (*charis*, 3:24; 5:15,16,17; Ê-phê-sô 2:8-9). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:24.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Việc tốt lành và sự cứu rỗi liên hệ với nhau như thế nào (Ê-phê-sô 2:8-9, 10)?
2. Sự tiếp tục phạm tội trong đời sống của người tin Chúa liên hệ đến sự cứu rỗi như thế nào (I Giăng 3:6,9)?
3. Có phải chương này dạy về "sự hoàn hảo vô tội?"
4. Chương 6 liên hệ như thế nào đến chương 5 và 7?
5. Tại sao lại bàn đến báp têm ở đây?
6. Người Cơ đốc có giữ lại bản chất cũ không? Tại sao?
7. Có thể rút ra kết luận gì khi có sự hiện diện của một loạt động từ ở thì HIỆN TẠI trong câu 1-14, và một loạt động từ ở thì QUÁ KHỨ trong câu 15-23?

RÔ-MA ĐOẠN 7

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Một ví dụ tương đồng lấy từ hôn nhân	Được giải phóng khỏi Luật pháp	Một ví dụ tương đồng lấy từ hôn nhân	Một minh họa trong hôn nhân	Người Cơ đốc không bị trói buộc bởi luật pháp
7:1-6	7:1-6	7:1-3 7:4-6	7:1-6	7:1-6
Vấn đề tội lỗi ở bên trong	Tội lỗi nhân dịp trong luật pháp	Luật pháp và Tội lỗi	Luật pháp và Tội lỗi	Chức năng của luật pháp
7:7-12	7:7-12	7:7-12	7:7-11	7:7-8 7:9-11
	Luật pháp không thể cứu khỏi tội lỗi		7:12-13	7:12-13
7:13-25	7:13-25	7:13		
		Sự mâu thuẫn bên trong	Sự mâu thuẫn trong một con người	Phần thưởng của sự tranh đấu
		7:14-20 7:21-25a	7:14-20 7:21-25a	7:14-20 7:21-23 7:24-25a
		7:25b	7:25b	7:25b

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương 7 phải được giải nghĩa (1) trong sự soi sáng của chương 6, đặc biệt là câu 12-14 (cũng như 3:20, 21-31; 4:13-16; 5:20), tuy nhiên, (2) nó cũng phải liên hệ đến căng thẳng trong Hội thánh Rô-

ma giữa những người tin Chúa người ngoại và người tin Chúa người Do Thái, là điều chúng ta thấy trong chương 9-11. Bản chất thật của vấn đề không được nói rõ; nó có thể là:

1. Tính quá chú trọng luật pháp dựa trên luật Môi-se
2. Những người theo đạo Giu-đa đặt Môi-se trên Đấng Christ
3. Hiểu biết sai lầm về cách Phúc âm phải áp dụng thế nào cho người Do Thái
4. Hiểu sai về mối liên hệ giữa giao ước mới và giao ước cũ
5. Sự ganh tị trong hàng lãnh đạo Do Thái và người ngoại khi hàng lãnh đạo người ngoại thay thế trong thời hoàng đế ra chiếu chỉ, ra lệnh cấm chỉ các cuộc tụ tập và hành lễ của người Do Thái tại Rô-ma. Nhiều người Do Thái tin Chúa cũng đã rời đó.

B. Rô-ma 7:1-6 tiếp tục sử dụng ngôn ngữ hình bóng trong chương 6 nói về mối liên hệ giữa Cơ đốc nhân và nếp sống cũ. Những hình ảnh dùng ở đây là:
   1. Sự chết và sự buông tha khỏi chế độ nô lệ và đi qua người chủ mới (chương 6)
   2. Sự chết và buông tha khỏi các ràng buộc trong hôn nhân (chương 7)

C. Chương 6 và 7 có sự tương ứng về chữ nghĩa; chương 6 nói đến mối liên hệ của người tin Chúa với 'tội lỗi' trong khi chương 7 nói đến mối liên hệ của người tin Chúa và 'luật pháp' Sự so sánh tương đồng của sự chết giải phóng một nô lệ (6:12-13) tương ứng với sự chết giải phóng sự ràng buộc trong hôn nhân (7:1-6).

Chương 6	Chương 7
6:1 "tội lỗi"	7:1 "luật pháp"
6:2 "chết với tội lỗi"	7:4 "chết với luật pháp"
6:4 "để chúng ta bước đi trong đời sống mới"	7:6 "để chúng ta phục vụ trong tinh thần mới"
6:7 "người đã chết thì được giải phóng khỏi tội lỗi"	7:6 "chúng ta đã được giải phóng khỏi luật pháp, đã chết với điều chúng ta đã từng bị cầm giữ"
6:18 "được giải phóng khỏi tội lỗi"	7:3 "được giải phóng khỏi luật pháp"

(trích từ sách của Anders Nygren's *Commentary on Romans*, dịch bởi Carl C. Rassmussen, trang 268)

D. Luật pháp và những điều răn là một án tử hình. Mọi người đều bị kết tội dưới luật pháp (Rô-ma 6:14; 7:4; Ga-la-ti 3:13; Ê-phê-sô 2:15; Cô-lô-se 2:14). Luật pháp là một lời nguyền.

E. Có 4 thuyết chính nói về cách giải nghĩa Rô-ma 7:
   1. Phao-lô đang nói về chính ông (tiểu sử tự sự)
   2. Phao-lô đang nói như một đại diện cho cả nhân loại (đại diện, Chysostom)
   3. Phao-lô đang nói về kinh nghiệm của A-đam (Theodore thuộc Mopsuetia)
   4. Phao-lô đang nói về kinh nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên.

F. Ở nhiều khía cạnh, Rô-ma 7 giống với Sáng-thế-ký 3. Nó cho thấy sự kéo đi xuống trong sự nổi loạn đối với những người biết Đức Chúa Trời. Kiến thức không thể giải phóng con người hư hoại; chỉ có ân điển của Đức Chúa Trời, một tấm lòng mới mới có thể làm được điều này (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:26-27). Và ngay cả khi đã có như vậy, cuộc tranh chiến vẫn tiếp diễn!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

7:1-3 (BẢN NASB)
1 Hỡi anh em (vì tôi nói với những kẻ biết luật pháp), vậy anh em há chẳng biết rằng luật pháp chỉ cai trị người ta khi còn sống hay sao? 2 Cho nên, đờn bà có chồng, hễ chồng còn sống bao lâu, thì luật pháp buộc phải theo chồng bấy lâu; nhưng nếu chồng chết, thì người vợ được thoát khỏi luật pháp đã buộc mình với chồng. 3 Vậy nếu đương lúc chồng còn sống, mà vợ đi lấy người khác, thì phải bị kêu là đờn bà ngoại tình; nhưng nếu chồng chết, thì vợ được buông tha khỏi luật pháp, dầu lấy người khác cũng chẳng phải là đờn bà ngoại tình vậy.

7:1 "(vì tôi nói với những kẻ biết luật pháp)" Điều này có thể nói đến (1) những người Do Thái tin đạo; (2) mâu thuẫn giữa người Do Thái và người ngoại quốc tin đạo trong Hội thánh Rô-ma; (3) luật pháp nói chung đối với toàn nhân loại (2:14-15); hay là (4) những người ngoại quốc mới tin đạo và đang tập tành trong đức tin mới (học đạo) từ Kinh thánh Cựu ước.

▣ **"luật pháp"** Đây là điểm xoáy trọng tâm của chương này (câu 1,2,4,5,6). Tuy nhiên, Phao-lô dùng từ này trong một số ý nghĩa khác nhau. Dường như điều Phao-lô bàn luận ở đây xuất phát từ câu 6:14. Lối trình bày của ông song song với cấu trúc của chương 6. Luật pháp và mối liên hệ với Giao ước mới trong Đấng Christ cũng được bàn đến trong câu 3:21-31 và 4:13-16.

▣ **NASB "luật pháp có quyền khi người ta còn sống"**
NKJV "luật pháp cai trị khi người ta còn sống"
NRSV "luật pháp ràng buộc một người chỉ trong lúc họ sống"
TEV "luật pháp cai trị khi người ta sống"
JB "luật pháp ảnh hưởng chỉ trong quãng đời của một người"

Điều này theo nghĩa đen là "làm chúa trên" (*kurieuo*, 6:9,14). Luật Môi-se vừa là một phước lớn (Thi thiên 19, 119), vừa là một lời nguyền ghê sợ (Ga-la-ti 3:13; Ê-phê-sô 2:15; Cô-lô-se 2:14). Một khi đã chết về thể chất, những ràng buộc đối với luật pháp đều chấm dứt. Đây cũng là hình ảnh dùng trong chương 6 nói về sự chết của người tin Chúa đối với tội lỗi.

7:2 "đối với đàn bà có chồng" Đây là minh họa chính của Phao-lô trong câu 1-6. Trong chương 6 ông nói đến sự chết chấm dứt ràng buộc của một người nô lệ. Ở chương này, hôn nhân và ràng buộc của nó là trọng tâm. Minh họa này bị đảo ngược bởi vì người chồng chết đi để người vợ có thể tái giá, trong khi trong ví dụ của Phao-lô, người tin Chúa chết đi, và vì vậy, được sống lại với Đức Chúa Trời.

▣ **"người được thoát khỏi"** Đây cũng là ĐỘNG TỪ dùng trong câu 6:6, có nghĩa là "làm cho không còn hoạt động," "làm cho vô ích," "hủy đi." Trong câu 6:6, nó ở thì QUÁ KHỨ THỤ ĐỘNG, trong khi tại đây nó ở thì HOÀN THÀNH THỤ ĐỘNG, có nghĩa là đã và sẽ tiếp tục được thoát khỏi." Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:3.

7:3 "người sẽ bị gọi là tà dâm" Lời bình này liên hệ đến tranh cãi của người Do Thái về trường phái Shammai và Hillel về Phục truyền 24:1-4; đặc biệt là những "điều không khuôn phép." Trường phái Hillel là nhóm tự do cho phép ly dị với bất cứ lý do gì. Trường phái Shammai là nhóm bảo thủ chỉ cho phép ly dị trong trường hợp tà dâm hay những điều không phải phép về tính dục (Ma-thi-ơ 5:32; 19:9).

7:4-6 (BẢN NASB)
4 **Hỡi anh em ta, anh em cũng như vậy, bởi thân thể của Đấng Christ, anh em đã chết về luật pháp, đặng thuộc về người khác, tức là người đã từ kẻ chết sống lại, hầu cho chúng ta được kết quả cho Đức Chúa Trời.**5 **Vì khi chúng ta còn sống theo xác thịt, thì các tình dục xấu xa bị luật pháp xui khiến, hành động trong chi thể chúng ta và kết quả cho sự chết.** 6 **Nhưng bây giờ chúng ta đã chết về luật pháp, là điều bắt buộc mình, thì được buông tha khỏi luật pháp đặng hầu việc Đức Chúa Trời theo cách mới của Thánh Linh, chớ không theo cách cũ của văn tự.**

7:4 "anh em cũng đã chết" Đây là trọng tâm của phân đoạn này. Nó liên hệ đến hình ảnh trong chương 6 nói về Cơ đốc nhân chết với tội lỗi, giống với Đấng Christ. Người tin Chúa là các tạo vật mới trong Ngài, trong thời đại mới của Thánh Linh (II Cô-rinh-tô 5;17).

▣ **"bởi thân thể của Đấng Christ"** Ở đây không nói đến ý nghĩa thần học về thân thể Đấng Christ (I Cô-rinh-tô 12:12,27), nhưng nói đến thân thể vật chất của Đấng Christ như trong 6:3-11 nói đến khi nào và nơi nào Chúa đã chết, thì người tin Chúa, qua phép báp têm, cũng chết với Ngài như vậy. Sự chết của

Ngài cũng là sự chết của họ (II Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20). Sự sống lại của Ngài đã giải phóng họ để phục vụ Đức Chúa Trời và những người xung quanh.

▣ **"để chúng ta kết quả cho Đức Chúa Trời"** Câu này cũng song song với chương 6, đặc biệt là câu 6:22. Những người tin Chúa được tự do qua Đấng Christ để từ đó lại buộc chính họ vào với Đấng Christ. Đây là hình ảnh cuộc hôn nhân vẫn cứ tiếp diễn. Đấng Christ đã chết cho những người tin Ngài, thì họ cũng phải chết với tội lỗi (II Cô-rinh-tô 5:13-14; Ga-la-ti 2:2). Giống như Đấng Christ sống lại, họ cũng sống lại đời sống thuộc linh mới để phục vụ Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:22).

7:5 NASB "vì lúc chúng ta còn trong xác thịt"
NKJV "vì lúc chúng ta còn trong xác thịt"
NRSV "khi chúng ta còn sống trong xác thịt"
TEV "khi chúng ta sống theo bản tính con người của mình"
JB "trước khi cải đạo"

Đây là câu tương phản với câu 4. Câu 4 nói đến kinh nghiệm của một người tin Chúa, cũng giống như câu 6. Câu 5 diễn tả 'kết quả' của đời sống không có năng quyền của Đức Chúa Trời (Ga-la-ti 5:18-24). Luật pháp chỉ cho người tin Chúa tội lỗi của họ (câu 7-9; Ga-la-ti 3:23-25), nhưng không thể ban cho họ năng lực để đắc thắng.

Trong văn cảnh, điều này chỉ bản tính tội lỗi, sa ngã của người tin Chúa thừa hưởng từ A-đam (6:19). Phao-lô dùng từ *sarx* trong hai cách khác nhau: (1) bản chất tội lỗi (con người cũ); và (2) thân thể vật chất (1:3; 4:1; 9:3,5). Ở đây nó có tính tiêu cực, nhưng hãy để ý Rô-ma 1:3; 4:1; 9:3,5; Ga-la-ti 2:20. Xác thịt/thân thể (*sarx/soma*) tự nó không phải là xấu, nhưng cũng giống như tâm trí (*nous*), nó là chiến trường , nơi đối đầu giữa các thế lực gian ác của đời này và Đức Thánh Linh. Phao-lô dùng những từ ngữ này giống với cách dùng của bản Bảy mươi, chứ không giống với văn chương Hy-lạp.

▣ **"là điều bị luật pháp *xui khiến*"** Khía cạnh nổi loạn trong bản chất con người này, là tính muốn phản ứng lại cách mạnh mẽ với bất cứ một giới hạn nào, là điều chúng ta đã thấy rất rõ trong Sáng-thế-ký 3 và trong mỗi con người. Luật pháp định các ranh giới (câu 7-8). Những ranh giới này là để bảo vệ con người, nhưng con người xem chúng như những xiềng xích và giới hạn. Bản tính tội lỗi, thích tự lập bị kích thích bởi luật pháp Đức Chúa Trời. Vấn đề không phải ở tại những giới hạn (luật pháp, câu 12-13), mà là ở bản tính tự lập và ý chí bản ngã của con người.

7:6 "nhưng bây giờ" Các học giả Newman và Nida trong cuốn *A Translalor's Handbook on Paul's Letter to the Romans*, có một lời bình khá thú vị. "Điều quan trọng là nên để ý đến những đối chiếu tương ứng giữa câu 5 và 6, và cùng lúc đó để ý đến sự liên hệ của chúng với những câu tiếp theo. Câu 5 diễn tả kinh nghiệm trước khi tin Chúa, tương đương với phân đoạn 7:7-25; câu 6 diễn tả cuộc sống hiện tại bằng đức tin dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh Đức Chúa Trời, tương ứng với phân đoạn 8:1-11" (trang 130).

▣ **"chúng ta đã được buông tha"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVE). Thể này đối lập với thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE). Qua sự chết của Đấng Christ Đức Chúa Trời giải phóng người tin Chúa khỏi (1) lời nguyền trong Cựu ước; (2) bản ngã tội lỗi bên trong. Họ đã liên tục bị trói buộc bởi hành động chống nghịch lại ý chỉ được bày tỏ ra của Đức Chúa Trời, bản chất hư hoại, tội cá nhân, và những cám dỗ siêu nhiên (Ê-phê-sô 2:2-3)!

▣ **"những sự mới…những sự cũ"** Phương diện thuộc linh mới này chỉ đến Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-32). Chữ 'mới' trong tiếng Hy-lạp (*kainos- kainotes*) được Phao lô dùng trong:

1. Đời mới, Rô-ma 6:4
2. Linh mới, Rô-ma 7:6
3. Giao ước mới, I Cô-rinh-tô 11:2; II Cô-rinh-tô 3:6

4. Tạo vật mới, II Cô-rinh-tô 5:17; Ga-la-ti 6:15
5. Người mới, Ê-phê-sô 2:15; 4:24

Chữ "cũ" áp dụng cho luật Môi-se có nghĩa là "hoàn toàn bị sờn nát." Phao-lô chỉ ra sự tương phản giữa giao ước cũ và giao ước mới, giống như tác giả sách Hê-bơ-rơ (8:7 và 13).

▣ NASB "đặng hầu việc theo cách mới của Thánh Linh"
NRSV "để chúng ta làm tôi mọi không phải trong luật lệ cũ nhưng trong đời mới theo Thánh Linh"
TEV "nhưng trong cách mới theo Thánh Linh"
JB "tự do để phục vụ trong cách thuộc linh mới"

Câu này theo nghĩa đen là, "trong sự mới mẻ thuộc linh." Không rõ điều này chỉ tâm linh đổi mới của con người hay là chỉ Đức Thánh Linh. Hầu hết các bản dịch Anh ngữ viết hoa chữ 'linh,' có nghĩa là Đức Thánh Linh, được giới thiệu một cách khá mơ hồ lần đầu trong Rô-ma 8 (15 lần). Chữ 'linh' có thể chỉ (1) tâm linh con người được đổi mới và được ban sức bởi Phúc âm hay (2) Đức Thánh Linh (Rô-ma 1:4,9; 2:29; 7:6; 8:15; 11:8; 12:11; I Cô-rinh-tô 2:11; 4:21; 5:3,4,5; 7:34; 14:15,16,32; 16:18).

Trong các thư tín của Phao-lô chữ 'xác thịt' và 'linh' thường tương phản nhau như hai cách suy nghĩ và sống hoàn toàn phân biệt (7:14; 8:4; Ga-la-ti 3:3; 5:16,17,25; 6:8). Cuộc sống thuộc thể không có Đức Chúa Trời là "xác thịt," nhưng cuộc sống có Đức Chúa Trời là "linh" hay "Thánh Linh." Đức Thánh Linh ngự trong lòng (8:9,11) sẽ biến đổi người tin Chúa thành tạo vật mới trong Đấng Christ (cả về phương diện địa vị và thực nghiệm)

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC VỀ BỐI CẢNH TRONG RÔ-MA 7:7-25

A. Rô-ma 7:7-25 bày tỏ thực trạng của con người. Toàn thể nhân loại, cả người được cứu và người bị hư mất, đều kinh nghiệm sự tranh đấu giữa thiện và ác trong thế giới và trong tâm trí của họ. Câu hỏi giải kinh ở đây là, "Phao-lô muốn chúng ta hiểu phân đoạn này như thế nào?" Nó phải liên hệ về ngữ cảnh đến đoạn 1:18-6:23 và 8:1-39. Một số xem nó như là điều tập trung vào toàn thể con người, và vì vậy, xem kinh nghiệm cá nhân của Phao-lô như một mô thức. Lối giải thích này gọi là "thuyết tự truyện." Phao-lô dùng chữ "tôi" mang ý phi cá nhân trong I Cô-rinh-tô 13:1-3. Cách dùng chữ "tôi" với ý phi cá nhân này cũng được tìm thấy trong các văn bản của các thầy rabi Do Thái. Nếu điều này đúng, thì phân đoạn này chỉ sự chuyển tiếp của con người từ tình trạng vô tội qua sự cáo tội đến sự cứu rỗi (chương 8), "thuyết đại diện."

Tuy nhiên, một số khác cho rằng những câu này liên quan đến một sự tranh chiến dữ dội của người tin Chúa với bản tính con người sa ngã của họ. Tiếng khóc đau đớn trong câu 24 diễn tả sự mâu thuẫn bên trong. Thì QUÁ KHỨ và thì CHƯA HOÀN THÀNH chiếm ưu thế trong câu 7-13, trong khi thì HIỆN TẠI và HOÀN THÀNH thống trị câu 14-25. Điều này có lẽ đặt tin tưởng vào "thuyết tự truyện" cho rằng Phao-lô đang diễn tả kinh nghiệm của chính ông từ sự vô tội, đến cáo tội, đến xưng công bình và quãng đường nên thánh thực nghiệm đầy tranh chiến (*autos ego*, "chính tôi," câu 25).

Có lẽ hai quan điểm này đều đúng. Trong câu 7-13 và 25b Phao-lô trình bày tự truyện trong khi câu 14-25a ông nói đến kinh nghiệm tranh đấu bên trong của mình với tội lỗi, như một đại diện cho tất cả những người được cứu. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng toàn bộ phân đoạn này phải được xem xét dựa trên hoàn cảnh trước khi được biến đổi của Phao-lô, một người theo Do Thái giáo một cách trung thành. Kinh nghiệm của Phao-lô đặc biệt cho riêng ông.

B. Luật pháp là tốt lành. Nó đến từ Đức Chúa Trời. Nó đã và sẽ tiếp tục phục vụ cho mục đích thiêng liêng này (7:7, 12,14,22,25). Nó <u>không thể</u> đem đến sự bình an hay sự cứu rỗi. Học giả James Stewart trong cuốn *A Man in Christ*, cho thấy lối suy nghĩ và lời văn đầy nghịch lý của Phao-lô: "Một cách tự nhiên, bạn sẽ hy vọng nơi người tự thiết lập ra hệ thống suy nghĩ và tín lý sửa chữa ý nghĩa của những từ ngữ ông dùng một cách chặt chẽ nhất. Bạn sẽ hy vọng ông sẽ hướng đến sự chính xác trong cách dùng các cụm từ trong các ý tưởng của ông. Bạn sẽ yêu cầu một từ ngữ, một khi đã được nhà văn của bạn sử dụng trong một ý nghĩa đặc biệt nào đó sẽ kiên trì với nó đến cuối cùng. Nhưng hy vọng

những điều này nơi Phao-lô chỉ đem lại thất vọng. Hầu hết các cụm từ của ông đều lỏng lẻo, không chặt chẽ…"Ông viết, "luật pháp là thánh khiết," "tôi vui sướng trong luật pháp Đức Chúa Trời sau con người bên trong" (Rô-ma 7:12-13) nhưng rõ ràng có một khía cạnh *nomos* đã khiến ông nói điều này ở những nơi khác, "Đấng Christ đã cứu chúng ta khỏi lời nguyền của luật pháp (Ga-la-ti 3:13).

C. Bằng cớ từ văn cảnh liên quan đến câu hỏi, "Phao-lô nói đến người được cứu hay chưa được cứu trong câu 14-25" được liệt kê như sau:
  1. Người chưa được cứu:
     a. Đây là cách giải nghĩa của các giáo phụ của Hội thánh nói tiếng Hy-lạp ngày xưa
     b. Những cụm từ sau đây ủng hộ cho quan điểm này:
        (1)"Tôi thuộc về xác thịt," câu 14
        (2)"bị bán cho sự nô lệ tội lỗi," câu 14
        (3)"không có điều chi tốt ở trong tôi," câu 18
        (4)"làm cho tôi thành tù binh của luật tội lỗi là điều đang ở trong chi thể tôi," câu 23
        (5)"tôi là một kẻ khốn! Ai sẽ cứu tôi khỏi thân thể chết này?" câu 24
     c. Ngữ cảnh gần nhất của chương 6 là chúng ta được giải phóng khỏi nô lệ tội lỗi. Ngữ cảnh của chương 8 bắt đầu với chữ "vậy thì"
     d. Sự vắng mặt không đề cập đến Thánh Linh hay Đấng Christ mãi cho đến cuối ngữ cảnh này (câu 25).
  2. Người được cứu:
     a. Đây là cách giải thích của Augustine, Calvin, và Truyền thống Cải chánh
     b. Những cụm từ sau đây hậu thuẫn cho quan điểm này:
        (1)"chúng ta biết luật pháp là thiêng liêng," câu 14
        (2)"tôi đồng ý với luật pháp, nhận rằng nó là tốt lành," câu 16
        (3)"điều tốt mà tôi muốn, tôi không làm..." câu 19
        (4)"Tôi vui mừng về luật pháp Đức Chúa Trời qua người bề trong của tôi," câu 22
     c. Một ngữ cảnh rộng hơn đặt chương 7 vào phần nói đến sự nên thánh.
     d. Sự thay đổi rõ ràng về cách dùng thì của động từ CHƯA HOÀN THÀNH và QUÁ KHỨ trong câu 7-13 đến cách dùng nhất quán THÌ HIỆN TẠI trong câu 14-24 hàm ý một phần mới và khác trong cuộc đời của Phao-lô (sự cải đạo).

D. Người tin Chúa càng nỗ lực vươn đến giống với Đấng Christ bao nhiêu, thì họ sẽ kinh nghiệm được tình trạng tội lỗi của họ bấy nhiêu. Nghịch lý này khớp với ngữ cảnh này và bản tính của Phao-lô (và vì vậy, cũng cho nhiều người tin Chúa khác nữa).
   Lời trong bài thánh ca của Giám lý chép như vầy:
   "Và Chúa ôi, không ai được yên nghỉ hoàn toàn,
   Bởi vì không ai được hoàn toàn tự do khỏi tội lỗi;
   Và những ai mệt nhọc lại hầu việc Ngài nhiều nhất
   Nhận biết nhiều hơn cả những sai lầm bên trong."
   (Không có tên tác giả cũng như tên bài hát)

7:7-12 (BẢN NASB)
7 **Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Luật pháp há là tội lỗi sao? Chẳng hề như vậy! Nhưng tôi chỉ bởi luật pháp mà biết tội lỗi; vì nếu luật pháp không nói: Người chớ tham lam, thì tôi đã không biết sự tham lam.** 8 **Ấy là tội lỗi đã nhơn dịp, bởi điều răn mà sanh ra mọi thứ ham muốn trong lòng tôi: vì không có luật pháp thì tội lỗi chết đi.** 9 **Ngày xưa tôi không có luật pháp mà tôi sống; như khi điều răn đến, thì tội lỗi lại sống,** 10 **còn tôi thì chết; vậy thì té ra điều răn vốn nên làm cho tôi sống, đã dắt tôi đến sự chết.**11 **Vì tội lỗi đã nhơn dịp, dùng điều răn dỗ dành tôi và nhơn đó làm cho tôi chết.** 12 **Ấy vậy, luật pháp là thánh, điều răn cũng là thánh, công bình và tốt lành.**

7:7 "Vậy chúng ta sẽ nói làm sao" Phao-lô trở lại sử dụng lối biện luận của ông (6:1,15; 7:1,13).

▣ **"Luật pháp là tội lỗi sao"** Một trong những nghịch lý trong sự mặc khải của Đức Chúa Trời là Ngài sử dụng sự thánh khiết và sự tốt lành của luật pháp như cái gương để phơi bày tội lỗi, để đem con người đến chỗ ăn năn và đức tin (câu 12-13; Ga-la-ti 3). Cũng rất ngạc nhiên khi thấy luật pháp vẫn tiếp tục mang chức năng làm nên thánh mà không phải là xưng công bình!

▣ **"Chẳng hề như vậy"** Cách khước từ một sự khẳng định sai lầm của Phao-lô (câu 13; 3:4,6,31; 6:2,15; 9:14; 11:1,11; Ga-la-ti 2:17; 3:21).

▣ **"Trái lại"** Cách viết của Phao-lô trong thư Rô-ma, ông dùng những tương phản mạnh mẽ để làm rõ ý của mình (3:4,6,31; *6:2,15;* 7:13; 9:14; 11:1,11).

▣ **"Tôi"** Làm dấu trong Kinh thánh của bạn số lần những chữ "tôi," "của tôi," "tôi" xuất hiện trong phân đoạn từ câu 7-25. Nó sẽ làm bạn ngạc nhiên. Tổng cộng có hơn 40 lần.

"Tôi đã chẳng biết đến tội nếu không qua luật pháp" Đây là một trong những đoạn chìa khóa bày tỏ khái niệm Luật Môi-se có chức năng như một tấm gương bày tỏ ra những tội lỗi cá nhân (3:20; 4:65; 5:20; Ga-la-ti 3:14-29, đặc biệt là câu 24). Phạm luật một lần là phạm Giao ước và vì vậy, phải gánh lấy hậu quả của nó (câu 10 và Gia-cơ 2:10)!

▣ **"trừ khi qua luật pháp"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI, gọi là "đối lập với sự kiện," Phao-lô bị cáo trách về tội lỗi. Đây là ví dụ duy nhất về điểm ngữ pháp này trong thư Rô-ma. Phao-lô có dùng nó trong Ga-la-ti 1:10; 3:21, và trong I Cô-rinh-tô 2:8; 5:10; 11:31; và II Cô-rinh-tô 12:11.

▣ **"NGƯƠI CHỚ THAM LAM"** Đây là câu trích từ mạng lệnh cuối của Mười điều răn (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17; Phục truyền 5:21). Điều răn cuối này tập trung vào thái độ đúng đắn, là điều thật ra là cái tinh chất của tất cả những điều răn trước (Ma-thi-ơ 5-7). Luật pháp thường được nói đến như 'các điều răn' (câu 8,9, 11,12,13). Chữ "tham lam" có nghĩa là "để tấm lòng vào" hay "ham muốn mãnh liệt." Đức Chúa Trời ban cho con người (người được cứu và người hư mất) nhiều điều tốt lành từ cuộc sáng tạo, nhưng con người có khuynh hướng nhận lãnh những món quà của Đức Chúa Trời vượt ra bên ngoài ranh giới của nó. Câu nói "tôi muốn nhiều nhiều hơn nữa với bất cứ giá nào" trở nên phương châm cuộc sống của họ! Bản ngã là một bạo chúa hung tàn!

7:8 NASB, NKJV "nhơn dịp"
NRSV "chụp lấy dịp tiện"
TEV "tìm thấy cơ hội"
JB "lợi dụng"

Đây là thuật ngữ quân sự dùng để chỉ vị trí đổ bộ hay căn cứ hành quân (câu 8 và 11). Nó được nhân cách hóa trong phân đoạn này (câu 9,11). Tội lỗi được nhân cách hóa như một chiến dịch hành quân (câu 11), cầm đầu bởi một lãnh đạo quân sự (câu 11 và 17; 6:12,14,16).

▣ **"vì không có luật pháp, tội lỗi chết đi"** Tội lỗi là sự nổi loạn chống lại ý chỉ Đức Chúa Trời (Rô-ma 4:15; 5:13; I Cô-rinh-tô 15:56). Không có một động từ nào trong cụm từ này, chúng ta phải thêm vào. Nếu thêm vào động từ ở thì HIỆN TẠI, thì nó hàm ý đây là một nguyên tắc phổ quát. Nếu thêm vào động từ ở thì QUÁ KHỨ, thì nó đặc biệt nói đến đời sống của Phao-lô.

▣ **"Tôi trước kia sống"** Điều này có thể chỉ Phao-lô khi (1) ông là một đứa trẻ trong thời kỳ còn ngây thơ, vô tội; hoặc là (2) ông là một người Pha-ri-si mộ đạo trước khi lẽ thật Phúc âm xuyên vào tấm lòng ông (Công-vụ 23:1; Phi-líp 3:6; II Ti-mô-thê 1:3). Lựa chọn đầu đại diện cho "thuyết tự truyện" trong vấn đề giải kinh ở chương 7 và lựa chọn hai là "thuyết đại diện."

▣ **“khi luật pháp đến, thì tội lỗi lại sống và tôi chết”** Tính nổi loạn của con người có thêm sức mạnh khi có sự cấm đoán. Những điều “không được” trong luật của Đức Chúa Trời khơi dậy bản ngã muốn hướng đến sự kiêu ngạo của con người hư hoại (Sáng-thế-ký 2:16-17; 3:1-6). Để ý, Phao-lô tiếp tục nhân cách hóa tội lỗi trong câu 5:21; 7:8,11,17,20.

7:10 “luật pháp, vốn đem lại sự sống, đã cho thấy nó đem lại sự chết cho tôi” Điều này có lẽ chỉ một tham khảo về lời hứa trong Lê-vi-ký 18:5 hay Rô-ma 2:13. Luật pháp hứa điều nó không thể thực hiện được, không phải vì nó tội lỗi, nhưng bởi vì con người yếu đuối và chống nghịch. Luật pháp trở nên án tử hình (Ga-la-ti 3:13; Ê-phê-sô 2:15; Cô-lô-se 2:14).

7:11 “đã dỗ dành tôi và qua đó làm cho tôi chết” Cả hai động từ này đều ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE). Từ “dỗ dành” được dùng trong trường hợp của Ê-va trong bản Bảy mươi trong Sáng-thế-ký 3:13. Phao-lô dùng từ này một vài lần (Rô-ma 16:18; I Cô-rinh-tô 3:18; II Cô-rinh-tô 11:3; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; I Ti-mô-thê 2:14). Vấn đề của A-đam và Ê-va cũng là sự thèm muốn không chính đáng (II Cô-rinh-tô 11:3; I Ti-mô-thê 2:14). A-đam và Ê-va chết thuộc linh bởi bất tuân mạng lệnh của Đức Chúa Trời, Phao-lô và toàn thể nhân loại cũng vậy (1:18-3:20).

7:12 Đây là câu Phao-lô khẳng định sự tốt lành của luật pháp. Nó không phải là vấn đề. Tuy nhiên, cấu trúc song song Phao-lô dùng, chữ “tội lỗi” trong chương 6 và chữ “luật pháp” trong chương 7, đã trêu giận những người tin Chúa Do Thái theo luật pháp (người yếu đuối trong 14:1-15:13) trong Hội thánh Rô-ma.

7:13 (BẢN NASB)
13 **Vậy thì điều lành trở làm cớ cho tôi chết sao? Chẳng hề như vậy! Nhưng ấy là tội lỗi đã làm cho tôi chết, hầu khi nó nhơn điều lành làm chết tôi, tự bày ra nó là tội lỗi; đến nỗi tội lỗi nhơn điều răn trở nên cực ác.**

7:13 NASB “tội lỗi, để cho thấy đó là tội…tội đã trở nên rất tội lỗi”
NKJV “tội lỗi, để nó ra vẻ tội…đã trở nên cực kỳ tội lỗi”
NRSV “để tội cho thấy đó là tội…tội lỗi không thể tưởng tượng”
TEV “để bản tính thật của tội lỗi bày tỏ ra”
JB “tội lỗi, để bày tỏ bản chất thật của nó…có thể thực hiện tất cả quyền lực tội lỗi của nó”

Bản chất gian ác của tội lỗi được bày tỏ cho thấy nó lấy những điều tốt đẹp, đầy trọn, và tin kính như Luật Môi se (Thi thiên 19,119) và bóp méo điều này để trở nên một công cụ cáo trách tội và sự chết (Ê-phê-sô 2:15; Cô-lô-se 2:14). Con người sa ngã đã đem mọi món quà tốt đẹp từ Đức Chúa Trời ra khỏi phạm vi cho phép của Ngài!

Để ý hai vế câu chỉ mục đích *hina*.

▣ **“cực kỳ tội lỗi”** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:30 “Cách Phao-lô dùng chữ *Huper*.

7:14-20 (BẢN NASB)
14 **Vả, chúng ta biết luật pháp là thiêng liêng; nhưng tôi là tánh xác thịt đã bị bán cho tội lỗi.**15 **Vì tôi không hiểu điều mình làm: tôi chẳng làm điều mình muốn, nhưng làm điều mình ghét.** 16 **Song nếu tôi làm điều mình chẳng muốn, thì bởi đó nhận biết luật pháp là tốt lành.** 17 **Bấy giờ chẳng phải tôi làm điều đó nữa, nhưng ấy là tội lỗi ở trong tôi.** 18 **Vả, tôi biết điều lành chẳng ở trong tôi đâu, nghĩa là trong xác thịt tôi, bởi tôi có ý muốn làm điều lành, nhưng không có quyền làm trọn;** 19 **vì tôi không làm điều lành mình muốn, nhưng làm điều dữ mình không muốn.** 20 **Ví bằng tôi làm điều mình không muốn, ấy chẳng phải là tôi làm điều đó nữa, nhưng là tội lỗi ở trong tôi vậy.**

7:14 "luật pháp là thiêng liêng" Luật của Đức Chúa Trời là tốt lành. Nó không phải là vấn đề (câu 12,16b).

▣ **"tôi là tánh xác thịt"** Chữ này Phao-lô dùng trong (1) ý nghĩa trung dung chỉ thân thể vật chất (1:3; 2:28; 4:1; 9:3,5); và (2) nghĩa tiêu cực chỉ bản tính hư hoại của con người trong A-đam (câu 15). Không rõ Phao-lô muốn nói đến ý nào ở đây.

▣ **"bị bán làm nô lệ tội lỗi"** Động từ này ở thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSTIVE PARTICIPLE) có nghĩa là "tôi đã và sẽ tiếp tục bị bán làm nô lệ cho tội lỗi" Ở đây tội lỗi một lần nữa được nhân cách hóa, như là ông chủ nô lệ. Tác nhân của THỂ THỤ ĐỘNG này không rõ là ai. Nó có thể chỉ Sa-tan, tội lỗi, Phao-lô hay là Đức Chúa Trời.

Trong Cựu ước từ ngữ chính dùng cho Đức Chúa Trời khi Ngài kéo con người trở lại với Ngài là "cứu vớt" hay "cứu chuộc" (và những từ đồng nghĩa với chúng). Gốc từ này có nghĩa là "mua lại" (Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:24). Khái niệm tương phản là cụm từ "bị bán vào tay của…" (Các quan xét 4:2; 10:7; I Sa-mu-ên 12:9).

7:15-24 Con cái Đức Chúa Trời có "bản tính thiêng liêng" (II Phi-e-rơ 1:4) nhưng cũng có bản tính hư hoại (Ga-la-ti 5:17). Tội lỗi có tiềm năng bị làm cho mất hiệu quả (Rô-ma 6:6), nhưng kinh nghiệm của con người cho thấy trong chương 7. Người Do Thái nói trong mỗi tấm lòng một con người đều có một con chó đen và một con chó trắng. Con nào được cho ăn nhiều nhất sẽ to lớn nhất.

Khi tôi đọc đoạn này bản thân tôi cũng kinh nghiệm sự đau đớn mà Phao-lô mô tả trong sự tranh đấu hằng ngày giữa hai bản tính trong con người chúng ta. Người tin Chúa đã được giải phóng khỏi bản tính hư hoại, nhưng xin Chúa giúp cho chúng ta, vì chúng ta cứ liên tục chìu theo sự cám dỗ của nó. Điều gây ngạc nhiên nhưng cũng đúng là cuộc chiến thuộc linh diễn ra gay gắt hơn sau khi được cứu. Sự trưởng thành là sự liên hệ đầy mâu thuẫn với Đức Chúa Trời Ba Ngôi và sự tranh đấu với điều ác trong đời sống hằng ngày.

7:16,20 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ.

7:18 "Tôi biết không có điều chi tốt ở trong tôi, tức là trong xác thịt tôi" Phao-lô không khẳng định rằng thân thể vật chất này là gian ác, nhưng nó là chiến trường nơi bản tính hư hoại và Thánh Linh Đức Chúa Trời tranh chiến với nhau. Người Hy-lạp cho rằng thân thể, và tất cả những vật chất khác, là gian ác. Điều này phát triển nên một tà giáo lưỡng diện của Trí huệ giáo (Sách Ê-phê-sô, Cô-lô-se và I Giăng). Người Hy-lạp có khuynh hướng đổ lỗi cho thân thể vật chất này về những vấn đề tâm linh. Phao-lô không xem những mâu thuẫn thuộc linh theo cách này. Ông nhân cách hóa tội lỗi và cho thấy sự chống nghịch luật pháp Đức Chúa Trời của con người là cơ hội để tội ác xâm nhập vào bản chất của con người. Chữ "xác thịt" trong thư tín Phao-lô có nghĩa là (1) thân thể vật chất này với tính trung dung về đạo đức (1:3;2:28; 4:1; 9:3,5); và (2) bản tính tội lỗi sa ngã thừa hưởng nơi A-đam (câu 5).

7:20 "tội lỗi ở trong tôi" Điều thú vị là sách Rô-ma chỉ ra rất rõ tội lỗi của con người nhưng không nhắc đến Sa-tan mãi cho đến câu 16:20. Con người không thể đổ lỗi cho Sa-tan về những vấn đề tội lỗi của họ. Chúng ta có những lựa chọn. Tội lỗi được nhân cách hóa thành ông vua, bạo chúa, chủ nô lệ. Nó cám dỗ và dẫn dụ chúng ta sống độc lập không cần Đức Chúa Trời, sống tự khẳng định bản thân bằng mọi giá. Các nhân cách hóa về tội lỗi của Phao-lô nối với sự chọn lựa của con người trong Sáng-thế-ký 4:7.

Phao-lô dùng từ "ở trong" một vài lần trong chương này (câu 17,18, 20). Bản chất tội lỗi không bị hủy diệt hay loại trừ khi được cứu, nhưng có khả năng bị làm cho mất hiệu quả. Tính mất hiệu lực liên tục của nó tùy thuộc vào sự hợp tác của chúng ta với Thánh Linh đang ngự trong chúng ta (8:9,11). Đức Chúa Trời đã cung cấp cho người tin Chúa tất cả những điều cần thiết để chiến đấu chống lại tội ác được nhân cách hóa (theo cách văn chương), và tội ác trong phương diện cá nhân (Sa-tan và những thế lực của ma quỷ). Đó là sự hiện diện và quyền phép Đức Thánh Linh. Khi chúng ta nhận món quà cứu rỗi miễn phí,

chúng ta cũng nhận món quà ngăn chặn hiệu quả là Đức Thánh Linh. Sự cứu chuộc và đời sống Cơ đốc là tiến trình mỗi ngày bắt đầu và kết thúc bằng những quyết định hằng ngày của người tin Chúa. Đức Chúa Trời đã cung cấp tất cả những điều chúng ta cần: Thánh Linh (Rô-ma 8), vũ khí thuộc linh (Ê-phê-sô 6:11), sự mặc khải (Ê-phê-sô 6:17), và sự cầu nguyện (Ê-phê-sô 6:18).

Cuộc chiến rất khốc liệt (Rô-ma 7), nhưng chiến trận đã được chiến thắng (Rô-ma 8).

7:21-25 (BẢN NASB)
21 **Vậy tôi thấy có luật nầy trong tôi: khi tôi muốn làm điều lành, thì điều dữ dính dấp theo tôi.**
22 **Vì theo người bề trong, tôi vẫn lấy luật pháp Đức Chúa Trời làm đẹp lòng;**23 **nhưng tôi cảm biết trong chi thể mình có một luật khác giao chiến với luật trong trí mình, bắt mình phải làm phu tù cho luật của tội lỗi, tức là luật ở trong chi thể tôi vậy.** 24 **Khốn nạn cho tôi! Ai sẽ cứu tôi thoát khỏi thân thể hay chết nầy?** 25 **Cảm tạ Đức Chúa Trời, nhờ Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta! Như vậy, thì chính mình tôi lấy trí khôn phục luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng lấy xác thịt phục luật pháp của tội lỗi.**

7:22 "luật pháp Đức Chúa Trời" Đối với người Do Thái điều này nói đến luật Môi-se. Đối với người không phải Do Thái điều này chỉ (1) lời chứng của thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20; Thi thiên 19:1-6); (2) lương tâm đạo đức bên trong của con người (Rô-ma 2:14-15); và (3) những chuẩn đạo đức của xã hội.

▣ NASB "trong con người bề trong"
NKJV "theo con người bên trong"
NRSV, NJB "trong cái tôi sâu kín nhất của tôi"
TEV "trong con người bên trong"

Phao-lô đưa ra sự tương phản giữa con người bề ngoài (phần thể chất) và con người bề trong (phần thuộc linh) trong II Cô-rinh-tô 4:16. Trong ngữ cảnh này, cụm từ này chỉ phần đó của Phao-lô hay là con người được cứu là phần công nhận ý chỉ và luật pháp Đức Chúa Trời.

1. "luật pháp là thiêng liêng," 7:14
2. "điều tôi muốn làm," 7:15
3. "tôi đồng ý với luật pháp, công nhận nó là tốt lành," 7:16
4. "ý muốn ở trong tôi," 7:18
5. "điều lành tôi muốn làm," 7:19
6. "tôi làm điều dữ mình không muốn," 7:19
7. "tôi làm chính điều tôi không muốn," 7:20
8. "người muốn làm điều tốt," 7:21
9. "tôi vui mừng về luật pháp Đức Chúa Trời," 7:22
10. "luật của tâm trí," 7:23
11. "chính tôi với tâm trí tôi phục vụ luật của Đức Chúa Trời," 7:25

Chương 7 cho thấy chỉ có kiến thức về Đức Chúa Trời và lời của Ngài thì chưa đủ. Người tin Chúa cần Đức Thánh Linh (chương 8)!

7:23 Có một sự tương phản rõ rệt giữa câu 6:2; 8:2 và 7:23. Câu này rõ ràng cho thấy Phao-lô dùng chữ luật pháp (*nomos*) để nói đến (1) luật của tội lỗi (câu 21,25) và (2) luật của Đức Chúa Trời (câu 22,25). Ở phần trên trong câu 4,5,6,7,9 và 12 Phao-lô dùng từ trong Cựu ước. Phao-lô không phải là một thần học gia hệ thống. Ông gặp khó khăn trong khái niệm "luật pháp." Trong một ý nghĩa, nó là sự mặc khải của Đức Chúa Trời, một món quà quý tuyệt vời cho con người, nhưng trong một ý nghĩa khác nó định nghĩa tội lỗi và định rõ ranh giới mà con người sa ngã không thể giữ được. Những ranh giới này không phải chỉ là những mặc khải của Cựu ước, nhưng đó là mực thước chung cho cả nhân loại: đó là sự mặc khải tự nhiên (Thi thiên 19; rom. 1:18-3:31) hay là những chuẩn xã hội. Con người là những người chống nghịch, muốn hoàn toàn điều khiển cuộc sống của chính mình!

7:24 Đây có phải là câu nói của một người được cứu hay không? Một số nói là không, và vì vậy, chương này nói đến những người đạo đức, có tôn giáo nhưng chưa được cứu. Số khác cho là đúng như vậy, rằng nói nói đến sự mâu thuẫn trong Phúc âm, "sự đã có rồi nhưng lại chưa" trong đời sống của những người tin Chúa. Sự ứng nghiệm về thời cuối cùng chưa được tỏ ra. Một người tin Chúa trưởng thành cảm biết được khoảng trống này sâu sắc nhất.

▣ NASB "thân thể của sự chết này"
NKJV, NRSV "thân thể của sự chết"
TEV "thân thể đem tôi đến sự chết"
NJB "thân thể dành cho sự chết"

Thân thể và tâm trí vật chất này tự chúng không phải là ác. Chúa đã tạo dựng nên chúng để sống trên mặt đất này và tương giao với Ngài. Chúng được tạo nên "rất tốt đẹp" (Sáng thế ký 1:31). Nhưng Sáng thế ký 3 đã thay đổi con người và mục đích của Đức Chúa Trời. Đây không phải là thế giới mà Đức Chúa Trời định là như vậy và chúng ta cũng không phải là những con người Chúa định cho như hiện có. Tội lỗi đã ảnh hưởng đến sự sáng tạo một cách triệt để. Tội lỗi đã lấy điều tốt và bóp méo nó trở thành điều ác tập trung vào bản ngã. Thân thể và tâm trí trở thành chiến trường của tội lỗi và cám dỗ. Phao lô cảm nhận được cuộc chiến này một cách rất nhạy bén! Phao lô mong đợi thời đại mới, thân thể mới, và mối tương giao mới với Đức Chúa Trời (8:23).

7:25 Đây là phần tóm tắt và là phần chuyển tiếp đến một bậc cao hơn trong Rô-ma 8. Tuy nhiên, ngay cả trong chương 8 cuộc tranh chiến này vẫn hiện diện trong câu 5-11.

Câu hỏi cho người giải nghĩa là, "Phao lô đang nói đến ai?"

1. chính ông và kinh nghiệm của ông trong đạo Do thái giáo
2. tất cả các Cơ đốc nhân
3. A-đam như một điển hình cho cả nhân loại
4. Y-sơ-ra-ên và sự hiểu biết về Luật pháp, nhưng đã không vâng giữ

Riêng tôi, tôi kết hợp số 1 (câu 7-13,25b) và số 2 (14-25a). Xin xem những kiến giải về ngữ cảnh trong Rô-ma 7:7-25.

Sự đau đớn và lo âu trong chương 7 đã được san bằng và khỏa lấp bởi sự vinh hiển trong chương 8!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

SỰ NGỢI KHEN, CẦU NGUYỆN VÀ CẢM TẠ ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA PHAO-LÔ

Phao-lô là người hay ngợi khen. Ông biết rõ Cựu ước. Mỗi phần trong bốn phần đầu của sách Thi-thiên đều kết thúc với bài chúc tụng Chúa (Thi-thiên 41:13; 72:19; 89:52; 106:48). Ông ngợi khen và chúc tụng Đức Chúa Trời qua nhiều cách khác nhau.

1. Những đoạn mở đầu của các lá thư
   a. Lời chúc phước và chào thăm ban đầu (Rô-ma 1:7; I Cô-rinh-tô 1:3; II Cô-rinh-tô 1:2)
   b. Những lời chúc phước mở đầu (*eulogetos*, II Cô-rinh-tô 1:3-4; Ê-phê-sô 1:3-4)
2. Những tiếng khen ngợi chợt bật lên
   a. Rô-ma 1:25; 9:5
   b. II Cô-rinh-tô 11:31
3. Những lời chúc tán Chúa (thể hiện qua cách dùng chữ (1) *doxa* (vinh hiển) và (2) "đời đời"
   a. Rô-ma 11:36; 16:25
   b. Ê-phê-sô 3:20-21
   c. Phi-líp 4:20
   d. I Ti-mô-thê 1:17
   e. II Ti-mô-thê 4:18
4. Cảm tạ (*eucharisteo*)

a. Mở đầu các lá thư (Rô-ma 1:8;I Cô-rinh-tô 1:4;II Cô-rinh-tô 1:11;Ê-phê-sô 1:16;Phi-líp 1:3;Cô-lô-se 1:3,12;I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2;ll Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; Phi-lê-môn 4; I Ti-mô-thê 1:12; II Ti-mô-thê 1:3)
b. Kêu gọi dâng lời cảm tạ (Ê-phê-sô 5:4,20; Phi-líp 4:6; Cô-lô-se 3:15,17; 4:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18

5. Những lời bật lên sự cảm tạ
   a. Rô-ma 6:17;7:25
   b. I Cô-rinh-tô 15:57
   c. II Cô-rinh-tô 2:14;8:16;9:15
   d. I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
   e. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
6. Các lời chúc phước kết thúc
   a. Rô-ma 16:20,24 (?)
   b. I Cô-rinh-tô 16:24
   c. II Cô-rinh-tô 13:14
   d. Ga-la-ti 6:18
   e. Ê-phê-sô 6:24

Phao-lô biết Đức Chúa Trời Ba Ngôi cả về phương diện thần học và thực nghiệm. Trong các thư tín của ông, ông bắt đầu với những lời cầu nguyện và ngợi khen. Ngay giữa những lời trình bày Phúc âm, ông tự dưng thốt lên những tiếng cảm tạ và ngợi khen. Ở cuối những lá thư, ông cũng luôn nhớ cầu nguyện, cảm tạ, và ngợi khen Đức Chúa Trời. Các thư tín Phao-lô đượm nhuần những lời cầu nguyện, cảm tạ và ngợi khen. Ông nhận biết Đức Chúa Trời, chính mình, và Phúc âm.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chương 6 và 7 liên hệ với nhau ra sao?
2. Mối liên hệ giữa luật Cựu ước và những người tin Chúa thời Tân ước như thế nào?)II Cô-rinh-tô 3:1-11; Hê-bơ-rơ 8:7,13)
3. Hai minh họa nào Phao-lô dùng trong chương 6 và 7 để diễn tả mối liên hệ của chúng ta với đời sống cũ?
4. Cơ đốc nhân liên hệ ra sao với luật Môi-se?
5. Xin giải thích bằng chữ của riêng mình sự khác biệt giữa thuyết tự truyện và thuyết đại diện trong việc giải nghĩa 7:7-25?
6. Có phải Rô-ma 7 mô tả một người bị hư mất, một người tin Chúa chưa trưởng thành, hay tất cả những người tin Chúa?

RÔ-MA ĐOẠN 8

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Cuộc sống trong Thánh Linh	Được tự do khỏi tội lỗi bên trong	Hành động cứu rỗi của Đức Chúa Trời	Cuộc sống trong Đức Thánh Linh	Đời sống có Đức Thánh Linh
8:1-11	8:1-11	8:1-4	8:1-8	8:1-4
		Đời sống trong xác thịt và trong Đức Thánh Linh		
		8:5-8		8:5-11
		8:9-11	8:9-11	
		Đức Thánh Linh và sự nhận làm con nuôi		
8:12-17	8:12-17	8:12-17	8:12-17	8:12-13
				Con cái Đức Chúa Trời
				8:14-17
Sự vinh hiển hầu đến	Từ đau đớn đến vinh hiển	Sự hy vọng điều sẽ ứng nghiệm	Tương lai vinh hiển	Vinh hiển là điều chắc chắn của chúng ta
8:18-25	8:18-30	8:18-25	8:18-25	8:18-25
		Sự yếu đuối của con người được bồi đắp		
8:26-30		8:26-27	8:26-27	8:26-27
				Đức Chúa Trời đã kêu gọi chúng ta cùng hưởng sự vinh hiển với Ngài
		8:28-30	8:28-30	8:28-30
Tình yêu của Đức Chúa Trời	Tình yêu đời đời của Đức Chúa Trời	Sự tin tưởng của chúng ta nơi tình yêu Đức Chúa Trời	Tình yêu Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus Christ	Một thánh ca về tình yêu của Đức Chúa Trời
8:31-39	8:31-39	8:31-39	8:31-39	8:31-34 8:35-37 8:38-39

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương này là điểm đỉnh của sự bàn luận của Phao-lô bắt đầu từ câu 1:18. Nó bắt đầu bằng chữ "không có một sự đoán phạt nào" (đứng về mặt luật pháp) và kết thúc với "không có sự phân cách nào" (mối tương quan cá nhân). Về mặt thần học, nó đi từ sự xưng công bình đến sự làm nên thánh và đến sự vinh hiển (câu 19-30).

B. Đây là sự phát triển thần học của Phao-lô về vấn đề Đức Chúa Trời ban Đức Thánh Linh của Ngài cho những người tin Chúa (sứ đồ Giăng trình bày điều này trong Giăng 14:12-31; 16:7-16). Đức Thánh Linh là tác nhân của ĐỘNG TỪ THỤ ĐỘNG trong câu 14 liên quan đến Phúc âm trở nên sống động trong đời sống của những con người sa ngã. Đức Thánh Linh sẽ ở với và ngự trong họ và sẽ bắt đầu thành hình Đấng Christ trong họ. Chương 8 dùng chữ linh, *pneuma*, hơn 21 lần trong khi ở chương 7 chữ này hoàn toàn không có mặt (chương 3 đến chương 6 cũng vậy).

C. Trong cuộc sống, có 2 cái nhìn (hai thế giới quan), hai cách sống, hai ưu tiên, hai con đường (đường rộng và đường hẹp) mà con người đi theo, ở đây điều này là xác thịt và Đức Thánh Linh. Một lựa chọn dẫn đến sự chết; một lựa chọn khác dẫn đến sự sống. Điều này vốn được gọi là "hai con đường" trong văn chương khôn ngoan Cựu ước (Thi thiên 1 và Châm ngôn 4:10-19). Cuộc sống đời đời, sự sống trong Đức Thánh Linh có những đặc tính có thể nhận biết được (theo xác thịt đối với theo Đức Thánh Linh).

   Để ý sự vắng mặt của Sa-tan trong toàn bộ ngữ cảnh thần học này (Rô-ma 1-8). Sa-tan không được nhắc đến trong thư Rô-ma mãi cho đến câu 16:20. Điều tập trung ở đây chính là bản chất A-đam sa ngã của con người. Đây là cách Phao-lô cất bỏ đi những lời đổ lỗi của con người hư hoại cho sự cám dỗ siêu nhiên thay vì là sự chống nghịch của họ đối cùng Đức Chúa Trời. <u>Chính con người</u> có trách nhiệm về điều này!

D. Rất khó lập dàn ý cho chương này vì các ý tưởng phát triển bằng cách quyện vào nhau bởi những sợi dây lẽ thật lặp đi lặp lại thành các mô thức, nhưng không có những đơn vị ngữ cảnh.

E. Câu 12-17 trình bày cho người tin Chúa về sự chắc chắn trong đức tin
   1. Điều đầu tiên là một thế giới quan và lối sống được thay đổi thực hiện bởi Đức Thánh Linh.
   2. Điều thứ hai là sự sợ hãi của chúng ta đối với Đức Chúa Trời được thay thế bởi một cảm nhận tình yêu trong gia đình qua Đức Thánh Linh.
   3. Điều thứ ba là sự xác nhận địa vị làm con của chúng ta bởi sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong lòng.
   4. Điều thứ tư là sự xác nhận này lại càng chắc chắn hơn giữa những vấn nạn và tranh chấp của thế giới sa ngã này.

F. Câu 31-39 mô tả khung cảnh của tòa án, một lối hình ảnh văn chương điển hình của các tiên tri thời Cựu ước. Đức Chúa Trời là Quan tòa; Sa-tan là kẻ kiện cáo; Chúa Jêsus là Luật sư bào chữa, thiên sứ là những người quan sát, và những người tin Chúa đang ở dưới sự kiện cáo của Sa-tan.
   1. Các từ ngữ theo luật pháp
      a. Chống lại chúng ta (câu 31)
      b. Sự buộc tội (câu 33)
      c. Xưng công bình (câu 33)
      d. Kết tội (câu 34)
      e. Cầu thay (câu 34)

2. Sự cáo buộc, “ai” (câu 31,33,34 [3 lần], 35)
3. Sự chu cấp của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (câu 32,34b)
4. Không có sự phân cách khỏi Đức Chúa Trời
   a. Những hoàn cảnh trên đất này (câu 35)
   b. Câu trích trong Cựu ước từ Thi thiên 44:22 (câu 36)
   c. Chiến thắng (câu 37,39)
   d. Những hoàn cảnh hay các tác nhân siêu nhiên (câu 37-39)

8:1-8 (BẢN NASB)
1 Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Jêsus Christ; 2 vì luật pháp của Thánh Linh sự sống đã nhờ Đức Chúa Jêsus Christ buông tha tôi khỏi luật pháp của sự tội và sự chết. 3 Vì điều chi luật pháp không làm nổi, tại xác thịt làm cho luật pháp ra yếu đuối, thì Đức Chúa Trời đã làm rồi: Ngài đã vì cớ tội lỗi sai chính Con mình lấy xác thịt giống như xác thịt tội lỗi chúng ta, và đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt,4 hầu cho sự công bình mà luật pháp buộc phải làm được trọn trong chúng ta, là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh. 5 Thật thế, kẻ sống theo xác thịt thì chăm những sự thuộc về xác thịt; còn kẻ sống theo Thánh Linh thì chăm những sự thuộc về Thánh Linh. 6 Vả, chăm về xác thịt sanh ra sự chết, còn chăm về Thánh Linh sanh ra sự sống và bình an; 7 vì sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời, bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại cũng không thể phục được. 8 Vả, những kẻ sống theo xác thịt, thì không thể đẹp lòng Đức Chúa Trời.

8:1 NASB “Cho nên hiện nay”
NKJV, NRSV “cho nên hiện nay”
TEV “chẳng có”
JB “cho nên, lý do”

Điều này liên quan trở lại với ngữ cảnh trước đó. Một số cho rằng nó liên quan đến 7:24-25, nhưng dường như tốt nhất là đem nó trở lại với một ngữ cảnh xa hơn nữa trong 3:21-7:25.

▣ **“không có”** Chữ “không” được đặt ở đầu câu trong tiếng Hy-lạp. Nó có ý nhấn mạnh, “không có sự đoán phạt nào” cho những kẻ ở trong Đấng Christ (câu 1-3), và những kẻ bước theo Đức Thánh Linh (câu 4-11). Tại đây cho thấy cả hai mặt của giao ước mới (1) đó là món quà miễn phí trong Đấng Christ; và (2) đòi hỏi một lối sống, một đáp ứng giao ước. Sự xưng công bình vừa là khách quan (CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE)) vừa là chủ quan (MỆNH LỆNH (IMPERATIVE)). Nó là một tình trạng đồng thời là một lối sống.

▣ **“sự đoán phạt”** Từ *katakrima* ít khi được dùng trong bản Bảy mươi, nhưng nó diễn tả lời nguyền rủa nếu không vâng theo trong Phục truyền 27:26. Nó có nghĩa là “sự hình phạt theo sau một bản án theo luật.” Nó thuộc về luật pháp, trái với sự xưng công bình. Đây là một từ ngữ hiếm hoi trong các thư tín của Phao-lô (5:16,18), ngoài ra không có chỗ nào khác trong cả Tân ước.

Bản King James thêm vào câu 1, “những ai không theo xác thịt nhưng theo Đức Thánh Linh.” Cụm từ này không có trong các bản Hy-lạp cổ trong câu 1. Bản UBS4 cho sự vắng mặt này mức độ “A” (nghĩa là chắc chắn). Tuy nhiên, nó xuất hiện trong câu 4. Nó hoàn toàn không phù hợp về mặt thần học ở câu 1, nhưng lại hoàn toàn vừa vặn trong câu 4. Câu 1-3 nói đến sự làm nên thánh địa vị (CHỈ ĐỊNH) trong khi câu 4-11 nói đến sự làm nên thánh thực nghiệm hay sự giống với Đấng Christ (MỆNH LỆNH). Để ý chú thích trong trang 289 trong sách của William R. Newell *Romans Verse by Verse* (Moody, 1938).

“Bản Revised Version đã đúng khi bỏ đi cụm từ “những ai không theo xác thịt nhưng theo Đức Thánh Linh.” Kể từ khi bản King James ra đời, hơn 300 năm trước, chúng ta đã lần hồi khôi phục được nhiều bản Hy-lạp cổ rất chính xác và hoàn thiện nhất; và những người tin kính Chúa, sốt sắng đi đầu cẩn mẫn, tỉ mĩ đã đem lại kết quả trong việc sửa chữa những lỗi sai đã lẫn vào trong các phiên bản. Chúng ta

đều biết chúng ta không có bản Kinh thánh nguyên bản: Đức Chúa Trời đã vui lòng giữ lại những điều đó khỏi tay những tạo vật rất dễ sa vào việc thờ hình tượng giống như các con cái loài người.

Chúng ta phải kết thúc câu 1 với những chữ "trong Chúa Jêsus Christ," với 4 lý do: (1) Bằng chứng về các bản Hy-lạp cổ ủng hộ áp đảo sự bỏ đi cụm từ "những ai không theo xác thịt nhưng theo Đức Thánh Linh" trong câu 1,- cũng nhiều như bằng chứng nhất trí cho sự thêm vào những chữ này trong câu 4, (2) Sự nhạy bén thuộc linh cũng đồng ý điều này, vì việc thêm vào cụm từ này trong câu 1 sẽ làm cho sự an toàn của chúng ta lệ thuộc vào việc chúng ta sống như thế nào, chứ không phải dựa vào Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Nhưng tất cả mọi người trong Chúa Jêsus đều được an toàn không bị đoán phạt, là điều đã được dạy cách rõ ràng trong các thư tín. Nếu không, sự an toàn của chúng ta sẽ dựa vào lối sống của chúng ta, chứ không phải vị trí của chúng ta trong Đấng Christ. (3) Cụm từ này rõ ràng vừa khít với phần cuối của câu 4- là câu mô tả cách sống của những người tin Chúa, chứ không phải sự an toàn khỏi sự đoán phạt. (4) Việc vế câu này được đặt ở cuối câu 1 là một chú thích ngoài lề bày tỏ, không chỉ qua việc bỏ nó ra trong các bản Aleph, A,B, C, D, F, G: A, D (corr.); trong một số bản cổ viết theo dạng chữ cong (xem Olshausen, Meyer, Alford, J.F., và B., và bàn luận rất giá trị của Darby trong cuốn *Synopsis, in loc*); mà còn qua sự giống nhau trong các bản có chú thích này thêm vào vì sợ luật pháp, được tìm thấy trong các bản khác.

Việc Đức Chúa Trời chọn để cho lời của Ngài được dịch ra mà vẫn có thẩm quyền được nhận thấy qua việc Tân ước sử dụng bản dịch Hy-lạp của Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ, hay gọi là Bản Bảy mươi.

Chúng ta nên cảm ơn Đức Chúa Trời về những con người tận tụy bỏ ra cả đời để nghiên cứu các bản thảo mà Chúa còn để lại cho chúng ta, những người đã cho chúng ta một bản dịch hoàn hảo như chúng ta có ngày hôm nay. Chúng ta nên phân biệt cách rõ ràng và giữ mãi như vậy những học giả này với những người theo "chủ nghĩa hiện đại" kiêu căng (cái gọi là "Phê bình cao cấp" thời xưa), những người nhận nói cho chúng ta biết Đức Chúa Trời *nên* nói gì trong Kinh thánh, thay vì với sự khiêm nhường sâu sắc tìm kiếm để khám phá ra Đức Chúa Trời *đã phán* điều gì (trang 289).

▣ **"cho những người ở trong Chúa Jêsus Christ"** Cụm từ rất Phao-lô này (tức là PHẠM VI NƠI CHỐN (LOCATIVE of SPHERE) tương đương với sự diễn tả hiện đại gọi là "mối liên hệ cá nhân." Phao-lô nhận biết, yêu mến, phục vụ và vui mừng trong Chúa Jêsus. Phúc âm vừa là một sứ điệp để tin vào, vừa là một Con người để mời vào. Năng lực sống tuôn chảy từ mối liên hệ với Đấng Christ từ kẻ chết sống lại, là Đấng ông đã gặp trên đường Đa-mách. Kinh nghiệm của ông về Chúa Jêsus đi trước thần học của ông về Chúa Jêsus. Kinh nghiệm của ông tuôn đổ ra không phải ở trong một sự huyền bí của nhà tu nhưng trong sự phục vụ truyền giáo mạnh mẽ. Nhận biết Ngài là để phục vụ Ngài. Cơ đốc giáo chính chắn là một sứ điệp, một Con người, và là một lối sống! (Xem chú thích ở câu 1:5).

8:2 "luật của Thánh Linh của sự sống…luật của tội và sự chết" Điều này có thể nói đến: (1) sự tương phản giữa luật tội lỗi (Rô-ma 7:10,23,25) và luật mới của Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:6,22,25); (2) "luật yêu thương" (Gia-cơ 1:25; 2:8,12) đối với "Luật Môi-se" (7:6-12); (3) thời đại cũ và thời đại mới ; hay là (4) giao ước cũ và giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; sách Hê-bơ-rơ trong Tân ước).

Lối tương phản này được tiếp tục như sau:

1. Luật tội lỗi và sự chết đối cùng luật của Đức Thánh Linh, câu 2
2. Theo xác thịt và theo Thánh Linh, câu 4 &5
3. Những điều thuộc về xác thịt và những điều thuộc về Thánh Linh, câu 5
4. Tâm trí chú tâm vào những điều của xác thịt và tâm trí chú tâm vào những điều của Thánh Linh, câu 5
5. Chú đến xác thịt và chú vào Thánh Linh, câu 6
6. Trong xác thịt và trong Thánh Linh, câu 9
7. Thân thể chết đối với Thánh Linh sống, câu 10
8. Anh em phải chết đối cùng anh em sẽ sống, câu 13
9. Linh của sự nô lệ và linh của sự làm con nuôi, câu 16

▣ **NASB, NRSV, JB "đã buông tha các ngươi"**

NKJV, TEV "đã giải phóng tôi"

Câu 2-3 là sứ điệp thần học của chương 6. Có một số đại từ khác nhau xuất hiện trong những bản thảo Hy-lạp cổ; chữ "tôi" xuất hiện trong các bản A, D, K, và P trong khi chữ "anh em" xuất hiện trong bản A-leph, B, F và G. Đại từ "chúng tôi" xuất hiện trễ hơn trong các bản viết theo kiểu chữ Uncial, Psi. Những người thu thập bản UBS 4 cho chữ "anh em" ở mức độ B (có vẻ chắc). Bản UBS 3 cho nó ở mức độ D (rất khó).

Học giả Newman và Nida, trong cuốn *A Translator's Handbook on Paul's Letter to the Romans,* nói rằng" bản UBS trong tiếng Hy-lạp đề nghị chữ "tôi," mặc dù cho nó ở mức độ C", cho thấy sự nghi ngờ về bản đọc nguyên thủy có xác suất cao" (trang 145-146).

Vấn đề về những ĐẠI TỪ "chúng tôi," "anh em," hay "tôi, chúng tôi" thường lặp đi lặp lại trong các bản Hy-lạp trong thư tín Phao-lô.

8:3 "điều luật pháp không làm được" Luật Môi-se là tốt và thánh, nhưng con người tội lỗi và yếu đuối (7:12,16). ĐỘNG TỪ ở đây thật ra là TÍNH TỪ *adunaton*, có nghĩa là "không thể" (Hê-bơ-rơ 6:4, 18:10:4; 11:6), nhưng nó có thể mang ý nghĩa "không có sức mạnh" (Công-vụ 14:8; Rô-ma 15:1). Luật pháp không thể đem đến sự cứu rỗi. Trái lại, nó chỉ đem đến sự đoán phạt, sự chết, và sự nguyền rủa!

▣ **"yếu đuối như trong xác thịt"** Đây là tranh luận chính của Phao-lô trong chương 7. Luật của Đức Chúa Trời là tốt lành và thánh khiết, nhưng con người tội lỗi, nổi loạn, sa ngã không thể đạt yêu cầu của nó. Không như những thầy rabi khác, Phao-lô nhấn mạnh đến kết quả của Sáng-thế-ký 3.

▣ **"điều Đức Chúa Trời làm: sai chính Con Ngài"** Điều con người sa ngã không thể làm được dưới Giao ước cũ, thì Đức Chúa Trời đã làm qua giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-36) qua Chúa Jêsus (Ê-sai 53; Giăng 3:16). Thay vì đòi hỏi những điều bên ngoài, Chúa đã ban cho Thánh Linh ngự bên trong và một tấm lòng mới. Giao ước mới này dựa trên sự ăn năn và đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Đấng Christ, không phải dựa vào việc làm của con người. Tuy vậy, cả hai giao ước đều mong đợi một lối sống tin kính.

▣ **"giống như xác thịt tội lỗi"** Lẽ thật này cũng được nêu lên trong Phi-líp 2:7-8. Chúa Jêsus có thân thể con người thật (nhưng không có bản chất tội, Phi-líp 2:7-8; Hê-bơ-rơ 7:26). Ngài thật là một Người giống như chúng ta. Ngài bị cám dỗ đủ mọi cách như chúng ta nhưng không phạm tội (Hê-bơ-rơ 4:15). Ngài cảm thông với chúng ta.

▣ **"như một của lễ cho tội lỗi"** Khái niệm này cũng được nhắc đến trong II Cô-rinh-tô 5:21 và I Phi-e-rơ 2:24. Chúa Jêsus đến để chết thế (Ê-sai 53:4-6, 10-12; Mác 10:45). Đời sống vô tội của Ngài trở thành một của lễ chuộc tội (Giăng 1:29).

▣ **"Ngài đã đoán phạt tội lỗi trong xác thịt"** Sự chết của Chúa Jêsus nêu bật và giải quyết vấn đề bản chất tội lỗi của con người, không phải chỉ tội cá nhân (như trong luật Môi-se). Chính sự sống, sự chết, và sống lại của Ngài đã hoàn tất chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời (Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29). Ngài cũng cho chúng ta thấy điều con người có thể và nên trở thành (Giăng 13:15; I Phi-e-rơ 2:21).

8:4 Câu này có lẽ chỉ đến Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:33 và Ê-xê-chi-ên 36:26-27). Nó liên quan đến hai khía cạnh của sự cứu rỗi. Trước hết, Chúa Jêsus đã hoàn tất các đòi hỏi của Giao ước cũ và qua đức tin nơi Ngài sự công bình này được đem sang những người tin Chúa như một món quà miễn phí mà không phải do công trạng cá nhân. Chúng ta gọi điều này là sự làm nên thánh địa vị. Chúa ban cho những người tin Chúa một tấm lòng và một thần linh mới. Chúng ta hiện đang bước đi trong Đức Thánh Linh, không phải trong xác thịt. Điều này gọi là "sự nên thánh từng bước." Cơ đốc giáo là một giao ước mới chứa đựng cả những quyền lợi (món quà cứu rỗi) và trách nhiệm (giống như Đấng Christ, 6:13). Thảm trạng là nhiều người tin Chúa còn sống đời sống bất xứng, xác thịt (I Cô-rinh-tô 3:1-3).

▣ **"những người không bước đi theo xác thịt, nhưng theo Đức Thánh Linh"** Sự tương phản này cũng thấy trong Ga-la-ti 5:16-25. Một sự công bình theo luật pháp phải được đi kèm bởi một sự công bình trong đời sống. Tấm lòng và tâm trí mới trong Giao ước mới không phải là nền tảng của sự cứu rỗi, nhưng là kết quả. Sự sống đời đời có những bản tính có thể nhận biết được!

8:5 Phao-lô so sánh cuộc sống trong "xác thịt" và trong "Đức Thánh Linh" trong câu 5-8 ("hành động của xác thịt," Ga-la-ti 5:19-21 đối lại với "trái Thánh Linh," 5:22-25).

8:6 "để tâm trí vào" Người Do Thái nhận biết rằng con mắt và lỗ tai là cửa sổ vào tâm hồn. Tội lỗi bắt đầu trong đời sống tâm trí. Chúng ta trở nên điều chúng ta hay chăm chú vào (Rô-ma 12:1-2; Phi-líp 4:8)!

Phao-lô không theo quan điểm truyền thống của các rabi về hai "ý định" (*yetzers*) trong con người. Đối với Phao-lô, ý định tốt lành không có trong con người hư hoại, chỉ có sau khi cải đạo. Phao-lô cho rằng chính Đức Thánh Linh ngự trong lòng khởi sự cuộc chiến thuộc linh bên trong (Giăng 16:7-14).

▣ **"sự sống"** Điều này chỉ sự sống đời đời, đời sống trong thời đại mới.

▣ **"bình an"** Từ này theo nghĩa nguyên gốc có nghĩa là "hàn lại cái gì bị vỡ" (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7). Có ba cách Tân ước nói về sự bình an (1) lẽ thật khách quan về sự bình an của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Cô-lô-se 1:20); (2) cảm nhận chủ quan của chúng ta về sự làm hòa lại với Đức Chúa Trời (Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp 4:7); và (3) Đức Chúa Trời nối kết cả người Do Thái và người ngoại bang lại thành một thân thể mới qua Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:14-17; Cô-lô-se 3:15).

8:7-11 Phao-lô mô tả con người không có Đức Chúa Trời trong những cách sau: (1) thù địch cùng Đức Chúa Trời, câu 7; (2) không ở dưới quyền của Đức Chúa Trời, câu 7; (3) không thể làm vui lòng Chúa, câu 8; và (4) chết thuộc linh cuối cùng dẫn đến chết đời đời, câu 10-11.

8:7 NASB, NRSV "sự chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời"
NKJV "tâm trí xác thịt thù nghịch cùng Đức Chúa Trời"
TEV "con người trở nên thù nghịch cùng Đức Chúa Trời"
NJB "quan điểm của bản chất hư hoại của con người đối nghịch với Đức Chúa Trời"

Để ý cụm từ này song song với "sự chăm về xác thịt sanh ra sự chết" trong câu 6 và "những ai bước đi theo xác thịt" trong câu 4. Đồng thời, để ý rằng bản chất của con người sa ngã vừa là một cái nhìn (thế giới quan) vừa là một lối sống (câu 7:5).

▣ **"vì nó không thể làm như vậy"** Con người hư hoại không những không chọn theo Ngài, mà họ cũng không thể chọn theo Ngài. Con người hư hoại, nếu không có sự trợ giúp của Đức Thánh Linh, thì không thể đáp ứng lại được với những điều thuộc linh (Ê-sai 53:6; I Phi-e-rơ 2:24-25). Đức Chúa Trời luôn luôn mở lời trước (Giăng 6:44, 65).

8:8 "những ai ở trong xác thịt" Phao-lô dùng cụm từ này trong hai cách: (1) thân thể vật chất (Rô-ma 1:3; 2:28; 4:1; 9:3,5); và (2) nỗ lực của con người muốn tách xa khỏi Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:5; 8:4-5). Ở đây, nó là lựa chọn số 2. Nó nói đến một nhân loại bất tín và nổi loạn.

8:9-11 (BẢN NASB)
9 **Về phần anh em, nếu thật quả Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong mình, thì không sống theo xác thịt đâu, nhưng theo Thánh Linh; song nếu ai không có Thánh Linh của Đấng Christ, thì người ấy chẳng thuộc về Ngài.**10 **Vậy nếu Đấng Christ ở trong anh em, thì thân thể chết nhơn cớ tội lỗi, mà thần linh sống nhơn cớ sự công bình.** 11 **Lại nếu Thánh Linh của Đấng làm cho Đức Chúa Jêsus sống lại từ trong kẻ chết ở trong anh em, thì Đấng làm cho Đức Chúa Jêsus Christ sống lại từ trong kẻ chết cũng sẽ nhờ Thánh Linh Ngài ở trong anh em mà khiến thân thể hay chết của anh em lại sống.**

8:9 “nếu” Có một loạt những CÂU ĐIỀU KIỆN trong các câu 9,10,11,13 (hai lần), 17 (hai lần). Tất cả đều là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Phao-lô cho rằng độc giả của ông tại Hội thánh Rô-ma đều là những Cơ đốc nhân (câu 9a).

▣ **“Thánh Linh của Đấng Christ”** Con người hoặc là có Thánh Linh và vì vậy là những người tin Chúa hay là họ không có Đức Thánh Linh và vì vậy bị hư mất thuộc linh. Chúng ta nhận lãnh toàn bộ Đức Thánh Linh khi tin Chúa. Chúng ta không cần thêm Đức Thánh Linh; nhưng chính Ngài cần thêm con người của chúng ta!

Từ “Thánh Linh” trong câu 9a; “Thánh Linh của Đức Chúa Trời” trong câu 9b, và “Thánh Linh của Đấng Christ” trong câu 9c đều có ý nghĩa như nhau.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA JÊSUS VÀ THÁNH LINH

Có một sự linh động giữa công tác của Đức Thánh Linh và công tác của Đức Chúa Con. Ông G. Campbell Morgan nói rằng danh hiệu thích hợp nhất cho Đức Thánh Linh là “một Chúa Jêsus khác.” Sau đây là bảng liệt kê so sánh công việc và danh hiệu của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.Thánh Linh được gọi là “Thánh linh của Chúa Jêsus” hoặc những từ ngữ tương tự (Rô-ma 8:9; II Cô-rinh-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; I Phi-e-rơ 1:11).

1. Cả hai đều được gọi với cùng một từ ngữ:
   a. “Lẽ thật”
      1) Chúa Jêsus (Giăng 14:6)
      2) Thánh Linh (Giăng 14:17; 16:13)
   b. “Đấng biện hộ”
      1) Chúa Jêsus (I Giăng 2:1)
      2) Thánh Linh (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7)
   c. “Đấng Thánh”
      1) Chúa Jêsus (Lu-ca 1:35; 14:26)
      2) Thánh Linh (Lu-ca 1:35)
2. Cả hai đều ngự trong những người tin Chúa
   a. Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27)
   b. Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:9,11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14)
   c. Và ngay cả Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; II Cô-rinh-tô 6:16)

8:10 “Đấng Christ ở trong anh em” Chữ “anh em” ở SỐ NHIỀU. Chữ “Christ” chỉ Đức Thánh Linh/ Đức Chúa Con ngự trong lòng (Giăng 14:16-17; Cô-lô-se 1:27). Con người có Đức Thánh Linh/ Đức Chúa Con, nếu không họ không phải là Cơ đốc nhân (I Giăng 5:12). Đối với Phao-lô, “trong Đấng Christ” cũng giống như “trong Thánh Linh” về phương diện thần học.

▣ **“mặc dù thân thể chết vì cớ tội lỗi”** Ngay cả các Cơ đốc nhân cũng phải chết về thuộc thể bởi vì tội của A-đam, của thế giới sa ngã, và bởi sự chống nghịch của chính họ (5:12-21). Tội lỗi luôn tiếp tục vận hành cho đến cùng. Sự chết thuộc linh (Sáng-thế-ký 3; Ê-phê-sô 2:1) đem đến sự chết thuộc thể (Sáng-thế-ký 5; Hê-bơ-rơ 9:27). Người tin Chúa sống trong cả thời đại mới của Thánh Linh (Giô-ên 2:28-29; Công-vụ 2:16) và trong thời đại cũ của tội lỗi và sự chống nghịch (câu 21,35).

▣ **“thần linh sống vì cớ sự công bình”** Có một vài bất đồng giữa những người dịch và giải nghĩa Kinh thánh về chữ “thần linh,” không biết chữ này chỉ linh của con người (bản NASB, ASV, NIV, Williams, Jerusalem Bible), hay là Đức Thánh Linh (bản KJV, TEV, REB, Karl Barth, C.K. Barrett, John Murray, và Everett Harrison).

Ngữ cảnh rộng hơn giúp chúng ta hiểu hơn về cụm từ ngắn này. Ngay cả những người tin cậy Đấng Christ cũng vẫn sẽ chết bởi vì họ sống trong thế giới sa đọa này. Tuy nhiên, vì có sự công bình đến bởi đức tin nơi Chúa Jêsus họ đã nhận được sự sống đời đời (Ê-phê-sô 2:4-6). Đây là sự giằng co của khái niệm "đã nhưng chưa" trong quan điểm về Vương quốc Đức Chúa Trời. Thời đại cũ và mới trùng lặp nhau trong một thời gian.

▣ **"Sự công bình"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17

8:11 "nếu" Xem chú thích ở câu 9.

▣ **"Thánh Linh Ngài đã khiến Chúa Jêsus sống lại ở trong anh em"** Thân vị nào trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời ngự trong những người tin Chúa? Đa số các Cơ đốc nhân đều trả lời là Đức Thánh Linh. Điều này đúng, nhưng trên thực tế, cả ba Thân vị đều ngự trong người tin Chúa.

1. Đức Thánh Linh, Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14
2. Đức Chúa Con, Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27
3. Đức Chúa Cha, Giăng 14:23; II Cô-rinh-tô 6:16

   Cụm từ này là một cơ hội rất tốt để cho thấy Tân ước thường quy công tác cứu rỗi cho cả ba Ngôi; (1) Đức Chúa Cha khiến Chúa Jêsus sống lại (Công-vụ 2:24;3:15;4:10;5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31;Rô-ma 6:4,9;8:11; 10:9; I Cô-rinh-tô 6:14; II Cô-rinh-tô 4:14; Ga-la-ti 1: 1;Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-se 2:12; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10); (2) Đức Chúa Con tự khiến Ngài sống lại (Giăng 2:19-22; 10:17-18); (3) Đức Thánh Linh khiến Chúa Jêsus sống lại (Rô-ma 8:11). Sự nhấn mạnh về Ba Ngôi Đức Chúa Trời cũng được thấy trong câu 9, 10.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Để ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ "Ba ngôi," không phải là chữ Kinh thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

1. Các sách Phúc âm
   a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
   b. Giăng 14:26
2. Công vụ- Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
   a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
   b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
   c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
   d. Ga-la-ti 4:4-6
   e. Eph. 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
   f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
   g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
   h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ- I Phi-e-rơ 1:2
5. Giu-đe- câu 20,21

Cựu ước cũng có hướng về điều này

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời
   a. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
   b. Chữ "chúng ta" trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
   c. Chữ "Một" trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)

2. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh
   a. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
   b. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
   c. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
   d. Xa-cha-ri 3:1-2
3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
4. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mết-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
5. Đấng Mết-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jêsus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm nhặt, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:
1. Tertullian- cho Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen- hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius- không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism- tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh
1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jêsus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh với ba thể hiện thân vị đời đời.

▣ **"cũng ban sự sống cho thân thể chết của anh em"** Sự sống lại của Chúa Jêsus và những người theo Ngài là một tín lý quan trọng (I Cô-rinh-tô 15:1 và những câu tiếp sau; II Cô-rinh-tô 4:14). Cơ đốc giáo khẳng định rằng người tin Chúa sẽ hiện diện trong thân thể trong cõi đời đời (I Giăng 3:2). Nếu Đấng Christ được khiến sống lại bởi Đức Thánh Linh, thì những người theo Ngài cũng vậy (câu 23).

8:12-17 (BẢN NASB)
12 **Vậy, hỡi anh em, chúng ta chẳng mắc nợ xác thịt đâu, đặng sống theo xác thịt.** 13 **Thật thế, nếu anh em sống theo xác thịt thì phải chết; song nếu nhờ Thánh Linh, làm cho chết các việc của thân thể, thì anh em sẽ sống.**14 **Vì hết thảy kẻ nào được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dắt dẫn, đều là con của Đức Chúa Trời.**15 **Thật anh em đã chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi đặng còn ở trong sự sợ hãi; nhưng đã nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó chúng ta kêu rằng: A-ba! Cha!** 16 **Chính Đức Thánh Linh làm chứng cho lòng chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời.** 17 **Lại nếu chúng ta là con cái, thì cũng là kẻ kế tự: kẻ kế tự Đức Chúa Trời và là kẻ đồng kế tự với Đấng Christ, miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài, hầu cho cũng được vinh hiển với Ngài.**

8:12 "Vậy thì" Phao-lô tiếp tục rút ra những ứng dụng từ phần ông đã trình bày trong câu 1-11.

▣ **"chúng ta (chẳng) mắc nợ"** Đây là mặt còn lại của của sự tự do Cơ đốc (14:1-15:13). Đây là kết luật rút ra từ phần bàn luận về sự làm nên thánh trong câu 1-11, là sự nên thánh vừa địa vị (CHỈ ĐỊNH) vừa thực nghiệm (MỆNH LỆNH). Nó cũng cho thấy rõ ràng rằng người tin Chúa vẫn còn phải tranh chiến với

bản chất sa ngã cũ (Rô-ma 7). Có một quyết định đầu tiên (khi mới tin Chúa) và nhiều quyết định khác liên tục cần phải quyết định (đời sống đức tin)!

8:3 "nếu" Có một loạt các CÂU ĐIỀU KIỆN trong câu 9,10,11,13 (hai lần) và 17 (hai lần). Tất cả đều là những CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Phao-lô cho rằng độc giả của ông tại Hội thánh Rôma là những Cơ đốc nhân sống theo Thánh Linh.

▣ **"anh em sống theo xác thịt, thì phải chết"** Các ĐỘNG TỪ trong câu 13 đều ở thì HIỆN TẠI, là thì chỉ hành động tiếp tục diễn ra. Kinh thánh cho biết 3 giai đoạn chết (1) chết thuộc linh (Sáng-thế-ký 2:17; 3:1-7; Ê-phê-sô 2:1); (2) chết thuộc thể (Sáng-thế-ký 5) ; và (3) chết đời đời (Khải huyền 2:11; 20:6,14; 21:8). Sự chết được nói đến trong phân đoạn này là sự chết thuộc linh của A-đam (Sáng-thế-ký 3:14-19) đem lại kết quả là sự chết thuộc thể của dòng giống con người (Sáng-thế-ký 5).
Tội của A-đam đem lại sự chết cho con người (5:12-21). Mỗi người chúng ta đã chọn tham dự vào tội lỗi theo ý của mình. Nếu chúng ta chọn cứ ở trong nó, nó sẽ giết chết chúng ta 'đời đời' (Khải huyền 20:6,14, "sự chết thứ hai"). Là Cơ đốc nhân, chúng ta phải chết với tội lỗi và bản ngã, và sống cho Đức Chúa Trời (Rô-ma 6).

▣ **"nếu bởi Thánh Linh anh em làm cho chết các công việc của thân thể, thì anh em sẽ sống"** Niềm tin chắc chắn về sự cứu rỗi của người tin Chúa được khẳng định và bày tỏ qua lối sống Cơ đốc của họ (sách Gia-cơ và I Giăng). Người tin Chúa không sống cuộc sống đó bởi sức riêng, nhưng bởi sự trợ giúp của Đức Thánh Linh (câu 14). Tuy nhiên, họ phải đầu phục chính mình dưới sự điều khiển của Ngài mỗi ngày (Ê-phê-sô 5:17-18). Trong văn cảnh này, "những việc của thân thể" là đời sống của thời kỳ tội lỗi cũ. Đây không phải là sự dứt bỏ hẳn sự hiện diện của thân thể (8:320, nhưng là sự tương phản giữa việc Đức Thánh Linh ngự vào lòng (thời kỳ mới) và sự tranh chiến với tội lỗi (thời kỳ cũ).

8:14 "tất cả những ai được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dắt dẫn" Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE PARTICIPLE), cho thấy sự hướng dẫn liên tục từ Thánh Linh. Đức Thánh Linh khiến chúng ta đến gần với Đấng Christ và thành hình Đấng Christ trong chúng ta (câu 29). Cơ đốc giáo còn có một điều gì đó hơn là chỉ là một quyết định. Nó thật sự là một tiến trình đào tạo môn đệ bắt đầu bằng một quyết định. Nó không nói đến những sự kiện quan trọng, thời điểm, hay các mục vụ, nhưng là những hành động sinh hoạt hằng ngày.

▣ **"con Đức Chúa Trời"** cụm từ SỐ NHIỀU này được dùng trong Cựu ước cho các thiên sứ và rất ít khi dành cho con người. SỐ ÍT được dùng cho A-đam, Y-sơ-ra-ên, vua của Y-sơ-ra-ên và Đấng Mết-si-a. Ở đây nó chỉ tất cả những người tin Chúa. Trong câu 14 chữ Hy-lạp *huioi* (các con trai) được dùng đến, trong câu 16, chữ *tekna* (con cái). Chúng được dùng đồng nghĩa với nhau trong ngữ cảnh này.

8:15 "thần trí" Giống như câu 10, câu này không rõ ràng. Nó có thể chỉ một tâm linh mới trong Đấng Christ của những người được cứu hay là nói đến Đức Thánh Linh. Cả hai ý nghĩa đều được thấy trong câu 16.
Có một vài chỗ trong các thư tín Phao-lô dùng cấu trúc ngữ pháp này để mô tả điều Đức Thánh Linh đem lại trong đời sống cá nhân người tin Chúa.

(1) ở đây nói đến "không phải thần trí của sự làm tôi mọi" nhưng là "thần trí của sự làm con nuôi," câu 15
(2) "ý nhu mì," trong I Cô-rinh-tô 4:21
(3) "đồng một lòng tin," Ii Cô-rinh-tô 4:13
(4) "thần trí của sự khôn sáng và của sự tỏ ra," Ê-phê-sô 1:17
Có một số chỗ, đặc biệt là trong I Cô-rinh-tô, Phao-lô dùng chữ *pneuma* để chỉ về chính mình (I Cô-rinh-tô 2:11; 5:3,14; 7:34; 16:8; Cô-lô-se 2:5). Trong ngữ cảnh này câu 10 và 15 hợp với ý nghĩa này nhất.

▣ **"của tôi mọi dẫn đến sự sợ hãi một lần nữa"** Bản chất đặc trưng của con người cũ là sợ hãi. Đặc tính của bản chất mới được mô tả trong câu 14-17.

▣ **"sự làm con nuôi"** Theo luật La-mã sự nhận làm con nuôi rất khó, nhưng khi đã được, điều này trở nên vĩnh viễn (Ga-la-ti 4:4-6). Hình ảnh này hậu thuẫn cho lẽ thật về sự an toàn chắc chắn của người tin Chúa. Một người con ruột có thể bị truất quyền thừa hưởng, nhưng người con nuôi thì không thể làm như vậy. Đây là một trong những hình ảnh về gia đình mà Phao-lô rất thích dùng để diễn tả về sự cứu rỗi (câu 15,23). Giăng và Phi-e-rơ cũng dùng hình ảnh liên hệ đến gia đình, "sự sanh lại" (Giăng 3:30; I Phi-e-rơ 1:3,23).

▣ **"A-ba"** Từ ngữ A-ram này là từ các đứa trẻ gọi cha của chúng ở nhà ('ba' 'bố'). Chúa Jêsus và các môn đồ nói tiếng A-ram. Những người tin Chúa có thể đến với Đức Chúa Trời thánh khiết qua huyết của Chúa Jêsus, Đức Thánh Linh ngự trong lòng bằng một đức tin vững vàng và một sự tin tưởng như trong gia đình (Mác 14:36; Ga-la-ti 4:6). Thật là một điều quá kỳ diệu, con người sa ngã này có thể gọi Đức Chúa Trời là Cha, và Đấng Thánh đời đời lại mong muốn điều này! Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:7 về "Đức Chúa Cha."

8:16 "chính Thánh Linh Ngài" Chữ Hy-lạp cho chữ Thánh Linh ở thể TRUNG TÍNH, vì vậy bản KJV dịch là "Thánh Linh, chính nó," nhưng Thánh Linh là một thân vị; con người có thể làm Ngài buồn (Ê-phê-sô 4:30; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:19), vì vậy dịch "chính Ngài" thì hợp hơn.

▣ **"làm chứng cho tâm linh của chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời"** Như đã trình bày trong câu 13, một khía cạnh cho thấy sự chắc chắn về đức tin là kết quả của những cuộc đời được thay đổi và ảnh hưởng đến người khác (xem sách Gia-cơ và Giăng). Một khía cạnh khác nữa của sự chắc chắn này là Đức Thánh Linh ngự trong lòng đã thay thế sự sợ hãi Đức Chúa Trời bằng tình yêu thương như trong gia đình. Để ý bản dịch RSV và NRSV và cách chấm câu, "khi chúng ta kêu rằng, A-ba! Cha! Chính Thánh Linh Ngài làm chứng cho tâm linh chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời" (Ga-la-ti 4:6). Điều này có nghĩa là sự chắc chắn về sự đức tin cứu rỗi xảy đến khi người tin Chúa có thể gọi Đức Chúa Trời là Cha, bởi Đức Thánh Linh.

Sự làm chứng bên trong của Đức Thánh Linh không nghe thấy được nhưng rất thực dụng

1. Cảm biết tội
2. Muốn trở nên giống Đấng Christ
3. Muốn ở trong gia đình Đức Chúa Trời
4. Thèm khát Lời Chúa
5. Cảm thấy cần phải làm chứng
6. Cảm nhận cần phải dâng hiến hy sinh

Đây là những mong muốn bên trong cho thấy bằng chứng về một đức tin cải đạo.

Vấn đề chắc chắn về sự cứu rỗi đã trở nên một đề tài theo quan điểm hệ phái (1) Thần học Công giáo La-mã bác bỏ khả năng chắc chắn về sự cứu rỗi trong đời này nhưng đặt sự chắc chắn vào việc một người trở thành thành viên của Hội thánh "thật"; (2) John Calvin (truyền thống Cải chánh) đặt sự chắc chắn vào sự lựa chọn (tiền định), nhưng một người không thể biết chắc được điều này cho đến sau cuộc đời này trong Ngày Phán xét; (3) John Wesley (truyền thống Giám lý) dựa vào một tình yêu hoàn hảo (sống không vướng bận với tội lỗi đã biết); (4) hầu hết người Báp-tít có khuynh hướng dựa vào lời hứa Kinh thánh về ân điển miễn phí (nhưng lờ đi những cảnh cáo và lời dạy dỗ). Có hai nguy cơ liên hệ đến sự trình bày nghịch lý về niềm tin chắc chắn về sự cứu rỗi của Cơ đốc nhân trong Tân ước: (1) quá chú trọng đến cái gọi là "một khi đã được cứu, thì sẽ luôn luôn như vậy" và (2) việc quá chú trọng đến việc làm của con người để giữ được cứu rỗi. Hê-bơ-rơ 6 dạy rõ ràng rằng, "một khi đã bị bỏ ra, thì sẽ luôn luôn cứ ở bên ngoài." Nỗ lực của con người (việc lành) không thể giữ cho người tin Chúa được cứu (Ga-la-ti 3:1-14). Nhưng việc lành là mục tiêu của đời sống Cơ đốc (Ê-phê-sô 2:10). Đó là những kết quả tất yếu khi gặp được Đức Chúa Trời và có Đức Thánh Linh ngự trong lòng. Đó là bằng chứng của một sự cải đạo thật.

Sự chắc chắn về sự cứu rỗi không nhằm mục đích làm yếu đi lời kêu gọi sống thánh khiết trong Kinh thánh! Về mặt thần học, sự chắc chắn này dựa vào bản chất và hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời (1) tình yêu và sự thương xót của Đức Chúa Cha; (2) công tác hy sinh đã hoàn tất của Đức Chúa Con và (3) sự mời gọi của Đức Thánh Linh đến Đấng Christ và hình thành Đấng Christ trong lòng người ăn năn. Bằng chứng của sự cứu rỗi này là sự thay đổi thế giới quan, thay đổi tấm lòng, đời sống và hy vọng! Nó không thể dựa vào một quyết định đầy cảm động trong quá khứ mà không có một bằng chứng nào trong lối sống (tức là trái, kết quả, Ma-thi-ơ 7:15-23; 13:20-22). Sự chắc chắn, cũng giống như đời sống Cơ đốc nhân, bắt đầu bằng một sự đáp ứng lại sự thương xót của Đức Chúa Trời và tiếp tục đáp ứng này suốt cả cuộc đời. Nó là một đời sống đức tin được thay đổi và ảnh hưởng sự thay đổi này đến người khác!

▣ **"làm chứng"** Đây là một từ kép *sun* khác. Thánh Linh đồng làm chứng với tâm linh của người tin Chúa. Phao-lô sử dụng từ kép này trong các câu 2:15; 8:16 và 9:1.

8:17 "nếu" Đây là một loạt các CÂU ĐIỀU KIỆN trong câu 9,10,11, 13 (hai lần), và 17 (hai lần). Tất cả đều là những CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Phao-lô cho rằng các độc giả của ông ở Hội thánh Rô-ma là những Cơ đốc nhân.

Trong câu này có 3 TỪ KÉP sử dụng chữ *syn*, có nghĩa là "cùng tham gia với." Người tin Chúa cùng dự phần kế nghiệp với Đấng Christ; người tin Chúa cùng chia sẻ sự khổ nạn với Đấng Christ; và người tin Chúa cùng hưởng vinh quang với Ngài. Có một số từ kép *syn* khác trong câu 22 (2 lần), 26 và 28. Ê-phê-sô 2:5-6 cũng có 3 từ kép *syn* mô tả đời sống của người tin Chúa trong Đấng Christ.

▣ **"kẻ kế tự"** Đây là một hình ảnh khác liên quan đến gia đình được dùng để mô tả người tin Chúa (4:13-14; Ga-la-ti 3:29; 4:1,7).

▣ **NASB, NKJV "miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài"**
NRSV "miễn chúng ta đều chịu đau đớn với Ngài"
TEV "miễn chúng ta đều chia sẻ sự đau đớn của Đấng Christ"
JB "chia xẻ sự đau đớn của Ngài"

Chịu đau đớn là một điều bình thường đối với những người tin Chúa trong thế giới sa ngã này (Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-21; 16:1-2; 17:14; Công-vụ. 14:22; Rô-ma 5:3-4; 8:17; II Cô-rinh-tô 4:16-18; Phi-líp 1:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4; I Phi-e-rơ 4:12-19). Chúa Jêsus đã cho chúng ta một khuôn mẫu (Hê-bơ-rơ 5:8). Phần còn lại của chương này phát triển chủ đề này.

▣ **"được vinh hiển với Ngài"** Trong các sách của Giăng, mỗi khi Chúa Jêsus nói đến sự chết của Ngài, Ngài gọi điều đó là "được vinh hiển." Chúa Jêsus được vinh hiển qua sự chịu khổ. Người tin Chúa, trong phương diện địa vị và thực nghiệm, cũng chia sẻ các sự kiện trong cuộc sống của Chúa Jêsus (Rô-ma 6). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 5:17-18 về sự "Cai trị trong Nước Đức Chúa Trời"

8:18-25 (BẢN NASB)
18 **Vả, tôi tưởng rằng những sự đau đớn bây giờ chẳng đáng so sánh với sự vinh hiển hầu đến, là sự sẽ được bày ra trong chúng ta.** 19 **Thật thế, muôn vật ước ao, nóng nảy mà trông đợi con cái Đức Chúa Trời được tỏ ra.** 20 **Vì muôn vật đã bị bắt phục sự hư không, chẳng phải tự ý mình, bèn là bởi cớ Đấng bắt phục.** 21 **Muôn vật mong rằng mình cũng sẽ được giải cứu khỏi làm tôi sự hư nát, đặng dự phần trong sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời.** 22 **Vì chúng ta biết rằng muôn vật đều than thở và chịu khó nhọc cho đến ngày nay;** 23 **không những muôn vật thôi, lại chúng ta, là kẻ có trái đầu mùa của Đức Thánh Linh, cũng than thở trong lòng đang khi trông đợi sự làm con nuôi, tức là sự cứu chuộc thân thể chúng ta vậy.**24 **Vì chúng ta được cứu trong sự trông cậy, nhưng khi người ta đã thấy điều mình trông cậy rồi, ấy không phải là trông nữa: mình thấy rồi, sao còn trông làm chi?**25 **Song nếu chúng ta trông điều mình không thấy, ấy là chúng ta chờ đợi điều đó cách nhịn nhục.**

8:18 "xem" Dịch theo nghĩa đen có nghĩa là "thêm vào." Đây là động từ theo thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE INDICATIVE). Phao-lô tiếp tục xem xét các ứng dụng của sự chịu khổ Cơ đốc. Đây là thuật ngữ kế toán chỉ sự đi đến một kết luận sau khi đã nghiên cứu kỹ càng. Đây là chủ đề được lặp lại nhiều lần trong thư Rô-ma (Xin xem chú thích ở câu 2:3). Những người tin Chúa phải sống theo lẽ thật thuộc linh mà họ đã hiểu.

▣ **"những sự đau đớn"** Chúng ta biết được một ít về những sự đau đớn này khi phục vụ Chúa trong I Cô-rinh-tô 4:9-12; II Cô-rinh-tô 4:7-12; 6:4-10; 11:24-27; Hê-bơ-rơ 11:35-38.

▣ **"về đời này"** Người Do Thái tin rằng lịch sử thế giới được chia ra làm hai thời kỳ, thời kỳ gian ác đời này và thời kỳ công bình sẽ đến (Ma-thi-ơ 12:32; Mác 10:30). Cựu ước mong đợi một Đấng Mết-si-a thiết lập thời đại công bình mới này. Tuy nhiên, sự đến hai lần của Đấng Christ, lần thứ nhất là Đấng Cứu thế (nhập thể) và lần đến thứ hai là Chúa (sự tái lâm), tạo nên sự trùng lấp giữa hai thời kỳ. Người tin Chúa sống trong sự giằng co giữa "rồi" và "chưa" của Vương quốc Đức Chúa Trời. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 12:2 về "Đời này và Đời sắp tới"

▣ **"đáng…vinh hiển"** Cả hai từ này đều liên hệ đến khái niệm về sức nặng trong Cựu ước- nặng thì có giá trị. "Đáng" là từ rút ra từ thuật ngữ thương mại có nghĩa là "cân nặng như…" Chữ Hê-bơ-rơ "vinh hiển" cũng có gốc từ chữ "nặng," trong ý nghĩa giá trị, như vàng chẳng hạn. Xin xem chú thích ở câu 3:23.

Từ "vinh hiển" trong thư tín Phao-lô có hướng chỉ về thời kỳ cuối cùng. Nó nói đến sự huy hoàng và quyền uy của một Đấng Christ được chúc tụng, vinh hiển khi Ngài trở lại (Cô-lô-se 3:4). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:23.

▣ **"là sự sẽ được bày ra cho chúng ta"** THỂ THỤ ĐỘNG chỉ tác nhân là Đức Chúa Trời hay Đức Thánh Linh (câu 20). Người tin Chúa sống trong thế giới này bằng đức tin không phải bằng mắt thấy (câu 24 và I Cô-rinh-tô 2:9; 13:12; II Cô-rinh-tô 5:7 và Hê-bơ-rơ 11:1).

▣ **"muôn vật đang nóng nảy trông mong"** Muôn vật theo thể chất được nhân cách hóa như một người đang vươn cổ ra dò tìm nơi chân trời. Muôn vật bị ảnh hưởng xấu khi A-đam và Ê-va chống nghịch (Sáng-thế-ký 3:17-19). Tất cả muôn vật cuối cùng sẽ được cứu (ngoại trừ các thiên sứ nổi loạn, những người không tin Chúa, và chỗ biệt lập dành sẵn cho họ, xem Bruce Corley và Curtis Vaughan, *Romans*, trang 95, chú thích 46).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

I. Giới thiệu
   A. Toàn thể muôn vật là nền hay sàn diễn để Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu của Ngài đối với nhân loại.
   B. Nó cùng chịu trong sự sa ngã (Sáng-thế-ký 3:17; 6:1 và tiếp sau; Rô-ma 8:18-20). Nó cũng cùng hưởng sự cứu chuộc ngày cuối cùng (Ê-sai 11:6-9; Rô-ma 8:20-22; Khải huyền 21-22).
   C. Nhân loại đầy tội lỗi, hư hoại đã cưỡng đoạt môi trường thiên nhiên bằng sự bỏ mặc ích kỷ. Sau đây là câu trích từ *The Canon of Westminster*, của Edward Carpenter:
   "sự xâm lấn không ngừng nghỉ của con người, trong bối cảnh toàn cầu, vào vũ trụ xung quanh họ- tức là vào sự sáng tạo của Đức Chúa Trời- một sự tấn công vào bầu khí quyển mà họ đã làm dơ bẩn; vào đường sông biển mà họ đã làm ô uế; đất đai mà họ đã cho thuốc độc; rừng họ đã đốn; không nghĩ đến các tác động lâu dài của sự tàn phá bừa bãi này. Sự tấn công này có tính cách chỗ này một miếng, chỗ nọ một miếng và không có sự hợp tác. Họ coi nhẹ tính cân bằng của thiên nhiên và hậu quả là không có một chút trách nhiệm về việc thế hệ này chịu ơn thế hệ kia."

D. Không những chúng ta gặt lấy kết quả là sự ô nhiễm và khai phá hành tinh của chúng ta, nhưng con cháu chúng ta cũng gặt lấy càng nhiều hơn nữa sự nghiêm trọng không thể làm lại được của những hậu quả này.

II. Các tư liệu Kinh thánh

A. Cựu ước

1. Sáng-thế-ký 1-3
    a. Thiên nhiên tạo vật là một nơi đặc biệt được Đức Chúa Trời dựng nên để giao thông với con người (Sáng-thế-ký 1:1-25).
    Muôn vật thật tốt đẹp (Sáng-thế-ký 1:4,10,12,18,21,25), đúng vậy, thật rất tốt đẹp (Sáng-thế-ký 1:31). Mục đích của chúng là làm chứng cho Đức Chúa Trời (Thi thiên 19:1-16).
    b. Con người là mục đích cao nhất của sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1:26-27).
    c. Con người được tạo nên để thi hành sự quản trị (chữ Hê-bơ-rơ, “bước lên, đạp lên”) như một quản gia cho Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 1:28-30; Thi thiên 8:3-8; Hê-bơ-rơ 2:6-8). Đức Chúa Trời vẫn là Đấng Tạo hóa/Đấng Duy trì/Cứu Chúa/Chúa trên tạo vật (Xuất Ê-díp-tô ký 19:5; Gióp 37-41; Thi thiên 24:1-2; 95:3-5; 102:25; 115:15; 121:2; 124:8; 134:3; 146:6; Ê-sai 37:16).
    d. Quyền quản trị tạo vật của con người có thể được tìm thấy trong Sáng-thế-ký 2:15, “trồng, bảo quản và bảo vệ” (xem Lê-vi-ký 25:23; I Sử ký 29:14).
2. Chúa yêu mến tạo vật, đặc biệt là thú vật
    a. Luật Môi-se về việc đối xử đúng đắn với thú vật
    b. Đức Giê-hô-va chơi với Lê-vi-a-than (Thi thiên 104:26)
    c. Chúa quan tâm đến các con vật (Giô-na 4:11)
    d. Sự hiện diện của thiên nhiên trong ngày cuối cùng (Ê-sai 11:6-9; Khải huyền 21-22)
3. Theo một phương diện, thiên nhiên cũng làm sáng danh Chúa
    a. Thi thiên 19:1-6
    b. Thi thiên 29:1-9
    c. Gióp 37-41
4. Thiên nhiên là một cách Chúa bày tỏ tình yêu và sự thành tín của Ngài đối với giao ước
    a. Phục truyền 27-28; I Các vua 17
    b. Xuyên suốt các sách Tiên tri

B. Tân ước

1. Đức Chúa Trời được xem là Đấng Tạo hóa. Chỉ có một Đấng Tạo hóa, Đức Chúa Trời Ba Ngôi (Elohim, Sáng-thế-ký 1:1; Thánh Linh, Sáng-thế-ký 1:2; và Chúa Jêsus, trong Tân ước). Những điều khác đều được dựng nên.
    a. Công vụ 17:24
    b. Hê-bơ-rơ 11:3
    c. Khải huyền 4:11
2. Chúa Jêsus là tác nhân của Đức Chúa Trời trong sự tạo dựng
    a. Giăng 1:3,10
    b. I Cô-rinh-tô 8:6
    c. Cô-lô-se 1:16
    d. Hê-bơ-rơ 1:2
3. Chúa Jêsus đề cập đến sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với thiên nhiên một cách gián tiếp trong các bài giảng của Ngài
    a. Ma-thi-ơ 6:26,28-30, chim trời và hoa huệ ngoài đồng
    b. Ma-thi-ơ 10:29, chim sẻ
4. Phao-lô khẳng định rằng toàn thể con người phải chịu trách nhiệm về sự hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời trong tạo vật (tức là sự mặc khải tự nhiên, Rô-ma 1:19-20; Khải huyền 21-22).

III. Kết luận
   A. Chúng ta bị cột chặt vào thứ tự tự nhiên này!
   B. Con người tội lỗi đã lạm dụng món quà thiên nhiên của Đức Chúa Trời trong khi họ đã có tất cả những món quà tốt khác từ Ngài.
   C. Thứ tự tự nhiên này có tính tạm thời. Nó sẽ qua đi (II Phi-e-rơ 3:7). Đức Chúa Trời sẽ đem thế giới chúng ta đến một trọng tâm lịch sử. Tội lỗi sẽ cứ lộng hành; nhưng Chúa quyết định giới hạn của nó. Tạo vật sẽ được cứu chuộc (Rô-ma 8:18-25).

▣ **"cho sự tỏ ra"** Từ ngữ này có nghĩa là "kéo màn ra" để bày ra hay nói ra. Nó cũng là tựa của sách cuối cùng trong Tân ước, "Sự khải thị." Lần đến thứ hai thường được xem là sự khải thị hay là lần trở lại (I Cô-rinh-tô 1:7-8; I Phi-e-rơ 17,13)

▣ **"con cái Đức Chúa Trời"**Đây là một cụm từ thông thường thuộc gia đình dùng để chỉ các Cơ đốc nhân (8:14,16). Nó nói đến Đức Chúa Trời là Cha, và Chúa Jêsus là con độc nhất (Giăng 1:18; 3:16,18; Hê-bơ-rơ 1:2; 3:6; 5:8; 7:28; I Giăng 4:9).

Trong Cựu ước Y-sơ-ra-ên được xem là con trai Đức Chúa Trời (Ô-sê 11:1), nhưng cũng là Vua của Con Ngài (II Sa-mu-ên 7). Khái niệm này mô tả lần đầu tiên trong Tân ước ở Ma-thi-ơ 5:9 (Giăng 1:12; II Cô-rinh-tô 6:18; Ga-la-ti 3:26; I Giăng 3:1,10; Khải huyền 21:7).

8:20 NASB, NKJV, NRV "vì muôn vật đã bị dưới quyền sự hư không"
TEV "vì muôn vật đã bị nguyền rủa trở thành vô ích"
JB "không phải vì lỗi của muôn vật để khiến nó không thể đạt đến mục đích của mình"

Ở đây có thể dịch là "hư không." Từ này được dùng diễn tả một số ý nghĩa trong Bản Bảy mươi- vô nghĩa, không giá trị, vô dụng, thần giả dối, và sự trống rỗng. Mọi tạo vật đều trở nên vô dụng trong mục đích mà Đức Chúa Trời đã định trước cho (Sáng-thế-ký 3:17-19), nhưng một ngày nào đó Chúa sẽ cất đi sự nguyền rủa của sự sa ngã này (Khải huyền 22:3). Đây không phải là thế giới mà Chúa đã định cho!

▣ **"nhưng bởi vì Ngài là Đấng bắt phục nó, trong sự hy vọng"** ĐỘNG TỪ ở đây ở thì QUÁ KHỨ THỤ ĐỘNG và rõ ràng là chỉ Đức Chúa Trời (bản NASB, NKJV, TEV). Ngài đã bắt phục muôn phục dưới sự hư không

1. Bởi vì sự chống nghịch của con người
2. Là một cách để khiến con người trở lại với Ngài (Phục truyền 27-29)

Sự hư không có mục đích này chỉ kéo dài trong một thời gian. Những con người được Chúa cứu có một tương lai theo lời hứa (thân thể và thế giới).

Đức Chúa Trời biết trước sự nổi loạn của A-đam. Ngài cho phép nó xảy ra và chọn làm việc với con người sa ngã trong thế giới sa ngã này. Đây không phải là thế giới mà Chúa đã định sẵn. Đây cũng không phải là thế giới mà một ngày nào đó sẽ trở thành (II Phi-e-rơ 3:10; Khải huyền 21:1-3). Xin xem chú thích ở câu 5:2.

8:21 "muôn vật cũng sẽ được giải cứu khỏi làm tôi sự hư nát" Thiên nhiên cũng là một phần của cõi đời đời (Ê-sai 11:6-10). Trời sẽ trở lại tình trạng đất khôi phục lại (Ma-thi-ơ 5:18; 24:35; II Phi-e-rơ 3:10; Khải huyền 21:1). Tương lai có thể sẽ trở lại trong sự phước hạnh của Ê-đen; tương giao giữa Đức Chúa Trời và loài người, người với người, người với vật, và người với trái đất này! Kinh thánh bắt đầu với Đức Chúa Trời, con người và loài vật trong sự giao thông và hòa hợp trong khung cảnh địa đàng (Sáng-thế-ký 1-2) và Kinh thánh cũng kết thúc cách tương tự như vậy (Khải huyền 21-22).

▣ **"trong sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời"** Trong câu 14, người tin Chúa được gọi là "con Đức Chúa Trời"; câu 16 "con cái Đức Chúa Trời"; câu 17 "kẻ kế tự của Đức Chúa Trời." Trong câu 18 sự vinh hiển trong ngày chung kết của Đức Chúa Trời được tỏ ra cho những người tin Chúa. Trong câu 19, muôn vật mong chờ sự tỏ ra của con cái Đức Chúa Trời bởi vì chúng sẽ cùng chia sẻ vinh quang ngày cuối cùng (câu 21). Sự phục hồi muôn vật và đặc biệt là con người, sẽ khiến mục đích đầu tiên của tạo vật

được thành tựu- Đức Chúa Trời và loài người trong ảnh tượng của Ngài ở trong mối liên hệ mật thiết với nhau.

8:22 "muôn vật đều than thở" Đây là một từ kép *sun* khác của Phao-lô, "than thở cùng với." Ông đã phải dùng nhiều chữ như vầy. Có lẽ ông ám chỉ Giê-rê-mi 12:4,11 (Phục truyền 27-29) là chỗ nói đến đất của Y-sơ-ra-ên than thở bởi vì sự bỏ hoang gây ra bởi tội lỗi con người.

▣ **"chịu đau đớn như trong sự sanh nở"** Trong vòng người Do Thái, khái niệm thường được gọi là "sự đau đớn sanh nở thời đại mới" (Mác 13:8). Bình minh của một ngày mới trong sự công bình sẽ có nhiều vấn đề. Tình trạng đạo đức và thuộc linh của hành tinh hư hoại này sẽ trở nên càng xấu hơn (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-12; và bảy dấu ấn, tiếng kèn, và bát thạnh nộ trong Khải huyền 5-18).

Có ba sự "than thở" trong ngữ cảnh này: (1) muôn vật (câu 22); (2) người tin Chúa (câu 23); và (3) Thánh Linh Đấng cầu thay (câu 26), cả ba bởi vì điều đã xảy ra trong Sáng-thế-ký 3 (hình ảnh này được lấy từ câu 16).

8:23 "chúng ta…chính chúng ta…chính chúng ta" Những ĐẠI TỪ này được nhấn mạnh và lặp đi lặp lại.

▣ **"những trái đầu mùa của Đức Thánh Linh"**Từ này được dùng trong tiếng Hy-lạp hiện đại với ý nghĩa "chiếc nhẫn đính hôn." Điều này tương tự với "dấu ấn của Thánh Linh" trong II Cô-rinh-tô 1:22; và "của tin của Đức Thánh Linh" trong II Cô-rinh-tô 5:5 và Ê-phê-sô 1:14.

Trái đầu mùa trong Cựu ước là sự hứa hẹn của một mùa gặt sắp đến. Chúng biểu tượng cho chủ quyền của Đức Chúa Trời trên mọi mùa gặt. Thánh Linh là trái đầu mùa của thời đại mới cũng như Chúa Jêsus là trái đầu mùa của sự sống lại (I Cô-rinh-tô 15:20). Người tin Chúa, là con cái Đức Chúa Trời, ngay cả trong lúc này cũng kinh nghiệm được niềm vui thiên đàng qua Đức Thánh Linh là Đấng ở cùng và ở trong họ. Đây là sự giằng co của "đã rồi" nhưng "chưa" trong sự trùng lấp giữa hai thời kỳ của người Do Thái. Người tin Chúa là công dân nước trời nhưng cũng là người cư ngụ trên đất!

▣ **"hâm hở trông đợi sự nhận làm con nuôi"** Sự nhận làm con nuôi là hình ảnh cứu rỗi liên hệ đến gia đình mà Phao-lô rất thích dùng (câu 15). Sự cứu rỗi của người tin Chúa là một tiến trình bắt đầu bằng quyết định ăn năn và đức tin ban đầu và phát triển dần để trở nên càng giống với Đấng Christ hơn. Người tin Chúa không được cứu toàn vẹn cho đến Ngày Sống lại (câu 30 và I Giăng 3:2).

Chữ "nhận làm con nuôi" không có trong một số bản Hy-lạp (MSS P^{46}, D, F. G. và một số bản La-tin cũ. Tuy vậy, nó có trong các bản a, A,B, C, và một số bản La-tin Vulgate, Syriac, Coptic, và Armenian. Bản UBS^4 cho việc thêm vào chữ này ở mức độ A (chắc chắn).

▣ **"sự cứu chuộc thân thể chúng ta"** Chữ này có nghĩa là "mua chuộc lại." Khái niệm này được dùng trong Cựu ước để diễn tả một người được giải phóng khỏi sự nô lệ bởi một người bà con (*goel*). Từ đó nó được dùng để chỉ về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho con người sa ngã từ sự nô lệ cho tội lỗi.Giá trả cho điều này là đời sống vô tội của Đức Chúa Con nhập thể. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:24.

Giống với Do Thái giáo, Cơ đốc giáo (Gióp 14:14-15; 19:25-26; Đa-ni-ên 12:2) khẳng định rằng người tin Chúa sẽ có một thân thể (không nhất thiết là có hình dạng con người, I Cô-rinh-tô 15:35-49) trong cõi đời đời. Thân thể thuộc linh của người tin Chúa sẽ được chuẩn bị hoàn toàn cho cuộc sống trong thời đại mới, cuộc sống mật thiết với Đức Chúa Trời.

8:24 "chúng ta đã được cứu trong sự hy vọng" Đây là thì CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVE). Như câu 23 đã nói đến sự cứu chuộc trong tương lai của chúng ta, câu 24 nói đến sự cứu chuộc trong quá khứ qua tác nhân Đức Thánh Linh. Tân ước dùng một số THỜI để diễn tả sự cứu rỗi (1) QUÁ KHỨ, Công-vụ 15:11 (Rô-ma 8:24; II Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5 và Rô-ma 13:11 phối hợp thì QUÁ KHỨ với khuynh hướng TƯƠNG LAI); (2) HOÀN THÀNH, Ê-phê-sô 2:5,8; (3) HIỆN TẠI, I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; II Cô-rinh-tô 2:15; I Phi-e-rơ 3:21; 4:18 và (3) TƯƠNG LAI (trong

các thì của động từ hay qua việc suy ra từ ngữ cảnh), Rô-ma 5:9,10; 10:9; I Cô-rinh-tô 3:15*;* Phi-líp 1:28; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28. Vì vậy, sự cứu rỗi bắt đầu với một quyết định đức tin ban đầu và tỏa ra trong một tiến trình đời sống đức tin mà trong một ngày nào đó sẽ được hoàn thành để chúng ta đều thấy (I Giăng 3:2).

8:25 "hy vọng" Phao-lô thường dùng từ này trong một số ý nghĩa khác nhau nhưng có liên quan với nhau. Thông thường nó liên hệ đến sự thành tựu trong đức tin của người tin Chúa. Nó diễn tả qua sự vinh quang, sự sống đời đời, sự cứu chuộc cuối cùng, Sự trở lại lần thứ hai, vân vân…Sự chung kết này là chắc chắn, nhưng yếu tố thời gian thì nằm ở tương lai và không ai biết lúc nào. Nó thường liên hệ đến "đức tin" và "sự yêu thương" (I Cô-rinh-tô 13:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:16). Sau đây là bảng liệt kê một số cách sử dụng của Phao-lô:

1. Sự trở lại lần thứ hai, Ga-la-ti 5:5*;* Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13
2. Chúa Jêsus, hy vọng của chúng ta, I Ti-mô-thê 1:1
3. Người tin Chúa sẽ được trình trước mặt Đức Chúa Trời, Cô-lô-se 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19 Sự hy vọng đặt để ở trên trời, Cô-lô-se 1:5
4. Sự tin cậy vào Phúc âm, Cô-lô-se 1:23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19
5. Sự cứu chuộc cuối cùng, Cô-lô-se 1:5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13; 5:8
6. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời , Rô-ma 5:2, II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-se 1:27
7. Sự cứu rỗi của người ngoại qua Đấng Christ, Cô-lô-se 1:27
8. Niềm tin chắc chắn về sự cứu rỗi, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8
9. Sự sống đời đời, Tít 1:2; 3:7
10. Kết quả của sự trưởng thành Cơ đốc, Rô-ma 5:2-5
11. Sự cứu chuộc muôn vật, Rô-ma 8:20-22
12. Chung kết của sự làm con nuôi, Rô-ma 8:23-25
13. Danh hiệu của Đức Chúa Trời ,Rô-ma 13:13
14. Phao-lô mong muốn cho người tin Chúa, II Cô-rinh-tô 1:7
15. Cựu ước là hướng dẫn cho những người tin Chúa thời Tân ước, Rô-ma 15:4

▣ **"cách nhịn nhục"**Chữ *hupomone* cũng được dùng trong câu 5:3 và 15:4-5. Sự cứu rỗi của người tin Chúa ở trong một tiến trình trưởng thành và một ngày nào đó sẽ hoàn thành. Sự nhịn nhục (Khải huyền 2:8,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7) là một sự cân bằng theo Kinh thánh cần thiết cho niềm tin được nhấn mạnh quá mấu "một khi đã được cứu thì luôn luôn được cứu" của người Báp-tít. Đa số các lẽ thật Kinh thánh đều được diễn tả trong những cặp biện chứng đầy căng thẳng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỖ

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích bởi vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hay không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn

a. Câu nói của Chúa Jêsus (Giăng 6:37; 10:28-29)
b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)

2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
   a. Câu nói của Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24- 30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10;Khải huyền 2:7,17,20;3:5,12,2l)
   b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
   c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
   d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
   e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót,và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng lại bằng đức tin và ăn năn, trong lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm!

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Chúa Jêsus đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Chúa Jêsus.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không phải theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of Đức Chúa Trời*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh! Bạn ở trong nhóm nào?

8:26-27 (BẢN NASB)
26 **Cũng một lẽ ấy, Đức Thánh Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin đặng cầu nguyện cho xứng đáng; nhưng chính Đức Thánh Linh lấy sự thở than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta.**27 **Đấng dò xét lòng người hiểu biết ý tưởng của Thánh Linh là thể nào, vì ấy là theo ý Đức Chúa Trời mà Ngài cầu thế cho các thánh đồ vậy.**

8:26 "cũng một lẽ ấy" Cụm từ này liên kết mục vụ cầu thay của Đức Thánh Linh với sự "than thở và trông mong" trong câu 23-25.

▣ **"Đức Thánh Linh giúp"** Động từ này ở thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) INDICATIVE). Đây là từ kép *syn* (câu 23) và *anti*. Từ này tốt nhất nên dịch là "giữ lấy, nắm chặt." Từ ngữ này được tìm thấy chỉ trong câu này và trong Lu-ca 10:40. Cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều nhắm đến người tin Chúa. Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con đến để chết thay cho con người, và Ngài cũng đang cầu thay cho chúng ta (câu 34; I Giăng 2:1). Đức Thánh Linh đem con người sa ngã đến với Đấng Christ và nắn họ trở nên giống với Đấng Christ (Giăng 16:8-15). Tuy nhiên, chữ "giúp đỡ," có nghĩa là "nắm lấy với ai đó," hàm ý người tin Chúa cũng có phần trong sự đem sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh vào (sự cầu thay).

▣ **"Đức Thánh Linh cầu thay cho chúng ta với sự than thở quá sâu sắc không diễn tả được bằng lời"** Người tin Chúa than thở trong sự sa ngã của mình và Đức Thánh Linh than thở trong sự cầu thay cho họ. Thánh Linh trong lòng những người được cứu cầu nguyện cho họ, và Chúa Jêsus ở bên hữu Đức Chúa Trời cũng cầu thay cho họ (câu 27,34; Hê-bơ-rơ 9:24; I Giăng 2:1). Sự cầu thay này thêm năng lực cho Cơ đốc nhân để cầu nguyện (câu 15; Ga-la-ti 4:6). Đoạn Kinh thánh này theo văn mạch không phải chỉ đến các ân tứ nói tiếng lạ thuộc linh, nhưng đó là sự cầu thay của Đức Thánh Linh với Đức Chúa Cha thay mặt cho những người tin Chúa.

▣ **"cầu thay"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:30 "Cách Phao-lô sử dụng chữ *Huper*"

8:27 "Đấng dò xét trong lòng" Đây là chủ đề xuất hiện nhiều lần trong Cựu ước (I Sa-mu-ên 2:7; 16:7; I Các Vua 8:39; I Sử ký 28:9; II Sử ký 6:30; Thi thiên 7:9; 44:21; Châm ngôn 15:11; 20:27; 21:2; Giê-rê-mi 11:20; 17:9-10; 20:12; Lu-ca 16:15; Công-vụ 1:24; 15:8). Đức Chúa Trời biết rõ mỗi chúng ta mà vẫn thương yêu chúng ta (Thi thiên 139).

▣ **"Ngài cầu thay cho các thánh đồ"** Công tác của Đức Thánh Linh được trình bày rõ ràng trong Giăng 16:2-15. Một trong những công tác đó là cầu thay. Chữ "thánh đồ" luôn ở SỐ NHIỀU ngoại trừ trong Phi-líp 4:21 nó cũng chỉ mọi người tin Chúa. Cơ đốc nhân là thành viên trong gia đình Đức Chúa Trời, thân thể Đấng Christ, đền thờ mới dựng nên từ những cá nhân tin nhận Chúa. Đây là một điểm thần học cần thiết để tạo sự cân bằng khi so sánh với chủ nghĩa cá nhân của người Tây phương (người Mỹ). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:7

8:28-30 (BẢN NASB)
28 **Vả, chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời, tức là cho kẻ được gọi theo ý muốn Ngài đã định.**29 **Vì Ngài cũng đã định sẵn để nên giống như hình bóng Con Ngài, hầu cho Con nầy được làm Con cả ở giữa nhiều anh em;**30 **còn những kẻ Ngài đã định sẵn, thì Ngài cũng đã gọi, những kẻ Ngài đã gọi, thì Ngài cũng đã xưng là công bình, và những kẻ Ngài đã xưng là công bình, thì Ngài cũng đã làm cho vinh hiển.**

8:28 "mọi sự" Các bản uncial tiếng Hy-lạp cổ A và B có những chữ sau "Đức Chúa Trời khiến mọi sự." Bản papyrus P^{46} có chữ "Đức Chúa Trời" làm chủ từ cho "hiệp lại." Cũng có thể trong phương diện ngữ pháp chủ từ của câu 28 là "Đức Thánh Linh" (câu 27 và bản NEB và REB). Câu này cũng liên quan đến sự "chịu khổ" trong câu 17-18; và sự "than thở" trong câu 23. Không có cái gọi là may mắn, vận mệnh, hên xui đối với người tin Chúa.

▣ **"hiệp lại làm ích"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE). Nó cũng là từ kép *syn* (câu 26). Vì vậy, theo từng chữ nó có nghĩa là " mọi sự tiếp tục hiệp lại với nhau để làm ích." Đây là một khái niệm khó hiểu trong một thế giới đầy sự gian ác và đau khổ (hai cuốn sách giúp ích cho vấn đề này là *The Goodness of God* của Wenham và Hannah Whithall Smith *The Christian's Secret of a Happy Life*). Chữ "ích" ở đây được định nghĩa trong câu 29 nghĩa là "trở nên giống như hình bóng Con Ngài." Sự trở nên giống với Đấng Christ, chứ không phải sự giàu sang, danh vọng, hay sức khỏe, là điều hoạch định không thể thay đổi của Đức Chúa Trời cho mọi người tin Ngài.

▣ **"cho những người yêu mến Ngài, những người được gọi theo mục đích của Ngài"** Có hai ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLES) ở đây. Đây là hai điều kiện khiến người tin Chúa có thể nhìn cuộc sống trong một ánh sáng tích cực hơn, dù hoàn cảnh có ra sao (câu 15). Một lần nữa để ý các khía cạnh giao ước đôi sự tự do của con người ("tình yêu") và chủ quyền tối thượng của Đức Chúa Trời ("được gọi").

8:29-30 Các động từ trong những câu này đều ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVES). Chúng tạo ra một chuỗi mắc xích bắt đầu từ trước khi có thời gian cho đến khi không còn thời gian nữa. Đức Chúa Trời biết rõ chúng ta và vẫn ở cùng chúng ta, và Ngài muốn chúng ta ở với Ngài. Đây là ngữ cảnh phản ánh tính tập thể, không phải cá nhân. Hành động cuối cùng- làm cho vinh hiển- vẫn còn ở trong tương lai, nhưng trong ngữ cảnh này nó được nói đến như một sự kiện đã hoàn thành.

8:29 "biết trước" Phao-lô dùng chữ này hai lần, ở đây và trong câu 11:2. Trong câu 11:2 nó chỉ tình yêu giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên trước khi có thời gian. Nên nhớ chữ "biết" trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ mối quan hệ khắng khít, cá nhân, chứ không phải chỉ là những dữ kiện về một người nào (Sáng-thế-ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Ở đây nó được đặt vào một loạt các sự kiện (câu 29-30). Chữ này liên kết với sự tiền định. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự biết trước của Đức Chúa Trời không phải là căn bản dựa vào đó để chọn lựa vì nếu như vậy sự chọn lựa sẽ dựa vào sự đáp ứng trong tương lai của con người sa ngã, mà như vậy là căn cứ trên việc làm của con người. Chữ này cũng được tìm thấy trong Công-vụ 26:5; I Phi-e-rơ 1:2,20 và II Phi-e-rơ 3:17).

▣ **"đã định sẵn"** Chữ "biết trước" (*proginosko*) hay "định sẵn" (*proorizo*) đều là các từ kép với giới từ "trước" (*pro*) và vì vậy nên dịch là "biết trước," "định sẵn trước," hay "giới hạn trước."

Những phân đoạn quyết định về chủ đề thuyết tiền định trong Tân ước là Rô-ma 8:28-30; Ê-phê-sô 1:3-14 và Rô-ma 9. Rõ ràng các phân đoạn này nhấn mạnh đến chủ quyền tối cao của Đức Chúa Trời. Ngài cầm quyền trên tất cả mọi sự, trong đó có lịch sử loài người. Có một kế hoạch cứu chuộc được vạch sẵn được thực hiện khi đến thời điểm. Tuy nhiên, kế hoạch này không phải là tùy tiện hay có chọn lựa. Nó không chỉ dựa vào chủ quyền tối cao và sự biết trước của Đức Chúa Trời, nhưng nó cũng dựa vào bản chất yêu thương, thương xót, ân điển cho những người không xứng đáng của Ngài.

Chúng ta nên cẩn thận về chủ nghĩa cá nhân Tây phương (Âu Mỹ) hay nhiệt huyết của Tin lành thuần túy để tô thêm màu cho lẽ thật kỳ diệu này. Chúng ta cũng phải xem chừng để không bị rơi vào thái cực mâu thuẫn về thần học lịch sử giữa Augustine và Pelegius hay thuyết Calvin và Arminian.

Thuyết tiền định không phải là một tín lý nhằm giới hạn tình yêu, ân điển, và sự thương xót của Đức Chúa Trời hay bỏ một số người ra khỏi Phúc âm. Nó nhằm làm cho người tin Chúa trở nên mạnh mẽ hơn bằng cách nhào nặn thế giới quan của họ. Đức Chúa Trời là cho <u>tất cả</u> mọi người (Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Ngài cầm quyền trên mọi sự. Ai hay điều gì có thể phân rẽ chúng ta khỏi Ngài (Rô-ma 8:31-39)? Thuyết tiền định tạo ra một trong hai cách để nhìn cuộc đời. Ngài nhìn toàn lịch sử trong hiện tại. Con người bị giới hạn bởi thời gian. Tầm nhìn và khả năng lý trí của chúng ta bị giới hạn. Không có một sự mâu thuẫn nào giữa chủ quyền tuyệt đối của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Đây là một cấu trúc theo giao ước. Đây là một ví dụ khác về lẽ thật Kinh thánh trình bày trong sự căng thẳng biện chứng. Các lẽ đạo Kinh thánh thường được trình bày từ các quan điểm khác nhau. Chúng thường được thấy như có vẻ nghịch lý với nhau. Lẽ thật là sự cân bằng giữa hai cặp xem dường như đối nghịch. Chúng ta không được cất bỏ sự căng thẳng này bằng cách chọn một trong hai lẽ thật. Chúng ta không được tách biệt bất cứ một lẽ thật Kinh thánh nào và nhốt nó vào một chỗ một mình nó.

Điều quan trọng thêm vào nữa là mục đích của sự chọn lựa không phải chỉ là thiên đàng khi chúng ta chết đi, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ (Ê-phê-sô 1:4; 2:10)! Chúng ta được chọn để trở nên "thánh và không chỗ trách được." Ngài muốn thay đổi chúng ta để người khác thấy sự thay đổi này và đáp ứng với Ngài bằng đức tin trong Đấng Christ. Thuyết tiền định không phải là một đặc ân cá nhân nhưng là một trách nhiệm theo giao ước!

▣ **"*để* trở *nên* giống với hình bóng Con Ngài"** Đây là lẽ thật chính trong phân đoạn này. Đây là mục tiêu của Cơ đốc giáo (Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 4:13). Sự thánh khiết là điều Chúa muốn cho mọi người tin Chúa. Chúa chọn chúng ta để trở nên giống với Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4), không phải là một địa vị đặc biệt. Ảnh tượng của Đức Chúa Trời đã ban cho con người trong sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1:26; 5:1, 3; 9:6) sẽ được phục hồi (Cô-lô-se 3:10). Xin xem chú thích ở câu 8:21 và Chủ đề đặc biệt "Được kêu gọi" trong câu 1:6.

▣ **"hầu cho Ngài trở nên Con cả giữa nhiều anh em"** Trong Thi thiên 89:27 "con cả" là danh hiệu của Đấng Mết-si-a. Trong Cựu ước con trai cả có sự vượt trội hơn và đặc ân. Chữ này được dùng trong Cô-lô-se 1:15 để chỉ sự vượt trội của Chúa Jêsus trong sự sáng tạo và trong Cô-lô-se 1:18, Khải huyền 1:5 cho

thấy sự vượt trội của Chúa Jêsus trong sự sống lại. Trong đoạn này người tin Chúa được đem vào trong sự vượt trội của Ngài qua chính Ngài!

Chữ này không chỉ sự nhập thể của Chúa Jêsus, nhưng chỉ Chúa là đầu của một dòng giống mới (5:12-21), người đầu tiên trong một chuỗi, người tiên phong trong đức tin chúng ta, là kênh dẫn ơn phước của Đức Chúa Cha đến cho gia đình đức tin!

8:30 "được làm cho vinh hiển" Kinh thánh thường mô tả Chúa bằng từ "vinh hiển." Chữ này có nguồn gốc từ thuật ngữ thương mại có nghĩa là "nặng" và vì vậy hàm ý là có giá trị, giống như vàng. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:23. Về mặt thần học, Đức Chúa Trời đang cứu chuộc con người sa ngã qua một loạt các bước liệt kê trong câu 29-30. Chặng cuối cùng là "sự làm cho vinh hiển." Đây sẽ là sự cứu rỗi hoàn toàn cho những người tin Chúa. Nó sẽ xảy ra trong ngày Sống lại khi họ được ban cho thân thể thuộc linh mới (I Cô-rinh-tô 15:50-58) và được liên kết hoàn toàn với Đức Chúa Trời Ba Ngôi và với nhau (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18; I Giăng 3:2).

8:31-39 (BẢN NASB)
31 **Đã vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao? Nếu Đức Chúa Trời vùa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?** 32 **Ngài đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy cho, thì Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao?** 33 **Ai sẽ kiện kẻ lựa chọn của Đức Chúa Trời: Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình những kẻ ấy.** 34 **Ai sẽ lên án họ ư? Đức Chúa Jêsus Christ là Đấng đã chết, và cũng đã sống lại nữa. Ngài đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, cầu nguyện thế cho chúng ta.**35 **Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Đấng Christ? có phải hoạn nạn, khốn cùng, bắt bớ, đói khát, trần truồng, nguy hiểm, hay là gươm giáo chăng?** 36 **Như có chép rằng: Vì cớ Ngài, chúng tôi bị giết cả ngày; Họ coi chúng tôi như chiên định đem đến hàng làm thịt.** 37 **Trái lại, trong mọi sự đó, chúng ta nhờ Đấng yêu thương mình mà thắng hơn bội phần.**38 **Vì tôi chắc rằng bất kỳ sự chết, sự sống, các thiên sứ, các kẻ cầm quyền, việc bây giờ, việc hầu đến, quyền phép,** 39 **bề cao, hay là bề sâu, hoặc một vật nào, chẳng có thể phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương mà Đức Chúa Trời đã chứng cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta.**

8:31 "Vậy thì chúng ta sẽ nói làm sao?" Đây là cụm từ Phao-lô thích dùng, nó diễn tả dạng trình bày theo cách biện luận của ông (3:5; 4:1; 6:1; 7:7; 9:14,30). Câu hỏi này liên quan đến một số lẽ thật đã trình bày trước đó. Không rõ nó ám chỉ phần trước đó bao xa. Nó có thể ám chỉ phân đoạn 3:21-31 hay là 8:1 hay là 8:18. Bởi vì có chữ "vậy thì" trong câu 8:1, theo ngữ cảnh này có lẽ câu 8:18 là suy đoán thích hợp nhất.

▣ **"nếu"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Thật lạ lùng, giữa những tranh đấu của chúng ta, Đức Chúa Trời ở bên chúng ta!

▣ **"ai nghịch với chúng ta"** Đại từ "ai" được lặp lại trong câu 33,34,và 35. Nó chỉ Sa-tan. Phân đoạn này từ câu 31-39 dùng lối văn chương Cựu ước của các tiên tri, hình ảnh một vụ kiện trước tòa (Mi-chê 1 và 6). Đức Giê-hô-va đã đem dân Ngài đến tòa vì sự tà dâm thuộc linh của họ. Câu này liên hệ đến Ê-sai 50:8-9.

Để ý từ ngữ về luật "nghịch lại" trong câu 31; "kiện" trong câu 33; "xưng công bình" câu 33; "lên án" câu 34; và "cầu nguyện thế" câu 34. Đức Chúa Trời là Quan tòa, Đấng Christ là Luật sư bào chữa. Sa-tan là luật sư kiện tụng (nhưng hắn yên lặng). Thiên sứ ngồi đầy tòa án như những người quan sát (I Cô-rinh-tô 4:9; Ê-phê-sô 2:7; 3:10).

8:32 "Ngài đã không chừa ra Con Ngài" Đức Chúa Cha đã ban cho con người hư hoại này điều tốt nhất của Ngài. Ngài sẽ không bỏ những người tin Ngài trong lúc này và cũng không ban cho họ điều thứ yếu (Giăng 3:16; Rô-ma 5:8). Khái niệm về một Đức Chúa Trời phán xét và một Chúa Jêsus yêu thương: hai điều này dường như đi trật xa mục tiêu! Món quà tột bực này được phản ảnh qua lời của Chúa nói với Áp-

ra-ham trong Sáng-thế-ký 22:12,16. Các thầy rabi dùng phân đoạn Cựu ước này để ủng hộ cho giáo lý chuộc tội thế cho dòng giống Áp-ra-ham.

▣ **"mà phó Con ấy cho tất cả chúng ta"** Chữ "tất cả" trong câu này rất có ý nghĩa. Chúa Jêsus đã chết cho tội lỗi của cả thế giới này (Lu-ca 2:10-11; Giăng 3:16; 4:42; 11:51; I Ti-mô-thê 4:10; I Giăng 2:2; 4:14). Nó biểu hiện hình bóng A-đam- Đấng Christ trong 5:12-21. Sự chết của Chúa Jêsus đã giải quyết vấn đề tội lỗi. Giờ đây chỉ còn vấn đề "tin và nhận."

▣ **"ban mọi sự cho chúng ta"** Động từ này trong tiếng Hy-lạp có gốc từ chữ ân điển. "mọi sự" chỉ về câu 17.

8:33-34 "kiện…xưng công bình..lên án…cầu thay" Đây là những từ ngữ theo pháp lý. Câu 31-39 là cảnh trạng tòa án nơi thiên đàng. Câu này có thể đề cập ngược lại từ Ê-sai 50:8-9.

8:33 "kẻ chọn lựa của Đức Chúa Trời" Chúa Jêsus là Người Đức Chúa Trời chọn lựa cho mọi người (Barth). Các phân đoạn rõ ràng và đầy đủ nhất về lẽ thật này trong Tân ước là Ê-phê-sô 1:3-4 và Rô-ma 9:14-26. Đức Chúa Cha chọn Chúa Jêsus để chọn con người. Chúa Jêsus là lời trả lời "Vâng!" của Đức Chúa Trời đối với câu nói "Không!" từ con người.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Jêsus là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jêsus là câu trả lời "vâng" của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lờ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm!Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mối liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý (Một Đức Chúa Trời cách biệt và một Đức Chúa Trời gần gũi, ví dụ sự cứu rỗi chắc chắn và sự trung kiên; Chúa Jêsus ngang bằng với Đức Chúa Cha và Chúa Jêsus chịu phục Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ đốc nhân và trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với người bạn theo giao ước…vân vân…).

Khái niệm thần học về "sự giao ước" làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

8:34 Câu này liệt kê một số khía cạnh trong mục vụ của Chúa Jêsus (1) Chúa chết, (2) Ngài sống lại, (3) Ngài ở bên hữu Đức Chúa Trời, và (4) Ngài cầu thay cho những người tin Ngài.

Sự chết của Chúa Jêsus đã trả án phạt cho tội lỗi của chúng ta (Ê-sai 53; Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21). Sự sống lại của Chúa Jêsus cho thấy Đức Chúa Cha công nhận mục vụ của Đức Chúa Con và ban sự hy vọng trước sự bắt bớ và sự chết. Việc Chúa Jêsus được làm vinh hiển ở bên hữu Cha và cầu thay cho những người tin Ngài thêm cho họ sự can đảm để chiến đấu trong cuộc chiến đức tin tốt lành.

▣ **"bên hữu Đức Chúa Trời"** Đây là một hình ảnh nhân học. Đức Chúa Trời không có một thân thể vật chất này. Ngài là "Thần đời đời." Hình ảnh này nói đến nơi chốn của quyền lực, thẩm quyền và sự vượt trội hơn tất cả. Phao-lô không dùng cụm từ này nhiều lần (Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-se 3:1). Ông có lẽ đã trích từ tín điều của Hội thánh đầu tiên trong câu 34 (Phi-líp 2:6 và tiếp theo; I Ti-mô-thê 3:16).

▣ **"cầu thay"** Mục vụ của Chúa Jêsus vẫn tiếp tục. Ngài cầu thay cho chúng ta (Hê-bơ-rơ 4:4-16; 7:25) và Đức Thánh Linh cũng vậy (câu 26-27). Chữ này từ chữ *paraclete*, được dùng cho Đức Thánh Linh trong Giăng 16:14 và cho Đức Chúa Con trong I Giăng 2:1. Đây là một tham khảo khác chỉ về bài ca người nô lệ chịu khổ (Ê-sai 53:12).

8:35 "tình yêu của Đấng Christ" Ở đây có thể là BÀN THÁI CÁCH (SUBJUNCTIVE) hay là TÍNH TỪ SỞ HỮU MỤC TIÊU (OBJECTIVE GENITIVE). Nó có thể là (1) tình yêu của Đấng Christ dành cho những người tin nhận Ngài, hay là (2) tình yêu của những người tin Chúa dành cho Ngài. Lựa chọn 1 thích hợp với ngữ cảnh này nhất (và II Cô-rinh-tô 5:14) bởi vì tình yêu của người tin Chúa dành cho Ngài có thể đến rồi đi, nhưng tình yêu của Đấng Christ dành cho chúng ta thì chắc chắn và không giao động.

Có một dị bản trong tiếng Hy-lạp liên quan đến cụm từ này. Một bản Hy-lạp cổ viết "tình yêu của Đức Chúa Trời" (bản a). Một bản khác kết hợp chúng lại "tình yêu của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ" (bản B). Những người thu thập bản UBS[4] cho cụm từ "tình yêu của Đấng Christ" loại A (nghĩa là chắc chắn). Nó xuất hiện trong các bản C, D, F, G, và hầu hết các bản Latin cổ, bản Vulgate và Peshitta.

▣ **"hoạn nạn, khốn cùng, bắt bớ"** Cơ đốc nhân sẽ gặp những khổ nạn trong thế giới này, nhưng những điều này và quyền lực của sự ác cũng không thể tách rời họ khỏi Đức Chúa Trời. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 5:3 "Sự hoạn nạn"

8:36 Đây là câu trích từ Thi thiên 44:22. Trong Thi thiên này con dân Chúa đang bị đau khổ kêu cầu để Ngài giải cứu họ.

8:37 NASB "Nhưng trong tất cả mọi sự chúng ta chiến thắng bội phần"
NKJV "Nhưng trong tất cả mọi sự này, chúng ta còn hơn là những người chiến thắng"
NRSV "Không, trong tất cả mọi sự này, chúng ta còn hơn là những người chiến thắng"
TEV "Không, trong mọi sự này chúng ta có một chiến thắng trọn vẹn qua chính Ngài"
JB "đây là những thử thách qua đó chúng ta đắc thắng"

Đây là một dạng tăng cường của chữ "chiến thắng." Phao-lô chắc đã dùng chữ này (*hyper +nikao*). Đây là một hình ảnh tượng trưng pha trộn tuyệt vời, "những con cừu chiến thắng." Những người tin Chúa là những người chiến thắng qua Đấng Christ (Giăng 16:33; I Giăng 2:13-14; 4:4; 5:4). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:30 "Cách Phao-lô sử dụng chữ *Huper*"

▣ **"nhờ Đấng yêu thương chúng ta"** ĐẠI TỪ này có thể chỉ Đức Chúa Cha hay Đức Chúa Con.

8:38 "Tôi chắc rằng" Động từ này ở thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE), có nghĩa là "tôi đã và sẽ tiếp tục chắc chắn rằng."

▣ **"các thiên sứ"** Các thầy rabi cho rằng các thiên sứ ganh tị vì Chúa yêu thương và để ý đến con người, cho nên họ hiềm thù con người. Các giáo sư giả thuộc Trí huệ giáo khẳng định rằng sự cứu rỗi chỉ có được qua những mật khẩu bí mật trong thế giới thiên thần đầy thù hận (xem Cô-lô-se và Ê-phê-sô).

Giáo sư George Eldon Ladd trong cuốn *A Theology of the New Testament* trình bày một tóm tắt rất tốt về những từ ngữ Phao-lô dùng để chỉ các thiên thần: "Phao-lô không chỉ nói đến các thiên thần tốt và xấu, đến Satan và các quỷ; nhưng ông cũng dùng một nhóm từ khác để chỉ thứ bậc của các thiên thần. Các thuật ngữ được liệt kê như sau:

- 'Cai trị' [*arche*], I Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21; Cô-lô-se 2:10
- 'Những người cai trị' [*archai*; RSV, "các chủ quyền"], Ê-phê-sô 3:10; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:15; Rô-ma 8:38
- 'Thẩm quyền' [*exousia*], I Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21; Cô-lô-se 2:10
- 'Các thẩm quyền' [*exousiai*; RSV, "các thẩm quyền"], Ê-phê-sô 3:10; 6:12; Cô-lô-se 1:16; 2:15
- 'Quyền lực' [*dynamis*], I Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:21
- 'Các quyền lực' [*dynameis*], Rô-ma 8:38
- 'Các ngôi' [*thronoi*], Cô-lô-se 1:16
- 'Chủ quyền' [*kyriotes;*RSV, "chủ quyền"], Ê-phê-sô 1:21
- 'Các chủ quyền' [*kyriotetes*], Cô-lô-se 1:16
- 'Những kẻ cai trị thuộc sự mờ tối trong thế giới,' Ê-phê-sô 6:12
- 'Các thần dữ ở các miền trên trời,' Ê-phê-sô 6:12
- 'Quyền của sự tối tăm,' Cô-lô-se 1:13
- 'Mọi danh vang ra,' Ê-phê-sô 1:21
- 'Mọi hữu thể trên trời, dưới đất, bên dưới đất,' Phi-líp 2:10" (p. 401).

Không có một thông tin trực tiếp nào từ Kinh thánh về sự liên hệ giữa các thiên thần sa ngã trong Cựu ước và các quỷ trong Tân ước. Nhiều người cho rằng chúng là một. Trong văn chương ngày tận thế của người Do Thái, các quỷ sứ là các thần của Nephilim trong Sáng-thế-ký 6, là những người nửa người nửa thiên thần. Thân thể của chúng đã bị hủy diệt trong cơn nước lụt, vì vậy, chúng tìm kiếm chỗ để nhập vào! Đây chỉ là phỏng đoán mà thôi. Kinh thánh không trả lời tất cả các câu hỏi của chúng ta về những xuất xứ này; mục đích của nó là sự cứu chuộc con người, chứ không phải là sự tò mò của họ!

▣ **"các chủ quyền…các quyền lực"** Điều này nói đến (1) các thế lực thần dữ và quỷ sứ của đời này (Ê-phê-sô 2:2; 6:12; I Cô-rinh-tô 15:24; Cô-lô-se 1:16), hay là (2) có thể là các cấu trúc phi nhân tánh của thế giới sa ngã này (tôn giáo, chính quyền, giáo dục, y khoa, v.v…) tạo điều kiện để con người sa ngã này tự lập không cần Đức Chúa Trời (xem Hendrickus Berkhoff, *Principalities and Powers*).

8:39 "chiều cao hay chiều sâu" Những từ ngữ này được dùng để chỉ điểm xa quả đất nhất (apogee) và điểm gần quả đất nhất (perigee) của các ngôi sao, là điều người xưa tin rằng đây là các vị thần kiểm soát mạng sống loài người (chiêm tinh học). Sau đó chúng trở thành các thuật ngữ dùng trong tà giáo gọi là Trí huệ giáo để chỉ *eons* hay là các cấp bậc thiên thần giữa thần thánh khiết và thần thấp hơn là thần tạo ra vật chất tội lỗi.

▣ **"bất cứ một điều gì được dựng nên"** Dịch từng chữ là "sinh vật thuộc loại khác" (*heteros*). Ngữ cảnh này buộc phải suy đoán rằng đây là một tham khảo xa hơn về các quyền lực thiên thần. Sự phân biệt giữa giới từ tiếng Hy-lạp *heteros*, một loại khác, và *allos*, cái khác nhưng cùng loại, đã trở nên lỗi thời trong tiếng Hy-lạp bình dân, nhưng ngữ cảnh này vẫn cho thấy một sự khác biệt.

▣ **"không có…hoặc…sẽ phân rẽ chúng ta khỏi tình yêu Đức Chúa Trời"** Thật là một câu bảo đảm tuyệt diệu. Chương này bắt đầu bằng chữ "không có sự đoán phạt nào" và chấm dứt bằng những chữ "không có sự phân rẽ nào." Không ai có thể lấy đi sự cứu rỗi của những người tin Chúa. Tuy nhiên, con người cần phải đáp ứng để bắt đầu (3:21-31) và tiếp tục đáp ứng luôn (chương 4-8). Đức Thánh Linh là

chìa khóa, nhưng có sự đáp ứng bắt buộc có điều kiện và theo giao ước. Sự ăn năn và đức tin là hai điều được đòi hỏi (Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21), cũng như sự vâng lời và sự trung kiên!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chương 8 liên hệ với chương 7 như thế nào?
2. Nếu không có sự đoán phạt nào, thì tội lỗi làm gì trong đời sống người tin Chúa?
3. Đức Thánh Linh hay là Chúa Jêsus ngự trong lòng người tin Chúa (câu 9)?
4. Thiên nhiên bị tội lỗi con người ảnh hưởng như thế nào (câu 19-22)? Thiên nhiên có dự phần trong trời mới hay không (Ê-sai 11:6-10)?
5. Đức Thánh Linh cầu thay cho chúng ta ra sao (câu 26-27)? Có phải điều này nói đến "nói tiếng lạ" hay không?
6. Làm thể nào Kinh thánh có thể nói mọi sự hiệp lại làm ích trong một thế giới gian ác như thế này (câu 28)? Định nghĩa chữ "làm ích" (câu 29)?
7. Tại sao sự nên thánh bị bỏ ra khỏi chuỗi các sự kiện thần học trong câu 30?
8. Tại sao các câu 31-39 được xem là cảnh trước tòa án?
9. Liệt kê 4 điều câu 34 khẳng định về Chúa Jêsus.

RÔ-MA ĐOẠN 9

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời	Dân Y-sơ-ra-ên từ chối Đấng Christ	Vấn đề bất tín của Y-sơ-ra-ên	Đức Chúa Trời và dân của Ngài	Các đặc ân của dân Y-sơ-ra-ên
9:1-5	9:1-5	9:1-5	9:1-5	9:1-5
	Sự từ chối của dân Y-sơ-ra-ên và mục đích của Đức Chúa Trời	Lời hứa của Đức Chúa Trời với dân Y-sơ-ra-ên không thay đổi		Đức Chúa Trời giữ lời hứa của Ngài
9:6-13	9:6-13	9:6-13	9:6-9 9:10-13	9:6-13
	Sự từ chối của dân Y-sơ-ra-ên và Sự công bình của Đức Chúa Trời	Quyền chọn lựa của Đức Chúa Trời		Đức Chúa Trời công bình
9:14-18	9:14-29	9:14-18	9:14-18	9:14-18
Cơn thạnh nộ và sự thương xót của Đức Chúa Trời			Cơn giận và sự thương xót của Đức Chúa Trời	
9:19-29		9:19-26	9:19-21 9:22-29	9:19-21 9:22-24
				Mọi sự đều đã được báo trước trong Cựu ước
				9:25-29
		9:27-29		
Y-sơ-ra-ên và Phúc âm	Tình trạng hiện tại của Y-sơ-ra-ên	Sự công bình thật bởi đức tin	Y-sơ-ra-ên và Phúc âm	
9:30-10:4	9:30-33	9:30-10:4	9:30-10:4	9:30-33

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

SỰ LIÊN HỆ GIỮA CHƯƠNG 9-11 VÀ CHƯƠNG 1-8

A. Có hai cách hiểu về sự liên hệ giữa đơn vị ngữ văn này và chương 1-8:
   1. Đây hoàn toàn là một chủ đề tách biệt, phần trong dấu ngoặc theo thần học
      a. Có một sự tương phản rõ ràng, thiếu vắng sự liên kết giữa 8:39 và 9:1
      b. Nó liên hệ trực tiếp đến sự căng thẳng lịch sử trong Hội thánh tại Rô-ma giữa những người tin Chúa người ngoại và người tin Chúa người Do Thái. Nó có lẽ liên hệ đến sự gia tăng vai trò lãnh đạo của người ngoại trong Hội thánh.
      c. Có một sự hiểu lầm về sự giảng dạy của Phao-lô, về Y-sơ-ra-ên (và Luật pháp) và chức sứ đồ của ông cho dân ngoại (ban cho ân điển miễn phí), vì vậy, ông đề cập đến đề tài này trong phần này.
   2. Nó vừa là đỉnh cao, vừa là phần kết luận lôgíc của Phao-lô về sự trình bày Phúc âm
      a. Phao-lô kết thúc chương 8 với lời hứa “không có một sự phân rẽ nào khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời.”Còn về phần sự vô tín của dân theo giao ước thì sao?
      b. Rô-ma 9-11 trả lời cho nghịch lý này trong Phúc âm liên hệ đến sự vô tín của dân Y-sơ-ra-ên!
      c. Phao-lô nói đến vấn đề này trong toàn bộ lá thư (1:3, 16; 3:21, 31 và 4:1 và tiếp theo).
      d. Phao-lô tuyên bố Đức Chúa Trời giữ lời của Ngài. Vậy thì lời Chúa trong Cựu ước cho dân Y-sơ-ra-ên thì sao? Chẳng lẽ tất cả các lời hứa này đều vô hiệu và trống rỗng?

B. Có một số cách để lập dàn ý cho đơn vị ngữ văn này
   1. Chia theo cách Phao-lô sử dụng các câu hỏi từ một người biện luận tưởng tượng (theo lối văn phản biện)
      a. 9:6
      b. 9:14
      c. 9:19
      d. 9:30
      e. 11:1
      f. 11:11
   2. Rô-ma 9-11 hình thành một đơn vị ngữ văn. Nó phải được giải nghĩa chung với nhau như một thể thống nhất. Tuy nhiên, có ít nhất 3 phần chia đoạn lớn theo chủ đề chính:
      a. 9:1-29 (tập trung vào quyền chủ tể của Đức Chúa Trời)
      b. 9:30-10:21 (tập trung vào trách nhiệm của con người)
      c. 11:1-32 (mục đích cứu chuộc đời đời toàn bộ của Đức Chúa Trời)
   3. Chia theo các chủ đề chính: một dàn ý tốt của phần này có thể được tìm thấy trong phần chia đoạn của Kinh thánh bản NKJV thuộc nhà xuất bản Thomas Nelson Publishers.
      a. Y-sơ-ra-ên từ chối Đấng Christ, 9:1-5
      b. Y-sơ-ra-ên từ chối mục đích của Đức Chúa Trời, 9:6-13
      c. Y-sơ-ra-ên từ chối sự công bình của Đức Chúa Trời, 9:14-29
      d. Tình trạng hiện tại của Y-sơ-ra-ên, 9:30-33
      e. Y-sơ-ra-ên và Phúc âm, 10:1-13
      f. Y-sơ-ra-ên từ chối Phúc âm, 10:14-21
      g. Y-sơ-ra-ên từ chối không phải là tất cả, 11:1-10
      h. Y-sơ-ra-ên từ chối không phải là hết, 11:11-36

C. Phần này vừa là một lời kêu gào từ tấm lòng vừa là một lối văn trình bày theo lý trí (theo một dàn ý lôgíc). Xúc cảm mạnh mẽ của nó nhắc lại trường hợp Chúa đã tan vỡ tấm lòng vì sự nổi loạn của dân Y-sơ-ra-ên trong Ô-sê 11:1-4, 8-9.

   Trong nhiều phương diện sự đau đớn và sự tốt lành của Luật pháp trong chương 7 đi song song với chương 9-10. Trong cả hai trường hợp, Phao-lô đều đau lòng về sự mỉa mai của luật pháp Đức Chúa Trời thay vì đem sự sống, nó lại mang đến sự chết!

D. Việc Phao-lô sử dụng hơn 25 câu trích từ Cựu ước cho thấy ông rất muốn minh họa sự nghịch lý của Y-sơ-ra-ên từ các nguồn trong Cựu ước, cũng giống như ông đã làm trong chương 4, không phải chỉ những kinh nghiệm hiện tại. Phần lớn các con cháu phần xác của Áp-ra-ham đều đã từ chối Đức Chúa Trời, ngay cả trong quá khứ.

E. Phần Kinh thánh này, giống như Ê-phê-sô 1:3-14, nói đến mục đích đời đời của Đức Chúa Trời để cứu nhân loại. Thoạt đầu, có vẻ như Chúa chọn một số và bỏ qua một số khác (theo thuyết Calvin tiền thiên tuyển (supralapsarian Calvinism)),tuy nhiên, tôi nghĩ rằng trọng tâm không phải là những cá nhân con người mà là chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 3:15; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; và 13;29).

Cuốn *The Jerome Biblical Commentary*, tập 2, phần "The New Testament," soạn bởi J. A. Fitzmyer và R.E. Brown nói như vầy:

"Điều quan trọng cần nhận biết ngay từ ban đầu là quan điểm của Phao-lô mang tính tập thể; ông không bàn đến trách nhiệm của riêng mỗi cá nhân. Nếu có vẻ như ông đem ra câu hỏi về thiên tiền định (divine predestination), thì điều này không liên quan gì đến sự tiền định của cá nhân đến sự vinh hiển" (trang 318).

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG 9

A. Thật là một sự thay đổi thái độ rõ rệt giữa chương 8 và 9.

B. Đơn vị ngữ văn này (9-11) nói đến (1) căn bản của sự cứu rỗi, (2) mục đích lựa chọn của Đức Chúa Trời, và (3) sự bất trung của một dân Y-sơ-ra-ên vô tín và sự thành tín của Đức Giê-hô-va!

C. Chương 9 là một trong những chương trình bày mạnh mẽ nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (chương còn lại là Ê-phê-sô 1:3-14), trong khi chương 10 trình bày rõ ràng và lặp đi lặp lại về ý chí tự do của con người ("mọi người" câu 4; "kẻ nào" câu 11,13; "tất cả" câu 12 {hai lần}). Phao-lô chưa bao giờ tìm cách giải hòa mối liên hệ thần học căng thẳng này. Cả hai điểm thần học này đều đúng! Hầu hết các tín lý trong Kinh thánh đều được trình bày theo dạng từng cặp biện chứng hay nghịch nhau. Hầu hết các hệ thống thần học phát triển trong lịch sử đều lôgíc, nhưng chúng trưng dẫn Kinh thánh chỉ một khía cạnh của lẽ thật Kinh thánh mà thôi. Cả thuyết của Augustine và Calvin đối lại với thuyết của Peligian và Arminian đều có những yếu tố đúng và sai. Sự mâu thuẫn trong Kinh thánh giữa các tín lý lại là điều tốt hơn là một hệ thống thần học tìm cách trưng dẫn Kinh thánh, có tính cách giáo điều và lý luận, bắt ép Kinh thánh vào một khuôn giải nghĩa đã định sẵn!

D. 9:30-33 là phần tóm tắt chương 9 và là chủ đề của chương 10

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

9:1-5 (BẢN NASB)
1 Tôi nói thật trong Đấng Christ, tôi không nói dối, lương tâm tôi làm chứng cho tôi bởi Đức Chúa Trời: 2 tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn.3 Bởi tôi ước ao có thể chính mình bị dứt bỏ, lìa khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phần xác,4 tức dân Y-sơ-ra-ên, là dân được những sự làm con nuôi, sự vinh hiển, lời giao ước, luật pháp, sự thờ phượng và lời hứa;5 là dân sanh hạ bởi các tổ phụ, và theo phần xác, bởi dân ấy sanh ra Đấng Christ, là Đấng trên hết mọi sự, tức là Đức Chúa Trời đáng ngợi khen đời đời. A-men.

9:1-2 Câu 1 và 2 hợp thành một câu trong tiếng Hy-lạp. Phao-lô đưa ra một số lý do để họ (Hội thánh tại Rô-ma) biết được rằng ông đang nói sự thật: (1) lương tâm được Thánh Linh hướng dẫn, câu 1; (2) mối liên hệ khắng khít của ông với Đấng Christ, câu 1; và (3) cảm xúc sâu sắc của ông về dân Y-sơ-ra-ên, câu 2.

9:1 "Tôi nói thật trong Đấng Christ, tôi không nói dối" Phao-lô thường nói câu này (II Cô-rinh-tô 11:10; Ga-la-ti 1:20; I Ti-mô-thê 2:7) hay một câu tương tự rằng Chúa là người làm chứng cho ông (Rô-

ma 1:9; II Cô-rinh-tô 1:23; 11:31; Phi-líp 1:8; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:5,10). Đây là cách ông khẳng định tính chân thật của những lời ông giảng dạy.

▣ **"lương tâm tôi"** Điều này chỉ cảm nhận đạo đức được Đức Chúa Trời ban cho và được Thánh Linh hướng dẫn. Trong một ý nghĩa, đây là nguồn thẩm quyền chủ yếu của những người tin Chúa. Đó là lời Chúa, được hiểu và áp dụng qua Thánh Linh Đức Chúa Trời đến tâm trí chúng ta (I Ti-mô-thê 1:5,19). Vấn đề xảy ra khi người tin Chúa- và cũng như vậy, đối với người không tin Chúa- tiếp tục từ chối Lời Chúa và Thánh linh; từ đó nó trở nên dễ dàng để lý luận biện hộ cho tội lỗi (I Ti-mô-thê 2:14-16; 4:2). Lương tâm chúng ta có thể được điều kiện hóa dựa vào văn hóa và kinh nghiệm.

▣ **NASB "làm chứng cho tôi trong Đức Thánh Linh"**
NKJV "làm chứng cho tôi trong Đức Thánh Linh"
NRSV "xác nhận nó bởi Đức Thánh Linh"
TEV "cai trị bởi Đức Thánh Linh"
JB "liên kết với Đức Thánh Linh thừa nhận tôi"

Phao-lô tin rằng ông nhận được một sự kêu gọi đặc biệt và một mạng lệnh từ Đấng Christ (Công-vụ 9:1-22; Ga-la-ti 1:1). Ông là một sứ đồ và ông nói trong thẩm quyền thiên thượng (I Cô-rinh-tô 7:25,40). Ông cùng chia sẻ với Chúa sự vô tín và cứng cỏi của quốc gia Y-sơ-ra-ên (câu 2). Họ có rất nhiều điều thuận lợi (câu 4-5).

Phao-lô đưa ra ba lý do cho thấy ông nói sự thật:

1. Sự liên hệ mật thiết với Đấng Christ
2. Lương tâm
3. Sự hiểu biết được soi dẫn bởi Thánh Linh (8:14,16)

9:3 NASB, NKJV, NRSV "Vì tôi ao ước…"
TEV "vì họ tôi ước…"
JB "tôi bằng lòng…"

Phao-lô có một cảm xúc sâu sắc đối với dân tộc của ông, dân Y-sơ-ra-ên, đến nỗi nếu sự phân cách của ông ảnh hưởng đến việc họ được nhận vào, thì ông cũng bằng lòng, câu 3. Câu này có một cấu trúc ngữ pháp mạnh mẽ và mang tính nhấn mạnh (thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT MIDDLE INDICATIVE) với cả hai chữ *autos* và *ego*, và một động từ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU HIỆN TẠI (PRESENT INFINITIVE). Tính mãnh liệt và gánh nặng trong lời cầu nguyện này rất giống với lời cầu thay của Môi-se cho dân Y-sơ-ra-ên khi họ phạm tội (Xuất Ê-díp-tô ký 32:30-35). Ở đây nên hiểu là một câu nói rất mong muốn trong lòng, chứ không phải là một sự kiện. Ga-la-ti 4:20 cũng có cách dùng tương tự với thì CHƯA HOÀN THÀNH.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

I. Giới thiệu
   A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Chúa Jêsus đã làm gương
      1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
      2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
      3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
   B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
   C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
   D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng và sự lo âu lại đến.

F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
   1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
   2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
   3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
   4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
   5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha

G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh
   A. Cựu ước
      1. Những ví dụ về sự cầu thay:
         a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau
         b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên
            (1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23
            (2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:31 và tiếp sau
            (3) Phục truyền 5:5
            (4) Phục truyền 9:18, 25 và tiếp sau
         c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:
            (1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9
            (2) I Sa-mu-ên 12:16-23
            (3) I Sa-mu-ên 15:11
         d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18
      2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16
      3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện
         a. Thi thiên 66:1
         b. Châm ngôn 28:9
         c. Ê-sai 59:1-2; 64:7
   B. Tân ước
      1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:
         a. Chúa Jêsus
            (1) Rô-ma 8:34
            (2) Hê-bơ-rơ 7:25
            (3) I Giăng 2:1
         b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27
      2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô
         a. Cầu thay cho người Do Thái
            (1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau
            (2) Rô-ma 10:1
         b. Cầu thay cho các Hội thánh
            (1) Rô-ma 1:9
            (2) Ê-phê-sô 1:16
            (3) Phi-líp 1:3-4, 9
            (4) Cô-lô-se 1:3, 9
            (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3
            (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11
            (7) II Ti-mô-thê 1:3

(8) Phi-lê-môn 4

c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông

(1) Rô-ma 15:30
(2) II Cô-rinh-tô 1:11
(3) Ê-phê-sô 6:19
(4) Cô-lô-se 4:3
(5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25
(6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1

3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:

a. Cầu thay cho nhau:

(1) Ê-phê-sô 6:18
(2) I Ti-mô-thê 2:1
(3) Gia-cơ 5:16

b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:

(1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
(2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
(3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
(4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
(5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16

c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1

III. Cản trở những lời cầu nguyện được nhậm:

A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh

1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15

B. Động cơ của người cầu nguyện

1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3

C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện

1. Trung kiên
   a. Lu-ca 18:1-8
   b. Cô-lô-se 4:2
   c. Gia-cơ 5:16
2. Cứ cầu xin
   a. Ma-thi-ơ 7:7-8
   b. Lu-ca 11:5-13
   c. Gia-cơ 1:5
3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7
4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được
   a. Thi thiên 66:18
   b. Châm ngôn 28:9
   c. Ê-sai 59:1-2
   d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!

B. Chúa Jêsus là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.

C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

▣ **NASB "bị rủa sả, dứt khỏi Đấng Christ"**
NKJV "bị rủa sả, tách khỏi Đấng Christ"
NRSV "bị rủa sả, và cắt lìa khỏi Đấng Christ"
TEV "ở dưới sự rủa sả của Đức Chúa Trời và tách khỏi Đấng Christ"
JB "sẵn lòng bị nguyền rủa và cắt khỏi Đấng Christ"

Có một số từ ngữ trong tiếng Hê-bơ-rơ mang nghĩa "rủa sả." *Herem* dùng chỉ điều gì đó dâng cho Đức Chúa Trời (bản LXX 'anathema,' Lê-vi-ký 27:28), thường chỉ sự tiêu hủy (Phục truyền 7:26; Giô-suê 6:17-18; 17:12). Nó là một từ ngữ dùng trong 'thánh chiến.' Đức Chúa Trời phán phải diệt dân Ca-na-an và Giê-ri-cô là cơ hội đầu tiên, "những trái đầu tiên."

Trong Tân ước chữ *anathema* và các dạng liên quan được dùng với một số ý nghĩa sau: (1) một quà tặng hay của lễ dâng cho Đức Chúa Trời (Lu-ca 21:5); (2) lời thề trước khi chết (Công-vụ 23:14); (3) rủa sả và thề nguyền (Mác 14:71); (4) một câu rủa sả liên hệ đến Chúa Jêsus (I Cô-rinh-tô 12:3); (5) dâng hay phó ai hoặc điều gì cho Chúa hủy diệt hay xét đoán (Rô-ma 9:3; I Cô-rinh-tô 16:22; Ga-la-ti 1:8-9).

Gốc từ căn bản của chữ "thánh" nghĩa là để riêng cho Chúa hay để Ngài sử dụng. Cũng khái niệm đó áp dụng cho những từ có ý nghĩa "rủa sả." Một điều hay một người nào đó được biệt riêng cho Chúa. Nó có thể là một kinh nghiệm tích cực (Lê-vi-ký 27:28; Lu-ca 21:5) hay là một kinh nghiệm tiêu cực (Giô-suê 6-7; Rô-ma 9:3), tùy vào ngữ cảnh.

9:4-5 Hàng loạt các cụm danh từ được nêu lên với hình ảnh miêu tả những đặc ân của dân Y-sơ-ra-ên. Sự bất tín của họ lại càng đáng khiển trách hơn khi thấy được những lợi điểm họ đã có. Ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều hơn (Lu-ca 12:48)!

9:4 "người Y-sơ-ra-ên" Đây là tên giao ước cho hậu tự của Áp-ra-ham. Tên Gia-cốp được đổi lại thành Y-sơ-ra-ên sau cuộc gặp gỡ đầy quan trọng với Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 32:28). Nó trở thành danh hiệu chung cho cả quốc gia Do Thái. Theo nghĩa gốc, nó có thể là 'nguyện *El* (Đức Chúa Trời) cứ kiên trì," không phải ám chỉ sự lừa gạt của Gia-cốp.

▣ **"là dân được những sự làm con nuôi"** Trong Cựu ước danh từ SỐ NHIỀU của chữ 'các con trai" thường chỉ các thiên sứ (Gióp 1:6; 2:1; 38:7; Đa-ni-ên 3:25; Thi thiên 19:1; 89: 6-7), trong khi SỐ ÍT chỉ (1) vua của Y-sơ-ra-ên (II Sa-mu-ên 7:14); (2) quốc gia Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô ký 4:22,23; Phục truyền 14:1; Ô-sê 11:1); (3) Đấng Mết-si-a (Thi thiên 2:7) hay là (4) nó cũng có thể chỉ con người (Phục truyền 32:5; Thi thiên 73:15; Ê-xê-chi-ên 2:1; Ô-sê 1:10. Sáng-thế-ký 6:2 thì không rõ; nó có thể thuộc một trong các lựa chọn này). Trong Tân ước nó chỉ những người thuộc gia đình Đức Chúa Trời.

Hình ảnh dùng cho sự cứu rỗi chủ yếu của Phao-lô là "sự làm con nuôi," trong khi Phi-e-rơ và Giăng thì dùng hình ảnh "sanh lại." Chúng đều là những hình ảnh liên hệ đến gia đình. Đây không phải là hình ảnh liên hệ của người Do Thái, nhưng là của người Rô-ma. Sự nhận làm con nuôi là một tiến trình pháp lý đắc tiền và rất tốn thời gian trong luật La-mã. Một khi được nhận, người đó được kể như là một người mới và không thể bị từ bỏ theo luật pháp hay giết đi bởi người cha nuôi.

▣ **"sự vinh hiển"** Chữ Hê-bơ-rơ gốc có nghĩa là "nặng," hình bóng cho điều có giá trị. Ở đây nó chỉ (1) Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài trên núi Si-na-I (Xuất Ê-díp-tô ký 19:18-19); hoặc là (2) đám mây vinh hiển *Shekinah* đã dẫn đường cho dân Y-sơ-ra-ên trong thời gian lưu lạc trong đồng vắng (Xuất Ê-díp-tô ký 40: 34-38). Đức Giê-hô-va đã bày tỏ Ngài một cách đặc biệt cho dân Y-sơ-ra-ên. Sự hiện diện của Ngài được hiểu là sự vinh hiển của Ngài (I Các-vua 8:10-11; Ê-xê-chi-ên 1:28). Xin xem chú thích ở câu 3:23.

▣ **"các giao ước"** Trong một số bản Hy-lạp cổ P^{46}, B, và D, chữ "giao ước" ở SỐ ÍT. Tuy nhiên, trong các bản khác như a,C và một số bản La-tin cổ, Vulgate, và Coptic, thì nó lại ở SỐ NHIỀU. Bản UBS^4 xếp trường hợp SỐ NHIỀU ở mức độ "B" (có vẻ chắc chắn). Tuy vậy, SỐ NHIỀU này không bao giờ được dùng trong Cựu ước. Có một số giao ước nhất định trong Cựu ước: A-đam, Nô-ê, Áp-ra-ham, Môi-se, và Đa-vít. Vì Phao-lô đề cập đến Luật pháp (Môi-se) kế tiếp theo, các giao ước này có thể chỉ giao ước với

Áp-ra-ham là giao ước Phao-lô cho rằng là nền tảng (4:1-25; Ga-la-ti 3:16-17) và lặp lại một vài lần nữa (Sáng-thế-ký 12, 15, 17) cho mỗi tổ phụ.

Một chọn lựa khác nữa là xem SỐ NHIỀU như chỉ đến (1) núi Si-na-i (Xuất Ê-díp-tô ký 19-20); (2) đồng bằng Mô-áp (Phục truyền), và (3) lễ làm mới lại giao ước tại Si-chem (Giô-suê 24).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Chữ *berith*, giao ước, trong tiếng Hê-bơ-rơ, không phải dễ định nghĩa. Không có một ĐỘNG TỪ tương ứng trong tiếng Hê-bơ-rơ. Toàn bộ các nỗ lực nhằm truy tìm định nghĩa từ nguồn gốc từ ngữ của nó đều không mấy thuyết phục. Tuy nhiên, trọng tâm hiển nhiên của nó đã buộc các học giả phải xem xét cách sử dụng chữ này để cố gắng tìm ra ý nghĩa hiện có của nó.

Giao ước là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời làm việc với tạo vật của Ngài là con người. Khái niệm giao ước, hiệp ước, hay sự thỏa thuận rất quan trọng để giúp hiểu được mặc khải của Kinh thánh. Tính căng thẳng giữa sự chủ tể của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người được thấy rõ ràng trong khái niệm giao ước. Các giao ước được lập dựa trên bản tính, hành động và mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Chính tạo vật (Sáng-thế-ký 1-2)
2. Sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12)
3. Giao ước với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15)
4. Sự bảo toàn và lời hứa đối với Nô-ê (Sáng-thế-ký 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước đòi hỏi một sự đáp ứng

1. Bằng đức tin, A-đam phải vâng lời Đức Chúa Trời không ăn cây ở giữa vườn Ê-đen (Sáng-thế-ký 2)
2. Bởi đức tin, Áp-ra-ham phải lìa gia đình theo Chúa và tin vào một hậu tự trong tương lai (Sáng-thế-ký 12, 15)
3. Bởi đức tin, Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn cách xa biển và tụ tập thú vật lại (Sáng-thế-ký 6-9)
4. Bởi đức tin, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô và nhận lãnh những chỉ thị cụ thể về cách tổ chức cuộc sống xã hội và tôn giáo với lời hứa lành và dữ cặp theo (Phục truyền 27-28)

Cũng sự căng thẳng này trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người được đề cập đến trong "giao ước mới." Sự gay cấn này được thấy rõ ràng khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Giao ước dựa vào hành động yêu thương của Đức Chúa Trời hay dựa vào sự đáp ứng bắt buộc từ con người? Đây là vấn đề gay gắt giữa Giao ước cũ và mới. Mục tiêu của cả hai giao ước này đều giống nhau: (1) phục hồi lại mối thông công bị cắt đứt trong Sáng-thế-ký 3 và (2) thiết lập một dân tộc công bình phản ánh bản tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 giải quyết tình trạng căng thẳng này bằng cách cất đi việc làm của con người như một phương tiện để được chấp nhận. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở thành một sự mong muốn từ bên trong chứ không phải là công việc làm bên ngoài. Mục tiêu của một dân tin kính, công bình vẫn giữ nguyên, nhưng phương pháp thì thay đổi. Con người sa ngã đã tự chứng minh họ không đủ tốt để phản ánh ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:9-18). Vấn đề không phải ở tại giao ước, nhưng tại tội lỗi và sự yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Cũng tình trạng căng thẳng này giữa giao ước có điều kiện và không điều kiện của Cựu ước vẫn giữ nguyên trong Tân ước. Sự cứu rỗi là hoàn toàn miễn phí bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (lúc ban đầu và tiếp tục sau đó). Nó vừa là sự tuyên bố theo luật pháp vừa là một sự kêu gọi sống giống với Đấng Christ, vừa là lời tuyên bố chỉ định sự chấp nhận, vừa là mạng lệnh phải sống thánh khiết! Người tin Chúa không được cứu bởi công việc, nhưng được cứu để sống vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Lối sống thánh khiết là bằng chứng của sự cứu rỗi, chứ không phải là phương tiện để được cứu.

▣ **"việc ban luật pháp và sự thờ phượng nơi đền thờ"** Điều này nói đến (1) việc Môi-se nhận bảng điều răn trên núi Si-na-I (Xuất Ê-díp-tô ký 19-20) và việc Đa-vít phát triển sự thờ phượng nơi đền thờ, hoặc là (2) có thể là Đền tạm trong thời gian lưu đày sa mạc (Xuất Ê-díp-tô ký 25-40 và Lê-vi-ký).

▣ **"lời hứa"** Đức Chúa Trời đã bày tỏ chương trình trong tương lai của Ngài (1:2; Công-vụ. 13:32; Tít 1:2; Hê-bơ-rơ 1:1) qua Cựu ước.

Bởi vì "các giao ước" được nói đến trước, "những lời hứa" có lẽ chỉ Đấng Mết-si-a (Sáng-thế-ký 3:15; 49:10; Phục truyền 18:15, 18-19; II Sa-mu-ên 7; Thi thiên 16:10, 22; 118:22; Ê-sai 7:14; 9:6; 11:1-5; Đa-ni-ên 7:13,27; Mi-chê 5:2-5a; Xa-cha-ri 2:6-13; 12-13; 9:9; 11:12.

Những lời hứa này (hay giao ước này) đều vừa có điều kiện vừa không điều kiện. Chúng có tính không điều kiện về phía việc làm của Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 15:12-21), nhưng có điều kiện ở chỗ nó đòi hỏi đức tin và sự vâng phục của con người (Sáng-thế-ký 15:6 và Rô-ma 4). Chỉ có dân Y-sơ-ra-ên có sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời trước khi Đấng Christ đến thế gian này.

9:5 "các tổ phụ" Chỉ Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, các tổ phụ trong Sáng-thế-ký 12-50 (Rô-ma 11:28; Phục truyền 7:8; 10:15).

▣ **"từ đó sinh ra Đấng Christ theo phần xác"** Nói đến dòng dõi theo phần xác của Đấng Mết-si-a, Đấng chịu xức dầu, Tôi tớ đặc biệt lựa chọn của Đức Chúa Trời, Đấng hoàn thành lời hứa và kế hoạch của Đức Chúa Trời. (10:6).

Chữ "Christ" là chữ Hy-lạp dịch từ chữ "Đấng chịu xức dầu" trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong Cựu ước có ba nhóm lãnh đạo được xức dầu đặc biệt: (1) vua của Y-sơ-ra-ên, (2) thầy tế lễ tối cao của Y-sơ-ra-ên, và (3) các tiên tri của Y-sơ-ra-ên. Nó là biểu tượng Chúa chọn và trang bị họ để phục vụ Ngài. Chúa Jêsus làm đầy trọn cả ba chức vụ này (Hê-bơ-rơ 1:2-3). Ngài bày tỏ Đức Chúa Trời cách toàn vẹn bởi vì chính Ngài là Đức Chúa Trời nhập thể (Ê-sai 7:14; 9:6; Mi-chê 5:2-5a; Cô-lô-se 1:13-20).

▣ **NASB " Đấng Christ theo phần xác, là Đấng trên hết mọi sự, là Đức Chúa Trời được ngợi khen đời đời"**
NKJV "Đấng Christ đến, là Đấng trên hết mọi sự, là Đức Chúa Trời được ngợi khen đời đời"
NRSV "Đấng Christ đến, là Đấng trên hết mọi sự, là Đức Chúa Trời được ngợi khen đời đời"
TEV "Đấng Christ là Con Người, thuộc dòng dõi của họ. Nguyện Đức Chúa Trời, Đấng cai trị trên tất cả mọi sự, được ngợi khen đời đời"
JB "Đấng Christ đến, là Đấng trên hết mọi sự, là Đức Chúa Trời được ngợi khen đời đời"

Theo phương diện ngữ pháp, đây có thể là bài chúc tụng đến Đức Chúa Cha (TEV), nhưng ngữ cảnh lại thiên về sự xác nhận của Phao-lô về thần tính của Chúa Jêsus. Phao-lô ít khi dùng chữ *Theos* khi chỉ Chúa Jêsus, nhưng ông có sử dụng đến nó (Công-vụ. 20:28; Tít 2:13; Phi-líp 2:6). Tất cả các giáo phụ Hội thánh đầu tiên đều diễn giải đoạn này chỉ về Chúa Jêsus.

▣ **"Đấng trên hết mọi sự"** Đây cũng có thể là cụm từ mô tả về Đức Chúa Cha hoặc Đức Chúa Con, là Chúa Jêsus. Nó thật sự phản ánh câu nói của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 28:19 và của Phao-lô trong Cô-lô-se 1:15-20. Cụm từ phản ánh sự cao cả này cho thấy chiều kích sự ngu dại của Y-sơ-ra-ên khi từ chối Chúa Jêsus ở Na-xa-rét.

▣ **"đời đời"** Theo nghĩa đen cụm từ Hy-lạp này có nghĩa là "đến các đời" (Lu-ca 1:33; Rô-ma 1;25; 11:36; Ga-la-ti 1:5; I Ti-mô-thê 1:17). Đây là một trong các cụm từ tương tự khác như (1) "đến đời này" (Ma-thi-ơ 21:19 {Mác 11:14}; Lu-ca 1:55; Giăng 6:5, 58; 8:35; 12:34; 12:8; 14:16; II Cô-rinh-tô 9:9) hoặc là "đời của các đời" (Ê-phê-sô 3:21). Dường như không có sự phân biệt nào giữa những cụm từ này với chữ "đời đời." Chữ "các đời" ở SỐ NHIỀU có nghĩa bóng theo cấu trúc ngữ pháp của các rabi gọi là "số nhiều uy nghi", hay nó chỉ khái niệm "nhiều đời" trong cách hiểu của người Do Thái về "đời vô tội," "đời gian ác," "đời sắp đến," hay "đời công bình." Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 12:2 về "Đời này và đời sẽ đến."

▣ **"Amen"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:25.

9:6-13 (BẢN NASB)
6 **Ấy chẳng phải lời Đức Chúa Trời là vô ích. Vì những kẻ bởi Y-sơ-ra-ên sanh hạ, chẳng phải vì đó mà hết thảy đều là người Y-sơ-ra-ên.**7 **cũng không phải vì là dòng dõi Áp-ra-ham thì hết thảy đều là con cái người; nhưng có chép rằng: Ấy là bởi Y-sác mà ngươi sẽ có một dòng dõi gọi theo tên ngươi;**8 **nghĩa là chẳng phải con cái thuộc về xác thịt là con cái Đức Chúa Trời, nhưng con cái thuộc về lời hứa thì được kể là dòng dõi Áp-ra-ham vậy.** 9 **Vả, lời nầy thật là một lời hứa: Cũng kỳ nầy ta sẽ lại đến, Sa-ra sẽ có một con trai.** 10 **Nào những thế thôi, về phần Rê-be-ca, khi bà ấy bởi tổ phụ chúng ta là Y-sác mà có thai đôi cũng vậy.** 11 **Vì, khi hai con chưa sanh ra, chưa làm điều chi lành hay dữ hầu cho được giữ vững ý chỉ Đức Chúa Trời, là ý định sẵn bởi sự kén chọn tự do của Ngài, chẳng cứ việc làm, nhưng cứ Đấng kêu gọi** 12 **thì có lời phán cho mẹ của hai con rằng: Đứa lớn sẽ làm tôi đứa nhỏ;** 13 **như có chép rằng: Ta yêu Gia-cốp và ghét Ê-sau.**

9:6 "lời của Đức Chúa Trời"Trong ngữ cảnh này những chữ này nói đến những lời hứa giao ước trong Cựu ước. Lời hứa của Đức Chúa Trời là chắc chắn (Dân-số-ký 23:19; Ê-sai 40:8; 55:11; 59:21).

▣ **NASB, NRSV, TEV, JB "đã không thành"**
NKJV "là vô ích"

Chữ này *ekpipto* được dùng trong bản Bảy mươi một vài lần để chỉ ai (Ê-sai 14:12) hoặc việc gì đó (Ê-sai 6:13) đã hỏng. Xin xem chú thích bên trên về sự chắc chắn của lời Đức Chúa Trời.

▣ **NASB "vì không phải tất cả họ đều là người Y-sơ-ra-ên sanh ra từ Y-sơ-ra-ên"**
NKJV "vì không phải tất cả họ đều là người Y-sơ-ra-ên thuộc về Y-sơ-ra-ên"
NRSV "vì không phải tất cả mọi người Y-sơ-ra-ên đều thật sự thuộc về Y-sơ-ra-ên"
TEV "vì không phải tất cả người Y-sơ-ra-ên đều là dân của Đức Chúa Trời"
JB "không phải tất cả những người sanh ra từ Y-sơ-ra-ên là người Y-sơ-ra-ên"

Ý nghĩa của câu nói ngược đời này xoay quanh những ý nghĩa của Kinh thánh về từ ngữ "Y-sơ-ra-ên": (1) Y-sơ-ra-ên, có nghĩa là con cháu của Gia-cốp (Sáng-thế-ký 32:22-32); (2) Y-sơ-ra-ên, có nghĩa là dân chọn lựa của Đức Chúa Trời (bản TEV); hoặc là (3) Y-sơ-ra-ên thuộc linh, nghĩa là Hội thánh (Ga-la-ti 6:16; I Phi-e-rơ 2:8,9; Khải huyền 1:6) và Y-sơ-ra-ên thuộc thể (câu 3-6). Ngay cả người Do Thái chưa bao giờ làm hòa được với Đức Chúa Trời nếu chỉ dựa vào liên hệ dòng dõi (câu 7), nhưng dựa vào đức tin (2:28-29; 4:1 và tiếp sau; Giăng 8:31-59; Ga-la-ti 3:7-9; 4:23). Chính dân còn sót lại tin Chúa là những người nhận được lời hứa của Đức Chúa Trời và bước đi bằng đức tin (9:27: 11:5).

Câu 6 mở đầu một loạt các câu phản kháng giả định (9:14, 19, 30; 11:1). Lối trình bày biện luận của Phao-lô lại tiếp tục tại đây. Nó chuyển tải lẽ thật qua một người phản biện tưởng tượng (Ma-la-chi 1:2, 6, 7 [hai lần], 12, 13; 2:14, 17 [hai lần]; 3:7, 13, 14).

9:7 Phần còn lại của câu này là câu trích từ Sáng-thế-ký 21:12d. Không phải tất cả con cháu Áp-ra-ham đều là con Đức Chúa Trời về lời hứa giao ước (Sáng-thế-ký 12:1-3; 15:1-11; 17:1-21; 18:1-15; Ga-la-ti 4:23). Điều này cho thấy sự khác biệt giữa Ích-ma-ên và Y-sác trong câu 8-9, và Ê-sau và Gia-cốp trong câu 10-11.

9:8 Ở đây Phao-lô dùng chữ "xác thịt" để chỉ dòng dõi thuộc thể (1:3; 4:1; 9:3,5). Ông đối chiếu con cái thuộc thể của Áp-ra-ham (người Do Thái 9:3) với con cái thuộc linh (con cái của lời hứa) của Áp-ra-ham (những người bởi đức tin tin vào Đấng Mết-si-a đã hứa của Đức Chúa Trời). Sự đối chiếu này không giống với sự đối chiếu giữa nhân loại sa ngã và nhân loại được cứu như trong 8:4-11.

9:10 Các bà vợ của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp đều son sẻ; họ không thể có thai. Sự không thể có con của họ là một trong nhiều cách Chúa cho thấy Ngài là Đấng cầm quyền trên những lời hứa giao ước, tức là dòng dõi của Đấng Mết-si-a.

Cách khác nữa đó là dòng dõi Mết-si-a thật không xuất phát từ con trai trưởng của các tổ phụ (là điều được mong đợi theo văn hóa). Chìa khóa ở đây là sự chọn lựa của Đức Chúa Trời (11-12).

9:11-12 Câu 11- 12 là một câu trong tiếng Hy-lạp. Ký thuật này được lấy từ Sáng-thế-ký 25:19-34. Minh họa này được dùng để chứng minh rằng đây là sự chọn lựa của Đức Chúa Trời (câu 16), không phải do (1) nòi giống con người hay là (2) sự xứng đáng hoặc công trạng của con người (câu 16). Đây là trọng tâm của Phúc âm, của giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-36). Tuy nhiên, nên nhớ rằng sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không nhằm loại bỏ một ai đó ra, mà là để đem họ vào! Đấng Mết-si-a đến từ một dòng giống được lựa chọn, nhưng Ngài đến vì tất cả mọi người (những ai đặt đức tin nơi Ngài, chương 10).

9:11 "mục đích" Đây là một từ kép kết hợp giữa chữ *pro* và *tithemi*, có một số ý nghĩa sau

1. Trong Rô-ma 3:25
   a. Đưa ra kế hoạch công khai
   b. Quà chuộc tội (để làm nguôi cơn giận)
2. Vạch kế hoạch trước
   a. Của Phao-lô, Rô-ma 1:13
   b. Của Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô 1:9

Dạng DANH TỪ (*prothesis*) dùng trong câu này, có nghĩa là "đặt ở trước"

1. Dùng chỉ về bánh trần thiết trong đền thờ, Ma-thi-ơ 12:4; Mác 2:26; Lu-ca 6:4
2. Dùng chỉ về mục đích cứu chuộc định trước của Đức Chúa Trời , Rô-ma 8:28-29; 9:11; Ê-phê-sô 1:5, 11; 3:10; II Ti-mô-thê 1:9; 3:10

Phao-lô dùng một số danh từ kép với GIỚI TỪ *pro* (trước) trong chương 8 và 9 và trong Ê-phê-sô 1.

1. *Proginosko* (biết trước), Rô-ma 8:29
2. *Proorizo* (được thiết kế trước), Rô-ma 8:29 (Ê-phê-sô 1:5, 11), 30 (Ê-phê-sô 1:9)
3. *Prothesis* (kế hoạch định trước), Rô-ma 9:11
4. *Proetoimazo* (chuẩn bị trước), Rô-ma 9:23
5. *Prolego* (được nói trước), Rô-ma 9:29
6. *Proelpizo* (trông cậy trước), Ê-phê-sô 1:12

9:12 Đây là câu trích từ lời tiên tri trong Sáng-thế-ký 25:23 liên hệ đến Gia-cốp và Ê-sau. Ở đây cho thấy hành động của Rê-bê-ca và Gia-cốp bị chi phối bởi lời tiên tri, chứ không phải vì lợi ích cá nhân, khi gạt Y-sác để nhận sự chúc phước!

9:13 "Ta ghét Ê-sau" Đây là câu trích từ Ma-la-chi 1:2-3. "Ghét" là một thành ngữ so sánh trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó nghe có vẻ rất nặng nề trong tiếng Anh, nhưng hãy so sánh Sáng-thế-ký 29:31-33; Phục truyền 21:15; Ma-thi-ơ 10:37-38; Lu-ca 14:26; và Giăng 12:25. Chữ "yêu" và "ghét" dùng theo cách diễn tả của loài người không liên hệ đến cảm xúc của Đức Chúa Trời đối với những cá nhân này, nhưng nhằm nói đến sự cam kết của Ngài đối với dòng dõi Đấng Mết-si-a và lời hứa. Gia-cốp là con của lời hứa dựa trên lời tiên tri từ Sáng-thế-ký 25:23. Ê-sau, trong Ma-la-chi 1:2-3, chỉ quốc gia Ê-đôm (con cháu của Ê-sau).

9:14-18 (BẢN NASB)
14 **Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Có sự không công bình trong Đức Chúa Trời sao? Chẳng hề như vậy!** 15 **Vì Ngài phán cùng Môi-se rằng: Ta sẽ làm ơn cho kẻ ta làm ơn, ta sẽ thương xót kẻ ta thương xót.**16 **Vậy điều đó chẳng phải bởi người nào ao ước hay người nào bôn ba mà được, bèn là bởi Đức Chúa Trời thương xót.** 17 **Trong Kinh Thánh cũng có phán cùng Pha-ra-ôn**

rằng: Nầy là cớ vì sao ta đã dấy ngươi lên, ấy là để tỏ quyền phép ta ra trong ngươi, hầu cho danh ta được truyền ra khắp đất.18 **Như vậy, Ngài muốn thương xót ai thì thương xót, và muốn làm cứng lòng ai thì làm.**

9:14 "Vậy chúng ta sẽ nói làm sao?" Phao-lô thường dùng dạng phản biện này (3:5; 4:1; 6:1; 7:7; 8:31; 9:14, 19, 30).

▣ **"Có sự không công bình trong Đức Chúa Trời sao"** Làm thể nào Đức Chúa Trời lại bắt con người phải chịu trách nhiệm trong khi sự chủ tể của Ngài lại là yếu tố quyết định (câu 19)? Đây là sự huyền bí của sự chọn lựa. Điều được nhấn mạnh chính yếu trong ngữ cảnh này là Đức Chúa Trời hoàn toàn tự do làm điều Ngài muốn đối với con người (loài người hay chống nghịch), tuy nhiên, sự chủ tể của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua sự nhân từ (Xin xem chú thích ở câu 15), chứ không phải chỉ là quyền lực suông.

Cũng cần phải nói rõ rằng sự lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời không dựa vào sự biết trước của Ngài về lựa chọn và hành động trong tương lai của con người. Vì nếu điều này là thật thì xét cho cùng những hành động, công trạng và lựa chọn của cá nhân sẽ là nền tảng lựa chọn của Đức Chúa Trời (câu 16; I Phi-e-rơ 1:2). Đằng sau điều này là quan điểm truyền thống của người Do Thái về sự thịnh vượng của người công bình (Phục truyền 27-28; Gióp và Thi thiên 73). Nhưng Chúa muốn chúc phước cho những kẻ không xứng đáng qua đức tin (không phải bởi việc làm). Chúa biết tất cả mọi sự nhưng Ngài muốn giới hạn sự chọn lựa của Ngài (1) trong sự thương xót và (2) qua lời hứa. Có một sự đáp ứng cần thiết từ phía con người, nhưng theo sau nó và cũng là để xác nhận sự chọn lựa đem đến sự thay đổi đời sống của Đức Chúa Trời.

▣ **"Chẳng hề như vậy"** Đây là một trường hợp hiếm có của LỐI MONG MỎI (OPTATIVE), là dạng phủ định nhấn mạnh Phao-lô thường dùng để đối lại với những câu hỏi của người phản biện (3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14).

9:15 Đây là câu trích từ Xuất Ê-díp-tô ký 33:19. Đức Chúa Trời tự do hành động theo mục đích cứu chuộc của Ngài. Ngay cả Môi-se cũng không xứng đáng để nhận ơn phước của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô ký 33:20). Chìa khóa ở đây là sự lựa chọn của Ngài thực hiện trong sự thương xót (câu 16, 18-23; 11:30, 31, 32).

9:15-16 "sự thương xót" Chữ *eleos* trong tiếng Hy-lạp được sử dụng trong bản LXX để dịch một từ ngữ liên quan đến giao ước trong tiếng Hê-bơ-rơ là *hesed*, nghĩa là "trung kiên, trung thành trong giao ước" (câu 15, 16, 18, 23; 11:30, 31, 32). Sự thương xót và chọn lựa của Đức Chúa Trời là số nhiều, mang tính tập thể, (người Do Thái [Y-sác], không phải người Ả-rập [Ích-ma-ên]; Y-sơ-ra-ên [Gia-cốp], chứ không phải Ê-đôm [Ê-sau]), nhưng điều đó là vì sự cứu rỗi toàn thể! Lẽ thật này là một trong những chìa khóa để mở sự huyền bí của tín lý tiền định (Đức Chúa Trời chọn một người, một gia đình, một dân tộc, để đem đến Đấng Mết-si-a, là đấng sẽ cứu rỗi toàn thể mọi người). Một chìa khóa còn lại trong ngữ cảnh của chương 9-11 là bản chất không thay đổi của Đức Chúa Trời- đó là sự thương xót (9:15, 16, 18, 23; 11:30, 31, 32), chứ không phải là việc làm của con người. Sự thương xót qua chọn lựa cuối cùng sẽ vươn ra đến tất cả mọi người tin đến Đấng Christ. Ngài là đấng mở cửa đức tin cho tất cả (5:18-19).

9:17-18 Câu 17 là câu trích từ Xuất Ê-díp-tô ký 9:16; câu 18 là câu kết luận rút ra từ câu trích này. Kinh thánh cho biết Pha-ra-ôn đã tự làm cứng lòng chính mình trong Xuất Ê-díp-tô ký 8:15, 32; 9:34. Kinh thánh cũng cho biết Đức Chúa Trời đã làm cứng lòng Pha-ra-ôn trong Xuất Ê-díp-tô ký 4:21; 7:3; 9:12; 10:20, 27; 11:10. Minh họa này được đưa ra để cho thấy sự chủ tể của Đức Chúa Trời (câu 18). Pha-ra-ôn có trách nhiệm về lựa chọn của mình. Đức Chúa Trời dùng tính khí kiêu ngạo, cứng cỏi của Pha-ra-ôn để làm thành ý chỉ của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên (câu 18).

Cũng lưu ý rằng mục đích của những hành động của Đức Chúa Trời đối với Pha-ra-ôn nằm trong mục tiêu cứu rỗi và bao gồm tất cả. Những hành động này được dùng để (1) chỉ quyền năng của Đức Chúa Trời (so với các thần của người Ê-díp-tô), và (2) để bày tỏ Chúa cho người Ê-díp-tô và qua đó ứng dụng

cho cả trái đất này (câu 17). Tư tưởng phương Tây (người Mỹ) làm rạng rỡ cá nhân, nhưng tư tưởng phương Đông tập trung vào nhu cầu của toàn thể. Đức Chúa Trời dùng Pha-ra-ôn để bày tỏ chính Ngài cho một thế giới đang có nhu cầu. Ngài cũng sẽ làm giống như vậy đối với một dân Y-sơ-ra-ên bất tín (chương 11). Trong ngữ cảnh này quyền lợi của một người bị chìm đi dưới ánh sáng về nhu cầu của toàn thể. Cũng nên nhớ rằng, các ví dụ trong Cựu ước về tập thể như trong trường hợp (1) các con đầu tiên của Gióp bị chết bởi vì cuộc chuyện trò của Đức Chúa Trời với Sa-tan (Gióp 1-2); (2) những người lính Y-sơ-ra-ên chết vì tội của A-can (Giô-suê 7); và (3) con đầu của Đa-vít với Bát-Sê-ba chết bởi vì tội của Đa-vít (II Sa-mu-ên 12:15). Hết thảy chúng ta đều bị ảnh hưởng bởi sự lựa chọn của người khác. Tính tập thể này có thể được nhận thấy trong Rô-ma 5:12-21.

9:19-26 (BẢN NASB)
19 Vậy thì người sẽ hỏi ta rằng: Sao Ngài còn quở trách? Vì có ai chống lại ý muốn Ngài được chăng?20 Nhưng, hỡi người, ngươi là ai, mà dám cãi lại cùng Đức Chúa Trời? Có lẽ nào cái bình bằng đất sét lại nói với kẻ nắn nên mình rằng: Sao ngươi đã làm nên ta như vậy? 21 Người thợ gốm há chẳng có quyền trên đất sét, cùng trong một đống mà làm ra hạng bình để dùng việc sang trọng, lại hạng bình khác để dùng việc hèn hạ sao? 22 Nếu Đức Chúa Trời muốn tỏ ra cơn thạnh nộ và làm cho bởi thế quyền phép Ngài, đã lấy lòng khoan nhẫn lớn chịu những bình đáng giận sẵn cho sự hư mất, 23 để cũng làm cho biết sự giàu có của vinh hiển Ngài bởi những bình đáng thương xót mà Ngài đã định sẵn cho sự vinh hiển, thì còn nói chi được ư? 24 Đó tôi nói về chúng ta, là kẻ Ngài đã gọi, chẳng những từ trong dân ngoại nữa. 25 Như Ngài phán trong sách Ô-sê rằng: Ta sẽ gọi kẻ chẳng phải dân ta là dân ta, Kẻ chẳng được yêu dấu là yêu dấu;26 Lại xảy ra trong nơi Ngài phán cùng họ rằng: Các ngươi chẳng phải là dân ta đâu, Cũng lại nơi đó họ sẽ được xưng là con của Đức Chúa Trời hằng sống.

9:19 "ai chống lại ý muốn Ngài" Động từ này ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE), nhấn mạnh đến một hành động đã được giải quyết kèm với những kết quả đang tiếp diễn (II Sử ký 20:6; Gióp 9:12; Thi thiên 135: 6; Đa-ni-ên 4:35). Lối trình bày phản biện tiếp tục. Theo lôgích, lần theo những câu hỏi của Phao-lô là cách tốt nhất để lập dàn ý và hiểu ý tưởng của Phao-lô. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cần được nhận thấy ở hai cấp bậc. Cấp bậc thứ nhất là kế hoạch cứu chuộc của Ngài cho toàn thể dòng dõi loài người hư hoại (Sáng-thế-ký 3:15). Kế hoạch này không bị ảnh hưởng bởi những lựa chọn cá nhân của con người. Nhưng ở cấp bậc thứ hai, Đức Chúa Trời chọn sử dụng con người làm công cụ (Xuất Ê-díp-tô ký 3:7-9 và 10). Con người được chọn để hoàn tất kế hoạch của Ngài (cả mặt tích cực, như Môi-se, và mặt tiêu cực, như Pha-ra-ôn).

9:20-21 Hình ảnh này được lấy từ Ê-sai 29:16; 45: 9-13; 64:8 và Giê-rê-mi 18:1-12. Hình ảnh Đức Giê-hô-va như người thợ gốm thường được dùng để chỉ Đức Chúa Trời Đấng tạo hóa. Con người đến từ đất sét (Sáng-thế-ký 2:7). Phao-lô làm bật ý về sự chủ tể của Đấng Tạo hóa bằng việc sử dụng ba câu hỏi tiếp- hai câu hỏi đầu trong câu 20 và câu thứ ba trong câu 21. Câu hỏi cuối trở lại minh họa lựa chọn tích cực của Đức Chúa Trời khi chọn Môi-se và lựa chọn tiêu cực của Ngài khi chọn Pha-ra-ôn. Sự tương phản này cũng được thấy ở các cặp (1) Y-sác- Ích-ma-ên, câu 8-9; (2) Gia-cốp- Ê-sau, câu 10-12, và (3) quốc gia Y-sơ-ra-ên và quốc gia Ê-đôm, câu 13. Hình thức minh họa này được phát triển để cho thấy tình trạng hiện tại của Phao-lô về những người Do Thái tin Chúa và không tin Chúa. Sự lựa chọn tích cực của Đức Chúa Trời sau cùng thể hiện ở việc đem vào những người ngoại tin Chúa (câu 24-29 và 30-33)!

9:22 "nếu" Câu này mang một phần CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói, nhưng không có phần kết luận theo đúng văn phạm. Câu 22-24 là một câu trong tiếng Hy-lạp. Câu 22 diễn tả bản tính cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Ngài là Đức Chúa Trời công bình. Ngài bắt con người phải chịu trách nhiệm về những điều mình làm. Nhưng Ngài cũng là một Đức Chúa Trời thương xót. Toàn thể nhân loại đều đáng bị chết. Sự công bình không phải là một tin tức tốt lành! Bản tính của Đức Chúa Trời đa phần là sự thương xót, không phải sự thạnh nộ (Phục truyền 5:9-10; 7:9; Ô-sê

11:8-9). Những lựa chọn của Ngài là nhằm mục đích cứu rỗi (Ê-xê-chi-ên 36:22-33). Ngài kiên nhẫn với con người phạm tội (Ê-xê-chi-ên 18). Ngài thậm chí dùng điều ác để hoàn thành mục đích cứu rỗi của Ngài (Sa-tan, Pha-ra-ôn, Phù thủy ở En-đô-rơ, A-si-ri, Nê-bu-cát-nết-sa, Si-ru, và dân Y-sơ-ra-ên bất tín trong chương 11).

▣ **NASB "muốn tỏ ra cơn thạnh nộ của Ngài"**
NKJV "muốn tỏ ra cơn thạnh nộ của Ngài"
NRSV "muốn tỏ ra cơn thạnh nộ của Ngài"
TEV "muốn tỏ ra cơn giận của Ngài"
JB "sẵn sàng bày tỏ cơn giận của Ngài"

Đức Chúa Trời tỏ ra cơn thạnh nộ của Ngài để bày tỏ quyền năng của Ngài (câu 22) và sự giàu có của sự vinh hiển Ngài (câu 23). Những hành động của Đức Chúa Trời đều mang mục đích cứu rỗi (trừ ra *Gehenna*, là nơi tách biệt cuối cùng của tội lỗi và sự bất tín cứng cỏi).

▣ **"những bình thạnh nộ"** Chữ này tiếp nối hình ảnh đất sét Phao-lô dùng trong câu 20 và 21. Chúng rõ ràng chỉ những con người vô tín mà Đức Chúa Trời sử dụng để hướng tới chương trình cứu rỗi của Ngài.

▣ **NASB, NKJV 'chuẩn bị cho'**
NRSV 'được làm để'
TEV 'phận cho'
NJB 'được thiết kế cho'

Động từ này ở thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Chữ này được dùng trong các bản chỉ thảo để chỉ điều gì đó được chuẩn bị cho cả số phận của nó. Sự vô tín chống nghịch sẽ có ngày công minh và hậu quả của nó. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời chọn sử dụng những người vô tín này để hoàn thành mục đích rộng lớn hơn, bao gồm, và mang tính cứu rỗi.

M.R. Vincent, trong cuốn *Word Studies*, cuốn 2, nói như vầy, "động tính từ này mặc dù không xứng hợp cho Đức Chúa Trời trong mục đích hủy diệt, nhưng trong ý nghĩa tính từ, *sẵn sàng*, *chín tới* cho sự hủy diệt, động tính từ này chỉ điều kiện hiện tại được hình thành trước kia, nhưng không cho biết nó đã hình thành như thế nào" (p. 716).

▣ **"sự hủy diệt"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 3:3.

9:23 "là điều Ngài đã định trước cho sự vinh hiển" Lẽ thật này cũng được thấy trong Rô-ma 8:29-30 và Ê-phê-sô 1:4, 11. Chương này diễn tả mạnh mẽ nhất tính chủ tể của Đức Chúa Trời trong cả Tân ước. Không thể chối cãi được rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn nắm quyền điều khiển trên tạo hóa và sự cứu rỗi! Lẽ thật này không nên bị làm mềm đi hay là bị lấy đi một cách mưu mô. Tuy vậy, nó phải được xem xét cân bằng với sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về giao ước như một phương tiện liên hệ với tạo vật con người, được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài. Chắc chắn rằng một số giao ước thời Cựu ước, như Sáng-thế-ký 9:8-17 và 15:12-21, là giao ước vô điều kiện và không liên hệ gì đến sự đáp ứng của con người, nhưng những giao ước khác có điều kiện đòi hỏi con người đáp ứng lại (như là Ê-đen, Nô-ê, Môi-se, Đa-vít). Đức Chúa Trời có một chương trình cứu rỗi cho tạo vật của Ngài, không ai có thể chi phối được kế hoạch của Ngài. Ngài muốn con người cùng tham gia trong kế hoạch này. Cơ hội tham gia này là sự giằng co thần học giữa tính chủ tể (Rô-ma 9) và ý chí tự do của con người (Rô-ma 10).

Nếu chỉ chọn một trọng tâm của Kinh thánh mà bỏ qua trọng tâm khác thì không xứng hợp. Có sự giằng co giữa các tín lý bởi vì người Đông phương trình bày lẽ thật theo cặp biện chứng hay cặp chứa đựng sự mâu thuẫn. Các tín lý phải được xem xét trong mối liên hệ với các tín lý khác. Lẽ thật là một bức khảm từ nhiều lẽ thật.

Thật sự có sự huyền bí ở đây! Phao-lô không đưa ra một kết luận lô-gích về việc những người không tin được định sẵn (*kataptizo*) cho cơn thạnh nộ (câu 22) và những người tin Chúa được định (*proetoimazo*) cho sự vinh hiển (câu 23). Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời là yếu tố duy nhất hay là sự lựa chọn của Ngài dựa vào sự thương xót hết thảy, nhưng một số lại gạt bỏ sự mời gọi của Ngài? Con người

có phần nào trong tương lai của họ hay không (9:30-10:21)? Có những lời phát biểu quá đáng từ cả hai phía (Augustine- Pelagius). Đối với tôi, khái niệm giao ước hợp nhất cả hai lại với nhau với trọng tâm xoáy vào Đức Chúa Trời. Con người chỉ có thể đáp ứng khi Đức Chúa Trời khởi xướng. Nhưng theo tôi, bản tính của Ngài không phải là thất thường, nhưng đầy sự thương xót. Ngài đoái đến mọi người có ý thức được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài. Tôi gặp khó khăn trong ngữ cảnh này. Nó thật là mạnh mẽ, nhưng nó lại trình bày rõ ràng như trắng và đen. Trọng tâm là sự bất tín của người Do Thái, dẫn đến kết quả là sự đem vào người ngoại! Nhưng đây không phải là bản văn duy nhất trình bày bản chất của Đức Chúa Trời.

▣ **"vinh hiển"** Xin xem chú thích ở câu 3:23.

9:24 Câu này cho thấy đối tượng của lời hứa Đức Chúa Trời rộng hơn là dòng dõi dân Y-sơ-ra-ên mà thôi. Ngài bày tỏ sự thương xót trên con người dựa trên sự lựa chọn của Ngài. Lời hứa trong Sáng-thế-ký 3:13 liên hệ đến toàn thể nhân loại. Sự kêu gọi Áp-ra-ham liên hệ đến toàn thể nhân loại, Sáng-thế-ký 12:3. Sự kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên làm một dân thầy tế lễ liên hệ đến toàn thể nhân loại (Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6)! Đây là sự huyền bí của Đức Chúa Trời, là điều được giấu kín, nhưng nay đã bày ra (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Lời khẳng định của Phao-lô trong câu 24 được minh họa bởi một loạt các câu trích từ Cựu ước (câu 25-29)

1. Câu 25, Ô-sê 2:23
2. Câu 26, Ô-sê 1:10b
3. Câu 27, Ê-sai 10:22 và Ô-sê 1:10a
4. Câu 28, Ê-sai 10:23
5. Câu 29, Ê-sai 1:9

9:25-26 Xét theo ngữ cảnh, đoạn này lấy từ bản LXX của Ô-sê 2:23 (có điều chỉnh) và 1:10, là câu nói đến 10 chi phái phía bắc, nhưng ở đây Phao-lô nói đến người ngoại. Đây là cách các trước giả Tân ước thường làm khi dùng Cựu ước. Họ hiểu Hội thánh như là sự hoàn thành lời hứa đối với Y-sơ-ra-ên (II Cô-rinh-tô 6:16; Tít 2:14; I Phi-e-rơ 2:5-9). Trong trường hợp này nó chỉ đến một dân Y-sơ-ra-ên bất trung. Nếu Đức Chúa Trời phục hồi lại 10 chi phái phía bắc hay thờ hình tượng, thì Phao-lô xem đó như là bằng chứng về tình yêu và sự tha thứ của Đức Chúa Trời một ngày nào đó cũng sẽ đem vào các dân ngoại bang thờ thần tượng (dân ngoại).

9:27-29 (BẢN NASB)
27 **Còn Ê-sai nói về dân Y-sơ-ra-ên mà kêu lên rằng: Dầu số con cái Y-sơ-ra-ên như cát dưới biển, chỉ một phần sót lại sẽ được cứu mà thôi;**28 **vì Chúa sẽ làm ứng nghiệm lời Ngài cách trọn vẹn và vội vàng trên đất.** 29 **Lại như Ê-sai đã nói tiên tri rằng: Nếu Chúa vạn quân chẳng để lại một cái mầm của dòng giống chúng ta, Thì chúng ta đã trở nên như thành Sô-đôm và giống như thành Gô-mô-rơ vậy.**

9:27 NASB, NKJV, NRSV, NJB "dầu"
TEV "ngay cả nếu"

Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (*ean* cộng với BÀN THÁI CÁCH), chỉ hành động có thể có tiềm năng xảy ra.

9:27-28 Đây là câu trích phóng từ bản LXX sách Ê-sai 10:22-23. Bản Textus Receptus thêm cụm từ kết luận từ bản LXX sách Ê-sai 10:23. Nhưng nó không có trong các bản Hy-lạp cổ P^{46}, a ,A, và B, cho thấy người sao chép đã thêm vào sau này. Bản UBS^4 xếp việc bỏ qua cụm từ này vào loại "chắc chắn."

▣ **"NHƯ CÁT DƯỚI BIỂN"** Đây là một phần của ngôn ngữ hình bóng về vô số kết quả mà Đức Chúa Trời hứa với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15:5; 22:17; 26:4).

▣ **"PHẦN SÓT LẠI SẼ ĐƯỢC CỨU"** Chữ "phần sót lại" thường được các tiên tri Cựu ước dùng để chỉ những người Y-sơ-ra-ên bị lưu đày, nhưng sẽ được Đức Chúa Trời đem trở về đất hứa. Trong cách sử dụng của Phao-lô, chữ này chỉ những người Do Thái có mối liên hệ đức tin với Đức Chúa Trời và/ hoặc những người nghe Phúc âm và đáp ứng lại với Đấng Christ bằng đức tin.

Ngay cả trong dân Y-sơ-ra-ên giao ước sự phân rẽ thuộc linh đã xảy ra, chỉ có một số làm hòa lại với Đức Chúa Trời. Sự lựa chọn Y-sơ-ra-ên không loại ra nhu cầu cần đáp ứng bằng đức tin của mỗi cá nhân (Ê-sai 1:16-20).

Phao-lô đang sử dụng cụm từ của Cựu ước là cụm từ lúc ban đầu chỉ những người Do Thái lưu đày, và một số trở về Palestine, để chỉ những người nghe Phúc âm, nhưng phần đông không tin nhận Đấng Christ. Chỉ có một số ít người đã nghe ở thế kỷ đầu (cả người Do Thái và ngoại bang) đáp ứng lại với sứ điệp này. Phao-lô kêu gọi những người đã làm điều đó là dân sót lại.

9:29 Đây là câu trích từ bản LXX sách Ê-sai 1:9, là câu tố cáo tình trạng đầy tội lỗi của quốc gia Y-sơ-ra-ên.

▣ **"CHÚA CỦA NGÀY SA-BÁT"** Đây là danh hiệu của Đức Giê-hô-va trong Cựu ước, thường được dịch là "Chúa của vạn quân" (Gia-cơ 5:4). Tùy thuộc vào ngữ cảnh, chữ này chỉ Đức Chúa Trời trong ý nghĩa quân sự, "thống lãnh của đạo binh trên trời" (Giô-suê 5:13-15), hay trong ý nghĩa hành chính, thường là trong ngữ cảnh một chủ thuyết đa thần thờ các tinh tú của người Ba-by-lôn, liên hệ đến các thiên thể, "Chúa của các thiên thể." Các vì sao là tạo vật, không phải là các vị thần; chúng không thể điều khiển hay định dạng các sự kiện xảy ra (Sáng-thế-ký 1:16; Thi thiên 8:3; 147:4; Ê-sai 40:26).

▣ **NASB "nếu không….để lại cho chúng ta một hậu duệ"**
NKJV "nếu không….để lại cho chúng ta một hột giống"
NRSV "đã không để lại những người sống sót"
TEV "đã không để lại cho chúng ta các con cháu"
NJB "đã không để lại cho chúng ta một vài người sống sót"

Bản Hê-bơ-rơ trong Ê-sai 1:9 ghi là "phần sót lại," nhưng bản LXX dịch nó là "hột giống" (NKJV). Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên luôn chừa ra (1) phần còn sót tin Ngài hay là (2) dòng dõi Đấng Mết-si-a. Chúa chừa ra một số để cứu nhiều người.

▣ **"Sô-đôm…Gô-mô-rơ"** Câu 28 liên hệ đến sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Câu này đặc biệt nói đến hai thành phố ngoại bang đã bị Đức Chúa Trời hủy diệt trong Sáng-thế-ký 19:24-26, nhưng nó đã trở thành thành ngữ chỉ sự đoán phạt của Đức Chúa Trời (Phục truyền 29:34; Ê-sai 13:19; Giê-rê-mi 20:16; 49:18; 50:40; A-mốt 4:11).

9:30-33 (BẢN NASB)
30 **Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Những dân ngoại chẳng tìm sự công bình, thì đã được sự công bình, nhưng là sự công bình đến bởi Đức Chúa Trời;**31 **còn như dân Y-sơ-ra-ên tìm luật pháp của sự công bình, thì không đạt đến luật pháp ấy.**32 **Tại sao? Tại họ chẳng bởi đức tin mà tìm, nhưng bởi việc làm. Họ đã vấp phải hòn đá ngăn trở,**33 **như có chép rằng: Nầy ta để tại Si-ôn một hòn đá ngăn trở, tức là hòn đá lớn làm cho vấp ngã; Hễ ai tin đến thì khỏi bị hổ thẹn.**

9:30-31 Đây là một kết luận gây ngạc nhiên về mục đích chọn lựa của Đức Chúa Trời. Câu 30-33 là phần tóm tắt của chương 9 và là phần giới thiệu cho chương 10. Những người ngoại tin Chúa được làm hòa với Đức Chúa Trời, không phải tất cả những người Do Thái!

Chúa làm việc với toàn thể nhân loại qua giao ước. Đức Chúa Trời luôn bắt đầu trước và đặt ra những điều kiện. Tuy nhiên, cá nhân phải đáp ứng lại bằng sự ăn năn và đức tin, sự vâng phục, và sự trung kiên. Con người được cứu bởi (1) sự chủ tể của Đức Chúa Trời; (2) bởi sự thương xót của Ngài qua công tác đã hoàn tất của Đấng Mết-si-a; hay (3) bởi hành động đức tin cá nhân? Đúng vậy!

▣ **"Sự công bình"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17.

9:23 "bởi việc làm" Bản Textus Receptus thêm vào chữ "của luật pháp." Đây là phần thêm vào của người sao chép sau này. Phao-lô thường dùng cụm từ này, "công việc của luật pháp" (3:20, 28; Ga-la-ti 2:16; 3:2, 5, 10). Tuy nhiên, bản Hy-lạp cổ P[46], a ,A, B, F và G bỏ chữ này trong câu này. Bản UBS[4] xếp các bản ngắn hơn mức độ "B" (gần như chắc chắn).

Chìa khóa đến sự công bình Đức Chúa Trời không phải là việc làm của con người nhưng là bản tính và món quà của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Sự công bình là một điều con người sa ngã không thể nào đạt được, nhưng nó là một món quà ban cho không bởi đức tin trong Đấng Christ. Tuy nhiên nó phải được tiếp nhận (câu 33; Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 4:1 và tiếp sau; 20:9-13; Ê-phê-sô 2:8-9). Đây là lẽ thật mà những người Do Thái thật thà, ngoan đạo, đạo đức (và tất cả những người tôn thờ luật pháp) không thấy ra! George Eldon Ladd trong cuốn *A Theology of the New Testament*, đưa ra một điểm rất hay:

> "Sự dạy dỗ của Phao-lô về luật pháp thường được tiếp cận từ quan điểm về một kinh nghiệm lịch sử hoặc là của Phao-lô trong vai thầy ra-bi Do Thái, hay là một người Do Thái điển hình trong thế kỷ thứ nhất đang ở dưới luật pháp. Tuy nhiên, tư tưởng của Phao-lô không nên được xem xét như một lời xưng tội của một tiểu sử tự sự về thuộc linh, hay là một sự mô tả về bản chất xem trọng luật pháp của chủ nghĩa Pha-ri-si thế kỷ thứ nhất, nhưng phải được xem như một sự giải thích thần học bởi một nhà tư tưởng Cơ đốc về hai con đường đến sự công bình: theo luật pháp và bằng đức tin." (trang 495).

9:33 Câu này được lấy từ Ê-sai 28:16, cộng với câu 8:14
"Này ta để tại Si-ôn một hòn đá," 28:16a
"ngăn trở và một hòn đá khiến vấp phạm," 8:14b
"ai tin đến Ngài sẽ không bị thất vọng," 28:16b

Bằng cách kết hợp những câu này theo cách như vầy (cách của các thầy ra-bi), Phao-lô đã thay đổi ý nghĩa của Ê-sai 28:16 từ âm hưởng tích cực sang tiêu cực. Ông đã dùng Cựu ước nhằm đạt được mục đích của mình.

1. Ông chọn bản dịch (bản LXX, bản MT, hay bản của chính ông)
2. Ông đổi đối tượng chỉ định (từ người Do Thái bị lưu đày sang người ngoại)
3. Ông kết hợp các bản văn
4. Ông áp dụng các danh hiệu và ĐẠI TỪ, trong ngữ cảnh áp dụng cho Đức Giê-hô-va, để chỉ Chúa Jêsus (tại đây ông thêm vào một đại từ)

▣ **"ai tin Ngài sẽ không bị hổ thẹn"** Câu này lấy từ Ê-sai 28:16b. Nó cũng được trích trong Rô-ma 10:11 và cũng giống với Giô-ên 2:32, được trích trong Rô-ma 10:13. Chìa khóa đến sự cứu rỗi vừa là (1) một đối tượng (đá góc) và (2) sự đáp ứng thích hợp (đức tin nơi Ngài).

▣ **"một hòn đá"** Nó bắt nguồn từ một danh hiệu của Đức Chúa Trời (Thi thiên 18:1-2, 31, 46; Phục truyền 32:18; I Sa-mu-ên 2:2; Thi thiên 28:1; 31:3; 42:4; 27:3; 78:15), nhưng sau đó trở thành danh hiệu của Đấng Mết-si-a (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 8:14; 28:16; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45; Ma-thi-ơ 21:42-44). Yếu tố chính trong lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời (Đấng Mết-si-a) đã bị hiểu lầm và bị từ chối (I Cô-rinh-tô 1:23). Người Do Thái không những hiểu sai về mục đích của Đấng Mết-si-a mà còn về những đòi hỏi căn bản của giao ước Đức Chúa Trời. Đối với người Do Thái, Đấng Christ trở nên một cớ gây vấp ngã (Ê-sai 8:14; Lu-ca 2:34), nhưng đối với những người tin Chúa, cả Do thái và ngoại bang, thì Ngài đã trở nên đá tảng (Ê-sai 28:16; I Phi-e-rơ 2:6-10).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VIÊN ĐÁ GÓC

I. Các cách dùng trong Cựu ước
  A. Khái niệm một viên đá như một vật thể cứng lâu bền dùng làm nền móng vững chắc được dùng để mô tả Đức Giê-hô-va (Thi thiên 18:1).
  B. Sau đó nó phát triển thành một danh hiệu của Đấng Mết-si-a (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 28:16).
  C. Nó trở thành biểu tượng của sự đoán xét từ Đức Giê-hô-va bởi Đấng Mết-si-a (Ê-sai 8:14; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45).
  D. Chữ này phát triển thành một hình ảnh về xây dựng
    1. Đá nền tảng, được đặt đầu tiên, là đá vững chắc định các góc cạnh còn lại cho một căn nhà, được gọi là "viên đá góc."
    2. Nó cũng có thể chỉ viên đá cuối cùng được đặt xuống, là viên đá làm cho các bức tường kết chặt lại với nhau (Xa-cha-ri 4:7; Ê-phê-sô 2:20, 21), gọi là 'đá đầu' từ chữ *rush* trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là 'đầu'
    3. Nó cũng có thể chỉ 'đá chìa khóa,' là viên đá đặt chính giữa vòm cửa để giữ trọng lượng của toàn bộ bức tường.

II. Các cách dùng trong Tân ước
  A. Chúa Jêsus trích Thi thiên 118 một vài lần để chỉ về chính Ngài (Ma-thi-ơ 21:41-46; Mác 12: 10-11; Lu-ca 20:17)
  B. Phao-lô dùng Thi thiên 118 để liên hệ đến việc Đức Giê-hô-va từ chối dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn và bất trung (Rô-ma 9:33)
  C. Phao-lô dùng khái niệm 'đá đầu' trong Ê-phê-sô 2:20-22 để chỉ Đấng Christ
  D. Phi-e-rơ dùng khái niệm này về Chúa Jêsus trong I Phi-e-rơ 2:1-10. Chúa Jêsus là viên đá góc và người tin Chúa là những đá sống (tức là người tin Chúa là các đền thờ, I Cô-rinh-tô 6:19), dựng trên Ngài (Chúa Jêsus là đền thờ mới, Mác 14:58; Ma-thi-ơ 12:6; Giăng 2:19-20). Người Do Thái đã từ chối chính nền tảng hy vọng của họ khi họ từ chối Chúa Jêsus là Đấng Mết-si-a

III. Những tuyên bố thần học
  A. Đức Giê-hô-va cho phép Đa-vít/Sa-lô-môn xây cất đền thờ. Ngài bảo họ rằng nếu họ giữ giao ước này, Ngài sẽ ban phước và ở cùng họ, nhưng nếu họ không làm như vậy, đền thờ này sẽ bị hoang tàn (I Các Vua 9:1-9)!
  B. Do thái giáo của các thầy ra-bi chú trọng đến hình thức và lễ nghi và bỏ qua khía cạnh cá nhân của đức tin (đây không phải là câu tuyên bố gom đũa cả nắm; có những thầy ra-bi yêu mến Chúa). Đức Chúa Trời tìm kiếm một mối quan hệ cá nhân, tin kính hằng ngày với những người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27). Lu-ca 20:17-18 chứa đựng những lời đoán xét khiếp sợ.
  C. Chúa dùng khái niệm đền thờ để chỉ thân thể vật chất của Ngài. Điều này tiếp nối và mở rộng khái niệm đức tin cá nhân nơi Chúa Jêsus, là Đấng Mết-si-a, chìa khóa dẫn đến mối liên hệ với Đức Giê-hô-va.
  D. Sự cứu rỗi nhằm phục hồi ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người để mối tương giao với Đức Chúa Trời có thể thực hiện được. Mục đích của Cơ đốc giáo bây giờ là trở nên giống với Đấng Christ. Người tin Chúa phải trở nên đá sống xây theo khuôn mẫu của Đấng Christ (đền thờ mới).
  E. Chúa Jêsus là nền tảng đức tin chúng ta và là đá đầu của đức tin chúng ta (tức là An-pha và Ô-mê-ga). Nhưng Ngài cũng là đá gây vấp ngã và ngăn trở. Hụt mất Ngài là hụt mất tất cả. Không có một lập trường trung dung ở đây!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Chương 9 (tiền định) liên hệ như thế nào với chương 10 (ý chí tự do của con người)?
2. Chủ đề chính của phân đoạn 9:1-29 là gì?
3. Có phải Đức Chúa Trời đã không giữ lời hứa của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên?
4. Liệt kê những lợi điểm mà quốc gia Y-sơ-ra-ên thừa hưởng (9:4-5).
5. Có phải tất cả người Do Thái đều đã làm hòa với Đức Chúa Trời? Tại sao có, hay tại sao không (9:6)?
6. Nếu con người bị bắt phải làm theo ý Chúa thì liệu họ có chịu trách nhiệm về hành động đạo đức của mình hay không?
7. "Sự thương xót" là chìa khóa cho thuyết tiền định như thế nào (câu 15, 16, 18, 23; 11:30-32)?

RÔ-MA ĐOẠN 10

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS^{4}	**NKJV**	**NRSV**	**TEV**	**JB**
Người Do thái và Phúc âm	Người Y-sơ-ra-ên cần Phúc âm	Sự công bình thật bởi đức tin	Y-sơ-ra-ên và Phúc âm	Y-sơ-ra-ên không nhận ra rằng chính Chúa là đấng thánh
9:30-10:4		9:30-10:4	9:30-10:4	
	10:1-13			10:1-4
Sự cứu rỗi cho tất cả			Sự cứu rỗi cho tất cả	
10:5-13		10:5-13	10:5-13	10:5-13
	Y-sơ-ra-ên từ chối Phúc âm	Y-sơ-ra-ên chịu trách nhiệm về sự thất bại của mình		Lời chứng của Môi-se
10:14-21	10:14-21	10:14-17 10:18-21	10:14-17 10:18-21	10:14-17 10:18-21

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương 10 chú trọng đến các dịp tiện để Y-sơ-ra-ên đáp ứng lại sự mời gọi nhân từ của Đức Chúa Trời để nhận ơn cứu rỗi. Chương 9 bàn đến việc Đức Chúa Trời lựa chọn dân Do Thái để cứu thế giới này nhưng người Do Thái đã khước từ sự lựa chọn của Ngài.
B. Phao-lô tiếp tục dùng Cựu ước để chứng minh Phúc âm. Đây là cách dùng điển hình của các bài giảng các sứ đồ trong Công-vụ, được gọi là *kerygma* (điều được rao truyền). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:2 về "*Kerygma*"

C. Các lẽ thật chính trong phân đoạn 9:30-10:4 là như sau:
   1. Người ngoại nhận được sự công bình của Đức Chúa Trời qua đức tin nơi Đấng Christ,
   2. Người Do Thái không có sự công bình của Đức Chúa Trời bởi vì họ thiếu đức tin nơi Đấng Christ,
   3. Luật pháp không thể ban sự công bình. Nó là một món quà của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đấng Christ và không thể có được bởi việc làm của con người
D. Bruce Corley và Curtis Vaughan trong cuốn *A Study Guide Commentary, Romans*, bởi nhà xuất bản Zondervan, trang 115-116, cung cấp một dàn ý hữu dụng về tội của dân Do Thái
   1. Sự kiêu căng tôn giáo, 10:2a
   2. Sự đui mù thuộc linh, 10:2b, 3a
   3. Tự xưng công bình, 10:3b
   4. Sự cứng cỏi không xoay chuyển được, 10:4a

   Tôi cũng thích phần kết luận họ đưa ra ở cuối chương 9 liên quan đến chương 10, "Sự lựa chọn xảy ra trong công tác rao giảng thập tự giá (I Tê-sa-lô-ni-ca 1:4-10), là điều giải thích tại sao sự biện hộ cổ điển về quyền chủ tể thiên thượng được theo sau bởi phân đoạn mạnh mẽ nhất về truyền giáo trong các thư của Phao-lô (10:1-21). Trách nhiệm phải giảng Tin lành xét cho cùng là sự nhận biết rằng, khi làm như vậy Đức Chúa Trời là đấng thành tín sẽ thực hiện mục đích lựa chọn của Ngài trong Đấng Christ." (p. 114)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

10:1-4 (BẢN NASB)
1 Hỡi anh em, sự ước ao trong lòng tôi và lời tôi vì dân Y-sơ-ra-ên cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời, ấy là cho họ được cứu.2 Vì tôi làm chứng cho họ rằng họ có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời, nhưng lòng sốt sắng đó là không phải theo trí khôn.3 Bởi họ không nhận biết sự công bình của Đức Chúa Trời và tìm cách lập sự công bình riêng của mình, nên không chịu phục sự công bình của Đức Chúa Trời;4 vì Đấng Christ là sự cuối cùng của luật pháp, đặng xưng mọi kẻ tin là công bình.

10:1 "anh em" Phao-lô thường dùng từ này mỗi khi giới thiệu một đề tài mới (1:13; 7:14; 8:12).

▣ **"sự ước ao trong lòng tôi và lời cầu nguyện của tôi cùng Đức Chúa Trời cho họ là để họ được cứu rỗi"** Phao-lô tin rằng người Do Thái có thể được cứu và lời cầu nguyện của ông cho họ sẽ đem đến sự thay đổi. Đây là điểm đối chứng gây ngạc nhiên so với thuyết tiền định! Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 9:3 "Sự cầu thay"

Có một số dị bản trong tiếng Hy-lạp về chữ "cho họ." Bản Textus Receptus thay thế bằng chữ "cho Y-sơ-ra-ên." Tuy nhiên, các bằng chứng văn bản thiên về chữ "cho họ." (các bản P^{46}, a B, C, D, F và G). Bản UBS^4 xếp nó vào hạng A (chắc chắn).

10:2 "họ có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời"Sự chân thật và lòng nhiệt thành không thì chưa đủ (câu 3-4). Phao-lô biết điều này rất rõ (Công-vụ 9:1; Gaol 1:14; Phi-líp 3:6)!

10:2-3 "nhưng không phải theo sự hiểu biết. Bởi vì không hiểu về sự công bình Đức Chúa Trời"Chữ "biết" (câu 2, *epiginosko*) hoạt động trong hai cách: (1) Người Do Thái không hiểu một Phúc âm miễn phí (theo nghĩa 'biết' của người Hy-lạp); hoặc là (2) người Do Thái không có mối liên hệ đức tin với Đức Chúa Trời (chữ 'biết' theo nghĩa của người Do Thái, Sáng-thế-ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Người Do Thái không phải không biết về sự cần thiết phải đáp ứng lại với Đức Chúa Trời (câu 16, 18, 19), nhưng họ đã thay thế việc làm của con người với đức tin, là điều dẫn đến sự kiêu căng, ngạo mạn, và chủ nghĩa riêng biệt (câu 3a)!

10:3 "sự công bình của Đức Chúa Trời" Trong ngữ cảnh của chương 9-11, cụm từ này chỉ địa vị xưng công nghĩa của chính Ngài duy nhất dựa vào sự thương xót của Ngài, công tác hoàn tất của Đấng Christ, sự nài mời của Thánh Linh, và sự đáp ứng ăn năn bằng đức tin của những con người tội lỗi và sự liên tục vâng lời và trung kiên.

Chúng ta có thể hiểu được tại sao người Do Thái lại hiểu sai sự công bình của Đức Chúa Trời. Kinh thánh Cựu ước nhấn mạnh sự vâng phục luật pháp (Phục truyền 4:28-6:3, 17, 24-25). Điều họ không nhận biết được là sự cân bằng cần thiết của đức tin và sự ăn năn (Phục truyền 5:29-30; 6:5). Sách Phục truyền rõ ràng khẳng định rằng Đức Chúa Trời hành động thay cho Y-sơ-ra-ên không phải vì họ công bình, nhưng bởi vì bản chất của Ngài (9:6,7, 13, 24, 27; 10:12-22; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Ngay cả việc dân Ca-na-an bị trục xuất không phải bởi vì sự công bình của Y-sơ-ra-ên, nhưng bởi vì tội lỗi của họ (9:4-6; Sáng-thế-ký 15:16). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:17.

▣ **"họ không chịu phục sự công bình của Đức Chúa Trời"** ĐỘNG TỪ này ở thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVE), nhưng nó được dịch ở thể TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) (bản TEV). Chức năng của thể TRUNG CÁCH bị lấn áp bởi thể THỤ ĐỘNG trong ngôn ngữ Hy-lạp bình dân. Ngữ cảnh là yếu tố quyết định.

Nghĩa đen của chữ này là "đầu phục", một từ ngữ quân sự trong một loạt các mệnh lệnh. Người Do Thái tìm cách mua cho được sự công bình của Đức Chúa Trời, nhưng nó là một món quà (3:24; 5:15; 6:23; Ê-phê-sô 2:8-9). Phao-lô đã thấy rõ sự thật này trên đường Đa-mách.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẦU PHỤC (*HUPOTASSO*)

Bản LXX dùng chữ này để dịch 10 chữ Hê-bơ-rơ khác nhau. Nghĩa căn bản trong Cựu ước là "ra lệnh" hay là "quyền ra lệnh." Điều này được thấy trong bản LXX.

1. Đức Chúa Trời ra lệnh (Lê-vi-ký 10:1; Giô-na 2:1; 4:6-8)
2. Môi-se ra lệnh (Xuất Ê-díp-tô ký 36:6; Phục truyền 27:1)
3. Các vua ra lệnh (II Sử ký 31:13)

Trong Tân ước ý nghĩa này cũng được duy trì trong Công-vụ 10:48, nói đến các sứ đồ truyền lệnh. Tuy nhiên, một số ý nghĩa mới cũng được phát triển trong Tân ước.

1. Khía cạnh tình nguyện được phát triển (thường ở thể TRUNG CÁCH)
2. Hành động tự giới hạn mình được thấy trong Chúa Jêsus khi Ngài đầu phục Cha (Lu-ca 2:51)
3. Người tin Chúa thuận theo các khía cạnh trong văn hóa để Phúc âm không bị tác động đối nghịch
   a. Toàn thể người tin Chúa (Ê-phê-sô 5:21)
   b. Những người vợ tin Chúa (Cô-lô-se 3:18; Ê-phê-sô 5:22-24; Tít 2:5; I Phi-e-rơ 3:1)
   c. Người tin Chúa đối với chính quyền người ngoại (Rô-ma 13:1-7; I Phi-e-rơ 2:13)

Người tin Chúa hành động bởi động cơ yêu thương, đối với Đức Chúa Trời, với Đấng Christ, vì nước Đức Chúa Trời, vì sự tốt lành của người khác.

Giống như chữ *agapao* Hội thánh làm cho từ ngữ này mang một ý nghĩa mới dựa vào nhu cầu của vương quốc Đức Chúa Trời và nhu cầu của người khác. Chữ này khoác lên một vẻ cao trọng mới của sự không ích kỷ, không dựa vào mạng lệnh, nhưng dựa vào một mối liên hệ mới với một Đức Chúa Trời đã ban cho chính Ngài và Đấng Mết-si-a. Người tin Chúa vâng lời và đầu phục vì lợi ích của toàn thể và vì ơn phước cho cả gia đình Đức Chúa Trời.

10:4 NASB, NKJV, NRSV "vì Đấng Christ là sự cuối cùng của luật pháp"
TEV "vì Đấng Christ đã chấm dứt luật pháp"
JB "nhưng giờ đây luật pháp đã chấm dứt bởi Đấng Christ"

Câu này cùng ý với Ma-thi-ơ 5:17-18. Mục đích, mục tiêu hay đích đến (*telos*) của luật pháp không phải là sự cứu rỗi, nhưng là sự cáo trách tội lỗi, và mục đích đó vẫn đang tiếp diễn (3:10-20 và đặc biệt là trong Ga-la-ti 3:24-25). Đoạn Kinh thánh Tân ước cổ điển về đề tài này là Ga-la-ti 3:1-29.

Khi bàn về vấn đề này, ngữ cảnh đóng vai trò quan trọng. Phao-lô dùng Cựu ước nhiều cách khác nhau. Khi bàn đến cuộc sống Cơ đốc, Cựu ước là sự mặc khải của Đức Chúa Trời (Rô-ma 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6,11), nhưng khi bàn đến sự cứu rỗi, nó là điều trống rỗng và đã trôi qua (Hê-bơ-rơ 8:13). Đó là bởi vì nó là hình ảnh thuộc về thời kỳ cũ. Phúc âm bằng đức tin trong Chúa Jêsus là thời kỳ mới của Đức Thánh Linh. Thời của luật pháp đã hết!

▣ NASB, NKJV "sự công bình cho mọi kẻ tin"
NRSV "để có sự công bình cho mọi kẻ tin"
TEV "để mọi người tin được làm hòa với Đức Chúa Trời"
NJB "để mọi người có đức tin được xưng công bình"

Chương 9-11 phải được giải thích chung với nhau. Việc nhấn mạnh đến quyền chủ tể của Đức Chúa Trời được nêu lên rất mạnh mẽ trong chương 9 phải được cân nhắc với sự kêu gọi tất cả mọi người tin trong chương 10 (câu 4, 9, 11, 13; 3:22; 4:11, 16).

Tính phổ quát của tình yêu của mục đích cứu chuộc của Đức Chúa Trời được nói đến trong Sáng-thế-ký 3:15 và hàm ý mạnh mẽ trong Sáng-thế-ký 12:3 và Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6. Các tiên tri cũng thường nói về tình yêu thế giới của Đức Chúa Trời và kế hoạch hợp lại tất cả mọi người. Vì rằng chỉ có một Đức Chúa Trời và Ngài tạo nên tất cả mọi người trong ảnh tượng của Ngài, cho nên điều này đưa đến một lời mời có tính cách toàn vũ trụ cho tất cả để được cứu. Tuy nhiên, bí quyết ở đây là không ai có thể đáp ứng được nếu không có sự trợ giúp của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44, 65). Vậy thì câu hỏi sẽ là, "Có phải Đức Chúa Trời kéo tất cả mọi người đến sự cứu rỗi?" Câu trả lời phải là, "Phải!" (Giăng 3:16; 4:42; I Giăng 2:2; 4:14; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Điều nghịch lý hay ám ảnh của tội lỗi, sự sa ngã, và Sa-tan là một số nói, "Không phải." Khi Phao-lô giảng, một số người Do Thái đáp ứng, một số không; một số người ngoại đáp ứng, một số lại không!

Chữ "tin" (*pisteuo*) được dịch ra 3 chữ trong tiếng Anh, "tin," (believe), "đức tin" (faith), và "tin cậy" (trust). Nó ở thì HIỆN TẠI, diễn tả niềm tin tiếp diễn. Không phải công nhận các sự kiện (thần học, các chi tiết lịch sử, các thông tin Phúc âm) là tiếp nhận món quà ân điển của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Tân ước là một giao ước; Đức Chúa Trời hoạch định chương trình và mở ra một sự đáp ứng thích hợp, nhưng cá nhân con người phải đáp ứng bằng đức tin ban đầu và sự ăn năn và đức tin và sự ăn năn cứ tiếp diễn. Sự vâng phục và sự trung kiên là điều quan trọng Sự giống với Đấng Christ và sự phục vụ là mục tiêu!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn.

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (QUÁ KHỨ)
- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI HIỆN TẠI (HOÀN THÀNH) (PERFECT)
- Ê-phê-sô 2: 5, 8

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIẾN TRÌNH TIẾP DIỄN (HIỆN TẠI)
- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐIỂM ĐỈNH TRONG TƯƠNG LAI (TƯƠNG LAI trong THÌ CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- (Được hàm ý trong Ma-thi-ơ 10:22; 24:13; Mác 13:13)

10: 5-13 (BẢN NASB)
5 **Vả, Môi-se luận sự công bình đến bởi luật pháp cách nầy: Hễ ai làm theo điều đó thì nhờ đó
mà sống.**6 **Nhưng sự công bình đến bởi đức tin, thì nói như vầy: Chớ nói trong lòng ngươi rằng:
Ai sẽ lên trời? ấy là để đem Đấng Christ xuống;** 7 **hay là: Ai sẽ xuống vực sâu? ấy là để đem
Đấng Christ từ trong kẻ chết lại lên.**8 **Nhưng nói làm sao? Đạo ở gần ngươi, ở trong miệng và
trong lòng ngươi. Ấy là đạo đức tin và chúng ta giảng dạy.**9 **Vậy nếu miệng ngươi xưng Đức
Chúa Jêsus ra và lòng ngươi tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, thì
ngươi sẽ được cứu;**10 **vì tin bởi trong lòng mà được sự công bình, còn bởi miệng làm chứng mà
được sự cứu rỗi.** 11 **Vả, Kinh-Thánh nói rằng: Kẻ nào tin Ngài sẽ chẳng bị hổ thẹn.**12 **Trong
người Giu-đa và người Gờ-réc không có sự phân biệt gì hết, vì họ có chung một Chúa, giàu ơn
đối với mọi kẻ kêu xin Ngài.**13 **Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu.**

10: 5 Câu này chỉ ngược lại Lê-vi-ký 18:5. Lời hứa này là chắc chắn. Nếu ai có thể giữ được luật pháp, thì sẽ được Đức Chúa Trời chấp nhận (Lu-ca 10:28; Ga-la-ti 3:12). Vấn đề là Rô-ma 3: 9, 10-18, 19, 23; 5:18; 11:32 cho thấy thực tế. Mọi người đều đã phạm tội. Linh hồn nào phạm tội thì phải chết (Sáng-thế-ký 2:17; Phục truyền 30:18; Ê-xê-chi-ên 18:4, 20). Con đường giao ước cũ đã bị đóng. Nó đã trở thành bản án tử hình, một lời nguyền (7:10; Ga-la-ti 3:13; Cô-lô-se 2:14).

10: 6-8 Câu này chỉ ngược lại Phục truyền 30: 11-14 trong bản LXX, là câu Phao-lô đã điều chỉnh để hợp với mục đích ông muốn trình bày. Nguồn gốc của câu này là câu Môi-se nói về Luật pháp, nhưng ở đây lại áp dụng cho sự nhập thế, sự chết, và sống lại của Chúa Jêsus (câu 9; Ê-phê-sô 4:9-10). Điểm Phao-lô muốn nói là sự cứu rỗi đã có sẵn trong Đấng Christ qua đức tin (Phục truyền 30:15-20). Nó rất là dễ dàng, có sẵn; cho tất cả mọi người, là điều khác xa các điều luật của Môi-se.

▣ **"nhưng sự công bình bởi đức tin nói…"** Phao-lô trước đó đã nhân cách hóa "tội lỗi" và "ân điển," giờ đây ông nhân cách hóa "sự công bình bởi đức tin." Nó nói trong các câu trích từ Cựu ước trong câu 6, 7, và 8.

▣ **"lên…xuống"** Con người không cần phải đi kiếm Đấng Christ; Đức Chúa Trời đã ban Ngài một cách công khai cho tất cả mọi người. Sự tìm kiếm của con người là điều không cần thiết.

▣ **"lòng"** Tấm lòng đại diện cho cái tôi biết suy xét. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:24.

10:9 "nếu" Đây là câu ĐIỀU KIỆN BẬC BA, chỉ hành động tương lai có tiềm năng xảy ra. Câu 9 là nội dung (*hoti*) của sứ điệp đức tin.

▣ **"xưng ra"** Từ ngữ kép này, *homologeo*, theo nghĩa đen là "nói" và "giống vậy," và nó có nghĩa là "công nhận công khai" (nói lớn để mọi người đều nghe). Sự công khai xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ là điều quan trọng (Ma-thi-ơ 10:23; Lu-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; I Ti-mô-thê 6:12; I Giăng 2:23; 4:15). Sự công khai xưng nhận của Hội thánh đầu tiên là báp-têm. Người nhận lễ tuyên xưng đức tin trong Đấng Christ với câu, "Tôi tin Chúa Jêsus là Chúa."

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XƯNG TỘI

A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy-lạp dùng cho ý nghĩa xưng tội hay tuyên xưng, *homolegeo* và *exomologeo*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
   1. Ngợi khen (praise)
   2. Đồng ý
   3. Tuyên bố (declare)
   4. Tuyên xưng (profess)
   5. Xưng tội
C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:
   1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
   2. Nhận tội

   Điều này có thể pháp triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai.
D. Tân ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:
   1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)
   2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ. 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)
   3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)
   4. Đồng ý
      a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)
      b. Về một lẽ thật nào (Công-vụ. 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)
   5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ. 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)
      a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)
      b. Có sự nhận tội (Ma-thi-ơ 3:6; Công-vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; I Giăng 1:9)

▣ **NASB "Jêsus là Chúa"**
NKJV "Chúa Jêsus"
NRSV, Tev, JB "Jêsus là Chúa"

Đây là nội dung thần học trong sự tuyên xưng đức tin và lễ báp têm của Hội thánh đầu tiên. Việc dùng chữ "Chúa" xác nhận thần tính của Chúa Jêsus (Giô-ên 2:32; Công-vụ 2:32-33, 36; Phi-líp 2:6-11) và tên "Jêsus" xác nhận nhân tính lịch sử của Ngài (I Giăng 4:1-6).

▣ **"tin trong lòng"** Cụm từ này đi song song với sự xưng tội, vì vậy cho thấy các khía cạnh đôi của đức tin. Chữ "tin" theo Kinh thánh (*pistis*) bao gồm (1) sự tin cậy cá nhân (Hê-bơ-rơ); (2) nội dung thuộc lý trí (Hy-lạp), và (3) một sự cam kết tự nguyện cứ tiếp diễn (Phục truyền 30:20).

Chữ "lòng" trong cách dùng của Cựu ước chỉ toàn bộ con người. Phao-lô có nói đến "miệng" và "lòng" trong ngữ cảnh này bởi vì câu trích trong Phục truyền 30:14 của ông ở câu 8. Điều này không có ý thiết lập một luật định cứng nhắc rằng phải cầu nguyện lớn thì mới được cứu.

10:10 "dẫn đến sự công bình" Mục tiêu của Đức Chúa Trời cho mỗi tín nhân không phải chỉ là thiên đàng trong tương lai, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay hôm nay! Phân đoạn còn lại nhấn mạnh đến tiền định, Ê-phê-sô 1:3-14, cũng mạnh mẽ xác nhận lẽ thật này trong câu 4. Những người tin Chúa được chọn để trở nên thánh khiết và không chỗ trách! Sự lựa chọn không những là một tín lý, nó là một nếp sống (Phục truyền 30:15-20).

Câu 10 phản ánh hai điều quan trọng trong Đại mạng lệnh (Ma-thi-ơ 28:19-29), sự cứu rỗi (đào tạo môn đệ) và sự công bình (dạy họ giữ tất cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi). Sự cân bằng tương tự này cũng được tìm thấy trong Ê-phê-sô 2:8-9 (sự cứu rỗi miễn phí bởi ân điển Đức Chúa Trời qua Đấng Christ) và một sự kêu gọi “làm việc lành” trong Ê-phê-sô 2:10. Một dân dựng nên trong ảnh tượng của Ngài đã và vẫn sẽ là sự mong muốn của Đức Chúa Trời.

10:11 Đây là câu trích từ Ê-sai 28:16 và Phao-lô đã thêm vào chữ “bất cứ ai.” Trong Ê-sai nó chỉ đến đức tin nơi Đấng Mết-si-a, hòn đá góc của Đức Chúa Trời (9:32-33). Trong khi Rô-ma chương 9 tán dương quyền chủ tể của Đức Chúa Trời, thì Rô-ma chương 10 đề cao nhu cầu cần đáp ứng lại Đấng Christ của các cá nhân, bất cứ ai và tất cả mọi người. Lời mời cho toàn thể được thấy rõ qua chữ “mọi người” trong câu 4 và “bất cứ ai” trong câu 11, 13 và “tất cả” trong câu 12 (hai lần). Đây là sự cân bằng thần học đối với trọng tâm tiền định có lựa chọn của chương 9.

▣ **“tin nhận Ngài”** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI với GIỚI TỪ *epi* (4:24; 9:33; I Ti-mô-thê 1:16). Sự tin nhận không chỉ là một sự đáp ứng lúc ban đầu mà thôi, nhưng là một đòi hỏi liên tục của sự cứu rỗi! Nó không những sửa sai thần học (các lẽ thật Phúc âm) đem đến sự cứu rỗi, mà còn sửa sai mối liên hệ cá nhân (con người Phúc âm) đem đến kết quả là một đời sống tin kính (nếp sống Phúc âm). Nên cẩn trọng về chủ nghĩa tin tưởng dễ dãi là chủ thuyết tách rời lẽ thật và lối sống. Một đức tin đem đến sự cứu rỗi cũng là đức tin trung kiên và thay đổi!

▣ **NASB, TEV “không bị hổ thẹn”**
NKJV, NRSV “không bị hổ thẹn”
JB “không có cớ hổ thẹn”

Những ai tin cậy (“tin”) nơi Đấng Christ sẽ không bị từ bỏ đi. Đây là câu trích từ Ê-sai 28:16, là câu chìa khóa trong phần trình bày của Phao-lô ở câu 9:33.

10:12 “vì không có sự phân biệt giữa người Do Thái và người Hy-lạp” Đây là sự đột phá chủ yếu của Giao ước mới (Rô-ma 3:22,29; Ga-la-ti 3:28; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-se 3:11). Đức Chúa Trời có một đã cứu tạo vật của Ngài bằng chính hành động của mình. Ngài mong muốn tất cả mọi người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài đến cùng Ngài và trở nên giống như Ngài! Tất cả đều có thể đến cùng Ngài!

Bản chất phổ quát của Phúc âm (“tất cả” được dùng 2 lần trong câu 12) chia ra làm hai cách nhận xét: (1) không có sự phân biệt giữa người Do Thái và người Hy-lạp; tất cả đều hư mất (3:9, 19, 22-23; 11:32), và (2) không có sự phân biệt giữa người Do Thái và người Hy-lạp; tất cả đều có thể được cứu. Phúc âm đã gỡ bỏ tất cả mọi hàng rào về con người để có thể nhận được sự cứu rỗi (Giô-ên 2:28-29; I Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11).

▣ **“dư dật giàu có”** Khi Phao-lô nghĩ đến ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, ông thường dùng chữ “giàu có” (2:4; 9:23; 11:12 [2 lần], 33; I Cô-rinh-tô 1:5; II Cô-rinh-tô 8:9; Ê-phê-sô 1:7, 18; 2:7; 3:8, 16; Phi-líp 4:19; Cô-lô-se 1:27; 2:2).

10:13 Câu trích nổi tiếng này từ Giô-ên 2:32 có hai trọng tâm mới trong cách dùng của Phao-lô: (1) trong Giô-ên dùng tên “Đức Giê-hô-va’; Phao-lô trong Rô-ma và Phi-e-rơ trong Công-vụ 2:21 thế bằng tên ‘Jêsus’ (lưu ý thêm trong Giăng 12:41 và Ê-sai 6:9-10; Phi-líp 2:9 và Ê-sai 45: 22-25; Rô-ma 9:33 và Ê-sai 8:13-14); và (2) trong Giô-ên “được cứu” hàm ý sự giải cứu thuộc thể, trong khi trong Rô-ma nói đến sự tha thứ và sự cứu rỗi đời đời về mặt thuộc linh.

Khái niệm Cựu ước “kêu cầu danh” hàm ý một sự tuyên xưng đức tin công khai trong một bối cảnh thờ phượng. Cũng khái niệm này được thấy trong Công-vụ 7:59; 9:14, 21; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:2; II Ti-mô-thê 2:22. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:6 “Được kêu gọi”.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH CỦA CHÚA

Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong Hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jêsus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jêsus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12, 16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-rơ 4:14)

Khi chúng ta làm bất cứ điều gì- là người rao truyền, mục vụ, người giúp đỡ, chữa lành, đuổi quỷ, vân vân…chúng ta làm trong bản tính của Ngài, quyền năng, và sự cung ứng của Ngài- trong danh của Ngài!

10: 14-15 (BẢN NASB)
14 **Nhưng họ chưa tin Ngài thì kêu cầu sao được? Chưa nghe nói về Ngài thì làm thể nào mà tin? Nếu chẳng ai rao giảng, thì nghe làm sao?** 15 **Lại nếu chẳng ai được sai đi, thì rao giảng thể nào? như có chép rằng: Những bàn chơn kẻ rao truyền tin Lành là tốt đẹp biết bao!**

10: 14-15 Một loạt các câu hỏi được trình bày trong câu 14-15, theo sau là một câu trích từ Cựu ước sách Ê-sai chỉ ra rằng dân Y-sơ-ra-ên đã chưa bao giờ đáp ứng lại các sứ điệp của Đức Giê-hô-va hay là các sứ giả của Ngài. Đức Chúa Trời sai các sứ giả (tiên tri, sứ đồ, thầy giảng, giáo sư, người truyền đạo). Các sứ giả này là ơn phước Chúa ban cho một thế giới đang cần Ngài. Khi Chúa đầy ân điển sai phái sứ giả Phúc âm đến, thì người nghe phải đáp ứng lại cách thích hợp với sứ điệp của họ. Phao-lô đã ghim chặt ý này bằng một câu trích từ Cựu ước sách Ê-sai 52:7. Phao-lô mở rộng câu này để nói đến những người giảng Phúc âm.

Đức tin cứu rỗi có một số yếu tố sau: (1) tin vào sứ điệp; (2) nhận một con người; (3) đáp ứng ăn năn và đức tin ban đầu và cứ tiếp diễn; (4) cuộc sống vâng phục; và (5) sự trung kiên (Xin xem chú thích ở câu 1:5).

10:15 Đây là đại mạng lệnh (Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47) trong thư Rô-ma. Sự cứu đến bởi việc nghe Phúc âm và nhận Phúc âm. Người giảng Tin lành được sai phái để "tất cả" có thể được cứu!

10: 16-17 (BẢN NASB)
16 **Nhưng chẳng phải mọi người đều nghe theo tin lành đâu; vì Ê-sai có nói rằng: Lạy Chúa, ai tin lời chúng tôi rao giảng?**17 **Như vậy, đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Christ được rao giảng.**

10:16 Một lần nữa Phao-lô sử dụng các lời tiên tri trong Cựu ước vốn chỉ về các sứ điệp của Đức Giê-hô-va cho Y-sơ-ra-ên để nói đến Phúc âm của Chúa Jêsus Đấng Mết-si-a. Cũng giống với người Do Thái thời Cựu ước từ chối sứ điệp của Đức Chúa Trời, người Do Thái thời Phao-lô cũng vậy. Đây là câu trích từ Ê-sai 53:1 nhưng cũng liên hệ thần học đến việc Y-sơ-ra-ên từ chối sứ điệp của Đức Chúa Trời trong Ê-sai 6:9-13.

10:17 Phúc âm trước tiên là một sứ điệp (Ga-la-ti 3:2). Nhưng sứ điệp đó trở thành lời riêng của cá nhân, "lời của Đấng Christ" (Cô-lô-se 3:15-16).

▣ **"lời của Đấng Christ"** Theo ngữ cảnh, những chữ này chắc phải nói đến sứ điệp về Đấng Christ đã được rao giảng. Sự rao giảng Phúc âm là cách Đức Chúa Trời dùng để truyền tải lời mời của Ngài trong Đấng Christ đến cho thế giới này.

Có vấn đề về dị bản trong các bản Hy-lạp cổ ở điểm này: (1) bản P^{46}, a ,B, C, D có chữ "lời của Đấng Christ" trong khi (2) bản a^c ,D^c , K, P có chữ "lời của Đức Chúa Trời." Dị bản thứ nhất là bất thường nhất (Cô-lô-se 3:16) và vì vậy có lẽ là bản gốc (đây là một trong các nguyên tắc căn bản của sự phê bình bản văn). Bản UBS^4 xếp nó vào loại "A" (chắc chắn). Đây là chỗ thứ hai duy nhất trong toàn bộ Tân ước có những chữ này. Dị bản thứ hai, "lời Đức Chúa Trời," xuất hiện một vài lần (Tê-sa-lô-ni-ca 3:2; Giăng 3:34; Ê-phê-sô 6:17; Hê-bơ-rơ 6:5 và 11:3).

10: 18-21 (BẢN NASB)
18 **Nhưng tôi hỏi: Có phải là họ chưa nghe chăng? Trái lại, Tiếng của các sứ giả đã vang khắp đất, Và lời của sứ giả đã đạt đến cùng thế gian.** 19 **Tôi lại hỏi: Thế mà dân Y-sơ-ra-ên chẳng biết chi hết sao? Môi-se đã nói rằng: Ta sẽ giục lòng ganh tị các ngươi bởi kẻ chẳng phải là dân; Ta sẽ chọc giận các ngươi bởi một dân ngu dốt.** 20 **Lại Ê-sai nói cách bạo dạn rằng: Những kẻ chẳng tìm kiếm ta thì đã gặp thấy ta, Ta đã tỏ mình ra cho kẻ chẳng hỏi han ta.**21 **Song về dân Y-sơ-ra-ên, thì rằng: Ta đã giơ tay ra cả ngày hướng về dân bội nghịch và hay nói trái.**

10:18 Câu này khẳng định rằng hầu hết người Do Thái đều đã nghe sứ điệp này và họ phải chịu trách nhiệm khi họ từ chối (câu PHỦ ĐỊNH KÉP trong tiếng Hy-lạp để nhấn mạnh). Vấn đề ở đây không phải là không biết, nhưng là không chịu tin!

Phao-lô trích Thi thiên 19:4. Trong Thi thiên này câu 1-6 nói về sự mặc khải tự nhiên, là những điều Chúa bày tỏ qua tạo hóa (Rô-ma 1-2). Phao-lô thay đổi (1) sự làm chứng của vũ trụ ("trong cả trái đất") và (2) phương tiện truyền tải sứ điệp từ giọng nói không tiếng của tạo hóa thành những người rao giảng Phúc âm (các sứ đồ, tiên tri, thầy giảng, mục sư, giáo sư, Ê-phê-sô 4:11), hàm ý sự mặc khải đặc biệt (Thi thiên 19:8-14). Ý chính là sứ điệp Phúc âm đã đi ra đến các miền có thể biết được trong thời của Phao-lô (thế giới Hy-la). Phao-lô dùng các giải nghĩa theo các thầy rabi; ông thay đổi ngữ cảnh gốc của Cựu ước để minh họa mục đích thần học và biện luận của ông. Cũng cần phải nói rõ rằng cách Phao-lô dùng Cựu ước, cũng giống với các sứ đồ khác, được sự soi dẫn đặc biệt của Đức Thánh Linh (II Phi-e-rơ 1:20-21). Người tin Chúa ngày nay, dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh, không thể tạo lại các phương pháp giải nghĩa của các trước giả Tân ước.

10:19-20 Người Do Thái đã nghe sứ điệp này, thậm chí là từ thời Môi-se. Người Do Thái đã nghe và có thể hiểu được sứ điệp đức tin bao quát rằng tất cả có thể được hòa thuận lại với Đức Chúa Trời.

Trong những câu này, Đức Chúa Trời phán với dân giao ước của Ngài về sự đem vào những người ngoại. Điều này được thực hiện qua một câu trích từ Phục truyền 32:21 trong câu 19 và Ê-sai 65:1-2 trong câu 20-21. Điều gây chấn động đem dân ngoại vào nhằm mục đích khích lệ dân Do Thái đến đức tin (11:11, 14).

10:21 Câu này trích từ Ê-sai 65:2 của bản LXX, liên hệ đến sự từ chối Đức Giê-hô-va của dân giao ước (Ê-sai 65:1-7). Đức Chúa Trời luôn thành tín; Y-sơ-ra-ên luôn thất tín. Sự bất tín của họ dẫn đến sự phán xét tạm thời trên quốc gia này cũng như trên một số cá nhân trong quá khứ, nhưng việc khước từ sự công bình của Đức Chúa Trời qua đức tin nơi Đấng Christ sẽ dẫn đến sự phán xét đời đời!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Nếu sự lựa chọn của Đức Chúa Trời quan trọng như vậy, tại sao Phao-lô lại cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên trong câu 10:1? Tại sao câu 10:9-13 lại rất nhấn mạnh đến sự cần thiết phải đáp ứng của con người?
2. Câu 4 có ý nghĩa gì? "Đấng Christ đã chấm dứt luật pháp rồi sao?"
3. Liệt kê một số yếu tố bao gồm trong sự tin nhận trong 10:9-10.
4. Tại sao Phao-lô lại trích Cựu ước nhiều lần? Điều này liên hệ thế nào đến một Hội thánh chủ yếu là người ngoại ở Rô-ma?
5. Câu 11-13 liên hệ thế nào đến chương 9?
6. Câu 14-15 liên hệ thế nào đến truyền giáo thế giới?
7. Ý chí tự do của con người bày tỏ thế nào trong sự cứu chuộc một người trong chương 10?

RÔ-MA ĐOẠN 11

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	**NKJV**	**NRSV**	**TEV**	**JB**
Dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại	Sự từ chối của Y-sơ-ra-ên không phải tất cả	Sự từ chối của Y-sơ-ra-ên không phải cuối cùng	Sự thương xót của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên	Dân Y-sơ-ra-ên còn sót lại
11:1-10	11:1-10	11:1-10	11:1-6 11:7-10	11:1-10
Sự cứu rỗi người ngoại	Sự từ chối của Y-sơ-ra-ên không phải cuối cùng			Dân Do Thái sẽ được phục hồi trong tương lai
11:11-12	11:11-36	11:11-12	11:11-12	11:11-15
			Sự cứu rỗi người ngoại	
11:13-16		11:13-16	11:13-15	Dân Do Thái vẫn là dân được chọn
		Hình bóng cây ô-li-ve	11:16-18	11:16-24
11:17-24		11:17-24		
			11:19-24	
Sự phục hồi Y-sơ-ra-ên		Tất cả Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu	Sự thương xót của Đức Chúa Trời cho tất cả	Sự cải đạo của người Do Thái
11:25-32		11:25-32	11:25-32	11:25-27 11:28-29 11:30-32
			Chúc tụng Đức Chúa Trời	Bài ca về sự thương xót và khôn ngoan của Đức Chúa Trời
11:33-36		11:33-36	11:33-36	11:33-36

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương 11 tiếp tục mối liên hệ gay cấn giữa sự lựa chọn và Phúc âm. Sự lựa chọn trong Cựu ước là để phục vụ, trong khi sự lựa chọn trong Tân ước là để cứu rỗi. Trong một ý nghĩa, người tin Chúa được gọi để thuộc về gia đình Đức Chúa Trời (Tân ước) và để làm tôi tớ (Cựu ước). Sự lựa chọn vừa có tính tập thể vừa có tính cá nhân, tiêu cực và tích cực (Gia-cốp/Y-sơ-ra-ên - Ê-sau/Ê-đôm; Môi-se/ Pha-ra-ôn). Xét cho cùng sự giằng co này không phải chỉ là giữa quyền chủ tể của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, mà là trong chính bản chất của Đức Chúa Trời. Chương 9-11 nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại sự thương xót của Đức Chúa Trời và sự chống nghịch của con người hư hoại. Đức Chúa Trời thành tín, nhưng con người bất tín.

   Sự lựa chọn không phải là một tín lý loại bỏ một số, nhưng là một nền tảng hy vọng, an toàn và tin tưởng cho những ai đã đáp ứng lại lời hứa và với Con của Đức Chúa Trời Đấng lập giao ước.

B. Trong chương 9, Phao-lô khẳng định quyền chủ tể và tự do của Đức Chúa Trời. Ngay cả trong mối liên hệ giao ước, Đức Chúa Trời không bị ràng buộc. Trong chương 10, Phao-lô khẳng định rằng dân Do Thái được tự do nhận hay từ chối lời hứa của Đức Chúa Trời và giao ước của Ngài. Bởi vì họ đã bất tín và từ chối lời hứa và giao ước của Ngài, trong một ý nghĩa, họ đã từ chối Ngài. Tuy nhiên, chương 11 Phao-lô khẳng định sự thành tín của Đức Chúa Trời, ngay cả khi dân Y-sơ-ra-ên không thành tín (Phục truyền 8).

C. Trong quá khứ, cũng giống như trong hiện tại, dân sót của Y-sơ-ra-ên đã tin và thực hành đức tin nơi Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời. Chính Phao-lô là một ví dụ. Sự khước từ của một số người Do Thái không tin đã cho phép sự đem vào những người ngoại tin Chúa. Sự đem vào những người ngoại đưa đến (1) sự hoàn thiện dân của Đức Chúa Trời, hay là (2) sự đầy đủ số Đức Chúa Trời chọn lựa, cả người Do Thái và người ngoại. Sự đem vào người ngoại sẽ thúc đẩy người Y-sơ-ra-ên đặt đức tin nơi Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời, là Chúa Jêsus.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

11: 1-6 (BẢN NASB)
1 Vậy tôi nói: Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng? Chẳng hề như vậy; vì chính tôi là dân Y-sơ-ra-ên, dòng dõi Áp-ra-ham, về chi phái Bên-gia-min. 2 Đức Chúa Trời chẳng từng bỏ dân Ngài đã biết trước. Anh em há chẳng biết Kinh Thánh chép về chuyện Ê-li sao? thể nào người kiện dân Y-sơ-ra-ên trước mặt Đức Chúa Trời mà rằng:3 Lạy Chúa, họ đã giết tiên tri Ngài, hủy phá bàn thờ Ngài; tôi còn lại một mình, và họ tìm giết tôi.4 Nhưng Đức Chúa Trời đáp lại thể nào? Ta đã để dành cho ta bảy ngàn người nam chẳng hề quì gối trước mặt Ba-anh.5 Ngày nay cũng vậy, có một phần còn sót lại theo sự lựa chọn của ân điển.6 Nhưng nếu bởi ơn thì chẳng phải bởi việc làm nữa; bằng chẳng, thì ơn không còn phải là ơn.

11:1 "Đức Chúa Trời có bỏ dân Ngài chăng" Câu hỏi này mong đợi câu trả lời là "Không." Phao-lô trả lời câu hỏi này trong câu 1b-10. Phần này nhất thiết phải liên quan đến sự bàn luận trước đó của ông. Chương 9-11 hình thành nên một đơn vị ngữ văn, một bài luận thuyết kéo dài.

Điều thú vị nên để ý là trong các bản Hy-lạp cổ P[46] và bản uncial F và G có chữ "gia sản" thay vì là chữ "dân tộc," là chữ có thể lấy từ bản LXX sách Thi thiên 94:14.

▣ **"Chẳng hề như vậy!"**Đây là cách Phao-lô dùng để phủ nhận câu hỏi của một người phản biện tưởng tượng (lối phản biện, 3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11).

▣ **"Tôi cũng là người Y-sơ-ra-ên"** Phao-lô dùng chính mình để chứng minh cho sự hiện hữu của một dân Do Thái tin Chúa còn sót lại. Muốn biết thêm về sự giải thích nền móng Do Thái của Phao-lô, xin xem Phi-líp 3:5.

11:2 "Đức Chúa Trời chẳng từ bỏ dân Ngài" Câu này có lẽ ám chỉ Thi thiên 94:14 (Phục truyền 31:6; I Sa-mu-ên 12:22; I Các vua 6:13; Ca thương 3:31-32). Đây là câu trả lời cụ thể cho câu hỏi trong câu 1.

▣ **"là dân Ngài đã biết trước"** Đây là một tham chiếu rõ ràng về việc Đức Chúa Trời chọn lựa Y-sơ-ra-ên. Xin xem chú thích ở câu 8:29. Nó đem sự bàn luận này trở ngược lại chương 9, cũng như trong câu 4-6. Chìa khóa ở đây không phải là hành động của dân Y-sơ-ra-ên, nhưng là sự chọn lựa của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời thành tín đối với lời hứa của Ngài bởi vì Ngài là như vậy, không phải vì việc làm của dân Y-sơ-ra-ên (Ê-xê-chi-ên 36:22-32).

▣ **"Kinh thánh chép"** Đây là tham chiếu về câu chuyện tiên tri Ê-li chạy khỏi Giê-sa-bên trong I Các Vua 19:10, được trích trong câu 3.

11:4 "TA ĐÃ ĐỂ DÀNH CHO TA BẢY NGÀN NGƯỜI" Chữ "cho Ta" không có trong bản Masoretic tiếng Hê-bơ-rơ sách I Các vua 19:18 (Phao-lô không trích từ bản Masoretic lẫn bản LXX), nhưng ông thêm vào để nhấn mạnh sự lựa chọn của Đức Chúa Trời. Những người trung thành còn sót lại trong I Các vua 19:18 được nhìn từ sự lựa chọn của Đức Chúa Trời, chứ không phải bởi vì họ từ chối thờ phượng Ba-anh.

Điểm Phao-lô muốn nói đến ở đây là ngay cả trong một nước Y-sơ-ra-ên bất tín, thờ hình tượng thời Ê-li, cũng còn có một nhóm nhỏ những người tin Chúa. Trong thời Phao-lô cũng có một số người tin Chúa từ dân Do Thái. Ở mọi thời đại, có một số người Do Thái đáp ứng lại bằng đức tin chứ không phải bằng nỗ lực cá nhân. Phao-lô khẳng định rằng những người Do Thái này được thúc giục bởi sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời (câu 5-6).

▣ **"trước Ba-anh"** Đây là MẠO TỪ GIỐNG CÁI (FEMININE ARTICLE) đi với DANH TỪ GIỐNG ĐỰC (MASCULINE NOUN). Lý do là vì người Do Thái thường thêm các nguyên âm từ chữ "xấu hổ" trong tiếng Hê-bơ-rơ (*bosheth*) vào các phụ âm tên các thần ngoại bang để trêu chọc họ.

11:5-6 Đây là những câu chìa khóa. Chúng kết nối các hành động quá khứ của Đức Chúa Trời với tình trạng hiện tại. Cầu nối ở đây là sự chọn lựa của Đức Chúa Trời bởi sự thương xót (9:15, 16, 18; 11:30, 31, 32). Ân điển Đức Chúa Trời chiếm vị trí ưu tiên nhưng đức tin con người là cần thiết (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19; 20:21), tuy nhiên hoàn toàn không dựa vào công trạng xứng đáng của con người (Ê-phê-sô 2:8-9; II Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5). Những lẽ thật này rất quan trọng trong bài biện luận của Phao-lô xuyên suốt chương 9-11.

11:6 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Sự cứu rỗi là bởi ân điển Đức Chúa Trời (6:23; Ê-phê-sô 2:8-9).

Bản KJV thêm cụm từ kết thúc vào câu 6, "Nhưng nếu bởi việc làm, thì nó không còn là ân điển; nếu không, việc làm không phải là việc làm." Cụm từ này không có trong hầu hết các bản Hy-lạp cổ P[46], a ,A, C, D, G hoặc P, và các bản Latin cổ, nhưng có hai dạng khác nhau của cụm từ này xuất hiện trong các bản a[c] và B. Bản UBS[4] xếp việc bỏ cụm từ này ra ở loại "A" (chắc chắn).

11:7-10 (BẢN NASB)
7 **Vậy thì làm sao? Ấy là dân Y-sơ-ra-ên chẳng được điều mình tìm; song những kẻ lựa chọn thì đã được, và những kẻ khác thì bị cứng lòng,**8 **như có chép rằng: Đức Chúa Trời đã cho họ mờ tối, con mắt chẳng thấy, lỗ tai chẳng nghe, cho đến ngày nay.** 9 **Lại, Đa vít có nói: Ước gì bàn tiệc của họ trở nên bẫy Lưới, nên dịp vấp chơn và sự phạt công bình cho họ;**10 **Ước gì mắt họ mù không thấy được, Và lưng họ cứ khom luôn.**

11: 7 "Điều dân Y-sơ-ra-ên tìm kiếm thì chẳng có được" Câu này đặt ở đầu câu trong tiếng Hy-lạp để nhấn mạnh ý tưởng của Phao-lô. Nhiều người Do Thái tìm kiếm sự hòa thuận với Đức Chúa Trời và họ tìm kiếm điều đó qua sự thực hành các nghi lễ tôn giáo, đặc ân về chủng tộc, và nỗ lực cá nhân. Họ đã đi trật mục tiêu! Không có một xác thịt nào có thể khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 1:29; Ê-phê-sô 2:9).

▣ **NASB "nhưng những kẻ được chọn thì đã nhận được"**
NKJV "nhưng người được chọn thì đã nhận được"
NRSV "những kẻ được chọn đã nhận được"
TEV "Chỉ có một nhóm nhỏ Đức Chúa Trời chọn lựa thì tìm thấy được nó"
JB "nhưng chỉ có một số ít người được chọn"

Đây là khái niệm "dân sót lại" của Cựu ước, chỉ 7,000 người trong I Các vua 19:18. Chìa khóa ở đây không phải là nỗ lực, chủng tộc, hay tính tôn giáo của con người (câu 6), nhưng là bởi ân điển Đức Chúa Trời trong sự chọn lựa (Ê-phê-sô 1:3-14).

▣ **"những người còn lại thì cứng lòng"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE INDICATIVE) (II Cô-rinh-tô 3:14). Nó hàm ý rằng Đức Chúa Trời đã làm cho họ cứng lòng (câu 8-10). Tác nhân làm cứng lòng là kẻ ác (chúa đời này) (II Cô-rinh-tô 4:4). "Làm cứng lòng" (*poroo*) là một thuật ngữ y khoa dùng để chỉ sự chai cứng hay mù lòa (Rô-ma 11:25; II Cô-rinh-tô 3:14; Ê-phê-sô 4:18). Từ này cũng được dùng cho các sứ đồ trong Mác 6:52. Nó là một chữ Hy-lạp khác với chữ trong câu 9:18 (*skleruno*) chỉ sự đối ngược của thương xót (Hê-bơ-rơ 3:8, 15; 4:7).

Câu này rất rõ ràng và là tóm tắt của phần 11:1-6. Một số người được chọn thì tin, nhưng một số không được chọn thì cứng lòng. Tuy nhiên, câu này không phải được chép riêng rẽ, tách rời như một phương châm thần học. Nó là một phần của bài biện luận thần học kéo dài. Có một sự giằng co giữa sự thật được trình bày rõ ràng trong câu này và lời mời gọi tất cả mọi người trong chương 10. Có một sự huyền bí ở đây. Nhưng giải pháp không phải là phủ nhận hay thu nhỏ một trong hai cái sừng của tình trạng tiến thoái lưỡng nan này, hay là hai cực của nghịch lý này.

11:8-10 Các câu này được trích trong sách Ê-sai 29:10 (câu 8a), Phục truyền 29:4 (câu 8b, nhưng không phải từ bản MT hay là bản LXX), và Thi thiên 69:22-23 (câu 9-10). Chúng thật sự phản ánh sự kêu gọi và sứ mạng của Ê-sai cho một dân Y-sơ-ra-ên hay nổi loạn trong câu 6:9-13. Ê-sai trình bày lời Đức Chúa Trời, nhưng dân của Ngài không thể, và cũng không đáp ứng. Phao-lô đưa ra một số bằng chứng từ Cựu ước cho thấy việc Đức Chúa Trời làm cứng lòng một số như Ngài đã làm trong câu 9:13, 15, 17.

11:8 NASB, NKJV "Đức Chúa Trời đã phó cho họ một tinh thần mờ tối"
NRSV, JB "Đức Chúa Trời đã phó cho họ một tính lờ đờ"
TEV " Đức Chúa Trời đã làm cho lòng và trí của họ trở nên mờ tối, ảm đạm"

Chữ Hy-lạp này (*katanuxis*) chỉ có ở chỗ này trong Tân ước, được dùng chỉ một vết cắn của côn trùng làm cho cảm giác đờ ra bởi kích thích quá nhiều xúc cảm.

11:10 "HÃY ĐỂ CHO MẮT HỌ BỊ TỐI TĂM KHÔNG THẤY VÀ LƯNG CỨ KHOM LUÔN" Đây là thể MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE IMPERATIVE) tiếp nối bởi một MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ. Đây là sự huyền nhiệm của quyền chủ tể Đức Chúa Trời và sự đáp ứng của con người. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi sự, là Đấng khởi đầu mọi sự, nhưng trong ý chỉ

chủ tể này, Ngài đã quyết định rằng con người, tạo vật tối cao của Ngài, được tự do đáp ứng lại với Ngài. Những ai không đáp ứng lại bằng đức tin thì bị làm cho cứng lòng trong sự bất tín của họ.

Trong ngữ cảnh này Phao-lô khẳng định kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời nhằm cứu tất cả con cái A-đam. Sự bất tín của người Do Thái sẽ mở cánh cửa đức tin cho người ngoại và qua sự ghen tị phục hồi lại quốc gia Y-sơ-ra-ên! Đây là kế hoạch đem vào (Ê-phê-sô 2:11-3:13), chứ không phải loại bỏ ra! Sự làm cứng lòng khiến đem lại mùa gặt lớn hơn!

11: 11-16 (BẢN NASB)
11 **Tôi lại hỏi rằng: Có phải dân Y-sơ-ra-ên vấp chơn dường ấy hầu cho té xuống chăng? Chẳng hề như vậy! Nhưng ấy là bởi tội lỗi họ mà sự cứu đã đến cho dân ngoại, hầu để giục lòng tranh đua của họ.**12 **Vả, nếu tội lỗi họ đã làm giàu cho thế gian, sự kém sút họ đã làm giàu cho dân ngoại, thì huống chi là sự thạnh vượng của họ!** 13 **Tôi nói cùng anh em là người ngoại: bấy lâu tôi làm sứ đồ cho dân ngoại, tôi làm vinh hiển chức vụ mình,** 14 **cố sức để giục lòng tranh đua của những kẻ đồng tộc tôi, và để cứu nấy người trong đám họ.**15 **Vì nếu sự dứt bỏ họ ra đã làm sự hòa thuận cho thiên hạ, thì sự họ trở lại trong ân điển há chẳng phải là sự sống lại từ trong kẻ chết sao?**16 **Vả, nếu trái đầu mùa là thánh, thì cả đồng cũng thánh; và nếu rễ là thánh, thì các nhánh cũng thánh.**

11:11 "vậy thì tôi nói" Đây cũng là cụm từ theo lối tu từ như trong câu 11:1. Nó tiếp tục bài biện luận của Phao-lô theo một đường hướng khác. Trong câu 1-10 không phải tất cả Y-sơ-ra-ên đều bị Chúa từ chối; trong câu 11-24 sự từ chối của Y-sơ-ra-ên không phải là mãi mãi; nó có mục đích. Qua đó người ngoại được đem vào.

▣ NASB "có phải họ đã vấp đến nỗi phải ngã hay không"
NKJV, NRSV "họ đã vấp đến nỗi ngã"
TEV "Khi dân Do Thái vấp, họ có ngã đến nỗi hư mất hay không"
JB "Có phải dân Do Thái đã ngã xuống mãi mãi; hay là họ chỉ vấp mà thôi"
Câu hỏi này mong đợi một câu trả lời là "Không." Sự bất tín của Y-sơ-ra-ên không phải là một tình trạng cố định.

▣ NASB "bởi sự vi phạm của họ"
NKJV "bởi sự té ngã của họ"
NRSV "bởi sự vấp ngã của họ"
TEV "bởi họ phạm tội"
JB "sự té ngã"
Trong ngữ cảnh này, điều này chỉ việc dân Do Thái từ khước Chúa Jêsus là Đấng Mết-si-a (câu 12).

▣ "sự cứu đã đến cho dân ngoại" Quả thật là một lời tuyên bố gây sốc cho người Do Thái ở thế kỷ thứ nhất (câu 12; Công-vụ 13:46; 18:6; 22:21; 28:28).

▣ "để khiến họ ghen tị" Kế hoạch đem người ngoại vào của Đức Chúa Trời phục vụ hai mục đích (1) để Đức Chúa Trời cứu chuộc mọi người; và (2) để Ngài phục hồi dân Y-sơ-ra-ên còn sót biết ăn năn trở lại đức tin cá nhân.

11:12-24 Trong các câu này có một loạt mười CÂU ĐIỀU KIỆN liên hệ đến sự bất tín của người Do Thái trong mối liên hệ đến niềm tin của người ngoại. Câu 12, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 24 là những CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ, trong khi câu 22 và 23 là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA chỉ hành động có tiềm năng xảy ra trong tương lai.

11:12 NASB "sự ứng nghiệm của họ lại còn nhiều hơn nữa"
NKJV "sự đầy đủ của họ lại còn nhiều hơn nữa"
NRSV "sự đem vào đầy đủ của họ lại có ý nghĩa nhiều hơn nữa"
TEV "vậy thì, ơn phước lại càng lớn hơn nữa, khi đem vào đầy đủ số người Do Thái"
JB "vậy thì nghĩ xem nó sẽ đem lại lợi ích lớn dường nào khi tất cả họ đều cải đạo"

Mấu chốt để giải thích câu này là ý nghĩa của từ 'sự đầy đủ của họ." Có phải nó liên hệ đến (1) việc người Do Thái được cứu, câu 14b, 26a, hay là (2) con số cuối cùng của những người được chọn cả Do thái và người ngoại tin Chúa?

11:13 "Tôi đang nói cùng anh em là người ngoại" Chương 9-11 hình thành một đơn vị ngữ văn trả lời cho câu hỏi, "Tại sao Đấng Mết-si-a người Do Thái lại bị người Do Thái từ chối?" Tuy nhiên, câu hỏi cũng còn đó và nêu lên thắc mắc là tại sao Phao-lô thấy cần phải đề cập đến câu hỏi này trong thư của ông ngay tại đây trong bài biện luận của ông.

Câu 13-24, 25c dường như phản ánh vấn đề trong Hội thánh tại Rô-ma giữa người Do Thái và người ngoại. Không rõ đây là vấn đề giữa người Do Thái và người ngoại tin Chúa hay là giữa người Do Thái không tin Chúa (nhà hội) và người ngoại tin Chúa.

▣ **"Tôi làm sứ đồ cho dân ngoại"** Phao-lô đặc biệt cảm thấy được kêu gọi để phục vụ cộng đồng người ngoại (Công-vụ 9:15; 22:21; 26:17; Rô-ma 1:5; 15:16; Ga-la-ti 1:16; 2:7, 9; I Ti-mô-thê 2:7; II Ti-mô-thê 4:17).

▣ **NASB, NKJV "tôi mở rộng chức vụ mình"**
NRSV "tôi làm vinh hiển chức vụ mình"
TEV "tôi tự hào về công việc của mình"
JB "và tôi tự hào vì được sai đi"

Chữ "mở rộng" có thể có nghĩa là (1) cảm tạ; (2) tự hào; hay có thể là (3) tận dụng . Điều này cũng có thể phản ánh vấn đề trong Hội thánh tại Rô-ma! Phao-lô hài lòng khi phục vụ dân ngoại; ông thấy chức vụ của mình làm cho người Do Thái ghen tị, là điều có thể đem lại kết quả là sự cứu rỗi cho họ (câu 11, 14 và 9:1-3).

11:14 "cứu một vài người" Đây là sự kêu gọi truyền giảng của Phao-lô. Ông biết một số sẽ đáp ứng lại sự rao giảng Phúc âm (I Cô-rinh-tô 1:21) trong khi một số khác không (I Cô-rinh-tô 9:22). Đây là sự huyền nhiệm của sự chọn lựa (cả Cựu ước và Tân ước)!

11:15 Việc từ khước dân Y-sơ-ra-ên thời Cựu ước là một phần trong chương trình cứu rỗi toàn thể nhân loại (*kosmos*) *của* Đức Chúa Trời. Công bình cá nhân, ngạo mạn chủng tộc, và tôn sùng luật pháp của người Do Thái rõ ràng làm rõ hơn nhu cầu cần đức tin (9:30-33). Đức tin nơi Đức Giê-hô-va và Đấng Mết-si-a của Ngài là chìa khóa dẫn đến sự hòa thuận với Đức Chúa Trời, chứ không phải việc làm theo tôn giáo của con người. Nhưng phải nhớ rằng, việc dân Y-sơ-ra-ên từ chối là vì mục đích cứu chuộc toàn nhân loại. Không có chỗ cho sự kiêu căng của con người, cả người Do Thái và người ngoại. Rõ ràng đây là sứ điệp mà Hội thánh Rô-ma cần nghe!

▣ **"sự hòa thuận cho thiên hạ"** Điểm này tương đồng về thần học với "sự công bình Đức Chúa Trời." Chữ này đến từ chữ *kata* cộng với chữ *alasso* (thay đổi, biến đổi). Nó chỉ sự trao đổi hận thù lấy bình an, qua đó phục hồi lại thiện ý (Rô-ma 5:11; 11:15; II Cô-rinh-tô 5:18,19). Đức Chúa Trời tìm kiếm phục hồi mối tương giao tại Ê-đen. Tội lỗi đã làm vỡ mối liên hệ đó, nhưng Đấng Christ đã phục hồi lại ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người sa ngã, cho những người thực hành đức tin. Họ được làm hòa và chấp nhận (song song với câu 15). Con người không thể phục hồi lại sự mật thiết này, chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể làm được và Ngài đã làm điều đó!

11:16 "nếu miếng *bột bánh* đầu là thánh" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Câu này ám chỉ Dân-số-ký 15:17-2. Đây là hình bóng tương tự như khái niệm Trái đầu mùa trong Cựu ước được dâng lên cho Đức Chúa Trời để bày tỏ cả mùa màng đều thuộc về Chúa.

Dân Y-sơ-ra-ên còn sót tin Chúa thời xưa vẫn có tác động lên cả quốc gia này (Sáng 18:27-33; II Sử ký 7:14). Hình ảnh "miếng đầu" tương đương với "cái rễ" (Giê-rê-mi 11:16-17), cả hai hình ảnh này đều chỉ những người trung thành trong Y-sơ-ra-ên, đặc biệt là các tổ phụ Cựu ước (câu 28).

11:17-24 (BẢN NASB)
17 Ví bằng có một hai nhánh bị cắt đi, và ngươi vốn là cây ô-li-ve hoang được tháp vào chỗ các nhánh ấy để có phần về nhựa và rễ của cây ô-li-ve, 18 thì chớ khoe mình hơn các nhánh đó. Nhưng nếu ngươi khoe mình, thì hãy biết rằng ấy chẳng phải là ngươi chịu đựng cái rễ, bèn là cái rễ chịu đựng ngươi. 19 Ngươi sẽ nói rằng: Các nhánh đã bị cắt đi, để ta được tháp vào chỗ nó. 20 Phải lắm; các nhánh đó đã bị cắt bởi cớ chẳng tin, và ngươi nhờ đức tin mà còn; chớ kiêu ngạo, hãy sợ hãi. 21 Vì nếu Đức Chúa Trời chẳng tiếc các nhánh nguyên, thì Ngài cũng chẳng tiếc ngươi nữa. 22 Vậy hãy xem sự nhơn từ và sự nghiêm nhặt của Đức Chúa Trời: sự nghiêm nhặt đối với họ là kẻ đã ngã xuống, còn sự nhơn từ đối với ngươi, miễn là ngươi cầm giữ mình trong sự nhơn từ Ngài: bằng chẳng, ngươi cũng sẽ bị chặt. 23 Về phần họ, nếu không ghì mài trong sự chẳng tin, thì cũng sẽ được tháp; vì Đức Chúa Trời có quyền lại tháp họ vào. 24 Nếu chính ngươi đã bị cắt khỏi cây ô-li-ve hoang thuận tánh mình, mà được tháp vào cây ô-li-ve tốt nghịch tánh, thì huống chi những kẻ ấy là nhánh nguyên sẽ được tháp vào chính cây ô-li-ve mình!

11:17 "nếu" Xin xem chú thích ở câu 11:12-14.

▣ **"một vài nhánh bị cắt đi"** Điều này chỉ những người Y-sơ-ra-ên không tin (câu 18, 19, "nhánh nguyên," câu 21).

▣ **"cây ô-li-ve hoang"** Điều này chỉ những người ngoại tin Chúa là những người đáp ứng lại lời giảng Phúc âm.

▣ **"được tháp vào"** Phao-lô tiếp tục dùng hình ảnh nông nghiệp bắt đầu ở câu 16. Sự tháp các nhánh ô-li-ve hoang vào một cây đã trưởng thành giúp gia tăng năng suất (câu 24).

▣ **"cây ô-li-ve"** Đây là hình bóng về quốc gia Y-sơ-ra-ên (câu 24; Thi thiên 52:8; 128:3; Giê-rê-mi 11:16; Ô-sê 14:6). Đây là hình bóng Cựu ước thứ hai của Phao-lô để diễn tả mối liên hệ giữa Do Thái và người ngoại.

11:18 "chớ khoe mình hơn các nhánh này" Câu này ở thể MỆNH LỆNH HIỆN TẠI (PRESENT IMPERATIVE) với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thường có ý nghĩa là ngưng một hành động đang diễn ra. Câu này, cộng với câu 13, 20, 25 hàm ý có vấn đề trong Hội thánh Rô-ma giữa người Do Thái và người ngoại.

11:19-20 Câu 19 là một dạng biện luận khác (một người phản biện tưởng tượng). Phao-lô giải thích tại sao người Do Thái bị từ chối. Đó là vì sự bất tín của họ, không phải là vì người ngoại được yêu thương nhiều hơn! Người ngoại chỉ được đem vào bởi vì tình yêu của Đức Chúa Trời (Sáng-thế-ký 3:15) và vì đức tin của họ! Họ cũng có thể làm cho người Do Thái ghen tị để trở lại với Đức Chúa Trời (câu 11, 14).

11:20 NASB “và ngươi nhờ đức tin mà đứng vững”
NKJV “và ngươi nhờ đức tin mà đứng vững”
NRSV “nhưng người chỉ nhờ đức tin mà đứng vững”
TEV “ngươi còn ở trong vì ngươi tin”
JB “nếu ngươi vẫn còn giữ vững, ấy là nhờ đức tin ngươi”

Câu này ở thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE). Tuy nhiên, nó ở trong bối cảnh của mười CÂU ĐIỀU KIỆN. Chỗ đứng của chúng ta trước Đức Chúa Trời vẫn sẽ là bởi đức tin. Nếu đức tin chấm dứt, chỗ đứng của chúng ta cũng hết. Sự cứu rỗi là (1) sự đáp ứng đức tin ban đầu; (2) một tình trạng ở trong đức tin; (3) một tiến trình đức tin cứ tiếp diễn; và (4) là điểm tột bậc cuối cùng của đức tin. Nên cẩn trọng với bất cứ hệ thống thần học nào tập trung vào chỉ một trong các lẽ thật Kinh thánh này. Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 10:4.

Đức Chúa Trời là tác giả, đấng khởi xướng, đấng thêm sức, và là đấng làm trọn sự cứu rỗi, nhưng trong một khuôn khổ giao ước. Ngài đã quyết rằng con người tội lỗi phải đáp ứng và tiếp tục đáp ứng bằng sự ăn năn và đức tin ở từng chặng của tiến trình này.

▣ NASB “đừng kiêu ngạo, hãy sợ hãi”
NKJV “đừng hống hách, nhưng sợ hãi”
NRSV “đừng trở nên kiêu căng, nhưng hãy đứng trong sự sợ hãi”
TEV “đừng kiêu căng, hãy sợ hãi”
JB “thay vì kiêu căng, điều đó nên khiến ngươi sợ hãi”

Cả hai câu này đều là câu MỆNH LỆNH HIỆN TẠI. Câu đầu có TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, thường có ý nghĩa là ngưng một hành động đang diễn ra. Nó bày ra vấn nạn tại Hội thánh Rô-ma. Lý do của sự sợ hãi được đưa ra ở câu 21.

11:21 “Ngài cũng chẳng tiếc ngươi” Cũng giống như dân Y-sơ-ra-ên bội đạo và lìa bỏ Đức Giê-hô-va trong sự bất tín kiêu căng và bị cắt bỏ đi, thì Hội thánh cũng bị như vậy nếu lìa bỏ đức tin nơi Đấng Christ qua công bình riêng đầy kiêu ngạo của mình. Đức tin ban đầu phải được theo sau bằng một nếp sống đạo (Ma-thi-ơ 13: 1-23; Mác 4:1-12; Lu-ca 8:4-10). Phải liên tục chống trả sự kiêu căng. Chúng ta là người thể nào là nhờ ân điển Đức Chúa Trời và chúng ta cùng là anh em với những người tin cậy Đấng Christ!

11:22 “sự nhân từ và sự nghiêm nhặt của Đức Chúa Trời” Cách của Đức Chúa Trời luôn có vẻ nghịch lý đối với con người sa ngã (Ê-sai 55:8-11). Có những hậu quả cho những lựa chọn của chúng ta. Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời không làm mất đi trách nhiệm của con người. Sự chọn lựa quốc gia Y-sơ-ra-ên không phải là sự bảo đảm cho sự cứu rỗi của từng cá nhân Y-sơ-ra-ên.

▣ “miễn là ngươi tiếp tục ở trong sự nhân từ Ngài” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA cộng với BÀN THÁI CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT SUBJUNCTIVE). Cấu trúc này có nghĩa là sự tiếp tục những người ngoại tin Chúa là có điều kiện (đây là mặt ngược lại của quyền chủ tể Đức Chúa Trời trong Rô-ma 9); chúng ta phải kiên trì giữ gìn đức tin (Phi-líp 2:12-13). Ở đây chỉ sự kiên trì của từng cá nhân cũng như cả một nhóm người (Ga-la-ti 6:9; Khải huyền 2:7, 17; 3:6, 13, 22). Đây là sự mầu nhiệm và căng thẳng giữa tính tập thể và tính cá nhân trong Kinh thánh. Có những lời hứa (dựa vào bản chất của Đức Chúa Trời) và những giao ước có điều kiện (dựa trên sự đáp ứng con người). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 8:25 “Sự cần thiết phải kiên trì.”

11:23 Câu này đi theo mẫu văn phạm và thần học của câu 22. Nếu người Do Thái ăn năn và tin, thì họ sẽ được kể vào. Nếu người ngoại ngừng tin, thì họ sẽ bị từ chối (câu 20). Đức tin ban đầu và đức tin duy trì trong Ngài là điều quan trọng cho cả hai.

11: 25-32 (BẢN NASB)
25 Vả, hỡi anh em, tôi không muốn anh em chẳng biết sự mầu nhiệm nầy, e anh em khoe mình khôn ngoan chăng: ấy là một phần dân Y-sơ-ra-ên đã sa vào sự cứng lòng, cho đến chừng nào số dân ngoại nhập vào được đầy đủ; 26 vậy thì cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu, như có chép rằng: Đấng Giải cứu sẽ đến từ Si-ôn, Cất sự vô đạo ra khỏi Gia-cốp; 27 Aáy là sự giao ước mà ta sẽ lập với họ, Khi ta xóa tội lỗi họ rồi. 28 Nếu luận về Tin Lành thì họ là nghịch thù bởi cớ anh em, còn luận về sự lựa chọn, thì họ được yêu thương bởi cớ các tổ phụ; 29 vì các sự ban cho và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời chẳng hề đổi lại được bao giờ. 30 Lại như khi trước anh em đã nghịch cùng Đức Chúa Trời, mà bây giờ được thương xót bởi sự nghịch của họ, 31 thì cũng một thể ấy, bây giờ họ đã nghịch, hầu cho cũng được thương xót bởi sự thương xót đã tỏ ra với anh em. 32 Vì Đức Chúa Trời đã nhốt mọi người trong sự bạn nghịch, đặng thương xót hết thảy.

11:25 "Tôi không muốn anh em không được cho biết" Đây là một thành ngữ đặc biệt Phao-lô (1:13; I Cô-rinh-tô 10:1; 12:1; II Cô-rinh-tô 1:8; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13). Nó thường giới thiệu một vấn đề bàn luận quan trọng. Nó có chức năng như câu nói mở đầu của Chúa Jêsus "A-men, A-men" [bản Việt ngữ dịch là "Quả thật, quả thật"]. Phao-lô thường dùng nó để cho biết một chủ đề mới sắp được trình bày.

▣ **NASB, NKJV, NRSV "sự mầu nhiệm"**
TEV "một lẽ thật huyền nhiệm"
JB "một lý lẽ kín dấu cho tất cả điều này"

Đức Chúa Trời có một kế hoạch thống nhất để cứu rỗi con người ngay cả trước sự sa ngã (Sáng-thế-ký 3). Dấu hiệu về kế hoạch này được bày tỏ trong Cựu ước (Sáng-thế-ký 3;15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6; và các phân đoạn chỉ toàn thể trong các sách tiên tri). Tuy nhiên kế hoạch toàn vẹn này chưa rõ ràng (I Cô-rinh-tô 2:6-8). Khi Chúa Jêsus và Đức Thánh Linh đến, thì nó bắt đầu trở nên rõ ràng hơn. Phao-lô dùng chữ "mầu nhiệm" để chỉ toàn bộ kế hoạch cứu rỗi này (I Cô-rinh-tô 4:1; Ê-phê-sô 6:19; Cô-lô-se 4:3; I Ti-mô-thê 1:9). Tuy nhiên ông dùng nó với một số ý nghĩa khác nhau:

1. Sự cứng lòng một phần của người Do Thái tạo điều kiện cho người ngoại được đem vào. Làn sóng người ngoại được đem vào có chức năng như một cơ cấu làm cho người Do Thái tiếp nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ như đã tiên báo (rom. 11:25-32).
2. Tin lành được truyền ra cho các quốc gia, tức là tất cả đều được kể vào trong Đấng Christ và qua Đấng Christ (Rô-ma 16;25-27; Cô-lô-se 2:2).
3. Thân thể mới của những người tin Chúa khi Chúa trở lại lần thứ hai (I Cô-rinh-tô 15:5-57; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).
4. Sự gồm tóm tất cả lại trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:8-11).
5. Người Do Thái và người ngoại là những kẻ đồng kế tự (Ê-phê-sô 2:11-3:13)
6. Sự thân mật trong mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội thánh được mô tả trong ngôn ngữ của hôn nhân (Ê-phê-sô 5:22-33)
7. Người ngoại được kể vào trong dân giao ước và có Thánh Linh ngự vào để trở nên trưởng thành giống với Đấng Christ, tức là, phục hồi lại ảnh tượng Đức Chúa Trời đã bị hoen ố nơi con người sa ngã (Sáng-thế-ký 6:5, 11-13; 8:21) của Đức Chúa Trời nơi con người (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6; Cô-lô-se 1:26-28).
8. Thời cuối cùng kẻ đối địch Đấng Christ (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-11)
9. Tóm tắt lẽ mầu nhiệm của Hội thánh ban đầu được tìm thấy trong I Ti-mô-thê 1:16.

▣ **"e rằng anh em khôn ngoan theo suy đoán riêng của mình"** Đây là một dấu hiệu khác về sự căng thẳng trong Hội thánh ở Rô-ma (câu 18).

▣ **NASB "một phần cứng lòng đã đến với dân Y-sơ-ra-ên"**
NKJV "một phần cứng lòng đã đến với dân Y-sơ-ra-ên"
NRSV "sự cứng lòng đã đến trên một phần dân Y-sơ-ra-ên"
TEV "sự cứng đầu của dân Y-sơ-ra-ên không phải là vĩnh viễn"

JB “một phần của dân Y-sơ-ra-ên đã bị mù lòa”

Câu này liên hệ đến toàn bộ chương 11. Đã có và vẫn sẽ có một số người Do Thái tin Chúa. Sự mù lòa một phần này, gây ra bởi Đức Chúa Trời (câu 8-10) do dân Do Thái từ chối Chúa Jesus, vừa vặn với chương trình cứu rỗi toàn nhân loại của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời hứa cứu rỗi tất cả (Sáng-thế-ký 3:5). Ngài đã chọn Áp-ra-ham để vươn ra cứu tất cả (Sáng-thế-ký 12:3). Ngài đã chọn Y-sơ-ra-ên để vươn ra cứu tất cả (Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6). Y-sơ-ra-ên đã thất bại trong sứ mạng của mình vì kiêu căng, bất trung và bất tín. Đức Chúa Trời muốn vươn ra cứu thế giới người ngoại bằng việc ban phước cho Y-sơ-ra-ên (Phục truyền 27-29). Y-sơ-ra-ên đã không giữ giao ước Ngài, vì vậy sự đoán xét ngắn đã xảy đến trên họ. Nhưng Chúa đã dùng chính sự đoán phạt này để hoàn thành mục đích ban đầu của Ngài là cứu rỗi nhân loại qua đức tin (câu 30-31).

▣ **“khi số dân ngoại nhập vào được đầy đủ”** Cũng chữ này (*pleroma*) được dùng trong câu 12 cho dân Do Thái. Cả hai câu đều nói đến sự biết trước và sự chọn lựa của Đức Chúa Trời. Chữ “cho đến khi” chỉ một thời gian giới hạn cho dân ngoại (Lu-ca 21:24).

11:26 “cả dân Y-sơ-ra-ên sẽ được cứu” Có hai cách giải nghĩa: (1) Câu này chỉ quốc gia Y-sơ-ra-ên-không phải mọi cá nhân người Do Thái nhưng phần lớn người Do Thái được cứu trong một thời điểm nào đó trong lịch sử. (2) Câu này trong một ý nghĩa nào đó nói đến Y-sơ-ra-ên thuộc linh, tức là Hội thánh Chúa. Phao-lô dùng khái niệm này trong Ga-la-ti 6:16. “Toàn bộ chỉ tiêu người Jew” trong câu 12 và “toàn bộ chỉ tiêu người ngoại” trong câu 25 có mối liên hệ song song với nhau. Chữ “toàn bộ” mang ý nghĩa sự chọn lựa của Đức Chúa Trời chứ không phải trong ý nghĩa là mỗi một cá nhân. Cây ô-li-ve lời hứa một ngày nào đó sẽ hoàn tất.

Một số nhà giải kinh nói câu này chỉ nói đến quốc gia Y-sơ-ra-ên mà thôi bởi vì (1) nó hợp với ngữ cảnh của chương 9-11; (2) các câu trích từ Cựu ước trong câu 26-27; và (3) lời tuyên bố rõ ràng trong câu 28. Đức Chúa Trời vẫn có tình yêu và sự mong muốn cho hậu tự về phần thuộc thể của Áp-ra-ham được cứu! Điều đó phải qua đức tin nơi Đấng Christ (Xa-cha-ri 12:10).

Câu hỏi thắc mắc liệu những người Do Thái đã bị “làm cứng lòng” sẽ có cơ hội cuối cùng trong ngày tận thế để đáp ứng hay không thì không thể trả lời được nếu dựa vào câu này hay bất cứ một câu nào khác. Người Mỹ chúng ta thường theo thói quen văn hóa hỏi những câu hỏi liên hệ đến từng cá nhân, nhưng Kinh thánh tập trung vào một tập thể chung. Những câu hỏi như thế này phải để cho Chúa trả lời. Ngài là đấng công bình đối với tạo vật mà Ngài yêu thương!

▣ **“như có chép rằng”** Câu này đề cập đến 2 phần trích dẫn từ bản LXX của sách Ê-sai 59:20-21 (câu 26) và 27:9 (câu 27). Cơ cấu của sự cứu rỗi là đức tin nơi Chúa Jêsus là Đấng Mết-si-a. Không có kế hoạch B, chỉ có kế hoạch A. Chỉ có một con đường để được cứu (Giăng 10:7-18; 11:25-29; 14:6).

11:27 Ê-sai 27:9, được trích trong câu 27, kết hợp sự phục hồi Y-sơ-ra-ên đến Đất hứa (câu 1-11) với sự mời gọi kẻ thù truyền thống (các dân ngoại) vào (câu 12-13). Nếu sự phục hồi này là theo nghĩa đen, thì giai đoạn một ngàn năm sẽ hoàn tất lời tiên tri này. Nếu nó là theo nghĩa bóng, thì giao ước mới, hay sự mầu nhiệm của Phúc âm, qua đó người Do Thái và người ngoại cùng hợp lại với nhau bởi đức tin nơi Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời, là mục tiêu (Ê-phê-sô 2:11-3:13). Rất khó chọn lựa một trong hai. Một số lời tiên tri trong Cựu ước áp dụng cho Hội thánh giao ước mới. Đức Chúa Trời vẫn thành tín về lời hứa của Ngài, ngay cả khi con người không như vậy (Ê-xê-chi-ên 36:22-36).

11:28 Câu này thể hiện hai khía cạnh của sự chọn lựa (1) Trong Cựu ước sự chọn lựa là để phục vụ. Đức Chúa Trời chọn công cụ con người nhằm mục đích cứu con người; (2) trong Tân ước sự chọn lựa nối với Phúc âm và sự cứu rỗi đời đời. Sự cứu rỗi này cho tất cả mọi người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài luôn luôn là mục tiêu (Sáng-thế-ký 3:15).

Đức Chúa Trời thành tín về lời hứa của Ngài. Điều này đúng cho cả người tin Chúa Cựu ước và các thánh thời Tân ước. Chìa khóa ở đây là sự thành tín của Đức Chúa Trời, chứ không phải của con người,

sự nhân từ của Đức Chúa Trời, chứ không phải việc làm của con người. Sự chọn lựa là nhằm mục đích ban phước, chứ không phải để loại trừ!

▣ **"họ được yêu thương bởi có các tổ phụ"** Đây là lời hứa trong Xuất Ê-díp-tô ký 20:5-6 và Phục truyền 5:9-10 và 7:9. Nhiều gia đình được ban phước bởi vì đức tin của các thế hệ trước đó. Y-sơ-ra-ên được phước bởi vì các tổ phụ trung tín với Chúa (Phục truyền 4:37; 7:8; 10:15). Việc Đấng Mết-si-a sẽ ra từ chi phái Giu-đa cũng là lời hứa với Đa-vít (II Sa-mu-ên 7). Tuy nhiên, cũng cần phải biết rằng ngay cả những "kẻ trung tín" cũng không thể giữ tròn được luật pháp (Ê-xê-chi-ên 36:22-36). Đức tin- đức tin cá nhân, đức tin gia đình, nhưng không phải là đức tin trọn vẹn- là điều được Đức Chúa Trời chấp nhận và có tiềm năng lưu truyền lại cho các thế hệ (I Cô-rinh-tô 7:8-16).

11:29
NASB, NKJV, NRSV "vì sự ban cho và sự kêu gọi của Đức Chúa Trời chẳng hề đổi lại được"
TEV "Vì Đức Chúa Trời không thay đổi ý định chọn và ban phước cho người nào"
JB "Đức Chúa Trời không hề lấy lại sự ban cho hay rút lại sự chọn lựa của Ngài"

Câu này không nhằm nói đến các ân tứ thuộc linh cho cá nhân (I Cô-rinh-tô 12), nhưng là nói đến lời hứa về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, trong Cựu ước và Tân ước. Sự chọn lựa có hiệu lực. Sự thành tín của Ngài là hy vọng cho quốc gia Y-sơ-ra-ên (Ma-la-chi 3:6)!

11:30-32 Những câu này là phần tóm tắt kế hoạch và mục đích của Đức Chúa Trời: (1) chúng đều dựa trên sự thương xót của Ngài, không phải là sự quyết định độc đoán hay tùy hứng. Chữ "thương xót" được dùng 4 lần trong ngữ cảnh rộng hơn (9:15, 16, 18, 32). (2) Đức Chúa Trời đã đoán xét tất cả mọi người. Cả người Do Thái lẫn người ngoại đều phạm tội (3:9, 19, 23; 5:11). (3) Đức Chúa Trời sử dụng nhu cầu và sự bất lực của con người làm cơ hội để bày tỏ sự thương xót cho mọi người (câu 22). Một lần nữa trong ngữ cảnh này chữ "mọi người" phải được xem xét trong ánh sáng của câu 12 và 25-26. Không phải tất cả mỗi cá nhân đều đáp ứng lại sự ban cho của Đức Chúa Trời, nhưng tất cả đều nằm trong phạm vi cứu rỗi (5:12-21; Giăng 3:16). Ôi, lạy Chúa, xin được như vậy!!!

11:30-31 "nhưng bây giờ" Câu này hàm ý mạnh mẽ sự cải đạo của quốc gia Y-sơ-ra-ên bởi đức tin nơi Chúa Jêsus. Cũng giống như sự "vô tín" của người ngoại bị khuất phục bởi ân điển của Đức Chúa Trời, thì sự vô tín của người Do Thái cũng vậy.

11:33-36 (BẢN NASB)
33 Ôi! sâu nhiệm thay là sự giàu có, khôn ngoan và thông biết của Đức Chúa Trời! Sự phán xét của Ngài nào ai thấu được, đường nẻo của Ngài nào ai hiểu được! 34 Vì, ai biết ý tưởng Chúa, ai là kẻ bàn luận của Ngài? 35 Hay là ai đã cho Chúa trước, đặng nhận lấy điều gì Ngài báo lại? 36 Vì muôn vật đều là từ Ngài, và hướng về Ngài. Vinh hiển cho Ngài đời đời, vô cùng! A-men.

11:33-36 Đây là một trong những lời chúc tụng Đức Chúa Trời bộc phát tuyệt diệu của Phao-lô. Ông bị choáng ngợp bởi đường lối của Chúa: sự thành tín trong giao ước, sự bao gồm trong giao ước, và sự kết thúc trong giao ước.

11:33 "sự giàu có" Đây là một thành ngữ Phao-lô rất thích dùng (2:4; 9:23; 10:12; 11:12, 33; Ê-phê-sô 1:7, 8; 2:7; 3:8, 16; Phi-líp 4:19; Cô-lô-se 1:27). Trọng điểm của Phúc âm và hy vọng của con người nằm ở sự giàu có đầy thương xót của bản tính và kế hoạch của Đức Chúa Trời (Ê-sai 55:1-7).

▣ **"Sự phán xét và đường nẻo của Ngài không thể dò được"** Đây là lời chúc tán thích hợp tương ứng với các lẽ thật nghịch lý trong các chương 9-11 (Ê-sai 55:8-11).

11:34 Đây là câu trích từ bản LXX sách Ê-sai 40:13-14, khi Chúa giải cứu dân sự đem họ trở về từ nơi lưu đày. Trong câu I Cô-rinh-tô 2:16 Phao-lô trích cùng một phân đoạn nhưng thêm danh hiệu "Chúa" vào chữ Jesus.

11:35 Đây là câu trích phỏng theo Gióp 35:7 hay 41:11.

11:36 "vì muôn vật đều là từ Ngài, bởi Ngài và hướng về Ngài" Những chữ này chỉ về Đức Chúa Cha trong ngữ cảnh này (I Cô-rinh-tô 11:12), nhưng cũng rất giống với các phân đoạn Tân ước khác khi chỉ về Đức Chúa Con (I Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 2:10). Phao-lô xác nhận rằng mọi việc đều ra từ Đức Chúa Trời và sẽ trở về cùng Đức Chúa Trời.

▣ **"vinh hiển về Ngài đời đời"** Đây là cách Tân ước chúc tụng một vị thần. Nó chỉ về Đức Chúa Cha một số lần (16:27; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; I Phi-e-rơ 4:11; 5:11; Giu-đe 25; Khải huyền 5:13; 7:12); và (2) có khi chỉ Đức Chúa Con (I Ti-mô-thê 1:17; II Ti-mô-thê 4:18; II Phi-e-rơ 3:18; Khải huyền 1:16). Xin xem chú thích ở câu 3:23.

▣ **"Amen" Xin** xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:25.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Làm thế nào Y-sơ-ra-ên đã hụt mất con đường cứu rỗi của Đức Chúa Trời?
2. Hai lý do nào Phao-lô đưa ra để chứng minh rằng Đức Chúa Trời không từ chối dân Y-sơ-ra-ên?
3. Tại sao Đức Chúa Trời làm cứng lòng dân Do Thái? Bằng cách nào?
4. Khái niệm dân Do Thái sót lại có nghĩa gì (câu 2-5)?
5. Định nghĩa chữ "mầu nhiệm" trong Tân ước.
6. Câu 11:26 có nghĩa gì? Tại sao? Nó liên hệ đến câu 9:6 như thế nào?
7. Phao-lô đưa ra lời cảnh cáo nào cho những người ngoại tin Chúa (câu 17-24)?

RÔ-MA ĐOẠN 12

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Đời sống mới trong Đấng Christ	Của lễ sống cho Đức Chúa Trời	Cuộc sống thánh khiết	Cuộc sống phục vụ Đức Chúa Trời	Thờ phượng tâm linh
12:1-2	12:1-8	12:1-2	12:1-2	12:1-2
				Sự khiêm nhượng và lòng bác ái
12:3-8		12:3-8	12:3-8	12:3-8
Các luật lệ trong đời sống Cơ đốc	Sống như một người Cơ đốc	Lời khích lệ		Lòng bác ái với mọi người, ngay cả với kẻ thù
12:9-21	12:9-21	12:9-13 12:14-21	12:9-13 12:14-16 12:17-21	12:9-13 12:14-21

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương này bắt đầu phần liên hệ thực tế của thư Rô-ma (12:1-15:13). Hầu hết các thư của Phao-lô là các lá thư nhân dịp tiện; vì vậy, chúng có phần tín lý và phần áp dụng. Phao-lô viết thư để nói đến một vấn đề hay vấn nạn tại địa phương. Bởi vì Rô-ma 1-8 là một bản tóm tắt về tín lý tuyệt vời, vì vậy phần đạo đức và ứng dụng của nó cũng mạnh mẽ không kém.

B. Thần học không có ứng dụng cho cuộc sống là không phải từ Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 7:24-27; Giăng 13:17; Rô-ma 2:13: Gia-cơ 1:22-23, 25; 2:14-26).

C. Câu 1-2 hình thành phần giới thiệu cho toàn bộ phần ứng dụng thực tế này. Nó là căn bản cho một cuộc sống được Thánh Linh hướng dẫn.

D. Câu 3-8 bàn đến ân tứ thuộc linh. Sự đầu phục hoàn toàn của chúng ta nơi Đấng Christ phải sản sinh ra sự phục vụ Đức Chúa Trời (Phục truyền 6:4-5; Ma-thi-ơ 22:37) và người khác (Lê-vi-ký 19:18; Ma-thi-ơ 19:19). Các ân tứ này nhấn mạnh sự hiệp nhất trong Đấng Christ và sự đa dạng trong của các ân tứ (Ê-phê-sô 4:1-16). Người tin Chúa phải mưu cầu sự hiệp nhất, chứ không phải sự đồng nhất. Đức Chúa Trời trang bị để chúng ta phục vụ lẫn nhau (I Cô-rinh-tô 12:7, 11)!

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

12:1-2 (BẢN NASB)
1 Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lẽ của anh em. 2 Đừng làm theo đời nầy, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào.

"Vậy" Phao-lô dùng chữ này ở những chỗ chuyển tiếp quan trọng khi trình bày các lẽ thật Phúc âm trong thư Rô-ma. Trong câu 5:1 và tiếp theo chữ này tóm tắt khái niệm "xưng công bình bởi đức tin" (được giải phóng khỏi hình phạt tội lỗi); trong câu 8:1 và tiếp theo chữ này tóm tắt lại mối liên hệ của người tin Chúa đối với tội lỗi, được gọi là sự làm nên thánh (giải phóng khỏi quyền lực của tội lỗi); và trong câu 12:1 và tiếp theo, chữ này liên hệ đến các cách thể hiện cụ thể thực tế của sự xưng công bình và sự làm nên thánh trong đời sống hằng ngày của người tin Chúa.

12:1 NASB "Tôi giục anh em"
NKJV "Tôi khẩn khoản xin anh em"
NRSV, TEV " Tôi nài xin anh em"
JB "Tôi nài xin anh em"

Những chữ này vừa nhỏ nhẹ vừa cứng rắn. Đây là lời kêu gọi sống cho phải lẽ. Phao-lô thường dùng chữ này (12:1; 15:30; 16:17; I Cô-rinh-tô 1:10; 4:16; 16:15; II Cô-rinh-tô 2:8; 5:20; 6:1; 10:1; 12:8; Ê-phê-sô 4:1; Phi-líp 4:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:10; I Ti-mô-thê 1:3; Phi-lê-môn 9-10).

▣ **"anh em"** Phao-lô thường dùng chữ này để giới thiệu một chủ đề mới.

▣ **"bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời"** Trong bản LXX chữ này diễn tả bản tính yêu thương của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô ký 34:6). Ở đây nó chỉ đến sự tiến triển về tín lý của chương 1-11. Có một sự nhấn mạnh rõ ràng trong thư Rô-ma về chữ "thương xót" (chữ *oikieiro* và chữ *eleeo*) của Đức Chúa Trời khi đối xử với con người hư hoại (9:15, 16, 18, 23; 11:30, 31, 32; 12:8; 15:9). Bởi vì Chúa ban cho ân điển và sự thương xót miễn phí, người tin Chúa phải sống một đời sống tin kính (Ê-phê-sô 1:4; 2:10) bằng sự biết ơn, chứ không phải dựa vào việc làm (Ê-phê-sô 2:8-9).

▣ **"dâng"** Đây là thể ĐỘNG TỪ NGUYÊN THỂ QUÁ KHỨ (AORIST INFINITIVE). Đây là một trong các từ ngữ về tế lễ dùng trong ngữ cảnh này: dâng tế lễ, câu 1; thánh, câu 1; làm đẹp lòng, câu 1. Khái niệm này cũng được diễn tả trong câu 6:13, 16, 19. Con người hoặc là dâng chính mình họ cho Chúa, hoặc là cho Satan. Cũng như Đấng Christ đã dâng chính mình Ngài để làm theo ý chỉ Đức Chúa Cha, thậm chí chết trên thập tự, thì các môn đồ của Ngài cũng phải bắt chước nếp sống không vị kỷ này (II Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; I Giăng 3:16).

▣ **"thân thể mình"** Cơ đốc giáo khác với các triết lý của Hy-lạp là triết lý cho rằng thân thể này là xấu. Nó là đấu trường của các cám dỗ nhưng nó trung dung về mặt đạo đức. Chữ 'thân thể' có lẽ đi song song với 'tâm trí' trong câu 2. Người tin Chúa cần phải dâng toàn bộ thân thể hay con người của mình cho Đức Chúa Trời (Phục truyền 6:5; I Cô-rinh-tô 6:20; I Cô-rinh-tô 6:20) như họ trước kia đã từng giao mình cho tội lỗi (Rô-ma 6).

▣ **"sống"** Điều này khác xa với của lễ chết trong đền thờ của người Do Thái hay người ngoại (6:13; Ga-la-ti 2:20). Nó cũng khác với chủ nghĩa khắc kỷ (đối xử khắc khe với thân thể này vì mục đích tôn giáo). Ở đây không cổ vũ cho sự tách biệt, trừng phạt hay kiêng kỵ thân thể này, nhưng nói đến một đời sống sống động phục vụ và mang tình yêu Đấng Christ.

▣ **"của lễ thánh"** Chữ "thánh" có nghĩa là "biệt riêng ra để phục vụ Đức Chúa Trời." Trọng tâm ở đây là sự thánh hóa và sự sẵn sàng của người tin Chúa để được Chúa sử dụng cho mục đích của Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT

I. Cách dùng trong Cựu ước
   A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là "chia ra." Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông "được biệt riêng ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng"
   B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chốn, thời điểm, và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký, và Dân-số-ký.
   C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).
   D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình, và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời "đầy thương xót" và một Đức Chúa Trời "thánh khiết" của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

II. Cách dùng trong Tân ước
   A. Các trước giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
   B. Chúa Jêsus thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jêsus thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5).
   C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jêsus thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ đốc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ.

▣ **"được Đức Chúa Trời chấp nhận"** Điều này liên hệ đến sự dâng tế lễ đúng đắn trong Cựu ước (câu 2). Điều này tương tự với khái niệm "không chỗ trách được" khi dùng cho con người (Sáng-thế-ký 6:9; 17:1; Phục truyền 18:13; Gióp 1:1).

▣ **NASB "là sự thờ phượng thiêng liêng"**
NKJV "là sự phục vụ phải lẽ"
NRSV "là sự thờ phượng thiêng liêng"

TEV "Đây là sự thờ phượng đúng đắn anh em nên làm"
JB "trong một cách thức xứng hiệp với những tạo vật biết suy nghĩ"

Chữ *logikos* xuất phát từ chữ *logizomai*, có nghĩa là "lý luận" (Mác 11:31; I Cô-rinh-tô 13:11; Phi-líp 4:8). Trong ngữ cảnh này nó có thể mang ý nghĩa có lý, phải lẽ, hay hợp lý. Nhưng chữ này cũng được dùng trong ý nghĩa "thiêng liêng," như trong I Phi-e-rơ 2:2. Cốt lõi của nó có lẽ là một sự dâng hiến có ý thức chính con người thật của mình, thay vì một sự dâng hiến theo nghi lễ một vật tế đã chết. Đức Chúa Trời muốn chúng ta sống một cuộc sống yêu thương và phục vụ Ngài, chứ không phải theo những hình thức trịnh trọng mà không tác động gì đến cuộc sống thường ngày.

12:2 "đừng bị đồng hóa" Động từ này ở thể MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE) hay là TRUNG CÁCH HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE) với một HẬU TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thường có nghĩa là chặn đứng một hành động đang diễn ra. Có một sự tương phản với câu 2 giống như trong Phi-líp 2:6-8, đề cập đến sự thay đổi bên ngoài (*schema*, 2:8) và bản chất bất biến bên trong (*morphe,* 2:6-7). Người tin Chúa được thúc giục không nên tiếp tục giống như cơ cấu hư hoại, thay đổi của thế giới này (thời kỳ cũ đầy sự chống nghịch) là thế giới mà họ vẫn còn thuộc về trong phần thân xác này, nhưng phải được biến đổi toàn bộ để trở nên giống với Đấng Christ (thời kỳ mới của Thánh Linh).

▣ **"với thế giới này"** Chữ này có nghĩa đen là "thời kỳ, đời." Người Do Thái chứng kiến hai thời kỳ (Ma-thi-ơ 12:32; Mác 10:30; Lu-ca 20:34-35), thời kỳ hiện tại gian ác (Ga-la-ti 1:4; II Cô-rinh-tô 4:4; Ê-phê-sô 2:2), và thời kỳ sắp đến (Ma-thi-ơ 28:20; Hê-bơ-rơ 1:3; I Giăng 2:15-17). Người tin Chúa sống trong thời kỳ đầy sự giằng co trong đó hai thời kỳ này trùng lấp nhau một cách thật ngạc nhiên. Bởi vì hai lần đến của Đấng Christ, người tin Chúa sống trong sự giằng co "đã rồi nhưng chưa" của vương quốc Đức Chúa Trời trong hiện tại và tương lai.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý; tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuynh hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi đấng Mết-si-a (thường là một tinh binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thế học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là "sự mặc khải tiệm tiến." (progressive revelation). Tân ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

Chúa Jêsus	Phao-lô	Thư Hê-bơ-rơ
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lắp nhau bởi vì sự tiên báo bất ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của đấng Mết-si-a. Sự nhập thể của Chúa Jêsus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một Nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giằng co của Tân ước về khái niệm đã, nhưng chưa!

▣ **"hãy biến hóa"** Theo ngữ pháp từ này có thể ở dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE), "tiếp tục tự biến đổi" hay là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE), "tiếp tục được biến đổi." Điểm này cũng tương tự với từ ngữ "làm theo" trong câu 2a. Để hiểu thêm về sự tương phản này xin đối chiếu Ê-xê-chi-ên 18:31 (cam kết và hành động của con người) với Ê-xê-chi-ên 36:26-27 (món quà thiên thượng). Cả hai đều cần đến!

Một dạng khác xuất phát từ chữ này "được thành hình" dùng cho Chúa Jêsus trong Sự hóa hình (Ma-thi-ơ 17:2), khi bản chất của Ngài được bày tỏ. Bản chất thiêng liêng thật này (II Phi-e-rơ 1:3-4) sẽ được thành hình trong mỗi người tin Chúa (II Cô-rinh-tô 3:18; Ê-phê-sô 4:13).

▣ **"bởi sự đổi mới lý trí"** Chữ này có gốc từ Hy lạp nghĩa là 'mới' về chất lượng (*kainos*), không phải 'mới' trong phương diện thời gian (*chronos*). Đối với người Do Thái, các giác quan thính và thị giác là những cửa sổ của tâm hồn. Điều chúng ta nghĩ đến, đó là điều chúng ta sẽ trở thành. Khi đã có sự cứu rỗi, và nhờ có Đức Thánh Linh ngự vào, người tin Chúa có một cái nhìn mới (Ê-phê-sô 4:13, 23; Tít 3:5). Cái nhìn theo Kinh thánh cộng với sự hiện diện của Đức Thánh Linh trong lòng là điều làm đổi mới tâm trí và nếp sống của những người mới tin Chúa. Họ nhìn thực tại với một cái nhìn hoàn toàn mới, bởi vì tâm trí họ đã được hồi sinh bởi Đức Thánh Linh. Một tâm trí mới được cứu chuộc và dẫn dắt bởi Thánh Linh dẫn đến một nếp sống mới!

▣ **"đặng anh em có thể chứng minh ý muốn của Đức Chúa Trời là thể nào"** Đây là thể NGUYÊN MẪU HIỆN TẠI (PRESENT INFINITIVE). Chữ *dokimazo* được dùng trong ý nghĩa "thử với mong muốn được chấp nhận." Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 2:18.

Ý chỉ của Đức Chúa Trời là muốn chúng ta được cứu qua Đấng Christ (Giăng 6:39-40) để sống giống Đấng Christ (Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13, 15; 5:17-18). Sự chắc chắn của người tin Chúa dựa vào (1) lời hứa của một Đức Chúa Trời đáng tin cậy; (2) Đức Thánh Linh ngự trong lòng (Rô-ma 8:14-16), và (3) cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi (Gia-cơ và I Giăng); "không trái vì không có rễ" (Ma-thi-ơ 13:1-9, 19-23).

▣ **"ý muốn của Đức Chúa Trời là thể nào"** Xin xem Chủ đề đặc biệt về "Ý muốn Đức Chúa Trời"

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ý MUỐN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

PHÚC ÂM GIĂNG
- Chúa Jêsus đến để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời (4:34; 5:30; 6:38)
- Để làm cho sống lại nơi ngày sau rốt những người mà Cha đã giao cho Con (6:39)
- Để mọi người đều tin nơi Con (6:29, 40)
- Lời cầu nguyện được nhậm liên quan đến sự làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (9:31 và I Giăng 5:14)

TIN LÀNH CỘNG QUAN
- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là điều thiết yếu (7:21)

- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời khiến chúng ta trở nên anh em với Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 12:5; Mác 3:35)
- Chúa không muốn cho một ai chết mất (Ma-thi-ơ 18:14; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9)
- Đồi Gô-gô-tha là ý chỉ của Cha cho Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 26:42; Lu-ca 22:42)

THƯ TÍN PHAO-LÔ
- Sự trưởng thành và sự phục vụ của tất cả những người tin Chúa (Rô-ma 12:1-2)
- Người tin Chúa được giải cứu khỏi đời ác này (Ga-la-ti 1:4)
- Ý chỉ của Đức Chúa Trời là kế hoạch cứu chuộc (Ê-phê-sô 1:5, 9, 11)
- Người tin Chúa kinh nghiệm và sống cuộc sống đầy dẫy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:17)
- Người tin Chúa tràn đầy sự hiểu biết Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:9)
- Người tin Chúa được làm cho trọn vẹn và hoàn toàn (Cô-lô-se 4:12)
- Người tin Chúa được nên thánh (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3)
- Người tin Chúa dâng lời tạ ơn trong mọi sự (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18)

THƯ PHIERƠ
- Người tin Chúa làm điều phải (vâng phục bậc cầm quyền) và vì vậy làm câm những người ngu dại (I Phi-e-rơ 2:15)
- Người tin Chúa chịu khổ (I Phi-e-rơ 3:17; 4:19)
- Người tin Chúa không sống cuộc sống tư kỷ (I Phi-e-rơ 4:2)

THƯ GIĂNG
- Người tin Chúa còn lại đời đời (I Giăng 2:17)
- Người tin Chúa chìa khóa cho lời cầu nguyện được nhậm (I Giăng 5:14)

▣ **"là điều tốt lành, được chấp nhận và trọn vẹn"** Những điều này đại diện cho ý muốn Đức Chúa Trời cho người tin Chúa sau khi đã được cứu (Phi-líp 4:4-9). Mục tiêu của Đức Chúa Trời cho mọi người tin Chúa là sự trưởng thành giống với Đấng Christ ngay bây giờ (Ma-thi-ơ 5:48).

▣ **"trọn vẹn"** Chữ này có nghĩa là "trưởng thành, được trang bị đầy đủ để hoàn thành một nhiệm vụ, chín mùi, hoàn tất." Nó không có nghĩa là "không có tội." Nó được dùng trong các trường hợp như (1) chân và tay bị gãy nhưng được lành và phục hồi để có ích lợi trở lại; (2) lưới đánh cá bị rách nhưng được vá lại và có ích lợi cho việc đánh cá trở lại; (3) gà con đủ lớn để đem đến chợ chiên; và (4) tàu sẵn sàng vươn buồm ra khơi.

12:3-8 (BẢN NASB)
3 **Vậy, nhờ ơn đã ban cho tôi, tôi nói với mỗi người trong anh em chớ có tư tưởng cao quá lẽ, nhưng phải có tâm tình tầm thường, y theo lượng đức tin mà Đức Chúa Trời đã phú cho từng người.** 4 **Vả, như trong một thân chúng ta có nhiều chi thể, và các chi thể không làm một việc giống nhau,** 5 **thì cũng vậy, chúng ta là nhiều người mà hiệp nên một thân trong Đấng Christ, và hết thảy chúng ta đều là các phần chi thể của nhau.** 6 **Vì chúng ta có các sự ban cho khác nhau, tùy theo ơn đã ban cho chúng ta, ai được ban cho nói tiên tri, hãy tập nói theo lượng đức tin;** 7 **ai được gọi đến làm chức vụ, hãy buộc mình vào chức vụ; ai dạy dỗ, hãy chăm mà dạy dỗ;** 8 **ai gánh việc khuyên bảo, hãy khuyên bảo; ai bố thí, hãy lấy lòng rộng rãi mà bố thí; ai cai trị, hãy siêng năng mà cai trị; ai làm sự thương xót, hãy lấy lòng vui mà làm.**

12:3 Câu 1-2 làm nổi bật ý nghĩa "tâm trí mới." Trong câu 3 có 4 khía cạnh xoay quanh chữ "suy nghĩ." Trong cuốn *The Zondervan Study Guide Commentary, Romans*, các giáo sư Bruce Corley và Curtis Vaughan đã có những nhận xét: "sự suy nghĩ phóng đại…sự suy nghĩ đúng đắn…sự suy nghĩ có mục đích…sự suy nghĩ chín chắn" trang 138. Các đặc tính này rất có ích.

Những câu này, giống như câu 11:13-24, bày tỏ (1) sự xích mích trong hội thánh Rô-ma giữa những tín hữu người Do Thái và tín hữu người ngoại, hoặc là (2) sự kiện Phao-lô viết thư Rô-ma ở Cô-rinh-tô , nơi ông đối diện với những tín hữu kiêu căng và tự khoe mình.

▣ **"nhờ ơn đã ban cho tôi"** Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST PASSIVE PARTICIPLE). Ơn này đến từ Đức Chúa Trời như một sự kiện quá khứ, đã hoàn tất. Trong văn cảnh này, chữ "ơn" liên quan đến các ân tứ thuộc linh (15:15; I Cô-rinh-tô 3:10; 15:10; Ga-la-ti 2:9; Ê-phê-sô 3:7-8), chứ không phải sự được xưng công bình (Rô-ma 4). Điều này chỉ đến sự cải đạo và sự kêu gọi đến chức vụ sứ đồ cho dân ngoại của Phao-lô (Công-vụ 9:15; Rô-ma 1:1, 5; Ga-la-ti 1:15-16; 2:7-8; Ê-phê-sô 3:1-2, 8; I Ti-mô-thê 2:7; II Ti-mô-thê 4:17).

▣ **"Tôi nói với mỗi người trong anh em"** Lời cảnh cáo trong câu 3 không phải chỉ dành cho các lãnh đạo, mà là cho tất cả tín hữu.

▣ **"chớ có tư tưởng cao quá lẽ"** Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:30 "Cách Phao-lô sử dụng từ kép *Huper*."

▣ **"như Đức Chúa Trời đã ban cho mỗi người"** Đây là thể CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE). Người tin Chúa không chọn các ân tứ thuộc linh (I Cô-rinh-tô 12:11; Ê-phê-sô 4:7). Họ được Đức Thánh Linh ban cho khi nhận sự cứu rỗi để làm điều ích lợi chung (I Cô-rinh-tô 12:7). Ân tứ Đức Thánh Linh không phải là những tấm huy chương công trạng để vinh danh một cá nhân nào, nhưng là những tấm khăn của người đầy tớ để mỗi người có thể phục vụ thân thể Đấng Christ, hội thánh của Ngài.

▣ **"lượng đức tin"** điều này chỉ khả năng một người thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả theo ân tứ thuộc linh mình có (câu 6). Để đem đến sự lành mạnh, ân tứ thuộc linh phải được thực hiện qua bông trái Thánh Linh (câu 9-12; Ga-la-ti 5:22-23). Các ân tứ là những mục vụ Chúa Jêsus chia xẻ cho những người theo Ngài, và bông trái là tư tưởng của Đấng Christ. Cả hai đều cần thiết để thực hiện các mục vụ một cách hiệu quả.

12:4 Đây là một hình ảnh thường thấy trong các thư tín của Phao-lô. Sự cần đến nhau trong thân thể con người diễn tả các ân tứ trong hội thánh (I Cô-rinh-tô 12:12-27; Ê-phê-sô 1:23; 4:4, 12, 16; 5:30; Cô-lô-se 1:18,24; 2:19). Cơ đốc giáo vừa tập thể vừa cá thể.

12:5 "chúng ta là nhiều người mà hiệp nên một thân trong Đấng Christ" Câu này nhấn mạnh sự hiệp một và tính đa dạng của các tín hữu. Đây là sự gay cấn về ân tứ thuộc linh trong hội thánh. Chương về tình yêu thương trong I Cô-rinh-tô 13 bàn về sự gay cấn trong sự đa dạng về ân tứ (I Cô-rinh-tô 12 và 14). Cơ đốc nhân không tranh đua với nhau nhưng hợp tác với nhau!

12:6-8 Đây là một câu trong tiếng Hy-lạp với hai ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) nhưng không có động từ chính. Thông thường nó được dịch ở thể MỆNH LỆNH NGÔI THỨ BA (THIRD PERSON IMPERATIVE), "hãy dùng."

12:6 "ân tứ…ân điển" Chữ "ân tứ" (*charisma*) và "ân điển" (*charis*) có cùng một gốc từ trong tiếng Hy-lạp có nghĩa là "được ban cho không." Ân tứ Thánh Linh được liệt kê trong I Cô-rinh-tô 12; Rô-ma 12; Ê-phê-sô 4 và I Phi-e-rơ 4. Các bản liệt kê này và thứ tự của chúng không giống nhau, vì vậy, nó chỉ có tính tượng trưng, chứ không phải là hoàn toàn. Kinh thánh chưa bao giờ cho các tín hữu biết cách để phát hiện ra các ân tứ. Một trong những tài liệu Cơ đốc trí thức không phải Kinh thánh bàn về vấn đề này là cuốn sách nhỏ của Paul Little *Affirming the Will of God* do nhà xuất bản InterVarsity phát hành. Hiển nhiên là việc biết được rằng các tín hữu được ban cho ân tứ quan trọng hơn việc phát hiện ra cách họ được ban cho hay là các ân tứ cụ thể nào mà họ có.

▣ **"nếu"** Đây là chữ *eiti* (câu 6, 7 [hai lần], 8), được dịch là "nếu…nếu" hay là "liệu…liệu". Không có ĐỘNG TỪ nào theo sau nó (I Cô-rinh-tô 3:22; 8:5; II Cô-rinh-tô 5:10), nhưng thông thường thể CHỈ ĐỊNH HIỆN TẠI (PRESENT INDICATIVE) theo sau nó (I Cô-rinh-tô 12:26; II Cô-rinh-tô 1:6), và vì vậy nó là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT, giả định có sự hiện diện của các ân tứ thuộc linh này.

▣ **"nói tiên tri"** Điều này không liên quan đến các lời tiên tri trong Cựu ước, như là những sứ điệp được mặc khải (linh cảm) từ Đức Chúa Trời. Trong Cựu ước các tiên tri viết ra Kinh thánh (sự linh cảm). Trong Tân ước điều này nói đến hành động công bố lẽ thật của Đức Chúa Trời. Nó cũng có thể bao gồm sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 21:10-11). Trọng tâm của nó không phải là một nội dung mới nhưng là giải thích sứ điệp Tin lành và làm thế nào để áp dụng nó trong hiện tại. Có một sự linh động trong từ ngữ này. Nó có thể chỉ một chức năng được các tín hữu thực hiện (I Cô-rinh-tô 14:1, 39), và một ân tứ thuộc linh cụ thể (I Cô-rinh-tô 12:28; 13:28; Ê-phê-sô 4:11). Cũng sự linh động này được nhận thấy trong các thư Phao-lô gửi cho người Cô-rinh-tô, là những thư viết vào cùng thời điểm này (I Cô-rinh-tô 12:10, 12; 13:8; 14:1, 5, 29, 39).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC

I. Nó không giống như nói tiên tri trong Cựu ước, theo như ý nghĩa của các thầy rabi về những mặc khải được linh cảm từ Đức Giê-hô-va (Công-vụ 3:18, 21; Rô-ma 16:26). Chỉ có những tiên tri mới viết được Kinh thánh.
    A. Môi-se được kêu gọi làm tiên tri (Phục truyền 18:15-21)
    B. Các sách lịch sử (Giô-suê đến Các Vua [trừ sách Ru-tơ]) được gọi là "các tiên tri đời trước" (Công-vụ 3:24).
    C. Tiên tri thay thế vai trò của thầy tế lễ tối cao như một nguồn thông tin từ Đức Chúa Trời (Ê-sai- Ma-la-chi).
    D. Phần thứ hai của Kinh sách Hê-bơ-rơ gọi là "Các tiên tri" (Ma-thi-ơ 5:17; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:25, 27; Rô-ma 3:21).

II. Trong Tân ước khái niệm này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau
    A. Chỉ các tiên tri Cựu ước và sứ điệp được linh cảm của họ (Ma-thi-ơ 2:23; 5:12; 11:13; 13:14; Rô-ma 1:2)
    B. Chỉ một sứ điệp cho một cá nhân hơn là một nhóm người (các tiên tri Cựu ước thường nói tiên tri về Y-sơ-ra-ên)
    C. Chỉ Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:9; 14:5; 21:26; Lu-ca 1:76) và Chúa Jêsus như là những người công bố Nước Trời (Ma-thi-ơ 13:57; 21:11, 46; Lu-ca 4:24; 7:16; 13:33; 24:19). Chúa Jêsus cũng tuyên bố Ngài lớn hơn các tiên tri (Ma-thi-ơ 11:9; 12:41; Lu-ca 7:26).
    D. Chỉ các tiên tri khác trong Tân ước
        1. Thời thơ ấu của Chúa Jêsus được ghi lại trong Phúc âm Lu-ca (tức là các kỷ niệm, những điều Ma-ri ghi nhớ)
            a. Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:41-42)
            b. Xa-cha-ri (Lu-ca 1:67-79)
            c. Si-mê-ôn (Lu-ca 2:25-35)
            d. An-ne (Lu-ca 2:36)
        2. Các lời tiên đoán mỉa mai (Cai-phe, Giăng 11:51)
    E. Chỉ người công bố Phúc âm (danh sách các ân tứ công bố Phúc âm trong I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)
    F. Chỉ một ân tứ đang vận hành trong hội thánh (Ma-thi-ơ 23:34; Công-vụ 13:1; 15:32; Rô-ma 12:6; I Cô-rinh-tô 12:10, 28-29; 13:2; Ê-phê-sô 4:11). Có khi điều này chỉ các phụ nữ (Lu-ca 2:36; Công-vụ 2:17; 21:9; I Cô-rinh-tô 11:4-5).
    G. Chỉ sách về thời kỳ cuối cùng, sách Khải huyền (Khải huyền 1:3; 22:7, 10, 18, 19).

III. Các tiên tri thời Tân ước

A. Họ không rao truyền những mặc khải được linh cảm như cách các tiên tri thời Cựu ước (tức là viết Kinh thánh). Có thể nói được như vầy là vì cách dùng cụm từ "đức tin này" (có nghĩa là một Phúc âm đã hoàn tất, trọn vẹn) trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3, 20.

Điều này được thấy rõ ràng qua cụm từ dùng trong Giu-đe 3, "đạo[đức tin] đã truyền cho anh em một lần đủ cả." Chữ đạo "một lần đủ cả" chỉ các lẽ thật, giáo lý, khái niệm, các lời dạy về thế giới quan Cơ đốc giáo. Sự nhấn mạnh đưa ra một lần là nền tảng Kinh thánh giới hạn sự linh cảm cho các sách Tân ước và không công nhận tính mặc khải của các sách khác hoặc các sách viết sau đó. Mặc dù có nhiều chỗ mơ hồ, không rõ ràng, nửa trắng nửa đen trong Tân ước, nhưng người tin Chúa bởi đức tin công nhận rằng mọi điều "cần" cho đức tin và cho sự thực hành lối sống đạo đều có trong Tân ước với một sự rõ ràng có thể hiểu được. Khái niệm này được xếp trong cái gọi là "tam giác mặc khải."

1. Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài qua không gian và thời gian của lịch sử (SỰ MẶC KHẢI)
2. Ngài chọn một số trước giả là con người để ghi lại và giải thích những công việc của Ngài (SỰ LINH CẢM)
3. Ngài ban Thánh Linh để mở lòng và trí của con người để hiểu Kinh thánh- không phải một cách hoàn toàn, nhưng một cách vừa đủ để dẫn đến sự cứu rỗi và một nếp sống Cơ đốc hiệu quả (SỰ SOI SÁNG)

Điểm muốn nói ở đây là sự linh cảm chỉ giới hạn cho các trước giả viết Kinh thánh mà thôi. Không có một cuốn sách nào, một khải tượng hay một mặc khải nào khác có thẩm quyền trên những điều đã viết bởi các trước giả này. Kinh điển Kinh thánh đã được đóng lại. Chúng ta có toàn bộ lẽ thật chúng ta cần để có thể đáp ứng lại Đức Chúa Trời một cách thích hợp.

Lẽ thật này được thấy rõ ràng nhất trong sự thống nhất giữa các trước giả Kinh thánh so với sự không đồng ý của những người tin Chúa chân thành và tin kính. Không một tác giả hay diễn giả hiện đại nào có một mức độ lãnh đạo thiêng liêng giống như các trước giả Kinh thánh.

B. Về nhiều mặt các tiên tri Tân ước giống với các tiên tri Cựu ước:

1. Tiên đoán các sự kiện trong tương lai (Phao-lô, Công-vụ 27:22; A-ga-bút, Công-vụ 11:27-28; 21:10-11; một số tiên tri không được nêu tên, Công-vụ 20:23)
2. Công bố sự đoán xét (Phao-lô, Công-vụ 13:11; 28:25-28)
3. Các hành động tượng trưng mô tả cách ấn tượng một sự kiện (A-ga-bút, Công-vụ 21:11)

C. Có một số lần họ công bố lẽ thật Phúc âm qua sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 20:23; 21:10-11), nhưng đây không phải là trọng tâm chính. Nói tiên tri trong I Cô-rinh-tô chủ yếu là truyền bá Phúc âm (14:24, 39).

D. Họ là công cụ của Thánh Linh để bày tỏ những ứng dụng hiện tại và thực tế về lẽ thật Đức Chúa Trời cho từng trường hợp, văn hóa, hay thời đại khác nhau (I Cô-rinh-tô 14:3).

E. Họ tích cực trong các hội thánh đầu tiên thời Phao-lô (I Cô-rinh-tô 11:4-5; 12:28, 29; 13:29; 14:1, 3, 4, 5, 6, 22, 24, 29, 31, 32, 37, 39; Ê-phê-sô 2:20; 3:5; 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20) và được nhắc đến trong tập *Didache* (viết vào cuối thế kỷ thứ nhất hay thế kỷ thứ hai, ngày tháng không rõ) và trong phái Montanism ở thế kỷ thứ hai và thứ ba trong vùng bắc Phi.

IV. Có phải các ân tứ thời Tân ước đã chấm dứt?

A. Câu hỏi này thật khó trả lời. Nó giúp làm sáng tỏ vấn đề bằng cách định nghĩa mục đích các ân tứ. Chúng được dùng để xác nhận sự giảng dạy ban đầu về Phúc âm hay chúng là những phương cách vẫn tiếp diễn để hội thánh phục vụ chính mình và cho một thế giới hư mất?

B. Chúng ta nhìn xem lịch sử của hội thánh hay chỉ xem xét Tân ước để trả lời câu hỏi này? Không có một dấu hiệu nào trong Tân ước cho thấy rằng các ân tứ thuộc linh chỉ có tính cách tạm thời. Những người tìm cách dùng I Cô-rinh-tô 13:8-13 để nói đến vấn đề này đã

lạm dụng ý định có thẩm quyền của đoạn này, là đoạn xác định rằng mọi sự sẽ qua đi chỉ trừ tình yêu thương.

C. Tôi rất muốn nói rằng bởi vì Tân ước là thẩm quyền, không phải lịch sử hội thánh, cho nên người tin Chúa phải xác định rằng các ân tứ này vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, tôi tin rằng văn hóa cũng ảnh hưởng đến cách diễn giải. Một số đoạn rất hiển nhiên không còn áp dụng cho ngày nay (ví dụ cái hôn thánh, đàn bà mang khăn trùm đầu, hội thánh nhóm tại nhà, v.v…). Vậy thì, nếu văn hóa ảnh hưởng đến các đoạn Kinh thánh, thì tại sao lịch sử hội thánh lại không làm được điều này?

D. Nói cho cùng, đây là câu hỏi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Một số thì ủng hộ "sự chấm dứt" trong khi một số khác ủng hộ sự "không ngưng nghỉ." Trong lãnh vực này, cũng như trong một số vấn đề giải nghĩa khác, tấm lòng của người tin Chúa là chìa khóa. Tân ước có tính mơ hồ và thuộc về văn hóa. Điều khó là làm sao để biết được đoạn Kinh văn nào bị ảnh hưởng bởi lịch sử/văn hóa và đoạn nào mang tính vĩnh viễn (xem sách của Fee and Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 14-19; 69-77). Tại đây vấn đề về tự do và trách nhiệm, được nói đến trong Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10, đóng vai trò quan trọng. Cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này có tính quan trọng trong hai cách:
   1. Mỗi tín hữu phải bước đi bằng đức tin trong ánh sáng mà họ có. Đức Chúa Trời nhìn xem tấm lòng và động cơ của chúng ta.
   2. Mỗi tín hữu cũng phải cho phép các tín hữu khác bước đi trong sự hiểu biết đức tin của họ. Nên có một sự chấp nhận nhau trong khuôn khổ Kinh thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu thương nhau như Ngài đã yêu.

E. Để kết lại vấn đề, Cơ đốc giáo là cuộc sống của đức tin và tình yêu chứ không phải là một thần học hoàn hảo. Mối liên hệ với Ngài, điều sẽ ảnh hưởng đến mối liên hệ của chúng ta với người khác, là điều quan trọng hơn là những thông tin dứt khoát hay sự hoàn hảo về tín lý.

▣ **"tùy theo lượng đức tin của từng người"** Điều này liên hệ trực tiếp đến câu 3, "lượng đức tin mà Đức Chúa Trời đã phú cho từng người" (Ê-phê-sô 4:7). Nó cũng phải liên hệ đến một ngữ cảnh rộng hơn nói đến cách những người tin Chúa sử dụng ân tứ. Điều này chỉ thái độ, động cơ, và năng lượng của người tin Chúa khi hoạt động trong các mục vụ mà Đức Chúa Trời ban cho họ, tức là bông trái của Thánh Linh trong Ga-la-ti 5:22-23.

12:7 NASB "nếu phục vụ"
NKJV, NRSV "hoặc mục vụ, hãy sử dụng nó trong mục vụ"
TEV "nếu nó để phục vụ, chúng ta nên phục vụ"
JB "nếu là việc quản trị, nên dùng nó để quản trị"

Các bản dịch hiện đại có sự khác nhau bởi vì không có một chữ tiếng Anh nào nhất định cho từ *diakonia* trong tiếng Hy-lạp. Nó có thể có nghĩa là (1) một sự phục vụ thực tiễn hay (2) sự quản lý, quản trị (Công-vụ 6:1; I Cô-rinh-tô 12:5, 28). Sách *The Analytical Greek Lexicon Revised* của Harold K Moulton định nghĩa nó là "một chức năng, một mục vụ, hay một chức vụ" trong Rô-ma 12:7; I Cô-rinh-tô 12:5; Cô-lô-se 4:17; II Ti-mô-thê 4:5" (trang 92). Trọng tâm theo ngữ cảnh này là tập trung vào việc giúp đỡ các tín hữu khác.

▣ **"những người dạy dỗ…hãy dạy dỗ"** Ân tứ này (*didasko*) được liệt kê trong I Cô-rinh-tô 12:28 và 14:26. Nó liên hệ đến chức vụ tiên tri trong Công-vụ 13:1 và với chức mục sư trong Ê-phê-sô 4:11. Hội thánh đầu tiên xem những người này là những người được ban ân tứ để hoạt động trong các lãnh vực trùng lắp nhau. Giảng, nói tiên tri, rao Tin Lành, và dạy dỗ đều là chia xẻ Phúc âm nhưng có các trọng tâm và phương pháp khác nhau.

12:8 "ai khuyên bảo…hãy khuyên bảo" Từ này (*parakaleo*) liên hệ đến sự dạy dỗ (I Ti-mô-thê 4:13). Có lẽ đây là khả năng làm cho lẽ thật có thể được áp dụng trong cuộc sống. Do vậy, nó cũng liên hệ đến Ê-phê-sô 4:15, 16 "nói lẽ thật trong tình yêu thương…thân thể tự gây dựng trong sự yêu thương."

▣ **"ai bố thí, hãy làm với sự rộng rãi"** Thuật ngữ này (*haplotes*) có hai ý nghĩa, "rộng rãi" hay "chân thật." Nó là một hình ảnh liên hệ đến tầm nhìn. Trong Cựu ước, con mắt được dùng như một hình ảnh tượng trưng cho động cơ trong hai cách khác nhau: (1) con mắt gian ác (keo kiệt, Phục truyền 15:9 và Thi thiên 23:6), và (2) con mắt nhân lành (rộng rãi, Châm ngôn 22:9). Chúa Jêsus cũng sử dụng cách dùng này (Ma-thi-ơ 6:22-23; 20:15). Phao-lô dùng hình ảnh này trong hai ý nghĩa: (1) "chân chất, chân thật, trong trắng" (II Cô-rinh-tô 1:12; 11:3; Ê-phê-sô 6:5; Cô-lô-se 3:22) và (2) "phóng khoáng" (Rô-ma 12:8; II Cô-rinh-tô 8:2; 9:11, 13).

▣ **"ai cai trị, hãy siêng năng mà cai trị"** Điều này chỉ thuật lãnh đạo Cơ đốc, tại địa phương hay lưu động.

▣ **"ai thương xót, hãy lấy lòng vui mà làm"** Điều này chỉ việc giúp đỡ người bịnh và những người có nhu cầu. Không cần phải có một sự phân biệt nào giữa sự giảng dạy theo tín lý và những lo lắng về xã hội cho cộng đồng đức tin. Chúng là hai mặt của một đồng tiền. Không có "tin lành cứu trợ," chỉ có tin lành!

CÂU HỎI THẢO LUẬN PHẦN KINH VĂN RÔ-MA 12:1-8

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Điều gì được bao gồm trong việc dâng thân thể làm của lễ sống (câu 1)?
2. Có phải mỗi tín hữu đều có một ân tứ thuộc linh hay không (câu 3-8; I Cô-rinh-tô 12:7)? Nếu vậy, họ có được chọn ân tứ nào họ muốn hay không?
3. Mục đích của các ân tứ thuộc linh là gì?
4. Có một danh sách liệt kê hết tất cả các ân tứ trong Kinh thánh hay không?
5. Làm thế nào chúng ta nhận biết được ân tứ của mình?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC VỀ NGỮ CẢNH TRONG CÂU 9-21

A. Phần này có thể đặt tựa thích hợp nhất là " Các hướng dẫn Cơ đốc cho các mối liên hệ." Đây là phần thảo luận thực tế về sự yêu thương (Ma-thi-ơ 5:7; I Cô-rinh-tô 13 và I Giăng 3:18; 4:7-21).
B. Chương 12 của sách Rô-ma có nội dung và cấu trúc rất giống với I Cô-rinh-tô 12-13. Ngay sau phần bàn về các ân tứ là sự cảnh cáo về tính kiêu ngạo và một sự nhấn mạnh về nếp sống yêu thương thực tiễn.
C. Ngữ cảnh này đề cập đến:
    1. Mối liên hệ của chúng ta với các tín hữu Cơ đốc khác (12:9-13). Điều này cũng được bàn chi tiết hơn trong 14:1-15:13 và trong I Cô-rinh-tô 8:11 và tiếp sau; 10:23-33.
    2. Mối liên hệ của chúng ta với những người chưa tin Chúa, hay có lẽ đúng hơn là với các tín hữu khác là những người chúng ta có mâu thuẫn (12:14-21). Phần này dường như phản ánh Bài giảng trên núi của Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 5-7).
    3. Phần chia đoạn này có vẻ gượng gạo bởi vì các lãnh vực này (các mối liên hệ này) trùng lặp với nhau.

D. Các mạng lịnh liên tục liên hệ đến lối sống chiếm ưu thế trong phân đoạn này (MẠNG LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI, câu 14, 16, 20, 21 và ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH, 17 lần). Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí bởi ân điển Đức Chúa Trời qua công tác đã hoàn tất của Đấng Christ và sự tác động của Đức Thánh Linh, nhưng một khi đã nhận được, nó là một cam kết và một lối sống phải trả giá mọi thứ! Việc gọi Chúa Jêsus là "Chúa" không phải là một hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng! (Lu-ca 6:46).
E. Đoạn Kinh văn này cũng có một số ĐỘNG TÍNH TỪ HIỆN TẠI dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH với TIẾP ĐẦU NGỮ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thường có ý nghĩa là ngưng một hành động đang tiếp diễn, câu 14, 16 (2 lần), 17, 19, và 21. Người Cơ đốc đã sống vượt ra ngoài ranh giới! Trong một ý nghĩa nào đó, tội lỗi có thể được định nghĩa là đem các ân tứ Chúa ban ra ngoài giới hạn Chúa cho.
F. Cơ đốc giáo phải "cởi mở" - suy nghĩ phóng khoáng (mở trí), hay giúp đỡ (mở đôi tay), rộng lượng (mở lòng) và hay tiếp đãi (mở cửa nhà) (Gia-cơ 2).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

12:9-13 (BẢN NASB)
9 Lòng yêu thương phải cho thành thật. Hãy gớm sự dữ mà mến sự lành. 10 Hãy lấy lòng yêu thương mềm mại mà yêu nhau như anh em; hãy lấy lẽ kính nhường nhau. 11 Hãy siêng năng mà chớ làm biếng; phải có lòng sốt sắng; phải hầu việc Chúa.12 Hãy vui mừng trong sự trông cậy, nhịn nhục trong sự hoạn nạn, bền lòng mà cầu nguyện.13 Hãy cung cấp sự cần dùng cho các thánh đồ; hãy ân cần tiếp khách.

12:9 "Đừng để tình yêu thương có sự giả hình" Trong bản văn tiếng Hy-lạp không có các chữ nối (linking words) (*asyndeton*) trong ngữ cảnh này, một điều rất bất thường trong tiếng Hy-lạp phổ thông. Nó có thể phản ánh dạng ngữ pháp Hê-bơ-rơ đằng sau Các phước lành trong Ma-thi-ơ 5. Dạng ngữ pháp này nhấn mạnh mỗi cụm từ là một lẽ thật đứng riêng biệt.

"Giả hình" là một thuật ngữ trong sân khấu diễn tả ý "nói đằng sau một mặt nạ." Tình yêu thương không phải là chơi đóng kịch hay là giả dạng (II Cô-rinh-tô 6:6). Tình yêu thương chính là tánh hạnh của những người tin Chúa (Giăng 13:34-35; 15:12, 17; I Giăng 3:11, 18; 4:7-21) bởi vì nó là tính cách của Đức Chúa Trời.

▣ **"hãy gớm sự dữ"** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE) dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Người tin Chúa cần phải tránh điều dữ và không để nó đến như một điều bình thường (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:21-22). Thông thường chúng ta chỉ bị bất ngờ bởi những hậu quả liên quan trực tiếp đến cuộc sống của chúng ta.

▣ **NASB, NKJV "hãy bám lấy điều lành"**
NRSV "hãy giữ chặt lấy điều lành"
TEV "hãy giữ lấy điều lành"
NJB "hãy bám vào điều lành"

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (nhưng dùng trong ý nghĩa TRUNG CÁCH (MIDDLE)) dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH- "hãy dán dính vào, bám vào" (bản LXX trong sách Sáng-thế-ký 2:24; Công-vụ. 8:29 và Phi-líp 4:8; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:21-22).

12:10 NASB "Hãy tập trung vào nhau trong tình yêu anh em"
NKJV "Hãy yêu thương nhau cách nhân từ với tình yêu anh em"
NRSV "Hãy yêu thương nhau bằng tình yêu tương thân"
TEV "hãy yêu nhau cách nồng ấm như những Cơ đốc nhân"
JB "Hãy yêu thương nhau như cách các anh em yêu thương nhau"

Đây là một từ kép trong tiếng Hy-lạp (*phileo* + *storge*) kết hợp “tình yêu anh em” với “tình yêu gia đình” và chỉ được dùng tại đây trong toàn bộ Tân ước. Cơ đốc nhân là một gia đình. Chúng ta được truyền dạy phải yêu thương nhau (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:9).

Đây là từ đầu tiên trong một loạt các TẶNG CÁCH (DATIVES) là những chữ được đặt đầu câu trong tiếng Hy-lạp để nhấn mạnh.

▣ **NASB “hãy nhường nhau trong sự kính trọng”**
NKJV “hãy nhường nhau trong sự kính trọng”
NRSV “hãy tranh nhau bày tỏ lòng kính trọng lẫn nhau”
TEV “hãy háo hức bày tỏ sự kính trọng lẫn nhau”
JB “hãy có một sự kính trọng sâu sắc cho nhau”

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) PARTICIPLE) dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Những người tin Chúa phải đối xử với những người cùng trong giao ước quan trọng hơn mình (Ê-phê-sô 4:2; Phi-líp 2:3).

12:11 NASB “đừng tụt lại sau trong sự siêng năng”
NKJV “đừng tụt lại trong sự siêng năng”
NRSV “đừng tụt hậu trong tinh thần hớn hở”
TEV “hãy siêng năng làm việc và đừng làm biếng”
JB “hãy làm việc vì Chúa trong nỗ lực không mệt mỏi”

Tình yêu thương thật sinh ra năng lượng dồi dào (Ga-la-ti 6:9).

▣ **NASB, NKJV “nhiệt tâm trong tinh thần”**
NRSV “hăng hái trong tinh thần”
TEV “với một tấm lòng tập trung hoàn toàn”
JB “với một sự háo hức lớn lao về tinh thần”

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Nó có nghĩa đen là “nấu sôi lên.” Điều này có thể chỉ tinh thần được tái tạo của con người bởi sự ngự vào lòng của Đức Thánh Linh (bản RSV, Công-vụ 18:25; Khải huyền 3:15-16).

▣ **“hầu việc Chúa”** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Có một số dị bản tại đây. Một số bản Hy-lạp thuộc họ Tây phương (Western family) (D^{*3}, F, và G) ghi là “khi còn cơ hội” (in time) (*kairos*) thay vì “trong Chúa” (*kurios*). Dị bản này nhấn mạnh việc phục vụ Chúa và hội thánh Ngài khi có cơ hội (Giăng 9:4; Ê-phê-sô 5:16).

Có lẽ sự lẫn lộn xảy ra vì chữ *kurios* bị hiểu lầm hay bị đọc nhầm. Các bản cổ nhất và tốt nhất của tiếng Hy-lạp P^{46}, א ,A và B ghi là “hầu việc Chúa.” Bản UBS^4 xếp chữ “Chúa” vào loại “chắc chắn” (A).

12:12 “vui mừng trong sự trông cậy” Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Chữ “trông cậy” thường được dùng chung với Sự trở lại lần thứ hai (5:2). Không phải nó có nghĩa ‘hy vọng’ như trong ý nghĩa ‘ước mơ’ của tiếng Anh, nhưng trong ý nghĩa Tân ước tức là liên quan đến một sự kiện chắc chắn, nhưng yếu tố thời gian thì không rõ. Xin xem chú thích ở câu 4:18 và 5:2.

▣ **“nhịn nhục” [bền đỗ]** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Chữ này có nghĩa là “một sự chịu đựng tự nguyện, chủ động và bền bỉ.”

▣ **“trong hoạn nạn”** Giống như trong câu 5:3 “sự trông cậy’ liên hệ đến sự hoạn nạn (*thlipsis*). Đây là điều bình thường đối với những người theo Đấng Christ trong thế giới sa ngã này (Công-vụ 14:22; Rô-ma 8:17; II Ti-mô-thê 3:12; I Phi-e-rơ 4:12 và tiếp theo). Chúng ta không tìm kiếm nó nhưng cũng không sợ nó! Xin xem Chủ đề đặc biệt về “Sự hoạn nạn” ở câu 5:3.

▣ **"chú tâm vào sự cầu nguyện"** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Sự cầu nguyện là một kỷ luật và một ân tứ thuộc linh qua đó nhận biết bàn tay hành động của Đức Chúa Trời trong lịch sử. Người tin Chúa có thể ảnh hưởng đến một người Cha trên trời đầy yêu thương. Ngài chọn giới hạn chính Ngài trong những lời cầu nguyện của con cái Ngài (Công-vụ. 1:14; 2:42; 6:4; Ê-phê-sô 6:18-19; Cô-lô-se 4:2). Điều này làm cho sự cầu nguyện trở nên một trách nhiệm vô cùng lớn lao. Xin xem thêm trong sách *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare* của Clinton Arnold, trang 43-44, 187-188.

12:13 NASB, NRSV "cung cấp cho nhu cầu các thánh đồ"
NKJV "phân phát sự cần dùng cho các thánh đồ"
TEV "chia xẻ tài sản với các Cơ đốc nhân anh em có nhu cầu"
JB "chia xẻ bất cứ điều gì với con dân Chúa là những người đang có nhu cầu"

ĐỘNG TỪ tiếng Hy-lạp *koinonia* có nghĩa là "cùng thông công với." Chữ này được Phao-lô sử dụng trong một tầm ý nghĩa khá rộng. Nó bao gồm cả sự thông công trong Phúc âm và trong các nhu cầu thuộc thể (Ga-la-ti 6:6). Nó thậm chí được dùng để chỉ việc chia xẻ trong sự chịu khổ của Đấng Christ (Phi-líp 3:8-10; I Phi-e-rơ 4:13) và của Phao-lô (Phi-líp 4:13). Hợp nhất với Đấng Christ có nghĩa là hợp nhất với con dân Ngài ở mọi cấp độ! Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:7 "Các thánh đồ."

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH (Châm ngôn 3:27; Ga-la-ti 6:10). Người tin Chúa phải siêng năng làm việc để có dư cho người khác, trong danh Chúa Jêsus (II Cô-rinh-tô 8:11-12; Ê-phê-sô 4:28).

▣ **"ân cần tiếp khách"** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Nó có nghĩa đen là "theo đuổi sự ân cần tiếp khách" (I Ti-mô-thê 3:2; Tít 1:8; Hê-bơ-rơ 13:2; I Phi-e-rơ 4:9). Mục vụ này rất quan trọng trong hội thánh đầu tiên bởi vì tiếng xấu của các "quán trọ." Điều này chủ yếu chỉ việc cung cấp chỗ ăn ở cho các mục sư lưu động.

12:14-21 (BẢN NASB)
14 **Hãy chúc phước cho kẻ bắt bớ anh em; hãy chúc phước, chớ nguyền rủa.**15 **Hãy vui với kẻ vui, khóc với kẻ khóc.**16 **Trong vòng anh em phải ở cho hiệp ý nhau; đừng ước ao sự cao sang, nhưng phải ưa thích sự khiêm nhường. Chớ cho mình là khôn ngoan.**17 **Chớ lấy ác trả ác cho ai; phải chăm tìm điều thiện trước mặt mọi người.**18 **Nếu có thể được, thì hãy hết sức mình mà hòa thuận với mọi người.**19 **Hỡi kẻ rất yêu dấu của tôi ơi, chính mình chớ trả thù ai, nhưng hãy nhường cho cơn thạnh nộ của Đức Chúa Trời; vì có chép lời Chúa phán rằng: Sự trả thù thuộc về ta, ta sẽ báo ứng.** 20 **Vậy nếu kẻ thù mình có đói, hãy cho ăn; có khát, hãy cho uống; vì làm như vậy, khác nào mình lấy những than lửa đỏ mà chất trên đầu người.**21 **Đừng để điều ác thắng mình, nhưng hãy lấy điều thiện thắng điều ác.**

12:14 "chúc phước cho kẻ bắt bớ anh em" Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI dùng hai lần trong câu này. Chúng ta có chữ "bài ca tặng" (eulogy) từ chữ "chúc phước" này (Ma-thi-ơ 5:44; Lu-ca 6:28; I Cô-rinh-tô 4:12; Gia-cơ 3:9-12; I Phi-e-rơ 3:9). Trong bản P^{46} (bản The Chester Beatty Papyri) và bản B (Vaticanus), chữ "anh em" được bỏ ra làm cho câu này trở nên bao quát hơn nhiều, hay nói một cách khác đây là một câu nói rất bao quát.

▣ **"đừng nguyền rủa"** Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, thường mang ý nghĩa ngưng lại một hành động đang diễn ra. Điều này chỉ việc kêu cầu danh Chúa trong lời cầu nguyện xin báo trả (tương tự như những lời nguyền trong I Cô-rinh-tô 12:3). Đây không chỉ sự chửi tục (Ê-phê-sô 4:29; I Phi-e-rơ 3:9).

▣ **"hãy vui với kẻ vui, khóc với kẻ khóc"** Hai ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU HIỆN TẠI này được dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Cơ đốc giáo là một gia đình. Những người tin Chúa không phải tranh đua nhau, nhưng phải đối đãi với nhau như bằng tình yêu như trong một gia đình. Dựa vào bối cảnh của các

câu từ 14-21, rất có thể điều này phản ánh sự đáp ứng của người tin Chúa đối với cộng đồng chưa tin Chúa sử dụng những dịp tiện hoặc bối cảnh văn hóa để truyền giảng.

12:16 NASB, NKJV "hãy có đồng một tâm trí với nhau"
NRSV "hãy sống hòa thuận với nhau"
NRSV "hãy quan tâm đến nhau"
JB "hãy đối xử với nhau bằng sự tử tế giống nhau"

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH (15:5; II Cô-rinh-tô 13:11; Phi-líp 2:2). Câu 16 có thể được xem trong bối cảnh của một sự xích mích giữa (1) những người Do Thái tin Chúa và những người ngoại tin Chúa trong hội thánh Rô-ma (11:13-24); (2) mâu thuẫn lâu đời giữa các tầng lớp kinh tế; hay (3) các ân tứ thuộc linh khác nhau.

▣ **"đừng hống hách trong ý tưởng, nhưng hãy làm bạn với những người tầm thường"** Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, thường mang ý nghĩa ngưng một hành động đang tiếp diễn.

Chữ "tầm thường" đều có thể ở dạng GIỐNG ĐỰC hay là TRUNG TÍNH. Nếu ở dạng TRUNG TÍNH, thì phải dịch là "chấp nhận những nhiệm vụ thấp hèn"; còn nếu ở GIỐNG ĐỰC, thì phải dịch là "liên hệ với những người tầm thường, nghèo nàn."

▣ **"chớ cho mình là khôn ngoan"** Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, thường mang ý nghĩa ngưng lại một hành động đang diễn ra (Châm ngôn 3:7; Ê-sai 5:21; I Cô-rinh-tô 10:12; Ga-la-ti 6:3). Người tin Chúa không được bày tỏ mình cao hơn người khác hay kiêu ngạo đối với cộng đồng chưa tin Chúa.

12:17 "Chớ lấy ác trả ác cho ai" Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, thường mang ý nghĩa ngưng lại một hành động đang diễn ra. Làm thẳng lại các sự việc là điều hoàn toàn tùy thuộc vào Chúa chứ không phải vào các tín hữu (Châm ngôn 20:22; 24:29; Ma-thi-ơ 5:38-48; Lu-ca 6:27; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:15; I Phi-e-rơ 3:9).

▣ **"Hãy tôn trọng điều phải trước mặt mọi người"** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH HIỆN TẠI dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH (II Cô-rinh-tô 8:21; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:22; và I Ti-mô-thê 3:7). Điều này có thể ám chỉ Châm ngôn 3:4 trong bản LXX. Người tin Chúa sống với mục đích hướng đến việc truyền giảng cho người chưa tin Chúa. Chúng ta không nên làm điều gì gây xúc phạm hay cách ly một người chưa tin Chúa (I Cô-rinh-tô 9:19-23). Ngay cả những niềm tin sâu sắc nhất của chúng ta cũng phải được bày tỏ một cách đầy yêu thương.

12:18 "Nếu có thể được, thì hãy hết sức mình mà ở hòa thuận với mọi người" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Theo sau nó là một vế câu ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Điều này không phải lúc nào cũng là lựa chọn của người tin Chúa, nhưng điểm ngữ pháp tại đây hàm ý điều này có thể thường xảy ra (Mác 9:50; II Cô-rinh-tô 13:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:13).

12:19 "Đừng trả thù ai" Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, thường mang ý nghĩa ngưng lại một hành động đang diễn ra. Một ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ làm thẳng mọi việc.

▣ **"như có chép"** Câu này ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE), là cách người Do thái chỉ bản văn được linh cảm (Kinh thánh). Cách nói diễn tả sự linh cảm này cũng tương đương với cụm từ "Chúa phán" (I Cô-rinh-tô 14:21 và II Cô-rinh-tô 6:17). Đây là câu trích từ Phục truyền 32:35.

12:20 "nhưng nếu kẻ thù" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA có ý chỉ một hành động có thể diễn ra trong tương lai. Kẻ thù sẽ đến!

▣ **"chất than đang cháy trên đầu người"** Câu này ám chỉ Châm ngôn 25:21-22. Các lý thuyết giải thích việc này như sau:

1. Đây là một thành ngữ văn hóa có lẽ từ Ai cập cho rằng sự tử tế là cách tốt nhất để biến kẻ thù thành bạn. Đây vẫn là cách đáp ứng của người Cơ đốc đối với kẻ thù lâu đời (Ma-thi-ơ 5:44)
2. "than đang cháy" dường như đại diện cho sự xấu hổ về hành động không đúng của một người là điều được bày ra cách rõ ràng trong ánh sáng của tình yêu và tha thứ của người kia (quan điểm của Ambrosiaster, Augustine và Jerome)
3. Origen và Chrysostom cho rằng điều này chỉ sự tử tế của Cơ đốc nhân, là điều thậm chí khiến Đức Chúa Trời phán xét gay gắt hơn những người không ăn năn (theo cuốn *Jerome Biblical Commentary*, vol. 2, trang 326).

Tất cả những lý thuyết đó chỉ là như vậy. Chìa khóa của nó nằm ở câu nói kết luận của Phao-lô trong câu 21.

12:21 "Đừng để điều ác thắng mình, nhưng phải lấy điều thiện thắng điều ác" Đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI và MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI. Đáp ứng của chúng ta đối với sự đối đãi không công bằng sẽ quyết định và phản ánh mức độ bình an và vui mừng của chính con người bên trong của chúng ta. Sự cay đắng là một chứng ung thư thuộc linh. Người tin Chúa phải dâng điều đó lên cho Chúa.

▣ **"điều ác"** Chữ này có thể là ở GIỐNG ĐỰC, và vì vậy, nó có thể chỉ một người gian ác; hay có thể ở dạng TRUNG TÍNH và do đó có thể chỉ điều ác một cách chung chung. Đây là một sự mơ hồ thường gặp trong Tân ước (Ma-thi-ơ 5:37; 6:13; 13:19, 28; Giăng 17:15; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; I Giăng 2:13-14; 3:12; 5:18-19).

CÂU HỎI THẢO LUẬN CHO CÂU 9-12

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao có quá nhiều dạng MỆNH LỆNH HIỆN TẠI với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH trong các câu từ 9-21?
2. Liệt kê ra tất cả các mệnh lệnh trong các câu này trong một cột riêng. Chúng là một danh sách rất hữu ích liên quan đến đời sống giống với Đấng Christ trong thực tế hằng ngày!
3. Tại sao rất khó để phân biệt câu nào nói đến cách đối xử của Cơ đốc nhân với những người tin Chúa khác và câu nào nói đến cách đối xử của Cơ đốc nhân với những người chưa tin Chúa?

RÔ-MA ĐOẠN 13

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Vâng theo các luật lệ	Vâng phục chính quyền	Cơ đốc nhân và Nhà nước	Trách nhiệm đối với các bậc cầm quyền	Đầu phục các thẩm quyền
13:1-7	13:1-7	13:1-7	13:1-5 13:6-7	13:1-7
Tình yêu thương anh em	Yêu người lân cận	Tình yêu làm trọn luật pháp	Trách nhiệm với nhau	Tình yêu và Chiến tranh
13:8-10	13:8-10	13:8-10	13:8-10	13:8-10
Ngày của Đấng Christ đến	Mặc lấy Đấng Christ	Sự gần kề ngày Christ trở lại		Con cái của sự sáng
13:11-14	13:11-14	13:11-14	13:11-13 13:14	13:11-14

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Trong khi chương 12 chủ yếu bàn đến Cơ đốc nhân với những anh em tin Chúa khác (câu 9-13) và với những người trong xã hội (câu 14-21), thì chương 13:1-7 chủ yếu nói đến mối liên hệ giữa Cơ đốc nhân và chính quyền dân sự. Tuy nhiên, không có một sự ngăn cách nào về mặt ngữ cảnh giữa những chủ đề này. Phao-lô xem chúng như là một. Không có sự phân chia giữa phàm và thánh. Mọi điều của cuộc sống đều thuộc về Đức Chúa Trời. Người tin Chúa là quản gia trong mọi lãnh vực! Chúng ta có thể thấy chiếc cầu nối giữa hai chương này qua câu 12:18.

B. Sự hiểu biết của người tin Chúa về vị trí của chính quyền có những khác biệt. Trong Cựu ước chính quyền trở nên lớn mạnh trong dòng dõi Ca-in (Sáng-thế-ký 4:16-22). Tháp Ba-bên (Sáng-thế-ký 11) liên hệ đến nỗ lực của con người muốn tự cai trị không cần Đức Chúa Trời. Ngôi vị của vua trong dân Y-sơ-ra-ên là nhằm để Đức Chúa Trời cai trị qua các luật lệ thiêng liêng và qua người được chỉ định dưới quyền người chăn chiên (Vua), nhưng điều đó đã không thành công vì tội lỗi của con người. Lời bàn của Chúa Jêsus về vị trí thích đáng của chính quyền trong Ma-thi-ơ 22:21 và Mác 12:17 là những lời hết sức quan trọng. Điều ngạc nhiên là Phao-lô không nhắc đến lời dạy của Chúa trong bối cảnh này (mặc dù câu 1-7 và 11 dường như song song với Ma-thi-ơ 22:15-22 và 39). Chính

quyền có một vai trò thích hợp được Đức Chúa Trời ban cho trong thế giới sa ngã này. Thông thường các sứ đồ bị buộc phải giằng co với vấn đề phải liên hệ như thế nào với các thẩm quyền thuộc về dân sự lẫn tôn giáo. Đây là một trách nhiệm vừa tích cực vừa tiêu cực tùy vào hành động của các thẩm quyền con người. Phao-lô vừa được bảo vệ vừa bị bắt bớ bởi chính quyền. Tuy nhiên, trong Khải huyền, Giăng nói đến chính quyền như một Đại Dâm phụ (Khải huyền 17)!

Chúng ta nên ủng hộ chính quyền trừ khi chính quyền xâm phạm lương tâm được Thánh linh hướng dẫn của chúng ta hay khi chính quyền đòi hỏi một sự liên kết hoàn toàn. Con người mong muốn một trật tự hơn là sự hỗn loạn (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:6-7).

C. Chủ đề này cũng được bàn đến trong Tít 3:1 và I Phi-e-rơ 2:13-17.

D. Do thái giáo là một tôn giáo hợp pháp trong chính quyền Rô-ma ở thế kỷ thứ nhất. Cơ đốc giáo được xem là một nhánh từ Do thái giáo trong nhiều năm (Công-vụ 18:12-16). Điều này khiến phong trào truyền giáo ở những năm đầu được sự bảo vệ của luật pháp. Một mục đích của sách Công-vụ là nhằm cho thấy Cơ đốc giáo không phải là một mối đe dọa về chính trị đối với Rô-ma. Tuy nhiên, Rô-ma đã cung ứng một nền hòa bình và ổn định mang tầm vóc quốc tế (*Pax Romana*) qua đó Tin lành được lan truyền (I Ti-mô-thê 2:1-2).

E. Đoạn này có sự gay cấn hơn khi xem xét nó trong những kinh nghiệm của Phao-lô với các cấp chính quyền. Đoạn này cũng có thể được viết ra là vì (1) những căng thẳng giữa hội thánh Rô-ma và chiếu chỉ của chính quyền (ví dụ như việc giới hạn các cuộc hội họp và lễ nghi của người Do Thái). Điều này có lẽ đã khiến một số người Do Thái tin đạo rời thủ đô (ví dụ, Bê-rít-xin và A-qui-la, Công-vụ 18:2). Khi những người này vắng mặt, thành phần lãnh đạo tin Chúa người ngoại nổi lên; (2) căng thẳng trong thành phố Rô-ma gây ra bởi việc giảng Tin lành trong các cộng đồng lớn của người Do Thái tại Rô-ma. Sử gia Suetonius trong cuốn *Life of Claudius*, 25.2, ghi lại việc hoàng đế đã trục xuất người Do Thái khỏi thủ đô vào năm 49 A.D. bởi có những cuộc bạo loạn tiếp diễn gây ra bởi một "Chrestus." Đây có thể là một cách viết khác của chữ "Christ" bằng tiếng La-tin.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

13:1-7 (BẢN NASB)
1 Mọi người phải vâng phục các đấng cầm quyền trên mình; vì chẳng có quyền nào mà chẳng đến bởi Đức Chúa Trời, các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định.2 Cho nên ai chống cự quyền phép, tức là đối địch với mạng lịnh Đức Chúa Trời đã lập; và những kẻ đối địch thì chuốc lấy sự phán xét vào mình.3 Vả, các quan quyền không phải để cho người làm lành sợ, mà để cho người làm dữ sợ. Ngươi muốn không sợ quyền phép chăng? Hãy làm điều lành, sẽ được khen thưởng;4 vì quan quyền là chức việc của Đức Chúa Trời để làm ích cho ngươi. Song nếu ngươi làm ác, thì hãy sợ, vì người cầm gươm chẳng phải là vô cớ; người là chức việc của Đức Chúa Trời để làm ra sự công bình và phạt kẻ làm dữ.5 Vậy nên cần phải vâng phục, chẳng những vì sợ hình phạt thôi, nhưng cũng vì cớ lương tâm.6 Ấy cũng bởi lẽ đó mà anh em nộp thuế, vì các quan quyền là đầy tớ của Đức Chúa Trời, hằng giữ việc ấy.7 Phải trả cho mọi người điều mình đã mắc: nộp thuế cho kẻ mình phải nộp thuế; đóng góp cho kẻ mình phải đóng góp; sợ kẻ mình đáng sợ; kính kẻ mình đáng kính.

13:1 "Mọi người phải vâng phục" Đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE) nghĩa là, "tiếp tục chịu vâng phục" (Tít 3:1; I Phi-e-rơ 2:13). "Vâng phục" là một thuật ngữ quân sự được dùng để diễn tả một loạt các mệnh lệnh. Trong ngữ cảnh này, Phao-lô đang nói với mọi người tin Chúa (Ê-phê-sô 5:21), là đoạn Phao-lô khẳng định rằng những người tin Chúa nên vâng phục lẫn nhau.

Trong thời đại của chúng ta sự vâng phục được xem như một từ ngữ tiêu cực. Nó thật ra là một từ ngữ mô tả một sự khiêm nhường và một sự hiểu biết sâu sắc về thế giới của Đức Chúa Trời và vị trí của chúng ta trong thế giới đó. Kinh thánh chép Chúa Jêsus phải vâng phục (1) cha mẹ Ngài về phần xác (Lu-ca 2:51) và (2) vâng phục Cha trên trời (I Cô-rinh-tô 15:28). Ngài là người hướng dẫn chúng ta trong lãnh vực này!

▣ **"các bậc cầm quyền"** Mặc dù Phao-lô dùng chữ này (*exousia*) trong các ngữ cảnh khác để chỉ các quyền lực của thiên thần, chủ yếu là ma quỷ (8:38; Cô-lô-se 1:16; 2:10, 15; Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 6:12), nhưng ngữ cảnh tại đây đòi hỏi phải dịch là "các cấp chính quyền dân sự" (I Cô-rinh-tô 2:6, 8; Tít 3:1; I Phi-e-rơ 2:13). Kinh thánh dường như hàm ý rằng có những bậc cầm quyền thuộc về thiên thần đằng sau các bậc cầm quyền thuộc về con người (Đa-ni-ên 10 và Phục truyền 32:8 trong bản LXX chép "Khi Đấng Chí Cao phân phát sản nghiệp cho muôn dân, phân rẽ những con cái A-đam, thì Ngài định bờ cõi của các dân, cứ theo số thiên sứ của Ngài.") Dẫu vậy các bậc cầm quyền đều hoạt động dưới quyền Đức Chúa Trời (câu 1b, 4a, và 6). Chữ "cầm quyền" là từ *huperexo*, có nghĩa là "vượt lên, cao hơn" (I Phi-e-rơ 2:13). Xin xem Chủ đề đặc biệt ở câu 1:30 "Cách Phao-lô sử dụng từ "Huper."

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI

I. GIỚI THIỆU
   A. Định nghĩa - Chính quyền là con người tự tổ chức với nhau để cung ứng và bảo vệ các nhu cầu vật chất có thể nhận biết được
   B. Mục đích - Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý chỉ cho thấy Ngài ưa sự trật tự hơn là sự vô chủ, hỗn loạn.
      1. Sự lập pháp theo luật Môi-se, đặc biệt là Mười điều răn, là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con người trong xã hội. Nó cân bằng sự thờ phượng và cuộc sống.
      2. Không một dạng thức hay cấu trúc chính quyền nào được hậu thuẫn bởi Kinh thánh, mặc dù chế độ thần quyền của quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ là hình thức được mong đợi nơi thiên đàng. Cơ đốc nhân phải hành xử cách phải lẽ trong bất kỳ một hệ thống chính quyền nào họ đang thuộc về. Mục đích của Cơ đốc nhân là truyền giảng và mục vụ, chứ không phải cách mạng.
   C. Nguồn gốc chính quyền:
      1. Công giáo La mã đã công nhận rằng một chính quyền thuộc con người là một nhu cầu nằm ngay trong bản chất con người, ngay cả trước khi có sự sa ngã. Aristotle dường như cũng đồng ý với tiền đề này. Ông nói rằng "con người là một sinh vật chính trị" và qua đó ông muốn nói rằng chính quyền "hiện hữu để đẩy mạnh một cuộc sống tốt đẹp."
      2. Tin lành, đặc biệt là Martin Luther, khẳng định rằng chính quyền con người là điều nằm trong sự sa ngã. Ông gọi nó là "tay trái của vương quốc Đức Chúa Trời." Ông nói rằng cách Đức Chúa Trời cai trị những người xấu là đặt họ dưới một quyền cai trị."
      3. Karl Marx khẳng định rằng chính quyền là phương tiện qua đó một số ít người thuộc tầng lớp quý tộc có thể điều khiển số đông quần chúng. Đối với ông, chính quyền và tôn giáo đóng vai trò như nhau.

II. CÁC TÀI LIỆU THÁNH KINH
   A. Cựu ước
      1. Y-sơ-ra-ên là một kiểu mẫu sẽ được sử dụng trên thiên đàng. Trong quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ Đức Giê-hô-va là Vua. Chế độ thần quyền là từ dùng để diễn tả sự cai trị trực tiếp của Đức Chúa Trời (I Sa-mu-ên 8:4-9)
      2. Chúng ta có thể nhận thấy quyền chủ tể của Đức Chúa Trời trên các chính quyền con người rất rõ ràng qua các câu Kinh thánh sau:
         a. Giê-rê-mi 27:6; E-xơ-ra 1:1
         b. II Sử ký 36:22
         c. Ê-sai 44:28
         d. Đa-ni-ên 2:21
         e. Đa-ni-ên 2:44
         f. Đa-ni-ên 4:17, 25
         g. Đa-ni-ên 5:28

3. Con cái Chúa cần phải vâng phục và tôn trọng ngay cả những chính quyền đến xâm chiếm và chiếm đóng:
    a. Đa-ni-ên 1-4, Nê-bu-cát-nết-sa
    b. Đa-ni-ên 5, Bên-xát-xa
    c. Đa-ni-ên 6, Đa-ri-út
    d. E-xơ-ra và Nê-hê-mi
4. Con cái Chúa phải cầu nguyện cho các bậc có thẩm quyền
    a. Giê-rê-mi 28:7
    b. Mishnah, Avot. 3:2

B. Tân ước
1. Chúa Jêsus bày tỏ sự tôn trọng đối với chính quyền con người
    a. Ma-thi-ơ 17:24-27, đóng thuế đền thờ
    b. Ma-thi-ơ 22:15-22, ủng hộ việc đóng thuế cho La mã và vì vậy cũng ủng hộ chính quyền dân sự của La mã
    c. Giăng 19:11, Đức Chúa Trời ban cho chính quyền thẩm quyền
2. Lời của Phao-lô liên quan đến chính quyền con người
    a. Rô-ma 13:1-7, người tin Chúa phải vâng phục và cầu nguyện cho các bậc cầm quyền
    b. I Ti-mô-thê 2:1-3, người tin Chúa phải cầu nguyện cho bậc cầm quyền
    c. Tít 3:1, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
3. Lời của Phi-e-rơ liên quan đến chính quyền con người
    a. Công-vụ 4:1-31; 5:29, Phi-e-rơ và Giăng trước tòa Công luận (ở đây cho thấy sự không vâng phục chính quyền)
    b. I Phi-e-rơ 2:13-17, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
4. Lời của Giăng liên quan đến chính quyền con người
    Khải huyền 17, dâm phụ Ba-by-lôn đại diện cho chính quyền con người chống lại Đức Chúa Trời

III. KẾT LUẬN

A. Chính quyền con người được phong định bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải là "quyền thiêng thượng của các Vua," nhưng là vị trí định bởi Đức Chúa Trời cho các chính quyền. Không có một dạng chính quyền nào trên dạng nào.
B. Người tin Chúa có trách nhiệm tôn giáo phải vâng theo thẩm quyền dân sự với một thái độ kính trọng đúng đắn.
C. Ủng hộ chính quyền bằng việc trả thuế và cầu thay cho họ là việc phải lẽ của những người tin Chúa.
D. Chính quyền con người được lập với mục đích giữ gìn trật tự. Họ là những quản gia của Đức Chúa Trời để làm công việc này.
E. Chính quyền con người không phải là tối cao. Nó có giới hạn trong khuôn khổ quyền hạn của nó. Người tin Chúa phải hành xử theo lương tâm của mình và khước từ thẩm quyền thuộc về dân sự khi nó dẫm lên giới hạn được Chúa thiết lập. Như Augustine đã từng khẳng định trong quyển *The City of God*,chúng ta là công dân của hai vương quốc (lãnh vực), một vương quốc tạm thời và một vương quốc đời đời. Chúng ta có trách nhiệm với cả hai, nhưng vương quốc Đức Chúa Trời có tính tối hậu! Trách nhiệm của chúng ta với Đức Chúa Trời bao gồm cả sự tập trung cá nhân và tập thể.
F. Chúng ta nên khuyến khích người tin Chúa trong hệ thống dân chủ tham gia tích cực trong các quá trình hình thành chính quyền và thực hiện chính quyền, nếu có thể được, theo lời dạy của Kinh thánh.
G. Sự thay đổi xã hội phải được tiên phong bằng sự biến đổi của cá nhân. Không có một sự trông cậy tối hậu thực sự nơi một chính quyền. Mọi chính quyền con người, cho dù được sử dụng và bởi ý chỉ của Đức Chúa Trời, đều là những thể hiện tội lỗi của một tổ chức con người ngoài Chúa. Khái niệm này được diễn tả bằng chữ "thế gian" trong cách dùng của sách Giăng.

▣ **NASB "các quyền hiện có đều được Đức Chúa Trời thiết lập"**
NKJV "các quyền hiện có đều được Đức Chúa Trời chỉ định"
NRSV "các quyền này đều được Đức Chúa Trời thiết định"
TEV "các quyền này được sắp đặt bởi Đức Chúa Trời"
NJB "được chỉ định bởi Đức Chúa Trời"

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH SỬ DỤNG TRỢ ĐỘNG TỪ (PERIPHRASTIC PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Câu này khẳng định Đức Chúa Trời ở đằng sau mọi thẩm quyền con người (Giăng 19:11). Câu này không nhằm nói đến "thẩm quyền thiên thượng của các Vua," nhưng nói đến Đức Chúa Trời mong muốn một trật tự. Nó cũng không khẳng định một loại chính quyền cụ thể nào, nhưng chỉ nói đến chính quyền. Trật tự dân sự tốt hơn là sự hỗn loạn (câu 6).

13:2 "bất kỳ ai chống cự các thẩm quyền" Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH HIỆN TẠI. Câu này chỉ một sự chống cự theo thói quen của một cá nhân đối với một trật tự đã được thiết lập, theo nghĩa đen nó có nghĩa là "tự dựng mình lên chống lại điều gì" (Công-vụ 18:6; Gia-cơ 5:6). Trong Mác 12:17, Chúa Jêsus tuyên bố rõ ràng lãnh vực này cho cả chính quyền và hội thánh. Trong Công-vụ 5:25-32 chúng ta chứng kiến điều gì đã xảy ra khi các thẩm quyền đi quá giới hạn của họ.

▣ **"đối địch…đối địch"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH và dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH. Điều này nói đến sự chống cự đã được định sẵn. Đức Chúa Trời đã thiết lập một trật tự cho thế giới sa ngã này (câu 4, 6). Chống lại trật tự này là chống lại Đức Chúa Trời, trừ khi các thẩm quyền này đi quá giới hạn Chúa cho phép. Vấn đề thuộc linh thật sự ở đây là sự vâng phục bậc cầm quyền. Con người sa ngã luôn muốn tự lập!

▣ **"sẽ chuốc lấy sự phán xét vào mình"** Bản KJV dùng chữ "nguyền rủa." Kể từ thời điểm này, năm 1611 sau Công nguyên, chữ này trong tiếng Anh mang một ý nghĩa nặng nề hơn. Bản NKJV dịch là "phán xét." Theo văn cảnh, chữ này có thể chỉ (1) sự phán xét của Đức Chúa Trời hay là (2) sự hình phạt thuộc về dân sự (câu 4). Những người này đem hình phạt vào mình bởi thái độ và hành vi của họ chống lại nhà cầm quyền (Giăng 3:17-21).

13:3 Xem câu tương đương trong I Phi-e-rơ 2:14.

13:4 "vì đó là chức việc của Đức Chúa Trời để giúp ích cho ngươi" Thẩm quyền của chính quyền chống lại những người làm sai trong khi người tin Chúa bị giới hạn trả thù cá nhân (12:17-19). Luther nói rằng, "Cách Đức Chúa Trời dùng để điều khiển người xấu là đặt người xấu trong vòng điều khiển."

▣ **"nếu"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA có nghĩa hành động có thể diễn ra trong tương lai.

▣ **NASB "vì nó cầm gươm không phải là để không"**
NKJV "vì người cầm gươm không phải là vô ích"
NRSV "vì bậc cầm quyền không phải là cầm gươm một cách vô ích"
TEV "quyền hạn để họ trừng phạt là có thật"
NJB "không phải vô cớ khi biểu tượng của bậc cầm quyền là một thanh gươm"

Chữ "gươm" (*machaira*) chỉ thanh gươm nhỏ của La-mã dùng để chém đầu (Công vụ 12:2; Rô-ma 8:35). Đoạn này và một câu trong Công vụ 25:11 là nền tảng Tân ước cho vấn đề tử hình, trong khi Sáng thế ký 9:6 cho biết rõ ràng quan điểm của Cựu ước. Sự run sợ là một yếu tố ngăn chặn sự hỗn loạn một cách hiệu quả!

▣ **"vì nó là chức việc của Đức Chúa Trời, là người báo thù"** Chữ 'báo thù' (*ekdikos*) được dùng một vài lần trong Cựu ước. Nó được dùng ngay cả trong phần đầu của Lê-vi-ký 19:18. Trong Cựu ước, khi một người giết chết một người khác, ngay cả chỉ vì lầm lỡ, thì gia đình của người bị giết có quyền thi

hành sự trả thù theo kiểu "mắt đền mắt" (báo thù huyết). Phao-lô có lẽ liên hệ tập tục Cựu ước với thẩm quyền dân sự của chính quyền.

13:5 "cần phải vâng phục" Có hai lý do nêu ra ở đây: (1) để thoát khỏi bị trừng phạt, từ Đức Chúa Trời hay từ bậc cầm quyền, và (2) vì mục đích lương tâm của người tin Chúa.

▣ **"vì cớ lương tâm"** Đây không phải là từ của Cựu ước tương đương với từ "lương tâm" trong tiếng Hy-lạp trừ phi thuật ngữ Hê-bơ-rơ "ngực" ám chỉ sự hiểu biết về bản thân và các động cơ của nó. Truy nguyên từ ban đầu, từ ngữ Hy-lạp chỉ về lương tâm liên quan đến năm giác quan. Dần dần nó được dùng để chỉ 'giác quan' bên trong (Rô-ma 2:15). Phao-lô dùng chữ này hai lần trong các phiên xử trong Công vụ (23:1 và 24:16). Nó chỉ sự nhận biết của ông, rằng ông trong phạm vi có thể biết được đã không vi phạm một trách nhiệm tôn giáo nào mà ông biết được để chống lại Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 4:4).

Lương tâm là một sự nhận biết đang phát triển của người tin Chúa về động cơ và hành động của họ dựa trên (1) thế giới quan của Kinh thánh; (2) Thánh Linh ngự trong lòng; và (3) một sự hiểu biết trong lối sống dựa vào Lời Đức Chúa Trời. Điều này có được là do sự tiếp nhận Phúc âm của một người.

13:6 "ấy cũng bởi lẽ đó mà anh em nộp thuế" Đây là ý CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI mặc dù dạng thức của nó có lẽ là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (xem bản dịch JB). Đây là một ví dụ về trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với các bậc cầm quyền với lý do chính đáng đó là vì họ là chức việc của Đức Chúa Trời.

13:7 NASB "Phải trả cho mọi người điều mình đã mắc: nộp thuế…đóng góp…; sợ….kính"
NKJV "vậy phải trả cho họ tất cả điều mình đã mắc; nộp thuế…đóng góp…' sợ…kính"
NRSV "hãy trả cho mọi người điều mình mắc- thuế…; nộp lợi tức…; tôn trọng…kính"
TEV "vậy thì, hãy trả điều anh em nợ; hãy trả cho họ các thuế cá nhân và thuế tài sản, bày tỏ sự kính trọng đối với họ"
JB "hãy trả cho mỗi nhân viên chính quyền điều họ có quyền đòi hỏi- dù đó là thuế trực tiếp hay gián tiếp, sự kính sợ hay sự tôn trọng"

Điều này có thể chỉ hai nhóm chính quyền dân sự (bản RSV), nhưng có lẽ điều nó muốn nói đến là Cơ đốc nhân cần phải nộp thuế và bày tỏ sự kính trọng đối với các bậc cầm quyền bởi vì họ thi hành công việc như những chức việc của Đức Chúa Trời (câu 1, 4 [hai lần], 6; Ma-thi-ơ 22: 15-22).

Hai từ ngữ "thuế' và "thủ tục' được dùng đồng nghĩa với nhau ở đây (mặc dù bản TEVcó đưa ra sự phân biệt này). Nếu phân tích theo ý nghĩa từ ban đầu (ý nghĩa nguyên thủy), thì chữ đầu chỉ các loại thuế trả bởi một quốc gia bị chinh phục (Lu-ca 20:22), còn chữ còn lại chỉ các loại thuế cá nhân (Ma-thi-ơ 17:25; 22:17, 19).

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CỦA RÔ-MA 13:8-14

A. Có thể hiểu được phân đoạn Rô-ma 13:1-7 trong ngữ cảnh riêng của nó. Tuy nhiên, chủ từ của động từ "mắc nợ" trong câu 7 dường như được tiếp tục trong một ý nghĩa khác trong câu 8. Người tin Chúa mắc trách nhiệm với chính quyền; người tin Chúa cũng mắc nợ những con người khác.

B. Câu 8-10 là một ý tưởng thống nhất, cũng giống như câu 11-14. Chúng tiếp tục phần bàn luận trong chương 12 về trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với những người xung quanh.

C. Việc Phao-lô dùng Mười điều răn của Cựu ước như một sự hướng dẫn luân lý cho những người tin Chúa thuộc về Điều răn mới cho thấy sự hợp lý được tiếp diễn của Cựu ước trong lãnh vực sống đạo một cách tin kính (sự nên thánh). Dường như Phao-lô đã lượm lặt kết hợp nhiều nguồn khác nhau để xây dựng nên những chỉ dẫn về đạo đức này:
   1. Lời nói của Chúa Jêsus
   2. Sự dẫn dắt của Thánh Linh
   3. Kinh thánh Cựu ước

4. Sự đào luyện của Phao lô để trở thành các rabi
5. Sự hiểu biết của ông về các tư tưởng gia Hy-lạp (đặc biệt là nhóm Soics)

Điều này diễn tả các bản chất của "luật yêu thương" – tình yêu cho Đức Chúa Trời, tình yêu cho các đồng loại, phục sự Đức Chúa Trời và phục vụ con người!

D. Câu 11-14 mang khuynh hướng lai thế học (thời kỳ cuối cùng). Sự tương phản sáng và tối là điểm đặc trưng trong văn chương của người Do thái, trong đó có Cuộn biển chết. Điều này cũng khá phổ biến trong văn thơ của Giăng và Phao-lô. Sự giằng co "đã rồi" "nhưng chưa" trong cuộc sống Cơ đốc nhân là một sự thúc đẩy vươn tới một nếp sống tin kính. "Thời đại mới" (Vương quốc Đức Chúa Trời) đã lên ngôi và sẽ sớm đạt đến đỉnh cao. Đoạn này rất giống với I Tê-sa-lô-ni-ca 5:1-11.

E. Câu 13-14 đã đem đến ảnh hưởng làm thay đổi cuộc sống của Augustine vào mùa hè năm 386 sau Công nguyên. Trong cuốn, *Lời xưng tội*, 8:29, ông nói "Không phải đọc tiếp nữa, cũng không cần gì khác nữa, ngay ở cuối câu này, một luồng sáng trong vắt như tràn ngập tim tôi, tất cả những bóng tối nghi ngờ đã tan biến đi."

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

13: 8-10 (BẢN NASB)
8 **Đừng mắc nợ ai chi hết, chỉ mắc nợ về sự yêu thương nhau mà thôi, vì ai yêu kẻ lân cận mình, ấy là đã làm trọn luật pháp.**9 **Vả, những điều răn nầy: Ngươi chớ phạm tội tà dâm, chớ giết người, chớ trộm cướp, chớ tham lam, mà mọi điều răn khác nữa, bất luận điều nào, đều tóm lại trong một lời nầy: Ngươi phải yêu kẻ lân cận mình như mình.**10 **Sự yêu thương chẳng hề làm hại kẻ lân cận; vậy yêu thương là sự làm trọn luật pháp.**

13:8 "Đừng mắc nợ ai chi hết" Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH thường mang ý nghĩa ngưng một hành động đang diễn ra. Cụm từ nhấn mạnh này có hai PHỦ ĐỊNH. Điều này có thể liên quan đến vấn đề thuế (câu 6-7). Món nợ tài chính luôn đem đến sự tiêu hao về xúc cảm và có nguy cơ dẫn đến sự kiệt quệ về tâm linh. Hãy coi chừng tinh thần thế gian. Nó làm cho người tin Chúa không còn có khả năng ủng hộ cho các hoạt động Cơ đốc và các chương trình thiện nguyện cá nhân. Tuy nhiên, câu này <u>không thể</u> được sử dụng như là bằng chứng Kinh thánh cho việc phủ nhận việc dùng "thẻ tín dụng cho người tiêu dùng" ("consumer credit"). Kinh thánh phải được giải nghĩa theo thời điểm của nó. Nó không phải là một tờ báo buổi sáng của Mỹ! Câu 8-10 nhấn mạnh sự ưu tiên phải yêu mến lẫn nhau (1) như anh em trong giao ước (Giăng 13:34-35; Ma-thi-ơ 22:39-40); và (2) như những con người với nhau (Ma-thi-ơ. 5:42; Ga-la-ti 6:10).

▣ **"ngoại trừ phải yêu mến lẫn nhau"** Đây là ý tưởng chìa khóa trong câu 8-10 (Giăng 13:34; 15:12; Rô-ma 12:10; I Cô-rinh-tô 13; Phi-líp 2:3-4; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:9; Hê-bơ-rơ 13:1; II Phi-e-rơ 1:7; I Giăng 3:11; 4:7, 11-12).

▣ **"ai yêu kẻ lân cận mình"** ĐỘNG TỪ này là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI. Điều này không chỉ những hành động yêu thương lẻ tẻ, theo mùa, nhưng là một nếp sống mang tình yêu giống như Đấng Christ.

Chữ "người lân cận" theo nghĩa đen là "một cái/người khác thuộc loại khác" (*heteros*), mặc dù sự phân biệt giữa *heteros* và *allos* (một cái/người khác thuộc cùng một loại) được chia ra trong tiếng Hy-lạp phổ thông. Theo ngữ cảnh, điều này chỉ người lân cận, theo ý nghĩa rộng nhất, có thể là người tin Chúa hay người chưa tin Chúa (12:14-21; Lu-ca 10:25-37). Tuy vậy, câu trích từ Lê-vi-ký 19:18, theo ngữ cảnh này, chỉ một người khác trong giao ước (một người Y-sơ-ra-ên anh em).

Cơ đốc nhân cần phải yêu thương các Cơ đốc nhân khác như anh em và những người hư mất như những người sẽ có thể là anh em. Cơ đốc giáo là một gia đình. Mỗi thành viên sống và phục vụ cho sự lớn mạnh của cái toàn thể (I Cô-rinh-tô 12:7).

▣ NASB, NKJV, NRSV "đã làm trọn luật pháp"
TEV "đã vâng phục luật pháp"
JB "đã thực hiện bổn phận của mình"

Động từ Hy-lạp (*pleroo*) thông dụng này có thể được dịch theo nhiều cách. Nó ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH, có thể được dịch là "nó đã và đang tiếp tục được làm trọn." Robert Hanna trong cuốn *A Grammatical Aid to The Greek New Testament*, trích A.T. Robertson và gọi nó là "dạng hoàn thành tri thức (chỉ một lẽ thật thông thường, phổ biến được nhận biết bởi những người nhận thư)" (trang 28). Nó được lặp lại trong câu 10 (Ga-la-ti 5:14; 6:2).

13:9 Không phải là điều lạ khi Phao-lô dùng Luật Môi-se (Xuất Ê-díp-tô ký 20:13-17 hay Phục truyền luật lệ ký 5:17-21 và Lê-vi-ký 19:18) để động viên những người tin Chúa trong Giao ước mới. Trong Ê-phê-sô 6:2-3, Phao-lô cũng sử dụng một trong Mười điều răn như là một động cơ thúc giục các Cơ đốc nhân (I Ti-mô-thê 1:9-10). Bản văn Cựu ước này không phải là phương tiện đem đến sự cứu rỗi nhưng nó vẫn là ý chỉ mặc khải của Đức Chúa Trời để cho biết con người phải đối xử với Chúa và với nhau như thế nào (Rô-ma 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6, 11). Rất có thể việc trích ra từ Cựu ước là cách Phao-lô dùng để liên hệ đến cả người tin Chúa là người Do thái và người tin Chúa ngoại bang trong hội thánh Rô-ma. Việc sử dụng từ "làm trọn" cũng liên hệ đến sự bàn về luật pháp của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 5:17.

Có thể từ này chỉ đến luật pháp nói chung, các nề nếp xã hội, nhưng không phải là Luật Môi se (xem bản JB). Tuy nhiên, việc Phao-lô sử dụng Cựu ước trong câu 9 hàm ý liên hệ đến Luật Môi se. Để ý là chỉ có tình yêu thương, chứ không phải việc giữ luật pháp của con người, là điều có thể làm trọn Luật pháp!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔI SE

A. Nó là điều tốt lành và đến từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:12, 16).
B. Nó không phải là đường dẫn đến sự công bình để được Đức Chúa Trời chấp nhận (nó thậm chí có thể là một sự nguyền rủa, Ga-la-ti 3).
C. Nó vẫn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho người tin Chúa bởi vì nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời (Phao-lô thường trích Cựu ước để cáo trách và/hoặc khích lệ người tin Chúa)
D. Người tin Chúa được cung cấp thông tin từ Cựu ước (Rô-ma 4:23-24; 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6,11), nhưng không được cứu bởi Cựu ước (Công vụ 15; Rô-ma 4; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ)
E. Nó thực hiện chức năng trong Giao ước mới để:
   1. Chỉ tội lỗi (Ga-la-ti 3:15-29)
   2. Hướng dẫn những người được cứu trong xã hội
   3. Cung cấp thông tin cho các quyết định đạo đức Cơ đốc

Chính dãy quan điểm thần học quá rộng này từ sự nguyền rủa và bỏ qua đến sự chúc phước và bất di của nó đã gây ra sự khó khăn trong việc nỗ lực tìm hiểu quan điểm của Phao-lô về Luật Môi se. Trong cuốn *A Man in Christ*, James Stewart cho thấy lối suy nghĩ và các bài viết đầy nghịch lý của Phao-lô:

> "Thông thường chúng ta mong đợi người tự kiến tạo nên một hệ thống tư tưởng và tín lý sẽ sửa chữa một cách gắt gao nhất ý nghĩa của những thuật ngữ mà người đó dùng. Chúng ta mong đợi người này hướng đến việc dùng các từ ngữ một cách thật chính xác để trình bày các ý tưởng chủ đạo của mình. Chúng ta đòi hỏi một từ ngữ, một khi đã được người viết sử dụng trong một ý nghĩa đặc biệt, sẽ luôn mang ý nghĩa đó một cách xuyên suốt. Nhưng tìm kiếm điều này nơi Phao-lô là một điều gây thất vọng. Hầu hết các lối diễn tả từ ngữ của ông đều rất lỏng lẻo, không cứng ngắc…Ông viết "luật pháp là thánh" "tôi ưa thích luật pháp Đức Chúa Trời sau con người bên trong (Rô-ma 7:12, 22) nhưng rõ ràng có một khía cạnh khác của *nomos* khiến cho ông nói ở trong một chỗ khác như vầy, "Đấng Christ đã cứu chúng ta khỏi lời nguyền của luật pháp (Ga-la-ti 3:13)" (trang 26).

▣ **"Vì điều này"** Điều này chỉ Mười điều răn. Thứ tự trong bản liệt kê nửa phần còn lại của Mười điều răn đi theo bản Hy-lạp B, gọi là Vaticanus. Nó có một chút khác biệt với Xuất Ê-díp-tô ký 20 và Phục truyền luật lệ ký 5 trong bản Hê-bơ-rơ Masoretic. Phân nửa còn lại của Mười điều răn đề cập đến mối liên hệ của những người Y-sơ-ra-ên với nhau dựa trên mối liên hệ của họ với Đức Giê-hô-va.

▣ **"và nếu có một điều răn nào khác"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thể trở thành sự thật từ quan điểm của người nói hoặc mang ý nghĩa tu từ. Có những điều răn khác. Cụm từ này hàm ý "nếu có một điều răn nào khác ngoài Mười điều răn." Nói cách khác, điều này tóm tắt tất cả luật Môi-se hoặc có thể là "luật pháp" nói chung.

Có một sự khác biệt trong các bản truyền thống tiếng Hy-lạp về việc Mười điều răn này được liệt kê bao nhiêu và trong thứ tự nào. Do thái giáo có một cách cho số; Công giáo và Tin lành cũng có các cách đặt số khác nhau. Ý nghĩa của đoạn văn này không bị ảnh hưởng bởi những khác biệt này, là điều đúng với số đông các dị bản.

▣ **"nó được tóm lại trong lời này"** Đây là câu trích từ Lê-vi-ký 19:18. Nó được trích một vài lần trong các sách Phúc âm (Ma-thi-ơ. 5:43; 19:19; 22:39; Mác 12:31 và Lu-ca 10:27). Chúa Jêsus gọi đó là điều răn lớn thứ hai. Nó cũng được trích trong Ga-la-ti 5:14 và Gia-cơ 2:8. Khi một người yêu Chúa thì người đó cũng yêu điều Ngài yêu- con người được tạo nên theo ảnh tượng của Ngài.

▣ **"NGƯƠI PHẢI YÊU KẺ LÂN CẬN NHƯ MÌNH"** Người tin Chúa cần phải yêu chính mình như Chúa yêu họ trước khi họ có thể yêu thương và chấp nhận người khác. Sự yêu thương chính mình một cách đúng đắn không phải là điều ác. Lẽ thật chính của phần này được phát biểu một cách rõ ràng- hãy yêu những người xung quanh (câu 10). Những người được tình yêu hi sinh tự phó mình của Đức Chúa Trời đụng đến cũng sẽ yêu người khác cách như vậy. Đây là mấu chốt của sự giống với Đấng Christ (ảnh tượng được phục hồi của Đức Chúa Trời). Khi có sự hiện diện của tình yêu thương như vầy thì không còn cần "luật pháp."

13: 11-14 (BẢN NASB)
11 **Hãy ăn ở như vậy, vì biết thời kỳ đương lúc chúng ta đây: giờ anh em từ ngủ thức dậy đã đến, bởi sự cứu hiện nay đã gần chúng ta hơn lúc chúng ta mới tin.**12 **Đêm đã khuya, ngày gần đến; vậy chúng ta hãy lột bỏ những việc tối tăm mà mặc lấy áo giáp sáng láng.**13 **Hãy bước đi cách hẳn hoi như giữa ban ngày. Chớ nộp mình vào sự quá độ và say sưa, buông tuồng và bậy bạ, rầy rà và ghen ghét;**14 **nhưng hãy mặc lấy Đức Chúa Jêsus Christ, chớ chăm nom về xác thịt mà làm cho phỉ lòng dục nó.**

13:11 NASB "hãy làm điều này"
NKJV "và hãy làm điều này"
NRSV "Ngoài điều này"
TEV "Anh em phải làm điều này"
NJB "Ngoài ra"

Đây là cách kết nối phần sau (câu 11-14) với phần trước (câu 8-10). Hãy trở nên người làm theo lời Chúa, chứ không phải chỉ nghe! Tình yêu thương phải được thể hiện bằng hành động.

▣ **"biết thời kỳ"** Đây là thể ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH. Chữ 'thời kỳ' (*kairos*) được dùng trong ý nghĩa một thời kỳ đặc biệt nào đó, chứ không phải thời gian bình thường (*chronos*). Người tin Chúa phải sống trong trạng thái Chúa có thể trở lại trong bất cứ thời điểm nào.

▣ **"rằng nó đã là thời giờ"** Biểu tượng "thời giờ" (được dùng trong Phúc âm Giăng) chỉ một thời điểm đặc biệt (giống với *kairos*) trong chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời (3:26; I Cô-rinh-tô 7:29; 10:11;

Gia-cơ 5:8; I Phi-e-rơ 4:7; II Phi-e-rơ 3:9-13; I Giăng 2:18; Khải huyền 1:3; 22:10). Nó được dùng cả cho thời điểm Chúa Jêsus bị đóng đinh và khi Ngài trở lại.

▣ **"ngủ"** Thuật ngữ này dùng để hình bóng về sự tình trạng xao lãng về đạo đức và tâm linh (Ê-phê-sô 5:8-14; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:6). Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh cụ thể. Nên cẩn trọng đối với một định nghĩa cứng nhắc. Tất cả các từ ngữ đều có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau (trong lãnh vực ngữ nghĩa học).

▣ **"vì bây giờ sự cứu rỗi đã gần hơn"** Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu và là một tiến trình. Xin xem chủ đề đặc biệt ở câu 10:13. Sự cứu rỗi sẽ không trọn vẹn cho đến khi người tin Chúa có thân thể mới (I Giăng 3:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18; Hê-bơ-rơ 9:28; I Phi-e-rơ 1:5). Về mặt thần học, điều này gọi là "sự làm cho vinh hiển" (Rô-ma 8:30). Đây là niềm trông cậy của mỗi thế hệ Cơ đốc nhân mong đợi Chúa Jêsus trở lại trong thời của mình (Lu-ca 21:28). Phao-lô cũng không phải là một ngoại lệ (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:15).

▣ **"trước khi chúng ta tin"** Cơ đốc giáo bắt đầu từ một quyết định (sự xưng công bình và làm nên thánh tức thì), nhưng phải đem đến kết quả là một nếp sống tin kính (sự làm nên thánh tiệm tiến) và kết thúc trong sự giống Đấng Christ (sự làm cho vinh hiển). Con người phải nhận lấy sự ban cho của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ (Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13). Quyết định ban đầu này không phải là hết, nó chỉ là sự khởi đầu!

13:12 "Đêm đã gần hết" Điều này chỉ thời ác hiện tại là điều đã bị hủy diệt và thay thế (I Cô-rinh-tô 7:29-30; 10:11; Gia-cơ 5:8; I Phi-e-rơ 4:7; II Phi-e-rơ 3:9, 11; I Giăng 2:18; Khải huyền 1:3; 22:10). Xin xem chủ đề đặc biệt ở câu 12:2.

▣ **"Ngày gần đến"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH. Đây là những ngày cuối cùng (Phi-líp 4:5; Gia-cơ 5:9). Chúng ta đã đang ở trong những ngày cuối cùng kể từ khi Chúa Jêsus nhập thế. Những ngày này sẽ chấm dứt trong ngày trở lại vinh quang của Ngài. Mọi người tin Chúa kể từ thế kỷ thứ nhất đều sẽ ngạc nhiên bởi một sự trì hoãn lâu như vậy trong ngày Đấng Christ trở lại. Tuy nhiên, thời kỳ mới đã ló dạng trong Đấng Christ.

▣ **"lột bỏ…mặc lấy"** Những động từ này ở dạng BÀN THÁI CÁCH TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE SUBJUNCTIVE), là dạng lưu ý sự bất ngờ. Hàm ý của nó là "chính anh em phải lột bỏ…mặc lấy một lần đủ cả hoặc một cách dứt khoát." Cả Chúa và con người đều tích cực trong sự xưng công bình (sự ăn năn và đức tin) và sự nên thánh (nếp sống tin kính). Hình ảnh mặc lấy điều gì đó rất phổ biến trong các thư của Phao-lô. Người tin Chúa phải cởi bỏ bộ đồ ngủ của mình mà mặc lấy binh phục cho chiến trận (Ê-phê-sô 4:22-25; col. 3:10, 12, 14). Chúng ta là những người lính Cơ đốc chuẩn bị cho các cuộc chiến thuộc linh hằng ngày (Ê-phê-sô 6:10-18).

▣ **"áo giáp sự sáng"** Có lẽ điều này ám chỉ Ê-sai 59:17. Người tin Chúa cần phải dứt khoát mặc lấy áo giáp và vũ khí công bình (II Cô-rinh-tô 6:7; 10:4; Ê-phê-sô 6:11, 13; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8). Binh khí của Đức Chúa Trời có sẵn cho người tin Chúa nhưng họ phải (1) nhận biết nhu cầu của mình; (2) nhận biết sự chu cấp của Đức Chúa Trời; và (3) có chủ ý một cách cá nhân thực hiện nó trong đời sống và tư tưởng hằng ngày của họ. Có một cuộc chiến thuộc linh hằng ngày!

13:13 "Hãy hành động đúng đắn" Đây là dạng BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE SUBJUNCTIVE), theo nghĩa đen nghĩa là "bước đi." Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ về nếp sống. Phao-lô dùng nó hơn 33 lần.

Bản liệt kê tội lỗi trong câu này bao gồm 3 cặp từ hai từ ngữ. Những từ này có sự trùng lấp về ngữ nghĩa. Có thể chúng nhắm đến sự đồng nghĩa. Xin xem chủ đề đặc biệt ở câu 1:28-32 chủ đề "Các tật xấu và tính tốt"

Những từ này liên hệ đến sự mâu thuẫn giữa những người tin Chúa người Do thái và người ngoại trong hội thánh Rô-ma. Những người tin Chúa người ngoại mới có lẽ vẫn tiếp tục (1) các tập tục thờ phượng ngoại giáo vô luân hoặc là (2) cư xử kiêu ngạo chống lại các lãnh đạo người Do thái mới trở lại, những người đã ra đi trong thời gian nhắn bởi chiếu chỉ của Claudius cấm tất cả các cuộc tụ tập và lễ nghi của người Do thái tại Rô-ma.

▣ **"quá độ và say sưa"** Điều này chỉ sự luông tuồng tình dục liên hệ đến các nghi lễ tôn giáo ngoại giáo dẫn đến sự say sưa. Trong danh mục các tội lỗi của xác thịt trong Ga-la-ti 5:21, những từ này cũng được liệt kê kế nhau.

▣ **"buông tuồng và bậy bạ"** Cặp này có vẻ trùng lắp cặp trước. Từ thứ hai này được dùng rộng rãi trong Tân ước (Mác 7:22; II Cô-rinh-tô 12:21; Ga-la-ti. 5:19; Ê-phê-sô. 4:19; I Phi-e-rơ 4:3; II Phi-e-rơ 2:7). Nếu cặp đầu tập trung vào sự say sưa, thì cặp này tập trung vào sự vô luân tình dục, ngay cả sự bỏ mặc cho tình dục không được kiềm chế trong xã hội.

▣ **"rầy rà và ghen ghét"** Những chữ này nói đến sự xích mích giữa con người với nhau (Ga-la-ti 5:20). Đây có lẽ là kết quả của những hành động không chính đáng trong hai cặp từ trước. Nếu điều này nhằm nói đến các Cơ đốc nhân (I Cô-rinh-tô 3:3; Cô-lô-se 3:8), thì chúng phản ánh một số tập tục tôn giáo ngoại giáo phải được chấm dứt trong cuộc sống của những người tin Chúa. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này câu này là một sự tương phản đối với người tin Chúa, vậy trong ý nghĩa đó, nó là một lời cảnh cáo.

13:14 "hãy mặc lấy Đấng Christ" Hình ảnh này liên hệ đến y phục hoàng gia của Chúa Jêsus giờ đây được khoác lên vai của những người tin Chúa (sự nên thánh địa vị). Một số học giả cho đó là sự ám chỉ chiếc áo báp têm. Hình ảnh mặc áo được nêu lên đầu tiên trong câu 12. Đó là cách bày tỏ vị trí mới của người tin Chúa trong Đấng Christ. Nó cũng nhấn mạnh lẽ thật về việc người tin Chúa phải thực hiện sự lựa chọn nếp sống mới của họ (sự nên thánh tiệm tiến) bởi vị trí mới của họ trong Đấng Christ (Ê-phê-sô 4:22, 24; Cô-lô-se 3:8). Trong Ga-la-ti 3:27 lẽ thật này được bày tỏ qua một câu tuyên bố sự kiện, câu CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE); ở đây nó được thể hiện như một MỆNH LỆNH (IMPERATIVE AORIST MIDDLE).

Sự giằng co giữa câu CHỈ ĐỊNH và câu MỆNH LỆNH là sự giằng co giữa địa vị của chúng ta trong Đấng Christ và sự cố gắng của chúng ta để có được địa vị đó. Chúng ta là "các thánh" (những người thánh) ngay tại thời điểm của sự cứu rỗi, nhưng chúng ta được khuyên dạy phải trở nên "thánh." Đây là nghịch lý trong Kinh thánh về một sự cứu rỗi toàn vẹn và miễn phí trong Đấng Christ và sự kêu gọi như tiếng kèn thổi về việc trở nên giống với Đấng Christ hơn!

▣ **"đừng chăm nom"** Đây là thể MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI với tiền tố PHỦ ĐỊNH. Dạng ngữ pháp này thường có nghĩa là ngưng một hành động đang diễn ra. Điều này hàm ý rằng một số Cơ đốc nhân tại Rô-ma vẫn đang sống cuộc sống vô luân không thích hợp. Đây có thể là tàn dư của các tập tục thờ phượng ngoại giáo.

Rất khó giải thích những lời dạy của Tân ước về Cơ đốc giáo xác thịt. Các trước giả Tân ước phơi bày tình trạng của con người bằng những thuật ngữ trắng đen rõ ràng. Một Cơ đốc nhân xác thịt là một sự mâu thuẫn về từ ngữ. Nhưng nó lại là thực tế của cuộc sống "đã rồi" "nhưng chưa" của chúng ta. Phao-lô liệt kê con người vào 3 nhóm (I Cô-rinh-tô 2:14-3:1): (1) người thiên nhiên (nhân loại hư mất), 2:14; (2) người thiêng liêng (nhân loại được cứu), 3:1; và (3) người xác thịt (Cơ đốc nhân xác thịt hay con đỏ), 3:1.

▣ **"xác thịt trong phương diện những tham dục của nó"** Phao-lô biết quá rõ những nguy hại tiếp diễn trong bản chất A-đam hư hoại của chúng ta (Rô-ma 7; Ê-phê-sô 2:3), nhưng Chúa Jêsus ban cho chúng ta quyền năng và ước muốn sống cho Đức Chúa Trời (Rô-ma 6). Đây là một sự tranh đấu lâu dài (8:5-7; I Giăng 3:6-9).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao các tuyên bố của Phao-lô về chính quyền lại có tính thái quá đối với những Cơ đốc nhân thời kỳ ban đầu?
2. Cơ đốc nhân có nên vâng phục mọi hình thức chính quyền hay không?
3. Cơ đốc nhân có nên vâng phục mọi đòi hỏi pháp lý của một chính quyền hay không?
4. Có phải câu 1 dạy về quyền thiêng liêng của các vua hay không?
5. Có phải Phao-lô vỡ đất mới về mặt thần học hay có một tiền đề trước đó của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 22:21?
6. Sự bất tuân về mặt dân sự có bao giờ được xem là có thể được đối với Cơ đốc nhân hay không (Công vụ 5:25-32)?
7. Câu 4 liên hệ ra sao đến vấn đề án tử hình?
8. Có phải lương tâm của Cơ đốc nhân lúc nào cũng đúng (câu 5)?
9. Dựa trên câu 8, người tin Chúa có nên có thẻ tín dụng hay không?
10. Câu 8 nói đến tình yêu thương của chúng ta dành cho các Cơ đốc nhân khác hay cho tất cả mọi người?
11. Tại sao Phao-lô dùng Mười điều răn như là động cơ thúc đẩy các tín hữu thời Tân ước?
12. Tại sao Phao-lô liệt kê những tội lỗi ghê sợ như vậy liên quan đến những người tin Chúa?
13. Làm thế nào một người có thể "mặc lấy Chúa Jêsus Christ?"

RÔ-MA ĐOẠN 14

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Đừng xét đoán anh em mình	Luật tự do	Tình yêu tôn trọng sự do dự của người khác	Đừng xét đoán người khác	Rộng lượng với những người do dự
14:1-12	14:1-13	14:1-4 14:5-6 14:7-9 14:10-12	14:1-4 14:5-12	14:1-12
Đừng làm anh em mình vấp ngã	Luật yêu thương		Đừng làm người khác vấp ngã	
14:13-23		14:13-23	14:13-18	14:13-15
	14:14-23			
				14:16-21
			14:19-23	
				(14:22-15:6) 14:22-23

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 1-12

A. Chương này tìm cách cân bằng nghịch lý về sự tự do và trách nhiệm của người Cơ đốc. Đơn vị ngữ văn này xuyên suốt đến câu 15:13.
B. Vấn đề làm 'kết tủa' chương này có lẽ là sự căng thẳng giữa người ngoại và người Do thái tin Chúa trong Hội thánh Rô-ma (hay có thể là kinh nghiệm hiện tại của Phao-lô tại Cô-rinh-tô). Trước khi cải đạo, người Do thái có khuynh hướng tôn sùng luật pháp còn người ngoại có khuynh hướng vô luân. Nên nhớ rằng đoạn này viết cho những người theo Chúa chân thật. Đoạn này không viết cho những người tin Chúa theo xác thịt (I Cô-rinh-tô 3:1). Động cơ tối hậu là nhằm đề cập đến cả hai nhóm. Sự quá khích ở cả hai phía đều có thể gây ra sự nguy hiểm. Phần thảo luận này không phải là giấy phép để xoi bói chỉ trích tính tôn sùng luật pháp hay giương cao ngọn cờ tự do.

C. Người tin Chúa nên cẩn thận không nên áp đặt thần học hay luân lý của mình làm tiêu chuẩn cho tất cả những người tin Chúa khác (II Cô-rinh-tô 10:12). Người tin Chúa phải bước đi trong ánh sáng họ có nhưng phải hiểu rằng thần học của họ không phải tự động trở thành thần học của Đức Chúa Trời. Họ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi tội lỗi. Chúng ta phải khích lệ, khuyến khích, và khuyên dạy nhau từ Kinh thánh, sự lý luận, và kinh nghiệm, nhưng phải luôn làm điều này trong tình yêu thương. Một người càng biết nhiều bao nhiêu, họ càng biết rằng họ không biết được bao nhiêu (I Cô-rinh-tô 13:12)!

D. Thái độ và động cơ của một người trước mặt Đức Chúa Trời là chìa khóa thật để lượng giá hành động của họ. Người Cơ đốc sẽ đứng trước mặt Đấng Christ để bị phán xét dựa trên cách họ đối xử lẫn nhau (câu 10, 12, và II Cô-rinh-tô 5:10).

E. Martin Luther nói rằng, "Một người Cơ đốc là người chủ tự do nhất về mọi mặt, không phải thuận phục một người nào hay một điều gì; một người Cơ đốc là một đầy tớ đầy trọng trách, phải thuận phục mọi người." Lẽ thật Kinh thánh thường được trình bày dưới dạng một nghịch lý đầy tính giằng co.

F. Chủ đề rất khó nhưng quan trọng này được trình bày trong toàn bộ đơn vị ngữ văn này từ Rô-ma 14:1-15:13 và cũng có trong I Cô-rinh-tô 8:10 và Cô-lô-se 2:8-23.

G. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự đa dạng trong vòng những người tin Chúa không phải là điều xấu. Mỗi người tin Chúa đều có những điểm mạnh và điểm yếu. Mỗi người phải bước đi trong ánh sáng đã có cho mình và phải luôn cởi mở đối với sự hướng dẫn của Thánh Linh và Kinh thánh để nhận thêm ánh sáng. Trong thời kỳ chúng ta nhìn sự việc 'như trong một cái gương cách mập mờ này' (I Cô-rinh-tô 13:8-13), mỗi người phải bước đi trong tình yêu thương (câu 15), và sự hòa bình (câu 17, 19) để cùng gây dựng lẫn nhau.

H. Những tựa đề "người mạnh" và "kẻ yếu" mà Phao-lô đặt cho hai nhóm này làm cho họ có thành kiến đối với <u>chúng ta</u>. Đây rõ ràng không phải là chủ ý của Phao-lô. Cả hai nhóm này đều là những tín hữu thành thật. Chúng ta không tìm cách để thay đổi các Cơ đốc nhân khác để giống như chúng ta! Chúng ta chấp nhận nhau trong Christ!

I. Toàn bộ phần bàn luận này có thể được trình bày như sau:
   a. Tiếp nhận nhau bởi vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận chúng ta trong Đấng Christ (14:1, 3; 15:7);
   b. Đừng đoán xét nhau vì Đấng Christ là chủ và là quan xét duy nhất của chúng ta (14:3-12)
   c. Tình yêu thương quan trọng hơn là sự tự do cá nhân (14:13-23);
   d. Theo gương Đấng Christ và từ bỏ quyền lợi của mình để gây dựng cho lợi ích chung (15:1-13).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

14:1-4 (BẢN NASB)
1 Hãy bằng lòng tiếp lấy kẻ kém đức tin, chớ cãi lẫy về sự nghi ngờ.2 Người nầy tin có thể ăn được cả mọi thứ; người kia là kẻ yếu đuối, chỉ ăn rau mà thôi.3 Người ăn chớ khinh dể kẻ không ăn; và người không ăn chớ xét đoán kẻ ăn, vì Đức Chúa Trời đã tiếp lấy người.4 Ngươi là ai mà dám xét đoán tôi tớ của kẻ khác? Nó đứng hay ngã, ấy là việc chủ nó; song nó sẽ đứng, vì Chúa có quyền cho nó đứng vững vàng.

14:1 NASB "Bây giờ hãy tiếp lấy"
NKJV "Hãy tiếp nhận"
NRSV, TEV "Hãy tiếp rước"
NJB "Hãy tiếp rước"

Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE) (15:1). Đây là mạng lệnh liên tục nhắm vào chủ đề này. ĐẠI TỪ "anh em" có trong ĐỘNG TỪ tiếng Hy-lạp, nhưng chỉ được hiểu ngầm trong tiếng Anh và chỉ những Cơ đốc nhân 'mạnh mẽ' (15:1). Điều này hàm ý chỉ hai nhóm trong Hội thánh Rô-ma. Nó có thể liên hệ đến (1) sự căng thẳng giữa người người Do thái và người ngoại tin Chúa (15:7-21) hoặc là (2) các loại cá tính khác nhau. Toàn bộ ngữ cảnh này nói đến những người tin Chúa chân thành, một số mạnh, một số yếu đuối trong đức tin. Đức tin được dùng ở đây trong ý nghĩa hiểu biết Phúc âm và những ứng dụng đem đến sự đổi mới và giải phóng hoàn toàn.

▣ **NASB, NKJV "những người yếu đuối trong đức tin"**
NRSV, TEV "những người yếu đuối trong đức tin"
JB "nếu đức tin của một người nào đó không mạnh đủ"

Cụm từ này được nhấn mạnh bằng cách được đặt ở đằng trước trong bản văn Hy-lạp. Theo nghĩa đen, nó là "yếu đuối trong đức tin." THÌ HIỆN TẠI tập trung vào ý nghĩa cho rằng đó là tính cách của một lối sống. Nó chỉ cách suy nghĩ theo ý nghĩa tôn sùng luật pháp. Những Cơ đốc nhân quá cẩn trọng được mô tả trong chương này qua ba cách (1) sự cấm kỵ trong thức ăn (14:2, 6, 21); (2) chú trọng đến ngày tháng (14:5-6) và (3) kiêng cử rượu (14: 17, 21). Kiểu người này cũng được đề cập đến trong Rô-ma 15:1 và I Cô-rinh-tô 8:9-13; 9-22. Nên cẩn trọng đừng vội liệt kê chính mình vào nhóm những Cơ đốc nhân mạnh mẽ hay những Cơ đốc nhân yếu đuối. Thông thường những người tin Chúa có thể mạnh trong lãnh vực này nhưng lại yếu đuối trong lãnh vực khác.

Cách nhìn của Phao-lô đối với những vấn đề này rất khác nhau trong Ga-la-ti 4:9-10 và Cô-lô-se 2:16-23. Những đoạn này phản ánh thái độ và sự dạy dỗ của những giáo sư giả. Trong thư Rô-ma những người này là những người tin Chúa thật nhưng có một lương tâm quá cẩn trọng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ YẾU ĐUỐI

Đây là sự tương phản. Trong khi những giáo sư giả khoe khoang bằng cấp và tài hùng biện bay bướm, thì Phao-lô biết giá trị của 'sự yếu đuối" (*astheneo*). Hãy để ý những từ ngữ này (và một vài biến dạng của chúng) được sử dụng khá thông thường trong I và II Cô-rinh-tô.

Khoe khoang	**Yếu đuối**
I Cô-rinh-tô 1: 29, 31	I Cô-rinh-tô 1:25, 27
3:21	2:3
4:7	4:10
5:6	8:7, 9, 10, 11, 12
9:15, 16	9:22
II Cô-rinh-tô 1:12, 14	11:30
5:12 (hai lần)	12:22
7:4, 14 (hai lần)	15:43
8:24	II Cô-rinh-tô 10:10
9:2,3	11:21, 29, 30
10:8, 13, 15, 16, 17	12:5, 9, 10 (hai lần)
11:12, 16, 17, 18, 30	13:3, 4 (hai lần), 9
12:1, 5, 6, 9	

Phao-lô dùng khái niệm sự yếu đuối trong một số cách khác nhau

1. Sự yếu đuối [bản tiếng Việt dịch là 'sự dồ dại'] của Đức Chúa Trời, I Cô-rinh-tô 1:25
2. Yếu đuối trong thế gian, I Cô-rinh-tô 1:27
3. Sự yếu đuối và sợ hãi của Phao-lô, I Cô-rinh-tô 2:3; 9:22; II Cô-rinh-tô 11:29,30; 12:5
4. Phao-lô và đoàn truyền giáo, I Cô-rinh-tô 4:10; II Cô-rinh-tô 11:21
5. Người tin Chúa yếu đuối (Rô-ma 14:1-15:13), I Cô-rinh-tô 8:7, 9, 10, 11, 12; 9:22
6. Sự đau bệnh trong thân thể, I Cô-rinh-tô 11:30
7. Các phần trong thân thể, I Cô-rinh-tô 12:22
8. Thân thể xác thịt, I Cô-rinh-tô 15:43
9. Sự hiện diện trong thân thể hay tài hùng biện của Phao-lô, II Cô-rinh-tô 10:10
10. Sự yếu đuối của Phao-lô làm nổi bật sự mạnh của Đức Chúa Trời, II Cô-rinh-tô 12:9, 10; 13:4, 9
11. Sứ điệp của Đấng Christ qua Phao-lô, II Cô-rinh-tô 13:3
12. Thân thể xác thịt của Đấng Christ, II Cô-rinh-tô 13:4

▣ **NASB "nhưng không nhằm mục đích đưa ý kiến đoán xét"**
NKJV "nhưng không phải tranh cãi những chuyện gây nghi ngờ"
NRSV "nhưng không phải nhằm mục đích tranh cãi ý kiến với nhau"
TEV "nhưng không phải cãi với họ về ý kiến cá nhân của họ"
JB "mà không gây sự tranh cãi"

Người tin Chúa phải hoàn toàn chấp nhận các anh em khác mà họ không đồng ý và không tìm cách thay đổi họ! Điều này đòi hỏi một sự tự do của lương tâm làm nền tảng cho mối thông công này, không phải một sự đồng nhất theo cách áp đặt. Tất cả mọi người tin Chúa đều đang trong một tiến trình. Họ phải cho Thánh Linh thời gian để làm việc và nhào nặn từng người để trở nên trưởng thành, nhưng ngay cả trong sự trưởng thành đó, không phải tất cả đều đồng ý với nhau.

14:2 Vấn đề ăn uống đề cập trong câu này là nhằm mục đích tôn giáo, chứ không phải vì sức khỏe. Vấn đề thức ăn nổi lên từ hai nguồn (1) luật về thức ăn của người Do thái (Lê-vi-ký 11) hoặc là (2) thức ăn cúng cho thần tượng ngoại bang (I Cô-rinh-tô 8-10). Chúa Jêsus dạy rõ ràng rằng thức ăn không làm ô uế một con người (Ma-thi-ơ 15:10-20; Mác 7:14-23). Lẽ thật này được minh họa bởi khải tượng của Phi-e-rơ về Cọt-nây trong Công vụ 10.

14:3 "Người ăn không được khinh dể" "Không được khinh dể" là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI của từ *ezoutheneo* với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thường có nghĩa là ngưng một hành động đang tiếp diễn. "Khinh dễ" theo nghĩa đen là "xem nhẹ," "coi như không," "kể như không có giá trị" (14:10; Lu-ca 18:9; I Cô-rinh-tô 6:4; 16:11; II Cô-rinh-tô 10:10; Ga-la-ti 4:14; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20). Người tin Chúa phải đề phòng thái độ tự cho mình là công bình và coi khinh người khác. Người mạnh trong đức tin không được khinh dể người yếu.

▣ **"đoán xét"** Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) đi kèm với ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thường có ý nghĩa ngăn chặn một hành động đang diễn ra. Người yếu đức tin không được đoán xét những hành vi của các anh em mà mình không đồng ý về những vấn đề đức tin cá nhân!

▣ **"vì Đức Chúa Trời đã tiếp lấy người"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE INDICATIVE). Cũng chữ này được dịch là "tiếp nhận" trong câu 1. Nền tảng để những người tin Chúa có thể chấp nhận nhau là dựa vào việc Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (15:7) đã tiếp nhận họ. Theo ngữ cảnh này, câu 3 nói trực tiếp đến những người quá cẩn trọng, những Cơ đốc nhân yếu đuối trong đức tin.

14:4 "Ngươi là ai" Câu này mang tính nhấn mạnh trong tiếng Hy-lạp, chỉ các anh chị em yếu đuối.

▣ **"tôi tớ"** Đây là chữ *oiketes*, xuất phát từ chữ *oikos*, nghĩa là "nhà," vì thế, đây là tôi tớ hay nô lệ trong nhà (Lu-ca 16:13; Công vụ 10:7; Rô-ma 14:4; I Phi-e-rơ 2:18). Nó được dùng trong ý nghĩa này trong Bản LXX (Sáng thế ký 9:25; 27:37; 44:16, 33; 50:18). Chữ này không phải là chữ được dùng chủ yếu để chỉ tôi tớ hay nô lệ trong Tân ước, mà là chữ *doulos*.

Phao-lô lý luận rằng mỗi tín hữu là nô lệ/tôi tớ của Đấng Christ. Ngài là "Chủ" của họ và chỉ có Ngài và duy một mình Ngài mà thôi là Đấng sẽ hướng dẫn họ và bắt họ chịu trách nhiệm về tất cả những hành động và động cơ của họ (II Cô-rinh-tô 5:10).

▣ **"Nó ngã hay đứng ấy là việc chủ nó"** Theo ngữ cảnh này Phao-lô đang nói đến những người quá cẩn trọng, nhưng câu này rõ ràng chỉ cả hai nhóm. Người tin Chúa sẽ tốt hơn khi họ lấy ra cái giằm trong mắt của chính họ (Ma-thi-ơ. 7:1-15).

▣ **"nó sẽ đứng, vì Đức Chúa Trời có thể làm cho nó đứng"** Đây là một lời hứa tuyệt diệu (15:1-2; Giu-đê 24-25). Nó cũng cần phải có sự cộng tác của mỗi người (I Cô-rinh-tô 15:1-2). Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 5:2.

Có vấn đề dị bản tại điểm này. Bản NKJV theo các bản uncial D, F, G, 048 và O, và bản Vulgate, dịch là "Đức Chúa Trời" (*theos*), trong khi đó các bản P^{46}, א ,A, B, C, P dịch là "Chúa" (*kurios*). Bản UBS^4 xếp chữ "Chúa" vào loại chắc chắn (A).

14:5-9 (BẢN NASB)
5 Người nầy cho rằng ngày nầy hơn ngày khác, kẻ kia cho mọi ngày đều bằng nhau; ai nấy hãy tin chắc ở trí mình. 6 Kẻ giữ ngày là giữ vì Chúa; kẻ ăn là ăn vì Chúa, vì họ tạ ơn Đức Chúa Trời; kẻ chẳng ăn cũng chẳng ăn vì Chúa, họ cũng tạ ơn Đức Chúa Trời.7 Vả, chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà sống, cũng chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà chết;8 vì nếu chúng ta sống, là sống cho Chúa, và nếu chúng ta chết, là chết cho Chúa. Vậy nên chúng ta hoặc sống hoặc chết, đều thuộc về Chúa cả.9 Đấng Christ đã chết và sống lại, ấy là để làm Chúa kẻ chết và kẻ sống.

14:5 "Người này cho rằng ngày này hơn ngày khác" Một số người vẫn còn để ý rất nhiều về vấn đề ngày tháng trong tôn giáo (Ga-la-ti 4:10; Cô-lô-se 2;16-17). Mọi ngày đều bằng nhau và thuộc về Chúa. Không có một ngày nào đặc biệt hơn. Không có "thánh" đối với "phàm." Mọi thứ đều là thánh!

▣ **"Mỗi người đều phải tin chắc ở trí mình"** Đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE). Đây là chìa khóa đưa đến sự an tâm trong lãnh vực này. Niềm tin cá nhân của những người tin Chúa là điều tiên quyết cho những hành động của họ (câu 23), nhưng không phải là điều tiên quyết cho mọi tín hữu khác. Chúa không chui vào cái hộp hiểu biết thần học của tôi. Thần học của tôi không hẳn là thần học của chính Đức Chúa Trời!

14:6 "vì Chúa" Cụm từ theo lối TẶNG CÁCH (DATIVE) này được sử dụng 3 lần trong câu 6 và 2 lần trong câu 8. Mọi quyết định trong cách sống của những người tin Chúa thật cần phải được thực hiện "vì Chúa" (Ê-phê-sô 6:7 và Cô-lô-se 3:23), chứ không phải do sở thích cá nhân.

14:7 "vì chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà sống" Không một Cơ đốc nhân nào là một ốc đảo. Người Cơ đốc sống trước hết và trên hết là cho Chúa (câu 8). Hành vi của người tin Chúa ảnh hưởng đến người khác. Họ thuộc về một gia đình thiêng liêng lớn hơn. Vì vậy, họ phải giới hạn sự tự do cá nhân của mình trong tình yêu thương (I Cô-rinh-tô 10:24, 27-33). Họ phải cho phép người khác phát triển sự tự do cá nhân của mình. Chủ nghĩa trọng luật pháp dẫn đến sự đồng nhất về vấn đề công bình riêng là điều không phải thuộc về Đức Chúa Trời. Những lời nặng nề và quở trách thậm tệ nhất của Chúa Jêsus là nhắm vào những người Pha-ri-si theo công bình riêng.

14:8 "nếu…nếu" Đây là những câu thuộc ĐIỀU KIỆN BẬC BA có nghĩa là hành động có thể sẽ xảy ra trong tương lai. Người tin Chúa hầu việc Chúa trong mỗi một dịp tiện có thể có được và trong mọi cách (Ê-phê-sô. 6:7; Cô-lô-se 3:23)!

14:9 "Chúa của kẻ chết và kẻ sống" Những từ này nằm trong một thứ tự bất thường. Có lẽ thứ tự này phản ánh sự chết và sự sống lại của Chúa Jêsus. Hiện tại Ngài là Đấng Chủ tể cầm quyền trên cả hai lãnh vực này.

Câu này hình thành một lý luận thần học cho biết tại sao người Cơ đốc không phải sống cho chính mình nhưng cho người khác. Họ không thuộc về chính mình; họ đã được chuộc bằng một giá. Họ là tôi tớ của Chúa Jêsus, Đấng đã chết vì tội của họ để họ không còn là nô lệ cho tội lỗi nữa, nhưng cho Đức Chúa Trời (Rô-ma 6). Người tin Chúa cần phải bắt chước đời sống yêu thương phục vụ của Chúa Jêsus bằng cách làm chết đi những ham muốn cho chính mình (II Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; I Giăng 3:16).

14:10-12 (BẢN NASB)
10 **Nhưng ngươi, sao xét đoán anh em mình? Còn ngươi, sao khinh dể anh em mình? Vì chúng ta hết thảy sẽ ứng hầu trước tòa án Đức Chúa Trời.**11 **Bởi có chép rằng: Chúa phán: Thật như ta hằng sống, mọi đầu gối sẽ quì trước mặt ta, Và mọi lưỡi sẽ ngợi khen Đức Chúa Trời.**12 **Như vậy, mỗi người trong chúng ta sẽ khai trình việc mình với Đức Chúa Trời.**

14: 10 "Nhưng ngươi" Chữ này để ở đầu câu để nhấn mạnh.

▣ Hai câu hỏi trong câu 10 là trọng tâm của đoạn 14:1-12. Hai nhóm được nói đến trong câu 3 lại được thấy đối chiếu ở đây. Một nhóm thì "đoán xét," nhóm còn lại thì 'coi khinh.' Cả hai thái độ này đều không xứng hợp với "những người nô lệ"! Chính Chúa Jêsus, là Chủ của họ, mới là Người duy nhất có quyền "chỉ trích" hay "xem thường." Nếu người tin Chúa hành xử như quan tòa thì họ đã (1) truất bỏ vị trí của Đức Chúa Trời và (2) những điều họ làm chỉ là mào đầu cho những điều khác và không hoàn toàn đầy đủ.

▣ **"vì hết thảy chúng ta sẽ ứng hầu trước tòa án Đức Chúa Trời"** Lẽ thật này cũng được nói đến trong II Cô-rinh-tô 5:10. Người tin Chúa sẽ giải thích trước mặt Chúa cách họ đối xử với nhau. Chúa Jêsus sẽ là Quan tòa (Ma-thi-ơ 25:31-46).

Bản NKJV dịch là "tòa án của Đấng Christ" Các bản Hy-lạp hậu thuẫn cho bản KJV là những bản điều chỉnh ban đầu bổ túc các bản uncial Hy-lạp cổ $\aleph^2$, C^2 . Chữ *Theos* có trong bản א, B, C, D, F và G. Những người chép Kinh thánh có lẽ đã sửa lại bản Hy-lạp để cho giống với II Cô-rinh-tô 5:10. Cũng có thể họ sửa lại câu này để chống lại quan điểm lúc bấy giờ về Đấng Christ gọi là "chủ nghĩa nhận làm con nuôi" (adoptionism). Có một vài dị bản dường như đã sửa lại để làm cho nó trở nên chính thống hơn (xem Bart D. Ehrman's *The Orthodox Corruption of Scripture*, xuất bản bởi Oxford University Press, 1993), trang 90-91.

14:11 "Vì có lời chép rằng" Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). Đây là thành ngữ chuyên biệt dùng để trình bày những câu trích được linh cảm trong Cựu ước. Đây là câu ám chỉ Ê-sai 45:23, là câu cũng được trích trong Phi-líp 2:10-11.

▣ **"Như ta hằng sống"** Đây là một lời thề nguyền cũng là cách dùng chữ nói đến tên Giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH. Chữ YHWH là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE FORM) của động từ "là" trong tiếng Hê-bơ-rơ (Xuất Ê-díp-tô ký 3:14). Ngài là Đấng duy nhất sống và sống mãi. Vì vậy Ngài thề ước bởi chính sự hiện hữu của Ngài.

14:12 "vì mỗi người chúng ta sẽ khai trình việc mình trước mặt Đức Chúa Trời" Người tin Chúa sẽ bị đoán xét (II Cô-rinh-tô 5:10), và việc chỉ trích anh em mình cũng nằm trong kinh nghiệm đó. Một số bản Hy-lạp cổ bỏ chữ "trước mặt Đức Chúa Trời." Nó rõ ràng được ngầm hiểu bởi ngữ cảnh. Sự thay đổi này có lẽ bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi trong câu 10.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH TRONG RÔ-MA 14:13-23

A. Chủ đề về việc các Cơ đốc nhân phải đối xử với nhau ra sao bắt đầu từ câu 1-12. Nó dựa vào lẽ thật cho rằng họ phải hoàn toàn chấp nhận mọi kiểu Cơ đốc nhân bởi vì Đấng Christ, là Chủ và Quan tòa đoán xét của họ, đã chấp nhận hoàn toàn cả hai nhóm này. Thông thường những điều thuộc linh có ý nghĩa cho một nhóm ví dụ như quá khứ của họ, loại cá tính, cha mẹ, sở thích, kinh nghiệm của họ.v.v…là những điều không quan trọng trước mặt Chúa.
B. Phần thứ hai này bàn luận sự tự do và trách nhiệm Cơ đốc nhân phát triển vấn đề từ một quan điểm khác. Trong những câu này, chính tình yêu thương của những người tin Chúa đối với Chúa, trong Đấng Christ, thôi thúc họ yêu thương các anh em Cơ đốc khác quan điểm với mình. Cũng như chính Chúa Jêsus đã hy sinh mạng sống của Ngài cho các tín hữu, thì họ cũng nên hy sinh sự tự do của

mình cho những người Ngài đã chết thế cho. Sự nhấn mạnh về tình yêu thương như một nền tảng cho cuộc sống Cơ đốc cũng được thấy trong 13:8-10 trong mối liên hệ của người tin Chúa và những người chưa tin Ngài.

C. Điều rất khó chấp nhận đối với một số Cơ đốc nhân là mọi điều trong thế giới vật chất này đều sạch. Có lúc những người tin Chúa đổ cho tội lỗi là thủ phạm trong những điều này, thay vì là chính họ. Phao-lô lặp đi lặp lại là mọi vật đều sạch (14:14,20; I Cô-rinh-tô 6:12; 10:25-26; I Tim. 4:4; Tít 1:15). Các câu nói của ông đi theo lời dạy của Chúa Jêsus về thức ăn trong Mác 7:18-23. Thức ăn sạch và ô uế được dùng để minh họa cho Phi-e-rơ thể nào Chúa tiếp nhận Cọt-nây trong Công vụ 10:15.
D. Phần này chủ yếu nói đến những "anh em mạnh trong đức tin." Phao-lô thừa nhận phân nửa lẽ thật của câu nói "mọi sự đều sạch" nhưng thêm vào không phải mọi sự đều gây dựng gia đình Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 6:12; 10:23). Sự tự do của người mạnh có thể gây tổn thương cho các anh em Cơ đốc khác. Những người tin Chúa là người giữ anh em mình, qua Đấng Christ và vì Đấng Christ.
E. Điều thú vị đó là Phao-lô không hề nói hay hàm ý rằng "những người yếu" đang ở trong tiến trình thuộc linh mà sau đó sẽ trở nên "những người mạnh." Toàn bộ phần bàn luận này không nhằm nói đến sự lớn lên trong ân điển nhưng đặt ưu tiên vào sự cần thiết phải có tình yêu thương giữa những sự hiểu biết về Chúa khác nhau. Việc thuộc về một trong hai nhóm này dựa vào cá tính, sự huấn luyện về tôn giáo và kinh nghiệm cá nhân hơn là "đúng" hay "sai." Nhiệm vụ của người tin Chúa không phải để thay đổi người khác nhưng yêu thương và tôn trọng nhóm còn lại. Nó là vấn đề thuộc về tấm lòng chứ không phải lý trí. Đức Chúa Trời yêu thương, chấp nhận và đã ban Con Ngài cho mọi người, cho cả hai nhóm.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

14:13-23 (BẢN NASB)
13 **Vậy chúng ta chớ xét đoán nhau; nhưng thà nhứt định đừng để hòn đá vấp chơn trước mặt anh em mình, và đừng làm dịp cho người sa ngã.**14 **Tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Jêsus rằng, chẳng có vật gì vốn là dơ dáy; chỉn có ai tưởng vật nào là dơ dáy, thì nó là dơ dáy cho người ấy mà thôi.**15 **Vả, nếu vì một thức ăn, ngươi làm cho anh em mình lo buồn, thì ngươi chẳng còn cư xử theo đức yêu thương nữa. Chớ nhơn thức ăn làm hư mất người mà Đấng Christ đã chịu chết cho.**16 **Vậy chớ để sự lành mình trở nên cớ gièm chê.**17 **Vì nước Đức Chúa Trời chẳng tại sự ăn uống, nhưng tại sự công bình, bình an, vui vẻ bởi Đức Thánh Linh vậy.**18 **Ai dùng cách ấy mà hầu việc Đấng Christ, thì đẹp lòng Đức Chúa Trời và được người ta khen.**19 **Vậy chúng ta hãy tìm cách làm nên hòa thuận và làm gương sáng cho nhau.**20 **Chớ vì một thức ăn mà hủy hoại việc Đức Chúa Trời. Thật mọi vật là thánh sạch; nhưng ăn lấy mà làm dịp cho kẻ khác vấp phạm, thì là ác.**21 **Điều thiện ấy là đừng ăn thịt, đừng uống rượu, và kiêng cữ mọi sự chi làm dịp vấp phạm cho anh em mình.**22 **Ngươi có đức tin chừng nào, hãy vì chính mình ngươi mà giữ lấy trước mặt Đức Chúa Trời. Phước thay cho kẻ không định tội cho mình trong sự mình đã ưng!**23 **Nhưng ai có lòng ngần ngại về thức ăn nào, thì bị định tội rồi, vì chẳng bởi đức tin mà làm; vả, phàm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi.**

14:13 "chúng ta chớ xét đoán nhau" Đây là dạng BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE SUBJUNCTIVE) kèm theo một TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) hàm ý ngưng lại một hành động đang diễn ra. Đây không phải là lời cảnh cáo nhưng là một lệnh cấm. Câu này rất giống với câu 16. Chữ "xét đoán" đã được Phao-lô dùng 5 lần trong câu 1-12 và ở đây 4 lần từ câu 13-23.

▣ **"không đặt chướng ngại vật hay một hòn đá gây vấp ngã trước mặt anh em"** Đây là dạng ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INFINITIVE) kèm với một TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH hàm ý ngưng lại một hành động đang diễn ra. Lẽ thật này cũng được nêu lên trong câu 21 và I Cô-rinh-tô 8:9.

Chữ "chướng ngại vật" chỉ một vật gì đó trên đường khiến cho một người bị vấp ngã. Chữ "hòn đá gây vấp ngã" theo nghĩa đen chỉ một cơ cấu nảy cò trong một dụng cụ bẫy thú.

Trong Cơ đốc giáo có một khía cạnh gọi là tập thể. Chúng ta là những người giữ anh em mình, là những người khích lệ nhau, là bạn của nhau. Niềm tin là một gia đình!

14:14 NASB "tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Jêsus"
NKJV "tôi biết và được Chúa Jêsus thuyết phục"
NRSV "tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Jêsus"
TEV "Sự hiệp một của tôi với Chúa Jêsus khiến tôi biết chắc"
JB "dĩ nhiên là tôi hoàn toàn nhận thấy, và tôi tuyên bố vì Chúa Jêsus"

Đây là dạng CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH của từ *oida*, được dùng trong ý nghĩa của THÌ HIỆN TẠI chung với một CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). Theo nghĩa đen, nó là "tôi vẫn biết, đã và vẫn tiếp tục tin chắc." Đây là lẽ thật được lặp lại trong câu 5b và 22-23. Sự hiểu biết những điều thiêng liêng của người tin Chúa đến từ mối liên hệ của họ với Chúa Jêsus qua Thánh Linh. Họ nên sống trong ánh sáng họ đã có.

▣ **"rằng không có gì tự nó là ô uế"** Cũng lẽ thật này được minh họa trong Công vụ 10:9-16. Đồ vật không phải là ác, nhưng con người thì ác. Không có vật gì, điều gì trong các tạo vật tự nó hay trong bản chất của nó là gian ác (câu 20; Mác 7:18-23; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4 và Tít 1:15)!

▣ **"nhưng đối với người nghĩ rằng điều đó là ô uế, thì nó trở nên ô uế đối với họ"** Sự ô uế ở đây có ý nghĩa theo tôn giáo. Người tin Chúa phải tra xét hành vi của họ dựa vào lương tâm (câu 5, 22-23). Ngay nếu khi họ không có được tất cả thông tin về một vấn đề hay hành vi nào đó, họ phải bước đi trong ánh sáng họ có trước mặt Chúa. Họ cũng không được xét đoán các tín hữu khác dựa vào ánh sáng của họ, đặc biệt là trong các lãnh vực không rõ ràng (14:1, 3, 4, 10, 13).

14:15 "vì nếu bởi vì thức ăn mà anh em ngươi bị xúc phạm" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý có thật từ quan điểm của người viết hay vì mục đích tu từ. Tình yêu thương chứ không phải quyền lợi, trách nhiệm chứ không phải sự tự do là điều quyết định lối sống của chúng ta.

Điều này hoặc liên hệ đến (1) luật liên quan đến thức ăn của người Do thái (Lê-vi-ký 11); hay là (2) của cúng cho các thần tượng (I Cô-rinh-tô 8-10). Câu 20 bày tỏ lẽ thật này rất rõ ràng.

▣ **"ngươi không còn bước đi bằng sự yêu thương"** Điều này thường gọi là "luật tự do" (Gia-cơ 1:25; 3:12), "luật hoàng gia" (Gia-cơ 2:8) hay là "luật của Đấng Christ" (Ga-la-ti 6:2). Chúng ta có trách nhiệm và sự chỉ dẫn theo Giao ước mới!

▣ **NASB, NKJV "đừng vì thức ăn mà làm hư mất người mà Đấng Christ đã chịu chết cho"**
NRSV "đừng để thức ăn làm cớ hủy hoại một người Đấng Christ đã chịu chết cho"
TEV "đừng để đồ ngươi ăn hủy hoại người mà Đấng Christ đã chịu chết cho"
JB "Chắc hẳn ngươi không được tự do để ăn điều mình muốn nếu điều đó làm cho một người mà Christ chịu chết cho phải sa ngã"

Đây là dạng MỆNH LỆNH HIỆN TẠI với một TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH thường có nghĩa là ngưng lại một hành động đang diễn ra. Đây là một cụm từ rất mạnh mẽ. Sự tự do của một số Cơ đốc nhân không nên gây cho một số Cơ đốc nhân khác phải bị hư mất! Điều này không hàm ý hụt mất sự cứu rỗi, nhưng chỉ sự mất mát về sự bình an, tính đảm bảo chắc chắn và mục vụ có hiệu quả.

Chữ "làm hư mất" trong tiếng Hy-lạp là *lupeo*, nghĩa là gây cho buồn rầu, sầu khổ, hay đau đớn" (trong bản LXX cũng giống như vậy). Phao-lô dùng chữ này hầu hết là trong II Cô-rinh-tô (2:2, 4, 5; 6:10; 7:8, 9, 11). Chữ "hủy diệt/hư mất" là một từ được dịch quá mạnh. Điều này không chỉ sự hụt mất về sự cứu rỗi nhưng là sự thiếu đi sự cáo trách của Thánh Linh khi vi phạm những niềm tin cá nhân. Nếu hành động của người tin Chúa không xuất phát từ đức tin thì đó là điều tội lỗi (câu 23).

14:16 NASB "đừng để điều đối với ngươi là tốt bị nói là xấu"
NKJV, NRSV "đừng để điều lành ngươi bị nói là ác"
TEV "đừng để điều ngươi cho là tốt bị mang tiếng xấu"
JB "ngươi không được thương lượng đặc ân của mình"

Đây là dạng MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE) kèm với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH, mang ý nghĩa ngưng lại một hành động đang diễn ra. Sự tự do có thể dễ dàng biến thành giấy phép!

"Điều lành" trong câu này chỉ những hành động của người mạnh. Nếu người Cơ đốc mạnh trong đức tin hành động trong sự tự do của mình nhưng trong một cách làm ảnh hưởng tiêu cực đến người anh em yếu đuối và gây tổn thương về mặt tâm linh, thì "điều lành" này trở nên dịp để ma quỷ hành động!

Câu này dường như chuyển sự tập trung từ cách những người Cơ đốc đối xử với nhau sang sự quan tâm đến những người chưa tin Chúa (câu 18b). ĐỘNG TỪ này là từ chữ "nói phạm thượng" vốn thường được dùng cho những người chưa tin Chúa.

14:17 "nước Đức Chúa Trời" Đây là lần sử dụng duy nhất cụm từ này trong Rô-ma. Đây là một chủ đề thường xuyên của Chúa Jêsus. Tại đây và bây giờ nó là hiện thực và cũng sẽ là sự chung kết trong tương lai (Ma-thi-ơ. 6:10).

Cuộc sống tập thể chung với nhau trong thân thể Đấng Christ có giá trị hơn nhiều so với việc thực hành những sự tự do cá nhân!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mết-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự giáng sinh của Chúa Jêsus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giăng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ. 3:2; Mác 1:15). Chúa Jêsus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ. 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ. 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ "nước Đức Chúa Trời." Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jêsus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tấm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là 'Nước Trời,' trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jêsus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tấm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giăng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jêsus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giăng "sự sống đời đời" là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này gây ra bởi hai lần đến của Christ. Cựu ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời- lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao- nhưng Tân ước cho biết Chúa Jêsus đến lần đầu làm một Đầy tớ Chịu khổ trong Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường trong Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lấp nhau. Chúa Jêsus đang trị vì trong tấm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả sự sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng "đã rồi" nhưng "chưa" của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

▣ **"tại sự công bình, bình an, vui mừng trong Thánh Linh"** Chính Thánh Linh là Đấng đem đến những giá trị này cho cá nhân những người tin Chúa và cộng đồng của họ. Đây là những phẩm chất của gia đình Đức Chúa Trời, cả bên trong lẫn bên ngoài.

Chữ 'công bình' được Phao-lô dùng ở đây trong một ý nghĩa đặc biệt. Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 5:1. Thông thường đối với ông chữ này diễn tả sự công bình được ban cho, một sự tuyên bố theo luật pháp bởi Đức Chúa Trời để tha tội cho các tín hữu và ban cho họ một vị trí trong Đấng Christ (3:21-31; 4). Con người tội lỗi không những được kể là công bình, nhưng họ cũng sẽ trở nên công bình. Đây vừa là một món quà vừa là một mục tiêu. CHỈ ĐỊNH và MỆNH LỆNH, vị trí và một cái thang, hành động đức tin và đời sống đức tin! Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 6:4.

Muốn biết thêm về từ ngữ "bình an" xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 5:1.

14:18 Những người tin Chúa bằng cách tự giới hạnh chính mình vì lợi ích của các anh em yếu đuối hơn là đã phục vụ chính Chúa. Không có cách nào mạnh mẽ hơn để xác quyết tình yêu của chúng ta đối với Chúa Jêsus hơn là yêu thương, chăm sóc, và bảo vệ những người Ngài đã chết thế cho.

▣ **"được tán thành"** Đây là cách để xác nhận rằng tình yêu thương của các Cơ đốc nhân với nhau sẽ mở cánh cửa phục vụ và làm chứng đến với những người chưa tin (câu 16; II Cô-rinh-tô 8:21; I Phi-e-rơ 2:12). Cách chúng ta đối xử với nhau trong cộng đồng đức tin là một lời chứng mạnh mẽ, hoặc tích cực hoặc tiêu cực.

14:19 "hãy theo đuổi" Chữ này *dioko* là một thành ngữ Cựu ước thông dụng trong bản LXX và cũng rất phổ biến trong các thư của Phao-lô, có nghĩa là "theo đuổi một cách hăm hở" hay "ráng hết sức để đạt được." Phao-lô dùng chữ này trong Rô-ma 9:30, 31; 12:13; và ở đây với ý nghĩa là 'theo đuổi," nhưng trong câu 12:14 ông dùng nó cho những người bắt bớ các tín hữu (I Cô-rinh-tô 4:12, ngay cả chính ông, 15:9; II Cô-rinh-tô 4:9; Ga-la-ti 1:13, 23; Phi-líp 3:6).

Động từ này hoặc là ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE) (bản א ,A, B, F, G, L và P) hay là dạng BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE SUBJUNCTIVE) (bản C, D) dùng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH. Bản UBS4 dùng dạng BÀN THÁI CÁCH (SUBJUNCTIVE) nhưng xếp nó vào loại "D" (nghĩa là, rất khó xác định)

Để ý những điều Cơ đốc nhân cần phải đeo đuổi:

1. Sự hiếu khách, 12:13
2. Những điều đem đến bình an và gây dựng lẫn nhau, 14:19
3. Tình yêu thương, I Cô-rinh-tô 14:1
4. Sự giống với Đấng Christ, Phi-líp 3: 12, 14
5. Những điều tốt cho anh em và cho mọi người, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:15
6. Sự công bình, sự tin kính, đức tin, tình yêu, nhẫn nại, và hiền lành, I Ti-mô-thê 6:11
7. Sự công bình, đức tin, yêu thương, và sự hòa bình với những người kêu cầu Chúa từ tấm lòng trong sạch, II Ti-mô-thê 2:22

▣ **"tìm sự hòa bình và gây dựng lẫn nhau"** Những điều này cần trở nên mục tiêu của người tin Chúa trong mọi việc (Thi-thiên 34:14; Hê-bơ-rơ 12:14). Sự tự do cá nhân và hiểu biết thần học của một người phải dẫn đến sự vững vàng và lớn lên trong thân thể Đấng Christ (15:2; I Cô-rinh-tô 6:12; 14:26; Ê-phê-sô 4:12). Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 15:2.

14:20 "Đừng hủy hoại việc của Đức Chúa Trời" Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) kèm với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE), thường có nghĩa là ngưng lại một hành động đang diễn ra. Đây là một ĐỘNG TỪ KÉP rất mạnh (*kata* + *luo*). Nó được dùng chỉ 3 lần trong các thư của Phao-lô (II Cô-rinh-tô 5:1 chỉ sự chết và trong Ga-la-ti 2:18 trong ý nghĩa giống với ở đây, nghĩa là hủy diệt). Có một sự chơi chữ giữa từ "gây dựng lên" trong câu 19 và chữ này, theo nghĩa đen là "kéo sập xuống." Cả hai đều là những hình ảnh trong ngành xây dựng.

"Việc của Đức Chúa Trời" ở đây là gì? Nó không thể là sự trưởng thành, nhưng đó là công việc của Thánh Linh trong đời sống những người yếu đuối. Không có chỗ nào trong các thư tín, ngay cả trong I Cô-rinh-tô 8-10 mà Phao-lô đề nghị nhóm này nên giúp nhóm kia thay đổi hay rập khuôn theo nhóm nọ!

▣ **"thật mọi vật là sạch"** Xin xem chú thích ở câu 14.

▣ **NASB "nhưng đối với kẻ ăn mà làm cho kẻ khác vấp phạm thì những điều đó là ác"**
NKJV "kẻ ăn nhưng gây vấp phạm thì đó là ác"
NRSV "nhưng đó là điều sai lầm khi ngươi làm cho kẻ khác vấp phạm bởi những điều ngươi ăn"
TEV "nếu ăn bất cứ vật gì mà làm cho người khác sa vào tội lỗi thì đó là điều sai"
JB "nếu ngươi làm cho người khác vấp phạm bởi những vật ngươi ăn thì nó trở nên gian ác"

Câu này là lẽ thật chính cho toàn bộ chương này (I Cô-rinh-tô 10:25-26; Tít 1:15).

Những điều này chỉ các loại thịt cúng cho các thần tượng (I Cô-rinh-tô 8-10). Thịt không phải là vật tốt hay xấu, nhưng nếu một người anh em yếu đuối, là người nghĩ rằng đó là điều không nên, nhưng thấy một anh em khác ăn và mình cũng ăn, thì điều vốn là trung tính về mặt luân lý trở nên ác bởi vì nó xúc phạm lương tâm cá nhân của người đó về ý chỉ của Đức Chúa Trời.

Hầu hết các bản dịch Anh ngữ liên hệ cụm từ này với "anh em mạnh hơn" là người khi ăn, làm cho người yếu hơn bị ảnh hưởng. Bản dịch Công giáo từ bản NAB cho rằng cụm từ này liên quan đến "anh em yếu đuối hơn" và dịch là, "nhưng đây là điều sai lầm nếu một người ăn và để thức ăn cáo trách lương tâm mình." Xét theo văn cảnh, lựa chọn đầu có vẻ thích hợp hơn nhưng sự không rõ ràng này có lẽ cũng có chủ đích của nó và vì vậy có thể chỉ cả hai nhóm, như trong câu 22-23.

14:22
NASB "hãy giữ đức tin ngươi có làm sự tin quyết của chính mình trước mặt Chúa. Phước cho người nào không tự cáo trách mình trong những điều mình đã ưng thuận."
NKJV "Ngươi có đức tin không? Hãy giữ điều đó cho chính ngươi trước mặt Đức Chúa Trời. Phước cho người không tự cáo chính mình trong những điều mình đã ưng thuận."
NRSV "hãy giữ đức tin ngươi có làm sự tin quyết của chính mình trước mặt Chúa. Phước cho người nào không có lý do gì để tự cáo chính mình bởi những điều mình đã ưng thuận."
TEV "vậy thì, hãy giữ điều ngươi tin về vấn đề này giữa ngươi và Chúa. Phước cho những người không cảm thấy mặc cảm tội lỗi khi họ làm một điều gì đó họ cho là phải!"
JB "Hãy giữ chặt lấy niềm tin của chính ngươi, như giữa ngươi và Chúa- và hãy kể một người là may mắn khi họ có thể quyết định mà không đi ngược lại với lương tâm của mình."

Đây là sự tái xác nhận rằng một người tin Chúa phải sống trong ánh sáng mà họ có do Thánh Linh hướng dẫn và từ một lương tâm được soi sáng bởi Kinh thánh (câu 5). Họ phải bước đi trong ánh sáng họ có được; nhưng không phải để lạm dụng đức tin của người anh em mình. Câu 22 nói đến "người mạnh hơn," trong khi câu 23 nói đến "người yếu hơn."

Câu 22 bắt đầu bằng một vấn đề về dị bản. Nó có thể là một câu hỏi (NKJV) hay là một lời tuyên bố (NASB, NRSV, TEV, và JB).

▣ **"ưng thuận"** Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 2:18.

14:23 "nhưng kẻ nghi ngờ" Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE PARTICIPLE). Nó chỉ những Cơ đốc nhân quá cẩn trọng trong câu 3.

▣ **"bị định tội"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH từ chữ *kata+ krino*, nghĩa là (1) 'bị đặt vào trong ánh sáng chỉ ra lỗi bằng sự tương phản' (xem Harold K. Moulton, *The Analytical Greek Lexicon Revised,* trang 216) hay là (2) không phải sự định tội, nhưng là sự hình phạt theo sau án phạt" (Rô-ma 5:16, 18; 8:1 [xem Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament,* trang 328]). Ở đây nó đề cập đến sự xâm phạm lương tâm của một người dẫn đến sự đau đớn gắn với sự cáo trách của Thánh Linh.

▣ **"nếu ăn"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA.

▣ **"và điều gì không phải từ đức tin thì là tội"** Trong các lãnh vực không rõ ràng, tội là sự vi phạm lương tâm chúng ta, chứ không phải là vi phạm luật pháp. Chúng ta phải bước đi trong ánh sáng mình có-luôn cởi mở để nhận thêm ánh sáng từ Kinh thánh và Thánh Linh.

Sự hiểu biết ý chỉ Đức Chúa Trời của người tin Chúa phải chi phối hành động của họ. Người tin Chúa trưởng thành vừa có thể giữ những quan điểm Kinh thánh khác nhau về một số vấn đề không rõ ràng vừa có thể ở trong ý chỉ của Đức Chúa Trời.

Một số bản Hy-lạp có bài tôn vinh ở cuối chương 14, lấy từ chương 16:25-26. Một số có cả hai nơi. Bản P^{46} có bài này ở phần cuối chương 15. Có 6 chỗ khác nhau ghi lại bài tôn vinh này trong các bản Hy-lạp truyền thống của thư Rô-ma. Để biết đầy đủ hơn, xin xem sách *A Textual Commentary of the Greek New Testament*, viết bởi Bruce M. Metzger, xuất bản bởi United Bible Societies, trang 533-536. Sau đây là phần tóm lược các lý thuyết: (1) Origen cho rằng kẻ tà thuyết Marcion ở Rô-ma đã bỏ đi hai chương cuối của Rô-ma. Điều này giải thích tại sao bài tôn vinh có ở chương 14; (2) một số học giả khác cho rằng Phao-lô viết thư Rô-ma để gửi cho Hội thánh ở Rô-ma, từ chương 1 đến 14, và sau đó thấy nhu cầu cần gửi cùng một lá thư như vậy cho Hội thánh ở Ê-phê-sô, từ chương 1 đến 16. Một danh sách dài với các lời chào thăm cá nhân (chương 16) cho thấy đó là Hội thánh ở Ê-phê-sô, chứ không phải ở Rô-ma; (3) lời chào thăm trong chương 16 là dành cho những người tin Chúa trên đường đi đến Rô-ma bởi vì Bê-rít-sin và A-qui-la ở Ê-phê-sô và chưa bao giờ được ghi lại rằng họ trở lại Rô-ma; và (4) bài tôn vinh này không phải là nguyên bản và được thêm vào sau này bởi những người chép Kinh thánh với mục đích nghi lễ cho sự thờ phượng công cộng.

Học giả M.R. Vincent trong cuốn *Word Studies*,tập 2, có lời bàn thật thú vị.

> "Bất chấp các lý thuyết trên, một sự kiện khó chối cãi được đó là trong số các bản thảo hiện có của Phao-lô (trong khoảng thời gian 300 năm), cho đến ngày nay tất cả các bản này khi được đối chiếu cẩn thận, kể luôn tất cả các bản quan trọng nhất, đều đặt các chương này trong một thứ tự và sự kết nối như đã có ngày nay, chỉ trừ có bài tôn vinh này mà thôi" (trang 750).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập <u>hướng dẫn</u> giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Mô tả 'người anh em yếu đuối' trong đức tin? Có phải Phao-lô hàm ý rằng họ chưa trưởng thành?
2. Sự tự do Cơ đốc liên hệ như thế nào với trách nhiệm Cơ đốc?
3. Có phải mọi vật tự bản thân nó đều "sạch" hoặc trung tính về mặt luân lý (14, 20)?
4. Tại sao câu hỏi về thức ăn quan trọng đến như vậy tại Cô-rinh-tô (I Cô-rinh-tô 8, 10), cần nhớ rằng Phao-lô viết thư Rô-ma từ Cô-rinh-tô?
5. Giải thích sự liên hệ giữa tri thức, sự tự do và tình yêu thương trong chương này.
6. Chúng ta dựa nền tảng của sự thông công trong Hội thánh vào đâu?
7. Chúng ta dựa nền tảng của những quyết định và hành động cá nhân vào đâu?
8. Hành động của chúng ta ảnh hưởng người khác như thế nào? Điều gì đòi hỏi nơi chúng ta?
9. Bằng cách nào chúng ta quyết định thế nào là luân lý Cơ đốc phải lẽ?
10. Có thể nào người tin Chúa trưởng thành vừa không đồng ý với nhau nhưng cũng vừa được Chúa tiếp nhận?

RÔ-MA ĐOẠN 15

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Làm vừa ý anh em ngươi, không phải chính ngươi!	Gánh lấy gánh nặng cho nhau	Người mạnh phải gánh lấy người yếu	Làm vừa ý người khác, không phải chính mình	(14:22-15:6)
15:1-6	15:1-6	15:1-6	15:1-6	
Phúc âm cho cả người Do thái và người ngoại	Cùng làm vinh hiển danh Chúa		Phúc âm cho người ngoại	Sự thỉnh cầu cần phải hiệp một
15:7-13	15:7-13	15:7-13	15:7-12 15:13	15:7-12 15:13
Sứ mạng truyền giáo của Phao-lô	Từ Giê-ru-sa-lem đến I-ly-ri	Tâm tình cá nhân	Lý do Phao-lô viết mạnh dạn như vậy	Lời kết
15:14-21	15:14-21	15:14-21	15:14-21	15:14-16 15:17-21
Kế hoạch thăm Rô-ma của Phao-lô	Kế hoạch viếng thăm Rô-ma		Kế hoạch thăm Rô-ma của Phao-lô	Kế hoạch của Phao-lô
15:22-29 15:30-33	15:22-33	15:22-29 15:30-33	15:22-29 15:30-33	15:22-29 15:30-33

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân, vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH TỪ CÂU 1-13

A. Phần bàn luận về sự tự do và trách nhiệm của Cơ đốc nhân tiếp tục từ chương 14 đến 15:1-13.
B. Toàn bộ phần bàn luận của 14:1-15:13 được phân ý ra như sau:
   1. Tiếp nhận nhau bởi vì Đức Chúa Trời đã tiếp nhận chúng ta trong Đấng Christ (14:1, 3; 15:7);
   2. Đừng đoán xét nhau vì Đấng Christ là chủ và là quan xét duy nhất của chúng ta (14:3-12)
   3. Tình yêu thương quan trọng hơn là sự tự do cá nhân (14:13-23);
   4. Theo gương Đấng Christ và từ bỏ quyền lợi của mình để gây dựng cho lợi ích chung (15:1-13).

C. 15:5-6 phản ánh 3 mục đích của toàn bộ ngữ cảnh 14:1-15:13:
   1. Sống hài hòa với nhau
   2. Sống theo gương Đấng Christ
   3. Cùng hiệp nhau dâng lên lời ngợi khen Đức Chúa Trời bằng tấm lòng và môi miệng hiệp một
D. Những sự căng thẳng giữa sự tự do cá nhân và trách nhiệm tập thể được bàn đến trong I Cô-rinh-tô 8-10

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

15:1-6 (BẢN NASB)
1 Vậy chúng ta là kẻ mạnh, phải gánh vác sự yếu đuối cho những kẻ kém sức, đừng chỉ làm cho đẹp lòng mình. 2 Mỗi người trong chúng ta nên làm đẹp lòng kẻ lân cận mình, đặng làm điều ích và nên gương tốt. 3 Vì Đấng Christ cũng không làm cho đẹp lòng mình, như có chép rằng: Lời của những kẻ nguyền rủa Chúa đã đổ trên mình tôi. 4 Vả, mọi sự đã chép từ xưa đều để dạy dỗ chúng ta, hầu cho bởi sự nhịn nhục và sự yên ủi của Kinh Thánh dạy mà chúng ta được sự trông cậy. 5 Xin Đức Chúa Trời hay nhịn nhục và yên ủi ban cho anh em được đồng lòng ở với nhau theo Đức Chúa Jêsus Christ; 6 để anh em lấy một lòng một miệng mà ngợi khen Đức Chúa Trời, là Cha của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta.

15:1
NASB “vậy chúng ta là kẻ mạnh phải gánh vác sự yếu đuối cho những kẻ kém sức”
NKJV “vậy chúng ta là kẻ mạnh phải gánh lấy sự đắn đo của kẻ yếu”
NRSV “chúng ta là kẻ mạnh phải gánh chịu sự thiếu sót của những kẻ yếu”
TEV “chúng ta là kẻ mạnh trong đức tin phải giúp kẻ yếu mang lấy gánh nặng của họ”
JB “chúng ta là kẻ mạnh có nhiệm vụ gánh chịu những mối lo ngại của kẻ yếu”

Đây là hai ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU HIỆN TẠI (PRESENT INFINITIVES) được sử dụng trong ý nghĩa MỆNH LỆNH (IMPERATIVES). Việc nhắc đến người mạnh kẻ yếu cho thấy chương 15 tiếp tục vấn đề đã bàn từ chương 14:1. Nó có lẽ phản ánh sự giằng co trong Hội thánh Rô-ma, và trong tất cả mọi Hội thánh, về việc Cơ đốc nhân phải sống như thế nào cho đúng với Kinh thánh trong những lãnh vực không rõ ràng. Phao-lô một lần nữa tự cho mình ở trong nhóm “những người mạnh.”

Đối với các độc giả Anh ngữ hiện đại, việc dán nhãn hiệu ‘yếu’ và ‘mạnh’ cho hai quan điểm này là bày tỏ thành kiến với các nhóm này. Đây không phải là ý định của Phao-lô. Nhóm những người mạnh là nhóm những người đã được tự do khỏi nếp sống tôn giáo theo lề luật và chú trọng nghi lễ. Mối liên hệ của họ với Đức Chúa Trời không phải dựa vào việc thực hiện một số nhiệm vụ lúc này lúc nọ hay tránh xa một số cấm kị tôn giáo. Nhóm còn lại là một nhóm tín hữu hoàn toàn Cơ đốc, hoàn toàn được Chúa tiếp nhận, và hoàn toàn cam kết trong niềm tin của mình. Tuy nhiên, họ xem đức tin qua lăng kính các ý niệm tôn giáo bằng kinh nghiệm trước kia của họ. Các tín hữu người Do thái có khuynh hướng giữ chặt lấy các tập tục Do thái giáo thuộc Giao ước cũ. Trong khi đó các tín hữu người ngoại cải đạo thì vẫn giữ lại các ý niệm và thói quen ngoại giáo cũ của họ. Nhưng để ý rằng Phao-lô không gọi lối suy nghĩ này giữa vòng các tín hữu là “tội.” Chỉ khi họ vi phạm lương tâm của chính mình, thì điều đó mới trở thành tội (câu 23).

Chữ “kẻ yếu” (*adunates*, không có sức mạnh, Rô-ma 8:3) khác với chữ *astheneo* trong câu 14:1, 2, 21 (xem I Cô-rinh-tô 8:7, 10, 11, 12; 9:22), cũng có nghĩa là không có sức mạnh.

Đoạn này hàm ý các Cơ đốc nhân không nên chịu đựng các tín hữu khác trong sự cau có, nhưng phải “chăm sóc” và ‘hợp tác với” nhau trong sự yêu thương. Chữ “gánh lấy” cũng được Chúa Jêsus dùng khi nói về việc ‘mang thập tự’ trong Giăng 19:17 và Lu-ca 14:27.

▣ **“và không chỉ làm cho đẹp lòng mình”** Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE), thường có ý nghĩa ngưng lại một hành động đang diễn ra. Tập trung vào chính mình là dấu hiệu rõ ràng của sự chưa trưởng thành; nhưng theo gương của Đấng Christ (câu 3; Phi-líp 2:1-11) là dấu hiệu của sự trưởng thành. Một lần nữa, chính người mạnh là người được nói đến ở đây (14:1, 14, 16, 21, 27). Điều này không có

nghĩa là họ gánh lấy mọi trách nhiệm gìn giữ mối thông công. Người yếu đuối cũng được nói đến trong 14:3, 20, 23; 15:5-6, 7.

15:2 "mỗi người chúng ta phải làm vui lòng kẻ lân cận mình" Chữ "lân cận" ở đây được dùng trong ý nghĩa các anh em Cơ đốc. Điều này không hàm ý một sự thỏa hiệp về các niềm tin cá nhân, nhưng có nghĩa là chúng ta không được ép những quan điểm hay sở thích riêng của mình trên người khác trong những lãnh vực không rõ ràng. Sự hiệp một và lớn lên trong thân thể Đấng Christ, chứ không phải sự tự do cá nhân, là điều quan trọng hơn (I Cô-rinh-tô 9:19-23; 10:24-33; Ê-phê-sô 4:1-16).

▣ NASB "để gây dựng"
NKJV "dẫn đến sự gây dựng"
NRSV "vì mục đích gây dựng người lân cận"
TEV "để gây dựng họ trong đức tin"
JB "giúp họ trở thành các Cơ đốc nhân mạnh mẽ"

Đây là chủ đề chính của chương 14 (14:16, 19). Đây cũng là một trong các thử nghiệm về ân tứ thuộc linh được trình bày trong I Cô-rinh-tô 10:23; 11:7; 14:26; Ê-phê-sô 4:29.

Trong bối cảnh này nó chỉ việc những tín hữu mạnh hơn tự giới hạn sự tự do của mình trong tình yêu thương để giúp các Cơ đốc nhân anh em lớn lên trong đức tin. Học giả Joseph A. Fitzmyer và Raymond E. Brown, trong cuốn *The Jerome Biblical Commentary*, tập 2, có lời bình khá thú vị về câu này:

"Nhiều người thường cho rằng cụm từ 'gây dựng họ' (tức là người lân cận), chỉ sự phát triển đời sống cá nhân của người anh em Cơ đốc lân cận. Nhưng cần nhận biết rằng Phao-lô thường dùng hình ảnh xây dựng trong thư tín của mình trong ý nghĩa tập thể, vì vậy ở đây cụm từ này rất có thể cũng có ý nghĩa tương giao, tập thể (I Cô-rinh-tô 14:12; Ê-phê-sô 4:12; Rô-ma 14:19)" (trang 328).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GÂY DỰNG

Chữ *oikodomeo* và các dạng khác của nó thường được Phao-lô sử dụng. Theo nghĩa đen, nó có nghĩa là "xây một ngôi nhà" (Ma-thi-ơ 7:24), nhưng nó dần dần được sử dụng một cách hình bóng để chỉ:

1. Thân thể Đấng Christ, Hội thánh của Ngài, I Cô-rinh-tô 3:9; Ê-phê-sô 2:21; 4:16
2. Gây dựng
   a. Các anh em yếu đuối, Rô-ma 15:1
   b. Người lân cận, Rô-ma 15:2
   c. Lẫn nhau, Ê-phê-sô 4:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:11
   d. Các thánh trong mục vụ, Ê-phê-sô 4:11
3. Chúng ta gây dựng bằng cách
   a. Yêu thương, I Cô-rinh-tô 8:1; Ê-phê-sô 4:16
   b. Tự giới hạn sự tự do của mình, I Cô-rinh-tô 10:23-24
   c. Tránh những suy đoán (speculations), I Ti-mô-thê 1:4
   d. Giới hạn những người chia xẻ trong các buổi nhóm thờ phượng (người hát, người dạy, các tiên tri, những người nói tiếng lạ, và người thông giải), I Cô-rinh-tô 14:3-4, 12
4. Mọi sự nên có mục đích gây dựng
   a. Thẩm quyền của Phao-lô, II Cô-rinh-tô 10:8; 12:19; 13:10
   b. Các câu đúc kết trong Rô-ma 14:19 và I Cô-rinh-tô 14:26

15:3 "vì ngay chính Đấng Christ" Đấng Christ là khuôn mẫu và gương mẫu cho chúng ta. Lẽ thật này cũng được nhấn mạnh trong câu 5; Phi-líp 2:1-11; I Phi-e-rơ 2:21; I Giăng 3:16.

▣ "có lời chép rằng" Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE INDICATIVE), là một cách nói để chỉ Kinh thánh Cựu ước. Đây là câu trích từ Thi-thiên 69:9 và 7. Bằng cách đề cập đến gương của Đấng Christ (Ngài đã không làm đẹp lòng chính mình, Phi-líp 2:5-8) cộng với

một câu trích từ Cựu ước, Phao-lô đã sử dụng hai nguồn có thẩm quyền quan trọng nhất trong Hội thánh đầu tiên (xem Newman và Nida, *A Translator's Handbook on Paul's Letter to the Romans*, trang 271). Sự vô kỷ của Đấng Christ khi Ngài gánh lấy tội lỗi của cả thế gian là gương cho chúng ta (I Giăng 3:16).

15:4 "vì những điều đã viết cho chúng ta ngày trước là để dạy dỗ chúng ta" Kinh thánh Cựu ước cũng được viết cho các tín hữu thời Tân ước (Rô-ma 4:23-24; 15:4; I Cô-rinh-tô 9:10; 10:6, 11). Nó vẫn có giá trị đối với các tín hữu trong Giao ước mới (II Ti-mô-thê 2:15; 3:16-17). Có một sự liên tục, nhưng cũng có sự không liên tục giữa Tân và Cựu ước.

▣ **"để qua sự kiên trì và khích lệ của Kinh thánh"** Để ý cách lẽ thật của Lời Chúa và sự đáp ứng trong nếp sống của những người tin Chúa kết hợp với nhau như thế nào. Đức tin và hành động liên kết với nhau (câu 5). Chúng đem đến sự tự tin trong sự sống, sự chết, và ở sự trông cậy về lời hứa trở lại của Đấng Christ.

▣ **"chúng ta có sự trông cậy'** Đây là dạng BÀN THÁI CÁCH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE SUBJUNCTIVE), hàm ý sự trông cậy chúng ta tùy thuộc vào các hành động đã đề cập đến trong câu 4. Trong Tân ước chữ "trông cậy" thường chỉ sự đến lần thứ hai khi sự cứu rỗi của chúng ta đạt đến đỉnh điểm (Rô-ma 8:30; I Giăng 3:2). Chữ Hy-lạp này không có ý nghĩa nghi ngờ, không chắc chắn như trong tiếng Anh (hope). Sự đến lần thứ hai là một sự kiện chắc chắn với yếu tố thời gian không rõ ràng.

Phao-lô dùng từ này trong một số ý nghĩa khác nhau nhưng liên hệ với nhau. Thông thường nó liên quan đến sự chung kết của đức tin người tin Chúa. Điều này bày tỏ qua sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu rỗi cuối cùng, sự Tái lâm, v.v…Sự chung kết này là chắc chắn nhưng yếu tố thời gian thì ở trong tương lai và không biết trước được. Nó thường liên hệ đến 'đức tin' và 'tình yêu thương' (I Cô-rinh-tô 13:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:16). Sau đây là một phần danh sách về cách dùng của Phao-lô:

1. Sự trở lại lần thứ hai, Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13
2. Chúa Jêsus là nguồn trông cậy của chúng ta, I Ti-mô-thê 1:1
3. Sự tin cậy Phúc âm, Cô-lô-se 1:23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:15
4. Sự cứu chuộc cuối cùng, Cô-lô-se 1:5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13; 5:8
5. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:12; Cô-lô-se 1:27
6. Sự chắc chắn về sự cứu rỗi, I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8
7. Sự sống đời đời, Tít 1:2; 3:7
8. Sự cứu chuộc mọi tạo vật, Rô-ma 8:20
9. Đức tin, Rô-ma 8:23-25; 15:4
10. Danh hiệu cho Đức Chúa Trời, Rô-ma 13:13
11. Danh hiệu của Đức Chúa Trời, Rô-ma 15:13
12. Sự mong ước của Phao-lô cho những người tin Chúa, II Cô-rinh-tô 1:7

15:5 "xin Đức Chúa Trời..ban cho" Đây là dạng hiếm thấy của LỐI MONG MỎI CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE OPTATIVE), diễn tả một sự mong ước hay lời cầu nguyện. Lời cầu nguyện của Phao-lô, trong câu 5-6, có hai điều: (1) để có cùng một tâm trí (12:16; II Cô-rinh-tô 13:11; Phi-líp 2:2) và (2) để có cùng một miệng ngợi khen Chúa (câu 6, 7, 9).

▣ **"Đức Chúa Trời Đấng ban sự kiên trì và khích lệ"** Đây gần như là danh hiệu mô tả Đức Chúa Trời (15:13; I Cô-rinh-tô 1:3). Các phẩm chất này của Đức Chúa Trời đến với những người tin Chúa qua Kinh thánh (câu 4).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỀN ĐỖ

Các giáo lý Thánh Kinh liên hệ đến đời sống Cơ đốc có khi khó giải thích bởi vì chúng được trình bày qua các cặp biện chứng theo lối đặc biệt Đông phương. Những cặp này xem dường như mâu thuẫn, nhưng cả hai cực đều ở trong quan điểm Kinh thánh. Người Cơ đốc trong xã hội Tây phương thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hay xem lẽ thật ngược lại là không có giá trị.

1. Có phải sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu đặt lòng tin cậy nơi Đấng Christ hay là cả một đời sống cam kết sống làm môn đệ của Chúa?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự chọn lựa bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chủ tể hay là một sự đáp ứng bằng đức tin trong sự ăn năn về phương diện của con người đối với lời mời thiên thượng?
3. Có phải sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là cần phải chuyên cần tiếp tục?

Vấn đề kiên trì trong đức tin là điều gây tranh cãi trong suốt lịch sử Hội thánh. Vấn đề bắt đầu từ một số đoạn Kinh thánh trong Tân ước dường như mâu thuẫn nhau.

1. Những đoạn đề cập đến sự chắc chắn về sự cứu rỗi
   a. Các câu nói của Chúa Jêsus trong Phúc âm Giăng (Giăng 6:37; 10:28-29)
   b. Các câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5, 8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
   c. Các câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Những đoạn đề cập đến nhu cầu cần phải kiên trì trong đức tin
   a. Các câu nói của Chúa Jêsus trong các sách Tin lành cộng quan (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13)
   b. Các câu nói của Chúa Jêsus trong Phúc âm Giăng (Giăng 8:31; 15:4-10)
   c. Các câu nói của Phao-lô (11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23; II Ti-mô-thê 3:2)
   d. Các câu nói của trước giả sách Hê-bơ-rơ (Hê-bơ-rơ 2:1; 3:6, 14; 4:14; 6:11)
   e. Các câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9; Khải huyền 2:7, 17, 20; 3:5, 12, 21; 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chủ tể. Không một người nào có thể được cứu mà không có sự khởi đầu của Thánh Linh. Trời đến trước và vạch ra kế hoạch, nhưng đòi hỏi con người phải đáp ứng bằng đức tin và sự ăn năn, lúc ban đầu và tiếp tục sau đó. Đức Chúa Trời làm việc với con người qua mối liên hệ giao ước. Vì vậy có sự hiện diện của cả trách nhiệm và đặc ân!

Sự cứu rỗi được ban ra cho tất cả mọi người. Sự chết của Chúa Jêsus giải quyết vấn đề tội lỗi trong tạo vật sa ngã! Đức Chúa Trời đã dọn sẵn một con đường và muốn tất cả những ai được tạo dựng theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự chu cấp của Ngài trong Chúa Jêsus.

Nếu bạn muốn tìm hiểu thêm về đề tài này, xin đọc:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of Đức Chúa Trời*, Bethany Fellowship, 1969.
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961.

Kinh thánh đề cập đến hai vấn đề trong lãnh vực này: (1) Lợi dụng sự đảm bảo làm giấy phép để sống cuộc sống ích kỷ, không kết quả, hay là (2) khích lệ những người đang tranh đấu trong mục vụ và tội lỗi cá nhân. Vấn đề ở chỗ những nhóm sai lầm đã nhận lấy sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học của họ dựa trên một số đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân tha thiết cần sứ điệp đảm bảo chắc chắn về sự cứu rỗi, trong khi một số khác cần những lời cảnh cáo nghiêm khắc phải nên kiên trì! Bạn đang ở trong nhóm nào?

Có những cuộc tranh cãi thần học trong lịch sử giữa nhóm Augustine và Pelagius, và nhóm Calvin và Arminius (nửa Pelagian). Vấn đề của nó xoay quanh câu hỏi về sự cứu rỗi: nếu một người đã thật sự được cứu, họ có cần phải kiên trì trong đức tin và sanh kết quả hay không?

Nhóm Calvin xếp hàng đằng sau những đoạn Kinh thánh khẳng định quyền chủ tể và duy trì quyền lực của Đức Chúa Trời (Giăng 10:27-30; Rô-ma 8:31-39; I Giăng 5:13, 18; I Phi-e-rơ 1:3-5) và CÁC THÌ CỦA ĐỘNG TỪ như ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLES) trong Ê-phê-sô 2:5, 8.

Nhóm Arminian xếp hàng đằng sau những đoạn Kinh thánh cảnh cáo người tin Chúa phải "giữ chặt," "giữ lấy" hay "tiếp tục" (Ma-thi-ơ 10:22; 24:9-13; Mác 13:13; Giăng 15:4-6; I Cô-rinh-tô 15:2; Ga-la-ti 6:9; Khải huyền 2:7, 11, 17, 26; 3:5, 12, 21; 21:7). Cá nhân tôi không tin rằng Hê-bơ-rơ 6 và 10 áp dụng ở đây, nhưng nhiều người theo Arminians dùng những đoạn này để cảnh cáo về sự bội đạo. Ẩn dụ về người gieo giống trong Ma-thi-ơ 13 và Mác 4 đề cập đến vấn đề niềm tin bày tỏ ra ngoài, cũng giống như trong Giăng 8:31-59. Trong khi người theo Calvin trích các ĐỘNG TỪ THEO THÌ HOÀN THÀNH dùng để mô tả sự cứu rỗi, thì người theo Arminius dùng cách đoạn có THÌ HIỆN TẠI như trong I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; II Cô-rinh-tô 2:15.

Đây là một ví dụ rất rõ ràng cho thấy thể nào các hệ thống thần học lạm dụng phương pháp trưng dẫn một số đoạn Kinh thánh thích hợp cho lập trường của mình (proof-texting method) để giải thích. Thông thường một đoạn Kinh thánh chính, mang nguyên tắc chủ đạo được dùng để xây dựng một họa đồ dựa vào đó các đoạn khác được xem xét. Hãy cẩn thận về các họa đồ này từ bất cứ nguồn nào. Chúng thường xuất phát từ lối tư duy Tây phương, chứ không phải do mặc khải. Kinh thánh là một cuốn sách đặc Đông phương. Nó trình bày lẽ thật trong các cặp dường như nghịch với nhau, đầy mâu thuẫn. Người Cơ đốc cần phải xác nhận cả hai và sống trong sự giằng co này. Kinh thánh Tân ước vừa trình bày sự đảm bảo của các tín hữu vừa đòi hỏi họ tiếp tục trong đức tin và nếp sống tin kính. Cơ đốc giáo là sự đáp ứng ban đầu trong đức tin và sự ăn năn theo sau bởi một sự đáp ứng liên tục trong sự ăn năn và đức tin. Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm (không phải vé vào thiên đàng hay là hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn), nhưng là một mối liên hệ. Nó là một quyết định và là một nếp sống theo Chúa. Nó được mô tả trong Tân ước trong tất cả CÁC THÌ CỦA ĐỘNG TỪ.

QUÁ KHỨ (AORIST) (hành động đã hoàn tất), Công vụ 15:11; Rô-ma 8:24; II Ti-mô-thê 1:9; Tít 3:5

HOÀN THÀNH (PERFECT) (hành động đã hoàn tất tiếp tục đem lại kết quả trong hiện tại), Ê-phê-sô 2:5, 8

HIỆN TẠI (PRESENT) (hành động đang tiếp diễn), I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; II Cô-rinh-tô 2:15

TƯƠNG LAI (FUTURE) (sự kiện tương lai hay sự kiện chắc chắn sẽ xảy ra), Rô-ma 5:8,10; 10:9; I Cô-rinh-tô 3:15; Phi-líp 1:28; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28

15:6 "Đức Chúa Trời Cha của Chúa Jêsus Christ chúng ta" Đây là danh hiệu Tân ước đầy đủ của Đấng Chân thần (II Cô-rinh-tô 1:3; Ê-phê-sô 1:3; I Phi-e-rơ 1:3). Đây không phải là một Đức Chúa Trời sanh ra do nhu cầu của triết học, mà là một Đức Chúa Trời của sự mặc khải. Để ý hai danh hiệu của Đức Chúa Trời trong bài cầu nguyện của Phao-lô trong câu 5-6 (1) Đức Chúa Trời của sự kiên trì và khích lệ; và (2) Đức Chúa Trời Cha của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta. Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:7.

15:7-13 (BẢN NASB)

7 **Vậy thì, anh em hãy tiếp lấy nhau, cũng như Đấng Christ đã tiếp anh em, để Đức Chúa Trời**
được vinh hiển.8 **Vả, tôi nói rằng Đức Chúa Jêsus Christ đã trở nên tôi tớ cho sự cắt bì, nhân**
danh lẽ thật của Đức Chúa Trời để quả quyết những lời hứa cùng các tổ phụ, 9 **lại khiến dân**
ngoại khen ngợi Đức Chúa Trời vì sự thương xót của Ngài, như có chép rằng: Bởi đó tôi sẽ ngợi
khen Chúa giữa các dân ngoại, Và ca tụng danh Ngài. 10 **Lại có chép rằng: Hỡi dân ngoại, hãy**
đồng vui cùng dân Chúa.11 **Lại rằng: Hỡi hết thảy dân ngoại, Hãy khen ngợi Chúa, muôn dân**
nên ngợi khen Ngài! 12 **Ê-sai cũng nói rằng: Từ cội rễ Gie-sê sẽ nứt lên cái chồi cai trị dân ngoại,**
Dân ngoại sẽ trông cậy chồi ấy.13 **Vậy xin Đức Chúa Trời của sự trông cậy, làm cho anh em đầy**
dẫy mọi điều vui vẻ và mọi điều bình an trong đức tin, hầu cho anh em nhờ quyền phép Đức
Thánh Linh được dư dật sự trông cậy!

15:7 NASB, TEV "tiếp lấy nhau"
NKJV "nhận lấy nhau"
NRSV "tiếp vào"
JB "đối đãi với nhau cách thân thiện"

Đây là dạng MỆNH LỆNH TRUNG CÁCH HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE IMPERATIVE). Người tin Chúa cần phải liên tục tiếp nhận lẫn nhau bởi vì Đấng Christ đã tiếp nhận họ. Lẽ thật này cũng được ghi lại trong 14:1. Tuy nhiên, ở đây nó giới thiệu một loạt các phân đoạn Kinh thánh trong Cựu ước về việc Đức Chúa Trời tiếp nhận những người ngoại (câu 9-12). Điều này có thể phản ánh sự xích mích trong Hội thánh Rô-ma.

Cơ đốc giáo mang đặc tính nổi bật là những người tin Chúa phó chính mình cho nhau (1:12; 12:5, 10, 16; 13:8; 14:13, 19; 15:5, 7, 14; 16;16).

▣ **"cũng như Đấng Christ đã tiếp chúng ta"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE INDICATIVE). Đây là động cơ và động lực thúc đẩy hành động của những người tin Chúa đối với nhau (14:3). Trong chương 14 sự tập trung xoáy vào (1) Đấng Christ là Thầy và là Quan án, câu 1-12; và (2) Đấng Christ là gương cho chúng ta về tình yêu tự phó chính mình, câu 13-23. Đấng Christ đã tiếp nhận chúng ta, vậy chúng ta cũng phải chấp nhận nhau!

▣ **"vì vinh hiển của Đức Chúa Trời"** Xin xem chú thích ở câu 3:23.

15:8 "Đấng Christ đã trở nên tôi tớ cho sự cắt bì" Chúa Jesus là sự làm thành lời tiên tri Cựu ước của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 15:24). Điều này có lẽ trực tiếp liên hệ đến sự giằng co giữa những người tin Chúa người Do thái và người tin Chúa người ngoại.

▣ **NASB "nhân danh lẽ thật của Đức Chúa Trời để quả quyết những lời hứa cùng các tổ phụ"**
NKJV "cho lẽ thật của Đức Chúa Trời, để quả quyết lời hứa cùng các tổ phụ"
NRSV "nhân danh lẽ thật của Đức Chúa Trời để quả quyết những lời hứa cùng các tổ phụ"
TEV "thay cho người Do thái, để bày tỏ sự thành tín của Đức Chúa Trời, để làm cho lời hứa của Ngài cho các tổ phụ trở thành hiện thực"
JB "để Đức Chúa Trời có thể thành tín thực hiện lời hứa cùng các tổ phụ"

Có lẽ điều này chỉ lời hứa Giao ước trong Cựu ước của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên (4:16). Tuy nhiên, nó cũng có thể chỉ lời hứa của Ngài để cứu mọi người (Sáng thế ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6; Ê-sai 2:2-4; 56:7; 66:18-24). Sự mầu nhiệm của Phúc âm là ở chỗ kế hoạch của Đức Chúa Trời lúc nào cũng là đem sự hiệp nhất giữa người Do thái và người ngoại lại với nhau qua Đấng Christ (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Sứ điệp Tân ước là sự làm thành những điều trông mong trong Cựu ước, chứ không phải điều gì đó hoàn toàn mới lạ. Sứ mạng lớn lao của Đấng Christ là (1) làm thành lời hứa về sự trông cậy đã hứa với Y-sơ-ra-ên; và (2) mở cánh cửa đó cho dân ngoại (Rô-ma 3:29-30; 9:30; 10:11-12, 16-20; 11:25, 32; 16:25; Ê-phê-sô 2:11-3:21). Khi Y-sơ-ra-ên đã thất bại trong sứ mạng truyền giảng bày tỏ Đức Chúa Trời ra và thu hút dân ngoại đến trong đức tin, thì Chúa Jêsus đã ban năng quyền cho một Y-sơ-ra-ên thuộc linh mới (Ga-la-ti 6:16) để hoàn thành nhiệm vụ có tính toàn cầu này (Ma-thi-ơ 28:19-20; Giăng 3:16).

15:9-12 Đây là một loạt các câu trích từ Cựu ước để cho thấy rằng dân ngoại vẫn luôn là một phần trong chương trình của Đức Chúa Trời (10:16-20). Các câu trích từ Cựu ước được lấy từ Thi-thiên 18:49 hoặc II Sa-mu-ên 22:50; Phục truyền luật lệ ký 32:43; Thi-thiên 117:1; Ê-sai 11:1, 10. Để ý là mỗi câu trích được lấy từ từng phần trong Kinh điển Hê-bơ-rơ: Luật, Tiên tri và Văn thơ.

15:9 "để làm vinh hiển Đức Chúa Trời vì sự nhân từ của Ngài" Sự nhân từ của Đức Chúa Trời là chìa khóa thần học cho vấn đề tiền định trong sách Rô-ma (9:15, 16, 18, 23) và sự đem người ngoại vào (11:30, 31, 32; 15:9). Chính sự nhân từ của Đức Chúa Trời đã cứu Y-sơ-ra-ên. Chính sự nhân từ của Ngài đã cứu những người ngoại tin Ngài. Cơ cấu ở đây không phải là do công việc của con người (Rô-ma 9)

nhưng do bản tính yêu thương bất biến của Đức Chúa Trời (Xuất Ê-díp-tô ký 34:6; Nê-hê-mi 9:17; Thi-thiên 103:8, 4; Giô-ên 2:13) và lời hứa của Đấng Mết-si-a (Ê-sai 11:1, 10).

15:13 "Cầu xin Đức Chúa Trời của sự trông cậy" Đây là bài tôn vinh kết thúc đơn vị ngữ văn bắt đầu từ câu 14:1. Đây là một danh hiệu tuyệt vời khác dành cho Chúa- Đức Chúa Trời của sự trông cậy.

15:13 "làm cho anh em đầy dẫy mọi điều vui mừng và bình an" Đây là dạng MONG MỎI CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE OPTATIVE), mô tả lời cầu nguyện của Phao-lô cho các tín hữu tại Rô-ma. Để ý sự có mặt của chữ "mọi." (5:1-2; 14:17).

▣ **NASB, NKJV, NRSV "trong niềm tin"**
TEV "bởi đức tin trong Ngài"
JB "trong đức tin"

Đây là dạng ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INFINITIVE). Câu này diễn tả sự tin chắc của họ về một đức tin liên tục kiên trì trong Đấng Christ, trong quyền năng của Thánh Linh, dẫn đến một sự vui mừng và bình an cá nhân. Đức tin nơi Đấng Christ không phải chỉ là sự đáp ứng ban đầu nhưng là một sự đáp ứng liên tục trong lối sống.

▣ **"hầu cho anh em dư dật trong sự trông cậy"** Đây là dạng ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI của động từ *perisseuo*, có nghĩa căn bản là "vượt qua ở trên." Phao-lô dùng chữ này rất thường (thường nhất là ở trong II Cô-rinh-tô).

1. Lẽ thật của Đức Chúa Trời được vinh hiển lớn hơn, Rô-ma 3:7
2. Món quà miễn phí trong ân điển của người đó, chính Chúa Jêsus, thì dư dật, Rô-ma 5:15
3. Người tin Chúa dư dật trong sự trông cậy, Rô-ma 15:13
4. Người tin Chúa không dư dật bởi ăn uống hay không ăn một số thức ăn nào đó, I Cô-rinh-tô 8:8
5. Người tin Chúa nên xây dựng Hội thánh cách dư dật, I Cô-rinh-tô 14:12
6. Người tin Chúa làm công việc Chúa cách dư dật, I Cô-rinh-tô 15:58
7. Người tin Chúa chia xẻ sự đau khổ cũng như sự đầy đủ của Đấng Christ một cách dư dật, II Cô-rinh-tô 1:5
8. Mục vụ công bình đầy sự vinh hiển, II Cô-rinh-tô 3:9
9. Sự chúc tạ của người tin Chúa đem đến sự vinh hiển của Đức Chúa Trời đầy tràn, II Cô-rinh-tô 4:15
10. Người tin Chúa dư dật niềm vui, II Cô-rinh-tô 8:2
11. Người tin Chúa dư dật trong mọi sự (đức tin, sự bày tỏ, tri thức, sự hăng hái, và tình yêu thương), cũng dư dật cung cấp cho Hội thánh ở Giê-ru-sa-lem, II Cô-rinh-tô 8:7
12. Mọi ân điển đầy dẫy cho những người tin Chúa, II Cô-rinh-tô 9:8
13. Lời tạ ơn Đức Chúa Trời cách dư dật của người tin Chúa, II Cô-rinh-tô 9:12
14. Sự giàu có của ân điển Ngài tràn đầy trên người tin Chúa, Ê-phê-sô 1:8
15. Tình yêu thương của người tin Chúa càng ngày càng dư dật thêm lên, Phi-líp 1:9
16. Sự tin tưởng của các tín hữu nơi Phao-lô càng dư dật hơn trong Đấng Christ, Phi-líp 1:26
17. Có dư dật, Phi-líp 4:12, 18
18. Người tin Chúa tràn đầy lòng biết ơn, Cô-lô-se 2:7
19. Người tin Chúa càng thêm lên và dư dật tình yêu thương lẫn nhau, I Tê-sa-lô-ni-ca 3:12
20. Dư dật trong nếp sống tin kính, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:1
21. Dư dật trong sự yêu thương đối với anh em tín hữu khác, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:10

Sự nhận biết của Phao-lô về ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ "vượt lên trên," cũng vậy người tin Chúa cần phải bước đi trong ân điển và tình yêu "vượt lên trên" nầy trong đời sống hằng ngày!

▣ **"bởi quyền năng của Thánh Linh"** Đức Thánh Linh là Thân vị chủ đạo trong Ba Ngôi đang hành động trong Thời đại mới này. Bất cứ điều gì có giá trị hay còn lại đều xuất phát từ Ngài (15:19; I Cô-rinh-tô 2:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:5).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Lẽ thật chính trong Rô-ma 14:1-15:13 là gì?
2. Tại sao Phao-lô trích các phân đoạn Kinh thánh Cựu ước trong câu 9-12? Lẽ thật lớn nào những câu này muốn truyền đạt?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH TỪ CÂU 14-33

A. Cách kết thúc lá thư này có nhiều điểm giống với cách mở đầu của nó, 1:8-15
   1. Nó ca ngợi đức tin của họ (1:8)
   2. Nó bảo vệ chức sứ đồ của Phao-lô để rao truyền Phúc âm cho dân ngoại (1:13, 14)
   3. Nó khẳng định mong muốn của Phao-lô muốn đi thăm họ (1:10, 13)
   4. Nó bày tỏ ước muốn của Phao-lô rằng họ sẽ giúp ông trên đường đi đến các nơi khác là những nơi Tin lành chưa được rao giảng (ở Tây-ban-nha, 1:13)
B. Một lần nữa, chúng ta thấy có một manh mối về sự mâu thuẫn trong Hội thánh Rô-ma giữa những người tin Chúa người Do thái và người tin Chúa người ngoại, là điều được ám chỉ hay ngầm hiểu xuyên suốt lá thư, nhưng đặc biệt là trong chương 9-11, 14:1-15:13.
C. Cũng có một manh mối trong Hội thánh đầu tiên liên quan đến vị trí sứ đồ của Phao-lô. Dường như ông tự bảo vệ cho mình trong câu 15-19; 1:2, 5.
D. Đơn vị ngữ văn này bao gồm hai chủ đề:
   1. Mục vụ sứ đồ, truyền giảng và hướng đến dân ngoại của Phao-lô (câu 14-21)
   2. Các chương trình viếng thăm của Phao-lô để đạt được mục đích này có thể đưa ông đi qua Rô-ma (câu 22-33).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

15:14-21 (BẢN NASB)

**14 Hỡi anh em, về phần anh em, tôi cũng tin chắc rằng anh em có đầy lòng nhơn từ, đủ điều
thông biết trọn vẹn, lại có tài khuyên bảo nhau.15 Nếu tôi đã lấy lòng thật dạn dĩ mà viết thơ nói
điều nầy điều kia với anh em, ấy là để nhắc lại cho anh em nhớ, bởi ơn Đức Chúa Trời đã làm
cho tôi 16 nên chức việc của Đức Chúa Jêsus Christ giữa dân ngoại, làm chức tế lễ của Tin
Lành Đức Chúa Trời, hầu cho dân ngoại được làm của lễ vừa ý Chúa, nên thánh bởi Đức
Thánh Linh.17 Vậy tôi có cớ khoe mình trong Đức Chúa Jêsus Christ về điều hầu việc Đức
Chúa Trời.18 Vì tôi chẳng dám nói những sự khác hơn sự mà Đấng Christ cậy tôi làm ra để
khiến dân ngoại vâng phục Ngài, bởi lời nói và bởi việc làm, 19 bởi quyền phép của dấu kỳ phép
lạ, bằng quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời. Ấy là từ thành Giê-ru-sa-lem và các miền
xung quanh cho đến xứ I-ly-ri, tôi đã đem đạo Tin Lành của Đấng Christ đi khắp chốn.20
Nhưng tôi lấy làm vinh mà rao Tin Lành ở nơi nào danh Đấng Christ chưa được truyền ra, để
cho khỏi lập lên trên nền người khác, 21 như có chép rằng: Những kẻ chưa được tin báo về Ngài
thì sẽ thấy Ngài, những kẻ chưa nghe nói về Ngài thì sẽ biết Ngài.**

15:14 NASB "về phần anh em, tôi cũng tin chắc"
NKJV "giờ đây tôi rất tự tin về anh em"

NRSV **"tôi tự tin về anh em"**
TEV **"Bạn của tôi: tôi cảm thấy chắc chắn rằng anh em"**
JB **"không phải vì tôi có nghi ngờ gì về anh em, trái lại, tôi tin chắc rằng"**

Chữ "tôi" (*auto ego*- chính mình tôi) là một chữ mang tính nhấn mạnh rất rõ trong tiếng Hy-lạp. Phao-lô thật sự khen ngợi Hội thánh này (tin chắc, ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE).

Phao-lô khẳng định ba điều về các tín hữu ở Hội thánh này trong câu 14: (1) họ đầy sự tử tế [dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI]; (2) họ đầy tri thức [ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH]; (3) họ có khả năng khuyên dạy nhau [ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HIỆN TẠI]. Câu này hàm ý Phao-lô không đem đến cho họ một sứ điệp nào mới, nhưng ông giải nghĩa và làm rõ Tin lành mà họ đã nghe và nhận từ trước (câu 15).

▣ **"anh em đầy sự nhân từ, đầy dẫy tất cả…"** Cũng giống như chữ "chính mình tôi" trong phần đầu, những chữ "chính anh em" được nhấn mạnh ở đây. Chữ "đầy" (*mestos*) nghĩa là "chứa đầy…" "tràn đầy" (replete). Phao-lô dùng chữ này chỉ hai lần, cả hai đều trong thư Rô-ma (1:29; 15:14).

Chữ "làm đầy" (*pleroo*) ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Phao-lô thường dùng chữ này trong thư Rô-ma (1:29; 8:4; 13:8; 15:13, 14, 19). Ông cũng dùng dạng DANH TỪ *pleroma* rất thường trong Rô-ma (11:12, 25; 13:10; 15:29), nhưng không bao giờ dùng dạng TÍNH TỪ trong bất cứ thư nào của ông.

Lòng mong ước của Phao-lô đó là cả Phúc âm thật sự làm đầy tràn các tín hữu, làm cho họ dư dật trong tình yêu và sự phục vụ. Người tin Chúa có mọi thứ họ cần trong Đấng Christ. Họ cần tiếp nhận và nhận lấy sự khẳng định này.

▣ **"đầy dẫy sự nhân từ, tràn đầy sự thông biết"** Có hai cách để hiểu những từ ngữ này: (1) chúng liên hệ về mặt ngữ cảnh với đơn vị ngữ văn ngay trước nó, tức là 14:1-15:13- tình yêu thương của người tin Chúa với nhau giữa những khác biệt trong các lãnh vực mà Kinh thánh không trình bày rõ ràng. Điều này có lẽ được khẳng định qua cách dùng một từ ngữ chung chung "tốt đẹp" trong 14:16; 15:2 và tại đây; hoặc là (2) nó liên hệ đến toàn bộ Phúc âm, đức tin và hành động, chính đạo (orthodoxy) và chính hành (orthopraxy).

15:15 "Tôi đã viết cách mạnh dạn cho anh em" Phao-lô viết thư này cho Hội thánh Rô-ma trong khi ông ở Cô-rinh-tô. Ông bị công kích bởi một trong những bè phái trong Hội thánh đó vì ông rất mạnh bạo trong thư của mình, nhưng có vẻ yếu đuối khi đối mặt. Dạng ĐỘNG TỪ của chữ "dạn dĩ" được ghi lại trong II Cô-rinh-tô 10:2, 12; 11:21. Sự dạn dĩ của Phao-lô đến từ sự cải đạo, sự kêu gọi và sự thông biết của ông trong Phúc âm.

▣ **"bởi ân điển đã ban cho tôi từ Đức Chúa Trời"** Phao-lô nói đến ân điển của Đức Chúa Trời (1:5; 12:3; I Cô-rinh-tô 3:10; 15:10; Ga-la-ti 2:9; và Ê-phê-sô 3:7-8) là ân điển đã kêu gọi ông, đã cứu ông, đã ban ân tứ cho ông, và đã sai phái ông đến với dân ngoại (11:13; 15:16). Đây là một cách khẳng định chức sứ đồ và thẩm quyền của ông (1:1,5).

▣ **"chức việc…chức tế lễ…của lễ…vừa ý"** Câu 16 và 17 chứa đựng một số từ ngữ và cụm từ thuộc về chức tế lễ. "Chức việc" được dùng trong sự phục vụ của thầy tế lễ trong câu 27. Nó được dùng để chỉ sự phục vụ của Đấng Christ trong Hê-bơ-rơ 8:2. Phao-lô xem chính mình là một thầy tế lễ (Phi-líp 2:17) dâng dân ngoại lên cho Chúa, vốn là công tác của Y-sơ-ra-ên (Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6; Ê-sai 66:20). Hội thánh đã được giao cho chức vụ truyền giảng này (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47). Hội thánh được gọi bởi các từ ngữ Cựu ước trong I Phi-e-rơ 2:5, 9 và Khải huyền 1:6.

▣ **"được làm nên thánh bởi Đức Thánh Linh"** Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE) có nghĩa "đã và vẫn tiếp tục được làm nên thánh bởi Thánh Linh." Một lần nữa điều này phản ánh sự giằng co giữa những người tin Chúa người Do thái và

những người tin Chúa người ngoại trong Hội thánh Rô-ma. Phao-lô tuyên bố rõ ràng rằng các nước (dân ngoại) đã và sẽ được chấp nhận và làm nên thánh bởi Thánh Linh (I Cô-rinh-tô 6:11).

15:17-19 Để ý hành động hiệp một của Ba Ngôi Đức Chúa Trời: đến Đức Chúa Trời (câu 17); trong Đấng Christ (câu 17) và trong quyền năng của Thánh Linh (câu 19). Cũng để ý ba Thân vị Đức Chúa Trời trong câu 30. Mặc dù từ "Ba ngôi" không có trong Kinh thánh, nhưng khái niệm này thì có (Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; Công vụ 2:33-34; Rô-ma 8:9-10; I Cô-rinh-tô 12:4-6; II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14; Ê-phê-sô 1:3-14; 4:4-6; Tít 3:4-6; I Phi-e-rơ 1:2). Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 8:11.

15:18-19 Phao-lô liệt kê một số cách mục vụ về dân ngoại của ông mang đến hiệu quả (1) bởi lời nói; (2) bởi hành động; (3) bởi các dấu hiệu; (4) các dấu kỳ; và (5) tất cả đều qua quyền năng của Thánh Linh.

Một lưu ý nhỏ về vấn đề dị bản ở đây liên hệ đến # 5, "Thánh Linh": một số bản Hy-lạp thêm chữ "<u>Thánh</u> Linh," một số khác thì có chữ "Linh của <u>Đức Chúa Trời</u>." Tương tự với các dị bản khác, sự thêm vào này, hay sự làm rõ thêm không bởi sự linh cảm, không có ảnh hưởng gì đến lẽ thật của phân đoạn này. Thông thường đây là nỗ lực tiêu chuẩn hóa cách viết câu trong Tân ước bởi những người sao chép Kinh thánh sau này.

15:18 "dẫn đến sự vâng phục trong dân ngoại" Mục tiêu của Đức Chúa Trời vẫn luôn là tạo nên một dân phản ánh bản chất của Ngài. Phúc âm của Chúa Jêsus phục hồi lại ảnh tượng Đức Chúa Trời bị đánh mất trong sự sa ngã trong Sáng thế ký 3. Sự liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời được thấy rõ ràng qua bản chất tin kính. Mục tiêu của Cơ đốc giáo là mối tương giao với Đức Chúa Trời và sự trở nên giống với Đấng Christ- ngay bây giờ!

▣ **"qua lời nói và hành động"** Điều này chỉ mục vụ của Phao-lô, không phải sự vâng phục của các Cơ đốc nhân ở Rô-ma. Rõ ràng điều này liên hệ đến quyền năng của Thánh Linh trong câu 19.

15:19 "bởi quyền phép của dấu kỳ và phép lạ" Hai từ này xuất hiện chung với nhau nhiều lần trong Công vụ (14:8-10; 16:16-18, 25-26; 20:9-12; 28:89), mô tả quyền phép Đức Chúa Trời làm việc qua Tin lành (II Cô-rinh-tô 12:12). Chúng có lẽ là các từ đồng nghĩa. Những chữ này chính xác chỉ đến điều gì – phép lạ hay sự cải đạo- thì không rõ. Một lần nữa ở đây có manh mối của sự căng thẳng về chức sứ đồ của Phao-lô. Như Đức Chúa Trời đã xác nhận công việc của Mười hai sứ đồ ở Giê-ru-sa-lem thể nào, thì Ngài cũng đã xác nhận công việc của Phao-lô giữa vòng dân ngoại qua các dấu kỳ phép lạ có thể nhận thấy được.

▣ **"Tôi đã giảng Tin lành của Đấng Christ ở khắp nơi"** Đây là dạng ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INFINITIVE) của từ *pleroo* (câu 14). Điều này hàm ý Phao-lô tin rằng ông đã làm xong công tác rao giảng trong vùng phía đông miền Địa trung Hải (câu 23).

▣ **"đến xứ I-ly-ri"** Tỉnh thuộc Rô-ma này, cũng được biết với tên gọi Dalmatia, nằm ở vùng phía đông của Biển Adriatic, tây bắc bán đảo Hy lạp (Ma-xê-đoan). Sách Công vụ chưa bao giờ ghi lại rằng Phao-lô giảng ở đây nhưng có ghi lại ông ở khu vực đó (20:1-2). "Cho đến" có nghĩa là "nằm ở biên giới của" hay là "trong vùng."

15:20 "và vì vậy tôi được cảm động giảng Tin lành ở nơi nào danh Đấng Christ chưa được biết đến" Đây là chiến lược truyền giáo rất nhất quán của Phao-lô (I Cô-rinh-tô 3:10; II Cô-rinh-tô 10:15-16). Ông muốn đến với các dân ngoại là những người chưa bao giờ có cơ hội nghe và tiếp nhận Tin lành. Ông thường chọn các thành phố lớn có vị trí chiến lược của đế quốc La mã để thiết lập các Hội thánh qua đó có thể rao giảng và đào luyện môn đệ cho Chúa Jêsus trong những vùng này.

15:21 Đây là câu trích từ Bản LXX sách Ê-sai 52:15 là câu nói đến việc dân ngoại nghe về Đức Chúa Trời. Phao-lô chọn lời tiên tri này làm chiến lược truyền giáo cho ông.

15:22-29 (BẢN NASB)
22 Ấy cũng là điều đã nhiều lần ngăn trở tôi đi đến thăm anh em.23 Nhưng bây giờ chẳng còn có chi cầm buộc tôi lại trong các miền nầy nữa; vả lại, đã mấy năm nay, tôi rất ước ao đến cùng anh em;24 vậy nếu tôi có thể đi xứ Y-pha-nho được, thì mong rằng sẽ tiện đàng ghé thăm anh em; sau khi được chút thỏa lòng ở với anh em rồi, thì nhờ anh em sai đưa tôi qua xứ ấy.25 Nay tôi qua thành Giê-ru-sa-lem đặng giúp việc các thánh đồ.26 Vì người xứ Ma-xê-đoan và xứ A-chai vui lòng quyên tiền để giúp những thánh đồ ở thành Giê-ru-sa-lem đang nghèo túng.27 Họ vui lòng làm sự đó, và cũng mắc nợ các người đó nữa; vì nếu người ngoại đã có phần về của cải thiêng liêng người Giu-đa, thì cũng phải lấy của cải thuộc về phần đời mà giúp cho người Giu-đa.28 Vậy khi tôi làm xong việc ấy, và đóng ấn của tôi trên kết quả của họ rồi, tôi sẽ ghé nơi anh em đặng đi đến sứ Y-pha-nho. 29 Tôi biết khi tôi sang với anh em, thì sẽ đem ơn phước dồi dào của Đấng Christ cùng đến.

15:22 "vì lý do này" Lý do này được giải thích trong câu 20.

▣ **"Tôi đã nhiều lần bị ngăn trở"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG CHƯA HOÀN THÀNH (INDICATIVE PASSIVE IMPERFECT). Ông bị ngăn trở nhiều lần (1:13). Chủ thể làm điều này không được nói đến. Đó có thể là Đức Chúa Trời, Satan, những người gian ác, hay các cơ hội truyền giảng Phúc âm khác.

Nên nhớ Phao-lô viết thư Rô-ma khi ở tại Cô-rinh-tô. Ở Cô-rinh-tô những người chống Phao-lô đã công kích ông bởi vì ông đã không hoàn thành kế hoạch thăm viếng của ông. Rõ ràng Phao-lô bị ảnh hưởng bởi sự công kích này từ trong Hội thánh Cô-rinh-tô. Ông có lẽ đã đề cập đến việc các kế hoạch thăm viếng của ông đã bị bóp nghẹt nhiều lần.

15:23 "nhưng bây giờ chẳng còn có nơi nào cho tôi trong vùng này" Câu này phải được xem xét trong bối cảnh địa lý giới hạn của vùng Tiểu Á hoặc vùng Đông Địa Trung Hải. Phao-lô chưa giảng cho tất cả mọi người ở mọi nơi trong những vùng này, nhưng chỉ cho một số mà thôi.

▣ **"và vì đã nhiều năm tôi mong muốn đến thăm anh em"** Phao-lô thường bày tỏ ý muốn của mình đến viếng thăm Rô-ma (1:10-15; Công vụ 19:21; 23:11).

Tại đây có vấn đề về dị bản là điều đã không được liệt kê ra trong phần chú thích quan trọng của bản UBS[4]. Các bản Hy-lạp cổ P^{46}, א ,A,D, F, G và L có chữ "nhiều" *(polus*) là chữ được dùng trong câu 22, nhưng các bản B, C, và P dùng chữ "một vài" (*ikanos*). Có lẽ những người sao chép sau này khó chịu với câu nói hơi quá của Phao-lô.

15:24 "khi tôi đi Tây-ban-nha" Phao-lô muốn đi đến vùng phía tây của Đế quốc La mã (II Cô-rinh-tô 10:16). Ông được thả ra từ nhà tù ở Rô-ma sau phần cuối của Công vụ và tiếp tục hành trình truyền giáo thứ tư. Các thư tín mục vụ (I Ti-mô-thê, II Ti-mô-thê, và Tít) được viết trong chuyến hành trình thứ tư này. Có lẽ có một tham khảo về điểm này trong II Ti-mô-thê 4:10 khi các bản uncial Hy-lạp, các bản א , C, các bản dịch Latin Vulgate và Coptic có chữ "Gô-loa" (Gaul). Clement ở Rô-ma, người viết trước giai đoạn cuối của thế kỷ thứ nhất, trong cuốn "Thư cho người Cô-rinh-tô," 5:7 cũng xác nhận rằng Phao-lô đã đi đến biên giới của vùng phía Tây."

▣ **"và đã được anh em giúp đỡ trên đường tôi đi đến đó"** Cụm từ này trở thành một thành ngữ chuyên môn trong Hội thánh khi giúp đỡ các nhà truyền giáo khi họ trên đường đến các điểm giảng đạo (Công vụ 15:3; I Cô-rinh-tô 16:6, 11; II Cô-rinh-tô 1:16; Tít 3:13; III Giăng 6). Rô-ma không thể đóng góp cho quỹ cứu trợ cho Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem nhưng họ đã giúp đỡ Phao-lô trong các chuyến truyền giáo của ông đến miền Tây.

15:25 "giúp đỡ các thánh" Từ ngữ này thường dùng chung với việc quyên góp tiền bạc (câu 31; I Cô-rinh-tô 16:15; II Cô-rinh-tô 8:4; 9:1). Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:7.

15:26 "sự đóng góp cho người nghèo trong vòng các thánh ở Giê-ru-sa-lem" Phao-lô đã nhận sự quyên góp này trong nhiều năm từ (1) Ga-la-ti và Tiểu Á (I Cô-rinh-tô 16:1-4) và (2) Ma-xê-đoan và A-chai (II Cô-rinh-tô 8-9). Ông bắt chước ý tưởng này từ Hội thánh ở An-ti-ốt (Công vụ 11:30; 12:25). Mục đích của nó là nhằm giúp hiệp một hai cánh của Hội thánh đầu tiên- người Do thái và người ngoại. Hội thánh người ngoại được mô tả là "vui thích" làm điều này (câu 26 và 27).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CƠ ĐỐC NHÂN VÀ NGƯỜI NGHÈO ĐÓI

I. Giới thiệu
   A. Sự đói kém luôn hiện diện và là một sự nhắc nhở về tình trạng sa ngã của con người và tạo vật
   B. Sự đói kém là một khía cạnh của vấn đề đau khổ và gian ác. Nó trực tiếp quy tội cho con người, không phải Chúa. Mặc dù Đức Chúa Trời đã dùng những sự chúc phước hay rủa sả về nông nghiệp như là một cách để thưởng hay phạt dân giao ước của Ngài (Phục truyền luật lệ ký 27-28), điều này không phải là như vậy đối với những người chưa tin Chúa nói chung (Ma-thi-ơ 5:45). Sự đói kém là một ví dụ nữa bày tỏ bản tính tham lam, ích kỷ, vật chất của con người. Vấn đề đói kém thật ra không phải là vấn đề liên hệ đến lương thực, nhưng nó liên quan đến động cơ và những ưu tiên của con người.
   C. Sự đói kém là cơ hội để những con người được cứu phản ánh tình yêu của Đức Chúa Trời. Cách những người tin Chúa đáp ứng lại với các nhu cầu thuộc thể trong Hội thánh và trên thế giới này bày tỏ bản chất thật của họ.

II. Các tư liệu Kinh thánh
   A. Cựu ước:
      1. Môi se:
         a. Một trong ba loại dâng phần mười trong Y-sơ-ra-ên đời xưa là cho người nghèo (Phục truyền luật lệ ký 14:28-29)
         b. Luật pháp đưa ra các cách cung ứng đặc biệt cho người nghèo để họ có thức ăn (Xuất Ê-díp-tô ký 23:11; Lê-vi-ký 19:10; 23:22; Phục truyền luật lệ ký 24:19-22)
         c. Luật pháp có chỗ cho những của lễ đặc biệt, không đắt tiền cho người nghèo (Lê-vi-ký 14:21)
         d. Y-sơ-ra-ên phải có thái độ thương xót, mở rộng vòng tay đối với những người nghèo và có nhu cầu (Phục truyền luật lệ ký 15:7-11, Gióp 29:16; 30:25; 31;26-23)
      2. Các văn chương khôn ngoan
         a. Có những ơn phước đặc biệt dành cho những người giúp người nghèo (Thi-thiên 41:4)
         b. Giúp người nghèo khổ là giúp chính Chúa (Châm-ngôn 14:31; 17:5; 19:17)
      3. Các tiên tri
         a. Chúa đòi hỏi sự thờ phượng Ngài phải thể hiện qua sự công bằng trong xã hội và bày tỏ lòng thương xót đối với những người có nhu cầu (Ê-sai 58:6-7; Mi-chê 6:8).
         b. Một dấu hiệu về sứ điệp của Đức Chúa Trời là nó được công bố cho người nghèo và cùng khốn (Ê-sai 61:1-2).
         c. Các tiên tri của Chúa là những người ngăn cản sự bóc lột trong xã hội (A-mốt 2:6-8; 5:10-13; Mi-chê)
   B. Tân ước
      1. Các sách Phúc âm
         a. Có những lời khuyên nên giúp đỡ người nghèo (Mác 10:21; Lu-ca 3:11)
         b. Sự phán xét dựa vào tình yêu của chúng ta đối với những người khác trong danh Chúa Jêsus. Thật vậy, giúp đỡ người khác là giúp chính Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 25:31-46)
         c. Mác 14:7 đã bị hiểu sai khi cho rằng câu này bày tỏ Chúa Jêsus thiếu quan tâm đến người nghèo. Câu này nhằm nhấn mạnh tính độc nhất của Ngài, chứ không phải là sự

hạ giá người nghèo.

d. Ê-sai 61:1-2 cho thấy những người nhận sứ điệp của Đức Chúa Trời sẽ là những người bị xã hội từ bỏ (Lu-ca 4:18; 7:22; 14:21)

2. Phao-lô
   a. Phao-lô học hỏi từ Hội thánh An-ti-ốt ở Sy-ri-a khái niệm món quà tình thương cho người nghèo ở Hội thánh Giê-ru-sa-lem (Rô-ma 15:26; I Cô-rinh-tô 16:1; II Cô-rinh-tô 8:4, 6, 19; Ga-la-ti 2)
   b. Phao-lô nhấn mạnh ân điển, đức tin, và việc làm (Ê-phê-sô 2:8-10)
3. Gia-cơ (văn chương khôn ngoan trong Tân ước)
   a. Đức tin nơi Đức Chúa Trời qua Đấng Christ mà không có sự quan tâm trong xã hội là một đức tin bệnh hoạn (Gia-cơ 2:14-17).
   b. Ông thậm chí nói rằng đức tin mà không có việc làm là đức tin chết!
4. Giăng
   Sách I Giăng khẳng định rằng sự cứu chắc chắn của Cơ đốc nhân dựa vào một cuộc sống được thay đổi trong đức tin và sự phục vụ (I Giăng 3:17-18)

III. Kết luận:

A. Sự khổ cực và nhu cầu của con người liên quan đến tội lỗi của họ. Có một số khía cạnh của sự đói nghèo:
   1. Hành vi ngu xuẩn (Châm-ngôn 19:15)
   2. Sự hình phạt của Đức Chúa Trời (Phục truyền luật lệ ký 27-28)
   3. Liên hệ đến sự phục vụ thuộc linh (II Cô-rinh-tô 11:27)
   4. Những tình huống văn hóa (tham lam, lừa đảo, v..v..)
   5. Các trường hợp vật chất (đói kém, lũ lụt, mưa đá, v.v…)

B. Đức Chúa Trời thật sự quan tâm đến con người. Ngài yêu thương những người cùng khốn trong một cách rất đặc biệt!

C. Hội thánh hành động là câu trả lời của Đức Chúa Trời cho các nhu cầu của con người (thuộc thể và thuộc linh)
   1. Hành động cá nhân, trực tiếp
   2. Hành động tập thể của các giáo xứ/nhà thờ
   3. Các tổ chức chính trị nhằm thay đổi xã hội

D. Chúng ta phải đánh giá một cách thấu đáo văn hóa và các ưu tiên của chúng ta trong ánh sáng của Kinh thánh (II Cô-rinh-tô 8-9)

E. Chúng ta cần có đôi mắt, trái tim, và đôi tay mở rộng đối với những nhu cầu của con người trong nước và ngoài nước; trong nhà thờ và trên thế giới

F. Sự cứu giúp phải liên hệ đến bản chất thật của chúng ta trong Đấng Christ dưới ánh sáng của Đại mạng lệnh (Ma-thi-ơ 28:18-20). Sự giúp đỡ phải có cả phương diện thuộc thể và thuộc linh.

15:27 "nếu" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT hàm ý là thật từ quan điểm của người viết hay nhằm mục đích tu từ. Nếu các Hội thánh người ngoại cùng chia xẻ các ơn phước với người Do thái (Rô-ma 10-11), thì họ cũng nên giúp các nhu cầu thuộc thể cho Hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem.

15:28
NASB "khi tôi đã làm xong việc này, và đã đóng ấn của tôi trên kết quả của họ rồi"
NKJV "khi tôi đã thực hiện xong việc này và đã đóng ấn kết quả này cho họ"
NRSV "khi tôi đã hoàn tất điều này, và đã đưa cho họ những điều đã được quyên góp"
TEV "khi tôi đã xong nhiệm vụ này và đã giao cho họ tất cả tiền bạc đã được quyên góp cho họ"
JB "thì khi tôi đã làm xong điều này và chính thức giao cho họ những điều đã quyên góp"

Đây là dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE PARTICIPLE) và dạng ĐỘNG TÍNH TỪ TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE PARTICPLE). Điều này ám chỉ cách

làm thông thường tức là đóng ấn một bưu kiện để bảo đảm sự an toàn cho nội dung bên trong. Đây có lẽ là cách Phao-lô muốn khẳng định rằng tất cả món tiền được giao cho sẽ được gửi đi và sẽ được nhận. Để bảo đảm điều này ông cũng mang theo một vài đại diện từ các Hội thánh có đóng góp (Công vụ 20:4).

15:29 Để ý chữ *pleroo/pleroma* một lần nữa được dùng ở đây. Xin xem chú thích ở câu 14.

15:30-33 (BẢN NASB)
30 Vậy, hỡi anh em, nhờ Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, và nhờ sự yêu thương sanh bởi Đức Thánh Linh, tôi khuyên anh em phải cùng tôi chiến đấu trong những lời cầu nguyện mà anh em vì tôi trình cùng Đức Chúa Trời, 31 hầu để tôi được thoát khỏi những người chẳng tin trong xứ Giu-đê, và của làm phải mà tôi đem qua thành Giê-ru-sa-lem sẽ được các thánh đồ vui lòng nhậm lấy. 32 Bấy giờ tôi có thể vui mừng đi đến anh em, và nếu vừa ý Đức Chúa Trời, cũng nếm mùi an nghỉ với anh em nữa. 33 Nguyền xin Đức Chúa Trời bình an ở với anh em hết thảy! A-men.

15:30 "Tôi khuyên giục anh em…hãy cùng chiến đấu với tôi" Đây là những từ ngữ mạnh mẽ trong tiếng Hy-lạp. Chữ đầu cũng được dùng trong 12:1. Chữ thứ hai được dùng để chỉ sự chiến đấu của Chúa Jêsus trong vườn Ghết-sê-ma-nê. Phao-lô thấy rất cần sự cầu nguyện cho chính ông và mục vụ giảng Tin lành của ông (II Cô-rinh-tô 1:11; Ê-phê-sô 6:18-20; Cô-lô-se 4:3; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1). Kinh nghiệm của ông ở Giê-ru-sa-lem chứng tỏ sự khó khăn này (câu 31). Ông đã đến Rô-ma, nhưng không phải như cách ông đã mường tượng. Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 9:3.

15:30-33 Lời cầu nguyện của Phao-lô bày tỏ ba sự mong ước: (1) để ông được giải cứu khỏi những kẻ thù ở Giu-đa (Công vụ 20:22-23); (2) để món quà từ các Hội thánh người ngoại sẽ được tiếp nhận một cách tốt đẹp bởi Hội thánh ở Giê-ru-sa-lem (Công vụ 15:1 và tiếp sau; 21:17 và tiếp sau); và (3) để ông có thể thăm viếng Rô-ma trên đường đi Tây-ban-nha.

15:30 "cùng chiếu đấu với tôi" Từ này chỉ được dùng tại đây trong cả Tân ước. Đây là một từ kép từ chữ *sun* (cùng với) và chữ *agonizomai* (chiếu đấu, đấu tranh, phấn đấu hết sức, I Cô-rinh-tô 9:25; Cô-lô-se 1:29; 4:12; I Ti-mô-thê 4:10; 6:12). ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU (INFINITIVE) mạnh mẽ này kêu gọi Hội thánh Rô-ma hãy cùng chiến đấu cật lực với Phao-lô trong sự cầu nguyện về việc Hội thánh mẹ ở Giê-ru-sa-lem sẽ tiếp nhận món quà từ các Hội thánh người ngoại.

15:31 "những người bất tuân" Đây chỉ sự chống đối của người Do thái hay có lẽ là người theo Do thái giáo (Judaizers), chứ không phải là từ Hội thánh nói chung (11:30, 31).

15:32 Lời cầu nguyện của Phao-lô kết thúc bằng hai lời yêu cầu: (1) ông có thể đến chung vui với họ và (2) ông có thể có thời gian nghỉ ngơi với họ (BÀN THÁI CÁCH TRUNG CÁCH QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE [deponent] SUBJUNCTIVE) của từ *sunanapauomai*, chỉ có ở đây trong cả Tân ước, nhưng có trong Ê-sai 11:6. Phao-lô trích Ê-sai 11:1, 10 trong câu 12). Phao-lô cần một thời gian nghỉ ngơi yên tĩnh và hồi sức giữa vòng các tín hữu trưởng thành (II Cô-rinh-tô 4:7-12; 6:3-10; 11:23-33)! Tuy nhiên, ông đã không có được điều này. Những năm tháng bị bắt bớ, ra tòa, bị bỏ vào ngục đang đợi ông ở Pa-lét-tin.

15:33 "Đức Chúa Trời của sự bình an" Đây là một danh hiệu tuyệt vời cho Đức Chúa Trời (6:20; II Cô-rinh-tô 13:11; Phi-líp 4:9; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:16; Hê-bơ-rơ 13:20).

▣ **"Amen"** Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:25.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Làm thế nào Kinh thánh Cựu ước đem ích lợi đến cho người tin Chúa thời Tân ước (câu 4-5; I Cô-rinh-tô 10:6, 11)?
2. Tại sao Phao-lô trích Cựu ước trong câu 9-12? Những câu này truyền tải lẽ thật lớn nào?
3. Mối căng thẳng giữa người Do thái và người ngoại xuất hiện chỗ nào trong phần Kinh thánh Rô-ma này?
4. Sự căng thẳng về chức sứ đồ của Phao-lô xuất hiện ở chỗ nào trong phần Kinh thánh này?
5. Lý do Phao-lô đem quà từ các Hội thánh người ngoại cho Hội thánh ở Giê-ru-sa-lem là gì (câu 15-28)?
6. Chiến lược truyền giáo của Phao-lô là gì? Tại sao ông muốn đi đến Tây-ban-nha?
7. Tại sao Phao-lô mô tả công việc của ông như một thầy tế lễ (câu 16) liên hệ đến Y-sơ-ra-ên như một vương quốc thầy tế lễ (Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6) hay đối với Hội thánh (I Phi-e-rơ 2:5, 9; Khải huyền 1:6)? Ông mô tả điều này như thế nào?
8. Chúa có trả lời cầu nguyện của Phao-lô trong câu 30-33 hay không?

RÔ-MA ĐOẠN 16

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Lời chào cá nhân	Gửi gắm chị Phê-bê	Chào thăm	Lời chào cá nhân	Chào thăm và chúc sức khỏe
16:1-2	16:1-2	16:1-2	16:1-2	16:1-2
	Lời chào thăm các thánh đồ ở Rôma			
16:3-16	16:3-16	16:3-16	16:3-5a 16:5b-7 16:8-11 16:12-15 16:16	16:3-5a 16:5b-16
	Tránh những người thích chia rẽ		Lời dặn dò cuối	Lời cảnh cáo và tái bút đầu
16:17-20	16:17-20	16:17-20	16:17-20a 16:20b-21	16:17-20
	Lời chào từ các bạn của Phao-lô			Lời chào thăm chót và tái bút lần thứ nhì
16:21-23	16:21-24	16:21 16:22 16:23	 16:22 16:23	16:21-23
Bài tôn vinh	Chúc phước		Lời cầu nguyện cảm tạ kết thúc	Bài tôn vinh
16:25-27	16:25-27	16:25-27	16:25-26 16:27	16:25-27

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH TỪ CÂU 1-27

A. Để ý là tất cả những người phụ nữ đề cập đến trong phần kết này đều là bạn đồng lao với Phao-lô trong việc rao giảng Tin lành (Phi-líp 4:3). Phê-bê trong câu 1; Bê-rít-sin trong câu 3; Ma-ri trong câu 6; Giu-ni-a (hay là Giu-ni-át- nếu vậy thì là người đàn ông) trong câu 7; Try-phe-nơ và Try-phô-sơ trong câu 12; Bẹt-si-đơ trong câu 12; "mẹ của ông" trong câu 13; Giu-li-a trong câu 15; và "chị em của ông" trong câu 15. Nên cẩn trọng về chủ nghĩa giáo điều liên quan đến vấn đề phụ nữ trong mục vụ. Mọi người tin Chúa đều được ban cho ân tứ (I Cô-rinh-tô 12:7, 11), đều là các mục sư trọn thời gian (Ê-phê-sô 4:12). Kinh thánh có khẳng định vấn đề lãnh đạo của phái nam là ý chỉ của Đức Chúa Trời. Trong danh sách này, chúng ta thấy có một nữ chấp sự, Phê-bê, và cũng có thể có nữ sứ đồ, Giu-ni-a (Giô-ên 2:28; Công vụ 2:16-21). Rất khó biết phải giải quyết vấn đề này dựa theo Kinh thánh là như thế nào bởi vì những câu nói dường như nghịch lý nhau của Phao-lô trong I Cô-rinh-tô 11:4-5 so sánh với 14:34.

B. Để ý những xuất thân về chủng tộc trong những cái tên này:
   1. Những người Do thái tin Chúa: A-qui-la, Bê-rít-sin, Andronicus, Giu-ni-át, Ma-ri (một số bản khác ghi là Mariam);
   2. Tên tuổi trong các gia đình quý tộc của La-mã: Bê-rít-sin, Ampliatus, Apelles, Narcissus, Julia, Philologus;
   3. Tên tuổi trong các gia đình quý tộc Do thái: Aristobulus, Herodion

C. Câu 1-16 là những lời chào cá nhân của Phao-lô, trong khi câu 17-20 là những lời cảnh cáo cuối của ông về những giáo sư giả. Trong câu 21-23 nhóm truyền giáo gởi lời chào từ Cô-rinh-tô.

D. Phần bàn luận về chương 16 trong cuốn *Tyndale New Testament Commentary* của F.F. Bruce rất có ích. Nếu bạn thích nghiên cứu tỉ mỉ hơn về những cái tên được đề cập trong chương này, bạn có thể đọc từ trang 266-284.

E. Có một số nghi ngờ về việc lá thư này đã kết thúc tại đâu. Những chỗ kết thúc có thể tìm thấy ở phần cuối của chương 14, 15 (bản P^{46}) và chương 16 trong các bản Hy-lạp cổ. Tuy nhiên, phần kết truyền thống ở 16:25-27 xuất hiện trong các bản P^{61}, א ,B, C, và D, cũng như trong các bản Hy-lạp được Clement ở Rô-ma dùng (năm 95 SCN).

   Câu 24 không có trong các bản Hy-lạp cũ hơn, P^{46}, P^{61}, א ,A, B, C, cũng không có trong bản Latin Vulgate hay là bản Hy-lạp dùng bởi Origen ở Alexandria. Để biết thêm về những vấn đề dị bản này, xin xem sách của Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, trang 533-536.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ

16:1-2 (BẢN NASB)
1 Tôi gởi gắm Phê-bê, người chị em chúng ta cho anh em, là người tôi tớ trong Hội thánh Xen-cơ-rê.2 Hãy ân cần tiếp rước người trong Chúa chúng ta, một cách xứng đáng với thánh đồ, và hãy giúp đỡ người trong mọi dịp mà người sẽ cần đến anh em; vì chính người đã giúp nhiều kẻ, và cũng giúp tôi nữa.

16:1 "Tôi gửi gắm cho anh em" Đây là thư giới thiệu cho một nữ chấp sự tên là Phê-bê. Có lẽ bà là người đem thư của Phao-lô đến Rô-ma. Có một số ví dụ khác về những loại thư giới thiệu này trong Tân ước (Công vụ 18:27; I Cô-rinh-tô 16:3; II Cô-rinh-tô 3:1; 8:18-24; và Phi-líp 2:19-30).

▣ **"Phê-bê"** Tên của bà có nghĩa là "sáng" "chói sáng"

16:1
NASB, NKJV "là người tôi tớ trong Hội thánh"
NRSV "là chấp sự của Hội thánh"
TEV "người phục vụ Hội thánh"
JB "là người nữ chấp sự của Hội thánh"

Từ ngữ này là *diakonos*. Nó là dạng ĐỐI CÁCH SỐ ÍT GIỐNG CÁI (ACCUSATIVE SINGULAR FEMININE). Đây là từ Hy-lạp chỉ người mục sư/tôi tớ. Nó được dùng cho Đấng Christ trong câu 15:8 và cho Phao-lô trong Ê-phê-sô 3:7; Cô-lô-se 1:23, 25.

Tân ước và một số văn phẩm của Hội thánh đầu tiên thời kỳ sau Kinh thánh đều có nêu bằng chứng về sự hiện hữu của chức vụ nữ chấp sự. Một ví dụ khác về việc phụ nữ làm việc trong mục vụ Hội thánh địa phương trong Tân ước là các vai trò "người góa bụa" trong các thư tín Mục vụ (I Ti-mô-thê 3:11; 5:3-16). Bản RSV và bản Phillips có chữ "nữ chấp sự" trong câu 16:1. Bản NASB và NIV có chữ này ở phần chú thích. Bản NEB có chữ "là người giữ chức." Tất cả người tin Chúa đều là những mục sư toàn thời gian, được ban ân tứ và được kêu gọi (Ê-phê-sô 4:12). Một số thì được kêu gọi vào vai trò lãnh đạo mục vụ (Ê-phê-sô 4:11). Truyền thống của chúng ta phải nhường chỗ cho Kinh thánh! Những chấp sự và nữ chấp sự thời xưa là những tôi tớ, chứ không phải ở trong những hội đồng quản trị.

Học giả M.R. Vincent trong cuốn *Word Studies*, tập 2, trang 752 và 1196, nói rằng *Hiến chương Sứ đồ (Apostolical Constitutions*) xuất hiện trong thời điểm từ cuối thế kỷ thứ hai đến đầu thế kỷ thứ ba, phân biệt các nhiệm vụ và sự phong chức những người nữ giúp đỡ trong Hội thánh.

1. Nữ chấp sự
2. Người góa bụa (I Ti-mô-thê 3:11; 5:9-10)
3. Những người gái đồng trinh (Công vụ 21:9 và có lẽ trong I Cô-rinh-tô 7:34)

Những trách nhiệm gồm có:

1. Chăm sóc cho người bệnh
2. Chăm sóc cho những người bị bắt bớ, đánh đập
3. Thăm những người bị tù vì đức tin
4. Dạy những tín hữu mới
5. Phụ giúp làm báp-têm cho những người nữ
6. Một số coi sóc các thành viên phụ nữ khác trong Hội thánh

▣ **"Xen-cơ-rê"** Đây là một trong hai cảng của thành phố Cô-rinh-tô. Cảng này nằm ở phía đông (Công vụ 18:18).

16:2 "hãy tiếp người trong Chúa trong một cách phải lẽ" Đây là dạng BÀN THÁI CÁCH TRUNG CÁCH [deponent] QUÁ KHỨ (AORIST MIDDLE SUBJUNCTIVE) của từ *prosdechomai*, có nghĩa là "tiếp đãi tử tế như một người khách" (Phi-líp 2:29). Phao-lô tin cậy người phụ nữ này và muốn Hội thánh cũng tiếp nhận bà và giúp đỡ bà thay cho ông.

▣ **"các thánh đồ"** Chữ này có nghĩa là "người thánh" Nó mô tả không những vị trí của người tin Chúa trong Chúa Jêsus nhưng cũng mô tả đời sống tin kính được mong mỏi nơi họ, dần dần bày tỏ bản chất gắn với vị trí mới của họ trong Chúa. Chữ "thánh đồ" luôn ở ở dạng SỐ NHIỀU trừ một trường hợp trong Phi-líp (4:21), và ngay cả trong trường hợp đó nó mang ý nghĩa tập thể. Là một Cơ đốc nhân là thuộc về một cộng đồng đức tin, một gia đình, một thân thể. Hội thánh hiện đại ở phương Tây đã đánh giá thấp khía cạnh tập thể của đức tin theo Kinh thánh này! Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:7.

▣ **"giúp đỡ người trong bất cứ điều gì người cần"** Có hai BÀN THÁI CÁCH ở đây. Chữ đầu, *paristemi* (CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ) có nghĩa là "đứng gần bên để giúp đỡ." Chữ thứ hai, *chrezo* (CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI), có nghĩa là "giúp bất cứ điều gì cần" (II Cô-rinh-tô 3:1).

Điều này chỉ những sự chu cấp vật chất cho những mục sư lưu động. Đây là mục đích của các lá thư giới thiệu.

▣ **NASB, NKJV "đã giúp nhiều người"**
NRSV "đã giúp đỡ nhiều người"
TEV "vì chính người đã trở thành bạn tốt của nhiều người khác"
JB " đã chăm sóc cho rất nhiều người khác"

Chữ *proistatis*, được thấy chỉ ở tại đây trong cả Tân ước. Điều này có thể chỉ sự giúp đỡ vật chất hay tài chính. Chữ này từ nguyên gốc chỉ một bà chủ giàu có. Vì Phê-bê đi đến Rô-ma (câu 1) và đã giúp đỡ nhiều người (câu 2), điều này có thể đúng trong quá khứ trong trường hợp của bà.

16: 3-16 (BẢN NASB)
3 **Hãy chào Bê-rít-sin và A-qui-la, kẻ cùng làm việc với tôi trong Đức Chúa Jêsus Christ,**4 **là hai
người liều chết để cứu sự sống tôi; ấy chẳng những một mình tôi tạ ơn hai người, nhưng cả các
Hội thánh của dân ngoại nữa.**5 **Cũng hãy chào Hội thánh nhóm tại nhà hai người. Hãy chào Ê-
bai-nết, là người rất thiết với tôi, và đã nên trái đầu mùa trong xứ A-si cho Đấng Christ.**6 **Hãy
chào Ma-ri, là người có nhiều công khó vì anh em.**7 **Hãy chào An-trô-ni-cơ và Giu-ni -a, tức là
bà con và bạn đồng tù với tôi, là hai người có danh vọng trong các sứ đồ và thuộc về Đấng
Christ trước tôi vậy.**8 **Hãy chào Am-li -a, người rất yêu dấu của tôi trong Chúa.** 9 **Hãy chào U-
rơ-banh, bạn cùng làm việc với tôi trong Đấng Christ, và Ech-ta-chy, là kẻ rất thiết với tôi.**10
**Hãy chào A-be-lơ, người được tiếp nạp trong Đấng Christ. Hãy chào các ngươi ở nhà A-rích-tô-
bu.**11 **Hãy chào Hê-rô-đi-ôn, là bà con tôi. Hãy chào các người ở trong nhà Nạt-xít, là những kẻ ở
trong Chúa.**12 **Hãy chào Try-phe-nơ và Try-phô-sơ, là hai người làm việc cho Chúa. Hãy chào
Bẹt-si-đơ, người rất thân với tôi, và đã làm việc nhiều cho Chúa.**13 **Hãy chào Ru-phu, người
được chọn của Chúa, và chào mẹ người, cũng là mẹ tôi.**14 **Hãy chào A-sin-cơ-rích, Phơ-lê-gôn,
Hẹt-me, Ba-trô-ba, Hẹt-ma, và các anh em ở với họ.**15 **Hãy chào Phi-lô-lô-gơ và Giu-li, Nê-rê và
chị người, Ô-lim, và hết thảy các thánh đồ ở với họ.**16 **Anh em hãy lấy cái hôn thánh mà chào
nhau. Hết thảy các Hội thánh của Đấng Christ chào anh em.**

16:3 "Bê-rít-sin và A-qui-la" Lu-ca gọi bà là "Priscilla." Bà thường được kể tên trước chồng bà, là điều rất khác thường (Công vụ 18:18, 26; I Cô-rinh-tô 16:19; II Ti-mô-thê 4:19). Có lẽ bà thuộc dòng quý tộc La mã hay là một cá tính nổi trội hơn trong cặp này. Phao-lô và cặp vợ chồng này đều là những người may trại hay thợ thuộc da. Phao-lô gọi họ là 'bạn đồng lao trong Đấng Christ" Có lẽ ông biết được những điểm mạnh và yếu của Hội thánh Rô-ma từ hai người này.

16:4 "đã liều chết" Đây là thành ngữ xuất phát từ thuật ngữ diễn tả "cái đao của người đao phủ." Kinh thánh yên lặng không cho biết Phao-lô có ý gì khi dùng cụm từ này.

▣ **"là những người mà chẳng những tôi tạ ơn thôi, nhưng các Hội thánh dân ngoại nữa"** Phao-lô rất cảm kích tình bạn và sự giúp đỡ tận tình của cặp vợ chồng này. Ông thậm chí mở rộng sự phục vụ của họ đến "tất cả các Hội thánh dân ngoại." Thật là một sự khẳng định và cảm tạ rất rộng lớn! Nó có thể chỉ việc họ khích lệ và hướng dẫn A-bô-lô (Công vụ 18: 24-28).

16: 5 "Hội thánh" Điều này chỉ những con người chứ không phải một ngôi nhà. Chữ này có nghĩa là "những người được gọi ra khỏi." Trong Cựu ước sử dụng tiếng Hy lạp, bản LXX, từ này được dùng để dịch chữ Hê-bơ-rơ *qahal*, dịch là "hội chúng." Hội thánh đầu tiên xem chính họ là những người kế tục tự nhiên và là sự làm thành "hội chúng Y-sơ-ra-ên" của Cựu ước, mà không phải là một nhóm chia rẽ ra.

▣ **"ở nhà của họ"** Những người Cơ đốc đầu tiên nhóm lại trong nhà (16:23; Công vụ 12:12; I Cô-rinh-tô 16:19; Cô-lô-se 4:15 và Phi-lê-môn 2). Các tòa nhà gọi là nhà thờ chỉ xuất hiện từ thế kỷ thứ ba SCN.

▣ **"Ê-bai-nết"** Tên của người này có nghĩa là "được khen ngợi."

▣ **"là người cải đạo đầu tiên"** Điều này cũng được dành cho nhà Stephanas trong I Cô-rinh-tô 16:15.

▣ **"từ xứ A-si"** Điều này chỉ một tỉnh của La mã là phần tạo nên một phần ba vùng phía Tây của nước Thổ-nhĩ-kỳ ngày nay.

16:6 "Mari, là người đã làm việc cật lực vì anh em" Chúng ta không biết gì thêm về người này. Bà có thể là nhà truyền giáo từ Hội thánh Rô-ma. Nhiều tín hữu tuyệt vời, tin kính Chúa khác cũng vậy, mặc dù chúng ta không biết nhưng Chúa thì biết rõ.

16:7 "bạn đồng tù với tôi" Nhiều học giả ngày nay không chắc Phao-lô đang nói đến tù ở nơi nào. Phao-lô đã chịu khổ rất nhiều vì đức tin của ông (II Cô-rinh-tô 4:8-11; 6:4-10; 11:25-28). Ông bị tù ở Phi-líp, Sê-sa-rê, Rô-ma, và có lẽ ở nhiều nơi khác nữa (Ê-phê-sô, I Cô-rinh-tô 15:32; II Cô-rinh-tô 1:8).

▣ **"Giu-ni-a"** Tên này có thể là GIỐNG ĐỰC hay GIỐNG CÁI, là điều được quyết định bởi các dấu nhấn sau này. Có một số dị bản trong tiếng Hy-lạp, "*Iounian*," được tìm thấy trong các bản א ,A, B, C, D, F, G và P, nhưng không có dấu nhấn. Dấu nhấn chỉ giống cái được tìm thấy trong các bản B^2, D^2 và 0150. Các bản papyrus P^{46} và các bản dịch Vulgate và Coptic, cũng như các bản Hy-lạp được Jerome sử dụng, có chữ *Ioulian*, là từ thuộc giống cái. Một số học giả cho rằng đây là lỗi sao chép. Dạng giống cái này có xuất hiện trong câu 16:15. Có thể hai người được nêu tên trong câu 7 là (1) hai người tin Chúa người Do thái bị bỏ tù với Phao-lô; (2) một người anh và một em gái; hay là (3) chồng và vợ. Nếu nó ở dạng giống cái và nếu cụm từ "các sứ đồ" chỉ một cách sử dụng rộng rãi hơn là chỉ cho "Nhóm mười hai sứ đồ," thì đây là một nữ sứ đồ.

Điều thú vị là cách đánh vần chữ "Junias" không được tìm thấy trong bất cứ bản văn chương hay bia mộ La mã nào nhưng chữ "Junia" lại rất phổ biến. Đây là tên một gia đình La mã. Muốn biết thêm chi tiết về vấn đề người nữ trong mục vụ xin xem *Women Leaders and the Church*, viết bởi Linda L. Belleville, trang 188, chú thích 42.

▣ **NASB "là những người nổi bật trong vòng các sứ đồ"**
NKJV "là những người đáng để ý đến trong vòng các sứ đồ"
NRSV "họ là những người tiếng tăm trong vòng các sứ đồ"
TEV "họ là những người nổi tiếng trong vòng các sứ đồ"
NJB "những sứ đồ nổi bật"

Đây có thể chỉ Mười hai sứ đồ, nếu vậy hai người này nổi bật trong vòng họ, hoặc là trong nhóm rộng lớn hơn gồm các mục sư gọi là "sứ đồ" (Công vụ 14:4, 14; 18:5; I Cô-rinh-tô 4:9; Ga-la-ti 1:19; Phi-líp 2:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:6). Ngữ cảnh này hàm ý cách dùng rộng rãi hơn, như trong Ê-phê-sô 4:11, nhưng MẠO TỪ XÁC ĐỊNH thì lại hàm ý Mười hai sứ đồ.

▣ **"cũng là những người thuộc về Christ trước tôi"** Điều này rõ ràng có nghĩa là họ đã được cứu và năng nổ trong sự phục vụ Đấng Christ trước kinh nghiệm của Phao-lô trên đường đi Đa-mách.

16:8-16 Những tên tuổi trong phần này không được giới học thuật biết đến. Họ được Đức Chúa Trời yêu mến nhưng tên tuổi và sự phục vụ của họ không được ghi chép lại trong Tân ước hay trong các văn chương Cơ đốc thời kỳ đầu tiên. Điều đáng để ý là có một sự trộn lẫn giữa tên của các nô lệ và tên của các gia đình quyền quí người người Do thái và La mã. Có nam có nữ. Có những người tự do giàu có và có những nhà giảng đạo lưu động. Có những người ngoại từ Persia. Mọi ranh giới đều bị gạt bỏ trong Hội thánh của Chúa Jêsus Christ (3:22; 10:12; Giô-ên 2:28-32 [Công vụ 2:14-21]; I Cô-rinh-tô 12:11; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11)!

16: 8 "Ampliatus" Chữ này cũng giống như Bê-rít-sin và Giu-ni-a, là tên của các gia đình La mã nổi tiếng.

▣ **"người yêu dấu của tôi trong Chúa"** Chữ "người yêu dấu" được Đức Chúa Cha sử dụng để nói về Đức Chúa Con trong Ma-thi-ơ 3:17 và 17:5, có thể là danh hiệu từ Những bài Ca Người nô lệ trong Ê-sai (Ma-thi-ơ 12:18, trích từ Ê-sai 42:1). Tuy nhiên, Phao-lô dùng nó để chỉ người tin Chúa (1:7; 16:8, 9; I Cô-rinh-tô 4:14, 17; 15:58; Ê-phê-sô 6:21; Phi-líp 2:12; Cô-lô-se 4:7,9, 14; I Ti-mô-thê 6:2; Phi-lê-môn câu 16).

16:9 "Urbanus" Chữ này có nghĩa là "cư dân thành thị" hay là "có gốc thành thị."

▣ **"trong Đấng Christ"** Đây là cụm từ được lặp đi lặp lại, cùng với chữ "trong Chúa," xuyên suốt chương này. Những người hầu việc Chúa thuộc về một gia đình, một Cứu Chúa.

▣ **"Stachys"** Đây là một tên hiếm có nghĩa là "bông" (lúa). Khảo cổ học đã tìm thấy tên này có liên hệ đến gia đình Sê-sa.

16:10 "được chấp nhận trong Christ" Đây là cụm từ thành ngữ chỉ những người đã qua các thử nghiệm và vẫn giữ sự trung thành. Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 2:18.

▣ **"những người nhà"** Một số học giả suy đoán rằng đây là cụm từ chỉ các nô lệ phục vụ trong nhà của Aristobulus, không phải là thành viên trong gia đình, và cũng mang ý này trong câu 11, "người nhà Narcissus."

▣ **"của Aristobulus"** Một số học giả (Lightfoot) cho rằng đây là anh em của Hê-rốt Ạc-ríp-ba I (trong sách Công vụ vua này đã ra lệnh chém Gia-cơ). Nếu vậy, nó cho thấy thể nào Phúc âm đã bắt đầu thâm nhập vào gia đình hoàng gia người Ê-đôm.

16:11 "Herodian" Đây có lẽ là một nô lệ trong gia đình Hê-rốt.

▣ **"người nhà Narcissus"** Đây có thể chỉ nô lệ nổi tiếng của hoàng đế Claudius. Nếu vậy, nó cho thấy thể nào Tin lành đã bắt đầu thâm nhập vào hoàng tộc La mã.

16:12 "Tryphaena" Chữ này có nghĩa là "chọn lọc, thanh nhã."

▣ **"Tryphosa"** Chữ này có nghĩa là "tinh xảo, mảnh dẻ." Họ có thể là chị em với nhau, hay là cặp song sinh.

▣ **"chịu khó nhọc"** Chữ này mang ý nghĩa trong lao động "đến mức kiệt sức."

▣ **"Persis"** Có nghĩa là "người phụ nữ Persian."

16:13 "Rufus" Tên này có nghĩa là "đỏ" hay "đầu đỏ." Có một người tên là Rufus nổi tiếng ở Rô-ma (Mác 15:21). Liệu người này là người được nói đến ở đây hay không thì không chắc được.

▣ **NASB "một người chọn lựa trong Chúa"**
NKJV, NRSV "người được lựa chọn trong Chúa"
TEV "người nổi bật trong sự phục vụ Chúa"
JB "một đầy tớ được chọn lựa của Chúa"

Chữ này theo nghĩa đen là "người được lựa chọn." Ở đây chữ này không chỉ liên hệ đến sự kêu gọi của Đức Chúa Trời, nhưng cũng liên hệ đến lối sống phục vụ. Mẹ của ông cũng đã đối xử với Phao-lô một cách đầy yêu thương.

16:14 "Hermes" Đây là tên của vị thần may mắn. Đây là tên phổ biến của nô lệ trong thế kỷ thứ nhất trong thế giới Hy-La ngày xưa.

16:15 "tất cả các thánh đồ" Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:7

16:16 "cái hôn thánh" Không có những bằng chứng thời kỳ ban đầu ai hôn ai, hay là khi nào, ở đâu. Sau đó trong lịch sử đàn ông hôn đàn ông trên má và đàn bà hôn đàn bà (I Cô-rinh-tô 16:20; II Cô-rinh-tô 13:12; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:26; I Phi-e-rơ 5:14). Cách chào này trở thành vấn đề trong Hội thánh và bị người chưa tin Chúa hiểu lầm và vì vậy đã được chấm dứt.

16:17-20 (BẢN NASB)
17 **Hỡi anh em, tôi khuyên anh em coi chừng những kẻ gây nên bè đảng và làm gương xấu, nghịch cùng sự dạy dỗ mà anh em đã nhận. Phải tránh xa họ đi,**18 **vì những kẻ đó chẳng hầu việc Đấng Christ, Chúa chúng ta, song hầu việc cái bụng họ, và lấy những lời ngọt ngào dua nịnh dỗ dành lòng kẻ thật thà.**19 **Sự anh em vâng phục thì ai ai cũng biết rồi, vậy tôi vì anh em vui mừng, mong rằng anh em hãy khôn ngoan trong việc làm lành, và non nớt trong việc dữ.** 20
Đức Chúa Trời bình an sẽ kíp giày đạp quỉ Sa-tan dưới chơn anh em. Nguyền xin ân điển của Đức Chúa Jêsus chúng ta ở cùng anh em!

16:17 Lời cảnh cáo này dường như được đưa vào ngữ cảnh một cách bất ngờ. Có một danh sách trong câu 17-18 về những điều các giáo sư giả này làm:

1. Họ khơi dậy sự chia rẽ
2. Họ đặt những rào cản trên đường của những người tin Chúa
3. Họ dạy những điều chống lại lời dạy của Hội thánh
4. Họ phục vụ chính bụng mình
5. Họ lừa đảo tấm lòng của những người nhẹ dạ bởi lối ăn nói dua nịnh, mượt mà của họ

▣ **"Phải tránh xa họ"** Đây là dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Đây là một chủ đề thường lặp đi lặp lại (Ga-la-ti 1:8-9; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:6, 14; II Giăng 10).

16:18
NASB, NRSV, TEV "cái bụng của chính họ"
NKJV "cái bụng của chính họ"
NJB "sự tham lam của họ"
Nghĩa đen của nó là 'cái bụng' (Phi-líp 3:19; Tít 1:12). Các giáo sư giả xoay hướng mọi sự vào ích lợi cho chính mình.

▣ **"bởi lời dua nịnh mượt mà của họ"** Các giáo sư giả thường có ngoại hình hấp dẫn và có một cá tính năng động (Cô-lô-se 2:4). Họ thường dùng lý luận trong những lúc trình bày. Hãy xem chừng! Có một số thử nghiệm trong Kinh thánh để xác định ai là giáo sư giả được tìm thấy trong Phục truyền luật lệ ký 13:1-5; 18:22; Ma-thi-ơ 7; Phi-líp 3:2-3, 18-19; I Giăng 4:1-6.

▣ **"dỗ dành lòng kẻ thật thà"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE) cho thấy sự lừa đảo cứ tiếp diễn. Những tín hữu mới và non nớt này dễ bị đánh lừa ("non nớt trong sự ác").

16:19 "sự anh em vâng phục thì ai ai cũng đã biết" Điều này đã được nói đến trong câu 1:8. Đây là một trong những lối nói cường điệu của Phao-lô.

▣ **"hãy khôn ngoan trong việc làm lành, và non nớt trong việc dữ"** Điều này phản ánh lời dạy của Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 10:16; Lu-ca 10:3).

16:20 "Đức Chúa Trời của sự bình an" đây là một danh hiệu tuyệt vời cho Đức Chúa Trời (15:33; II Cô-rinh-tô 13:16; Phi-líp 4:9; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 và Hê-bơ-rơ 13:20).

▣ **"sẽ sớm giày đạp Satan dưới chân anh em"** Đây là câu ám chỉ Sáng thế ký 3:15. Mối liên hệ của người tin Chúa với Đấng Mết-si-a cũng mang lại cho họ chiến thắng (I Giăng 5:18-20). Đây là một lời hứa và là một trách nhiệm lớn lao. Trong ngữ cảnh này Satan tượng trưng cho sự rối loạn và chia rẽ gây ra bởi các giáo sư giả là điều gây cho Hội thánh đánh mất sự tập trung vào Đại mạng lệnh. Đằng sau những giáo sư giả là quyền lực thuộc về ma quỷ! Tuy nhiên, Phúc âm đẩy lùi tối tăm và sự gian ác cho những người muốn nhận lấy Phúc âm và sống theo nó. Một cuốn sách ích lợi về vấn đề này là *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare* viết bởi Clinton E. Arnold.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC

Đây là một chủ đề khó bởi vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù của điều lành, nhưng là một tôi tớ của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không thuộc kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy-la.

Nếu chúng ta giả định rằng mình đứng trên lập trường thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải canh phòng không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khải thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Satan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29;4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)
2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sử ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Satan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các "con trai của Đức Chúa Trời" trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Trong Tân ước các hoạt động này trong Cựu ước thường được gán cho điều ác vốn được nhân cách hóa và mang

tính thiên thần (tức là Satan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc của hiện thân điều ác thật khó, thậm chí không thể truy xét được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Một lý do đó là vì tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Satan là một trong những "con trai Đức Chúa Trời" (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Satan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là satan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Satan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình thiêng liêng.

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763)] và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jêsus đã hoàn toàn tẻ tách khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khải niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Satan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là "cuộc chiến trên thiên đàng." Sự sa ngã của Satan là một điều cần có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương thời cuối cùng (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Satan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải nén lại sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự cám dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

▣ **"ân điển của Chúa Jêsus Christ chúng ta ở cùng anh em"** Đây là cách kết thúc thông thường của Phao-lô (I Cô-rinh-tô 16:23; II Cô-rinh-tô 13:14; Ga-la-ti 6:18; Phi-líp 4:23; Cô-lô-se 4:18; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:28; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18 và Khải huyền 22:21). Có thể chính tay ông viết điều này. Đây là cách ông xác nhận thư của ông (II Tê-sa-lô-ni-ca 3:17; I Cô-rinh-tô 16:21; Cô-lô-se 4:18).

16:21 (BẢN NASB)

21 **Ti-mô-thê, kẻ cùng làm việc với tôi chào anh em, Lu-si-út, Gia-sôn và Sô-xi-ba-tê, là bà con tôi cũng vậy.**

16:21-23 Những câu này nằm ở phần tái bút. Các đồng nghiệp của Phao-lô ở Cô-rinh-tô gửi lời chào thăm.

16:21 "Lu-si-út" Đây có lẽ là (1) bác sĩ Lu-ca (Cô-lô-se 4:14), hay có lẽ là một thành ngữ chỉ "một người có học vị cao"; (2) Lu-si-út ở Cyrene (Công vụ 13:1); hay là (3) một Cơ đốc nhân vô danh.

▣ **"Gia-sôn"** Đây có lẽ là Gia-sôn mà Phao-lô đã ở trọ nhà ông tại Tê-sa-lô-ni-ca (Công vụ 17:5-9).

▣ **"Sô-xi-ba-tê"** Người này có lẽ là Sopater ở Bê-rê trong Công vụ 20:4.

16:22 (BẢN NASB)
22 **Tôi là Tẹt-tiu, người chép bức thơ nầy, chào thăm anh em trong Chúa.**

16:22 "Tôi, Tẹt-tiu, người chép bức thơ này" Phao-lô sử dụng một thư ký (*amanuensis*) để viết thư cho ông (I Cô-rinh-tô 16:21; Ga-la-ti 6:11; Cô-lô-se 4:18; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:17). Tôi nghĩ Phao-lô mắt kém không thể viết những chữ vừa nhỏ vừa khít để ít tốn chỗ trên một trang giấy papyrus hay cuộn giấy da (Ga-la-ti 6:11).

16:23-24 (BẢN NASB)
23 **Gai-út là người tiếp đãi tôi cùng tiếp đãi cả Hội thánh, chào anh em. Ê-rát, quan kho bạc thành phố, và Qua-rơ-tu, người anh em chúng ta, cũng chào anh em nữa. 24 [Nguyền xin ân điển của Chúa Jêsus Christ chúng ta ở cùng hết thảy các anh em. Amen.]**

16:23 "Gai-út" Đây có lẽ là (1) Gaius Titus Justus trong Công vụ 18:7; (2) Gai-út ở Đẹt-bơ (Công vụ 19:29; 20:4; I Cô-rinh-tô 1:14); hay là (3) Gai-út trong III Giăng 1.

▣ **"tiếp đãi tôi** cùng **cả Hội thánh"** Đây là sự hiếu khách cần có trong Hội thánh. Một số tín hữu có tài sản, phương tiện đã ngỏ lời giúp các mục sư lưu động chỗ ăn chỗ ở. Một số khác, như người này, đã mở cửa nhà để làm nơi nhóm họp cho các buổi tụ tập. Nhóm tại nhà đã là một điều rất thông thường khoảng hơn một trăm năm đầu.

▣ **"Ê-rát, quan kho bạc thành phố"** Ông cũng được nhắc đến trong Công vụ 19:22; II Ti-mô-thê 4:20. Ông có một mục vụ lưu động hợp tác với Phao-lô.

▣ **"Qua-rơ-tu"** Chữ này trong tiếng La-tin nghĩa là "thứ tư" (fourth). Ông có lẽ là anh em với Tẹt-tiu, trong tiếng La-tin nghĩa là "thứ ba" (third) (câu 22).

16:24 Câu này không có trong các bản Hy-lạp cổ hơn như $P^{46,61}$, א ,A, B, C và 0150. Nó được tìm thấy trong một số bản Hy-lạp sau câu 16:23 và một số bản khác sau câu 16:27. Rõ ràng đây không phải là nguyên bản của Phao-lô. Nó bị loại ra trong các bản dịch NASB, NRSV, TEV, và NJB. Bản UBS^4 cho việc bỏ những chữ này ra ở loại A nghĩa là "chắc chắn." Nó toan kết thúc bức thư tại đây và điều này liên hệ đến vấn đề bài tôn vinh đặt ở cuối chương 14, 15, và 16 trong một số bản Hy-lạp cổ.

16:25-27 (BẢN NASB)
25 **Ngợi khen Đấng có quyền làm cho vững chí anh em theo Tin Lành của tôi và lời giảng Đức Chúa Jêsus Christ, theo sự tỏ ra về lẽ mầu nhiệm, là lẽ đã giấu kín từ mọi đời trước,**26 **mà bây giờ được bày ra, và theo lịnh Đức Chúa Trời hằng sống, bởi các sách tiên tri, bày ra cho mọi dân đều biết, đặng đem họ đến sự vâng phục của đức tin,**27 **nhơn Đức Chúa Jêsus Christ, nguyền xin vinh hiển về nơi Đức Chúa Trời khôn ngoan có một, đời đời vô cùng! A-men.**

16:25-27 Đây là một câu liên tục trong tiếng Hy-lạp. Lời chúc phước này có thể được tìm thấy trong phần cuối của hai chương 14 và 15. Ngữ cảnh này tóm lại một số chủ đề chính của thư, có lẽ được chính tay Phao-lô viết.

Một số cho rằng bài tôn vinh có lẽ là (1) lời mở đầu (cover letter) cho bức thư được luân chuyển của Hội thánh Ê-phê-sô hay là (2) cho những người đang trên đường đến Rô-ma bởi vì (a) Phao-lô chưa bao giờ viếng thăm Rô-ma, nhưng ông chào thăm 26 người; (b) chương 16 là chỗ đầu tiên nói đến các giáo sư giả; và (c) bài tôn vinh này xuất hiện trong các bản Hy-lạp ở nhiều địa điểm khác nhau. Cũng có thể là Phao-lô sao chép ra 2 bản, chương 1-14 cho Hội thánh Rô-ma, và chương 1-16 cho Hội thánh Ê-phê-sô.

Thông thường những sự xác nhận này được trả lời qua (1) sự kiện rằng có nhiều cán sự Cơ đốc thời kỳ đầu hay đi chỗ này chỗ nọ; (2) sự kiện rằng không có một bản Hy-lạp nào của thư Rô-ma lại không có chương 16; và (3) có thể các giáo sư giả được ngầm hiểu trong câu 14:1-15:13.

16:25 "Đấng có quyền" Đây là một danh hiệu tuyệt vời nữa dành cho Chúa được dùng 3 lần trong Tân ước (Ê-phê-sô 3:20: Giu-đe 24).

Để ý cách Đức Chúa Trời ban quyền cho các tín hữu.

1. Phúc âm từ Phao-lô
2. Sự giảng dạy về Chúa Jêsus Christ
3. Sự bày tỏ chương trình cứu rỗi đời đời của Đức Chúa Trời đã được giấu kín (mầu nhiệm)

Người tin Chúa được ban cho có quyền bởi sự hiểu biết Phúc âm. Phúc âm này giờ đây đã có sẵn cho mọi người!

▣ **"sự mầu nhiệm"** Đức Chúa Trời có một mục đích hiệp nhất cho chương trình cứu rỗi con người ngay cả trước sự sa ngã (Sáng thế ký 3). Các gợi ý của chương trình này được bày tỏ trong Cựu ước (Sáng thế ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô ký 19:5-6; và các đoạn liên quan đến toàn thể nhân loại trong các sách tiên tri). Tuy nhiên, toàn bộ kế hoạch này đã không được rõ (I Cô-rinh-tô 2:6-8). Khi Chúa Jêsus và Thánh Linh đến, nó trở nên rõ ràng hơn. Phao-lô dùng chữ "mầu nhiệm" để mô tả toàn bộ chương trình cứu rỗi này (I Cô-rinh-tô 4:1; Ê-phê-sô 2:11-3:13; 6:19; Cô-lô-se 4:3; I Ti-mô-thê 1:9). Tuy nhiên ông dùng nó trong một số cách khác nhau:

1. Sự làm cứng lòng một phần người Y-sơ-ra-ên để đem vào một số người ngoại. Việc những người ngoại tràn vào sẽ hoạt động như một cơ cấu khiến những người Do thái tiếp nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ của lời tiên tri (Rô-ma 11:25-32).
2. Tin lành được rao giảng cho mọi nước, bao gồm tất cả mọi người ở trong Christ và qua Christ (Rô-ma 16:25-27; Cô-lô-se 2:2).
3. Thân thể mới của những người tin Chúa trong ngày Chúa trở lại (I Cô-rinh-tô 15:5-57; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).
4. Việc tóm lại mọi sự trong Christ (Ê-phê-sô 1:8-11)
5. Người ngoại và người Do thái là những kẻ đồng kế tự (Ê-phê-sô 2:11-3:13)
6. Sự khắng khít trong mối liên hệ giữa Đấng Christ và Hội thánh được mô tả bằng các từ ngữ trong hôn nhân (Ê-phê-sô 5:22-33).
7. Người ngoại được kể vào trong dân giao ước và được Thánh Linh của Christ ngự vào để trở nên trưởng thành giống với Đấng Christ, tức là, phục hồi lại ảnh tượng bị hoen ố của Đức Chúa Trời khi con người sa ngã (Sáng thế ký 6:5, 11-13; 8:21) của Đức Chúa Trời nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1; 9:6; Cô-lô-se 1:26-28).
8. Thời kỳ cuối cùng của Anti Christ (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-11)
9. Tóm tắt của Hội thánh đầu tiên về sự mầu nhiệm được tìm thấy trong I Ti-mô-thê 1:16.

16:26 "bây giờ được bày tỏ" Sự mầu nhiệm hay chương trình của Đức Chúa Trời giờ đây đã được bày tỏ rõ ràng cho mọi người. Đó là Phúc âm của Chúa Jêsus Christ (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

▣ **"và bởi Kinh thánh"** Đức Chúa Trời đã bày tỏ sự mầu nhiệm này qua con người và công tác của Chúa Jêsus. Điều này đã được báo trước qua các tiên tri Cựu ước. Sự thiết lập một Hội thánh Tân ước bao

gồm những người tin Chúa người ngoại và những người tin Chúa người Do thái luôn là mục đích từ trước đến giờ của Ngài (Sáng thế ký 3;15)!

▣ **NASB "*dẫn đến* sự vâng phục của đức tin"**
NKJV "vì sự vâng phục đến đức tin"
NRSV "để đem đến sự vâng phục của đức tin"
TEV "dẫn đến sự vâng phục đức tin"
JB "đem họ đến sự vâng phục của đức tin"
Có nhiều cách để hiểu cụm từ này; nó có thể chỉ (1) giáo lý về Đấng Christ; (2) tin cậy nơi Đấng Christ; hay là (3) sự vâng phục Phúc âm lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Sự vâng phục phải được kết hợp thần học với ý niệm ăn năn và đức tin (Mác 1:15; Công vụ 3:16, 19; 20:21).

16:27 "Đức Chúa Trời khôn ngoan có một" Đây là câu ám chỉ tính độc thần (Phục truyền luật lệ ký 6:4-5). Cơ đốc giáo chỉ có một Đức Chúa Trời, giống như Do thái giáo, tuy nhiên, thần tính đầy đủ của Chúa Jêsus và thân vị đầy đủ của Thánh Linh buộc chúng ta phải đi đến cái gọi là "ba-hợp nhất," hay là Ba Ngôi.

▣ **"nguyền xin vinh hiển đời đời"** Xin xem chú thích ở câu 3:23.

▣ **"Amen"** Xin xem Chủ đề Đặc biệt ở câu 1:25.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái'điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Làm sao Phao-lô có thể biết được hết những người này trong Hội thánh Rô-ma trong khi ông chưa bao giờ đến đó?
2. Có bằng chứng Kinh thánh nào về sự có mặt của các nữ chấp sự hay không (16:1; I Ti-mô-thê 3:11; 5:3-16)?
3. Việc có rất nhiều phụ nữ được liệt kê trong chương này có hàm ý gì?
4. Mô tả phương pháp và sứ điệp của các giáo sư giả (câu 17-18).

PHỤ LỤC MỘT

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất 'lỏng' (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vế câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động…) và lối (mood) (hình thái học (accidence or morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

I. THÌ (TENSE)

A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là "hoàn thành" hay "chưa hoàn thành."
   1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
   2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn…

B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao
   1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
   2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
   3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)

4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
6. Sẽ diễn ra= TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ "cứu." Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- 'đã cứu' (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- 'đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- "được cứu" (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TƯƠNG LAI- 'sẽ được cứu' (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn 'không màu mè' là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường "không cụ thể," "không định lằn ranh," hoặc "không dễ ngã ngũ." Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoáy vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê-sô 2:5 và 8, "các ngươi đã và vẫn tiếp tục được cứu."
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: "Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài" (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: "Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội," "những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội" (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mối liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mối liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). Thì CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: "Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài" hay là "cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài" (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: "Phước cho…họ sẽ…" (Ma-thi-ơ 5:4-9)

II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1;22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)

3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:
1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: "từ treo cổ hắn" (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: "Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng" (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ "họ bàn với nhau" (Ma-thi-ơ 26:4).

III. LỐI (MOOD)

A. Có bốn lối trong tiếng Hy lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lối này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).

B. LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lối thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lối <u>duy nhất</u> trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định, và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.

C. LỐI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỐI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỐI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như "could," "would," "may," hay "might."

D. LỐI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỐI BÀN THÁI. LỐI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỐI MONG MỎI rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, "Chẳng hề như vậy" (KJV, "Lạy Trời đừng có chuyện như vậy"), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31: 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.

E. LỐI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỐI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân ước.

F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lối trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước , thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vị rộng các cách dịch những động

tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.

G. CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một cách rất thông thường và "chưa được định lằn ranh" để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng, và lối khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

A. Friberg, Barbara and Timothy. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.
B. Marshall, Alfred. *Interlinear Greek-English New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.
C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.
D. Summer, Ray. *Essentials of New Testament Greek*. Nashville: Broadman, 1950.
E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

V. DANH TỪ (NOUNS)

A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.

B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:
1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nối "là" hay "trở thành."
2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, "Loại gì?" Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ "of" trong tiếng Anh.
3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như SỞ HỬU CÁCH, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ "from."
4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ "to."
5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như TẶNG CÁCH, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ "in, on, at, among, during, by, upon, beside."
6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với TẶNG CÁCH và VỊ TRÍ CÁCH. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ "by" "with."
7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, "Xa bao nhiêu?" hay là "Cho đến mức nào?"
8. XƯNG HÔ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (vế câu, câu, và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.

B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được góp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).
   1. Từ nối chỉ thời gian
      a. *Epei, epeid e, hopote, hos, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
      b. *Hoes*- “trong khi”
      c. *Hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
      d. *Hoes, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
      e. *Priv* (nguyên mẫu)– “trước”
      f. *Hos* – “từ khi” “khi”
   2. Từ nối chỉ sự lô-gích
      a. Chỉ mục đích
         (1) *Hina, hopos, hos* (bàn thái cách)- “để mà”
         (2) *Hoste (nguyên mẫu đối cách)*- “để”
         (3) *Pros (nguyên mẫu đối cách), eis (nguyên mẫu đối cách)*- “để”
      b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
         (1) *Hoste (nguyên mẫu,* đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
         (2) *Hiva (bàn thái)*- “để mà”
         (3) *Ara*- “thì”
      c. Chỉ hệ quả hay lý do
         (1) *Gar (*nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
         (2) *Dioti, hotiy*- “bởi vì”
         (3) *Epei, epeide, hos*- “vì”
         (4) *Dia (*với đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
      d. Hàm ý, ám chỉ
         (1) *Ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
         (2) *Dio (*liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
         (3) *Oun*- *“*vì vậy” “kết quả là”
         (4) *Toinoun*- “do vậy”
      e. Tương phản
         (1) *Alla (*dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
         (2) *De*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
         (3) *Kai*- “nhưng”
         (4) *Mentoi, oun*- “tuy nhiên”
         (5) *Plen*- “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
         (6) *Oun*- “tuy nhiên”
      f. So sánh
         (1) *Hos, kathos* (giới thiệu các vế câu so sánh)
         (2) *Kata (*trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
         (3) *Hosos (*trong thư Hê-bơ-rơ)
         (4) *E*- “hơn”
      g. Tiếp diễn
         (1) *De*- ‘và’ “bây giờ”
         (2) *Kai*- ‘và’

(3) *Tei*- 'và'
(4) *Hina, oun*- 'rằng'
(5) *Oun*- 'sau đó' (trong sách Giăng)

3. Các cách nhấn mạnh
   a. *Alla*- "chắc chắn," "vâng" "thật ra"
   b. *Ara*- "thực sự' "chắc vậy" "thật vậy"
   c. *Gar*- "nhưng thật ra" "chắc vậy" "thực sự"
   d. *De*- "thực sự"
   e. *Ean*- "ngay cả"
   f. *Kai*- "ngay cả," "thực sự," "thật ra'
   g. *Mentoi*- "thực sự"
   h. *Oun*- "thật sự"

VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

A. CÂU ĐIỀU KIỆN là câu chứa đựng một hay nhiều vế câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.

B. CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ "nếu." Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là 'vì" (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các BẬC MỘT đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).

C. CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI thường gọi là "đối ngược sự kiện." Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. "Nếu hắn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hắn không phải, hắn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào, và là người đã nắm lấy hắn, nhưng hắn không biết" (Lu-ca 7:39)
2. "Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các ngươi không có, ngươi sẽ tin Ta, là điều các ngươi không làm (Giăng 5:46).
3. "Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm" (Ga-la-ti 1:10).

D. CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong vế câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.

E. CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN là vế câu mở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN là vế câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

VIII. LỐI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

A. CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI với TIỀN TỐ 'ME' thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như "ngưng chất chứa của cải ngươi ở dưới

đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống…” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác…” (Rô-ma 6:13); “ngươi phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời…” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu…” (5:18).

B. LỐI BÀN THÁI QUÁ KHỨ với TIỀN TỐ ‘ME’ nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ…” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng…” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn…” (II Ti-mô-thê 1:8).

C. PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE) đi chung với LỐI BÀN THÁI mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ nếm sự chết’ (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ…” (I Cô-rinh-tô 8:13).

IX. MẠO TỪ

A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:
1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;
3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nối. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.

B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:
1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó

C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng LỐI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là lối tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lối nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là LỐI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine
1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:
   a. Điều trước giả muốn nhấn mạnh
   b. Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
   c. Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa
2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

a. Đối với động từ liên kết:
    (1) Động từ
    (2) Chủ từ
    (3) Bổ ngữ (complement)
b. Đối với ngoại động từ:
    (1) Động từ
    (2) Chủ từ
    (3) Bổ ngữ (object)
    (4) Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
    (5) Cụm giới từ (prepositional phrase)
c. Đối với các cụm danh từ:
    (1) Danh từ
    (2) Từ bổ nghĩa (modifier)
    (3) Cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:
    a. "tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công" (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ "tay hữu của sự thông công" được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
    b. "với Đấng Christ" (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
    c. "Từng hồi từng lúc trong nhiều cách" (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:
1. Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, "Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi…" (Ma-thi-ơ 28:20).
2. Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) ("không bị ràng buộc"). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
    a. Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
    b. Giăng 14:1 (chủ đề mới)
    c. Rô-ma 9:1 (phần mới)
    d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: "ngợi khen sự vinh hiển Ngài" (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
    a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kị như "ngủ" để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay "chân" để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
    b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như "nước Trời" (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc "tiếng từ trời" (Ma-thi-ơ 3:17).
    c. Các hình thái tu từ:
        (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
        (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
        (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
        (4) Mỉa mai (Ga-la-ti 5:12)
        (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
        (6) Chơi âm của các từ
            i. "Hội thánh"
                (a) "Hội thánh" (Ê-phê-sô 3:21)
                (b) "kêu gọi" (Ê-phê-sô 4:1, 4)
                (c) "được gọi" (Ê-phê-sô 4:1, 4)
            ii. "tự do"

(a) "Người nữ tự do" (Ga-la-ti 4:31)
(b) "Sự tự do" (Ga-la-ti 5:1)
(c) "tự do" (Ga-la-ti 5:1)

d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
   (1) Đây là cách nói bóng của từ "thức ăn" (Giăng 4:31-34)
   (2) Đây là cách nói bóng của từ "đền thờ" (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
   (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, 'ghen ghét' (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
   (4) "Tất cả" và "một số." So sánh Ê-sai 53:6 ("tất cả') với 53:11 và 12 ("một số"). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.

5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: "Đức Chúa Jêsus Christ"
6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
   a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là "giống."
   b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tỉnh nhấn mạnh- "chính anh ta," "cô ta," "chính nó."

E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lối nhấn mạnh qua các cách sau:
   1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy lạp đối chiếu.
   2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo"từng chữ" (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch "thoát theo lối tương đương" (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Sic Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
   3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).
   4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen
      a. *The American Standard Version* năm 1901
      b. *Young's Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình, và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sự dụng từ, và các đoạn văn đối xứng nhau.

PHỤ LỤC HAI

PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh
   A. Cựu ước
   B. Tân ước
II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của "hạ phê bình" cũng gọi là "phê bình văn bản"
III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh:
   A. Cựu ước
      1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masoretes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta, và Vulgate.
      2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào "Lá thư của Aristeas." Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
      3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là "Essenes." Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
      4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
         a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
            (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, "khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về <u>người</u>."
            (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, "như nhiều người đã kinh ngạc về <u>ngươi</u>"
            (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
               i. Bản LXX, "cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người"
               ii. Bản MT, "và người sẽ vảy rửa trên các nước"
         b. Bản Cuộc biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
            (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, "người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh…"
            (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, "và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này…"
         c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
            (1) Bản LXX và DSS, "sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn"
            (2) MT, "người sẽ thấy…sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn"
   B. Tân ước
      1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khảong 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).

2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép rất hối hả để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).
3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ א (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại tu viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN, và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng "văn bản Alexandrian."
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi "A" hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là "B" hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng "văn bản Alexandrian."
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là "C" hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là "D" hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là "Bản Tây phương." Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King James.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
   a. Bản Alexandria từ Ai cập
      (1) P^{75}, P^{66} (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
      (2) P^{46} (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
      (3) Bản P^{72} (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
      (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
      (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
      (6) Các văn bản khác có loại văn bản א, C, L, W, 33
   b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
   c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
   d. Loại thứ tư "Caesarean" từ Palestine
      (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
      (2) Các bằng chứng cho nó là bản P^{45} và W

II. Các vấn đề và lý thuyết của "hạ phê bình" hay "phê bình bản văn"
   A. Các dị bản xảy ra như thế nào
      1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
         a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
            (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
            (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
         b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
         c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
      2. Do chủ ý
         a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
         b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)

   c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
   d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
   e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)

B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện
   1. Bản văn vụng về, ngượng ngịu, rắt rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
   2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
   3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
   4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
   5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
   6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
   7. Có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
      a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to New Testament Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
      b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt…Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào…”

         Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jêsus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tử tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng…”

III. Các vấn đề về bản văn

A. Các sách đề nghị để đọc thêm
   1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy and Textual*, của R.H. Harrison
   2. *The Text of the New Testament: Its Transmission, Corruption, and Restoration,* của Bruce M. Metzger
   3. *Introduction to New Testament Textual Criticism* của J. H. Greenlee

PHỤ LỤC BA

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism) Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jêsus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jêsus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jêsus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jêsus làm "con" của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ Hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thế) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thể nào Chúa Jêsus, Đức Chúa Con, đấng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thế nào đó đã tôn vinh Chúa Jêsus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chỉ của Đức Chúa Cha.

Trường phái Alexandrian Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

Bản Alexandrinus Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngụy kinh, và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng, và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là "A," và bản văn "B," tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

Ngụ ngôn (Allegory) Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín dấu đằng sau mỗi bản văn của Kinh thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 13 và Phao-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuần ngụ ngôn.

Tự điển phân tích (Analytical lexicon) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

Tính tương đương của Kinh thánh (Analogy of Scripture) Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vầy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

Tính không rõ ràng (Ambiguity) Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giăng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

Hình nhân (Anthropomorphic) Nghĩa là "có đặc tính liên hệ đến con người," thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có nghĩa rằng chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội, và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng thế ký 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School) Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngụ ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh thánh. Nó giải thích Kinh thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tác giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

Phép đối chọi (Antithetical) Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

Văn chương khải thị (Apocalyptic literature) Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới, và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tưởng tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, khải tượng, sự hiện thấy, gặp gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

Người biện giải (Apologist, apologetics) Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp "sự biện hộ pháp lý." Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ đốc.

Tiên nghiệm (*A priori*) Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ "phỏng định trước." Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

Thuyết Arianism Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jêsus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicaea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

Aristotle Ông là một trong các triết gia Hy lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhấn mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

Bản viết tay (Autograph) Đây là chữ dàng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ và các ấn bản cổ khác.

Bản Bezae Đây là bản văn bằng tiếng Hy-lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản "D." Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản "Textus Receptus," bản văn Hy-lạp tiêu chuẩn truyền thống đằng sau bản King James.

Thành kiến Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

Thẩm quyền Kinh thánh Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thẩm quyền Kinh thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh thánh là sự hướng dẫn có thẩm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-ngữ pháp.

Qui điển Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric) Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jêsus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jêsus là Chúa trong toàn bộ Kinh thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự hoàn thành và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

Giải kinh Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác để ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đối chiếu các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

Thánh kinh phù dẫn (Concordance) Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đằng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy-lạp và Hê-bơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-rơ hay Hy-lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh thánh (xem Walter Clark *How to Use New Testament Grek Study Aids,* trang 54-55).

Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls) Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái

thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khích của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên. Chúng được viết tắt với chữ "DSS."

Suy diễn (Deductive) Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

Biện chứng (Dialectical) Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch lý được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh thánh là những cặp biện chứng như, Tiền định -Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiến trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ đốc nhân- trách nhiệm của Cơ đốc nhân.

Dân lưu đày (Diaspora) Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

Lối dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent) Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm 'dịch từng chữ', tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm "dịch ý" tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch "thoát tương đương" là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TEV*.

Chiết trung (Eclectic) Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

Đọc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis) Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh thánh (exegesis) là "dẫn ra" từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ 'eisegesis' hàm ý "đem vào" trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

Từ nguyên học (Etymology) Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

Giải nghĩa (Exegesis) Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là "dẫn ra" (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

Thể loại văn chương (Genre) Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khải thị và hành pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism) Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phôi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đấng đã dựng nên vũ trụ (kosmos); (3) Jêsus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jêsus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jêsus cộng với tri thức đặc biệt, là điều chỉ có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có tri thức (mã số) để bước vào chốn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một tri thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics) Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương có trong Kinh thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giả định và tiến trình giải thích tương tự nhau.

Thượng phê bình (Higher criticism) Đây là trình tự giải nghĩa Kinh thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh thánh.

Thành ngữ Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: "Cái đó hay dễ sợ" (that was awefully good), hay là "mày hại tao rồi" (you just kill me). Kinh thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

Sự soi sáng (Illumination) Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Quy nạp (Inductive) Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

Đối chiếu (Interlinear) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ 'từng chữ' ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh thánh. Công cụ này, cộng với một 'từ điển phân tích,' sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

Sự linh cảm (Inspiration) Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và

ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngôn ngữ mô tả (Language of description) Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đụng đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học, và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

Sự tôn sùng luật pháp (Legalism) Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phô diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

Theo nghĩa đen (literal) Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ốt. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

Thể loại văn chương Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

Đơn vị ngữ văn (literary unit) Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

Hạ phê bình Xin xem "Phê bình bản văn"

Bản văn (Manuscript) Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là 'MS' số ít và 'MSS' số nhiều.

Masoretic Text Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-rơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là "MT."

Phép hoán dụ (Metonymy) Đây là hình thức tu từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng đã đại diện một điều khác có liên hệ. Ví dụ, "nồi nước đang sôi" thì thật ra có nghĩa là "nước trong nồi đang sôi."

Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments) Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các Hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã 'trên thực tế' đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính họp lại vào thế kỷ thứ 4.

Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation) Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2;14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi-thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh thánh và cao nhất là qua Chúa Jêsus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào "trái đất cũ" giữa vòng các nhà khoa học Cơ đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

Nestorianism Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jêsus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu 'mẹ Đức Chúa Trời' dành cho Ma-ri. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

Tác giả nguyên thủy Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh thánh.

Giấy chỉ thảo papyrus Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên song. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

Các đoạn đối chiếu Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh thánh. Điều nó cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh thánh về chủ đề đó.

Diễn ý Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm 'dịch từng chữ', tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm "dịch ý" tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch "thoát tương đương" là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

Đoạn văn Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism) Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lẽ thật Kinh thánh và sự ứng dụng của nó.

Nghịch lý Nó chỉ những lẽ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lẽ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lẽ thật Kinh thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

Plato ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên Hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế

gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sao này đã đặt "dạng thức/ý tưởng" của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

Giả định trước Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

Lấy Kinh thánh chứng minh (Proof-texting) Đây là cách giải thích Kinh thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh thánh.

Do thái giáo theo các Rabi Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng, và học Kinh thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Jêsus "tôn giáo của các thầy dạy luật này" tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

Khải thị Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngữ nghĩa học Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Bản Bảy Mươi (LXX) Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mết-si-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Jêsus. Nó được viết tắt là "LXX."

Bản Sinaiticus Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại tu viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-nai. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là "*aleph*" (a). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

Thiêng liêng hóa (Spiritualizing) Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngụ ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

Đồng nghĩa Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lắp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ

một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai hai dòng thơ diễn tả cùng một lẽ thật (Thi-thiên 103:3).

Cú pháp Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

Thần học hệ thống Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lẽ thật Kinh thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý,. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, v.v…).

Bản Talmud Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition) . Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

Phê bình văn bản (Textual criticism) Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là "hạ phê bình."

Bản chuẩn Textus Receptus Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the New Testament* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, "bản Byzantinne thực ra là bản Textus Receptus." Bản Byzantinne là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria, và Byzantinne). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, "bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác." (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King James năm 1611.

Torah Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "dạy." Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng thế ký đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

Hình bóng học Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lẽ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

Bản Vaticanus Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngụy kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng thế ký, Thi-thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là "B."

Bản Vulgate Đây là tên của bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay "thông dụng' cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

Văn chương khôn ngoan Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó chuyển tải các lẽ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu văn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview) Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ "thế giới hình" chỉ "cách thức" của tạo hóa trong khi chữ "thế giới quan" chỉ "Chủ thể là ai." Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng thế ký 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

YHWH Đức Giê-hô-va Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ "thì, là" trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thế chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác "*Adonai*," nghĩa là "Chúa." Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

PHỤ LỤC BỐN

LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đấng tạo hóa và là đấng cứu rỗi. Ngài là đấng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thảy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là "một Jêsus khác." Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh.

Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đấng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rủa sã cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”